324.2597075
V115K
D.039143

NG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIỆN ĐẢNG TOÀN TẬP

60

2001

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

VĂN KIỆN ĐẢNG TOÀN TẬP XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, SỐ 208-QĐ/TW, NGÀY 1 THÁNG 11 NĂM 2013

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

LÊ HỒNG ANH	Chủ tịch Hội đồng
ĐINH THẾ HUYNH	Phó Chủ tịch Hội đồng
TRẦN QUỐC VƯỢNG	Phó Chủ tịch Hội đồng
TẠ NGỌC TẤN	Ủy viên
NGUYỄN HOÀNG VIỆT	"
BÙI VĂN NAM	"
MAI QUANG PHẤN	"
PHÙNG HỮU PHÚ	"
LÊ QUANG VĨNH	"
PHẠM VĂN LINH	"
NGUYỄN QUANG THUẤN	"
HOÀNG PHONG HÀ	"

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

TRẦN QUỐC VƯỢNG	Trưởng ban
HOÀNG PHONG HÀ	Thường trực
LÊ QUANG VĨNH	Ủy viên
HOÀNG QUỐC TUẤN	"
NGUYỄN MẠNH HÀ	"

NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 60

NGUYỄN ĐỨC TÀI (Chủ biên)
NGUYỄN QUỐC DŨNG
NGUYỄN VĂN QUANG
NGUYỄN THỊ HẢI

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIỆN ĐẢNG TOÀN TẬP

TẬP 60

2001

D.139/1H3/18
THƯ VIỆN
TỈNH LÀO CAI

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
Hà Nội - 2016

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 60

Năm 2001, năm đầu tiên của thế kỷ XXI, năm Đảng ta tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng. Đại hội có nhiệm vụ nhìn lại chặng đường 71 năm lãnh đạo cách mạng của Đảng, đi sâu tổng kết, đánh giá 15 năm đổi mới, 10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, từ đó phát triển và hoàn thiện đường lối, định ra chiến lược phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Đại hội đã thảo luận và thông qua các văn kiện quan trọng: Báo cáo chính trị; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010; Phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (bổ sung, sửa đổi).

Triển khai thực hiện các văn kiện Đại hội IX của Đảng, trong năm 2001, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã tổ chức Hội nghị Trung ương lần thứ hai, lần thứ ba, lần thứ tư. Nội dung các Hội nghị Trung ương tập trung vào những vấn đề cơ bản như tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2002; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005; tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, đẩy mạnh cuộc vận động, xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí.

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã kịp thời chỉ đạo về các lĩnh vực, nhiệm vụ quan trọng như sửa đổi, bổ sung

Hiến pháp năm 1992, hội nhập kinh tế quốc tế; Đề án hoạt động của các bộ, ngành trình Trung ương, tổ chức và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội; các dự án luật.

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 60 bao gồm những văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam trong năm 2001. Đó là các văn kiện, tài liệu Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (lần 1, lần 2), Hội nghị Trung ương lần thứ 12 khóa VIII; Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, các văn kiện Hội nghị Trung ương lần thứ hai, Hội nghị Trung ương lần thứ ba, Hội nghị Trung ương lần thứ tư khóa IX; các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định, quy chế, thông tri, thông báo, báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư; bài phát biểu của các đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, khóa IX; bài phát biểu của Thủ tướng Chính phủ tại Đại hội Đảng bộ Công an Trung ương lần thứ III; Tuyên bố chung Việt Nam và một số nước. Tập văn kiện này được bố cục thành hai phần gồm 89 tài liệu, trong đó phần văn kiện chính có 80 tài liệu, phần phụ lục có 9 tài liệu.

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 60 phản ánh sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng năm 2001, là năm Đảng ta tập trung sức lực và trí tuệ để tổ chức thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, đồng thời tiếp tục lãnh đạo và chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong việc sưu tầm, lựa chọn, biên tập tài liệu, song khó tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc để lần xuất bản sau cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 4 năm 2016

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 11 (LẦN 1) BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VIII*

Ngày 6 tháng 1 năm 2001

Thưa các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng,
Thưa Hội nghị,

Hội nghị Trung ương lần thứ 11 khai mạc vào những ngày đầu năm 2001, năm đầu tiên của thế kỷ và cũng là năm đầu tiên của thiên niên kỷ mới. Như vậy là nhân dân ta đã đi qua chặng đường 100 năm của thế kỷ XX, thế kỷ oanh liệt nhất, vĩ đại nhất của dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, gánh vác sứ mệnh lịch sử, xây dựng khối liên minh công - nông và trí thức làm nền tảng, đoàn kết rộng rãi toàn dân tộc thành lực lượng, tổng khởi nghĩa Tháng Tám thắng lợi, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời và cũng ngày hôm nay,

---

* Hội nghị lần thứ 11 (lần 1) Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII họp từ ngày 6 đến ngày 16-1-2001. Đầu đề do chúng tôi đặt *(B.T)*.

cách đây 55 năm, ngày mùng 6 tháng 1 năm 1946, nhân dân ta đã đi bỏ phiếu tiến hành thắng lợi cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên bầu đại biểu Quốc hội khóa I, mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Tiến hành thắng lợi các cuộc kháng chiến chống xâm lược và bảo vệ Tổ quốc, thống nhất đất nước, giữ yên bờ cõi, đưa cả nước tiến vào thời kỳ quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vượt qua những tình huống cực kỳ hiểm nghèo, chúng ta đã từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội mà sự nghiệp đổi mới từ 15 năm qua là bước phát triển quan trọng đạt những thành tựu to lớn.

Năm 2000, năm cuối cùng của thế kỷ, nhân dân ta đã phấn đấu kiên cường và bền bỉ, chống chọi với bão lũ, đương đầu với khủng hoảng, với những thách thức, thu được thắng lợi to lớn và toàn diện, điều mà cuối năm 1999 chúng ta đang phải tính toán và băn khoăn.

Thưa các đồng chí,

Cho đến nay, các đại hội đảng bộ cấp cơ sở và trên cấp cơ sở đã hoàn thành. Đảng bộ 41 tỉnh, thành phố đã đại hội xong, 6 đảng bộ khối trực thuộc Trung ương đã và đang đại hội. Các đảng bộ tổ chức xong đại hội cấp mình, đang tích cực triển khai chấp hành nghị quyết, còn 20 tỉnh, thành chưa đại hội, đang tiếp tục chuẩn bị, để sau Hội nghị Trung ương và Tết âm lịch có thể tiến hành ngay. Cùng với Đại hội Đảng các cấp, cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã thu được kết quả bước đầu. Năm 2000 là cuộc phát động chính trị rộng lớn, sự hoạt động toàn diện trên các mặt trận kinh tế, văn hóa - xã hội, lý luận - tư tưởng, khoa học - công nghệ, giáo dục và đào tạo, đối ngoại và an ninh - quốc phòng. Niềm tự tin

và tự hào dân tộc, ý chí tiến công và sức sáng tạo, tình đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau được củng cố và phát triển, con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội được bổ sung nhiều kinh nghiệm thực tiễn và càng sáng tỏ hơn. Những thắng lợi rực rỡ của thế kỷ XX và năm 2000 đã đặt nền móng vững chắc cho những thắng lợi mới, cao hơn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Những thắng lợi và kinh nghiệm ấy càng củng cố niềm tin ở thắng lợi của Đại hội lần thứ IX, Đại hội đầu tiên của Đảng ta bước vào thế kỷ mới.

Thưa các đồng chí,

Đại hội Đảng các cấp đã có hàng vạn ý kiến góp vào dự thảo các văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội IX. Các cơ quan chức năng đã nghiêm túc tổng hợp. Công việc tổng hợp trí tuệ của hàng triệu đảng viên, của các tầng lớp nhân dân thật không dễ dàng. Tổ biên tập của Tiểu ban văn kiện đã tiếp thu, giải trình, báo cáo với Bộ Chính trị các đề nghị bổ sung. Bộ Chính trị đã nghe và thảo luận các vấn đề và đã sửa chữa lại dự thảo các văn kiện một lần nữa và xin trình với Trung ương tại Hội nghị này.

Đảng viên trong cả nước và các vị trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc đã nhận xét rằng dự thảo các văn kiện đã có sự cố gắng chuẩn bị và hoan nghênh sự lắng nghe, tiếp thu ý kiến của Đảng. Đồng thời cũng thấy rằng: so với tầm vóc, ý nghĩa của Đại hội IX, Đại hội đầu tiên của thế kỷ mới, so với những vấn đề mới của bối cảnh quốc tế, sự đòi hỏi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và công cuộc bảo vệ Tổ quốc trong hoàn cảnh vừa có những thuận lợi nhưng cũng

đầy phức tạp, dự thảo các văn kiện cần phải công phu và cố gắng tổng kết từ thực tiễn hơn nữa.

Vì vậy, nhiệm vụ thứ nhất của Hội nghị Trung ương lần thứ 11 là tiếp tục thảo luận dự thảo các văn kiện. Sau Hội nghị lần này, sẽ tiếp tục bổ sung, sửa chữa. Đến khi hoàn thành Đại hội Đảng các cấp và qua đóng góp của nhân dân, sẽ trình Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương thông qua các dự thảo trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và cho ý kiến một bước về vấn đề nhân sự.

Với các nội dung ấy, Hội nghị Trung ương lần này có ý nghĩa rất quan trọng, đảm bảo sự thành công của Đại hội Đảng lần thứ IX mà toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đang mong đợi, với niềm tin bền vững đối với Đảng và dân tộc, đang thi đua sôi nổi quyết tâm giành thắng lợi to lớn và toàn diện năm 2001. Đề nghị các đồng chí Trung ương phát huy cao tinh thần trách nhiệm, tinh thần dân chủ, trí tuệ, tổng hợp những ý kiến của Đại hội Đảng các cấp để tham gia thảo luận đạt được kết quả tốt nhất.

Năm mới, xin chúc các đồng chí Cố vấn, các đồng chí Ủy viên Trung ương và tất cả các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BẢN TRÌNH BÀY
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 211/TLHN, ngày 15 tháng 1 năm 2001

Về ý kiến thảo luận của Trung ương đối với dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội IX

Trong các ngày 6, 7 và 8-1-2001, Hội nghị Trung ương 11 (khóa VIII) đã nghe và thảo luận các tờ trình của Bộ Chính trị về việc tiếp thu các ý kiến đóng góp vào 3 dự thảo văn kiện trình Đại hội IX: Báo cáo chính trị; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và Báo cáo bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Đã có 194 ý kiến phát biểu ở các tổ và 11 ý kiến thảo luận tại Hội trường.

Riêng về dự thảo Báo cáo chính trị: Hầu hết các ý kiến tán thành với tờ trình của Bộ Chính trị, bám sát 6 nội dung Bộ Chính trị đề nghị Trung ương tập trung thảo luận. Nhiều ý kiến đồng tình với bản dự thảo Báo cáo chính trị đã tu chỉnh lại. Có một số ý kiến đề nghị sửa lại một số câu chữ và cách diễn đạt ở một số đoạn để dự thảo Báo cáo chính trị có tính thuyết phục và hấp dẫn hơn. Về những ý kiến này, Bộ Chính trị xin tiếp thu để chỉ đạo sửa chữa văn bản.

Có ý kiến băn khoăn là gần sát Đại hội Đảng rồi, nhưng dự thảo vẫn còn nhiều ý kiến chưa thống nhất.

Bộ Chính trị nhận thấy:

Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội IX của Đảng còn đang trong quá trình thảo luận. Nhưng cho đến nay tuyệt đại đa số ý kiến trong Ban Chấp hành Trung ương cũng như trong Đại hội Đảng bộ các cấp, trong các đồng chí lão thành cách mạng, các cơ quan và các nhà khoa học, các vị Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã nhất trí với đường lối, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp lớn đề ra trong dự thảo; cho rằng dự thảo đã kế thừa và phát triển nhiều luận điểm về đường lối đổi mới, về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta; tán thành về cơ bản các nhận định, đánh giá tình hình nêu trong dự thảo, cả về thuận lợi và khó khăn, ưu điểm và khuyết điểm, thành tựu và hạn chế, nguyên nhân khách quan và chủ quan và những bài học kinh nghiệm.

Các Hội nghị Trung ương 9 và 10 (khóa VIII) đã biểu quyết nhất trí thông qua nhiều vấn đề hết sức quan trọng. Hội nghị Trung ương 9 nhất trí về tiêu đề, bố cục của dự thảo, về sự đánh giá khái quát 5 năm qua cùng những nguyên nhân; về mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội; về quan hệ sản xuất; về vai trò, vị trí của công nhân, nông dân, trí thức trong khối đại đoàn kết toàn dân; về mục tiêu của chiến lược phát triển 10 năm tới; về chọn phương án tăng trưởng bình quân của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005. Hội nghị Trung ương 10 đã biểu quyết nhất trí thông qua các vấn đề về dự báo bối cảnh quốc tế; về toàn cầu hóa; về đánh giá thách thức lớn nhất hiện nay đối với nước ta; về các thành phần kinh tế.

Như vậy, có thể nói đến thời điểm này, Ban Chấp hành Trung ương và hầu như toàn Đảng đã nhất trí về cơ bản đối với những nội dung quan trọng nhất của dự thảo Báo cáo chính trị, những vấn đề mà ý kiến còn khác nhau không nhiều; từ nay đến Đại hội và trong Đại hội còn tiếp tục thảo luận.

Bộ Chính trị xin *trình bày rõ thêm một số vấn đề sau đây:*

1. Về triển vọng phát triển trong thế kỷ XXI

a) Có ý kiến đề nghị không nên nhận định "trong khoảng 10 - 15 năm tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới thứ ba..." mà chỉ cần nói "xu thế hòa bình, hòa hoãn đang tăng lên" là đủ. Có ý kiến cho rằng: "hòa bình, hợp tác và phát triển" không phải là *một* xu thế mà là *ba* xu thế khác nhau, do đó thay chữ *một* bằng chữ *những*.

Đề nghị:

Đây là một nhận định rất quan trọng đã được Trung ương thảo luận và biểu quyết ở Hội nghị Trung ương 10 (94,9% tán thành); việc đưa ra nhận định như vậy là cần thiết để chúng ta có căn cứ cân nhắc và hoạch định chiến lược phát triển trong thời gian tới. Vì vậy, đề nghị cho giữ nhận định như trong dự thảo nhưng có điều chỉnh về cách diễn đạt là: "Trong khoảng một vài thập kỷ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới thứ ba...". Về "hòa bình, hợp tác, phát triển" có thể nói gọn "vẫn là xu thế lớn,..." mà không cần phải nói *một* hay *những*.

b) Về các nguy cơ, vẫn có hai loại ý kiến. Một loại nhấn mạnh nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, coi đây là nguy cơ lớn nhất; loại khác nhấn mạnh nguy cơ về tệ tham nhũng, quan liêu và sự suy thoái, coi đây là nguy cơ lớn nhất.

Đề nghị:

Tiếp tục khẳng định bốn nguy cơ mà Đảng ta từng cảnh báo cho đến nay vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp, đan xen, tác động lẫn nhau, không thể xem nhẹ nguy cơ nào; trong đó cần nhấn mạnh hai nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế và tệ tham nhũng, quan liêu và sự suy thoái (không nói nguy cơ nào là lớn nhất).

2. Về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta

Nói chung các đồng chí Trung ương đồng ý với tờ trình của Bộ Chính trị về tiếp thu ý kiến đóng góp vào nội dung phần này của dự thảo Báo cáo chính trị. Có mấy điểm sau đây xin trình bày thêm:

a) Có ý kiến đề nghị viết kỹ hơn về *con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta,* bao quát đủ các mặt, các nội dung về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội,..., sao cho toát lên được rằng con đường chúng ta đi là hợp lý nhất, đúng hướng nhất.

Đề nghị:

Nội dung cơ bản về xây dựng chủ nghĩa xã hội, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã được nêu rõ trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (được thông qua tại Đại hội VII của Đảng). Cương lĩnh đã xác định 6 đặc trưng chủ yếu của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng và 7 phương hướng cơ bản trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện thực chất, nội dung của chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội IX của Đảng được xây dựng trên cơ sở Cương lĩnh 1991, khẳng định toàn

Đảng, toàn dân ta tiếp tục thực hiện Cương lĩnh để đưa cách mạng nước ta đến thắng lợi. Do đó, không cần trình bày lại toàn bộ nội dung Cương lĩnh, không viết lại 6 đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và 7 phương hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội, mà *chỉ lý giải, làm rõ thêm một số vấn đề lớn* đang có nhận thức khác nhau nhằm tạo ra sự thống nhất cao hơn trong Đảng và trong nhân dân về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Vì thế, trong dự thảo Báo cáo chính trị đã trình ra Hội nghị Trung ương 10 phần này có tiêu đề là "Mấy vấn đề về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội"; tiếp thu ý kiến của nhiều đồng chí đề nghị bỏ cụm từ "mấy vấn đề", đã đổi tiêu đề phần này là "Về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội".

Về vấn đề đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, trong dự thảo Báo cáo chính trị (bản đề ngày 30-12-2000) đã đề cập. Tiếp thu ý kiến của Trung ương, sẽ bổ sung một số ý cho rõ hơn vấn đề này như sau:

"Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ (hình thái kinh tế - xã hội) tư bản chủ nghĩa, bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu của tiến bộ kinh tế, xã hội mà nhân loại đã đạt được dưới chủ nghĩa tư bản, đặc biệt là những thành tựu về kinh tế và khoa học công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại. Đó chính là thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa".

b) *Về vấn đề đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ ở nước ta*

Có ý kiến đề nghị viết gọn lại, chỉ nhấn mạnh nội dung

chủ yếu của đấu tranh giai cấp là đấu tranh cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Có ý kiến đề nghị bỏ đoạn nói về nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp, cá biệt có ý kiến không nên đề cập vấn đề đấu tranh giai cấp. Lại có ý kiến đề nghị xác định rõ hiện nay có bao nhiêu giai cấp, giải thích rõ về mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân. Có ý kiến đề nghị nói rõ nội dung đấu tranh giai cấp hiện nay bao gồm cả đấu tranh chống tiêu cực trong nội bộ, chống các quan điểm, tư tưởng sai trái, phản văn hóa, v.v..

Đề nghị:

Như Bộ Chính trị đã trình với Trung ương, đấu tranh giai cấp là một trong những vấn đề cơ bản trong đường lối chính trị của Đảng thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Có nhận thức đúng vấn đề đấu tranh giai cấp thì mới nhận thức đúng và có các chủ trương, chính sách đúng để giải quyết các vấn đề về quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, về đại đoàn kết, phát huy sức mạnh toàn dân tộc. Tuy nhiên, nội dung đấu tranh giai cấp rất rộng lớn, diễn ra trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa,... dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Do tính chất và khuôn khổ của Báo cáo chính trị, ở đây không đi sâu trình bày đầy đủ nội dung toàn diện của vấn đề đấu tranh giai cấp mà chủ yếu nói rõ quan điểm cơ bản của Đảng ta về đấu tranh giai cấp ở nước ta trong tình hình hiện nay nhằm định hướng cho sự nhận thức đúng đắn trong toàn Đảng. Vì vậy, xin Trung ương cho giữ nội dung cơ bản vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp như trong dự thảo Báo cáo chính trị (bản đề ngày 30-12-2000) và có bổ sung, sửa thêm với các ý chính như sau:

Trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, còn có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau cho nên còn tồn tại mâu thuẫn giai cấp và đấu tranh giai cấp.

Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là: thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, chậm phát triển, coi đó là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái để giữ gìn trật tự, kỷ cương xã hội; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

c) Có ý kiến đề nghị *bớt đoạn nói về kinh tế* trong phần này, chuyển các ý về kinh tế xuống phần chiến lược kinh tế.

Đề nghị:

Cho giữ như đã trình bày trong dự thảo Báo cáo chính trị. Bởi vì đoạn viết ở cuối trang 13 và trang 14 của dự thảo Báo cáo chính trị (bản đề ngày 30-12-2000) nói rõ thêm về chế độ công hữu, về xây dựng quan hệ sản xuất mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, về bản chất của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là những vấn đề cơ bản của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, nhưng cũng là những vấn đề mới, rất phức tạp cần được khẳng định. (Vừa qua Hội đồng Lý luận Trung ương đã có nhiều cố gắng nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, rút ra được những kết luận để đưa vào dự thảo Báo cáo chính trị).

d) Có ý kiến phân vân về việc thay từ "dần dần" bằng từ "ngày càng" trong câu "kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân". Có ý kiến đề nghị thay từ "dần dần" bằng từ "phải là" trong câu trên.

Đề nghị:

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ghi "kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể *ngày càng* trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân" (Cương lĩnh, trang 10). Trong Nghị quyết Đại hội VIII, về vấn đề này, xác định hai mức độ khác nhau. Ở đoạn nói về mục tiêu từ 1996 đến 2020 phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp, ghi: "kinh tế nhà nước thực hiện tốt vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế hợp tác xã *trở thành nền tảng* trong nền kinh tế", không có từ "*dần dần*" (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, trang 81); nhưng ở đoạn nói về chính sách đối với các thành phần kinh tế thì viết "kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác xã *dần dần trở thành nền tảng*" (Văn kiện Đại hội VIII, trang 92).

Như đã báo cáo với Trung ương, nói "kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể *ngày càng* trở thành nền tảng *vững chắc* của nền kinh tế quốc dân" thể hiện được rõ tư tưởng là ngay bây giờ kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể đã giữ vị trí nền tảng, tuy nền tảng ấy còn chưa đủ mạnh, cần được tăng cường để ngày càng vững chắc. Còn nói kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể *dần dần trở thành* nền tảng thì có thể hiểu rằng hiện nay kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể chưa phải là nền tảng của nền kinh tế quốc dân, chưa

biết đến bao giờ mới trở thành nền tảng. Nếu nói "*phải là nền tảng*" thì có nghĩa là sự mong muốn, yêu cầu phải trở thành nền tảng. Ở đây, Đảng cần khẳng định vị trí, vai trò thực tế, khách quan của kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể trong nền kinh tế quốc dân hiện nay và trong tương lai. Vì vậy, đề nghị Trung ương cho giữ câu: "Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể *ngày càng* trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân".

3. Về đường lối kinh tế, chiến lược phát triển

a) Về chủ trương "xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng quan trọng"

Hầu hết các ý kiến tán thành nội dung giải thích trong Tờ trình của Bộ Chính trị. Một số ý kiến đề nghị không dùng cụm từ "công nghiệp nặng", nên thay bằng cụm từ "các ngành công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất". Cũng có ý kiến không đồng tình cách giải thích công nghiệp nặng là công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất. Có ý kiến cho rằng thời gian qua ta nặng về "ăn xổi", ngại phát triển công nghiệp nặng. Cũng có ý kiến cần cân nhắc kỹ chủ trương phát triển công nghiệp nặng, vì lĩnh vực này thu hút một lượng vốn đầu tư rất lớn, do vậy phải tìm bước đi thích hợp, lựa chọn lĩnh vực đầu tư có hiệu quả cao nhất (ví dụ phần mềm, điện tử, cơ khí...). Có ý kiến chỉ nên đặt vấn đề "phát huy hiệu quả vững chắc", không nên đòi hỏi "phát huy hiệu quả nhanh".

Đề nghị:

Giữ nội dung đã nêu trong Tờ trình: "Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng then chốt". Ta vẫn dùng khái niệm "công nghiệp nặng" để chỉ các ngành công nghiệp

sản xuất tư liệu sản xuất. Coi trọng việc xây dựng có chọn lọc những công trình công nghiệp then chốt, công nghiệp công nghệ cao sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng. Bởi vì, đã nói xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ thì không thể không xây dựng công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất. Tuy nhiên, cách thể hiện ý này cần rõ ràng để không hiểu là ta xây dựng công nghiệp nặng theo kiểu cũ, tràn lan, khép kín. Ta phải tiến hành công nghiệp hóa gắn liền với hiện đại hóa; và xây dựng *có chọn lọc* một số cơ sở công nghiệp nặng *then chốt*.

b) Về kinh tế tri thức

Hầu hết các ý kiến đồng ý không dùng khái niệm "nền kinh tế tri thức". Có ý kiến đề nghị vẫn dùng khái niệm "nền kinh tế tri thức". Nhiều ý kiến đề nghị cần làm rõ thế nào là kinh tế tri thức; không nên diễn đạt để hiểu đây là lĩnh vực quá mới mẻ, là vấn đề "siêu phàm", nên "đề cập có mức độ". Có ý kiến đề nghị bổ sung vào dự thảo thêm ý "nhanh chóng áp dụng tri thức sẵn có và xây dựng, phát triển kinh tế tri thức".

Đề nghị:

Giữ như trong dự thảo. Kinh tế tri thức là kinh tế phát triển chủ yếu dựa vào tri thức khoa học và công nghệ hiện đại, các sản phẩm làm ra chứa đựng hàm lượng tri thức cao. Kinh tế tri thức là một thực tế khách quan, một trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất, của kinh tế thế giới, không phải là một hình thái kinh tế - xã hội. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta nhất thiết phải tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu công nghệ hiện đại và tri thức mới.

4. Về các thành phần kinh tế

Có một số ý kiến như sau:

- Sắp xếp các thành phần kinh tế theo phương án như thế nào cũng được, song phải đặt mục đích hàng đầu là vì sự phát triển của xã hội, vì lợi ích của nhân dân lao động.

- Không nên thay "kinh tế hợp tác" bằng "kinh tế tập thể", vì tâm lý chung còn e ngại trở lại kinh tế tập thể như trước đây.

- Nên dùng khái niệm "kinh tế hộ" thay cho "kinh tế cá thể".

- Không coi kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một thành phần kinh tế riêng, vì nó thuộc phạm trù thành phần kinh tế tư bản nhà nước.

Đề nghị:

- Giữ cách phân định thành phần kinh tế như trong Dự thảo Báo cáo chính trị, tức là phân định chủ yếu căn cứ vào tính chất sở hữu, bao gồm các thành phần kinh tế đã được Cương lĩnh và Nghị quyết Đại hội VIII xác định. Đồng thời bổ sung một thành phần kinh tế nữa là kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài vì kinh tế này có thể là của tư nhân hoặc của nhà nước tư bản chủ nghĩa, hoặc của nhà nước xã hội chủ nghĩa, có những nét đặc thù riêng, có vị trí quan trọng trong cơ cấu nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. (Tại Hội nghị Trung ương 10, có 123 đồng chí = 78,3% tán thành).

- Trở lại gọi là thành phần "kinh tế tập thể" (như trong Cương lĩnh) để phản ánh đúng thực chất của bộ phận kinh tế này.

- Không thay "kinh tế cá thể" bằng "kinh tế hộ", vì kinh tế hộ là loại hình tổ chức sản xuất, có kinh tế hộ trong hợp tác xã, ngoài hợp tác xã, trong nông trường, lâm trường.

5. Về quốc phòng an ninh

Có ý kiến hỏi viết phần này là ý của Bộ Chính trị hay của Tiểu ban văn kiện, trách nhiệm tham mưu của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về vấn đề này thế nào?

Bộ Chính trị xin báo cáo với Trung ương: Đảng ủy Quân sự Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương đã có kiến nghị chính thức bằng công văn về nội dung phần này trong dự thảo Báo cáo chính trị. Tiểu Ban và Bộ Chính trị đã chấp nhận những nội dung đó để đưa vào dự thảo. Cũng cần nói thêm rằng, trong nghị quyết các Đại hội từ trước đến nay, phần quốc phòng - an ninh đều viết rất ngắn gọn, bảo đảm tính định hướng chính trị và bảo đảm an ninh quốc gia.

6. Về hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

a) Có ý kiến không đồng ý viết: "Sắp xếp làm tinh giản bộ máy của Quốc hội, Chính phủ...", mà nên viết "nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ" hoặc "sắp xếp tinh gọn bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương".

Đề nghị:

Tiếp thu ý kiến trên, sẽ viết tổng quát lại như sau: "Sắp xếp, làm tinh gọn bộ máy các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương, tăng cường cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ có trình độ cao, có phẩm chất chính trị tốt".

b) Có ý kiến đề nghị xem lại vấn đề "*sắp xếp lại hệ thống tòa án theo cấp xét xử*", vì làm như vậy là bỏ qua ý kiến của địa phương, sự lãnh đạo của cấp ủy đảng; mặt khác, các cơ quan chức năng cũng chưa được trao đổi kỹ. Đề nghị viết mềm hơn: "sắp xếp hệ thống tòa án hợp lý, bảo đảm các cấp tòa án làm tốt chức năng của mình".

Đề nghị:

Tiếp thu ý kiến trên để cân nhắc viết cho chặt chẽ và có tính khả thi hơn.

c) Có ý kiến đề nghị chưa nên khẳng định Viện Kiểm sát nhân dân không thực hiện chức năng kiểm sát chung, nên diễn đạt mềm hơn.

Đề nghị:

Tiếp thu ý kiến trên để viết lại.

7. Về xây dựng Đảng

a) Có ý kiến không tán thành viết: "một bộ phận *không nhỏ* cán bộ, đảng viên suy thoái".

Đề nghị:

Giữ như Dự thảo vì đây là tình hình thực tế và rất nhiều đảng bộ góp ý kiến nên khẳng định như thế.

b) Có ý kiến nêu vừa qua chúng ta phát triển đảng viên thì nhiều nhưng chỉ có 5% là công nhân được kết nạp.

Xin báo cáo lại con số chính thức về đảng viên mới được kết nạp là công nhân trong các năm vừa qua như sau:

- Năm 1997: 10,2%.
- Năm 1998: 10,6%.
- Năm 1999: 10,92%.
- Sau tháng đầu năm 2000: 10,97%.

D.039143118
THƯ VIỆN
TỈNH LÀO CAI

Tỷ lệ công nhân mới được kết nạp vào Đảng như vậy là phù hợp với số lượng công nhân trong tổng số lao động ở nước ta hiện nay.

c) *Về nguyên nhân các yếu kém, khuyết điểm:*

- Có ý kiến nêu thêm các nguyên nhân: nói không đi đôi với làm, dân chủ không được tôn trọng, tổ chức đảng giảm

sức chiến đấu; Bộ Chính trị hữu khuynh về công tác cán bộ, do công tác kiểm tra của Đảng có thiếu sót.

Đề nghị:

Trong Dự thảo đã nêu những nội dung tương tự. Xin cho giữ và sắp xếp hợp lý hơn.

d) Một số ý kiến đề nghị nhấn mạnh một cách tập trung biện pháp đổi mới công tác cán bộ để xây dựng Đảng tốt hơn.

Đề nghị:

Khẳng định thời gian tới, Đảng ta phải tiếp tục tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng với tinh thần nghiêm túc, tạo chuyển biến tích cực hơn trên ba vấn đề lớn:

- Giáo dục, rèn luyện, làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên.
- Tăng cường công tác cán bộ.
- Phát huy dân chủ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ 11 (LẦN 1)
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII

Số 16-NQ/TW, ngày 16 tháng 1 năm 2001

Về việc giao cho Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa các văn kiện chuẩn bị trình Đại hội IX và chuẩn bị Tờ trình về phương hướng nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*

Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) họp từ ngày 6-1 đến ngày 16-1-2001, tại Hà Nội, sau khi thảo luận Tờ trình của Bộ Chính trị về việc tiếp thu ý kiến góp ý vào các văn kiện chuẩn bị trình Đại hội IX và một bước về nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa IX,

QUYẾT NGHỊ:

1. Giao Bộ Chính trị căn cứ vào Bản trình bày ý kiến của Bộ Chính trị, ý kiến của các đồng chí Ủy viên Trung ương tại Hội nghị, kết quả biểu quyết của Ban Chấp hành Trung ương để:

---

* Đầu đề do chúng tôi đặt (*B.T*).

a) Chỉnh lý dự thảo Báo cáo chính trị, công bố lấy ý kiến nhân dân; tiếp thu đầy đủ ý kiến của các đảng bộ trực thuộc Trung ương và ý kiến nhân dân để hoàn chỉnh dự thảo Báo cáo chính trị trình Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương thông qua lần cuối trước khi trình Đại hội IX.

b) Chỉnh lý, hoàn chỉnh các dự thảo sau đây để trình Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương thông qua lần cuối trước khi trình Đại hội IX:

- Báo cáo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm (2001 - 2005).
- Báo cáo bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.
- Báo cáo kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).
- Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII).

2. Giao Bộ Chính trị căn cứ vào ý kiến của các đồng chí Ủy viên Trung ương thảo luận bước đầu về nhân sự Ban Chấp hành Trung ương để hoàn chỉnh Tờ trình và Phương án nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa IX trình Hội nghị lần sau của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 11 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VIII*

Ngày 16 tháng 1 năm 2001

Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa các đồng chí Trung ương,

Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII họp vào lúc mở đầu năm mới 2001 và thế kỷ mới, sau 12 ngày làm việc khẩn trương, tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, Hội nghị đã hoàn thành những nhiệm vụ đề ra.

Trung ương đã nghe, thảo luận và đi đến nhất trí với các Tờ trình của Bộ Chính trị về việc tiếp thu các ý kiến đóng góp vao cac dự thảo văn kiện trình Đại hội IX: Báo cáo chính trị; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 và Phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, Báo cáo bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng; Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Thường vụ

---

* Đầu đề do chúng tôi đặt (*B.T*).

Bộ Chính trị trong nhiệm kỳ Đại hội VIII; Báo cáo kiểm điểm Trung ương 6 (lần 2). Tại Hội nghị này, Trung ương cũng đã thảo luận một bước và cho ý kiến tiếp tục chuẩn bị nhân sự để phiên họp sau hoàn thiện nhân sự trước khi trình Đại hội IX.

Đánh giá chung của Hội nghị Trung ương là, cho đến nay, tuyệt đại đa số ý kiến trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng cũng như trong đại hội đảng bộ các cấp, trong các đồng chí lão thành cách mạng, các cơ quan và các nhà khoa học, ý kiến của các vị Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã nhất trí với đường lối, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và những giải pháp lớn đề ra trong Dự thảo Báo cáo chính trị; cho rằng dự thảo đã kế thừa và phát triển nhiều luận điểm về đường lối đổi mới, về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta; tán thành về cơ bản các nhận định, đánh giá tình hình nêu trong dự thảo cả về thuận lợi và khó khăn, ưu điểm và khuyết điểm, thành tựu và hạn chế, nguyên nhân khách quan và chủ quan và những bài học kinh nghiệm.

Một số vấn đề trong các dự thảo văn kiện mà Bộ Chính trị trình bày đã được các đồng chí Trung ương tập trung thảo luận và đi đến sự nhất trí cao.

Về triển vọng phát triển trong thế kỷ XXI, cùng với việc khẳng định những luận điểm cơ bản trong bản dự thảo Báo cáo chính trị, Trung ương đã thống nhất nhận định rằng: Trong khoảng một vài thập kỷ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới thứ ba... Hòa bình, hợp tác, phát triển là xu thế lớn, phản ánh đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, dân tộc. Nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp

lật đổ, khủng bố, khủng hoảng kinh tế - xã hội còn xảy ra ở nhiều nơi và tính chất phức tạp ngày càng tăng. Cuộc đấu tranh của các dân tộc cho hòa bình và phát triển, chống chiến tranh và chạy đua vũ trang, chống chính sách cường quyền áp đặt vì độc lập dân tộc, dân chủ, dân sinh, tiến bộ và công bằng xã hội sẽ có những tiến bộ mới.

Những nét mới ấy trong tình hình quốc tế và khu vực, với những xu thế phát triển của nó, tác động mạnh mẽ đến tình hình nước ta. Trước mắt chúng ta có cả cơ hội lớn và thách thức lớn.

Về các nguy cơ, chúng ta tiếp tục khẳng định rằng, bốn nguy cơ mà Đảng ta từng cảnh báo cho đến nay vẫn tồn tại và phát triển phức tạp, đan xen, tác động lẫn nhau, không thể xem nhẹ nguy cơ nào; trong đó cần nhấn mạnh hai nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế và tệ tham nhũng, quan liêu, sự suy thoái về phẩm chất đạo đức của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên.

Về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, chúng ta khẳng định tính chất đúng đắn của Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội VII của Đảng, rằng Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ (hình thái kinh tế - xã hội) tư bản chủ nghĩa, bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu của tiến bộ kinh tế, xã hội mà nhân loại đã đạt được dưới chủ nghĩa

tư bản, đặc biệt là những thành tựu về kinh tế và khoa học công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại. Đó chính là thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa...

Hội nghị cho rằng, trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội còn có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, cho nên còn tồn tại mâu thuẫn giai cấp và đấu tranh giai cấp, nhưng cơ cấu, tính chất, vị trí của các giai cấp trong xã hội ta đã thay đổi nhiều cùng với những biến đổi to lớn về kinh tế, xã hội.

Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, chậm phát triển, coi đó là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái, giữ gìn trật tự, kỷ cương xã hội; đấu tranh làm thất bại âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

Về kinh tế, Hội nghị khẳng định: Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nói gọn là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta có nhiều hình thức sở hữu, nhiều

thành phần kinh tế, nhưng kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Về đường lối kinh tế và chiến lược phát triển, Hội nghị cho rằng con đường công nghiệp hóa của nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian so với các nước đi trước, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt. Đối với công nghiệp nặng, chúng ta nhất quán với chủ trương "xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng quan trọng", tức là coi trọng việc xây dựng có chọn lọc những công trình công nghiệp then chốt, công nghiệp công nghệ cao, sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng, bởi vì, đã nói xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ thì không thể không xây dựng công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất. Tuy nhiên, điều cần khẳng định là chúng ta không xây dựng công nghiệp nặng theo kiểu cũ, tràn lan, khép kín mà tiến hành công nghiệp công nghiệp hóa gắn liền với hiện đại hóa, xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng then chốt.

Hội nghị nhất trí rằng *kinh tế tri thức* là kinh tế phát triển chủ yếu dựa vào tri thức khoa học và công nghệ hiện đại, một trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất và kinh tế thế giới, nhưng không phải là một hình thái kinh tế - xã hội. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta nhất thiết phải tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu công nghệ hiện đại và tri thức mới.

Về vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Từ Đại hội VIII đến nay, cùng với việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, Đảng ta đã có nhiều cố gắng lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ then chốt là xây dựng Đảng. Nhưng rõ ràng là chúng ta đang còn không ít khuyết điểm trong việc thực hiện nhiệm vụ này. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình trong Đảng tiến hành gần 2 năm nay, tuy đã thu được một số kết quả quan trọng và kinh nghiệm bước đầu, nhưng nhìn chung vẫn chưa đạt được yêu cầu đề ra. Tệ quan liêu, tham nhũng và sự suy thoái về phẩm chất đạo đức trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên vẫn còn rất nghiêm trọng.

Hội nghị Trung ương lần này tiếp tục khẳng định: Trong những năm tới, toàn Đảng phải tập trung thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Đảng về công tác xây dựng Đảng được đề ra từ Đại hội VIII đến nay, nhất là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải tổng kết sâu sắc 2 năm thực hiện cuộc vận động này để làm cho Đảng thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thực sự là Đảng của Bác Hồ, Đảng của giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích của tầng lớp nhân dân lao động trí óc và chân tay và lợi ích của cả dân tộc.

Đảng ta nhất định phải phấn đấu xứng đáng là người lãnh đạo và là người đày tớ thật trung thành của nhân dân, như lời Bác Hồ dạy. Cũng với tinh thần ấy, Hội nghị Trung ương lần này đã dành nhiều thời gian để bàn việc hoàn chỉnh dự thảo Chiến lược kinh tế - xã hội 2001 - 2010, Phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, nhất trí với nhiều kiến nghị sẽ trình Đại hội về những điểm sửa đổi có liên quan đến nguyên tắc tổ chức

và cơ cấu tổ chức của Đảng, về cơ quan lãnh đạo của Đảng ở cấp trung ương và các cấp địa phương, về công tác kiểm tra và ủy ban kiểm tra các cấp...

Với kết quả Hội nghị lần này, trên cơ sở xem xét những ý kiến đóng góp của Đại hội các cấp trong toàn Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đã nhất trí cao với những nội dung quan trọng nhất của dự thảo Báo cáo chính trị và dự thảo các văn kiện khác sẽ trình Đại hội IX, đặc biệt là dự thảo Báo cáo chính trị sẽ đưa ra lấy ý kiến toàn dân. Các văn kiện cũng còn là dự thảo, các đảng bộ cấp tỉnh sắp sửa đại hội, các đồng chí lão thành cách mạng, các tầng lớp nhân dân đã tham gia ý kiến rồi, nếu thấy cần phải tham gia sâu thêm, xin đề nghị có ý kiến. Ban Chấp hành Trung ương mong được lắng nghe ý kiến, tiếp tục tu chỉnh để Hội nghị Trung ương lần thứ 12 khóa VIII thông qua và thành văn bản dự thảo chính thức trình Đại hội IX.

Hội nghị Trung ương lần thứ 11 khóa VIII đã kết thúc công việc của mình vào những ngày giáp Tết cổ truyền của dân tộc. Nhân dịp đón xuân Tân Tỵ, tôi xin chúc các đồng chí Cố vấn, các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng và qua các đồng chí xin gửi lời chúc các đồng chí đảng viên trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân một năm mới dồi dào sức khỏe và hạnh phúc. Chúc tất cả chúng ta hoàn thành tốt nhất mọi công việc chuẩn bị cho Đại hội lần thứ IX của Đảng. Chúc Đảng và nhân dân ta phấn khởi tin tưởng bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới với nhiều thắng lợi mới. Trong niềm tin tưởng mãnh liệt ấy, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 11.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 62-CT/TW, ngày 12 tháng 2 năm 2001

Tăng cường công tác giáo dục quốc phòng toàn dân trước tình hình mới

Giáo dục quốc phòng toàn dân là một nội dung quan trọng của việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Ngày 28-4-1981 Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị 107-CT/TW về "Tăng cường công tác giáo dục quốc phòng nhân dân, chuẩn bị cho thế hệ trẻ sẵn sàng làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc". Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII) đã chỉ rõ "phải tăng cường công tác giáo dục quốc phòng cho toàn dân, trước hết là đối với cán bộ các cấp, các ngành của Đảng và Nhà nước và thế hệ trẻ học sinh, sinh viên". Nghị quyết 02-NQ/TW, ngày 30-7-1987 của Bộ Chính trị đã quy định đưa nội dung đường lối quân sự của Đảng và nhiệm vụ quốc phòng vào chương trình học tập chính thức của các trường đào tạo, bổ túc cán bộ của Đảng và Nhà nước; đưa nội dung giáo dục quốc phòng vào chương trình chính khóa của các trường trung học và đại học.

Những năm qua, các bộ, ban, ngành ở Trung ương, cấp ủy, chính quyền các cấp, các học viện, nhà trường đã triển khai

thực hiện các chỉ thị, nghị quyết trên đạt được kết quả góp phần tăng cường và củng cố tiềm lực quốc phòng của đất nước.

Tuy nhiên, một số cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các cấp, các ngành nhận thức chưa thật đầy đủ và sâu sắc về trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác giáo dục quốc phòng toàn dân. Cơ chế tổ chức thực hiện thiếu thống nhất; chưa phối hợp đồng bộ giữa các ngành chức năng; việc thực hiện công tác giáo dục quốc phòng và đào tạo sĩ quan dự bị trong học sinh, sinh viên và giáo dục quốc phòng trong hệ thống các trường chính trị, hành chính, đoàn thể chất lượng còn thấp, thậm chí có nơi thiếu những quy chế, quy định cụ thể về trách nhiệm quản lý giáo viên và bảo đảm ngân sách.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng phục vụ sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cần tăng cường thực hiện công tác giáo dục quốc phòng toàn dân sâu rộng, thường xuyên có nền nếp vững chắc. Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, các tổ chức đảng, các cấp, các ngành cần thực hiện tốt những việc sau đây:

1. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục quốc phòng toàn dân, tạo chuyển biến mạnh mẽ, sâu rộng về nhận thức và trách nhiệm của cán bộ các cấp và toàn dân đối với nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, đáp ứng yêu cầu và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong mọi tình huống.

Phải định kỳ giáo dục sâu sắc quan điểm, đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách của Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân cho cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành và thế hệ trẻ, làm cho mọi cán bộ, đảng viên ở tất cả các cấp, các ngành và nhân dân có nhận thức đúng đắn và đầy đủ về

việc xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thấy rõ trách nhiệm của mỗi người, mỗi tổ chức trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, kiên quyết đấu tranh làm thất bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia.

2. Giáo dục quốc phòng toàn dân là một bộ phận của nền giáo dục quốc dân, việc phổ cập và tăng cường giáo dục quốc phòng toàn dân là nhiệm vụ chung của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội, phải được chỉ đạo, tổ chức thực hiện thống nhất từ Trung ương đến địa phương bằng các hình thức phù hợp với từng đối tượng, kết hợp giáo dục thường xuyên với giáo dục tập trung có trọng điểm. Chú trọng giáo dục ý thức, tri thức và kỹ năng quân sự cần thiết cho toàn dân, kết hợp giáo dục lý thuyết với thực hành.

3. Chính phủ chỉ đạo Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Tài chính phối hợp hướng dẫn và giải thích những vướng mắc về giáo dục quốc phòng toàn dân trong học sinh, sinh viên, nhất là biên chế giáo viên và các quy định, chế độ học tập, bảo đảm cơ sở vật chất cần thiết cho công tác giảng dạy và học tập.

4. Đảng ủy Quân sự Trung ương, Bộ Quốc phòng chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Tài chính, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Hành chính quốc gia và các cơ quan Đảng, Nhà nước có liên quan thống nhất việc thực hiện công tác giáo dục quốc phòng toàn dân đối với đảng viên, cán bộ các cấp, các ngành trong hệ thống

chính trị về đối tượng, mục tiêu, yêu cầu, nội dung chương trình, giáo trình, giáo viên và các mặt bảo đảm phục vụ.

5. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Bộ Văn hóa thông tin có kế hoạch và biện pháp tăng cường và nâng cao chất lượng công tác thông tin tuyên truyền giáo dục quốc phòng toàn dân trên các phương tiện truyền thông đại chúng từ Trung ương đến địa phương.

6. Đảng ủy Quân sự Trung ương, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm giúp Bộ Chính trị, Chính phủ chủ trì phối hợp với các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể có liên quan theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Chính phủ kết quả thực hiện Chỉ thị này.

Cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, cấp ủy đảng thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện và kiểm tra việc chấp hành Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 63-CT/TW, ngày 28 tháng 2 năm 2001

Về đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn có vai trò cực kỳ quan trọng cả trước mắt và lâu dài, làm cơ sở để ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự thành công của sự nghiệp đó chủ yếu phụ thuộc vào trình độ dân trí, vào việc đẩy mạnh áp dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học - công nghệ và phát huy lợi thế so sánh của từng vùng trong cả nước để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn, thúc đẩy sản xuất hàng hóa nông nghiệp, làm chủ thị trường trong nước, từng bước vươn ra thị trường khu vực và quốc tế.

I- TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN

Thời gian qua, đặc biệt từ khi có Nghị quyết Trung ương 2

về khoa học và công nghệ. Nghị quyết 06-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn, khoa học và công nghệ đã có những đóng góp tích cực hơn vào sự nghiệp phát triển nông nghiệp và nông thôn.

Hoạt động khoa học và công nghệ đã hướng các chương trình, dự án, đề tài vào việc giải quyết một số nội dung liên quan đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Các hoạt động khuyến nông được tổ chức thành hệ thống, đã cố gắng phổ cập các tiến bộ kỹ thuật về giống cây, giống con, quy trình sản xuất mới đến hộ nông dân. Phong trào đưa cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý tự nguyện về nông thôn giúp đỡ, hướng dẫn nông dân ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống đã có tác động tích cực vào việc tăng năng suất và nâng cao chất lượng nông phẩm hàng hóa. Đã xuất hiện nhiều mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả kinh tế - xã hội cao hơn hẳn so với mức bình quân chung do tích cực ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để tăng sản lượng lương thực, chủ động điều chỉnh cơ cấu kinh tế, hình thành các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung, chuyên canh có quy mô lớn dựa trên cơ sở lựa chọn các loại giống cây trồng, vật nuôi phù hợp và kết hợp với công nghệ chế biến, bảo quản nông sản, công nghệ sau thu hoạch theo những hình thức thích hợp. Ngành nghề ở nông thôn, nhất là các làng nghề đã được khôi phục và phát triển, nhờ áp dụng các công nghệ truyền thống tinh xảo kết hợp với công nghệ hiện đại. Gần đây, các phương tiện thông tin đại chúng đã góp phần nâng cao trình độ hiểu biết của nông dân về các công nghệ mới, sản phẩm mới, các quy trình sản xuất mới trong sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn.

Những hoạt động đó đã có tác dụng làm tăng thu nhập trên mỗi đơn vị diện tích, mỗi người lao động và nhất là tăng nhanh giá trị kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng như gạo, cà phê, chè, rau quả, thủy sản. Khoa học và công nghệ đã từng bước trở thành nhu cầu thiết thực của nông dân ở nhiều vùng nông thôn, nhất là ở các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

Tuy nhiên, cho đến nay, năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của hàng nông sản Việt Nam còn thấp. Cư dân nông thôn nói chung còn ít hiểu biết và còn rất thiếu thông tin về các loại giống mới, các quy trình công nghệ tiên tiến, về các nhu cầu đa dạng của thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; chưa đủ khả năng chủ động lựa chọn phương án sản xuất hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế. Tiềm năng to lớn của khoa học và công nghệ đối với phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn chưa được phát huy đầy đủ. Việc áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào nông nghiệp, nông thôn còn chậm, thiếu các giải pháp tạo động lực đối với việc chuyển giao kết quả nghiên cứu vào thực tế sản xuất. Nhiều mô hình tốt về ứng dụng khoa học và công nghệ chưa được tổng kết kịp thời, chưa được tuyên truyền sâu rộng và còn thiếu các giải pháp phù hợp để giúp các đơn vị kinh tế quốc doanh trong nông nghiệp, các hợp tác xã, các trang trại và nhất là các hộ nông dân tiếp thu và nhân rộng. Lực lượng khoa học và công nghệ chưa được huy động tốt để phục vụ cho công cuộc phát triển nông nghiệp và nông thôn.

Nguyên nhân chủ yếu là chưa có cơ chế, chính sách phù hợp, đặc biệt là còn thiếu những đòn bẩy lợi ích kinh tế để khuyến khích áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, những

quy định ràng buộc trách nhiệm và đảm bảo lợi ích của việc chuyển giao công nghệ, tổ chức lại sản xuất, bao tiêu sản phẩm; việc tổ chức thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội và khoa học công nghệ còn phân tán, chưa có sự phối hợp trên cùng một địa bàn, nội dung của các chương trình phát triển kinh tế - xã hội chưa thể hiện đầy đủ vai trò nòng cốt của khoa học và công nghệ; chưa làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức công nghệ cần thiết cho lực lượng lao động ở nông thôn. Do đó, chưa phát huy được hiệu quả to lớn của thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại, chưa làm cho khoa học và công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp với vai trò là đòn bẩy chủ lực trong phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

II- CHỦ TRƯƠNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Chủ trương:

Để phát huy những thành tựu đã đạt được và khắc phục một cách cơ bản những yếu kém nêu trên, cần tăng cường nghiên cứu, áp dụng các thành quả mới nhất của khoa học và công nghệ; nâng cao dân trí, đào tạo, bồi dưỡng nhân lực tại chỗ; cung cấp kịp thời các tri thức khoa học và công nghệ hiện đại, các quy trình sản xuất tiên tiến, các thông tin về thị trường tiêu thụ; cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, phát triển mạnh ngành nghề ở nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến và các hình thức dịch vụ ở nông thôn; tạo lập, phát triển thị trường và xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn; hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới tổ chức quản lý;

chuyển mạnh nền sản xuất nông nghiệp hiện có sang sản xuất hàng hóa, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập, tích lũy cho nông dân, tạo thế và lực mới nhằm chủ động hội nhập với thị trường khu vực và quốc tế.

Nhiệm vụ:

Để đáp ứng được những đòi hỏi đó, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, các ngành, các đoàn thể kịp thời quán triệt sâu sắc và thực hiện có kết quả một số nhiệm vụ sau:

Tổ chức quán triệt sâu rộng để các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là ở địa bàn nông thôn có nhận thức sâu sắc về vai trò, vị trí của khoa học và công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Chú trọng vai trò tổ chức chỉ đạo thực hiện của các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở. Tăng cường đào tạo cán bộ, đào tạo nghề cho người lao động dưới nhiều hình thức đa dạng và thích hợp, để họ thực sự tiếp thu được và có khả năng phổ cập nhanh các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh.

Phát động phong trào rộng lớn trong nông dân, hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã, trong các doanh nghiệp nhà nước sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp cũng như trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài, trong các nhà quản lý, các nhà khoa học đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong nông nghiệp và nông thôn nhằm tạo ra bước chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa, tăng nhanh thu nhập, tích lũy cho hộ nông dân và các đơn vị sản xuất, kinh doanh để khoa học và công nghệ trở thành nhu cầu thực sự trong sản xuất và đời sống ở các vùng nông thôn.

Tập trung các lực lượng khoa học và công nghệ vào giải quyết những vấn đề bức xúc trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, như tạo các giống mới giá trị kinh tế cao; áp dụng có hiệu quả các loại hình công nghệ chế biến, công nghệ sau thu hoạch; phát triển mạnh ngành nghề ở nông thôn. Đẩy nhanh tốc độ phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, khai thác và sử dụng hợp lý các tiềm năng lao động, đất đai, mặt nước, rừng, biển, bảo vệ môi trường sinh thái, xây dựng nền nông nghiệp sinh thái bền vững, hướng vào xuất khẩu. Đặc biệt chú trọng đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công, hướng dẫn áp dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ mới, phổ cập tri thức thông tin, nhất là đối với các vùng sâu, vùng xa, giúp bà con nông dân nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất, kinh doanh, tổ chức lại cuộc sống.

Trước mắt cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

1. Đối với nông dân, hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp nhà nước tham gia sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp và các chủ thể kinh tế khác có liên quan (gọi chung là các chủ thể trong nông nghiệp) được hỗ trợ kinh phí hoặc trợ giá một phần cho việc đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp; không điều tiết thuế thu nhập trong những năm đầu đối với nguồn thu do ứng dụng thành công tiến bộ khoa học và công nghệ; miễn, giảm thuế cho các hoạt động ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; được đào tạo, bồi dưỡng miễn phí một phần hoặc toàn bộ. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý cấp xã về kiến thức khoa học và công nghệ để triển khai thực hiện

các chương trình, dự án về ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ ở nông thôn, đặc biệt ở các vùng khó khăn. Coi trọng việc chuyển giao tri thức để lực lượng lao động tại chỗ có thể chủ động lựa chọn, tiếp nhận tiến bộ khoa học và công nghệ; tạo điều kiện cho nông dân vay vốn tín dụng (phải trả lãi nhưng với lãi suất thấp) để có thể tự quyết định hình thức đầu tư phù hợp nhất cho kinh tế hộ hoặc trang trại của họ.

Các cơ sở công nghiệp chế biến nông, lâm, hải sản, đặc biệt là những cơ sở có quy mô nhỏ và vừa, các trung tâm dịch vụ tổng hợp (từ tổ chức sản xuất đến bao tiêu sản phẩm, tư vấn, chuyển giao công nghệ...), đổi mới công nghệ hoặc chủ động thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới vào nông thôn để nâng cao chất lượng sản phẩm, được hưởng mức ưu đãi cao nhất về thuế thu nhập doanh nghiệp, được hưởng chế độ ưu đãi về tín dụng, về sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các nhà khoa học, các tổ chức nghiên cứu và phát triển, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào nông nghiệp và nông thôn, Nhà nước có cơ chế để nâng cao trách nhiệm, khuyến khích lợi ích thỏa đáng, thực hiện quyền sở hữu trí tuệ, quyền công bố, trao đổi, chuyển giao, chuyển nhượng kết quả nghiên cứu và phát triển theo quy định của pháp luật.

Đảm bảo phương thức hoạt động của các tổ chức nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tổng hợp tiến hành theo hướng gắn kết bằng các hợp đồng trách nhiệm giữa các tổ chức và các chủ thể trong nông nghiệp.

Đối với cán bộ khoa học và công nghệ, cán bộ quản lý về công tác tại cơ sở để trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ hoặc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng lực lượng lao động ở nông thôn được tạo các điều kiện thuận lợi về ăn, ở, làm việc và được hưởng chế độ ưu đãi về lương và các phụ cấp; có chế độ ưu tiên thỏa đáng đối với cán bộ công tác tại các xã vùng cao, vùng sâu và các xã đặc biệt khó khăn.

3. Dưới sự điều hành của Chính phủ, các tỉnh, thành phố tổ chức rà soát lại các tài liệu về điều tra cơ bản, điều chỉnh quy hoạch cho từng địa bàn; và trên cơ sở đó, xây dựng chiến lược tổng thể phát triển nông nghiệp và nông thôn trong cả nước; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn; tổ chức phân bố dân cư phù hợp với từng vùng sản xuất.

Trên cơ sở chiến lược và quy hoạch, xây dựng các chương trình (tổng hợp) phát triển nông thôn ở từng vùng trong tỉnh, chú trọng các vùng miền núi, dân tộc, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn, vùng tập trung chuyên canh gắn với cơ sở chế biến sản xuất nông sản hàng hóa. Các chương trình này phải dựa trên cơ sở khoa học, có mục tiêu, nhiệm vụ rõ ràng, có tính khả thi, có sự phối hợp liên ngành, có sự tham gia của các cấp ủy, chính quyền, hội đồng khoa học của tỉnh.

Trên cơ sở mục tiêu và nhiệm vụ của các chương trình phát triển nông thôn, thực hiện việc lồng ghép, phối hợp các chương trình kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ được tiến hành trên cùng một địa bàn để tập trung các nguồn lực,

giải quyết đồng thời nhiều mục tiêu. Việc phối hợp phải được tiến hành theo một quy trình chặt chẽ, bảo đảm nội dung, mục tiêu của các dự án được thực hiện có chất lượng, đúng tiến độ; chú ý ứng dụng các thành tựu khoa học mới nhất, đã được các cấp có thẩm quyền giám định, phê duyệt; tạo tối đa quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cả về nội dung và tài chính cho người chủ trì dự án, trên cơ sở bảo đảm hiệu quả cuối cùng về kinh tế và xã hội. Các chương trình khoa học và công nghệ phục vụ nông nghiệp và nông thôn không triển khai riêng biệt mà phải là hạt nhân để thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn.

Các trung tâm khoa học quốc gia, các viện nghiên cứu, các trường đại học, trường chuyên nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp có trách nhiệm tham gia trực tiếp vào các chương trình, dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn theo những hình thức thích hợp; chú trọng huy động lực lượng khoa học và công nghệ tham gia nghiên cứu, ứng dụng vào các lĩnh vực bức thiết như môi trường sống, nước sạch nông thôn và cơ sở hạ tầng khác để nâng cao đời sống của nông dân.

4. Củng cố và tăng cường đầu tư cho một số trung tâm nghiên cứu khoa học cơ bản hiện đại, nhất là về công nghệ sinh học, tạo bước đột phá mới về giống, quy trình sản xuất, bảo quản, chế biến nông - lâm - hải sản để trước mắt khắc phục những yếu kém về năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của hàng nông sản Việt Nam, tiến tới có thể xâm nhập sâu rộng ở thị trường nước ngoài.

Hằng năm, các ngành, các cấp phải dành một tỷ lệ ngân sách thỏa đáng cho việc nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ chế biến, công nghệ sau thu hoạch; đào tạo và bồi dưỡng lực lượng lao động tại chỗ; xây dựng thí điểm các khu nông nghiệp sử dụng công nghệ cao, tạo ra sản phẩm nông nghiệp có sức cạnh tranh cao, tiến tới nhân rộng cho các địa phương.

Tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, đặc biệt là với các nước có nền nông nghiệp phát triển về nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ cao để phục vụ trực tiếp cho các mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

5. Tổ chức tổng kết, đúc rút kinh nghiệm để đổi mới và nâng cao hiệu quả của các hình thức đào tạo, bồi dưỡng và phổ cập tri thức về tiến bộ khoa học và công nghệ, về kỹ thuật, tổ chức và quản lý sản xuất, kinh doanh, về thị trường tiêu thụ nông sản, cho lực lượng lao động ở nông thôn, đặc biệt là cho đội ngũ cán bộ quản lý ở cơ sở.

Các cơ quan thông tin đại chúng, báo chí, xuất bản tăng thời lượng, số buổi phát thanh, truyền hình, tài liệu hướng dẫn và khẩn trương phát triển các loại hình thông tin điện tử về phổ biến tri thức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp và nông thôn. Chú trọng các hình thức tuyên truyền thông tin thật sự thiết thực và trực tiếp đến từng người dân thông qua hoạt động khuyến nông, cung cấp cho nông dân càng nhiều thông tin càng tốt, đặc biệt là về kỹ thuật và thị trường dưới những hình thức dễ hiểu và dễ thực hiện.

Chú trọng phát triển hạ tầng thông tin về nông thôn, cả vùng sâu, vùng xa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin ở nông thôn nhằm nâng cao dân trí, phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng cuộc sống.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các bộ, ngành ở Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố cần chủ động phối hợp để tuyên truyền sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân quán triệt Chỉ thị này và biến thành hành động để đến năm 2005 tạo ra được sự chuyển biến mạnh mẽ trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Các bộ, ngành, nhất là các tỉnh, thành ủy, các huyện ủy và đảng ủy cấp xã phải chủ động xây dựng kế hoạch triển khai Chỉ thị này vào thực tế sản xuất và đời sống ở địa phương mình; xây dựng chương trình hành động cụ thể, trong đó chú trọng lựa chọn các giải pháp ưu tiên, đột phá về ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ; thường xuyên tổng kết và nhân rộng các điển hình tiên tiến.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể chỉ đạo việc triển khai thực hiện Chỉ thị này. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm đầu mối phối hợp với Bộ Thủy sản, Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường, Bộ Công nghiệp, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chỉ đạo việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ vào phát triển nông nghiệp, nông thôn và ra các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Các Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn ở Trung ương, các tỉnh, thành ủy hằng năm báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện Chỉ thị này cho Bộ Chính trị.

Ban Kinh tế Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Văn phòng Trung ương phối hợp làm đầu mối giúp Bộ Chính trị theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 358-TB/TW, ngày 7 tháng 3 năm 2001

Về những vấn đề cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992

Tại phiên họp ngày 21, 22-2-2001, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ngành về những vấn đề cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 về tổ chức bộ máy nhà nước, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 phải dựa trên cơ sở nghiên cứu kỹ nội dung các văn kiện của Đại hội Đảng toàn quốc, Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách bộ máy và việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đối chiếu với tình hình thực tiễn thi hành Hiến pháp và các luật về tổ chức bộ máy nhà nước trong thời gian qua, tìm ra những mặt tồn tại, vướng mắc cần phải tháo gỡ, khắc phục; qua đó xác định phương hướng, giải pháp sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Hiến pháp 1992 và các luật về tổ chức bộ máy nhà nước. Thuyết trình rõ cơ sở lý luận và yêu cầu thực tiễn của từng

vấn đề cần sửa đổi, bổ sung. Tập trung làm rõ nội dung và các phương án cụ thể của việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 về tổ chức bộ máy nhà nước.

2. Yêu cầu cơ bản của việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 về tổ chức bộ máy nhà nước là phải: xem xét kỹ và lựa chọn đúng những vấn đề tồn tại, bức xúc cần phải sửa đổi, bổ sung nhằm tạo cơ sở cho việc cải cách đồng bộ bộ máy nhà nước và các thiết chế dân chủ, khắc phục kịp thời những hạn chế, yếu kém hiện nay; bảo đảm sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp một cách hợp lý; khắc phục tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, bộ máy cồng kềnh, trì trệ, kém hiệu lực; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước; mở rộng dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc xây dựng, bảo vệ Nhà nước; tạo điều kiện cho việc sửa đổi cơ bản các luật về tổ chức bộ máy nhà nước.

3. Trong quá trình nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số điều về tổ chức bộ máy nhà nước, Tiểu ban nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 cần tiếp cận sớm với các dự thảo văn kiện của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, nếu xét thấy còn có những vấn đề khác liên quan đến Hiến pháp cần sửa đổi thì chuẩn bị kỹ các phương án để sau Đại hội Đảng có thể báo cáo ngay với Bộ Chính trị xem xét và trình Trung ương quyết định.

4. Đảng đoàn Quốc hội có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện tốt các yêu cầu nêu trên, báo cáo

kết quả với Bộ Chính trị xem xét để trình Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 11 (LẦN 2)
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII*

Ngày 13 tháng 3 năm 2001

Thưa các đồng chí Trung ương,
Thưa các đồng chí Cố vấn,

Hội nghị Trung ương 11 đã quyết định họp Hội nghị lần 2 vào sau Tết Nguyên đán để tiếp tục chuẩn bị dự kiến trình với Đại hội Đảng lần thứ IX.

Từ nay đến Hội nghị Trung ương 12 và Đại hội Đảng lần thứ IX chỉ còn rất ít ngày, vì vậy Bộ Chính trị đề nghị Hội nghị Trung ương lần này tập trung vào hai vấn đề lớn: một là, tiếp tục xem xét hoàn chỉnh các văn kiện trình Đại hội IX, nhất là dự thảo Báo cáo chính trị sau khi đã có ý kiến đóng góp của nhân dân; hai là, dự kiến về nhân sự trình Đại hội Đảng lần thứ IX.

---

* Hội nghị lần thứ 11 (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII họp từ ngày 13 đến ngày 24-3-2001. Đầu đề do chúng tôi đặt (*B.T*).

Về vấn đề văn kiện, thực hiện quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đã cho công bố dự thảo Báo cáo chính trị trên các phương tiện thông tin đại chúng vào ngày 3-2-2001 để lấy ý kiến nhân dân.

Một tháng sau khi công bố, cùng với hàng trăm cuộc hội nghị, hội thảo của các cơ quan khoa học, các đoàn thể, các lực lượng vũ trang, các tổ chức xã hội, Văn phòng Trung ương Đảng và các báo, đài, đã nhận được hàng vạn thư góp ý kiến của các tầng lớp nhân dân: từ các cháu thiếu nhi mới 13, 14 tuổi đến các bậc cao niên, các đồng chí lão thành cách mạng, trong đó có nhiều cụ mắt mờ không viết được phải nhờ con cháu viết hộ; từ các nhà trí thức, giáo sư, viện sĩ đến những công nhân, nông dân, thanh niên, sinh viên, người bán vé số; từ các vị linh mục, tăng ni, phật tử đến đồng bào dân tộc ở vùng sâu, vùng xa, người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Đây thực sự trở thành một cuộc sinh hoạt chính trị sâu rộng, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân bàn việc nước.

Các ý kiến đều bày tỏ sự phấn khởi và hoan nghênh Trung ương đã phát huy dân chủ, lắng nghe ý kiến của nhân dân trong việc hoạch định đường lối, làm cho đường lối của Đảng ngày càng sát cuộc sống và phản ánh được trí tuệ, ý chí, nguyện vọng của nhân dân.

Có những thư viết cô đọng, chắt lọc một hai trang, đề nghị những vấn đề cụ thể, thiết thực; có thư viết mấy trăm trang trình bày cặn kẽ cả về lý luận và thực tiễn; đặc biệt có tài liệu góp ý dài 2.707 trang phân tích, lý giải toàn diện dự thảo Báo cáo chính trị, có đề nghị viết hẳn về từng đoạn của dự thảo. Tất cả đều mong muốn Báo cáo chính trị phản ánh sâu sắc hơn nữa sự kiên định về đường lối độc lập dân tộc và

chủ nghĩa xã hội, tổng kết phong phú hơn nữa thực tiễn sinh động quá trình 15 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ban Chấp hành Trung ương xin bày tỏ lòng biết ơn tấm lòng của nhân dân đối với Đảng.

Bộ Chính trị đã chỉ đạo các cơ quan chức năng tập hợp đầy đủ các ý kiến đóng góp. Bộ Chính trị đã thảo luận và kiến nghị với Trung ương những vấn đề tiếp thu để hoàn chỉnh các dự thảo văn kiện trình Đại hội IX của Đảng. Do thời gian Hội nghị Trung ương lần này không nhiều, đề nghị các đồng chí Trung ương chủ yếu cho ý kiến trực tiếp vào các tờ trình, các dự thảo văn kiện. Căn cứ ý kiến của Trung ương và ý kiến đóng góp tiếp của nhân dân, Bộ Chính trị sẽ chỉnh lý lại để đến Hội nghị Trung ương 12 xem xét lần cuối trình Đại hội.

Về vấn đề nhân sự, đây là một nội dung quan trọng của Hội nghị Trung ương lần này, bởi vì sau khi đã có đường lối thì cán bộ là vấn đề quyết định.

Bộ Chính trị sẽ báo cáo với Ban Chấp hành Trung ương những vấn đề liên quan đến chuẩn bị dự kiến trình Đại hội về nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa IX. Ban Chấp hành Trung ương là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng giữa hai kỳ Đại hội. Ban Chấp hành Trung ương khóa trước có nhiệm vụ chuẩn bị về đường lối và tổ chức trình Đại hội Đảng khóa sau. Vì vậy trách nhiệm của Trung ương là phải nghiên cứu giới thiệu những đồng chí ưu tú, tiêu biểu cho ý chí và trí tuệ của Đảng, có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức, tinh thần trách nhiệm với nhân dân, có năng lực lãnh đạo và tổ chức thực hiện đường lối. Phải bảo đảm tính

kế thừa, tính liên tục, giữ vững sự ổn định chính trị, đồng thời có sự đổi mới phát triển, bảo đảm không những phục vụ Đại hội IX mà còn là sự chuẩn bị cho các Đại hội sau. Phải đặc biệt coi trọng chất lượng và tiêu chuẩn, song cũng phải có số lượng và cơ cấu hợp lý để bao quát được các ban, ngành, lĩnh vực, địa bàn trọng yếu, giữa các cơ quan ở Trung ương và các địa phương. Cần xem xét một cách toàn diện và thực tiễn các mặt đó. Nhất thiết không giới thiệu vào cơ quan lãnh đạo cấp cao của Đảng những người không đủ tiêu chuẩn, nhất là thiếu bản lĩnh chính trị, có biểu hiện cơ hội, tham vọng, thiếu ý thức kỷ luật, mất đoàn kết, quan liêu, tham nhũng, làm việc kém hiệu quả, thiếu trách nhiệm với nhân dân.

Nói chung, phải lựa chọn, giới thiệu trình Đại hội IX một danh sách những đồng chí có đủ đức và tài để Đại hội nghiên cứu, lựa chọn, đề cử và bầu cử Ban Chấp hành Trung ương mới, đủ sức lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX, đưa công cuộc đổi mới xây dựng và bảo vệ đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa vì hạnh phúc của nhân dân mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn phát triển lên một tầm cao mới.

Đề nghị Trung ương tập trung trí tuệ, tinh thần trách nhiệm và dân chủ thảo luận để Hội nghị đạt được yêu cầu đề ra.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 11 (lần 2).

Xin chúc sức khỏe các đồng chí.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BẢN TRÌNH BÀY
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 219/TLHN, ngày 12 tháng 3 năm 2001

Về việc tiếp thu ý kiến góp ý vào Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội IX của Đảng (trình Hội nghị Trung ương 11, lần 2)

Sau khi Đảng ta công bố Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội IX của Đảng để lấy ý kiến toàn dân, các tầng lớp nhân dân trong cả nước và kiều bào ta ở nước ngoài đã nhiệt tình tham gia đóng góp ý kiến bằng nhiều hình thức, rất tâm huyết và hết sức phong phú.

Hàng vạn bức thư đã gửi về Văn phòng Trung ương Đảng và các báo, đài; hàng trăm hội nghị, hội thảo từ Trung ương đến các địa phương đã được tổ chức. Hầu hết các ý kiến đều bày tỏ sự hoan nghênh Ban Chấp hành Trung ương công bố toàn văn Dự thảo Báo cáo chính trị để lấy ý kiến nhân dân và tán thành những nội dung cơ bản của Dự thảo Báo cáo chính trị; cho rằng Dự thảo được chuẩn bị công phu, cấu trúc hợp lý, văn phong súc tích, nêu bật những vấn đề toàn Đảng, toàn dân quan tâm; đã kế thừa và phát triển đường lối của Đảng được đề ra tại các đại hội trước, quán triệt chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có cơ sở khoa học và

tính thực tiễn cao, đáp ứng nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.

Phần lớn các ý kiến biểu thị sự đồng tình với Dự thảo, nhấn mạnh thêm ý này hay ý khác; hoặc đề nghị sửa chữa, bổ sung điểm này, điểm khác. Một số ý kiến đề nghị Dự thảo viết gọn hơn, có tầm khái quát cao hơn; ngược lại, có ý kiến cho rằng Dự thảo còn nặng lý luận chung, thiếu cụ thể, thiếu đưa ra các biện pháp chỉ đạo thiết thực, có tính khả thi.

Cá biệt cũng có người nhân dịp này tiếp tục viết tài liệu đề nghị bỏ định hướng xã hội chủ nghĩa, không chấp nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, đổi tên nước, đổi tên Đảng, lấy lại tên Đảng Lao động Việt Nam, đổi tên Đảng thành "Đảng phục hưng chủ quyền dân tộc Việt Nam", thay cờ đỏ búa liềm thành cờ xanh mặt trời, v.v..

Dưới đây, Bộ Chính trị xin trình bày một số kiến nghị tiếp thu hoặc không tiếp thu để Trung ương cho ý kiến.

Trước hết, cần khẳng định rằng những ý kiến trái với Cương lĩnh, trái với những quan điểm cơ bản có tính nguyên tắc của Đảng (như: từ bỏ định hướng xã hội chủ nghĩa, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng ta, muốn đa nguyên, đa đảng...), chúng ta dứt khoát không thể chấp nhận và phải kiên quyết bác bỏ.

Những ý kiến tâm huyết, đúng đắn nhưng không liên quan trực tiếp đến Dự thảo Báo cáo chính trị thì xin tiếp thu để nghiên cứu và thực hiện trong quá trình chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Những ý kiến góp ý về sửa chữa câu chữ có tính kỹ thuật thuần túy đề nghị giao cho Ban soạn thảo chọn lọc, tiếp thu, sửa trực tiếp vào văn bản.

Ở đây chỉ nêu một số vấn đề quan trọng:

Về tiêu đề và bố cục

- Hầu hết các ý kiến nhất trí với tiêu đề của Dự thảo. Có ý kiến đề nghị bổ sung ý: "Kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, đẩy mạnh sản xuất", hoặc bổ sung nội dung "đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và nhà nước pháp quyền", hoặc "tiếp tục đường lối đổi mới", "đề cao ý chí tự lực, tự cường...".

- Hầu hết các ý kiến nhất trí với cấu trúc 10 phần. Có ý kiến đề nghị rút gọn thành ba phần: tình hình; phương hướng, nhiệm vụ; và động viên phong trào yêu nước.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Giữ tiêu đề và bố cục như Dự thảo.

Phần I

VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ XX VÀ TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN TRONG THẾ KỶ XXI

1. Về thế giới trong thế kỷ XX, có ý kiến không muốn nói đó là thế kỷ phát triển rực rỡ của loài người, vì còn có chiến tranh và khủng hoảng.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Đây là nhận định một cách khái quát cả thế kỷ, không phải chỉ riêng một mặt nào, vì vậy đề nghị cho giữ như Dự thảo.

2. Về thắng lợi của nhân dân ta trong thế kỷ, có ý kiến muốn nêu những khuyết điểm cụ thể của Đảng ta như "có lúc tả khuynh trong đường lối đấu tranh giai cấp và đấu tranh trong nội bộ, giáo điều và cứng nhắc trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, v.v.".

Bộ Chính trị có ý kiến:

Mục đích của phần này không phải là kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng, cho nên không cần kể cụ thể các khuyết điểm của Đảng.

3. Về triển vọng thế kỷ XXI, có ý kiến đề nghị khẳng định triển vọng phát triển của chủ nghĩa xã hội, không cần nhắc lại việc vượt qua thoái trào, cũng không cần nói một câu có tính lý luận là: "Lịch sử thế giới đã, đang và sẽ còn trải qua những bước quanh co, song loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội...".

Bộ Chính trị có ý kiến:

Sửa lại đoạn này như sau: "Chủ nghĩa xã hội thế giới, từ những bài học thành công và thất bại, cũng như từ khát vọng và sự thức tỉnh của các dân tộc, có điều kiện và khả năng tạo ra bước phát triển mới. Loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hóa của lịch sử".

4. Có ý kiến đề nghị không nên đưa ra nhận định "Trong một vài thập kỷ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới...", vì nhận định này có thể chưa chắc chắn, lại dễ gây ra chủ quan.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Giữ lại nhận định này. Song có thể bỏ câu "chiến tranh tổng lực dùng vũ khí hạt nhân và các vũ khí giết người hàng loạt khác".

Đoạn này sẽ như sau: "Trong một vài thập kỷ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới. Nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ, khủng bố còn xảy ra ở

nhiều nơi với tính chất phức tạp ngày càng tăng. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn...".

5. Về cơ hội và thách thức, có ý kiến đề nghị nói rõ rằng nhiều nguy cơ đã trở thành hiểm họa. Nhiều ý kiến cho rằng tệ tham nhũng, quan liêu và sự suy thoái... là nguy cơ số 1. Ý kiến khác cho rằng nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế vẫn là số 1.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Giữ nhận định như trong Dự thảo (đã được Hội nghị Trung ương 11 thông qua), nói rõ bốn nguy cơ mà Đảng ta từng chỉ rõ, đến nay vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp, đan xen tác động lẫn nhau, không thể xem nhẹ nguy cơ nào. Nhấn mạnh nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế và nguy cơ tham nhũng, suy thoái nhưng không nói nguy cơ nào là lớn nhất.

Phần II

TÌNH HÌNH ĐẤT NƯỚC 5 NĂM QUA VÀ SAU 15 NĂM ĐỔI MỚI

1. Có ý kiến đề nghị Phần II này chỉ viết tập trung về đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng 5 năm qua (1996 - 2000), không viết về những bài học của 15 năm đổi mới.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Giữ như Dự thảo: viết cả về tình hình 5 năm qua và những bài học chủ yếu của 15 năm đổi mới. Việc tổng kết và rút ra bài học của 15 năm đổi mới là cần thiết để khẳng định

đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn và định hướng cho việc tiếp tục đổi mới trong những năm sắp tới.

Tiêu đề của Phần II bổ sung như sau: "Tình hình đất nước 5 năm qua và những bài học chủ yếu của 15 năm đổi mới".

2. Dự thảo Báo cáo chính trị nêu một trong những yếu kém, khuyết điểm 5 năm qua là: "Tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng".

Nhiều ý kiến đề nghị viết tập trung vào tình trạng tham nhũng, suy thoái, còn lãng phí, quan liêu vẫn viết nhưng không đưa lên tiêu đề.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Tiếp thu ý kiến trên và nêu khuyết điểm nói trên như sau: "Tình trạng tham nhũng, suy thoái ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng".

3. Dự thảo Báo cáo chính trị nêu một trong những nguyên nhân của yếu kém, khuyết điểm là "Một số quan điểm, chủ trương chưa có sự nhận thức thống nhất và chưa được quán triệt thông suốt ở các cấp, các ngành".

Nhiều ý kiến cho rằng viết như thế chưa đủ. Trong thực tế, có những quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước chưa rõ ràng, chưa cụ thể, làm cho mọi người hiểu khác nhau, làm khác nhau và làm sai ý định của trên.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Tiếp thu ý kiến trên và nêu nguyên nhân nói trên như sau: "Một số quan điểm, chủ trương của Đảng chưa rõ ràng, chưa có sự nhận thức thống nhất và chưa được thông suốt ở các cấp, các ngành".

Phần III

VỀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

1. Có một số ý kiến đề nghị sửa câu viết về *mục tiêu chung*, đưa từ "dân chủ" lên trước từ "công bằng" vì dân chủ có nội dung bao quát, rộng lớn hơn công bằng.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Ba từ công bằng, dân chủ, văn minh nói lên ba tính chất cơ bản của xã hội nước ta, đặt trước hay sau đều được, nhưng đặt từ dân chủ trước từ công bằng có thể gây hiểu lầm là "xã hội dân chủ". Vì vậy giữ như trong Dự thảo Báo cáo chính trị đã công bố để lấy ý kiến nhân dân: "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

2. Một số ý kiến đề nghị bổ sung và sửa đoạn viết về *tư tưởng Hồ Chí Minh*, làm nổi bật hơn những vấn đề cốt lõi, không cần kể ra quá nhiều điểm.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Tiếp thu ý kiến trên và sửa lại đoạn này như sau:

"Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm lý luận chính trị toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả sự vận dụng và phát triển sang tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc; về quyền làm chủ của

nhân dân, xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hóa, cần kiệm xây dựng nước nhà, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân; về đạo đức cách mạng, tình yêu thương con người; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đày tớ trung thành của nhân dân.

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta".

- Có ý kiến đề nghị đổi tư tưởng Hồ Chí Minh thành chủ nghĩa Hồ Chí Minh hoặc học thuyết Hồ Chí Minh.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Giữ như trong Dự thảo Báo cáo chính trị.

3. Có ý kiến đề nghị viết rõ hơn về *thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội*, chỉ ra thời kỳ quá độ có mấy chặng đường, mỗi chặng đường dài bao lâu.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Giữ như trong Dự thảo. Như đã báo cáo với Ban Chấp hành Trung ương trong các hội nghị Trung ương trước, hiện nay không thể và không nên định trước, đoán trước thời gian của từng chặng đường sắp tới trong cả thời kỳ quá độ. Trong Dự thảo Báo cáo chính trị, đã nhận định rằng từ Đại hội VIII năm 1996, đất nước ta đã chuyển sang chặng đường mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp...

4. Có ý kiến đề nghị bỏ cả đoạn viết về *giai cấp và đấu tranh giai cấp*, cho rằng nêu ra vấn đề này trong thời điểm hiện nay không có lợi cho đại đoàn kết toàn dân vì mục tiêu chung.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Giữ như trong Dự thảo Báo cáo chính trị, có sửa một số câu chữ cho chặt chẽ hơn. Như đã báo cáo với Trung ương tại hội nghị trước, muốn làm sáng tỏ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội thì ta phải nói rõ quan niệm của Đảng ta về quan hệ giữa các giai cấp và nội dung đấu tranh giai cấp ở nước ta trong tình hình mới. Đây là một vấn đề cơ bản trong đường lối chính trị của Đảng; có hiểu đúng vấn đề này thì mới nhận thức đúng được về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, về động lực chủ yếu để phát triển đất nước ta hiện nay và trong cả thời kỳ quá độ.

Trong Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội IX chưa có điều kiện phân tích kỹ về từng giai cấp và mối quan hệ giữa các giai cấp trong xã hội ta hiện nay. Sau Đại hội IX, Trung ương sẽ chỉ đạo, nghiên cứu, tổng kết sâu vấn đề này.

Có ý kiến cho rằng đấu tranh giai cấp trước mắt là giữa hai lực lượng đối kháng, một bên là số người có đặc quyền, đặc lợi, tham nhũng với một bên là những người cách mạng chân chính. Bộ Chính trị đề nghị không chấp nhận ý kiến này, vì không đúng với tình hình thực tế.

5. Có ý kiến cho rằng *động lực chủ yếu để phát triển đất nước* là động viên tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, dấy lên phong trào thi đua sôi nổi trong các ngành, các cấp, các doanh nghiệp, tạo ra cuộc cạnh tranh quyết liệt giữa các thành phần kinh tế với khẩu hiệu "nhanh, nhiều, tốt, rẻ".

Bộ Chính trị có ý kiến:

Giữ như trong Dự thảo: "Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân...". Nội dung trình bày như trong Dự thảo đã được đa số ý kiến tán thành, cho rằng đây là một điểm mới trong Nghị quyết Đại hội IX.

6. Về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có ý kiến đề nghị sửa đoạn "Nhà nước quản lý kinh tế theo nguyên tắc *kết hợp thị trường với kế hoạch*", cho rằng viết như vậy là tách rời thị trường với kế hoạch, có thể hiểu là kết hợp hai nền kinh tế: kinh tế thị trường và kinh tế kế hoạch.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Tiếp thu ý kiến trên và sửa đoạn này như sau: "Nhà nước ta quản lý nền kinh tế bằng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, luật pháp, sử dụng cơ chế thị trường, áp dụng các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý của kinh tế thị trường để kích thích sản xuất, giải phóng sức sản xuất, phát huy mặt tích cực, hạn chế và khắc phục mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo vệ lợi ích của nhân dân lao động, của toàn thể nhân dân".

Phần IV

ĐƯỜNG LỐI KINH TẾ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Về tiêu đề của Phần IV: một số ý kiến đề nghị sửa lại tiêu đề của phần này để thể hiện chính xác hơn nội dung và chữ nghĩa, như: "Đường lối kinh tế và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội" hoặc "Đường lối kinh tế và chiến lược phát triển đất nước", hoặc "Đường lối và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội".

Bộ Chính trị có ý kiến:

Tiếp thu và sửa thành: "Đường lối và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội", vừa bao quát được đầy đủ nội dung của phần này, vừa chuẩn xác hơn về chữ nghĩa.

1. Phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm

1- *Về đường lối kinh tế*: có ý kiến đề nghị không dùng cụm từ "ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất" mà sửa thành "ưu tiên phát triển quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất".

Bộ Chính trị có ý kiến:

Giữ như Dự thảo để thể hiện rõ tư tưởng chỉ đạo rất quan trọng là tập trung sức cho giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất, song không coi nhẹ mà đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2- Có ý kiến đề nghị bổ sung ý về *bảo vệ môi trường* vào nội dung của đường lối.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Tiếp thu ý kiến trên.

3- *Về mục tiêu tổng quát* của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010, có ý kiến yêu cầu ghi rõ thêm một đoạn về "tập trung xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng và công nghệ cao...".

Bộ Chính trị có ý kiến:

Vấn đề này đã được trình ra và thảo luận kỹ trong Bộ Chính trị và Hội nghị Trung ương 11, đã có kết luận là cần "xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng và công nghệ cao...", song không đặt ở phần mục tiêu tổng quát của chiến lược để không lẫn giữa mục tiêu và phương hướng, nhiệm vụ. Vì vậy, xin giữ kết luận trên và tu chỉnh thêm để đưa đầy đủ ý này vào nội dung

của phần phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở sau đó.

4- *Về nội dung của phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong chiến lược, kế hoạch 5 năm*, có một số ý kiến đề nghị bổ sung các vấn đề cụ thể như: xác định rõ các ngành công nghiệp nặng then chốt; quy hoạch lại các khu công nghiệp để không phát triển tràn lan; nói rõ về kinh tế khoáng sản, mỏ; có biện pháp tiêu thụ nông sản cho nông dân, chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn; quy hoạch lại sản xuất lương thực để có hiệu quả, quy hoạch đồng ruộng, sử dụng đất kết hợp thủy lợi; biện pháp phòng chống thiên tai, lũ lụt ở vùng đồng bằng sông Cửu Long; xây dựng các trung tâm quốc gia tạo giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao; phát triển cơ khí hóa nông nghiệp, nông thôn; nêu rõ hơn vị trí của kinh tế biển; nêu đậm nét hơn vấn đề bảo vệ và cải thiện môi trường...

Bộ Chính trị có ý kiến:

Tiếp thu để bổ sung một số ý cần thiết, đồng thời đưa những vấn đề cụ thể bổ sung vào các văn kiện chiến lược và kế hoạch 5 năm cho phù hợp.

2. Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần

1- Về phân định các thành phần kinh tế:

Có một số ý kiến:

- Cho rằng không nên phân tích và phân loại nền kinh tế nước ta theo thành phần kinh tế.

- Cho rằng có ba hình thức sở hữu cơ bản là: công hữu, tư hữu, sở hữu hỗn hợp.

- Nên gọi là kinh tế hợp tác, không nên gọi là kinh tế tập

thể vì dễ hiểu là tập thể hóa tư liệu sản xuất như đã làm trước đây.

- Không coi kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một thành phần kinh tế, mà kinh tế có 100% vốn đầu tư nước ngoài mới là một thành phần kinh tế.

- Coi kinh tế trang trại là một thành phần kinh tế.

- Xếp thứ tự các thành phần kinh tế như Đại hội VIII (kinh tế tư bản nhà nước đứng thứ ba sau kinh tế hợp tác).

Bộ Chính trị có ý kiến:

- Giữ cách phân định ba hình thức sở hữu cơ bản là: sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân (như đã được xác định trong các văn kiện của Đảng và Hiến pháp).

- Giữ cách phân định và tên gọi các thành phần kinh tế như Dự thảo. Kinh tế trang trại là một hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, không phải là thành phần kinh tế.

- Vẫn giữ thành phần *kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài* ở nước ta nhưng gọi là thành phần *kinh tế đầu tư nước ngoài*, bỏ hai chữ "có vốn". Thành phần này bao gồm cả các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và phần vốn đầu tư của nước ngoài trong các liên doanh (cũng như thành phần kinh tế nhà nước bao gồm cả phần nguồn lực nhà nước trong các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và phần vốn nhà nước trong các liên doanh).

2- Về kinh tế nhà nước:

Có các ý kiến như sau:

- Cần nói rõ kinh tế nhà nước phải luôn giữ vai trò chủ đạo, nhất là trên những địa bàn trình độ kinh tế thấp; cần nói rõ những ngành, lĩnh vực Nhà nước cần nắm; cần xây dựng các nông trường quốc doanh theo hướng công nghiệp hóa,

hiện đại hóa; quốc doanh phải giúp hợp tác xã phát triển. Ý kiến khác lại cho rằng kinh tế nhà nước không thể làm động lực để phát triển kinh tế; sở hữu toàn dân chỉ là một phương tiện để phát triển kinh tế, đang là một công cụ quản lý lỗi thời; cần bỏ ảo tưởng quốc doanh chiếm vị trí tuyệt đối để chi phối các thành phần kinh tế khác; chủ nghĩa xã hội gắn kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo là thuộc mô hình chủ nghĩa xã hội của Liên Xô cũ và Đông Âu trước đây, không còn phù hợp với chủ nghĩa xã hội thị trường.

- Cần giữ độc quyền kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước lớn.

- Không nên giao cho hội đồng quản trị quyền đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp.

- Xem lại chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Lại có ý kiến cho là tiến hành cổ phần hóa chậm, chỉ đạo không chặt.

Bộ Chính trị có ý kiến:

- Căn bản giữ như Dự thảo.

- Có một số lĩnh vực nhà nước cần giữ độc quyền, nhưng phải xóa độc quyền kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước lớn.

- Tiếp thu, bổ sung một số ý về giải pháp đối với doanh nghiệp nhà nước.

3- Về kinh tế tập thể:

- Có ý kiến đề nghị nói rõ: cần khuyến khích phát triển mạnh và vững chắc hợp tác xã trên các lĩnh vực, hình thành các đơn vị kinh tế tự chủ đóng vai trò trọng yếu ở nông thôn, xây dựng các hợp tác xã điển hình để nhân rộng.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Giữ như Dự thảo.

4- Về kinh tế cá thể, tiểu chủ:

Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm:

- Nói rõ vai trò quan trọng lâu dài của thành phần kinh tế này ở nước ta.

- Nói rõ phát triển kinh tế trang trại với quy mô thích hợp, theo hướng liên doanh, liên kết, hợp tác hoặc làm vệ tinh cho các doanh nghiệp, gắn sản xuất nông, lâm, ngư với chế biến và tổ chức lưu thông, tiêu thụ sản phẩm. Không nên để vấn đề này ở mục nói về kinh tế cá thể, tiểu chủ.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Tiếp thu để bổ sung. Chuyển đoạn nói về kinh tế trang trại xuống phần các hình thức sản xuất kinh doanh.

5- Về kinh tế tư bản tư nhân:

Có ý kiến đề nghị không nên khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân rộng rãi, vì như vậy sẽ hình thành tầng lớp các nhà tư sản xã hội chủ nghĩa, người lao động lại bị bóc lột, trái với công bằng xã hội, không phải là cách làm của một nước có chính quyền vô sản trong tay Đảng, có đủ năng lực và trí tuệ. Ý kiến khác lại cho rằng viết như Dự thảo Báo cáo chính trị là còn mờ nhạt, cần khuyến khích phát triển mạnh hơn để kinh tế tư bản tư nhân trở thành đối tác cạnh tranh với bên ngoài.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Giữ như Dự thảo.

3. Tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố của kinh tế thị trường; tăng cường vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước

Có một số ý kiến:

- Về tiêu đề, không nên gọi là "tạo lập đồng bộ các yếu tố

của kinh tế thị trường", mà nên gọi là "tạo lập đồng bộ các loại thị trường"; không nên gọi là "tăng cường vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước" mà nên gọi là "nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước".

- Không nên triệt để xóa bỏ bao cấp trong kinh doanh, vẫn cần bảo vệ, hỗ trợ, khuyến khích sản xuất trong nước ở những ngành nghề cần thiết.

Bộ Chính trị có ý kiến:

- Sửa lại tiêu đề mục này như sau: "Tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường; nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước".

- Trong Dự thảo Báo cáo chính trị ở nhiều chỗ đã đề cập đến vấn đề bảo hộ sản xuất một cách hợp lý, khuyến khích, hỗ trợ cho sản xuất, kinh doanh đối với một số ngành, lĩnh vực và trên một số địa bàn; nhưng cần triệt để xóa bỏ bao cấp trong kinh doanh.

4. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội

Nhiều ý kiến góp ý tập trung vào mấy nội dung sau:

- Khẩn trương giải quyết chế độ lương và phụ cấp bất hợp lý.

- Có chính sách cụ thể đối với giai cấp công nhân (chính sách nhà ở, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp...).

- Cải cách hệ thống tiền lương theo hướng tiền tệ hóa đầy đủ tiền lương, bảo đảm tính hợp lý và minh bạch trong thu nhập - tiền lương.

- Cải cách dịch vụ y tế theo hướng mở rộng y tế và thanh toán các dịch vụ y tế qua bảo hiểm.

Bộ Chính trị có ý kiến:

- Ghi rõ trong văn kiện: cải cách cơ bản chế độ tiền lương theo hướng thực hiện tiền tệ hóa đầy đủ tiền lương, hệ thống thang bậc lương bảo đảm tương quan hợp lý, khuyến khích người có tài, người làm việc giỏi.

- Về y tế, cần ghi: có chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người nghèo, từng bước tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân.

- Các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp xã hội... không chỉ dành riêng cho công nhân, cho nên giữ như trong Dự thảo.

Phần V

PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, VĂN HÓA VÀ VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT

Có nhiều ý kiến đóng góp xây dựng Phần V, tập trung vào mấy điểm chính sau đây:

- Tên của mục này ghi vấn đề môi trường, nhưng trong mục không có ý nào nói về môi trường. Do đó, hoặc phải trình bày một số ý về môi trường, hoặc bỏ tiêu đề môi trường trong mục này.

- Để đảm bảo sự nhất quán giữa tên của Phần V với các ý được trình bày trong mục này, cần đưa mục phát triển văn hóa lên trên cùng, sau mới nói đến giáo dục - đào tạo, cuối cùng là khoa học - công nghệ.

- Cần chú ý hơn đến tính lý luận của vấn đề văn hóa để ngang tầm với Đại hội Đảng. Do vậy, không đi sâu vào vấn đề cụ thể.

- Giới khoa học đề nghị ghi thêm một câu: Xúc tiến việc thành lập Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Tiếp thu những ý kiến trên và Phần V sẽ được sửa như sau:

- Tiêu đề của Phần V là: "Phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc". Không viết gạch nối giữa giáo dục với đào tạo, khoa học với công nghệ như trong bản Dự thảo đã công bố. Không để vấn đề môi trường trong phần này mà để ở phần phát triển kinh tế, coi môi trường là một yếu tố bảo đảm sự phát triển bền vững.

- Căn cứ vào Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), bổ sung một số ý cho nổi bật tầm quan trọng của văn hóa.

- Chưa nên đưa vào Dự thảo ý "xúc tiến việc thành lập Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam". Vì quan niệm về viện hàn lâm mỗi nước một khác, ta cũng chưa nghiên cứu kỹ. Dự thảo đã ghi "sắp xếp lại và đổi mới hệ thống tổ chức nghiên cứu khoa học, gắn kết việc nghiên cứu khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật với khoa học xã hội và nhân văn". Câu này có thể hiểu là một hướng nghiên cứu xây dựng Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam trong thời gian tới.

Phần VI

TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG - AN NINH, BẢO VỆ TỔ QUỐC

1. Một số ý kiến đề nghị trong khái niệm về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa nên thêm: *bảo vệ trật tự an toàn xã hội*;

phần nói về sự lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội và Công an cần viết đầy đủ: tăng cường sự *lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối, trực tiếp* của Đảng đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Tiếp thu các ý kiến trên.

2. Một số ý kiến đề nghị bổ sung các ý sau:

- Cần huy động các nhà khoa học đầu ngành hợp tác với quân đội để sản xuất vũ khí.

- Tăng cường công nghiệp quốc phòng hiện đại, sản xuất các loại vũ khí tầm xa, vượt biển...

- Phải có lực lượng phản ứng nhanh, thật nhanh.

- Tăng cường công tác phối hợp quan hệ quốc tế, quan hệ khu vực về phòng thủ an ninh.

- Lực lượng vũ trang không làm kinh tế.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Không ghi những vấn đề cụ thể trên vào Dự thảo Báo cáo chính trị.

Phần VII

MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Về nhiệm vụ đối ngoại trong thời gian sắp tới, có ý kiến cho rằng trong hơn 10 năm qua chúng ta đã xây dựng được môi trường hòa bình, cho nên nhiệm vụ đối ngoại sắp tới là "tiếp tục giữ vững môi trường hòa bình".

Bộ Chính trị có ý kiến:

Tiếp thu ý kiến trên và sửa lại nhiệm vụ đối ngoại như sau:

"Nhiệm vụ đối ngoại trong thời gian tới là tiếp tục giữ vững môi trường hòa bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm độc lập và chủ quyền quốc gia, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội".

Phần VIII

PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN

1. Một số ý kiến cho rằng cần nói đầy đủ hơn vị trí chiến lược của vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc. Có ý kiến cho rằng cần dùng những từ ngữ đúng hơn, tỏ thái độ mạnh mẽ hơn trong việc chống lại các tư tưởng lệch lạc về dân tộc: "Nghiêm cấm kỳ thị và chia rẽ dân tộc; chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan; khắc phục tư tưởng tự ti, mặc cảm dân tộc".

Bộ Chính trị có ý kiến:

Tiếp thu các ý kiến đã nêu trên để bổ sung vào Dự thảo. Nhấn mạnh hơn vị trí vấn đề dân tộc như sau: "*Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc luôn luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng*".

2. Một số ý kiến cho rằng cần nói nhiều hơn, đề cập xứng đáng hơn vai trò của giai cấp công nhân.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Vấn đề vị trí, vai trò giai cấp công nhân, lập trường và quan điểm của giai cấp công nhân đã được thể hiện trong nhiều phần của Dự thảo Báo cáo chính trị chứ không chỉ được đề cập ở Phần VIII này. Tuy vậy, có thể giữ lại cách diễn đạt như bản Dự thảo trình Hội nghị Trung ương 11: "*giai cấp công nhân... xứng đáng là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và vai trò lãnh đạo cách mạng trong thời kỳ mới*", và "*tăng cường thành phần công nhân trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành*".

3. Một số ý kiến đề nghị nói vai trò, vị trí, tầm quan trọng và nội dung, phương thức hoạt động của một số đoàn thể và hội, đề cập đến nhiều chính sách cụ thể đối với các giới, các tầng lớp nhân dân.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Phần VIII nói về chính sách đối với các giới, các giai cấp, tầng lớp, tạo cơ sở đại đoàn kết toàn dân chứ không nhằm trình bày về các hội. Hơn nữa, hiện nay có đến 170 hội, trong đó có hàng chục hội có quy mô lớn và đều có tầm quan trọng lớn. Vì vậy không thể đề cập riêng từng hội, mà chỉ có thể nói chung về vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Về chính sách đối với các giới, các giai cấp, tầng lớp cũng chỉ đề cập những chính sách lớn như trong bản dự thảo, còn những chính sách, những chủ trương cụ thể như bỏ thuế nông nghiệp, mỗi dân tộc có chữ viết riêng..., thì hiện nay chưa có điều kiện thảo luận để quyết định ngay được.

Phần IX

ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC, PHÁT HUY DÂN CHỦ, TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ

1. *Về tiêu đề*, có các ý kiến đề nghị sửa lại như sau:

- Đẩy mạnh (hoặc tiếp tục) cải cách và hoàn thiện *bộ máy* nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế (thêm chữ bộ máy để khỏi hiểu lầm là thay đổi bản chất Nhà nước).

- Tiếp tục *xây dựng* và hoàn thiện nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế (thay chữ "cải cách" bằng chữ "xây dựng" cho phù hợp với nội dung của vấn đề).

- Đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam (nhấn mạnh vấn đề *pháp quyền*).

Bộ Chính trị có ý kiến:

Sửa lại như sau: đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện *tổ chức và hoạt động* của Nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế (thêm cụm từ: "tổ chức và hoạt động" cho cụ thể hơn).

2. *Về bố cục:*

Một số ý kiến đề nghị chuyển mục 4 nói về cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước lên mục 2 do tầm quan trọng của mục này; chuyển mục nói về đấu tranh chống tham nhũng xuống mục 5 cho thống nhất với lôgíc xây trước chống sau.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Tiếp thu các ý kiến trên.

3. *Về Quốc hội:*

- Có ý kiến đề nghị: khẳng định và thực hiện chủ trương

xây dựng Quốc hội nước ta thành cơ quan hoạt động thường xuyên, các đại biểu Quốc hội đều chuyên trách.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Giữ như Dự thảo: Tăng thêm tỷ lệ đại biểu Quốc hội chuyên trách.

- Có ý kiến đề nghị xác định chức năng giám sát tối cao của Quốc hội hiện nay nên tập trung vào những vấn đề bức xúc như: chống tham nhũng, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước; chống lãng phí; chống buôn lậu; tình hình bắt giam, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Tiếp thu các ý kiến trên để bổ sung, nhưng không làm nhẹ vai trò giám sát chung của Quốc hội.

- Về sửa Hiến pháp năm 1992, một số ý kiến cho rằng Dự thảo viết chung chung quá, cần nói rõ những định hướng sửa.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Chỉ nên nói định hướng chung như Dự thảo, chưa nên nói cụ thể vì còn nhiều vấn đề cần được nghiên cứu kỹ.

4. *Về các cơ quan tư pháp:*

+ Một số ý kiến cho rằng Dự thảo viết về viện kiểm sát, tòa án quá chung chung, không rõ định hướng cải cách và hoàn thiện. Qua thảo luận vẫn tồn tại hai loại ý kiến khác nhau về vấn đề này:

+ Viện kiểm sát chỉ làm chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Ý kiến ngược lại: tập trung làm tốt chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp (ý là vẫn làm cả chức năng kiểm sát chung).

+ Tòa án tổ chức theo cấp xét xử (sơ thẩm, chung thẩm). Ý kiến ngược lại: vẫn tổ chức theo ba cấp tương ứng với ba cấp hành chính hiện nay.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Về quy định viện kiểm sát nhân dân chỉ làm chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; tòa án nhân dân tổ chức theo cấp xét xử đã được xác định tại Hội nghị Trung ương 8 khóa VII, Trung ương 3 và 7 khóa VIII, nhưng qua thảo luận ý kiến vẫn khác nhau. Vì vậy chỉ nên viết như Dự thảo, sau Đại hội IX sẽ làm rõ hơn.

- Một số ý kiến đề nghị: chuyển hẳn thẩm quyền giải quyết đơn thư khiếu kiện của công dân sang tố tụng tư pháp.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Đề cao trách nhiệm của các tòa án trong việc giải quyết đơn thư khiếu kiện của công dân, nhưng các cơ quan hành chính nhà nước vẫn có trách nhiệm một phần trong việc này.

5. *Về đấu tranh chống tham nhũng:*

Nhiều ý kiến cho rằng những giải pháp nêu trong Dự thảo chủ yếu là những giải pháp tình thế, cần cơ bản hơn, toàn diện hơn. Đặc biệt cần sớm giải quyết cơ bản vấn đề tiền lương; lập tổ chức đặc biệt với những quyền hạn độc lập, gồm những cán bộ có bản lĩnh, liêm khiết để chống tham nhũng.

Bộ Chính trị có ý kiến:

- Bổ sung vào Dự thảo biện pháp cải cách cơ bản chế độ tiền lương, bảo đảm ổn định đời sống cho người hưởng lương, chống đặc quyền, đặc lợi.

- Không nên lập tổ chức đấu tranh chống tham nhũng độc lập vì sẽ làm vô hiệu hóa các cơ quan chức năng trong hệ thống chính trị hiện hành, làm nảy sinh những phức tạp mới.

Phần X

VỀ XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

1. *Về tiêu đề:*

Có ý kiến cho rằng nên đặt tiêu đề là "Xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng" là đủ, không cần nêu "chỉnh đốn Đảng" vì Đảng ta từ trước tới nay vẫn là Đảng vững vàng, kiên định.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Giữ như Dự thảo Báo cáo chính trị.

2. *Về đánh giá tình hình:*

Có ý kiến cho rằng trong Đảng ta đã có chủ nghĩa cơ hội chứ không phải chỉ là tư tưởng cơ hội, đề nghị nêu rõ chủ trương đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Giữ như Dự thảo Báo cáo chính trị: trong Đảng có tư tưởng cơ hội thì phù hợp với tình hình thực tế hơn.

3. *Về phân tích nguyên nhân:*

- Có ý kiến đề nghị cần làm rõ khuyết điểm của Đảng nhiều khóa trước, không thực hiện *Di chúc* của Bác về chỉnh đốn Đảng nên Đảng suy thoái.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Chỉ nói trách nhiệm của Đảng trong khóa VIII này.

- Có ý kiến đề nghị không nên nêu nhiều nguyên nhân, chỉ nên tập trung vào nguyên nhân chủ yếu (trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị).

Bộ Chính trị có ý kiến:

Giữ như Dự thảo Báo cáo chính trị, nhưng viết khái quát hơn (để không trùng lắp với Phần II).

4. *Về chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp:*

- Nhiều ý kiến đề nghị Đảng phải tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng một cách liên tục, thường xuyên, không nên mở cuộc vận động như hai năm vừa qua, nội dung cần tập trung vào ba việc: giáo dục, nâng cao nhận thức; rèn luyện đạo đức cách mạng; chống tệ tham nhũng.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Tiếp thu ý kiến trên và bổ sung vào nhiệm vụ thứ nhất.

- Nhiều ý kiến cho rằng tình hình cơ sở đảng mấy năm qua và hiện nay có nhiều mặt yếu kém, nổi rõ như sự kiện ở Thái Bình, Tây Nguyên, Nam Định, Hà Tây và ở khá nhiều nơi xảy ra khiếu kiện đông người, nên cần đặt công tác xây dựng, củng cố cơ sở đảng thành một mục riêng cho đúng mức hơn.

Một số ý kiến đề nghị: bổ sung những chủ trương về củng cố cơ sở đảng yếu kém, tăng cường công tác đảng ở các vùng dân tộc, tôn giáo; giáo dục, rèn luyện, quản lý đảng viên và phát triển đảng viên mới...

Bộ Chính trị có ý kiến:

Dự thảo Báo cáo chính trị đã đề ra ba nhiệm vụ chủ yếu, nay viết thêm một nhiệm vụ về "xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng thực sự trong sạch, vững mạnh".

- Có ý kiến đề nghị việc đánh giá cán bộ không chỉ căn cứ vào hiệu quả công việc mà còn phải căn cứ vào sự tín nhiệm đối với nhân dân.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Tiếp thu và bổ sung ý kiến trên.

- Có ý kiến đề nghị không nên luân chuyển cán bộ và quy định bí thư huyện ủy, tỉnh ủy không giữ chức vụ đó quá hai nhiệm kỳ.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Giữ quy định luân chuyển cán bộ đã nêu ở Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII.

- Có ý kiến đề nghị ghi rõ tuổi nghỉ hưu của cán bộ chủ chốt ở Trung ương là 75, cấp bộ và cấp tỉnh là 65, cấp huyện là 60.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Không nên ghi trong Dự thảo Báo cáo chính trị Quy định này.

- Có ý kiến đề nghị trong công tác cán bộ có cơ chế kiểm tra, giám sát cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt ở các cấp, để ngăn ngừa tình trạng suy thoái của cán bộ.

Bộ Chính trị có ý kiến:

Tiếp thu ý kiến trên để bổ sung Dự thảo.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 11 (LẦN 2) BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VIII*

Ngày 24 tháng 3 năm 2001

Thưa Trung ương,
Thưa các đồng chí Cố vấn,

Sau 10 ngày làm việc khẩn trương, tích cực, với tinh thần dân chủ, đoàn kết, ý thức trách nhiệm cao, Hội nghị Trung ương 11 (lần 2) đã hoàn thành chương trình đề ra là tiếp tục xem xét, hoàn chỉnh dự thảo các văn kiện và chuẩn bị giới thiệu về nhân sự trình Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Chuẩn bị các văn kiện Đại hội IX là chuẩn bị về đường lối xây dựng, phát triển, bảo vệ đất nước và đường lối xây dựng Đảng trong những năm đầu của thế kỷ mới. Do nhiệm vụ hệ trọng đó, tất cả các tổ chức đảng và đảng viên, từ chi bộ tới Ban Chấp hành Trung ương đã dành nhiều thời gian, công sức, trí tuệ cho công việc này. Bàn việc Đảng là bàn việc của dân,

---

* Đầu đề do chúng tôi đặt (*B.T*).

bàn việc của nước. Cho nên các tầng lớp nhân dân thuộc nhiều lứa tuổi, nghề nghiệp, thuộc nhiều dân tộc, tôn giáo, ở khắp mọi miền và kiều bào ta ở nước ngoài đã đóng góp những ý kiến tâm huyết và phong phú, thể hiện khối đại đoàn kết bền vững của dân tộc, niềm tin yêu của nhân dân đối với Đảng, Đảng với dân là một ý chí.

Hầu hết các ý kiến của đảng viên, nhân dân đều tán thành những nội dung cơ bản của Dự thảo Báo cáo chính trị; đồng thời bổ sung, phân tích, lý giải, làm sáng tỏ thêm nhiều vấn đề quan trọng. Đặc biệt là những ý kiến phân tích về sự kiên định đường lối độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nạn tham nhũng, quan liêu mà nhiều người cho là một nguy cơ lớn cản trở sự phát triển của nước ta, đe dọa sự trường tồn của chế độ ta; về phát triển giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; nâng cao tri thức và tay nghề cho người lao động, bồi dưỡng thế hệ trẻ; công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn; quan tâm đến vùng đồng bào các dân tộc ít người, vùng sâu, vùng khó khăn, vùng thường xuyên bị thiên tai đe dọa; về sự công bằng xã hội, giữ nghiêm kỷ cương; nâng cao tri thức đi đôi với trau dồi đạo đức, quan tâm đúng mức nhiều hơn nữa các vấn đề xã hội...

Nhân dân và đảng viên đặc biệt nhấn mạnh phải tiếp tục xây dựng và chỉnh đốn Đảng, cả ở cấp chiến lược và các tổ chức cơ sở, yêu cầu đảng viên, cán bộ Đảng và Nhà nước phải có tác phong đi sát dân, sát cơ sở, phải thực sự rèn luyện, học tập, nâng cao phẩm chất cách mạng vì hạnh phúc của nhân dân.

Ban Chấp hành Trung ương đã trân trọng và nghiêm túc tiếp thu nhiều ý kiến đóng góp đúng đắn của nhân dân, hoàn chỉnh thêm một bước dự thảo các văn kiện trình Đại hội.

Còn nhiều ý kiến góp ý về những biện pháp rất cụ thể ở nhiều lĩnh vực, Ban Chấp hành Trung ương sẽ tiếp thu trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX.

Việc tiếp thu, tổng hợp ý kiến đóng góp của nhân dân và đảng viên không phải chỉ là công việc của Văn phòng Trung ương và Tiểu ban Văn kiện. Các đại biểu và đoàn đại biểu các địa phương, các đơn vị được cử tham gia Đại hội Đảng phải dành thời gian lắng nghe và đọc các ý kiến đóng góp, nghiên cứu, tổng hợp, chuẩn bị với tinh thần trách nhiệm cao nhất để tham gia vào các văn kiện khi dự Đại hội Đảng toàn quốc. Đảng viên, cán bộ, các cấp ủy, các cơ quan chính quyền và đoàn thể cần nghiêm túc tiếp thu các ý kiến đóng góp, khắc phục khuyết điểm, đưa vào chương trình hành động các đề xuất đúng, rèn luyện xây dựng bản thân, xây dựng chỉnh đốn Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị, củng cố xây dựng tổ chức, rèn luyện đảng viên, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ năm 2001.

Cùng với việc chuẩn bị dự thảo các văn kiện, việc chuẩn bị giới thiệu nhân sự trình Đại hội là một công việc hết sức quan trọng.

Tại Hội nghị lần này, Ban Chấp hành Trung ương tiếp tục quán triệt phương hướng chuẩn bị nhân sự mà các Hội nghị Trung ương trước xác định, tích cực chuẩn bị giới thiệu trình Đại hội để Đại hội lựa chọn, bầu vào Ban Chấp hành Trung ương mới những đồng chí xứng đáng, đủ tiêu chuẩn, tiêu biểu cho trí tuệ, bản lĩnh, phẩm chất đạo đức của Đảng ta, nhân dân ta, vừa bảo đảm được tính kế thừa, tính liên tục, giữ vững sự ổn định chính trị, vừa có sự đổi mới, phát triển;

coi trọng chất lượng và tiêu chuẩn, đồng thời có số lượng và cơ cấu hợp lý.

Bộ Chính trị đã trình Trung ương những kết quả bước đầu việc chuẩn bị giới thiệu nhân sự, cung cấp cho Trung ương những tài liệu, thông tin cần thiết để Trung ương xem xét, quyết định. Các đồng chí Ủy viên Trung ương, với tinh thần trách nhiệm cao, đã nghiên cứu, thảo luận, cân nhắc để chọn ra phương án tốt nhất. Đây là cơ sở cho các bước chuẩn bị tiếp theo, để tới Hội nghị Trung ương 12, sẽ hoàn tất công việc chuẩn bị giới thiệu nhân sự trình Đại hội IX xem xét, quyết định.

Trong quá trình chuẩn bị giới thiệu nhân sự, Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII đã tiến hành với tinh thần nghiêm túc tự phê bình và phê bình trên cơ sở nguyên tắc Đảng và tình đồng chí, lắng nghe ý kiến của các đồng chí lão thành, ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân, cả ở nơi công tác và nơi cư trú; kết luận rõ một số trường hợp có đơn thư tố cáo và thi hành kỷ luật một số đồng chí có sai phạm, thể hiện tinh thần dân chủ, đoàn kết, thẳng thắn, trách nhiệm cao, giữ nghiêm nguyên tắc và kỷ cương của Đảng.

Thưa các đồng chí,

Đại hội IX của Đảng là đại hội trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân hãy phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng và dân tộc, tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng và trong nhân dân mà hạt nhân là Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ra sức thi đua thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống tinh thần, vật chất của nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc phòng,

mở rộng quan hệ đối ngoại, góp phần vào thắng lợi Đại hội IX của Đảng, tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng nước ta vững bước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị 11 (lần 2) của Ban Chấp hành Trung ương.

Xin chúc sức khỏe các đồng chí.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 65-CT/TW, ngày 2 tháng 4 năm 2001

Về lãnh đạo Đại hội Phụ nữ các cấp tiến tới Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ IX

Những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đã tạo được phong trào thi đua sôi nổi trong các cấp hội, tập hợp, thu hút ngày càng đông đảo các tầng lớp phụ nữ vào tổ chức hội, đồng thời mang lại lợi ích thiết thực cho hàng triệu phụ nữ, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng. Tuy nhiên, phong trào và hoạt động hội ở một số địa phương và cơ sở còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới cần sớm được khắc phục.

Để lãnh đạo Đại hội Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đạt kết quả tốt, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng làm tốt một số việc sau đây:

1. Lãnh đạo ban chấp hành hội phụ nữ các cấp xây dựng tốt nội dung báo cáo đại hội. Đại hội cần tổng kết sâu sắc

phong trào phụ nữ và hoạt động của các cấp hội từ cơ sở trong 5 năm qua, khẳng định những việc đã làm được và chưa làm được, từ đó rút bài học kinh nghiệm; cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng và nghị quyết đại hội đảng các cấp, dự báo tình hình phát triển của phong trào phụ nữ để đề ra phương hướng, nhiệm vụ của hội phụ nữ các cấp nhiệm kỳ tới thiết thực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của sự nghiệp đổi mới và sự phát triển của phong trào phụ nữ trong những năm đầu của thế kỷ XXI.

2. Tiến tới Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ IX, các cấp hội phải coi đây thực sự là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong các tầng lớp phụ nữ; cần tiếp tục đẩy mạnh các phong trào và chương trình hiện có, đặc biệt là tổ chức và động viên giới phụ nữ tham gia tích cực vào việc thực hiện Quy chế dân chủ và xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, chăm sóc trẻ em, đấu tranh chống các hủ tục, mê tín dị đoan, lợi dụng tôn giáo phá hoại chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và đại đoàn kết toàn dân. Chú trọng hơn nữa việc đổi mới nội dung, phương thức sinh hoạt hướng mạnh về cơ sở, mở rộng, đa dạng hóa các hình thức hoạt động, tập hợp các đối tượng phụ nữ vào tổ chức hội, đáp ứng với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và phong trào của phụ nữ Việt Nam trong giai đoạn mới. Tổ chức tốt việc lấy ý kiến và phát huy trí tuệ của cán bộ, hội viên, xây dựng nội dung các văn kiện đại hội và lựa chọn những người tiêu biểu tham gia ban chấp hành phụ nữ các cấp và bầu đoàn đại biểu đi dự đại hội cấp trên bảo đảm chất lượng, cơ cấu.

3. Chỉ đạo chặt chẽ việc giới thiệu và lựa chọn cán bộ chủ chốt của các cấp hội; Ban chấp hành hội phải bảo đảm tính liên hiệp rộng rãi của các tầng lớp phụ nữ. Những người được lựa chọn tham gia ban chấp hành phải là những người có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, có tín nhiệm, có phương pháp vận động quần chúng, có khả năng tham gia xây dựng, cụ thể hóa và thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của phụ nữ.

4. Đối với các cấp ủy đảng, nơi nào chưa sơ kết 7 năm thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TW về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới và Chỉ thị 37-CT/TW về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới, nhân dịp này cần tiến hành sơ kết trước khi Hội Liên hiệp Phụ nữ tổ chức đại hội nhằm quán triệt và tiếp tục thực hiện tốt quan điểm của Đảng về công tác cán bộ nữ và công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới.

5. Phân công cấp ủy chỉ đạo đại hội ở mỗi cấp hội; lãnh đạo chính quyền và các ngành, các cấp từ Trung ương đến cơ sở tạo điều kiện thuận lợi để hội phụ nữ các cấp tổ chức tốt đại hội với tinh thần đoàn kết, trang trọng, tiết kiệm, tránh phô trương hình thức. Chỉ đạo các cấp chính quyền tiếp tục thực hiện Quyết định số 163/HĐBT, ngày 19-10-1988 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định trách nhiệm của các cấp chính quyền trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước.

6. Ban Dân vận Trung ương và Đảng đoàn Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam có trách nhiệm giúp Bộ Chính trị theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị này, định kỳ báo cáo với Bộ Chính trị.

Chỉ thị này được phổ biến đến các chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 363-TB/TW, ngày 2 tháng 4 năm 2001

Về dự án Luật di sản văn hóa

Tại phiên họp ngày 30-3-2001, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ngành về dự án Luật di sản văn hóa, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Cơ bản đồng ý với ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Đảng đoàn Quốc hội về một số vấn đề của dự án Luật di sản văn hóa mà Đảng đoàn Quốc hội trình Bộ Chính trị (Tờ trình số 247/ĐĐQH10, ngày 6-3-2001).

Đảng đoàn Quốc hội có trách nhiệm chỉ đạo Ban Soạn thảo và Ủy ban Thường vụ Quốc hội tiếp thu ý kiến của Bộ Chính trị, chỉnh lý, hoàn thiện dự án Luật trình Quốc hội xem xét thông qua tại Kỳ họp thứ 9 (tháng 5-2001).

Lưu ý:

- Xác định rõ hơn chính sách của Nhà nước đối với các loại hình văn hóa phi vật thể nhằm khuyến khích việc sưu tầm, phát huy những nội dung văn hóa lành mạnh; chống việc thương mại hóa và các biểu hiện tiêu cực, lạc hậu trong việc khai thác, sử dụng các giá trị văn hóa phi vật thể, đặc biệt là trong việc tổ chức các lễ hội truyền thống.

- Cần nghiên cứu kỹ vấn đề quyền sở hữu đối với di sản văn hóa. Nếu có thể được thì quy định rõ các tiêu chí để xác định những di sản văn hóa nào thuộc sở hữu toàn dân, những di sản văn hóa nào thuộc sở hữu tập thể (cộng đồng), cá nhân; thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, khai thác, sử dụng các di sản văn hóa. Quy định chặt chẽ việc mua bán, trao đổi cổ vật, đặc biệt là việc đưa cổ vật ra nước ngoài. Nghiên cứu quy định quyền được sao các cổ vật.

- Cụ thể hóa hơn nội dung các quy định về nhà bảo tàng, các nhà truyền thống, nhà lưu niệm; quy định rõ điều kiện cho phép thành lập bảo tàng tư nhân.

- Rà soát kỹ lại toàn bộ nội dung của dự án luật, xem những vấn đề gì có thể quy định ngay trong luật được thì nên quy định rõ, nhằm bảo đảm cho luật được ban hành có thể thi hành ngay, hạn chế tối đa các nội dung cần phải có văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Quá trình Quốc hội thảo luận, nếu có vấn đề gì cần xin ý kiến Bộ Chính trị thì Đảng đoàn Quốc hội tổng hợp báo cáo để Bộ Chính trị xem xét trước khi trình Quốc hội thông qua.

Xin thông báo các đồng chí biết.

T/L BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 12 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VIII*

Ngày 7 tháng 4 năm 2001

Thưa Trung ương,
Thưa các đồng chí Cố vấn,

Chỉ còn ít ngày nữa, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng sẽ khai mạc. Hội nghị Trung ương 12 cũng là hội nghị cuối cùng của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII có trách nhiệm rất lớn là hoàn tất các dự thảo văn kiện trình Đại hội và chuẩn bị tiếp về nhân sự để giới thiệu một danh sách gồm những đồng chí bảo đảm chất lượng và đủ số lượng để trình Đại hội xem xét, lựa chọn đề cử và bầu cử vào Ban Chấp hành Trung ương khóa IX.

Tại Hội nghị lần này, Ban Chấp hành Trung ương cũng thảo luận dự kiến về chương trình Đại hội, dự kiến các cơ quan

---

* Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII họp từ ngày 7 đến ngày 9-4-2001. Đầu đề do chúng tôi đặt (*B.T*).

lãnh đạo Đại hội và Quy chế làm việc của Đại hội, Quy chế bầu cử Ban Chấp hành Trung ương khóa IX để trình Đại hội thông qua.

Hội nghị Trung ương 12 làm việc trong 3 ngày, từ ngày 7 đến ngày 9-4-2001. Thời gian ngắn, công việc nhiều, nhưng Hội nghị lần này có ý nghĩa quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả và thành công của Đại hội. Do đó đề nghị Trung ương tập trung trí tuệ, với tinh thần trách nhiệm cao, dân chủ thảo luận để hoàn thành chương trình đề ra.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII.

Xin chúc các đồng chí sức khỏe.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BẢN TRÌNH BÀY
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 245/TLHN, ngày 5 tháng 4 năm 2001

Về việc tiếp tục hoàn chỉnh dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 và Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 sau Hội nghị Trung ương 11 (lần 2) trình Hội nghị Trung ương lần thứ 12 (khóa VIII)*

Sau Hội nghị Trung ương 11 (lần 2), có 118 đồng chí Ủy viên Trung ương đã gửi ý kiến đóng góp cho dự thảo Chiến lược và Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm, trong đó có 80 ý kiến đối với Chiến lược và 29 ý kiến đối với Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm. Ngoài ra, Văn phòng Trung ương cũng đã tập hợp thêm ý kiến đóng góp của một số tổ chức đảng, đoàn thể và nhân dân tham gia vào các dự thảo này.

Hầu hết những ý kiến đóng góp đều là trực tiếp sửa chữa về câu chữ mang tính kỹ thuật hoặc những ý rất cụ thể, chi tiết và nhiều ý kiến đã được thể hiện trong các dự thảo.

---

* Để bạn đọc tiện theo dõi, chúng tôi xếp tài liệu này theo trình tự diễn biến của Hội nghị *(B.T)*.

Bộ Chính trị đã chỉ đạo tiếp thu nghiêm túc những ý kiến hợp lý của các đồng chí Trung ương, các tổ chức đảng, đoàn thể và nhân dân; đồng thời chú ý hoàn chỉnh thêm một lần nữa nội dung và cách thể hiện để thống nhất về những vấn đề quan trọng giữa các dự thảo Báo cáo chính trị, Chiến lược và Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm.

Sau đây là một số điểm đề nghị Trung ương cho sửa đổi, bổ sung trong các dự thảo và một số vấn đề xin trình bày rõ thêm:

I- VỀ DỰ THẢO CHIẾN LƯỢC 10 NĂM 2001 - 2010

1. Về tình hình đất nước và bối cảnh quốc tế

- Về nguyên nhân của những mặt yếu kém, bất cập, có ý kiến đề nghị bổ sung ý: "Quan điểm phát huy nội lực, gắn kết kế hoạch và công nghệ với sản xuất và kinh tế chưa được quán triệt trong công tác quản lý kinh tế".

Bộ Chính trị đề nghị phần nguyên nhân của những mặt yếu kém viết như trong Dự thảo là phù hợp, xin giữ như Dự thảo.

- Về bối cảnh quốc tế:

+ Có ý kiến đề nghị bỏ nhận định: "Khả năng duy trì hòa bình, ổn định trên thế giới và khu vực cho phép chúng ta tập trung sức vào nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế; đồng thời đòi hỏi phải đề cao cảnh giác, chủ động đối phó với những tình huống bất trắc, phức tạp có thể xảy ra".

Bộ Chính trị đề nghị giữ lại nhận định này vì đây là một dự báo quan trọng có ý nghĩa chỉ đạo cho việc hoạch định chiến lược.

+ Có ý kiến đề nghị bỏ câu: "Tri thức và sở hữu trí tuệ có vai trò ngày càng quan trọng".

Bộ Chính trị đề nghị cần giữ lại ý này vì đây là một đặc điểm mới rất đáng quan tâm trong sự phát triển của lực lượng sản xuất và các quan hệ kinh tế trong thời đại ngày nay.

+ Có ý kiến đề nghị bỏ đoạn: "Các nước đang phát triển, trong đó có nước ta, có cơ hội thu hẹp khoảng cách so với các nước phát triển, cải thiện vị thế của mình; đồng thời đứng trước nguy cơ tụt hậu xa hơn nếu không tranh thủ được cơ hội, khắc phục yếu kém để vươn lên".

Bộ Chính trị đề nghị cho giữ lại đoạn này vì đây là một ý rất quan trọng cần được nhận rõ trong việc hoạch định chiến lược.

+ Có ý kiến đề nghị chuyển đoạn: "Trong thời gian tới, tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta được nâng lên một bước mới gắn với việc thực hiện các cam kết tham gia AFTA, APEC, thực hiện Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, tiến tới gia nhập WTO..., đòi hỏi nước ta phải chủ động lựa chọn lộ trình hội nhập hợp lý, ra sức nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế, tham gia có hiệu quả vào sự phân công lao động quốc tế" sang mục "Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại" của phần "Hình thành đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa".

Bộ Chính trị đề nghị giữ lại ý của đoạn này trong mục "Bối cảnh quốc tế" vì đây là một ý rất quan trọng để làm rõ bối cảnh quốc tế tác động đến việc hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta, song được viết gắn với đoạn trên và ngắn gọn hơn như sau: "Toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế là một quá trình vừa hợp tác để

phát triển, vừa đấu tranh rất phức tạp, đặc biệt là đấu tranh của các nước đang phát triển bảo vệ lợi ích của mình, vì một trật tự kinh tế quốc tế công bằng, chống lại những áp đặt phi lý của các cường quốc kinh tế, các công ty xuyên quốc gia. Đối với nước ta, tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian tới được nâng lên một bước mới gắn với việc thực hiện các cam kết quốc tế, đòi hỏi chúng ta phải ra sức nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế, tham gia có hiệu quả vào phân công lao động quốc tế". Còn một số ý cụ thể thì được chuyển vào đoạn đầu của mục "Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại" và được viết rõ hơn như sau: "Tiếp tục mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp với điều kiện của nước ta và bảo đảm thực hiện những cam kết trong quan hệ song phương và đa phương như AFTA, APEC, Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, tiến tới gia nhập WTO...".

2. Về mục tiêu chiến lược và quan điểm phát triển

- Về mục tiêu chiến lược:

+ Có ý kiến đề nghị sửa một câu trong Mục tiêu tổng quát của Chiến lược: "Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản" thành: "Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển ổn định".

Bộ Chính trị đề nghị viết như Dự thảo là phù hợp.

+ Có ý kiến đề nghị bỏ hai chữ "ít nhất" trong mục tiêu "Đưa GDP năm 2010 ít nhất gấp đôi năm 2000".

Vấn đề này Trung ương đã thảo luận, cân nhắc, Bộ Chính trị đề nghị giữ như Dự thảo.

+ Có ý kiến đề nghị bổ sung thêm vào Mục tiêu cụ thể của Chiến lược: "giảm tốc độ tăng dân số còn 1,1 - 1,2% vào năm 2010".

Bộ Chính trị đề nghị tiếp thu ý kiến này, đưa chỉ tiêu giảm tỷ lệ tăng dân số đã được nêu tại mục "Dân số và việc làm" của phần "Phát triển văn hóa, xã hội" của Dự thảo vào phần mục tiêu cho phù hợp.

- Về quan điểm phát triển:

+ Có ý kiến đề nghị bổ sung ý: "giải quyết dứt điểm vùng đói nghèo, không còn khu vực đặc biệt khó khăn, phát triển có trọng điểm nhưng không tạo phân cực quá đáng, phải tương đối đồng đều" vào quan điểm "Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường".

Bộ Chính trị đề nghị giữ như Dự thảo, vì tinh thần của ý kiến này đã được đề cập có cân nhắc phù hợp với điều kiện thực tế.

- Ngoài ra, trong các phần của Dự thảo, đã tiếp thu chỉnh sửa nhiều câu chữ cho rõ ý và hoàn chỉnh hơn.

II- VỀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH 5 NĂM 2001 - 2005

1. Về phần đánh giá tình hình

Các số liệu về cơ cấu kinh tế đã được chỉnh sửa lại theo báo cáo mới nhất của Tổng cục Thống kê:

Đến năm 2000, tỷ trọng khu vực kinh tế nhà nước trong GDP khoảng 39%; khu vực kinh tế tập thể 8,5%; khu vực kinh tế tư nhân 3,3%; khu vực kinh tế cá thể 32%; khu vực kinh tế hỗn hợp 3,9% và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 13,3% (dự thảo trước tương ứng là 37%; 8,8%; 5%; 33%; 4,2% và 12,2%).

2. Về mục tiêu tổng quát, nhiệm vụ và các chỉ tiêu chủ yếu

- Về mục tiêu tổng quát của Kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, đã chỉnh sửa một số câu chữ, sắp xếp lại một số ý cho hợp lý, rõ ràng hơn như sau:

"Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Mở rộng kinh tế đối ngoại. Tạo chuyển biến mạnh về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát huy nhân tố con người. Tạo nhiều việc làm; cơ bản xóa đói, giảm số hộ nghèo; đẩy lùi các tệ nạn xã hội; ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Tiếp tục tăng cường kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội; hình thành một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia".

- Theo tính toán lại của các chương trình mục tiêu quốc gia, có 2 mục tiêu cần sửa lại cho phù hợp với điều kiện thực tế:

+ Tạo việc làm, giải quyết thêm việc làm cho khoảng 7,5 triệu lao động (dự thảo trước là 7,5 - 8 triệu), bình quân

1,5 triệu lao động/năm (dự thảo trước là 1,5 - 1,6 triệu lao động/năm).

+ Cung cấp nước sạch cho 60% dân số nông thôn. Trước đây dự báo khả năng thực hiện chỉ tiêu tỷ lệ cung cấp nước sạch cho dân số nông thôn vào năm 2000 đạt khoảng 50%, nên đưa ra mục tiêu này vào năm 2005 là 80%. Nay đánh giá lại mức thực hiện năm 2000 chỉ đạt khoảng 40%, nên mục tiêu năm 2005 được điều chỉnh là 60% cho phù hợp.

3. Về định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực

- Trong phần "Định hướng phát triển khoa học và công nghệ", tiếp thu ý kiến của đồng chí Nguyễn Văn Hiệu, đề nghị bổ sung thêm một đoạn vào Dự thảo như sau:

"Khoa học tự nhiên chú trọng nghiên cứu cơ sở khoa học của sự phát triển các lĩnh vực công nghệ trọng điểm và khai thác các tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, dự báo, phòng tránh, giảm nhẹ hậu quả thiên tai".

- Trong "Định hướng phát triển các vùng lãnh thổ", tiếp thu ý kiến đóng góp, đề nghị bổ sung thêm một số ý sau:

+ Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, trong định hướng phát triển lương thực có bổ sung thêm ý: "Không phá rừng làm nương rẫy sản xuất lương thực".

+ Vùng Tây Nguyên, bổ sung thêm nội dung "Phát triển mạng lưới bưu chính - viễn thông an toàn, thông suốt".

- Ngoài ra, trong các phần của Dự thảo, đã tiếp thu chỉnh sửa nhiều câu chữ cho rõ ý và hoàn chỉnh hơn.

*

* *

Toàn văn dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

2001 - 2010 và Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 đã được chỉnh sửa một lần nữa theo như trình bày ở trên và đã gửi đến các đồng chí Trung ương.

Xin Trung ương cho ý kiến.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BẢN TRÌNH BÀY
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 249/TLHN, ngày 5 tháng 4 năm 2001

Về việc tiếp tục hoàn chỉnh dự thảo Báo cáo chính trị sau Hội nghị Trung ương 11 (lần 2) trình Hội nghị Trung ương 12 (khóa VIII)*

Sau Hội nghị Trung ương 11 (lần 2) đã có 135 đồng chí Ủy viên Trung ương gửi lại bản dự thảo Báo cáo chính trị. Số ý kiến đề nghị bổ sung, sửa chữa không nhiều và chủ yếu tập trung vào sửa câu chữ hoặc điều chỉnh một số nhận định, đánh giá tình hình, đề ra phương hướng, nhiệm vụ của một số ngành.

Căn cứ vào ý kiến của Trung ương và một số ý kiến nhân dân tiếp tục đóng góp sau Hội nghị Trung ương, Bộ Chính trị đã chỉ đạo Tổ biên tập nghiêm túc tiếp thu những ý kiến xác đáng để sửa chữa văn bản. Trong lần sửa này, chủ yếu chỉnh lý về mặt kỹ thuật của báo cáo, sửa đổi câu chữ, cách trình bày nhằm làm rõ hơn ý tứ và tránh trùng lặp giữa các phần, không làm thay đổi những nội dung cơ bản đã được Trung ương thông qua.

---

* Để bạn đọc tiện theo dõi, chúng tôi xếp tài liệu này theo trình tự diễn biến của Hội nghị *(B.T)*.

Sau đây là một số điểm sửa đổi có liên quan ít nhiều đến nội dung, Bộ Chính trị xin báo cáo để Trung ương cho ý kiến.

Phần I

VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ XX VÀ TRIỂN VỌNG TRONG THẾ KỶ XXI

- Về nhận định tổng quát thế kỷ XX, câu mở đầu trước đây viết: "Thế kỷ XX là thế kỷ phát triển rực rỡ của loài người". Nhiều ý kiến cho rằng viết như vậy mới thể hiện được mặt phát triển, chưa thể hiện được mặt trái là chiến tranh, khủng hoảng, mâu thuẫn... Nay sửa lại là: "Thế kỷ XX ghi đậm trong lịch sử loài người những dấu ấn cực kỳ sâu sắc".

- Về thách thức đối với nhân dân ta, dự thảo cũ viết theo kết luận của các Hội nghị Trung ương trước, sau khi nêu rõ cho đến nay bốn nguy cơ vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp, không thể xem nhẹ nguy cơ nào, đã nhấn mạnh nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế và nguy cơ về tham nhũng, suy thoái, không nói nguy cơ nào là lớn nhất. Nhưng trật tự thì đặt nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế lên trước. Nay theo ý kiến của nhiều đồng chí Trung ương và của đông đảo nhân dân, dự thảo đã được sửa lại, đưa nguy cơ tham nhũng và suy thoái lên trước. Câu sửa đó như sau: "Điều cần nhấn mạnh là: tình trạng tham nhũng và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đang cản trở việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, gây bất bình và làm giảm lòng tin trong nhân dân; nước ta căn bản vẫn còn là nước kém phát triển, mức sống nhân dân còn thấp, trong khi đó cuộc cạnh

tranh quốc tế ngày càng quyết liệt, nếu chúng ta không nhanh chóng vươn lên thì sẽ càng tụt hậu xa hơn về kinh tế".

Phần III

VỀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

Trong đoạn viết về tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp thu ý kiến của Trung ương, nay bổ sung thêm ý: "Về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau" và đặt trước câu "về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh". Sửa câu "cần kiệm xây dựng nước nhà" thành "cần kiệm liêm chính, chí công vô tư", trong đoạn nói về đạo đức cách mạng.

Phần IV

ĐƯỜNG LỐI VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

- Dự thảo trước viết "bảo vệ môi trường", nay sửa cho đầy đủ hơn: "bảo vệ *và cải thiện* môi trường".

- Sắp xếp lại thứ tự các ngành công nghiệp trong mục công nghiệp cho hợp lý hơn. Đưa công nghiệp nhẹ, cơ khí, điện tử lên trên công nghiệp nặng.

- Đoạn nói về chiến lược phát triển các vùng, bổ sung ý: chú trọng các vùng Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam.

- Về phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, sửa đoạn: "Giao cho hội đồng quản trị doanh nghiệp *quyền chủ sở hữu trực tiếp*..." thành: "Giao cho hội đồng quản trị doanh nghiệp *quyền đại diện trực tiếp chủ sở hữu*...".

- Bỏ đoạn: "Đổi mới căn bản phương thức đầu tư vốn của Nhà nước cho các doanh nghiệp thông qua công ty tài chính và thị trường vốn".

Sửa đoạn "nộp *ngân sách* nhà nước đầy đủ..." thành: "nộp *thuế* đầy đủ...".

Sửa đoạn: "Các hợp tác xã dựa trên sở hữu của các *hộ xã viên*..." thành: "Các hợp tác xã dựa trên sở hữu của các *thành viên*...".

Sửa đoạn: "Tổng kết việc chuyển đổi các hợp tác xã theo Luật hợp tác xã" thành: "Tổng kết việc chuyển đổi *và phát triển* các hợp tác xã theo Luật hợp tác xã".

Bổ sung đoạn: "Trong 5 năm tới, hoàn thành việc..." (trang 18, dòng 6) thành: "Trong 5 năm tới, *cơ bản* hoàn thành việc củng cố, sắp xếp... doanh nghiệp nhà nước".

Sửa đoạn: "Củng cố và hiện đại hóa một bước *đại bộ phận* doanh nghiệp nhà nước" thành: "Củng cố và hiện đại hóa một bước *phần lớn* các doanh nghiệp nhà nước".

Bổ sung ý: "Phân biệt quyền của chủ sở hữu và quyền kinh doanh của doanh nghiệp".

- Về tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường, đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước, thay đoạn: *"Xoá bỏ* độc quyền kinh doanh của doanh nghiệp lớn" thành: *"Hạn chế và kiểm soát* độc quyền kinh doanh"...

Phần V

PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC

- Về giáo dục và đào tạo, sửa câu: "Đổi mới *căn bản* và

toàn diện nội dung, phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và *dân chủ hoá*" thành câu: "Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng toàn diện nội dung, phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục; thực hiện "chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa".

- Về khoa học và công nghệ, đã thay đổi trật tự trình bày, bắt đầu từ khoa học xã hội và nhân văn đến khoa học tự nhiên và khoa học - công nghệ. Mỗi loại khoa học ấy đều nêu lên phương hướng phấn đấu chính.

- Về xây dựng nền văn hóa..., thêm một đoạn mới: "Nêu cao trách nhiệm của gia đình trong việc xây dựng và bồi dưỡng các thành viên của mình có lối sống văn hóa, làm cho gia đình thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội. Đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; ngăn chặn việc phục hồi các hủ tục, khắc phục tình trạng mê tín đang có xu hướng lan rộng trong nhân dân".

Phần VIII

PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN

Đoạn về tín ngưỡng, tôn giáo, trước viết "bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng tôn giáo", nay viết lại là "bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào".

Phần X

XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

- Đoạn mở đầu, có thêm một câu: "Những thành tựu và yếu kém trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo và những ưu điểm, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng".

- Lược bớt mấy câu trong đoạn nói về kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) để không trùng với đoạn nêu ở Phần II. Chỉ viết gọn là: "Qua hai năm thực hiện, cuộc vận động thu được một số kết quả và kinh nghiệm bước đầu song chưa đạt yêu cầu đề ra".

Đoạn nêu khuyết điểm trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng cũng có sửa lại cách viết để không trùng lặp với đoạn kiểm điểm ở Phần II.

- Trong nhiệm vụ 1: "Giáo dục tư tưởng chính trị...", trước viết: "Toàn Đảng tiến hành một cách nghiêm túc việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh", nay sửa lại là: "Toàn Đảng nghiêm túc học tập chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh".

Toàn văn dự thảo Báo cáo chính trị đã được chỉnh sửa theo như trình bày ở trên và đã được gửi đến các đồng chí Trung ương.

Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho ý kiến để kịp in gửi các đại biểu Đại hội.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ 12 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA VIII

Số 18-NQ/TW, ngày 10 tháng 4 năm 2001

Về thông qua dự thảo các văn kiện trình Đại hội IX; thông qua chương trình, quy chế, số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa IX; giao cho Bộ Chính trị chỉ đạo Tiểu ban tổ chức phục vụ Đại hội và các cơ quan chức năng tiếp tục chuẩn bị chu đáo để Đại hội IX thành công tốt đẹp*

Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã họp từ ngày 7-4 đến ngày 10-4-2001, tại Hà Nội, sau khi xem xét các tờ trình của Bộ Chính trị,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua về nguyên tắc các dự thảo văn kiện trình Đại hội IX của Đảng. Giao Bộ Chính trị căn cứ vào Bản trình bày ý kiến của Bộ Chính trị, ý kiến thảo luận tại Hội nghị và sửa chữa trực tiếp vào văn bản của các đồng chí Trung ương

---

* Đầu đề do chúng tôi đặt (*B.T*).

để hoàn chỉnh lần cuối các dự thảo văn kiện trình Đại hội IX của Đảng, gồm:

- Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII,
- Báo cáo về các văn kiện của Trung ương trình Đại hội IX,
- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010,
- Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005,
- Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng và Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi),
- Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII,
- Báo cáo tình hình, kết quả kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Phương hướng, nhiệm vụ tiếp tục đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng,
- Báo cáo về công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX.

2. Thông qua dự thảo Quy chế làm việc của Đại hội IX và dự thảo Quy chế bầu cử Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX.

3. Thông qua dự thảo chương trình Đại hội IX của Đảng:

- Đại hội nội bộ từ ngày 12-4 đến ngày 16-4-2001.
- Đại hội công khai từ ngày 19-4 đến ngày 22-4-2001.

4. Quyết định đề nghị với Đại hội số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa IX là 150 đồng chí.

5. Thông qua danh sách 159 đồng chí để trình Đại hội xem xét bầu vào Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, trong

đó có 89 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII và 70 đồng chí mới lựa chọn.

6. Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị chỉ đạo Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội và các cơ quan chức năng tiếp tục làm tốt các công việc còn lại để bảo đảm Đại hội IX của Đảng thành công tốt đẹp.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ 12 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA VIII

Ngày 10 tháng 4 năm 2001

Thưa Trung ương,
Thưa các đồng chí Cố vấn,

Với tinh thần làm việc khẩn trương, với ý thức trách nhiệm cao đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và toàn dân tộc, Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII đã hoàn thành chương trình đề ra, hoàn thành về cơ bản việc chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng. Kết quả này là công sức của các ngành, các cấp, các địa phương, các đơn vị, các đoàn thể, các giới, của toàn thể đảng viên và sự ủng hộ to lớn của đồng bào cả nước.

Nhân dịp này, Ban Chấp hành Trung ương xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đối với đồng bào cả nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, giai cấp công nhân, nông dân, các nhà trí thức, các đoàn thể trong Mặt trận, lực lượng vũ trang, các cơ quan thông tin đại chúng và kiều bào ta ở nước ngoài đã góp công, góp sức, góp trí tuệ vào công tác chuẩn bị Đại hội.

Đại hội Đảng toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng. Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng tập trung nguyện vọng, ý chí, tâm huyết và trí tuệ của toàn Đảng và nhân dân cả nước, sẽ quyết định đường lối, phương hướng chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong những năm đầu của thế kỷ mới; sẽ thay mặt hơn hai triệu đảng viên, bầu ra Ban Chấp hành Trung ương, cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng giữa hai kỳ Đại hội.

Theo Điều lệ Đảng, các đồng chí Ủy viên Trung ương sẽ cùng các đoàn đại biểu các đảng bộ trong cả nước tham gia Đại hội. Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của Đại hội, với trách nhiệm nặng nề của mình, chúng ta sẽ tích cực đóng góp phần mình vào thắng lợi chung của Đại hội.

Các cơ quan chức năng, các ngành, các cấp, các đơn vị được giao nhiệm vụ phục vụ Đại hội hãy đem hết sức mình, kiểm tra đôn đốc và hoàn thành tốt nhất, chu đáo nhất, nghiêm túc nhất, đúng với nguyên tắc, thủ tục mà Điều lệ Đảng đã đề ra, những khâu cuối cùng của công tác chuẩn bị.

Chúng ta quyết tâm làm mọi việc để Đại hội IX thành công tốt đẹp, xứng đáng với tầm vóc lịch sử là Đại hội đầu tiên của Đảng trong thế kỷ mới, Đại hội của trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới, đáp ứng với nguyện vọng và tâm huyết của nhân dân và toàn Đảng.

Tôi xin chúc các đồng chí sức khỏe và tuyên bố bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ 12.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 262/TLHN, ngày 9 tháng 4 năm 2001

Về việc tiếp thu ý kiến của Trung ương tại Hội nghị Trung ương 12 khóa VIII để chỉnh lý các dự thảo văn kiện trình Đại hội IX của Đảng*

Tại Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, trong các ngày 7 và 8-4-2001, các đồng chí Ủy viên Trung ương đã cho ý kiến sửa trực tiếp vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội IX và gửi lại Bộ Chính trị. Bộ Chính trị xin báo cáo như sau:

I- Về dự thảo Báo cáo chính trị

Có 131 đồng chí Trung ương gửi lại ý kiến đóng góp. Đại đa số các đồng chí tán thành văn bản đã trình. Có một số ý kiến đóng góp, sửa chữa cụ thể một số câu chữ cho chuẩn xác hơn hoặc một vài điểm về sắp xếp trật tự nội dung cho hợp lý hơn. Bộ Chính trị đã chỉ đạo Tổ biên tập tiếp thu những ý kiến xác đáng, sửa văn bản; rà soát kỹ những chỗ sửa bảo đảm sự thống nhất giữa các văn bản, nhất là giữa

---

* Đầu đề do chúng tôi đặt (*B.T*).

dự thảo Báo cáo chính trị và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

II- Về dự thảo Chiến lược 2001 - 2010 và Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2001 - 2005

Đã có 127 đồng chí Trung ương gửi lại ý kiến đóng góp. Số ý kiến sửa chữa, bổ sung không nhiều và hầu hết là những chỉnh sửa về câu chữ; một số số liệu về ngành, lĩnh vực và vùng, một số dự án và công trình cụ thể. Bộ Chính trị đã chỉ đạo Tổ Biên tập tiếp thu những ý kiến hợp lý để hoàn chỉnh văn bản.

III- Về dự thảo Báo cáo bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng và Điều lệ Đảng sửa đổi

Có 132 đồng chí Trung ương gửi lại ý kiến đóng góp, trong đó có 123 đồng chí đồng ý, có 9 đồng chí có ý kiến chủ yếu về câu chữ.

IV- Về dự thảo Báo cáo: 'Tình hình, kết quả kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Phương hướng, nhiệm vụ tiếp tục đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng'

Có 121 đồng chí Ủy viên Trung ương gửi lại văn bản; trong đó có 118 đồng chí đồng ý, có 3 đồng chí góp ý một số câu chữ.

V- Về dự thảo Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII

Có 118 đồng chí Ủy viên Trung ương gửi lại văn bản, trong đó có 108 đồng chí đồng ý; có 10 đồng chí góp ý một số câu chữ.

*
* *

Do những điểm bổ sung, sửa đổi không nhiều, không làm thay đổi nội dung cơ bản đã trình Trung ương, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho thông qua về nguyên tắc các dự thảo văn kiện và giao cho Bộ Chính trị xem lại văn bản lần cuối để kịp in ấn trình Đại hội.

Xin báo cáo Trung ương cho ý kiến.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 66-CT/TW, ngày 10 tháng 4 năm 2001

Về lãnh đạo đại hội cựu chiến binh các cấp nhiệm kỳ III

Sau hơn 10 năm xây dựng và trưởng thành, Hội Cựu chiến binh Việt Nam đã có những đóng góp tích cực, có hiệu quả vào các phong trào, các cuộc vận động ở địa phương, cơ sở, nhất là đoàn kết tương trợ giúp đỡ nhau phát triển kinh tế gia đình, xóa đói giảm nghèo, giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động ở các cấp hội, bảo đảm quyền và lợi ích thiết thực của hội viên... Tuy nhiên, trong hoạt động Hội còn có nhiều khó khăn, phong trào chưa thật đồng đều ở các loại hình cơ sở, cần sớm được khắc phục.

Để lãnh đạo đại hội hội cựu chiến binh các cấp đạt kết quả tốt, tạo sự chuyển biến mới trong hoạt động, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng làm tốt một số việc sau đây:

1. Chỉ đạo ban chấp hành hội cựu chiến binh các cấp chuẩn bị tốt nội dung đại hội. Báo cáo tổng kết công tác

Hội nhiệm kỳ qua cần đánh giá đúng phong trào cựu chiến binh và hoạt động ở mỗi cấp hội, những việc đã làm được và chưa làm được, phân tích sâu sắc những nguyên nhân, bài học kinh nghiệm. Cần nhận thức đầy đủ, quán triệt nghiêm túc, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng và nghị quyết đại hội đảng các cấp; trên cơ sở đó, xác định rõ phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu của mỗi cấp hội trong nhiệm kỳ mới.

2. Đại hội cựu chiến binh các cấp phải tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò lâu dài của Hội trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước; đoàn kết, động viên cựu chiến binh phát huy bản chất, truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ"; xây dựng tổ chức Hội trong sạch, vững mạnh, tham gia xây dựng và bảo vệ đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa; thực hiện tốt quy chế dân chủ, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, chống diễn biến hòa bình; chống âm mưu và hành động của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo phá hoại chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và khối đại đoàn kết toàn dân; giúp nhau nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, góp phần giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ.

3. Tăng cường sự lãnh đạo chặt chẽ của cấp ủy đảng, thực hiện dân chủ việc giới thiệu và bầu cử nhân sự vào ban chấp hành các cấp, nhất là đồng chí giữ cương vị chủ chốt của Hội. Ban chấp hành mới phải là những người thực sự tiêu biểu, có bản lĩnh chính trị vững vàng, gương mẫu, dám đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, lạc hậu, có uy tín, có khả năng tập hợp, thu hút hội viên vào các phong trào của Hội.

Trong quá trình tổ chức đại hội cần phát huy dân chủ, bảo đảm đoàn kết, tập trung trí tuệ của cán bộ, hội viên, đề cao trách nhiệm, thực hiện tự phê bình và phê bình nghiêm túc, nâng cao chất lượng và hiệu quả xây dựng và hoạt động của các tổ chức Hội.

4. Ban Dân vận, Ban Tổ chức thuộc các cấp ủy đảng có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh Việt Nam, tham mưu giúp cấp ủy chỉ đạo đại hội cả về nội dung và nhân sự. Chính quyền và các ngành, các đoàn thể có liên quan từ Trung ương đến địa phương cần phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để Hội Cựu chiến binh tổ chức tốt đại hội.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHẠM THẾ DUYỆT

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DIỄN VĂN KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ IX ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Do đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, trình bày sáng ngày 19 tháng 4 năm 2001)*

Kính thưa Đoàn Chủ tịch,
Thưa các vị khách quý,
Thưa Đại hội,

Hôm nay, ngày 19-4-2001, chúng ta trọng thể tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội, tôi xin gửi lời chào mừng nồng nhiệt nhất đến 1.168 đại biểu, những đảng viên ưu tú được bầu ra từ Đại hội Đảng các cấp, tiêu biểu cho trí tuệ, bản lĩnh chính trị và sức mạnh đoàn kết của toàn Đảng. Các đại biểu đã mang đến Đại hội ý chí, niềm tin và nguyện vọng của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta trong một thời điểm lịch sử trọng đại, cả dân tộc vững bước tiến vào thế kỷ XXI dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

---

* Đầu đề do chúng tôi đặt (*B.T*).

Đại hội chúng ta nhiệt liệt chào mừng và chân thành cảm ơn các đoàn đại biểu quốc tế đã mang đến cho chúng ta tình hữu nghị thắm thiết, tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác tin cậy lẫn nhau cùng phấn đấu vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đại hội nhiệt liệt chào mừng các đồng chí Cố vấn, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương, các đồng chí nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Trung ương Đảng; nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ; đại biểu lão thành cách mạng, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các đại biểu của công nhân, nông dân, trí thức, các nhân sĩ đã cống hiến rất quý báu cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Đại hội nhiệt liệt chào mừng các đại biểu đại diện cho thế hệ trẻ đầy ý chí và giàu tài năng của đất nước.

Với niềm tự hào và kính yêu vô hạn, Đại hội chúng ta thành kính tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của Đảng và của dân tộc, người Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất của thế giới, Người đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta một di sản vô cùng quý giá là tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin hợp thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và của cách mạng Việt Nam. Trong thời điểm trọng đại này, mỗi đảng viên của Đảng khắc ghi lời căn dặn của Người: "Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân".

Đại hội chúng ta dành phút mặc niệm tưởng nhớ những đảng viên, cán bộ, chiến sĩ và đồng bào yêu quý đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tưởng nhớ các đồng chí Nguyễn Văn Linh, nguyên Tổng Bí thư, đồng chí Phạm Văn Đồng, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương; các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị Đoàn Khuê, Nguyễn Đình Tứ, các đồng chí Ủy viên Trung ương Nguyễn Văn Rốp, Đinh Hữu Khóa, Bùi Hữu Hải, Hoàng Thừa, Đào Trọng Lịch, Lê Văn Tu, Lương Công Đoan, Võ Nhân Huân đã từ trần từ sau Đại hội VIII (phút mặc niệm bắt đầu).

Kính thưa Đại hội,

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng họp vào thời điểm có ý nghĩa lịch sử trọng đại. Loài người đã kết thúc thế kỷ XX và bước sang thế kỷ XXI. Nhân dân Việt Nam, đất nước Việt Nam đã đi qua một thế kỷ đấu tranh gian nan, oanh liệt giành lại độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thế kỷ XX là thế kỷ của những chiến công hiển hách và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại của dân tộc Việt Nam. Đó là thắng lợi vĩ đại của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 lập nên Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á; đó là thắng lợi vĩ đại của các cuộc kháng chiến thần thánh đánh thắng những tên thực dân đế quốc hung hãn, giải phóng dân tộc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Những thắng lợi to lớn của sự nghiệp xây dựng đất nước sau chiến tranh, của sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong những năm qua đã tạo ra thế và lực mới cho cách mạng Việt Nam, tạo ra điều kiện tiền đề rất quan trọng để dân tộc ta bước vào thời kỳ

phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bước vào thời kỳ mới, cách mạng nước ta vừa đứng trước thời cơ vận hội lớn, vừa phải đối mặt với những nguy cơ, thách thức lớn không thể xem thường. Nắm bắt cơ hội, tận dụng thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thách thức với tinh thần cách mạng tiến công đưa cách mạng Việt Nam tiến lên mạnh mẽ, đó là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với chúng ta trong thời kỳ mới.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng có nhiệm vụ lịch sử: nhìn lại chặng đường 71 năm cách mạng Việt Nam, đi sâu tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, 15 năm đổi mới, 10 năm thực hiện chiến lược kinh tế - xã hội, rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc, từ đó phát triển và hoàn thiện đường lối, định ra chiến lược phát triển đất nước trong hai thập kỷ đầu của thế kỷ XXI. Đại hội cũng có nhiệm vụ kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng, vạch ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng ta ngang tầm với đòi hỏi của dân tộc trong thời kỳ mới; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng, bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới thực sự tiêu biểu về phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, có đủ trí tuệ và năng lực thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX.

Kính thưa Đại hội,

Từ nhiều tháng nay, các địa phương, đơn vị trong cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài đã sôi nổi thi đua lập thành tích xuất sắc chào mừng Đại hội. Đặc biệt là sự đóng góp đầy tâm huyết của các tầng lớp nhân dân vào các dự thảo văn kiện

của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội. Các văn kiện trình Đại hội Đảng hôm nay là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta.

Đại hội chúng ta biểu dương những thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước của các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị. Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh và chân thành cảm ơn Mặt trận Tổ quốc, các cấp, các ngành, các đoàn thể nhân dân, giới trí thức, các nhân sĩ, tôn giáo, dân tộc, đồng bào ta ở nước ngoài và bạn bè quốc tế về sự đóng góp đầy tâm huyết, trí tuệ cho sự thành công của Đại hội.

Đại hội IX của Đảng là **Đại hội của trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới,** thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc!

Đại hội IX là mốc son lịch sử đánh dấu thời kỳ phát triển mới của cách mạng Việt Nam, thời kỳ phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trong tinh thần và niềm tin tưởng sâu sắc đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia,
Hà Nội, 2001, tr.3-8.



Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam

PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN TỘC, TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

(Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về các văn kiện tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng do đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu trình bày ngày 19 tháng 4 năm 2001)

Thưa các vị khách quý,
Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng họp vào thời điểm có ý nghĩa trọng đại. Thế kỷ XX đã kết thúc. Thế kỷ XXI vừa bắt đầu. Toàn Đảng, toàn dân ta đã trải qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, 10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000 và 15 năm đổi mới.

Đại hội IX có nhiệm vụ kiểm điểm và đánh giá những thành tựu và khuyết điểm thời gian qua, đề ra những quyết sách cho thời kỳ tới. Chủ đề của Đại hội là: phát huy sức

mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ban Chấp hành Trung ương xin trình Đại hội bốn văn kiện: *Báo cáo chính trị; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010; Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2005;* và *Báo cáo về việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.*

Trong quá trình chuẩn bị các văn kiện, đảng bộ các cấp, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, các đồng chí lão thành cách mạng, các nhân sĩ, trí thức đã góp nhiều ý kiến phong phú và sâu sắc. Sau khi Dự thảo Báo cáo chính trị được công bố rộng rãi, đông đảo các tầng lớp nhân dân trong cả nước và đồng bào định cư ở nước ngoài đã sôi nổi đóng góp nhiều ý kiến đầy tâm huyết, thể hiện ý chí, nguyện vọng và quyết tâm của toàn dân đoàn kết chung quanh Đảng Cộng sản Việt Nam, cùng Đảng bàn việc nước. Các văn kiện trình Đại hội Đảng lần này là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân ta.

Từ diễn đàn trọng thể này, Đại hội chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh và bày tỏ lòng biết ơn chân thành về sự đóng góp quý báu ấy của đồng chí, đồng bào.

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, tôi xin trình bày những nội dung chủ yếu trong các văn kiện trình Đại hội.

I- VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ XX VÀ TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN TRONG THẾ KỶ XXI

Báo cáo chính trị khẳng định thế kỷ XX là thế kỷ ghi đậm trong lịch sử loài người những dấu ấn cực kỳ sâu sắc.

Đó là thế kỷ khoa học và công nghệ tiến nhanh chưa từng thấy, giá trị sản xuất vật chất tăng hàng chục lần so với thế kỷ trước; kinh tế phát triển mạnh mẽ xen lẫn những cuộc khủng hoảng lớn của chủ nghĩa tư bản thế giới và sự phân hóa gay gắt về giàu nghèo giữa các nước, các khu vực. Đó là thế kỷ diễn ra hai cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu cùng hàng trăm cuộc xung đột vũ trang. Đó cũng là thế kỷ chứng kiến một phong trào cách mạng sâu rộng trên phạm vi toàn thế giới, với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga - cuộc cách mạng vĩ đại mở ra thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một loạt nước châu Âu, châu Á và Mỹ Latinh; sự giải phóng hầu hết các nước thuộc địa của chủ nghĩa thực dân; sự phát triển của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và phong trào hòa bình, dân chủ, mặc dù vào thập niên cuối, chủ nghĩa xã hội hiện thực tạm thời lâm vào thoái trào.

Đối với nước ta, thế kỷ XX là thế kỷ của những biến đổi to lớn, thế kỷ đấu tranh oanh liệt giành lại độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thế kỷ của những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại.

Sau các phong trào yêu nước ba mươi năm đầu thế kỷ XX, năm 1930 Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu bước ngoặt của cách mạng Việt Nam. Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta giành được những thắng lợi vĩ đại: thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc; thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Với những thắng lợi giành được trong thế kỷ XX, nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đã bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Chúng ta tự hào về dân tộc ta - một dân tộc anh hùng, thông minh và sáng tạo; tự hào về Đảng ta - Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện - một lòng một dạ chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Thế kỷ XXI sẽ tiếp tục có nhiều biến đổi. Khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác, vừa có đấu tranh. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra gay gắt. Thế giới đứng trước nhiều vấn đề toàn cầu mà không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết nếu không có sự hợp tác đa phương. Chủ nghĩa tư bản hiện đại đang nắm ưu thế về vốn, khoa học và công nghệ, thị trường, song không thể khắc phục nổi những mâu thuẫn vốn có. Các quốc gia độc lập ngày càng tăng cường cuộc đấu tranh để tự lựa chọn và quyết định con đường phát triển của mình.

Chủ nghĩa xã hội trên thế giới, từ những bài học thành công và thất bại cũng như từ khát vọng và sự thức tỉnh của các dân tộc, có điều kiện và khả năng tạo ra bước phát triển mới. Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Trong một vài thập kỷ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới. Nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ, khủng bố còn xảy ra ở nhiều nơi với tính chất phức tạp ngày càng tăng. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, phản ánh đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, dân sinh, tiến bộ và công bằng xã hội sẽ có những bước tiến mới. Khu vực Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương, sau khủng hoảng tài chính - kinh tế, có khả năng phát triển năng động nhưng vẫn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định.

Những nét mới ấy trong tình hình thế giới và khu vực tác động mạnh mẽ đến tình hình nước ta. Trước mắt nhân dân ta có cả *cơ hội lớn và thách thức lớn.*

Ngày nay, thế và lực của nước ta đã lớn mạnh lên nhiều. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế được tăng cường. Đất nước còn nhiều tiềm năng lớn về tài nguyên, lao động. Nhân dân ta có phẩm chất tốt đẹp. Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định. Môi trường hòa bình, sự hợp tác, liên kết quốc tế và những xu thế tích cực trên thế giới tạo điều kiện để chúng ta tiếp tục phát huy nội lực và lợi thế so sánh, tranh thủ ngoại lực. Đó là cơ hội lớn.

Đồng thời, đất nước ta phải đối mặt với nhiều thách thức. Bốn nguy cơ mà Đảng ta từng chỉ rõ - tụt hậu xa hơn về kinh tế

so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, chệch hướng xã hội chủ nghĩa, nạn tham nhũng và tệ quan liêu, "diễn biến hòa bình" do các thế lực thù địch gây ra - đến nay vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp, đan xen, tác động lẫn nhau, không thể xem nhẹ nguy cơ nào. Điều cần nhấn mạnh là: tình trạng tham nhũng và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đang cản trở việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, gây bất bình và làm giảm lòng tin trong nhân dân; nước ta vẫn còn là nước kinh tế kém phát triển, mức sống nhân dân còn thấp, trong khi đó cuộc cạnh tranh quốc tế ngày càng quyết liệt, nếu chúng ta không nhanh chóng vươn lên thì sẽ càng tụt hậu xa hơn về kinh tế.

Nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ mới, đó là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và nhân dân ta.

II- TÌNH HÌNH ĐẤT NƯỚC 5 NĂM QUA VÀ NHỮNG BÀI HỌC CHỦ YẾU CỦA 15 NĂM ĐỔI MỚI

Năm năm qua, bên cạnh một số thuận lợi, nước ta gặp nhiều khó khăn: những yếu kém vốn có của nền kinh tế, những thiên tai lớn liên tiếp, cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế ở một số nước châu Á, tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp. Trong hoàn cảnh đó, toàn Đảng và toàn dân ta ra sức thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, ***đạt được những thành tựu quan trọng:***

Kinh tế tăng trưởng khá. Văn hóa, xã hội có những tiến bộ; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Tình hình

chính trị - xã hội cơ bản ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chú trọng; hệ thống chính trị được củng cố. Quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng, hội nhập kinh tế quốc tế được tiến hành chủ động và đạt nhiều kết quả tốt.

Những thành tựu 5 năm qua đã tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

Đạt được những thành tựu nói trên là do Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng và đường lối lãnh đạo đúng đắn; Nhà nước có cố gắng lớn trong việc điều hành, quản lý; toàn dân và toàn quân phát huy lòng yêu nước và tinh thần dũng cảm, đoàn kết nhất trí, cần cù, năng động, sáng tạo, tiếp tục thực hiện đổi mới, ra sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII có những ***yếu kém, khuyết điểm:***

Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Một số vấn đề văn hóa, xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết. Cơ chế, chính sách không đồng bộ và chưa tạo động lực mạnh để phát triển. Tình trạng tham nhũng, suy thoái ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng.

Ban Chấp hành Trung ương xin tự phê bình trước Đại hội và trước nhân dân về việc chậm khắc phục những khuyết điểm trên, làm hạn chế những thành tựu lẽ ra đã có thể đạt được nhiều hơn.

Sở dĩ có tình trạng đó là do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chính: việc tổ chức thực hiện nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng chưa tốt; kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm. Một số quan điểm, chủ trương chưa rõ, chưa có sự nhận thức thống nhất và chưa được thông suốt ở các cấp, các ngành. Cải cách hành chính tiến hành chậm, thiếu kiên quyết, hiệu quả thấp. Công tác tư tưởng, công tác lý luận, công tác tổ chức, cán bộ có nhiều yếu kém, bất cập.

Tuy một số chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm (1996 - 2000) không đạt, một số nhiệm vụ do Nghị quyết Đại hội VIII đề ra chưa được thực hiện tốt, nhưng ***10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội (1991 - 2000) đã đạt những thành tựu to lớn và rất quan trọng:***

Tổng sản phẩm trong nước năm 2000 tăng gấp đôi so với năm 1990. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và năng lực sản xuất tăng nhiều. Nền kinh tế từ tình trạng hàng hóa khan hiếm nghiêm trọng nay sản xuất đã đáp ứng được các nhu cầu thiết yếu của nhân dân và nền kinh tế; từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp đã chuyển sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; từ chỗ chủ yếu chỉ có hai thành phần là kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể đã chuyển sang nền kinh tế có nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, vượt qua được cơn chấn động chính trị và sự hẫng hụt về thị trường do những biến động ở Liên Xô và Đông Âu gây ra; phá được thế bị bao vây cấm vận, mở rộng được quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; không để bị

cuốn sâu vào cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế ở một số nước châu Á mặc dù hậu quả của nó đối với nước ta cũng khá nặng nề; tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường. Sức mạnh về mọi mặt của nước ta đã lớn hơn nhiều so với mười năm trước.

15 năm đổi mới (1986 - 2000) đã cho chúng ta nhiều kinh nghiệm quý báu. Những bài học đổi mới do các Đại hội VI, VII, VIII của Đảng nêu lên đến nay vẫn còn có giá trị lớn, nhất là những bài học chủ yếu sau đây: Một là, trong quá trình đổi mới, phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Hai là, đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo. Ba là, đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Bốn là, đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới.

III- VỀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

Thực tiễn phong phú và những thành tựu thu được qua 15 năm đổi mới đã chứng minh tính đúng đắn của Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội VII của Đảng, đồng thời giúp chúng ta nhận thức ngày càng rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Chúng ta một lần nữa khẳng định: Cương lĩnh là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng hiện nay và trong những thập kỷ tới. *Đảng và nhân dân ta quyết*

tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đày tớ thật trung thành của nhân dân...

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta.

Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa

những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại. Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ. Trong các lĩnh vực của đời sống xã hội diễn ra sự đan xen và đấu tranh giữa cái mới và cái cũ.

Trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, nhưng cơ cấu, tính chất, vị trí của các giai cấp trong xã hội ta đã thay đổi nhiều cùng với những biến đổi to lớn về kinh tế, xã hội. Mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích của toàn dân tộc trong mục tiêu chung là *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.* Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc, xây

dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

IV- ĐƯỜNG LỐI VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Xuất phát từ tình hình hiện nay và yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới, đường lối kinh tế của Đảng ta được xác định là: *Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường;*

kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh.

Mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 là: *Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao.*

Năm 2010, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng ít nhất gấp đôi so với năm 2000; chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp xuống còn khoảng 50%.

Chiến lược nêu rõ: *Phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm.* Con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian so với các nước đi trước, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt. Phát huy những lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, từng bước phát triển kinh tế tri thức.

Tư tưởng của Chiến lược là *phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.* Công nghiệp hóa,

hiện đại hóa phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách, đồng thời có tiềm lực kinh tế đủ mạnh. Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ phải đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước.

Định hướng cho việc phát triển các ngành và các vùng, các văn kiện chỉ rõ:

Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao chất lượng và hiệu quả phát triển kinh tế, tăng sức cạnh tranh. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư dựa trên cơ sở phát huy các thế mạnh và các lợi thế so sánh của đất nước, gắn với nhu cầu thị trường trong nước và ngoài nước; nhu cầu đời sống nhân dân và quốc phòng, an ninh. Tạo thêm sức mua của thị trường trong nước và mở rộng thị trường ngoài nước, đẩy mạnh xuất khẩu.

Tăng cường sự chỉ đạo và huy động các nguồn lực cần thiết để đẩy nhanh *công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn*. Tiếp tục phát triển và đưa *nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp* lên một trình độ mới bằng việc ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ sinh học; đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tăng giá trị thu được trên đơn vị diện tích; quy hoạch sử dụng đất hợp lý; đẩy mạnh thủy lợi hóa, cơ giới hóa, điện khí hóa; giải quyết tốt vấn đề tiêu thụ nông sản hàng hóa; phát triển kết cấu hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo nhiều việc làm mới và cải thiện đời sống nông dân và dân cư nông thôn.

Công nghiệp vừa phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động, vừa đi nhanh vào một số ngành, lĩnh vực có công nghệ hiện đại, công nghệ cao. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản, may mặc, da - giày, một số sản phẩm cơ khí, điện tử, công nghiệp phần mềm... Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng quan trọng sản xuất tư liệu sản xuất cần thiết để trang bị cho các ngành kinh tế và quốc phòng. Chú trọng phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ; xây dựng một số tập đoàn doanh nghiệp lớn đi đầu trong cạnh tranh và hiện đại hóa.

Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng các ngành *dịch vụ:* thương mại, hàng không, hàng hải, bưu chính - viễn thông, du lịch, tài chính, ngân hàng, kiểm toán, bảo hiểm. Xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hóa hệ thống *kết cấu hạ tầng:* giao thông, điện lực, thông tin, thủy lợi, cấp thoát nước. Phát triển mạng lưới *đô thị* phân bố hợp lý trên các vùng.

Trong *chiến lược phát triển các vùng,* chúng ta chủ trương phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm có mức tăng trưởng cao, tích lũy lớn; đồng thời tạo điều kiện để phát triển các vùng khác trên cơ sở phát huy thế mạnh của từng vùng. Quan tâm phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh ở các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, chú trọng các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam. Có chiến lược phát triển vùng biên giới. Phát triển mạnh kinh tế biển kết hợp với bảo vệ vùng biển.

Từng bước hiện đại hóa công tác nghiên cứu, dự báo, *khí tượng - thủy văn* và *vật lý địa cầu;* tích cực chủ động phòng chống thiên tai.

Sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên, *bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.*

Kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 là bước rất quan trọng trong việc thực hiện Chiến lược 2001 - 2010. Mục tiêu là: Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Mở rộng kinh tế đối ngoại. Tạo chuyển biến mạnh về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát huy nhân tố con người. Tạo nhiều việc làm; cơ bản xóa đói, giảm số hộ nghèo; đẩy lùi các tệ nạn xã hội; ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Tiếp tục tăng cường kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội; hình thành một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia.

Các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 là:

- Nhịp độ tăng GDP bình quân 7,5%/năm. Tổng GDP năm 2005 gấp 2 lần so với năm 1995.

- Đến năm 2005, tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp là 20 - 21% GDP; công nghiệp và xây dựng 38 - 39%, các ngành dịch vụ 41 - 42%.

- Giảm tỷ lệ sinh bình quân hằng năm 0,5‰, nhịp độ phát triển dân số vào năm 2005 khoảng 1,22%.

- Tạo việc làm, giải quyết thêm việc làm cho khoảng 7,5 triệu lao động, bình quân 1,5 triệu lao động/năm; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 30% vào năm 2005.

- Cơ bản xóa hộ đói, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 10% vào năm 2005.

Về *quan hệ sản xuất*, Đảng ta chủ trương thực hiện nhất quán *chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần*. Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.

Trong nền kinh tế của ta, *kinh tế nhà nước* phát huy vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng và là công cụ để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Trong 5 năm tới, cơ bản hoàn thành việc củng cố, sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu, đổi mới và nâng cao hiệu quả các doanh nghiệp nhà nước hiện có, đồng thời phát triển thêm doanh nghiệp mà Nhà nước đầu tư 100% vốn hoặc có cổ phần chi phối ở một số ngành, lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng. Thực hiện tốt chủ trương cổ phần hóa và đa dạng hóa sở hữu đối với những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm 100% vốn. Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách đối với doanh nghiệp nhà nước để tạo động lực phát triển và nâng cao hiệu quả.

Kinh tế tập thể phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt. Phát triển hợp tác xã kinh doanh tổng hợp đa ngành hoặc chuyên ngành. Nhà nước giúp hợp tác xã đào tạo cán bộ, ứng dụng khoa học, công nghệ, nắm bắt thông tin, mở rộng thị trường, xây dựng các quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, giải quyết nợ tồn đọng. Khuyến khích việc tích lũy, phát triển có hiệu quả vốn tập thể trong hợp tác xã.

Kinh tế cá thể, tiểu chủ cả ở nông thôn và thành thị có vị trí quan trọng lâu dài. Nhà nước tạo điều kiện và giúp đỡ để phát triển; khuyến khích các hình thức hợp tác tự nguyện, làm vệ tinh cho các doanh nghiệp hoặc phát triển lớn hơn.

Khuyến khích phát triển *kinh tế tư bản tư nhân* rộng rãi trong những ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về chính sách, pháp lý để kinh tế tư bản tư nhân phát triển trên những hướng ưu tiên của Nhà nước, kể cả đầu tư ra nước ngoài; chuyển thành doanh nghiệp cổ phần, bán cổ phần cho người lao động; liên doanh, liên kết với nhau, với kinh tế tập thể và kinh tế nhà nước.

Phát triển đa dạng *kinh tế tư bản nhà nước* dưới các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư bản tư nhân trong nước và ngoài nước, mang lại lợi ích thiết thực cho các bên đầu tư kinh doanh.

Ngoài các thành phần kinh tế nói trên, các văn kiện lần này nêu lên một thành phần mới xuất hiện và hình thành ngày càng rõ nét trong những năm gần đây: thành phần *kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài*. Thành phần này bao gồm phần vốn đầu tư của nước ngoài vào các cơ sở sản xuất, kinh doanh ở nước ta. Chủ trương của ta là tạo điều kiện để thành phần kinh tế này phát triển thuận lợi, hướng vào xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội gắn với thu hút công nghệ hiện đại, tạo thêm nhiều việc làm.

Trong chính sách phát triển các thành phần kinh tế, Đảng ta chủ trương phát triển các hình thức tổ chức kinh doanh đan xen, hỗn hợp nhiều hình thức sở hữu, giữa các thành phần kinh tế với nhau, giữa trong nước và ngoài nước; phát triển hình thức tổ chức kinh tế cổ phần nhằm huy động và sử dụng rộng rãi vốn đầu tư xã hội; nhân rộng mô hình hợp tác, liên kết công nghiệp và nông nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và kinh tế hộ nông thôn; phát triển các loại hình trang trại với quy mô phù hợp trên từng địa bàn.

Để nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vận hành thông suốt, cần *tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường, đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước.*

Thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt quan tâm các thị trường quan trọng nhưng hiện chưa có hoặc còn sơ khai như: thị trường lao động, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường khoa học và công nghệ.

Tiếp tục đổi mới các công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế. Đổi mới hơn nữa công tác kế hoạch hóa, nâng cao chất lượng công tác xây dựng các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Bảo đảm tính minh bạch, công bằng trong chi ngân sách nhà nước. Thực hiện đầu tư vốn phát triển từ ngân sách nhà nước căn cứ vào hiệu quả kinh tế - xã hội. Tiếp tục cải cách hệ thống thuế phù hợp với tình hình đất nước và các cam kết quốc tế; nuôi dưỡng nguồn thu và thu đúng, thu đủ theo quy định của pháp luật. Xây dựng hệ thống ngân hàng thương mại nhà nước thành những doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ tự chủ, đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Thành lập các ngân hàng chính sách.

Cùng với đẩy mạnh phát triển kinh tế, Đảng ta chủ trương *giải quyết tốt các vấn đề xã hội,* coi đây là một hướng chiến lược thể hiện bản chất ưu việt của chế độ ta. Thực hiện các chính sách xã hội hướng vào phát triển và lành mạnh hóa xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ để phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội,

thực hiện bình đẳng trong quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp.

Các văn kiện đã nêu lên nhiều biện pháp nhằm giải quyết các vấn đề xã hội: tạo ra nhiều việc làm mới; mở rộng hệ thống bảo hiểm xã hội và an sinh xã hội; cải cách cơ bản chế độ tiền lương; đẩy nhanh các chương trình xóa đói, giảm nghèo; thực hiện chính sách ưu đãi xã hội và vận động toàn dân tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn đối với các lão thành cách mạng, những người có công với nước, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thương binh và cha mẹ, vợ con liệt sĩ, gia đình chính sách; kiểm soát quy mô dân số và từng bước nâng cao chất lượng dân số, chăm sóc sức khỏe nhân dân, mở rộng và hoàn thiện mạng lưới y tế; chăm sóc và bảo vệ trẻ em; đẩy mạnh phong trào toàn dân tập luyện thể dục - thể thao, v.v.. Đồng thời, đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự, kỷ cương xã hội, ngăn chặn và bài trừ các tệ nạn xã hội; ngăn chặn, tiến tới đẩy lùi đại dịch HIV/AIDS. Xây dựng lối sống văn minh, lành mạnh.

Các chính sách xã hội được tiến hành theo tinh thần xã hội hóa, đề cao trách nhiệm của chính quyền các cấp, huy động các nguồn lực trong nhân dân và sự tham gia của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội.

V- PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC

Các chính sách về văn hóa của Đảng ta thể hiện quan điểm: văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu,

vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu.

Về giáo dục và đào tạo: Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục; thực hiện "chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hoá". Phát huy tinh thần độc lập suy nghĩ và sáng tạo của học sinh, sinh viên, đề cao năng lực tự học, tự hoàn thiện học vấn và tay nghề. Đẩy mạnh phong trào học tập trong nhân dân bằng những hình thức chính quy và không chính quy, thực hiện "giáo dục cho mọi người", "cả nước trở thành một xã hội học tập". Thực hiện phương châm "học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với đời sống xã hội". Chăm lo phát triển giáo dục mầm non; củng cố thành tựu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; đẩy nhanh tiến độ phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Tăng ngân sách nhà nước cho giáo dục, đào tạo theo nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Hiện đại hóa một số trường dạy nghề, tăng nhanh tỷ lệ lao động được đào tạo trong toàn bộ lao động xã hội. Khuyến khích phát triển hệ thống các trường, lớp dạy nghề dân lập và tư thục. Mở rộng hợp lý quy mô giáo dục đại học, làm chuyển biến rõ nét về chất lượng và hiệu quả đào tạo. Từng bước xúc tiến việc nối mạng thông tin quốc tế (internet) ở trường học.

Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện cho người nghèo có cơ hội học tập. Tăng ngân sách nhà nước cho việc cử người đi đào tạo ở các nước có nền khoa học và công nghệ tiên tiến. Khuyến khích việc du học tự túc.

Trong những năm trước mắt, giải quyết dứt điểm những vấn đề bức xúc: sửa đổi chương trình đào tạo, cải tiến chế độ thi cử, khắc phục khuynh hướng "thương mại hoá" giáo dục, quản lý chặt chẽ việc cấp văn bằng, công nhận học hàm, học vị; chấn chỉnh công tác quản lý hệ thống trường học cả công lập và ngoài công lập.

Về khoa học và công nghệ: Khoa học xã hội và nhân văn hướng vào việc giải đáp các vấn đề lý luận và thực tiễn, dự báo các xu thế phát triển, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng con người. Khoa học tự nhiên hướng vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn, xây dựng cơ sở khoa học của sự phát triển các lĩnh vực công nghệ trọng điểm và khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, dự báo, phòng chống thiên tai. Khoa học công nghệ hướng vào việc nâng cao năng suất lao động, đổi mới sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường, xây dựng năng lực công nghệ quốc gia. Tạo thị trường cho khoa học và công nghệ, đổi mới cơ chế tài chính nhằm khuyến khích sáng tạo và gắn ứng dụng khoa học và công nghệ với sản xuất, kinh doanh, quản lý dịch vụ. Coi trọng việc nghiên cứu cơ bản trong các ngành khoa học. Tăng đầu tư ngân sách và huy động các nguồn lực khác cho khoa học và công nghệ. Hoàn thành xây dựng những khu công nghệ cao và hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia. Sắp xếp lại và đổi mới hệ thống nghiên cứu khoa học, phối hợp chặt chẽ việc nghiên cứu khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật với khoa học xã hội và nhân văn. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và công nghệ. Thực hiện

tốt chính sách bảo hộ sở hữu trí tuệ, đãi ngộ đặc biệt đối với nhà khoa học có công trình nghiên cứu xuất sắc.

Về xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc: Hướng mọi hoạt động văn hóa vào việc xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống có văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Tạo điều kiện để nhân dân ngày càng nâng cao trình độ thẩm mỹ và thưởng thức nghệ thuật, trở thành những chủ thể sáng tạo văn hóa, đồng thời là người hưởng thụ ngày càng nhiều các thành quả văn hóa. Nâng cao chất lượng hệ thống bảo tàng; đẩy mạnh xây dựng thư viện, nhà văn hóa, nhà thông tin, câu lạc bộ sức khỏe, sân bãi thể dục thể thao, khu vui chơi giải trí... Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc, các giá trị văn học, nghệ thuật, ngôn ngữ, chữ viết và thuần phong mỹ tục của các dân tộc; tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa. Tiếp thu tinh hoa và góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa của nhân loại.

Bảo đảm tự do, dân chủ cho mọi sáng tạo văn hóa, văn học nghệ thuật, tạo điều kiện thuận lợi để phát huy hiệu quả của lao động nghệ thuật. Văn nghệ sĩ nêu cao trách nhiệm trước nhân dân, trước Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, có tác dụng giáo dục, xây dựng con người. Chăm sóc đời sống văn nghệ sĩ, đãi ngộ thỏa đáng đối với những văn nghệ sĩ tài năng.

Hướng báo chí, xuất bản làm tốt chức năng tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phát hiện những nhân tố mới, cái hay, cái đẹp trong xã hội, giới thiệu gương người tốt, việc tốt, những điển hình tiên tiến, phê phán các hiện tượng tiêu cực, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, đấu tranh với những quan điểm sai trái. Nâng cao tính chân thật, tính giáo dục và tính chiến đấu của thông tin; khắc phục khuynh hướng "thương mại hoá" trong hoạt động báo chí, xuất bản. Nêu cao trách nhiệm của gia đình trong việc xây dựng và bồi dưỡng các thành viên có lối sống văn hóa, làm cho gia đình thật sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội.

Đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá".

VI- TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc.

Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thế trận an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, quốc phòng và an ninh với kinh tế trong các chiến lược, quy hoạch

và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Phối hợp hoạt động quốc phòng và an ninh với hoạt động đối ngoại.

Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có bản lĩnh chính trị vững vàng; trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân; có trình độ học vấn và chuyên môn, nghiệp vụ ngày càng cao; quý trọng và hết lòng phục vụ nhân dân; có phẩm chất, đạo đức, lối sống lành mạnh, giản dị; kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang; có năng lực chỉ huy và tác chiến thắng lợi trong bất cứ tình huống nào; có trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức chiến đấu ngày càng cao; thường xuyên cảnh giác, kịp thời đập tan mọi âm mưu và hành động xâm phạm độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và an ninh quốc gia; ngăn chặn và đẩy lùi các tội phạm nguy hiểm và các tệ nạn xã hội, bảo đảm tốt trật tự an toàn xã hội.

Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội, thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; coi trọng xây dựng thế trận trên các địa bàn chiến lược trọng yếu; xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ và công an, bảo vệ cơ sở.

Hoàn thiện hệ thống luật pháp về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Đầu tư thích đáng cho công nghiệp quốc phòng, trang bị kỹ thuật hiện đại cho quân đội, công an. Tận dụng năng lực công nghiệp dân sinh phục vụ quốc phòng và an ninh. Từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của các

lực lượng vũ trang, thực hiện tốt chính sách hậu phương đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

Thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh.

VII- MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Thực hiện nhất quán *đường lối đối ngoại* độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Nhiệm vụ đối ngoại là tiếp tục giữ vững môi trường hòa bình và tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm độc lập và chủ quyền quốc gia, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Mở rộng quan hệ với các nước và vùng lãnh thổ, các trung tâm chính trị, kinh tế quốc tế lớn, các tổ chức quốc tế và khu vực theo các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; bình đẳng và cùng có lợi; giải quyết các bất đồng và tranh chấp bằng thương lượng hòa bình; phản đối mọi âm mưu và hành động gây sức ép, áp đặt và cường quyền.

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường.

Coi trọng và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước láng giềng. Nâng cao hiệu quả và chất lượng hợp tác với các nước ASEAN. Tiếp tục mở rộng quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, các nước độc lập dân tộc, các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Trung Đông và Mỹ Latinh, các nước trong Phong trào Không liên kết. Thúc đẩy quan hệ đa dạng với các nước phát triển và các tổ chức quốc tế.

Tích cực tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu. Ủng hộ và cùng nhân dân thế giới đấu tranh bảo vệ hòa bình, chống nguy cơ chiến tranh và chạy đua vũ trang; góp phần xây dựng trật tự chính trị, kinh tế quốc tế dân chủ, công bằng.

Củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết và hợp tác với các đảng cộng sản và công nhân, với các đảng cánh tả, các phong trào giải phóng và độc lập dân tộc, với các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới.

Tiếp tục mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền.

Mở rộng hơn nữa công tác đối ngoại nhân dân, tăng cường quan hệ song phương và đa phương với các tổ chức nhân dân các nước, nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế.

Tăng cường và nâng cao hiệu quả của công tác thông tin đối ngoại và văn hóa đối ngoại. Bồi dưỡng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, năng lực, đạo đức, phẩm chất của đội ngũ

cán bộ làm công tác đối ngoại, kể cả kinh tế đối ngoại. Hoàn thiện cơ chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại, tạo thành sức mạnh tổng hợp, nâng cao hiệu quả của công tác đối ngoại.

VIII- PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN

Kế thừa truyền thống quý báu của dân tộc, Đảng ta luôn luôn giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân. Đó là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống ở trong nước hay ở nước ngoài. Phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, truyền thống yêu nước, ý chí tự lực tự cường và lòng tự hào dân tộc, lấy mục tiêu giữ vững độc lập dân tộc, thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai. Khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam luôn luôn được củng cố và phát triển sâu rộng trên cơ sở liên minh vững chắc giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân gắn với việc phát huy dân chủ trong đời sống xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện dân chủ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở tất cả các cấp, các ngành.

Chính sách và pháp luật của Nhà nước là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân và sinh hoạt dân chủ trong xã hội. Xây dựng đồng bộ các chính sách kinh tế - xã hội đúng đắn, phát huy mọi khả năng sáng tạo của nhân dân. Đổi mới và hoàn thiện các chính sách cụ thể đối với các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo. Chú trọng các chính sách đối với giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, thế hệ trẻ, phụ nữ, cựu chiến binh, các lão thành cách mạng, những người có công với nước, các cán bộ nghỉ hưu, những người cao tuổi, các nhà doanh nghiệp, đồng bào định cư ở nước ngoài, v.v..

Thực hiện tốt chính sách các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất hàng hóa; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xóa đói, giảm nghèo, mở mang dân trí, giữ gìn, làm giàu và phát huy bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc.

Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật; đoàn kết và chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa, nâng cao đời sống của đồng bào. Từng bước hoàn thiện luật pháp về tín ngưỡng, tôn giáo.

Nghiêm cấm lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước,

kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát huy quyền và trách nhiệm làm chủ của nhân dân, thắt chặt mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước, thực hiện giám sát của nhân dân đối với công tác, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, đại biểu dân cử và cơ quan nhà nước, giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân.

Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, khắc phục tình trạng hành chính hóa, phô trương, hình thức, quan liêu, xa dân. Tổ chức các phong trào nhân dân thi đua yêu nước gắn liền với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng địa phương và địa bàn dân cư. Hướng mạnh các hoạt động về cơ sở, cộng đồng dân cư và từng gia đình.

IX- ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC, PHÁT HUY DÂN CHỦ, TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ

Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước gắn liền với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo

của Đảng đối với Nhà nước. Xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn.

Thực hiện cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước. Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; tăng cường công tác lập pháp, xây dựng chương trình dài hạn về lập pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật, đổi mới quy trình ban hành và hướng dẫn thi hành luật. Khẩn trương nghiên cứu, đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 phù hợp với tình hình mới. Xây dựng một nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hóa. Điều chỉnh chức năng và cải tiến phương thức hoạt động của Chính phủ theo hướng thống nhất quản lý vĩ mô việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong cả nước bằng hệ thống pháp luật, chính sách hoàn chỉnh, đồng bộ. Cải cách tổ chức, nâng cao chất lượng và hoạt động của các cơ quan tư pháp. Viện Kiểm sát nhân dân thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Sắp xếp lại hệ thống tòa án nhân dân, phân định hợp lý thẩm quyền của tòa án các cấp. Thực hiện tinh giản biên chế trong các cơ quan nhà nước.

Phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế. Hoàn thiện những quy định về bầu cử, ứng cử, về tiêu chuẩn, cơ cấu các đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân trên cơ sở phát huy dân chủ. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở. Chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người. Giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo của công dân.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực. Hoàn thiện chế độ công vụ, quy chế cán bộ, công chức, coi trọng cả năng lực và đạo đức. Đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức theo đúng chức danh, tiêu chuẩn. Tăng cường cán bộ cho cơ sở.

Hiện nay, cán bộ, đảng viên và nhân dân ta hết sức quan tâm đến cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Nạn tham nhũng diễn ra nghiêm trọng, kéo dài gây bất bình trong nhân dân và là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta. Phải tăng cường về tổ chức và cơ chế, tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị, ở các cấp, các ngành, từ Trung ương đến cơ sở. Gắn chống tham nhũng với chống lãng phí, quan liêu, buôn lậu, đặc biệt chống các hành vi lợi dụng chức quyền để làm giàu bất chính.

Các biện pháp chống tham nhũng phải được thực hiện đồng bộ: bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy chế, quy định của Đảng và Nhà nước về quản lý kinh tế - tài chính, quản lý tài sản công, không để sơ hở cho kẻ xấu lợi dụng. Tiếp tục xóa bỏ các thủ tục hành chính phiền hà. Thanh tra, kiểm tra, kiểm kê, kiểm soát việc sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công. Các đảng viên và chi bộ đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng và toàn xã hội giám sát, kiểm tra cán bộ, công chức, phát hiện, tố cáo, lên án những kẻ tham nhũng. Xử lý nghiêm minh theo pháp luật và Điều lệ Đảng những cán bộ, đảng viên, công chức ở bất cứ cấp nào, lĩnh vực nào lợi dụng chức quyền để tham nhũng. Cụ thể hóa và thực hiện nghiêm những điều cấm đối với cán bộ, công chức, trước hết là cán bộ

chủ chốt, cán bộ quản lý. Đồng thời phải cải cách cơ bản chế độ tiền lương, nâng cao đời sống người hưởng lương, chống đặc quyền, đặc lợi. Thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức về chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng.

X- XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

Những thành tựu và yếu kém trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo của Đảng và những ưu điểm, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng.

Từ Đại hội VIII đến nay, Đảng ta đã có nhiều cố gắng tiến hành nhiệm vụ then chốt là xây dựng, chỉnh đốn Đảng và nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế. Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) đã ra Nghị quyết về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng; mở cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tiến hành tự phê bình và phê bình trong toàn Đảng. Qua gần hai năm thực hiện, cuộc vận động đã thu được một số kết quả và kinh nghiệm bước đầu nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu đề ra. Trong công tác xây dựng Đảng, bên cạnh những ưu điểm, đang nổi lên một số mặt yếu kém và khuyết điểm, nhất là khuyết điểm về công tác giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên, chưa ngăn chặn và đẩy lùi được sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống. Một số tổ chức đảng ở các cấp chưa được chỉnh đốn; dân chủ bị vi phạm, kỷ luật, kỷ cương lỏng lẻo, nội bộ không đoàn kết. Công tác tư tưởng, công tác lý luận còn yếu kém, bất cập. Công tác tổ chức, cán bộ còn một số biểu hiện trì trệ. Tổ chức

chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước còn yếu.

Nguyên nhân trực tiếp và chủ yếu của những tồn tại trên là do nhiều cấp ủy và tổ chức đảng, kể cả Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị chưa chỉ đạo tập trung và kiên quyết công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; chủ trương, biện pháp thiếu đồng bộ; chưa chỉ đạo kết hợp tiến hành tự phê bình và phê bình với kiện toàn tổ chức, đổi mới cơ chế, chính sách, chỉnh đốn các khâu quản lý kinh tế tài chính và tăng cường công tác giáo dục cán bộ, đảng viên.

Trong những năm tới, toàn Đảng phải tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nghị quyết về xây dựng Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Trước hết, **phải tăng cường công tác giáo dục tư tưởng chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân.** Toàn Đảng nghiêm túc học tập chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Các cấp ủy và chi bộ tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra đảng viên học tập, rèn luyện, không ngừng nâng cao trình độ chính trị, học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức lãnh đạo, quản lý và công tác vận động nhân dân, phát huy vai trò tiền phong gương mẫu. Trên cơ sở tổng kết hai năm tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện có nền nếp việc tự phê bình và phê bình trong các cấp ủy và tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng, tệ tham nhũng, quan liêu, làm trong sạch đội ngũ đảng viên. Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan kiểm tra đảng, thanh tra

nhà nước và thanh tra nhân dân. Tiếp tục coi trọng và làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, thảo luận dân chủ, sớm kết luận những vấn đề mới và bức xúc từ thực tiễn đặt ra, nâng cao sự thống nhất về quan điểm, đường lối của Đảng; đấu tranh với những khuynh hướng, tư tưởng sai trái.

Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp, vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, sáng tạo, gắn bó với nhân dân. Có cơ chế và chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; trọng dụng những người có đức, có tài. Thực hiện đúng đắn nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ... Làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ. Đánh giá, bồi dưỡng, lựa chọn, sử dụng cán bộ trên cơ sở tiêu chuẩn, lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tín nhiệm của nhân dân làm thước đo chủ yếu. Đổi mới, trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển. Thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý. Xây dựng, chỉnh đốn hệ thống các học viện, trường và trung tâm chính trị, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Từ nay đến năm 2005, phần lớn cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ cấp huyện trở lên học xong chương trình lý luận cao cấp và có kiến thức, trình độ đại học về một chuyên ngành nhất định.

Xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng. Tất cả các đảng bộ, chi bộ đều phải phấn đấu thực hiện đúng chức năng là hạt nhân lãnh đạo chính trị ở cơ sở. Các cấp ủy cấp trên phải tập trung chỉ đạo củng cố các đảng bộ, chi bộ yếu kém, kịp thời kiện toàn cấp ủy và tăng cường cán bộ ở những nơi có nhiều khó khăn, nội bộ mất đoàn kết. Nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ. Phân công, hướng dẫn, kiểm tra đảng viên chấp hành nhiệm vụ, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu; giữ mối liên hệ với quần chúng ở nơi công tác, với chi bộ và nhân dân nơi cư trú. Phát triển đảng viên theo đúng tiêu chuẩn. Đổi mới việc phân tích, đánh giá chất lượng các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Phát huy dân chủ trong sinh hoạt đảng. Tăng cường chế độ lãnh đạo tập thể đi đôi với phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân của từng thành viên. Từng đảng bộ giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong tập thể lãnh đạo. Tăng cường vai trò lãnh đạo và tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Kiện toàn hệ thống tổ chức của Đảng gắn liền với kiện toàn tổ chức, bộ máy của các cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội. Phát huy vai trò, trách nhiệm và khả năng của các tổ chức đảng, đảng viên, cấp ủy viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước trong việc nghiên cứu, đề xuất các chủ trương, chính sách của Đảng. Các cấp ủy viên, nhất là cán bộ chủ chốt của cấp ủy, phải có chương trình công tác ở cơ sở, tiếp xúc, lắng nghe ý kiến và trả lời chất vấn của đảng viên và nhân dân. Chăm lo xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng, tập

trung vào các nội dung chủ yếu: thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; củng cố đoàn kết nội bộ, giáo dục rèn luyện, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên.

Về Điều lệ Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đề nghị giữ lại về cơ bản các điều quy định có tính nguyên tắc về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, về giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt Đảng; đồng thời đề nghị bổ sung, sửa đổi một số điểm cho phù hợp với yêu cầu công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới như sau:

- Bổ sung để làm rõ thêm quy định về hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống hành chính của Nhà nước và những quy định về lập các tổ chức cơ sở đảng và các tổ chức đảng có tính đặc thù.

- Các cấp ủy viên khi có quyết định nghỉ công tác để về hưu hoặc chuyển công tác đến đơn vị khác ngoài đảng bộ thì thôi tham gia các cấp ủy đương nhiệm ở đảng bộ đó. Đối với Ủy viên Trung ương khi có quyết định thôi giữ chức vụ trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể để nghỉ hưu thì thôi tham gia Ban Chấp hành Trung ương đương nhiệm.

- Thành lập Ban Bí thư, không lập Thường vụ Bộ Chính trị. Đồng chí Tổng Bí thư giữ chức vụ Tổng Bí thư không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp. Ban Bí thư gồm một số Ủy viên Bộ Chính trị do Bộ Chính trị phân công và một số Ủy viên Ban Bí thư do Ban Chấp hành Trung ương bầu

trong số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Nhiệm vụ của Ban Bí thư là lãnh đạo công việc hằng ngày của Đảng: chỉ đạo công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng; kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; chỉ đạo sự phối hợp hoạt động giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị; quyết định một số vấn đề về tổ chức, cán bộ và một số vấn đề khác theo sự phân công của Ban Chấp hành Trung ương; chỉ đạo hoặc kiểm tra việc chuẩn bị các vấn đề đưa ra Bộ Chính trị thảo luận và quyết định.

- Bổ sung quy định về Đại hội đại biểu bất thường các cấp: khi cấp ủy xét thấy cần hoặc khi có trên một nửa số tổ chức đảng trực thuộc yêu cầu và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý thì triệu tập Đại hội đại biểu bất thường. Đại biểu dự Đại hội đại biểu bất thường là các cấp ủy viên đương nhiệm, đại biểu đã dự Đại hội đại biểu đảng bộ đầu nhiệm kỳ, đang sinh hoạt tại đảng bộ, đủ tư cách. Dự Đại hội đảng viên bất thường là những đảng viên của đảng bộ đó.

- Cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y các thành viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm và phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp dưới.

- Tài chính của Đảng gồm đảng phí do đảng viên đóng, từ ngân sách nhà nước và các khoản thu khác.

*

* *

Thưa các vị khách quý,
Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam là Đại hội của *Trí tuệ, Dân chủ, Đoàn kết, Đổi mới,* thể hiện ý chí kiên cường và

niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc ta trong thời điểm lịch sử trọng đại bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết tâm phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng, của dân tộc và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi tới tương lai.

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, *Sđd*, tr.9-59.

PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN TỘC, TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

(Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, tháng 4 năm 2001)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng họp vào thời điểm có ý nghĩa trọng đại. Thế kỷ XX đã kết thúc. Thế kỷ XXI vừa bắt đầu. Toàn Đảng, toàn dân ta đã trải qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, 10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000 và 15 năm đổi mới.

Đại hội IX có nhiệm vụ kiểm điểm và đánh giá những thành tựu và khuyết điểm thời gian qua, đề ra những quyết sách cho thời kỳ tới, phấn đấu nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, động viên và phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vững bước đi vào thế kỷ mới.

I- VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ XX VÀ TRIỂN VỌNG TRONG THẾ KỶ XXI

Thế kỷ XX ghi đậm trong lịch sử loài người những dấu ấn cực kỳ sâu sắc. Đó là thế kỷ khoa học và công nghệ tiến nhanh chưa từng thấy, giá trị sản xuất vật chất tăng hàng chục lần so với thế kỷ trước; kinh tế phát triển mạnh mẽ xen lẫn những cuộc khủng hoảng lớn của chủ nghĩa tư bản thế giới và sự phân hóa gay gắt về giàu nghèo giữa các nước, các khu vực. Đó là thế kỷ diễn ra hai cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu cùng hàng trăm cuộc xung đột vũ trang. Đó cũng là thế kỷ chứng kiến một phong trào cách mạng sâu rộng trên phạm vi toàn thế giới, với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga - cuộc cách mạng vĩ đại mở ra thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một loạt nước châu Âu, châu Á và Mỹ Latinh; sự giải phóng hầu hết các nước thuộc địa của chủ nghĩa thực dân; sự phát triển của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và phong trào hòa bình, dân chủ, mặc dù vào thập niên cuối, chủ nghĩa xã hội hiện thực tạm thời lâm vào thoái trào.

Đối với nước ta, thế kỷ XX là thế kỷ của những biến đổi to lớn, thế kỷ đấu tranh oanh liệt giành lại độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thế kỷ của những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại.

Từ cuối thế kỷ XIX đến những thập niên đầu thế kỷ XX, nhân dân ta liên tiếp nổi dậy chống chủ nghĩa thực dân. Tiếp nối các phong trào Văn thân và Cần Vương, phong trào yêu nước ba mươi năm đầu thế kỷ XX diễn ra vô cùng anh dũng,

từ khởi nghĩa Yên Thế và các phong trào Đông Du, Đông Kinh nghĩa thục, Duy Tân đến khởi nghĩa Yên Bái... nhưng đều không thành công vì thiếu một đường lối đúng.

Năm 1930, kế thừa "Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên" và các tổ chức cộng sản tiền thân, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu bước ngoặt của cách mạng Việt Nam. Trong 71 năm xây dựng và trưởng thành, Đảng đã lãnh đạo nhân dân giành được những thắng lợi vĩ đại:

Một là, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đây là kết quả tổng hợp của các phong trào cách mạng liên tục diễn ra trong 15 năm sau ngày thành lập Đảng, từ cao trào Xôviết Nghệ - Tĩnh, cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 đến phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945, mặc dù cách mạng có những lúc bị dìm trong máu lửa. Chế độ thuộc địa nửa phong kiến ở nước ta bị xóa bỏ, một kỷ nguyên mới mở ra, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Hai là, thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và mới, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Ba là, thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Kế thừa những thành tựu và kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc khi còn chiến tranh và trong những năm đầu sau khi nước nhà thống nhất, trải qua nhiều tìm tòi, khảo nghiệm sáng

kiến của nhân dân, Đảng đã đề ra và lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc phù hợp với thực tiễn Việt Nam và bối cảnh quốc tế mới.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng có lúc phạm sai lầm, khuyết điểm nhưng đã nghiêm túc tự phê bình, tích cực sửa chữa và rút ra những bài học quý báu.

Với những thắng lợi giành được trong thế kỷ XX, nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đã bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Chúng ta tự hào về dân tộc ta - một dân tộc anh hùng, thông minh và sáng tạo; tự hào về Đảng ta - Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện - một lòng một dạ chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Thế kỷ XXI sẽ tiếp tục có nhiều biến đổi. Khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia; xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn kinh tế tư bản xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển, có mặt

sâu sắc hơn. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra gay gắt. Thế giới đứng trước nhiều vấn đề toàn cầu mà không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết nếu không có sự hợp tác đa phương như: bảo vệ môi trường, hạn chế sự bùng nổ về dân số, đẩy lùi những dịch bệnh hiểm nghèo, chống tội phạm quốc tế... Chủ nghĩa tư bản hiện đại đang nắm ưu thế về vốn, khoa học và công nghệ, thị trường, song không thể khắc phục nổi những mâu thuẫn vốn có, đặc biệt là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển và các nước đang phát triển. Các quốc gia độc lập ngày càng tăng cường cuộc đấu tranh để tự lựa chọn và quyết định con đường phát triển của mình. Chủ nghĩa xã hội trên thế giới, từ những bài học thành công và thất bại cũng như từ khát vọng và sự thức tỉnh của các dân tộc, có điều kiện và khả năng tạo ra bước phát triển mới. Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Trong một vài thập kỷ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới. Nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ, khủng bố còn xảy ra ở nhiều nơi với tính chất phức tạp ngày càng tăng. Hòa bình, hợp tác và phát triển là xu thế lớn, phản ánh đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, dân sinh, tiến bộ và công bằng xã hội sẽ có những bước tiến mới. Khu vực Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương sau khủng hoảng tài chính - kinh tế có khả

năng phát triển năng động nhưng vẫn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định.

Những nét mới ấy trong tình hình thế giới và khu vực tác động mạnh mẽ đến tình hình nước ta. Trước mắt nhân dân ta có cả *cơ hội lớn và thách thức lớn.*

Cùng với những thắng lợi đã giành được từ trước trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, những thành tựu to lớn và rất quan trọng của 15 năm đổi mới làm cho thế và lực của nước ta lớn mạnh lên nhiều. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế được tăng cường. Đất nước còn nhiều tiềm năng lớn về tài nguyên, lao động. Nhân dân ta có phẩm chất tốt đẹp. Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định. Môi trường hòa bình, sự hợp tác, liên kết quốc tế và những xu thế tích cực trên thế giới tạo điều kiện để chúng ta tiếp tục phát huy nội lực và lợi thế so sánh, tranh thủ ngoại lực - nguồn vốn, công nghệ mới, kinh nghiệm quản lý, mở rộng thị trường - phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đó là cơ hội lớn.

Đồng thời, đất nước ta phải đối mặt với nhiều thách thức. Bốn nguy cơ mà Đảng ta từng chỉ rõ - tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, chệch hướng xã hội chủ nghĩa, nạn tham nhũng và tệ quan liêu, "diễn biến hòa bình" do các thế lực thù địch gây ra - đến nay vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp, đan xen, tác động lẫn nhau, không thể xem nhẹ nguy cơ nào. Điều cần nhấn mạnh là: tình trạng tham nhũng và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đang cản trở việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, gây bất bình và làm giảm

lòng tin trong nhân dân; nước ta vẫn còn là nước kinh tế kém phát triển, mức sống nhân dân còn thấp, trong khi đó cuộc cạnh tranh quốc tế ngày càng quyết liệt, nếu chúng ta không nhanh chóng vươn lên thì sẽ càng tụt hậu xa hơn về kinh tế.

Nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ mới, đó là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và nhân dân ta. Thế kỷ XX là thế kỷ đấu tranh oanh liệt và chiến thắng vẻ vang của dân tộc ta. Thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ nhân dân ta tiếp tục giành thêm nhiều thắng lợi to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đưa nước ta sánh vai cùng các nước phát triển trên thế giới.

II- TÌNH HÌNH ĐẤT NƯỚC 5 NĂM QUA VÀ NHỮNG BÀI HỌC CHỦ YẾU CỦA 15 NĂM ĐỔI MỚI

Đại hội VIII của Đảng đề ra nhiệm vụ từ năm 1996 đến năm 2000 là: tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ XXI.

Năm năm qua, bên cạnh một số thuận lợi, nước ta gặp nhiều khó khăn: những yếu kém vốn có của nền kinh tế, những thiên tai lớn liên tiếp, cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế ở một số nước châu Á, tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp. Trong hoàn cảnh đó, toàn Đảng và toàn dân ta ra sức thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, ***đạt được những thành tựu quan trọng:***

Kinh tế tăng trưởng khá. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng bình quân hằng năm 7%. Nông nghiệp phát triển liên tục, đặc biệt là sản xuất lương thực. Việc nuôi trồng và khai thác thủy sản, hải sản được mở rộng. Giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm tăng 13,5%. Hệ thống kết cấu hạ tầng: bưu chính - viễn thông, đường sá, cầu, cảng, sân bay, điện, thủy lợi... được tăng cường. Các ngành dịch vụ, xuất khẩu và nhập khẩu đều phát triển. Năm 2000 đã chặn được đà giảm sút mức tăng trưởng kinh tế, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra.

Văn hóa, xã hội có những tiến bộ; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Giáo dục và đào tạo phát triển về quy mô và cơ sở vật chất. Trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên. Nước ta đã đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và công nghệ chuyển biến tích cực, gắn bó hơn với phát triển kinh tế - xã hội. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, báo chí, xuất bản góp phần tích cực động viên toàn dân tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao kiến thức và chất lượng cuộc sống. Những nhu cầu thiết yếu của nhân dân về ăn, ở, mặc, chăm sóc sức khỏe, nước sạch, điện sinh hoạt, học tập, đi lại, giải trí... được đáp ứng tốt hơn. Phong trào thể dục, thể thao phát triển; một số bộ môn đạt thành tích cao trong nước và quốc tế. Việc chăm sóc sức khỏe của nhân dân được đẩy mạnh.

Mỗi năm hơn 1,2 triệu lao động có việc làm mới. Công tác xóa đói, giảm nghèo trên phạm vi cả nước đạt kết quả nổi bật, được dư luận thế giới đánh giá cao. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình có nhiều thành tích, được Liên hợp quốc

tặng giải thưởng. Các hoạt động uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc các lão thành cách mạng, người có công với nước, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thương binh và gia đình liệt sĩ được mở rộng, thu hút sự tham gia của các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, đoàn thể và doanh nghiệp. Toàn dân góp nhiều tiền của, công sức cứu trợ đồng bào các vùng bị thiên tai lớn; tham gia nhiều hoạt động nhân đạo - từ thiện giúp đỡ những người bị ảnh hưởng chất độc màu da cam, người tàn tật, người già không nơi nương tựa và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường. Các lực lượng vũ trang nhân dân làm tốt nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh quốc gia. Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, nhất là trên các địa bàn chiến lược, biên giới, biển, đảo được phát huy. Tổ chức quân đội và công an được điều chỉnh theo yêu cầu mới. Việc kết hợp quốc phòng và an ninh với phát triển kinh tế và công tác đối ngoại có tiến bộ.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chú trọng; hệ thống chính trị được củng cố. Nhiều nghị quyết Trung ương đã đề ra những chủ trương, giải pháp củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng. Toàn Đảng tiến hành Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII. Nhà nước tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện, nền hành chính được cải cách một bước. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức

hoạt động. Quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực được phát huy; một số chính sách và quy chế bảo đảm quyền dân chủ của nhân dân, trước hết ở cơ sở, bước đầu được thực hiện.

Quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng, hội nhập kinh tế quốc tế được tiến hành chủ động và đạt nhiều kết quả tốt. Nước ta đã tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác nhiều mặt với các nước xã hội chủ nghĩa, các nước láng giềng, các nước bạn bè truyền thống; tham gia tích cực các hoạt động thúc đẩy sự hợp tác cùng có lợi trong Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) và Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC); tăng cường quan hệ với các nước phát triển và nhiều nước, nhiều tổ chức khu vực và quốc tế khác; có quan hệ thương mại với hơn 140 nước, quan hệ đầu tư với gần 70 nước và vùng lãnh thổ, thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài.

Đảng ta tiếp tục củng cố tình đoàn kết, hữu nghị với các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào độc lập dân tộc và tiến bộ trên thế giới; thiết lập quan hệ với các đảng cầm quyền ở một số nước. Các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, ủy ban hòa bình và các hội hữu nghị đẩy mạnh ngoại giao nhân dân cả về quy mô và địa bàn, góp phần tích cực vào thắng lợi của Đảng và Nhà nước ta trên mặt trận đối ngoại.

Những thành tựu 5 năm qua đã tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

Đạt được những thành tựu nói trên là do Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng và đường lối lãnh đạo đúng đắn; Nhà nước có cố gắng lớn trong việc điều hành, quản lý; toàn dân và toàn quân phát huy lòng yêu nước và tinh thần dũng cảm, đoàn kết nhất trí, cần cù, năng động, sáng tạo, tiếp tục thực hiện đổi mới, ra sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII có những ***yếu kém, khuyết điểm*** sau đây:

Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế 5 năm qua chậm dần, năm 2000 đã tăng trở lại nhưng vẫn chưa đạt mức tăng trưởng cao như những năm giữa thập niên 90. Nhịp độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) và GDP bình quân đầu người, nhịp độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ, kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu... không đạt chỉ tiêu do Đại hội VIII đề ra. Nhìn chung, năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm chưa tốt, giá thành cao. Nhiều sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp thiếu thị trường tiêu thụ cả ở trong nước và nước ngoài, một phần do thiếu sức cạnh tranh. Rừng và tài nguyên khác bị xâm hại nghiêm trọng. Nạn buôn lậu, làm hàng giả, gian lận thương mại tác động xấu đến tình hình kinh tế - xã hội. Hệ thống tài chính - ngân hàng còn yếu kém và thiếu lành mạnh. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Cơ cấu đầu tư chưa hợp lý; đầu tư còn phân tán, lãng phí và thất thoát nhiều. Nhịp độ thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài giảm, công tác quản lý, điều hành lĩnh vực này còn nhiều vướng mắc và thiếu sót. Quan hệ sản xuất trên một số mặt chưa phù hợp. Kinh tế nhà nước

chưa được củng cố tương xứng với vai trò chủ đạo, chưa có chuyển biến đáng kể trong việc sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước. Kinh tế tập thể chưa mạnh.

Một số vấn đề văn hóa - xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn còn ở mức cao, đang là một trong những vấn đề nổi cộm nhất của xã hội. Chất lượng giáo dục và đào tạo thấp so với yêu cầu. Mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học, sách giáo khoa, thi cử, cơ cấu đào tạo, trình độ quản lý có nhiều thiếu sót; trong giáo dục và đào tạo có những hiện tượng tiêu cực đáng lo ngại. Đào tạo chưa gắn với sử dụng, gây lãng phí. Chi phí học tập cao so với khả năng thu nhập của dân, nhất là của người nghèo. Giáo dục và đào tạo ở miền núi, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Các hoạt động khoa học và công nghệ chưa đáp ứng tốt yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Môi trường đô thị, nơi công nghiệp tập trung và một số vùng nông thôn bị ô nhiễm ngày càng nặng. Công tác quản lý báo chí, văn hóa, xuất bản nhiều mặt buông lỏng, để nảy sinh những khuynh hướng không lành mạnh. Một số giá trị văn hóa và đạo đức xã hội suy giảm. Mê tín, hủ tục phát triển. Cơ sở vật chất của ngành y tế còn thiếu thốn và lạc hậu, nhất là ở tuyến huyện và xã. Việc khám và chữa bệnh cho nhân dân, nhất là cho đồng bào nghèo, còn phiền hà và tiêu cực.

Mức sống nhân dân, nhất là nông dân ở một số vùng quá thấp. Chính sách tiền lương và phân phối trong xã hội còn nhiều bất hợp lý. Sự phân hóa giàu nghèo giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn, giữa các tầng lớp dân cư tăng

nhanh chóng. Tình trạng khiếu kiện của nhân dân ở nhiều nơi kéo dài và phức tạp, chưa được các cấp, các ngành giải quyết kịp thời.

Tai nạn giao thông xảy ra ở mức nghiêm trọng. Các tệ nạn xã hội, nhất là nạn ma túy và mại dâm lan rộng. Số người nhiễm HIV và mắc bệnh AIDS tăng. Trật tự an toàn xã hội chưa được bảo đảm vững chắc.

Cơ chế, chính sách không đồng bộ và chưa tạo động lực mạnh để phát triển. Một số cơ chế, chính sách còn thiếu, chưa nhất quán, chưa sát với cuộc sống, thiếu tính khả thi. Nhiều cấp, nhiều ngành chưa thay thế, sửa đổi những quy định về quản lý nhà nước không còn phù hợp; chưa bổ sung những cơ chế, chính sách mới có tác dụng giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất, khai thác nhiều hơn nữa các nguồn lực dồi dào trong các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp, các vùng và toàn xã hội. Có những chính sách đúng bị biến dạng qua nhiều tầng nấc hành chính quan liêu. Việc ban hành các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành luật rất chậm.

Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng. Nạn tham nhũng kéo dài trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta. Tình trạng lãng phí, quan liêu còn khá phổ biến.

Ban Chấp hành Trung ương xin tự phê bình trước Đại hội và trước nhân dân về việc chậm khắc phục những khuyết điểm trên, làm hạn chế những thành tựu lẽ ra đã có thể đạt được nhiều hơn.

Sở dĩ có tình trạng đó là do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chính:

Việc tổ chức thực hiện nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng chưa tốt; kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm. Tình trạng tùy tiện, thiếu ý thức tổ chức, kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, không chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước, báo cáo không trung thực, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, làm cho một số nghị quyết của Đảng khó vào cuộc sống. Công tác chỉ đạo, điều hành ở các cấp, các ngành còn nhiều bất cập, thiếu kiểm tra, đôn đốc và chưa có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu lực và hiệu quả chưa cao. Nhiều nhiệm vụ công tác lớn đã được đề ra nhưng thực hiện không đến nơi đến chốn hoặc chỉ nói mà không làm. Nhiều cán bộ, đảng viên, công chức vi phạm pháp luật và Điều lệ Đảng chưa được xử lý thật kiên quyết.

Một số quan điểm, chủ trương chưa rõ, chưa có sự nhận thức thống nhất và chưa được thông suốt ở các cấp, các ngành. Trong cán bộ, đảng viên có những cách hiểu và cách làm không thống nhất về những vấn đề như: xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, chính sách về đất đai, kinh tế trang trại, nội dung và bước đi công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế...

Cải cách hành chính tiến hành chậm, thiếu kiên quyết, hiệu quả thấp. Tổ chức bộ máy nhà nước cồng kềnh, trùng

lắp chức năng với nhiều tầng nấc trung gian và những thủ tục hành chính phiền hà, không ít trường hợp trên và dưới, Trung ương và địa phương hành động không thống nhất, gây khó khăn cho việc phát triển kinh tế - xã hội và làm giảm động lực phát triển. Một số người và cơ quan do lợi ích cá nhân, cục bộ không muốn đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tổ chức bộ máy nhà nước. Không ít cán bộ, công chức vừa kém về đạo đức, phẩm chất vừa yếu về năng lực, trình độ chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ.

Công tác tư tưởng, công tác lý luận, công tác tổ chức, cán bộ có nhiều yếu kém, bất cập. Công tác tư tưởng thiếu sắc bén, tính chiến đấu không cao, phương pháp tiến hành chưa linh hoạt, chưa tạo được nhận thức đúng và sự nhất trí cao đối với đường lối, quan điểm của Đảng; chưa thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, chưa phê phán mạnh và đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, những quan điểm mơ hồ, sai trái, khuynh hướng "thương mại hoá", lai căng, chạy theo thị hiếu tầm thường trên báo chí, phát thanh, truyền hình, trong văn hóa, văn nghệ và xuất bản. Công tác tư tưởng chưa gắn với công tác tổ chức, xây dựng cơ chế, chính sách. Nhiều tổ chức đảng chưa thật sự lãnh đạo công tác tư tưởng.

Công tác lý luận chưa theo kịp sự phát triển của thực tiễn và yêu cầu của cách mạng, chưa làm sáng tỏ nhiều vấn đề quan trọng trong công cuộc đổi mới để phục vụ việc hoạch định chiến lược, chủ trương, chính sách của Đảng, tăng cường sự nhất trí về chính trị, tư tưởng trong xã hội.

Công tác tổ chức, cán bộ chậm đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý,

điều hành của Nhà nước trong thời kỳ mới. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, nhất là bộ máy hành chính nhà nước, có quá nhiều đầu mối, trách nhiệm tập thể và cá nhân không rõ ràng, chất lượng hoạt động và hiệu quả thấp. Chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của nhiều cơ quan còn chồng chéo; cơ chế vận hành và nhiều mối quan hệ còn bất hợp lý. Tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi quá yếu, kém sức chiến đấu. Việc tuyển chọn, đào tạo, sắp xếp, sử dụng và đánh giá cán bộ còn nhiều thiếu sót, có khi dựa vào một số quan niệm cũ, định kiến và theo cảm tính; cách làm thiếu quy hoạch, không sâu sát, không theo đúng quy trình, chưa dân chủ lắng nghe ý kiến của nhân dân và tập thể. Công tác quản lý cán bộ, đảng viên thiếu chặt chẽ. Chưa tích cực phát hiện, đào tạo và bồi dưỡng những cán bộ có đức, có tài.

Tuy một số chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm (1996 - 2000) không đạt, một số nhiệm vụ do Nghị quyết Đại hội VIII đề ra chưa được thực hiện tốt nhưng ***10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội (1991 - 2000) đã đạt những thành tựu to lớn và rất quan trọng:***

Tổng sản phẩm trong nước năm 2000 tăng hơn gấp đôi so với năm 1990. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và năng lực sản xuất tăng nhiều. Nền kinh tế từ tình trạng hàng hóa khan hiếm nghiêm trọng nay sản xuất đã đáp ứng được các nhu cầu thiết yếu của nhân dân và nền kinh tế; từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp đã chuyển sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; từ chỗ chủ yếu chỉ có hai thành phần là kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể đã chuyển sang có nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Đời sống các tầng lớp

nhân dân được cải thiện. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, vượt qua được cơn chấn động chính trị và sự hẫng hụt về thị trường do những biến động ở Liên Xô và Đông Âu gây ra; phá được thế bị bao vây cấm vận, mở rộng được quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; không để bị cuốn sâu vào cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế ở một số nước châu Á mặc dù hậu quả của nó đối với nước ta cũng khá nặng nề; tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường. Sức mạnh về mọi mặt của nước ta đã lớn hơn nhiều so với mười năm trước.

15 năm đổi mới (1986 - 2000) đã cho chúng ta nhiều kinh nghiệm quý báu. Những bài học đổi mới do các Đại hội VI, VII, VIII của Đảng nêu lên đến nay vẫn còn có giá trị lớn, nhất là những bài học chủ yếu sau đây:

Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đứng trước những khó khăn, thách thức, những biến động phức tạp của tình hình thế giới và khu vực, Đảng ta luôn kiên định xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách đổi mới đúng đắn, phát huy những truyền thống quý báu của dân tộc và những thành tựu cách mạng đã đạt được, giữ vững độc lập dân tộc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hai là, đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo. Tiến hành đổi mới xuất phát từ thực tiễn và cuộc sống của xã hội Việt Nam, tham khảo kinh nghiệm tốt của thế giới, không sao chép bất cứ một mô hình có sẵn nào; đổi mới toàn diện,

đồng bộ và triệt để với những bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Có những điều chỉnh, bổ sung và phát triển cần thiết về chủ trương, phương pháp, biện pháp; tìm và lựa chọn những giải pháp mới, linh hoạt, sáng tạo, nhạy bén nắm bắt cái mới, tận dụng thời cơ, khắc phục sự trì trệ, làm chuyển biến tình hình.

Nhân dân tích cực thực hiện đổi mới trên mọi lĩnh vực, tạo ra nhiều điển hình tiên tiến, kinh nghiệm hay và nhân tố mới, từ đó Đảng có cơ sở để tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận, đẩy mạnh công cuộc đổi mới. Đổi mới là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Để công cuộc đổi mới thành công phải động viên được mọi tầng lớp nhân dân và các thành phần kinh tế tham gia.

Ba là, đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Công cuộc đổi mới diễn ra vào lúc cách mạng khoa học - công nghệ trên thế giới phát triển như vũ bão, toàn cầu hóa kinh tế ảnh hưởng đến cuộc sống các dân tộc, cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội diễn ra sôi nổi. Tiến hành đổi mới, nhân dân ta ra sức tranh thủ tối đa cơ hội tốt do những xu thế nói trên tạo ra.

Bốn là, đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới. Đảng khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới, tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, hoàn thiện đường lối đổi mới; thường xuyên xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tạo ra sự thống nhất về quan điểm, ý chí và hành động trong toàn Đảng; lãnh đạo tổ chức thực hiện, xây dựng và kiện toàn bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh.

III- VỀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

Thực tiễn phong phú và những thành tựu thu được qua 15 năm đổi mới đã chứng minh tính đúng đắn của Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội VII của Đảng, đồng thời giúp chúng ta nhận thức ngày càng rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Chúng ta một lần nữa khẳng định: Cương lĩnh là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng hiện nay và trong những thập kỷ tới. *Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc; về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư;

về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đày tớ thật trung thành của nhân dân...

Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta.

Khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta.

Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, *cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ.* Trong các lĩnh vực của đời sống xã hội diễn ra sự đan xen và đấu tranh giữa cái mới và cái cũ. Từ Đại hội VIII của Đảng năm 1996, đất nước ta đã chuyển sang chặng đường mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Trong chặng

đường hiện nay còn phải tiếp tục hoàn thành một số nhiệm vụ của chặng đường trước.

Trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế, giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, nhưng cơ cấu, tính chất, vị trí của các giai cấp trong xã hội ta đã thay đổi nhiều cùng với những biến đổi to lớn về kinh tế, xã hội. Mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích toàn dân tộc trong mục tiêu chung là: *độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*. Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đó chính là *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Mục đích của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Phát triển lực lượng sản xuất hiện đại gắn liền với xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp trên cả ba mặt sở hữu, quản lý và phân phối.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc.

Chế độ sở hữu công cộng (công hữu) về tư liệu sản xuất chủ yếu từng bước được xác lập và sẽ chiếm ưu thế tuyệt đối khi chủ nghĩa xã hội được xây dựng xong về cơ bản. Xây dựng chế độ đó là một quá trình phát triển kinh tế - xã hội lâu dài qua nhiều bước, nhiều hình thức từ thấp đến cao. Phải từ thực tiễn tìm tòi, thử nghiệm để xây dựng chế độ sở hữu công cộng nói riêng và quan hệ sản xuất mới nói chung với bước đi vững chắc. Tiêu chuẩn căn bản để đánh giá hiệu quả xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa là thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện công bằng xã hội.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước. Nhà nước ta là Nhà nước xã hội chủ nghĩa, quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, sử dụng cơ chế thị trường,

áp dụng các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý của kinh tế thị trường để kích thích sản xuất, giải phóng sức sản xuất, phát huy mặt tích cực, hạn chế và khắc phục mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo vệ lợi ích của nhân dân lao động, của toàn thể nhân dân.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội.

Tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển.

Tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa và giáo dục, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân, nâng cao dân trí, giáo dục và đào tạo con người, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực của đất nước.

Chủ trương xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện tư duy, quan niệm của Đảng ta về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Đó là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

IV- ĐƯỜNG LỐI VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Đường lối kinh tế của Đảng ta là: *Đẩy mạnh công nghiệp hóa,*

hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 nhằm: *Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao.*

Năm 2010, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng ít nhất gấp đôi so với năm 2000; chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp xuống còn khoảng 50%.

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 là bước rất quan trọng trong việc thực hiện Chiến lược 10 năm 2001 - 2010 nhằm: *Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững; ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa,*

hiện đại hóa. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Mở rộng kinh tế đối ngoại. Tạo chuyển biến mạnh về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát huy nhân tố con người. Tạo nhiều việc làm; cơ bản xóa đói, giảm số hộ nghèo; đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Tiếp tục tăng cường kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội; hình thành một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia.

Trong 5 năm 2001 - 2005 phấn đấu đạt nhịp độ tăng tổng sản phẩm trong nước bình quân 7,5%/năm.

1. Phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm

Con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt. Phát huy những lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, từng bước phát triển kinh tế tri thức. Phát huy nguồn lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần của người Việt Nam; coi phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự

chủ về đường lối, chính sách, đồng thời có tiềm lực kinh tế đủ mạnh: có mức tích lũy ngày càng cao từ nội bộ nền kinh tế; có cơ cấu kinh tế hợp lý, có sức cạnh tranh; kết cấu hạ tầng ngày càng hiện đại và có một số ngành công nghiệp nặng then chốt; có năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ; giữ vững ổn định kinh tế - tài chính vĩ mô; bảo đảm an ninh lương thực, an toàn năng lượng, tài chính, môi trường... Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước.

Phát triển kinh tế nhanh, có hiệu quả và bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Mọi hoạt động kinh tế được đánh giá bằng hiệu quả tổng hợp về kinh tế, tài chính, xã hội, môi trường, quốc phòng và an ninh. Trước mắt, tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sử dụng vốn. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư dựa trên cơ sở phát huy các thế mạnh và các lợi thế so sánh của đất nước, tăng sức cạnh tranh, gắn với nhu cầu thị trường trong nước và ngoài nước, nhu cầu đời sống nhân dân và quốc phòng, an ninh. Tạo thêm sức mua của thị trường trong nước và mở rộng thị trường ngoài nước, đẩy mạnh xuất khẩu.

Tăng cường sự chỉ đạo và huy động các nguồn lực cần thiết để đẩy nhanh *công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.* Tiếp tục phát triển và đưa nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp lên một trình độ mới bằng ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ sinh học;

đẩy mạnh thủy lợi hóa, cơ giới hóa, điện khí hóa; quy hoạch sử dụng đất hợp lý; đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tăng giá trị thu được trên đơn vị diện tích; giải quyết tốt vấn đề tiêu thụ nông sản hàng hóa. Đầu tư nhiều hơn cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội ở nông thôn. Phát triển công nghiệp, dịch vụ, các ngành nghề đa dạng, chú trọng công nghiệp chế biến, cơ khí phục vụ nông nghiệp, các làng nghề, chuyển một bộ phận quan trọng lao động nông nghiệp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ, tạo nhiều việc làm mới; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện đời sống nông dân và dân cư ở nông thôn.

Công nghiệp vừa phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động, vừa đi nhanh vào một số ngành, lĩnh vực có công nghệ hiện đại, công nghệ cao. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản, may mặc, da - giày, một số sản phẩm cơ khí, điện tử, công nghiệp phần mềm... Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng quan trọng sản xuất tư liệu sản xuất cần thiết để trang bị cho các ngành kinh tế và quốc phòng. Khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên dầu khí, khoáng sản, vật liệu xây dựng. Chú trọng phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ; xây dựng một số tập đoàn doanh nghiệp lớn đi đầu trong cạnh tranh và hiện đại hóa.

Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng các ngành *dịch vụ:* thương mại, kể cả thương mại điện tử, các loại hình vận tải, bưu chính - viễn thông, du lịch, tài chính, ngân hàng, kiểm toán, bảo hiểm, chuyển giao công nghệ, tư vấn pháp lý, thông tin thị trường... Sớm phổ cập sử dụng tin học và mạng thông tin quốc tế (internet) trong nền kinh tế và đời sống xã hội.

Xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hóa hệ thống *kết cấu hạ tầng:* giao thông, điện lực, thông tin, thủy lợi, cấp nước, thoát nước...

Phát triển mạng lưới *đô thị* phân bố hợp lý trên các vùng. Hiện đại hóa dần các thành phố lớn, thúc đẩy quá trình đô thị hóa nông thôn. Không tập trung quá nhiều cơ sở công nghiệp và dân cư vào các đô thị lớn. Khắc phục tình trạng ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường. Tăng cường công tác quy hoạch và quản lý đô thị, nâng cao thẩm mỹ kiến trúc.

Về *chiến lược phát triển các vùng,* phát huy vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm có mức tăng trưởng cao, tích lũy lớn; đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng khác trên cơ sở phát huy thế mạnh của từng vùng, liên kết với vùng trọng điểm tạo mức tăng trưởng khá. Quan tâm phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường quốc phòng - an ninh ở các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, chú trọng các vùng Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam. Có chính sách hỗ trợ nhiều hơn cho các vùng khó khăn để phát triển kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, xóa đói giảm nghèo, đưa các vùng này vượt qua tình trạng kém phát triển. Có chiến lược phát triển các vùng biên giới.

Phát triển mạnh và phát huy vai trò chiến lược của *kinh tế biển kết hợp với bảo vệ vùng biển:* mở rộng nuôi trồng và đánh bắt, chế biến hải sản, tiến ra biển xa; khai thác và chế biến dầu khí; phát triển công nghiệp đóng tàu và vận tải biển, du lịch, dịch vụ; phát triển các vùng dân cư trên biển, giữ vững an ninh vùng biển.

Từng bước hiện đại hóa công tác nghiên cứu, dự báo *khí tượng - thủy văn* và *vật lý địa cầu;* có kế hoạch và biện pháp tích cực chủ động phòng chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn.

Sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, coi đây là một nội dung quan trọng của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường công tác quản lý ở tất cả các lĩnh vực, các vùng; thực hiện nghiêm Luật bảo vệ môi trường.

2. Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần

Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần. Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh; trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Từ các hình thức sở hữu cơ bản: *sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân* hình thành nhiều thành phần kinh tế với những hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng, đan xen, hỗn hợp.

Kinh tế nhà nước phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, là lực lượng vật chất quan trọng và là công cụ để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Doanh nghiệp nhà nước giữ những vị trí then chốt; đi đầu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; nêu gương về năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội và chấp hành pháp luật.

Trong 5 năm tới, cơ bản hoàn thành việc củng cố, sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp nhà nước hiện có, đồng thời phát triển thêm doanh nghiệp mà Nhà nước đầu tư 100% vốn hoặc có cổ phần chi phối ở một số ngành, lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng. Xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh trên cơ sở các tổng công ty nhà nước, có sự tham gia của các thành phần kinh tế. Thực hiện tốt chủ trương cổ phần hóa và đa dạng hóa sở hữu đối với những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm 100% vốn; giao, bán, khoán, cho thuê... các doanh nghiệp loại nhỏ Nhà nước không cần nắm giữ; sáp nhập, giải thể, cho phá sản những doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả và không thực hiện được các biện pháp trên. Khẩn trương cải thiện tình hình tài chính và lao động của các doanh nghiệp nhà nước; củng cố và hiện đại hóa một bước các tổng công ty nhà nước.

Phân biệt quyền của chủ sở hữu và quyền kinh doanh của doanh nghiệp. Thực hiện chế độ quản lý công ty đối với các doanh nghiệp kinh doanh dưới dạng công ty trách nhiệm hữu hạn một chủ sở hữu là Nhà nước và công ty cổ phần có vốn Nhà nước; giao cho hội đồng quản trị doanh nghiệp quyền đại diện trực tiếp chủ sở hữu gắn với quyền tự chủ trong kinh doanh; quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách đối với doanh nghiệp nhà nước để tạo động lực phát triển và nâng cao hiệu quả theo hướng: xóa bao cấp; doanh nghiệp cạnh tranh bình đẳng trên thị trường, tự chịu trách nhiệm về sản xuất, kinh doanh; nộp đủ thuế và có lãi. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong

doanh nghiệp. Có cơ chế phù hợp về kiểm tra, kiểm soát, thanh tra của Nhà nước đối với doanh nghiệp.

Kinh tế tập thể phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt. Các hợp tác xã dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể, liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, không giới hạn quy mô, lĩnh vực và địa bàn. Phát triển hợp tác xã kinh doanh tổng hợp đa ngành hoặc chuyên ngành. Nhà nước giúp hợp tác xã đào tạo cán bộ, ứng dụng khoa học công nghệ, nắm bắt thông tin, mở rộng thị trường, xây dựng các quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, giải quyết nợ tồn đọng. Khuyến khích việc tích lũy, phát triển có hiệu quả vốn tập thể trong hợp tác xã. Tổng kết việc chuyển đổi và phát triển hợp tác xã theo Luật hợp tác xã.

Kinh tế cá thể, tiểu chủ cả ở nông thôn và thành thị có vị trí quan trọng lâu dài. Nhà nước tạo điều kiện và giúp đỡ để phát triển; khuyến khích các hình thức tổ chức hợp tác tự nguyện, làm vệ tinh cho các doanh nghiệp hoặc phát triển lớn hơn.

Khuyến khích phát triển *kinh tế tư bản tư nhân* rộng rãi trong những ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về chính sách, pháp lý để kinh tế tư bản tư nhân phát triển trên những định hướng ưu tiên của Nhà nước, kể cả đầu tư ra nước ngoài; khuyến khích chuyển thành doanh nghiệp cổ phần, bán cổ phần cho người lao động, liên doanh, liên kết với nhau, với kinh tế tập thể và kinh tế nhà nước. Xây dựng quan hệ tốt giữa chủ doanh nghiệp và người lao động.

Phát triển đa dạng *kinh tế tư bản nhà nước* dưới các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư bản tư nhân trong nước và ngoài nước, mang lại lợi ích thiết thực cho các bên đầu tư kinh doanh.

Tạo điều kiện để *kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài* phát triển thuận lợi, hướng vào xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội gắn với thu hút công nghệ hiện đại, tạo thêm nhiều việc làm. Cải thiện môi trường kinh tế và pháp lý để thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài.

Chú trọng phát triển các hình thức tổ chức kinh doanh đan xen, hỗn hợp nhiều hình thức sở hữu, giữa các thành phần kinh tế với nhau, giữa trong nước và ngoài nước. Phát triển mạnh hình thức tổ chức kinh tế cổ phần nhằm huy động và sử dụng rộng rãi vốn đầu tư xã hội. Nhân rộng mô hình hợp tác, liên kết công nghiệp và nông nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và kinh tế hộ nông thôn. Phát triển các loại hình trang trại với quy mô phù hợp trên từng địa bàn.

3. Tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường; đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước

Thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt quan tâm các thị trường quan trọng nhưng hiện chưa có hoặc còn sơ khai như: thị trường lao động, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường khoa học và công nghệ.

Phát triển thị trường hàng hóa và dịch vụ; phát huy vai trò nòng cốt, định hướng và điều tiết của kinh tế nhà nước trên thị trường. Đáp ứng nhu cầu đa dạng và nâng cao sức

mua của thị trường trong nước, cả ở thành thị và nông thôn, chú ý thị trường các vùng có nhiều khó khăn. Mở thêm thị trường mới ở nước ngoài. Xác định thời hạn bảo hộ hợp lý và có hiệu quả đối với một số sản phẩm cần thiết, tích cực chuẩn bị để mở rộng hội nhập thị trường quốc tế. Hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh.

Mở rộng thị trường lao động trong nước có sự kiểm tra, giám sát của Nhà nước, bảo vệ lợi ích của người lao động và của người sử dụng lao động; đẩy mạnh xuất khẩu lao động có tổ chức và có hiệu quả. Hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách tạo cơ hội bình đẳng về việc làm cho người lao động, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích người lao động tự tìm việc làm, nâng cao trình độ, đào tạo lại, học nghề mới.

Khẩn trương tổ chức thị trường khoa học và công nghệ, thực hiện tốt bảo hộ sở hữu trí tuệ; đẩy mạnh phát triển các dịch vụ về thông tin, chuyển giao công nghệ.

Phát triển nhanh và bền vững thị trường vốn, nhất là thị trường vốn dài hạn và trung hạn. Tổ chức và vận hành thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm an toàn, hiệu quả. Hình thành đồng bộ thị trường tiền tệ; tăng khả năng chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam.

Hình thành và phát triển thị trường bất động sản, bao gồm cả quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; từng bước mở thị trường bất động sản cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia đầu tư.

Trong 5 năm tới hình thành tương đối đồng bộ cơ chế quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục những yếu kém, tháo gỡ những vướng mắc.

Đổi mới sâu rộng cơ chế quản lý kinh tế, phát huy những yếu tố tích cực của cơ chế thị trường, triệt để xóa bỏ bao cấp trong kinh doanh, tăng cường vai trò quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước, đấu tranh có hiệu quả chống các hành vi tham nhũng, lãng phí, quan liêu, sách nhiễu gây phiền hà.

Nhà nước tạo môi trường pháp lý thuận lợi, bình đẳng cho các doanh nghiệp cạnh tranh và hợp tác để phát triển; bằng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách, kết hợp với sử dụng lực lượng vật chất của Nhà nước để định hướng phát triển kinh tế - xã hội, khai thác hợp lý các nguồn lực của đất nước, bảo đảm cân đối vĩ mô nền kinh tế, điều tiết thu nhập; kiểm tra, kiểm soát, thanh tra mọi hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, chống buôn lậu, làm hàng giả, gian lận thương mại.

Tiếp tục đổi mới các công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế.

Đổi mới hơn nữa công tác kế hoạch hóa, nâng cao chất lượng công tác xây dựng các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường thông tin kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế, công tác kế toán, thống kê; ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và công nghệ trong dự báo, kiểm tra tình hình thực hiện ở cả cấp vĩ mô và doanh nghiệp.

Bảo đảm tính minh bạch, công bằng trong chi ngân sách nhà nước. Phân cấp mạnh đi đôi với tăng cường trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc thu và chi ngân sách địa phương. Tăng tỷ lệ chi ngân sách theo tốc độ tăng trưởng kinh tế và hiệu quả quản lý kinh tế, tài chính. Tăng chi ngân sách cho các mục tiêu xã hội trọng điểm. Nâng cao hiệu quả

các chương trình quốc gia, tập trung vốn cho các chương trình trọng điểm, thực hiện có kết quả chương trình giúp đỡ các xã đặc biệt khó khăn.

Nhà nước đầu tư vốn phát triển từ ngân sách nhà nước căn cứ vào hiệu quả kinh tế - xã hội. Chuyển cơ chế phân bổ nguồn vốn vay nhà nước mang tính hành chính sang cho vay theo cơ chế thị trường, xóa bỏ bao cấp thông qua tín dụng đầu tư, đồng thời phát triển các quỹ hỗ trợ phát triển. Hoàn thiện phương thức quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, cải cách các thủ tục, phân công, phân cấp rõ ràng, rành mạch trong thực hiện các dự án đầu tư. Tăng cường quản lý nợ chính phủ; hoàn thiện cơ chế quản lý nợ nước ngoài cho phù hợp với tình hình mới.

Tiếp tục cải cách hệ thống thuế phù hợp với tình hình đất nước và các cam kết quốc tế; đơn giản hóa các sắc thuế; từng bước áp dụng hệ thống thuế thống nhất, không phân biệt đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài. Nuôi dưỡng nguồn thu và thu đúng, thu đủ theo quy định của pháp luật. Hiện đại hóa công tác quản lý thuế của Nhà nước.

Xây dựng hệ thống ngân hàng thương mại đáp ứng nhu cầu tín dụng, cung ứng các dịch vụ ngân hàng thuận lợi cho xã hội. Kiện toàn các ngân hàng thương mại nhà nước thành những doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ tự chủ, tự chịu trách nhiệm, có uy tín, đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Xóa bỏ sự can thiệp hành chính của các cơ quan nhà nước đối với hoạt động cho vay của các ngân hàng thương mại nhà nước. Nâng cao năng lực giám sát của Ngân hàng Nhà nước và công tác kiểm tra nội bộ của các ngân hàng thương mại. Tách tín dụng ưu đãi theo chính sách khỏi tín dụng thương mại.

Thực hiện chính sách tỷ giá linh hoạt theo cung cầu ngoại tệ, từng bước thực hiện tự do hóa tỷ giá hối đoái có sự quản lý vĩ mô của Nhà nước.

4. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội

Thực hiện các chính sách xã hội hướng vào phát triển và lành mạnh hóa xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp.

Giải quyết việc làm là một chính sách xã hội cơ bản. Bằng nhiều giải pháp, tạo ra nhiều việc làm mới, tăng quỹ thời gian lao động được sử dụng, nhất là trong nông nghiệp và nông thôn. Các thành phần kinh tế mở mang các ngành nghề, các cơ sở sản xuất, dịch vụ có khả năng sử dụng nhiều lao động. Chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm an toàn và vệ sinh lao động, phòng chống tai nạn và bệnh nghề nghiệp cho người lao động. Khôi phục và phát triển các làng nghề, đẩy mạnh phong trào lập nghiệp của thanh niên và đào tạo lao động có nghề. Tổ chức, quản lý chặt chẽ hoạt động xuất khẩu lao động và bảo vệ quyền lợi người lao động ở nước ngoài. Khẩn trương mở rộng hệ thống bảo hiểm xã hội và an sinh xã hội. Sớm xây dựng và thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động thất nghiệp.

Cải cách cơ bản chế độ tiền lương cán bộ, công chức theo hướng tiền tệ hóa đầy đủ tiền lương; điều chỉnh tiền lương tương ứng với nhịp độ tăng thu nhập trong xã hội; hệ thống thang bậc lương bảo đảm tương quan hợp lý, khuyến khích người có tài, người làm việc giỏi. Khắc phục tình trạng bất

hợp lý về trợ cấp của người nghỉ hưu, thương binh, bệnh binh và những người có hoàn cảnh khó khăn.

Các doanh nghiệp được tự chủ trong việc trả lương và tiền thưởng trên cơ sở năng suất lao động và hiệu quả của doanh nghiệp. Nhà nước và xã hội tôn trọng thu nhập hợp pháp của người kinh doanh.

Thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo thông qua những biện pháp cụ thể, sát với tình hình từng địa phương, sớm đạt mục tiêu không còn hộ đói, giảm mạnh các hộ nghèo. Tiếp tục tăng tổng nguồn vốn xóa đói, giảm nghèo, mở rộng các hình thức tín dụng trợ giúp người nghèo sản xuất, kinh doanh. Có chính sách trợ giá nông sản, phát triển việc làm và nghề phụ nhằm tăng thu nhập của các hộ nông dân. Thực hiện các chính sách xã hội bảo đảm an toàn cuộc sống mọi thành viên cộng đồng, bao gồm bảo hiểm xã hội đối với người lao động thuộc các thành phần kinh tế, cứu trợ xã hội những người gặp rủi ro, bất hạnh.

Thực hiện chính sách ưu đãi xã hội và vận động toàn dân tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn đối với các lão thành cách mạng, những người có công với nước, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thương binh và cha mẹ, vợ con liệt sĩ, người được hưởng chính sách xã hội.

Đẩy mạnh việc xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng ở nông thôn như trường học, trạm y tế, điện, nước sạch, chợ và đường giao thông. Đầu tư nhiều hơn cho những xã đặc biệt khó khăn. Có chính sách thiết thực khuyến khích cán bộ khoa học, kỹ thuật đến công tác tại các vùng sâu, vùng xa.

Chính sách dân số nhằm chủ động kiểm soát quy mô và tăng chất lượng dân số phù hợp với những yêu cầu phát triển

kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình; giải quyết tốt mối quan hệ giữa phân bố dân cư hợp lý với quản lý dân số và phát triển nguồn nhân lực.

Thực hiện đồng bộ chính sách bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, nhằm giảm tỷ lệ mắc bệnh, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ và phát triển giống nòi. Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế, đặc biệt là ở cơ sở. Xây dựng một số trung tâm y tế chuyên sâu. Đẩy mạnh sản xuất dược phẩm, bảo đảm các loại thuốc thiết yếu đến mọi địa bàn dân cư. Thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe; đổi mới cơ chế và chính sách viện phí; có chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người nghèo, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Nhà nước ban hành chính sách quốc gia về y học cổ truyền. Kết hợp chặt chẽ y học hiện đại với y học cổ truyền từ khâu đào tạo đến khâu khám bệnh và điều trị.

Chính sách chăm sóc, bảo vệ trẻ em tập trung vào thực hiện quyền trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em được sống trong môi trường an toàn và lành mạnh, phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức; trẻ em mồ côi, bị khuyết tật, sống trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn có cơ hội học tập và vui chơi.

Phát động phong trào toàn dân tập luyện thể dục, thể thao, nâng cao sức khỏe và tầm vóc người Việt Nam; phổ biến rộng rãi kiến thức về tự bảo vệ sức khỏe. Tăng đầu tư của Nhà nước cho lĩnh vực thể thao thành tích cao.

Tăng cường lãnh đạo và quản lý phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự và kỷ cương xã hội, ngăn chặn và bài trừ các tệ nạn xã hội, nhất là nạn mại

dâm, ma tuý; ngăn chặn, tiến tới đẩy lùi đại dịch HIV/AIDS. Xây dựng lối sống văn minh, lành mạnh.

Các chính sách xã hội được tiến hành theo tinh thần xã hội hóa, đề cao trách nhiệm của chính quyền các cấp, huy động các nguồn lực trong nhân dân và sự tham gia của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội.

V- PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC

1. Phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục; thực hiện "chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hoá". Phát huy tinh thần độc lập suy nghĩ và sáng tạo của học sinh, sinh viên, đề cao năng lực tự học, tự hoàn thiện học vấn và tay nghề, đẩy mạnh phong trào học tập trong nhân dân bằng những hình thức giáo dục chính quy và không chính quy, thực hiện "giáo dục cho mọi người", "cả nước trở thành một xã hội học tập". Thực hiện phương châm "học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn với xã hội". Coi trọng công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học, chuẩn bị cho thanh niên, thiếu niên đi vào lao động nghề nghiệp phù hợp với sự

chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong cả nước và từng địa phương. Xây dựng quy hoạch đào tạo nhân lực theo phương thức kết hợp học tập trung, học từ xa, học qua máy tính.

Chăm lo phát triển giáo dục mầm non, mở rộng hệ thống nhà trẻ và trường lớp mẫu giáo trên mọi địa bàn dân cư, đặc biệt là ở nông thôn và những vùng có khó khăn.

Củng cố thành tựu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, phấn đấu để ngày càng có nhiều trường tiểu học đủ điều kiện học hai buổi mỗi ngày tại trường, được học ngoại ngữ và tin học. Đẩy nhanh tiến độ phổ cập giáo dục trung học cơ sở, tạo điều kiện cho những địa phương có khả năng hoàn thành sớm việc phổ cập giáo dục bậc trung học thông qua việc mở rộng quy mô đào tạo và phát triển đa dạng các loại hình trường phổ thông trung học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Tăng ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo theo nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Hiện đại hóa một số trường dạy nghề, tăng nhanh tỷ lệ lao động được đào tạo trong toàn bộ lao động xã hội, khuyến khích phát triển hệ thống trường lớp dạy nghề dân lập và tư thục, trang bị cho thanh niên những kiến thức sản xuất, kỹ năng lao động và năng lực tiếp thu công nghệ mới để tự tạo việc làm, chủ động tìm kiếm cơ hội lập nghiệp.

Mở rộng hợp lý quy mô giáo dục đại học, làm chuyển biến rõ nét về chất lượng và hiệu quả đào tạo. Tập trung đầu tư xây dựng hai đại học quốc gia thành những trung tâm đào tạo chất lượng cao; xây dựng một số trường sư phạm trọng điểm. Từng bước xúc tiến việc nối mạng internet ở trường học, tạo điều kiện học tập, nghiên cứu trên mạng.

Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên. Cải tiến việc giảng dạy và học tập các bộ môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện cho người nghèo có cơ hội học tập, tiếp tục phát triển các trường phổ thông nội trú dành cho con em dân tộc thiểu số, chú trọng quyền được học tập của nhân dân ở trên hai nghìn xã nghèo nhất. Có chính sách hỗ trợ đặc biệt những học sinh có năng khiếu, hoàn cảnh sống khó khăn được theo học ở các bậc học cao. Có quy hoạch và chính sách tuyển chọn người giỏi, đặc biệt chú ý trong con em công nhân và nông dân, để đào tạo ở các bậc đại học và sau đại học. Tăng ngân sách nhà nước cho việc cử người đi đào tạo ở các nước có nền khoa học và công nghệ tiên tiến. Khuyến khích việc du học tự túc.

Thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục, phát triển đa dạng các hình thức đào tạo, đẩy mạnh việc xây dựng các quỹ khuyến khích tài năng, các tổ chức khuyến học, bảo trợ giáo dục.

Trong những năm trước mắt, giải quyết dứt điểm những vấn đề bức xúc: sửa đổi chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; cải tiến chế độ thi cử, khắc phục khuynh hướng "thương mại hoá" giáo dục, ngăn chặn những tiêu cực trong giáo dục; quản lý chặt chẽ việc cấp văn bằng, công nhận học hàm, học vị; chấn chỉnh công tác quản lý hệ thống trường học cả công lập và ngoài công lập.

2. Phát triển khoa học và công nghệ cùng với phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền

tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Khoa học xã hội và nhân văn hướng vào việc giải đáp các vấn đề lý luận và thực tiễn, dự báo các xu thế phát triển, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng con người, phát huy những di sản văn hóa dân tộc, sáng tạo những giá trị văn hóa mới của Việt Nam.

Khoa học tự nhiên hướng vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn, xây dựng cơ sở khoa học của sự phát triển các lĩnh vực công nghệ trọng điểm và khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, dự báo, phòng chống thiên tai.

Khoa học - công nghệ hướng vào việc nâng cao năng suất lao động, đổi mới sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường, xây dựng năng lực công nghệ quốc gia, ứng dụng một cách sáng tạo những công nghệ nhập khẩu, từng bước tạo ra công nghệ mới. Đi nhanh vào một số ngành, lĩnh vực sử dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao (tin học, sinh học, vật liệu mới, tự động hóa). Tạo thị trường cho khoa học và công nghệ, đổi mới cơ chế tài chính nhằm khuyến khích sáng tạo và gắn ứng dụng khoa học và công nghệ với sản xuất, kinh doanh, quản lý, dịch vụ. Có chính sách khuyến khích và buộc các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu đổi mới công nghệ.

Coi trọng nghiên cứu cơ bản trong khoa học.

Tăng đầu tư của ngân sách và huy động các nguồn lực khác cho khoa học và công nghệ.

Sắp xếp, đổi mới hệ thống nghiên cứu khoa học, phối hợp chặt chẽ nghiên cứu khoa học tự nhiên, khoa học - công nghệ

với khoa học xã hội và nhân văn. Hoàn thành xây dựng những khu công nghệ cao và hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia. Sử dụng có hiệu quả các quỹ hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ. Cải tiến công tác quản lý khoa học, thực hiện quy chế dân chủ trong nghiên cứu và sáng tạo khoa học, bảo đảm chất lượng của các chương trình và đề tài nghiên cứu khoa học, khắc phục tình trạng trùng lặp, gây lãng phí ngân sách.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và công nghệ. Thực hiện tốt chính sách bảo hộ sở hữu trí tuệ. Có chính sách đãi ngộ đặc biệt đối với nhà khoa học có công trình nghiên cứu xuất sắc; khuyến khích cán bộ khoa học, kỹ thuật công tác tại các vùng khó khăn, vùng nông thôn; động viên các nhà khoa học bám sát cơ sở sản xuất, hướng dẫn nhân dân nắm bắt và làm chủ những tri thức mới về khoa học và công nghệ.

3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Mọi hoạt động văn hóa nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống có văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Văn hóa trở thành nhân tố thúc đẩy con người tự hoàn thiện nhân cách, kế thừa truyền thống cách mạng của dân tộc, phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tăng nhanh mức đầu tư của Nhà nước và của xã hội cho sự nghiệp phát triển văn hóa. Tạo điều kiện để nhân dân

ngày càng nâng cao trình độ thẩm mỹ và thưởng thức nghệ thuật, trở thành những chủ thể sáng tạo văn hóa, đồng thời hưởng thụ ngày càng nhiều các thành quả văn hóa. Nâng cao chất lượng hệ thống bảo tàng lịch sử, bảo tàng cách mạng; đẩy mạnh xây dựng thư viện, nhà văn hóa, nhà thông tin, câu lạc bộ sức khỏe, sân bãi thể dục thể thao, khu vui chơi giải trí... Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc, các giá trị văn học, nghệ thuật, ngôn ngữ, chữ viết và thuần phong mỹ tục của các dân tộc; tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh; khai thác các kho tàng văn hóa cổ truyền. Tiếp thu tinh hoa và góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa của nhân loại. Đấu tranh chống sự xâm nhập của văn hóa độc hại.

Bảo đảm tự do, dân chủ cho mọi sáng tạo văn hóa, văn học nghệ thuật, tạo điều kiện làm việc thuận lợi để phát huy hiệu quả của lao động nghệ thuật. Văn nghệ sĩ nêu cao trách nhiệm trước nhân dân, trước Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, có tác dụng giáo dục, xây dựng con người. Văn nghệ cổ vũ cái đúng, cái tốt, cái đẹp trong quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với xã hội, với thiên nhiên; phê phán những thói hư tật xấu, lên án cái ác, cái thấp hèn. Phát huy vai trò thẩm định tác phẩm, hướng dẫn dư luận của phê bình văn học nghệ thuật. Tiếp tục đấu tranh chống các khuynh hướng sáng tác trái với đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng. Chăm sóc đời sống vật chất, tinh thần của văn nghệ sĩ, nhất là những người cao tuổi; đãi ngộ thỏa đáng đối với các văn nghệ sĩ tài năng. Chú trọng bồi dưỡng,

đào tạo thế hệ văn nghệ sĩ trẻ. Làm tốt công tác bảo vệ bản quyền tác giả.

Phát triển đi đôi với quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng. Báo chí, xuất bản... làm tốt chức năng tuyên truyền thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; phát hiện những nhân tố mới, cái hay, cái đẹp trong xã hội, giới thiệu gương người tốt việc tốt, những điển hình tiên tiến, phê phán các hiện tượng tiêu cực, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, đấu tranh với những quan điểm sai trái; coi trọng nâng cao tính chân thật, tính giáo dục và tính chiến đấu của thông tin. Sử dụng internet đẩy mạnh thông tin đối ngoại, đồng thời hạn chế, ngăn chặn những hoạt động tiêu cực qua mạng. Khắc phục khuynh hướng "thương mại hoá" trong hoạt động báo chí, xuất bản. Nâng cao bản lĩnh chính trị, tư tưởng, ý thức trách nhiệm, trình độ văn hóa và nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức của đội ngũ báo chí, xuất bản.

Nêu cao trách nhiệm của gia đình trong việc xây dựng và bồi dưỡng các thành viên của mình có lối sống văn hóa, làm cho gia đình thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội. Đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá"; ngăn chặn việc phục hồi các hủ tục, khắc phục tình trạng mê tín đang có xu hướng lan rộng trong xã hội.

VI- TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; bảo vệ

Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc.

Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thế trận an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, quốc phòng và an ninh với kinh tế trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Phối hợp hoạt động quốc phòng và an ninh với hoạt động đối ngoại.

Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có bản lĩnh chính trị vững vàng; trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân; có trình độ học vấn và chuyên môn nghiệp vụ ngày càng cao; quý trọng và hết lòng phục vụ nhân dân; có phẩm chất, đạo đức, lối sống lành mạnh, giản dị; kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang; có năng lực chỉ huy và tác chiến thắng lợi trong bất cứ tình huống nào; có trình độ sẵn sàng chiến đấu và sức chiến đấu ngày càng cao; thường xuyên cảnh giác, kịp thời đập tan mọi âm mưu và hành động xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và an ninh quốc gia; ngăn chặn và đẩy lùi các tội phạm nguy hiểm và các tệ nạn xã hội, bảo đảm tốt trật tự an toàn xã hội.

Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội, thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; coi trọng xây dựng thế trận trên các địa bàn chiến lược trọng yếu; xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ và công an, bảo vệ cơ sở.

Hoàn thiện hệ thống luật pháp về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường quản lý nhà nước về quốc phòng và an ninh trên phạm vi cả nước và từng địa phương, cơ sở, đưa nhiệm vụ đó vào chương trình chính khóa đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. Thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

Đầu tư thích đáng cho công nghiệp quốc phòng, trang bị kỹ thuật hiện đại cho quân đội, công an. Tận dụng năng lực công nghiệp dân sinh phục vụ quốc phòng và an ninh. Từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của các lực lượng vũ trang, thực hiện tốt chính sách hậu phương đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

Thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh.

VII- MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Nhiệm vụ đối ngoại là tiếp tục giữ vững môi trường hòa bình và tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm độc lập và chủ quyền quốc gia, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Mở rộng quan hệ nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước và vùng lãnh thổ, các trung tâm chính trị, kinh tế quốc tế lớn, các tổ chức quốc tế và khu vực theo các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; bình đẳng và cùng có lợi; giải quyết các bất đồng và tranh chấp bằng thương lượng hòa bình; làm thất bại mọi âm mưu và hành động gây sức ép, áp đặt và cường quyền.

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường. Chính phủ cùng các bộ, ngành và các doanh nghiệp khẩn trương xây dựng và thực hiện kế hoạch hội nhập kinh tế quốc tế với lộ trình hợp lý và chương trình hành động cụ thể, phát huy tính chủ động của các cấp, các ngành và các doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, hoàn chỉnh hệ thống luật pháp, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và nền kinh tế.

Coi trọng và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước láng giềng. Nâng cao hiệu quả và chất lượng hợp tác với các nước ASEAN, cùng xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình, không có vũ khí hạt nhân, ổn định, hợp tác cùng phát triển.

Tiếp tục mở rộng quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, các nước độc lập dân tộc, các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Trung Đông và Mỹ Latinh, các nước trong Phong trào Không liên kết, ủng hộ lẫn nhau cùng phát triển, phối hợp bảo vệ lợi ích chính đáng của nhau.

Thúc đẩy quan hệ đa dạng với các nước phát triển và các tổ chức quốc tế. Đẩy mạnh hoạt động ở các diễn đàn đa phương.

Tích cực tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu. Ủng hộ và cùng nhân dân thế giới đấu tranh nhằm loại trừ hoàn toàn vũ khí hạt nhân, vũ khí sinh học và mọi phương tiện chiến tranh hiện đại khác giết người hàng loạt, bảo vệ hòa bình, chống nguy cơ chiến tranh và chạy đua vũ trang; tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự lựa chọn con đường phát triển của mỗi dân tộc trên thế giới; góp phần xây dựng trật tự chính trị, kinh tế quốc tế dân chủ, công bằng.

Củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết và hợp tác với các đảng cộng sản và công nhân, với các đảng cánh tả, các phong trào giải phóng và độc lập dân tộc, với các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới.

Tiếp tục mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền.

Mở rộng hơn nữa công tác đối ngoại nhân dân, tăng cường quan hệ song phương và đa phương với các tổ chức nhân dân các nước, nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức

phi chính phủ quốc gia và quốc tế, góp phần tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân ta và nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới.

Đẩy mạnh công tác thông tin phục vụ nghiên cứu, làm tốt công tác dự báo tình hình khu vực và thế giới, kịp thời có những chủ trương, chính sách đối ngoại thích hợp khi tình hình thay đổi. Tăng cường hơn nữa công tác thông tin đối ngoại và văn hóa đối ngoại.

Bồi dưỡng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, năng lực, đạo đức, phẩm chất của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại, kể cả kinh tế đối ngoại.

Phối hợp chặt chẽ hoạt động ngoại giao của Nhà nước, hoạt động đối ngoại của Đảng và hoạt động đối ngoại nhân dân. Hoàn thiện cơ chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại, tạo thành sức mạnh tổng hợp thực hiện có kết quả nhiệm vụ công tác đối ngoại, làm cho thế giới hiểu rõ hơn đất nước, con người, công cuộc đổi mới của Việt Nam, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và hợp tác ngày càng rộng rãi của thế giới.

VIII- PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN

Kế thừa truyền thống quý báu của dân tộc, Đảng ta luôn luôn giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân. Đó là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Thực hiện đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi

vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay ở nước ngoài. Phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, truyền thống yêu nước, ý chí tự lực tự cường và lòng tự hào dân tộc, lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai. Khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam luôn luôn được củng cố và phát triển sâu rộng trên cơ sở liên minh vững chắc giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân gắn với việc phát huy dân chủ trong đời sống xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện dân chủ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở tất cả các cấp, các ngành.

Chính sách và pháp luật của Nhà nước là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân và sinh hoạt dân chủ trong xã hội. Xây dựng đồng bộ các chính sách kinh tế - xã hội đúng đắn, phát huy mọi khả năng sáng tạo của nhân dân. Đổi mới và hoàn thiện các chính sách cụ thể đối với các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, đặc biệt là các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, phân phối, tiêu dùng, bảo đảm quyền lợi và trách nhiệm của công dân...

Đối với *giai cấp công nhân,* coi trọng phát triển về số lượng và chất lượng, nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị,

trình độ học vấn và nghề nghiệp, thực hiện "trí thức hóa công nhân", nâng cao năng lực ứng dụng và sáng tạo công nghệ mới, lao động đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao, xứng đáng là một lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và vai trò lãnh đạo cách mạng trong thời kỳ mới. Bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của giai cấp công nhân trong điều kiện thực hiện cơ chế thị trường. Tăng cường đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý và kết nạp đảng viên từ những công nhân ưu tú; tăng thành phần công nhân trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành.

Đối với *giai cấp nông dân,* ra sức bồi dưỡng sức dân ở nông thôn và phát huy vai trò giai cấp nông dân trong sự nghiệp đổi mới, tập trung sự chỉ đạo và các nguồn lực cần thiết cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, phát triển nông thôn; thực hiện tốt các chính sách về ruộng đất, phát triển nông nghiệp toàn diện, tiêu thụ nông sản hàng hóa, bảo hiểm sản xuất và bảo hiểm xã hội; phát huy lợi thế từng vùng, giúp đỡ vùng khó khăn; phân bố dân cư theo quy hoạch, phát triển ngành nghề, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống, nâng cao dân trí, xây dựng nông thôn mới.

Đối với *trí thức,* tạo điều kiện thuận lợi để thu nhận thông tin, tiếp cận các thành tựu mới của khoa học, công nghệ và văn hóa thế giới, nâng cao trình độ chính trị, kiến thức chuyên môn. Khuyến khích tự do sáng tạo, phát minh, cống hiến. Phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng đúng và đãi ngộ xứng đáng các tài năng. Phát huy năng lực của trí thức trong việc thực hiện các chương trình, đề tài nghiên

cứu của Nhà nước và xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật.

Đối với *thế hệ trẻ,* chăm lo giáo dục, bồi dưỡng, đào tạo phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, văn hóa, sức khỏe, nghề nghiệp; giải quyết việc làm, phát triển tài năng và sức sáng tạo, phát huy vai trò xung kích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đối với *phụ nữ,* thực hiện tốt luật pháp và chính sách bình đẳng giới, bồi dưỡng, đào tạo nghề nghiệp, nâng cao học vấn; có cơ chế, chính sách để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở các cấp, các ngành; chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em; tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt thiên chức người mẹ; xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

Đối với *cựu chiến binh,* phát huy bản chất, truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ", tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa; giúp nhau cải thiện đời sống; góp phần giáo dục truyền thống và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ.

Đối với *các lão thành cách mạng, những người có công với nước, các cán bộ nghỉ hưu, những người cao tuổi,* thực hiện chính sách đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc sức khỏe, nâng cao đời sống tinh thần và vật chất trong điều kiện mới; đáp ứng nhu cầu được thông tin, phát huy khả năng tham gia đời sống chính trị của đất nước và các hoạt động xã hội; nêu gương tốt, giáo dục lý tưởng và truyền thống cách mạng cho thanh niên, thiếu niên.

Đối với *các nhà doanh nghiệp,* nêu cao vai trò và trách nhiệm đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát

triển kinh tế - xã hội; khuyến khích và tạo môi trường thuận lợi để kinh doanh và cạnh tranh theo pháp luật; có những hình thức biểu dương công sức của những người quản lý sản xuất, kinh doanh giỏi.

Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc luôn luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng. Thực hiện tốt chính sách các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, phát triển sản xuất hàng hóa, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xóa đói, giảm nghèo, mở mang dân trí, giữ gìn, làm giàu và phát huy bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; thực hiện công bằng xã hội giữa các dân tộc, giữa miền núi và miền xuôi, đặc biệt quan tâm vùng gặp nhiều khó khăn, vùng trước đây là căn cứ cách mạng và kháng chiến. Tích cực thực hiện chính sách ưu tiên trong việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số. Động viên, phát huy vai trò của những người tiêu biểu, có uy tín trong dân tộc và ở địa phương. Chống kỳ thị, chia rẽ dân tộc; chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan; khắc phục tư tưởng tự ti, mặc cảm dân tộc.

Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa, nâng cao đời sống của đồng bào. Đồng bào theo đạo và các vị chức sắc tôn giáo có nghĩa vụ làm tròn trách nhiệm công dân đối với Tổ quốc,

sống "tốt đời, đẹp đạo", phát huy những giá trị tốt đẹp về văn hóa, đạo đức của tôn giáo. Từng bước hoàn thiện luật pháp về tín ngưỡng, tôn giáo.

Nghiêm cấm lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

Đồng bào định cư ở nước ngoài là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Đảng và Nhà nước chăm lo cung cấp thông tin về tình hình đất nước, bảo hộ quyền lợi chính đáng của đồng bào, nâng cao lòng yêu nước và trách nhiệm công dân, ý thức cộng đồng, tinh thần tự trọng và tự hào dân tộc, giữ gìn bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, tôn trọng pháp luật nước sở tại và góp phần tăng cường đoàn kết hữu nghị với nhân dân các nước. Có những chính sách tạo điều kiện thuận lợi để kiều bào về thăm quê hương, mở mang các hoạt động văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, sản xuất, kinh doanh, góp phần thiết thực xây dựng đất nước.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; phát huy dân chủ, nâng cao trách nhiệm công dân của hội viên, đoàn viên, giữ gìn kỷ cương phép nước, thúc đẩy công cuộc đổi mới, thắt chặt mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước. Nhân dân vừa thực hiện quyền dân chủ trực tiếp vừa thực hiện quyền dân chủ thông qua đại diện là các cơ quan nhà nước, các đại biểu nhân dân,

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Đảng và Nhà nước xây dựng và hoàn chỉnh các quy chế để Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân phát huy quyền làm chủ của nhân dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", qua đó tăng cường đoàn kết toàn dân, củng cố sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong xã hội.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, góp sức xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh; phát huy khả năng tham gia bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện giám sát của nhân dân đối với công tác và đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, đại biểu dân cử và các cơ quan nhà nước; giải quyết những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân.

Mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân tham gia các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, các hội nghề nghiệp, văn hóa, hữu nghị, từ thiện - nhân đạo... Sớm ban hành Luật về hội.

Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, khắc phục tình trạng hành chính hóa, phô trương, hình thức, quan liêu, xa dân. Thực hiện tốt Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Tổ chức các phong trào nhân dân thi đua yêu nước, đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, xây dựng đời sống văn hóa,

bảo đảm trật tự an toàn xã hội, gắn liền với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng địa phương và địa bàn dân cư. Hướng mạnh các hoạt động về cơ sở, cộng đồng dân cư và từng gia đình.

IX- ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC, PHÁT HUY DÂN CHỦ, TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ

1. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng

Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật.

Cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước gắn liền với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn; nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan nhà nước.

2. Cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước

Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội, trọng tâm là tăng cường công

tác lập pháp, xây dựng chương trình dài hạn về lập pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật, đổi mới quy trình ban hành và hướng dẫn thi hành luật. Quốc hội làm tốt chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, quyết định và phân bổ ngân sách nhà nước, thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước, trước mắt tập trung vào những vấn đề bức xúc như sử dụng vốn và tài sản nhà nước, chống tham nhũng, quan liêu.

Khẩn trương nghiên cứu, đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 phù hợp với tình hình mới.

Xây dựng một nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hóa. Điều chỉnh chức năng và cải tiến phương thức hoạt động của Chính phủ theo hướng thống nhất quản lý vĩ mô việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong cả nước bằng hệ thống pháp luật, chính sách hoàn chỉnh, đồng bộ. Định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ theo hướng bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực trên phạm vi toàn quốc, cung cấp dịch vụ công.

Phân công, phân cấp, nâng cao tính chủ động của chính quyền địa phương, kết hợp chặt chẽ quản lý ngành và quản lý lãnh thổ, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; tổ chức hợp lý Hội đồng nhân dân; kiện toàn các cơ quan chuyên môn của ủy ban nhân dân và bộ máy chính quyền cấp xã, phường, thị trấn.

Cải cách tổ chức, nâng cao chất lượng và hoạt động của các cơ quan tư pháp, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cơ quan và cán bộ tư pháp trong công tác điều tra, bắt, giam,

giữ, truy tố, xét xử, thi hành án, không để xảy ra những trường hợp oan, sai. Viện kiểm sát nhân dân thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Sắp xếp lại hệ thống tòa án nhân dân, phân định hợp lý thẩm quyền của tòa án các cấp. Tăng cường đội ngũ thẩm phán và hội thẩm nhân dân cả về số lượng và chất lượng. Tổ chức lại cơ quan điều tra và cơ quan thi hành án theo nguyên tắc gọn đầu mối. Thành lập cảnh sát tư pháp.

Thực hiện tinh giản biên chế trong các cơ quan nhà nước.

3. Phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế

Nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, hoàn thiện những quy định về bầu cử, ứng cử, về tiêu chuẩn và cơ cấu các đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân trên cơ sở thật sự phát huy dân chủ. Tăng thêm tỷ lệ đại biểu Quốc hội chuyên trách. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng. Khắc phục mọi biểu hiện dân chủ hình thức. Xây dựng Luật trưng cầu ý dân.

Chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

Đổi mới cơ chế, xác định trách nhiệm của các cấp, các cơ quan, cán bộ, công chức trong việc giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo của công dân.

Phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế, quản lý xã hội bằng pháp luật, tuyên

truyền, giáo dục toàn dân, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

4. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực

Hoàn thiện chế độ công vụ, quy chế cán bộ, công chức, coi trọng cả năng lực và đạo đức; bảo đảm tính nghiêm túc, trung thực trong thi tuyển cán bộ, công chức. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, trước hết là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, về đường lối, chính sách, về kiến thức và kỹ năng quản lý hành chính nhà nước. Sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức theo đúng chức danh, tiêu chuẩn. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng cán bộ, công chức, kịp thời thay thế những cán bộ, công chức yếu kém và thoái hóa. Tăng cường cán bộ cho cơ sở. Có chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ đối với cán bộ xã, phường, thị trấn.

5. Đấu tranh chống tham nhũng

Tăng cường tổ chức và cơ chế, tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị, ở các cấp, các ngành, từ Trung ương đến cơ sở. Gắn chống tham nhũng với chống lãng phí, quan liêu, buôn lậu, đặc biệt chống các hành vi lợi dụng chức quyền để làm giàu bất chính.

Bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy chế, quy định của Đảng và Nhà nước về quản lý kinh tế - tài chính, quản lý tài sản công, không để sơ hở cho kẻ xấu lợi dụng.

Tiếp tục xóa bỏ các thủ tục hành chính phiền hà, nhất là ở những lĩnh vực, những khâu dễ xảy ra tham nhũng,

sách nhiễu. Thanh tra, kiểm tra, kiểm kê, kiểm soát bảo đảm tính minh bạch trong việc sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công, tài chính đảng, đoàn thể, tài chính các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ do nhân dân đóng góp và do nước ngoài tài trợ.

Các đảng viên và chi bộ đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng và toàn xã hội có trách nhiệm giám sát, kiểm tra cán bộ, công chức, phát hiện, tố cáo, lên án những kẻ tham nhũng. Xử lý nghiêm minh theo pháp luật và theo Điều lệ Đảng những cán bộ, đảng viên, công chức ở bất cứ cấp nào, lĩnh vực nào lợi dụng chức quyền để tham nhũng. Có những biện pháp cụ thể bảo vệ và khen thưởng những người kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng.

Cải cách cơ bản chế độ tiền lương, nâng cao đời sống người hưởng lương, chống đặc quyền đặc lợi.

Thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức về chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng.

Cụ thể hóa và thực hiện nghiêm những điều cấm đối với cán bộ, công chức, trước hết là cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý. Cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước kê khai tài sản của cá nhân và gia đình mình (nhà đất, cơ sở sản xuất, kinh doanh, cổ phiếu...). Kịp thời kiểm tra và kết luận, có biện pháp xử lý những cán bộ, công chức có tài sản bất minh.

Xem xét trách nhiệm hình sự hoặc có hình thức kỷ luật thích đáng đối với những người đứng đầu cơ quan, đơn vị ở nơi xảy ra những vụ tham nhũng lớn, gây hậu quả nghiêm trọng.

X- XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

Những thành tựu và yếu kém trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo của Đảng và những ưu điểm, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng.

Từ Đại hội VIII đến nay, Đảng đã có nhiều cố gắng tiến hành nhiệm vụ then chốt là xây dựng, chỉnh đốn Đảng và nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế. Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII đã ra Nghị quyết về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng, mở cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng; tiến hành tự phê bình và phê bình trong các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ chủ chốt từ Trung ương đến cơ sở. Qua gần hai năm thực hiện, cuộc vận động thu một số kết quả và kinh nghiệm bước đầu song chưa đạt yêu cầu đề ra.

Trong công tác xây dựng Đảng, bên cạnh những ưu điểm, đang nổi lên một số mặt yếu kém và khuyết điểm, nhất là khuyết điểm về công tác giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên, chưa ngăn chặn và đẩy lùi được sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống. Một số tổ chức đảng ở các cấp chưa được chỉnh đốn; dân chủ bị vi phạm, kỷ luật, kỷ cương lỏng lẻo, nội bộ không đoàn kết; chất lượng sinh hoạt đảng giảm sút. Công tác tư tưởng, công tác lý luận còn yếu kém, bất cập; công tác tổ chức, cán bộ còn một số biểu hiện trì trệ. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng còn lúng túng, chưa đi sâu làm rõ đặc điểm và yêu cầu về sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền, chưa phát huy

đầy đủ hiệu lực quản lý của các cơ quan nhà nước, tính tích cực của các đoàn thể và quyền làm chủ của nhân dân. Tổ chức chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước còn yếu.

Những khuyết điểm nêu trên là do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trực tiếp và chủ yếu là do nhiều cấp ủy và tổ chức đảng, kể cả Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, tuy đã có nhiều cố gắng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhưng chỉ đạo chưa tập trung và kiên quyết; chủ trương, biện pháp thiếu đồng bộ; chưa chỉ đạo tốt việc kết hợp tự phê bình và phê bình với kiện toàn tổ chức, đổi mới cơ chế, chính sách, chỉnh đốn các khâu quản lý kinh tế, tài chính và tăng cường công tác giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên...

Trong những năm tới, toàn Đảng tiếp tục thực hiện các nghị quyết về xây dựng Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, *tập trung làm tốt những công tác quan trọng sau đây:*

1. Giáo dục tư tưởng chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân

Toàn Đảng nghiêm túc học tập chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Mỗi cấp ủy, mỗi chi bộ có kế hoạch định kỳ kiểm điểm việc thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân. Chống tư tưởng cơ hội, thực dụng. Trên cơ sở tổng kết hai năm thực hiện Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tiếp tục đưa việc tự phê bình và phê bình trong các cấp ủy và tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở

thành nền nếp thường xuyên và theo định kỳ, không làm qua loa, chiếu lệ, hình thức; vận động nhân dân góp ý phê bình cán bộ, đảng viên.

Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, làm trong sạch đội ngũ đảng viên. Các cấp ủy tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra đảng viên học tập, không ngừng nâng cao trình độ chính trị, học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức lãnh đạo, quản lý và vận động nhân dân, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu. Cán bộ, đảng viên ở bất cứ cương vị nào đều phải chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh, Điều lệ, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Thi hành kỷ luật nghiêm khắc mọi vi phạm về nguyên tắc, nhất là đối với những vấn đề về quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Trong các hoạt động kinh tế, đảng viên phải chấp hành đúng pháp luật của Nhà nước và các quy định của Đảng.

Kiện toàn tổ chức và cán bộ ở những cơ quan, đơn vị để xảy ra những biểu hiện không chấp hành nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, làm việc trì trệ, độc đoán, chuyên quyền, kéo bè, kéo cánh, mất đoàn kết nội bộ. Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan kiểm tra đảng, thanh tra nhà nước và thanh tra nhân dân. Tiếp tục coi trọng và làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, thảo luận dân chủ, sớm làm rõ và kết luận những vấn đề mới, bức xúc nảy sinh từ thực tiễn; từng bước cụ thể hóa, bổ sung, phát triển đường lối, chính sách của Đảng; đấu tranh với những khuynh hướng tư tưởng sai trái.

2. Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ

Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp, vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, gắn bó với nhân dân. Có cơ chế và chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; trọng dụng những người có đức, có tài. Thực hiện đúng đắn nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ. Làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ, chú ý cán bộ nữ và cán bộ các dân tộc thiểu số, chuyên gia trên các lĩnh vực.

Đánh giá và sử dụng đúng cán bộ trên cơ sở tiêu chuẩn, lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tín nhiệm của nhân dân làm thước đo chủ yếu; có phương pháp khoa học, khách quan, công tâm, theo quy trình chặt chẽ, phát huy dân chủ, dựa vào tập thể và nhân dân để tuyển chọn cán bộ. Đổi mới, trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển.

Thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý theo quy hoạch ở các ngành và địa phương; cán bộ chủ chốt từ cấp huyện trở lên giữ một chức vụ lãnh đạo ở một đơn vị không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp; khắc phục tư tưởng cục bộ, khép kín trong đơn vị, ngành và địa phương.

Xây dựng, chỉnh đốn hệ thống các học viện, trường và trung tâm chính trị, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo,

bồi dưỡng cán bộ, trước hết đối với cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp; chống các biểu hiện tiêu cực trong giảng dạy và học tập. Từ nay đến năm 2005, phần lớn cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ cấp huyện trở lên học xong chương trình cao cấp về lý luận chính trị và có trình độ đại học về một chuyên ngành nhất định.

3. Xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng

Tất cả các đảng bộ, chi bộ ở cơ sở đều nắm vững và thực hiện đúng chức năng là hạt nhân lãnh đạo chính trị đối với chính quyền, đoàn thể, các tổ chức kinh tế, sự nghiệp, các mặt công tác và các tầng lớp nhân dân ở cơ sở, nâng cao tính chiến đấu, khắc phục tình trạng thụ động, ỷ lại, buông lỏng vai trò lãnh đạo. Cấp ủy cấp trên tập trung chỉ đạo củng cố các đảng bộ, chi bộ yếu kém, kịp thời kiện toàn cấp ủy và tăng cường cán bộ ở những nơi có nhiều khó khăn, nội bộ mất đoàn kết. Nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ. Phân công, hướng dẫn, kiểm tra đảng viên chấp hành nhiệm vụ, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu trong công tác, học tập và lối sống; giữ mối liên hệ với quần chúng nơi công tác, với chi bộ và nhân dân nơi cư trú. Phát triển đảng viên theo đúng tiêu chuẩn quy định, chú ý những người ưu tú trong công nhân, trí thức, lao động thuộc các thành phần kinh tế, đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, những nơi còn ít hoặc chưa có đảng viên. Đổi mới việc phân tích, đánh giá chất lượng các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

4. Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Phát huy dân chủ trong sinh hoạt đảng, từ sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp ủy ở cơ sở đến Ban Chấp hành Trung ương, trong công tác cán bộ và trong xây dựng, hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Đảng viên có quyền được bảo lưu ý kiến nhưng phải nói và làm theo nghị quyết của Đảng. Chống dân chủ hình thức, dân chủ cực đoan hoặc lợi dụng dân chủ để mưu cầu lợi ích riêng, cục bộ, bản vị.

Từng đảng bộ giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong tập thể lãnh đạo. Đối với những cấp ủy, tổ chức đảng vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, cán bộ lãnh đạo độc đoán, chuyên quyền, kéo bè, kéo cánh, gây mất đoàn kết nội bộ, cấp ủy cấp trên phải chỉ đạo kiểm điểm làm rõ đúng sai, xử lý nghiêm những người có khuyết điểm, kiện toàn tổ chức cán bộ; nơi không có khả năng khắc phục khuyết điểm thì giải tán về tổ chức, lập tổ chức mới theo quy định của Điều lệ Đảng.

Tăng cường vai trò lãnh đạo và tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua việc đề ra đường lối, chủ trương, các chính sách lớn, định hướng cho sự phát triển và kiểm tra việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước. Ban Chấp hành Trung ương, tập thể cấp ủy, Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn thảo luận dân chủ, biểu quyết và ra nghị quyết theo đa số những vấn đề quan trọng về đường lối, chủ trương, chính sách, về tổ chức, cán bộ. Tăng cường chế độ lãnh đạo tập thể đi đôi với phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân.

Kiện toàn hệ thống tổ chức đảng gắn với cải cách, đổi mới tổ chức, bộ máy của các cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội. Sắp xếp tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của các ban, Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn, đảng ủy khối theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII). Phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đảng, đảng viên, cấp ủy viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước trong việc nghiên cứu, đề xuất các chủ trương, chính sách của Đảng. Tiếp tục thực hiện chủ trương cấp ủy đảng giới thiệu bí thư hoặc phó bí thư cấp ủy để được bầu vào Hội đồng nhân dân và làm chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Các cấp ủy viên, nhất là cán bộ chủ chốt, có chương trình công tác ở cơ sở, tiếp xúc, lắng nghe ý kiến và trả lời chất vấn của đảng viên và nhân dân; cấp ủy định kỳ làm việc với ban chấp hành các đoàn thể, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ, vai trò chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Chăm lo xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh, phát huy vai trò của Đoàn là đội quân xung kích và là lực lượng dự bị, kế tục sự nghiệp cách mạng lâu dài của Đảng.

Lãnh đạo việc đổi mới và tăng cường công tác thanh tra của Chính phủ và các cơ quan hành pháp; phát huy vai trò giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân theo đúng chức năng và thẩm quyền của các cơ quan đó. Tăng cường công tác kiểm tra của các cấp ủy, của ủy ban kiểm tra các cấp, tập trung vào các nội dung chủ yếu: thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; củng cố đoàn kết nội bộ,

giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên.

*

* *

Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam là Đại hội của *Trí tuệ, Dân chủ, Đoàn kết, Đổi mới,* thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc ta trong thời điểm lịch sử trọng đại bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết tâm phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng, của dân tộc và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi tới tương lai.

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Sđd, tr.60-147.

CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2001 - 2010
(Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, tháng 4 năm 2001)

Đại hội VII của Đảng quyết định Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000. Đại hội IX đánh giá việc thực hiện Chiến lược đó và quyết định Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đầu của thế kỷ XXI - ***Chiến lược đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp.***

I- TÌNH HÌNH ĐẤT NƯỚC VÀ BỐI CẢNH QUỐC TẾ

1. Đánh giá việc thực hiện Chiến lược kinh tế - xã hội 1991 - 2000

Chiến lược 10 năm 1991 - 2000 được thực hiện khi nền kinh tế đang có một số chuyển biến tích cực, nhưng đất nước vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội; chế độ xã

hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu tan vỡ; Mỹ tiếp tục bao vây, cấm vận nước ta; các thế lực thù địch tìm cách chống phá ta về nhiều mặt; những năm cuối thập kỷ 90, nước ta lại chịu tác động bất lợi của cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực và bị thiệt hại lớn do thiên tai liên tiếp xảy ra trên nhiều vùng.

Mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức gay gắt, nhìn chung việc thực hiện Chiến lược 1991 - 2000 đã đạt được những ***thành tựu to lớn và rất quan trọng:***

1- Sau mấy năm đầu thực hiện Chiến lược, đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) sau 10 năm tăng hơn gấp đôi (2,07 lần). Tích lũy nội bộ của nền kinh tế từ mức không đáng kể, đến năm 2000 đã đạt 27% GDP. Từ tình trạng hàng hóa khan hiếm nghiêm trọng, nay sản xuất đã đáp ứng được các nhu cầu thiết yếu của nhân dân và nền kinh tế, tăng xuất khẩu và có dự trữ. Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội phát triển nhanh. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch tích cực. Trong GDP, tỷ trọng nông nghiệp từ 38,7% giảm xuống 24,3%, công nghiệp và xây dựng từ 22,7% tăng lên 36,6%, dịch vụ từ 38,6% tăng lên 39,1%.

2- Quan hệ sản xuất đã có bước đổi mới phù hợp hơn với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và thúc đẩy sự hình thành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế; doanh nghiệp nhà nước được sắp xếp lại một bước, thích nghi dần với cơ chế mới, hình thành những tổng công ty lớn trên nhiều lĩnh vực then chốt. Kinh tế tập thể có bước chuyển đổi và phát triển đa dạng theo phương thức mới. Kinh tế hộ phát huy tác dụng rất quan trọng trong nông nghiệp; kinh tế

cá thể, tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển nhanh. Cơ chế quản lý và phân phối có nhiều đổi mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

3- Từ chỗ bị bao vây, cấm vận, nước ta đã phát triển quan hệ kinh tế với hầu khắp các nước, gia nhập và có vai trò ngày càng tích cực trong nhiều tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực, chủ động từng bước hội nhập có hiệu quả với kinh tế thế giới. Nhịp độ tăng kim ngạch xuất khẩu gần gấp ba nhịp độ tăng GDP. Thu hút được một khối lượng khá lớn vốn từ bên ngoài cùng nhiều công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến.

4- Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực và tính năng động trong xã hội được nâng lên đáng kể. Đã hoàn thành mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học trong cả nước; bắt đầu phổ cập trung học cơ sở ở một số thành phố, tỉnh đồng bằng. Số sinh viên đại học, cao đẳng tăng gấp sáu lần. Đào tạo nghề được mở rộng. Năng lực nghiên cứu khoa học được tăng cường, ứng dụng nhiều công nghệ tiên tiến. Các hoạt động văn hóa, thông tin phát triển rộng rãi và nâng cao chất lượng.

Mỗi năm tạo thêm hơn 1,2 triệu việc làm mới. Tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chuẩn của nước ta) từ trên 30% giảm xuống 10%. Người có công với nước được quan tâm chăm sóc. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hằng năm từ 2,3% giảm xuống 1,4%. Tuổi thọ bình quân từ 65,2 tuổi tăng lên 68,3 tuổi. Việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em, chăm lo sức khỏe cộng đồng, phòng, chống dịch bệnh có nhiều tiến bộ. Phong trào thể dục rèn luyện sức khỏe phát triển; thành tích thi đấu thể thao trong nước và quốc tế được nâng lên.

Trong hoàn cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn, những thành tựu và tiến bộ về văn hóa, xã hội là sự cố gắng rất lớn của toàn Đảng, toàn dân ta.

5- Cùng với những nỗ lực to lớn của lực lượng vũ trang nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội đã tạo điều kiện tăng cường tiềm lực, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Đánh giá tổng quát, phần lớn các mục tiêu chủ yếu đề ra trong Chiến lược kinh tế - xã hội 1991 - 2000 đã được thực hiện. Nền kinh tế có bước phát triển mới về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và hội nhập kinh tế quốc tế; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt, văn hóa xã hội không ngừng tiến bộ; thế và lực của đất nước hơn hẳn 10 năm trước, khả năng độc lập tự chủ được nâng lên, tạo thêm điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nguyên nhân của những thành tựu là đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng cùng những cố gắng và tiến bộ trong công tác quản lý của Nhà nước đã phát huy được nhân tố có ý nghĩa quyết định là ý chí kiên cường, tính năng động, sáng tạo và sự nỗ lực phấn đấu của nhân dân ta.

Tuy nhiên, những thành tựu và tiến bộ đã đạt được chưa đủ để vượt qua tình trạng nước kém phát triển, chưa tương xứng với tiềm năng của đất nước. Trình độ phát triển kinh tế của nước ta còn thấp xa so với mức trung bình của thế giới và kém nhiều nước xung quanh. Thực trạng kinh tế - xã hội vẫn còn những mặt ***yếu kém, bất cập,*** chủ yếu là:

1- Nền kinh tế kém hiệu quả và sức cạnh tranh còn yếu. Tích luỹ nội bộ và sức mua trong nước còn thấp. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn sản xuất với thị trường; cơ cấu đầu tư còn nhiều bất hợp lý. Tình trạng bao cấp và bảo hộ còn nặng. Đầu tư của Nhà nước còn thất thoát và lãng phí. Nhịp độ thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài giảm mạnh. Tăng trưởng kinh tế những năm gần đây giảm sút, năm 2000 tuy đã tăng lên nhưng còn thấp hơn mức bình quân của thập kỷ 90.

2- Quan hệ sản xuất có mặt chưa phù hợp, hạn chế việc giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất. Chưa có chuyển biến đáng kể trong việc đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước. Kinh tế tập thể phát triển chậm, việc chuyển đổi các hợp tác xã theo Luật ở nhiều nơi còn mang tính hình thức, hiệu quả thấp. Các thành phần kinh tế khác chưa phát huy hết năng lực, chưa thực sự được bình đẳng và yên tâm đầu tư kinh doanh. Cơ chế quản lý, chính sách phân phối có mặt chưa hợp lý, chưa thúc đẩy tiết kiệm, tăng năng suất, kích thích đầu tư phát triển; chênh lệch giàu nghèo tăng nhanh.

3- Kinh tế vĩ mô còn những yếu tố thiếu vững chắc. Hệ thống tài chính, ngân hàng, kế hoạch đổi mới chậm, chất lượng hoạt động hạn chế; môi trường đầu tư, kinh doanh còn nhiều vướng mắc, chưa tạo điều kiện và hỗ trợ tốt cho các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh.

4- Giáo dục, đào tạo còn yếu về chất lượng, cơ cấu đào tạo chưa phù hợp, có nhiều tiêu cực trong dạy, học, và thi cử... Khoa học và công nghệ chưa thật sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội. Cơ sở vật chất của các ngành y tế,

giáo dục, khoa học, văn hóa, thông tin, thể thao còn nhiều thiếu thốn. Việc đổi mới cơ chế quản lý và thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực này triển khai chậm.

5- Đời sống của một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn, nhất là ở vùng núi, vùng sâu, vùng thường bị thiên tai. Số lao động chưa có việc làm và thiếu việc làm còn lớn. Nhiều tệ nạn xã hội chưa được đẩy lùi, nạn ma tuý, mại dâm, lây nhiễm HIV/AIDS có chiều hướng lan rộng. Tai nạn giao thông ngày càng tăng. Môi trường sống bị ô nhiễm ngày càng nhiều.

Những mặt yếu kém, bất cập nói trên có phần do điều kiện khách quan, nhưng chủ yếu là do những khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, nổi lên là:

Công tác tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật và chính sách của Nhà nước chưa nghiêm, kém hiệu lực, hiệu quả. Sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành có phần thiếu nhanh nhạy, chưa thật chủ động tranh thủ thời cơ. Vai trò lãnh đạo của Đảng, chức năng quản lý, điều hành của Nhà nước ở các cấp chưa được phân định rành mạch và phát huy đầy đủ. Nguyên tắc tập trung dân chủ chưa được thực hiện tốt, trách nhiệm tập thể chưa được xác định rõ ràng, vai trò cá nhân phụ trách chưa được đề cao; kỷ luật không nghiêm.

Một số vấn đề về quan điểm như sở hữu và thành phần kinh tế, vai trò của Nhà nước và thị trường, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, hội nhập kinh tế quốc tế... chưa được làm rõ, chưa có sự thống nhất trong nhận thức và thông suốt trong thực hiện, làm cho việc hoạch định chủ trương, chính sách và thể chế hóa thiếu dứt khoát, thiếu nhất quán,

chậm trễ, gây trở ngại cho công cuộc đổi mới và công tác tổ chức thực hiện.

Công tác cải cách hành chính tiến hành chậm, thiếu kiên quyết cả về xây dựng và hoàn thiện thể chế, kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực và làm trong sạch đội ngũ cán bộ, công chức.

Công tác tư tưởng, công tác lý luận, công tác tổ chức, cán bộ có nhiều yếu kém, bất cập. Việc tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận không theo kịp yêu cầu. Tổ chức bộ máy cồng kềnh, chồng chéo, kém hiệu lực và hiệu quả. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức thoái hóa biến chất, thiếu năng lực. Tình trạng mất dân chủ, tệ quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, sách nhiễu dân, lãng phí còn nặng, đang là lực cản của sự phát triển và gây bất bình trong nhân dân.

2. Bối cảnh quốc tế

Bối cảnh quốc tế trong thời gian tới có nhiều thời cơ lớn đan xen với nhiều thách thức lớn. Khả năng duy trì hòa bình, ổn định trên thế giới và khu vực cho phép chúng ta tập trung sức vào nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế; đồng thời đòi hỏi phải đề cao cảnh giác, chủ động đối phó với những tình huống bất trắc, phức tạp có thể xảy ra. Một số xu thế tác động trực tiếp tới sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta 10 năm tới là:

Khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tiếp tục có những bước nhảy vọt, ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, thúc đẩy sự phát triển kinh tế tri thức, làm chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế và biến đổi sâu sắc các lĩnh vực của đời sống

xã hội. Tri thức và sở hữu trí tuệ có vai trò ngày càng quan trọng. Trình độ làm chủ thông tin, tri thức có ý nghĩa quyết định sự phát triển. Chu trình luân chuyển vốn, đổi mới công nghệ và sản phẩm ngày càng được rút ngắn; các điều kiện kinh doanh trên thị trường thế giới luôn thay đổi đòi hỏi các quốc gia cũng như doanh nghiệp phải rất nhanh nhạy nắm bắt, thích nghi. Các nước đang phát triển, trong đó có nước ta, có cơ hội thu hẹp khoảng cách so với các nước phát triển, cải thiện vị thế của mình; đồng thời đứng trước nguy cơ tụt hậu xa hơn nếu không tranh thủ được cơ hội, khắc phục yếu kém để vươn lên.

Toàn cầu hóa kinh tế là xu thế khách quan, lôi cuốn các nước, bao trùm hầu hết các lĩnh vực, vừa thúc đẩy hợp tác, vừa tăng sức ép cạnh tranh và tính tuỳ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế. Quan hệ song phương, đa phương giữa các quốc gia ngày càng sâu rộng cả trong kinh tế, văn hóa và bảo vệ môi trường, phòng chống tội phạm, thiên tai và các đại dịch... Các công ty xuyên quốc gia tiếp tục cấu trúc lại, hình thành những tập đoàn khổng lồ chi phối nhiều lĩnh vực kinh tế. Sự cách biệt giàu nghèo giữa các quốc gia ngày càng tăng.

Toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế là một quá trình vừa hợp tác để phát triển, vừa đấu tranh rất phức tạp, đặc biệt là đấu tranh của các nước đang phát triển bảo vệ lợi ích của mình, vì một trật tự kinh tế quốc tế công bằng, chống lại những áp đặt phi lý của các cường quốc kinh tế, các công ty xuyên quốc gia. Đối với nước ta, tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian tới được nâng lên một bước mới gắn với việc thực hiện các cam kết quốc tế, đòi hỏi chúng ta phải ra sức nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và khả năng

độc lập tự chủ của nền kinh tế, tham gia có hiệu quả vào phân công lao động quốc tế.

Châu Á - Thái Bình Dương vẫn là khu vực phát triển năng động, trong đó Trung Quốc có vai trò ngày càng lớn. Sau khủng hoảng tài chính - kinh tế, nhiều nước ASEAN và Đông Á đang khôi phục đà phát triển với khả năng cạnh tranh mới. Tình hình đó tạo thuận lợi cho chúng ta trong hợp tác phát triển kinh tế, đồng thời cũng gia tăng sức ép cạnh tranh cả trong và ngoài khu vực.

II- MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC VÀ QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Tình hình đất nước và bối cảnh quốc tế đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân ta phải phát huy cao độ tinh thần cách mạng tiến công, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, đưa đất nước tiến nhanh và vững chắc theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Không làm được như vậy, sẽ tụt hậu xa hơn về trình độ phát triển kinh tế so với các nước xung quanh, ảnh hưởng trực tiếp tới niềm tin của nhân dân, sự ổn định chính trị, xã hội và an ninh quốc gia.

1. Mục tiêu chiến lược

Mục tiêu tổng quát của Chiến lược 10 năm 2001 - 2010 là:

Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế,

quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao.

Mục tiêu cụ thể của Chiến lược là:

- Đưa GDP năm 2010 lên ít nhất gấp đôi năm 2000. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và nền kinh tế; đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng thiết yếu, một phần đáng kể nhu cầu sản xuất và đẩy mạnh xuất khẩu. Ổn định kinh tế vĩ mô; cán cân thanh toán quốc tế lành mạnh và tăng dự trữ ngoại tệ; bội chi ngân sách, lạm phát, nợ nước ngoài được kiểm soát trong giới hạn an toàn và tác động tích cực đến tăng trưởng. Tích luỹ nội bộ nền kinh tế đạt trên 30% GDP. Nhịp độ tăng xuất khẩu gấp trên 2 lần nhịp độ tăng GDP. Tỷ trọng trong GDP của nông nghiệp 16 - 17%, công nghiệp 40 - 41%, dịch vụ 42 - 43%. Tỷ lệ lao động nông nghiệp còn khoảng 50%.

- Nâng lên đáng kể chỉ số phát triển con người (HDI) của nước ta. Tốc độ tăng dân số đến năm 2010 còn khoảng 1,1%. xóa hộ đói, giảm nhanh hộ nghèo. Giải quyết việc làm ở cả thành thị và nông thôn (thất nghiệp ở thành thị dưới 5%, quỹ thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn khoảng 80-85%); nâng tỷ lệ người lao động được đào tạo nghề lên khoảng 40%. Trẻ em đến tuổi đi học đều được đến trường; hoàn thành phổ cập trung học cơ sở trong cả nước. Người có bệnh được chữa trị; giảm tỷ lệ trẻ em (dưới 5 tuổi) suy dinh dưỡng xuống khoảng 20%; tăng tuổi thọ trung bình lên 71 tuổi. Chất lượng đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần được nâng lên rõ rệt trong môi trường xã hội an toàn, lành mạnh; môi trường tự nhiên được bảo vệ và cải thiện.

- Năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ đủ khả năng ứng dụng các công nghệ hiện đại, tiếp cận trình độ thế giới và tự phát triển trên một số lĩnh vực, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa.

- Kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và có bước đi trước. Hệ thống giao thông bảo đảm lưu thông an toàn, thông suốt quanh năm và hiện đại hóa một bước. Mạng lưới giao thông nông thôn được mở rộng và nâng cấp. Hệ thống đê xung yếu được củng cố vững chắc; hệ thống thủy nông phát triển và phần lớn được kiên cố hóa. Hầu hết các xã được sử dụng điện, điện thoại và các dịch vụ bưu chính - viễn thông cơ bản, có trạm xá, trường học kiên cố, nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao. Bảo đảm về cơ bản cơ sở vật chất cho học sinh phổ thông học cả ngày tại trường. Có đủ giường bệnh cho bệnh nhân.

- Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước được tăng cường, chi phối các lĩnh vực then chốt của nền kinh tế; doanh nghiệp nhà nước được đổi mới, phát triển, sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đều phát triển mạnh và lâu dài. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản và vận hành thông suốt, có hiệu quả.

2. Quan điểm phát triển

- Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.

Phát huy mọi nguồn lực để phát triển nhanh và có hiệu quả những sản phẩm, ngành, lĩnh vực mà nước ta có lợi thế, đáp ứng nhu cầu trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước. Tăng nhanh năng suất lao động xã hội và nâng cao chất lượng tăng trưởng. Triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tăng tích luỹ cho đầu tư phát triển.

Các vùng kinh tế trọng điểm có nhịp độ tăng trưởng cao hơn mức bình quân chung, đóng góp lớn vào tăng trưởng của cả nước và lôi kéo, hỗ trợ các vùng khác, nhất là các vùng có nhiều khó khăn, cùng phát triển.

Tăng nhanh năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đẩy mạnh việc ứng dụng có hiệu quả các công nghệ nhập khẩu. Đi nhanh vào công nghệ hiện đại ở những ngành và lĩnh vực then chốt để tạo bước nhảy vọt về công nghệ và kinh tế, tạo tốc độ tăng trưởng vượt trội ở những sản phẩm và dịch vụ chủ lực. Công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa ngay từ đầu và trong suốt các giai đoạn phát triển. Nâng cao hàm lượng tri thức trong các nhân tố phát triển kinh tế - xã hội, từng bước phát triển kinh tế tri thức ở nước ta.

Nâng cao năng lực và tạo cơ hội cho mọi người đều có thể phát huy hết tài năng, tham gia vào quá trình phát triển và thụ hưởng thành quả phát triển, đồng thời nâng cao trách nhiệm của mỗi người góp sức thực hiện *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh,* giữ gìn và phát triển

nền văn hóa dân tộc, đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân về ăn, mặc, ở, đi lại, phòng và chữa bệnh, học tập, làm việc, tiếp nhận thông tin, sinh hoạt văn hóa. Khuyến khích làm giàu hợp pháp, đồng thời ra sức xóa đói giảm nghèo, tạo điều kiện về hạ tầng và năng lực sản xuất để các vùng, các cộng đồng đều có thể tự phát triển, tiến tới thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Thiết thực chăm lo sự bình đẳng về giới, sự tiến bộ của phụ nữ; đặc biệt chăm lo sự phát triển và tiến bộ của trẻ em.

Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo đảm sự hài hòa giữa môi trường nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học. Chủ động phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai, của sự biến động khí hậu bất lợi và tiếp tục giải quyết hậu quả chiến tranh còn lại đối với môi trường. Bảo vệ và cải tạo môi trường là trách nhiệm của toàn xã hội, tăng cường quản lý nhà nước đi đôi với nâng cao ý thức trách nhiệm của mọi người dân. Chủ động gắn kết yêu cầu cải thiện môi trường trong mỗi quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội, coi yêu cầu về môi trường là một tiêu chí quan trọng đánh giá các giải pháp phát triển.

- Coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng đồng bộ nền tảng cho một nước công nghiệp là yêu cầu cấp thiết.

Bằng sức mạnh tổng hợp của đất nước, kết hợp các nguồn lực trong nước và ngoài nước, tập trung sức phát triển kinh tế

để xây dựng đồng bộ nền tảng cho một nước công nghiệp theo hướng hiện đại với những nội dung chủ yếu như sau:

Xây dựng tiềm lực kinh tế và cơ sở vật chất - kỹ thuật đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bao gồm: kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội; nền công nghiệp, trong đó có công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp quốc phòng; nền nông nghiệp hàng hóa lớn; các dịch vụ cơ bản; tiềm lực khoa học và công nghệ. Trên cơ sở hiệu quả tổng hợp về kinh tế - xã hội, trước mắt và lâu dài, triển khai xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu và xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng quan trọng, cấp thiết, có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường, phát huy nhanh tác dụng, đáp ứng yêu cầu phát triển của các ngành kinh tế và quốc phòng, an ninh.

Phát triển mạnh nguồn lực con người Việt Nam với yêu cầu ngày càng cao.

Hình thành về cơ bản và vận hành thông suốt, có hiệu quả thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước.

- Đẩy mạnh công cuộc đổi mới, tạo động lực giải phóng và phát huy mọi nguồn lực.

Tiếp tục đổi mới sâu rộng, đồng bộ về kinh tế, xã hội và bộ máy nhà nước hướng vào hình thành và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, phát huy sức mạnh vật chất, trí tuệ và tinh thần của toàn dân tộc, tạo động lực và nguồn lực phát triển nhanh, bền vững.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo. Tập trung tháo gỡ mọi vướng mắc, xóa bỏ mọi trở lực để khơi dậy nguồn lực to lớn trong dân, cổ vũ các nhà kinh doanh và mọi người dân ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư để thu hút tốt hơn và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài. Nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng, gắn kết với nhau thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước.

- Gắn chặt việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Độc lập tự chủ về kinh tế tạo cơ sở cho hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả. Hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả tạo điều kiện cần thiết để xây dựng kinh tế độc lập tự chủ.

Xây dựng kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo tiềm lực kinh tế, khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất - kỹ thuật đủ mạnh; có cơ cấu kinh tế hợp lý, có hiệu quả và sức cạnh tranh; có thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; bảo đảm nền kinh tế đủ sức đứng vững và ứng phó được với các tình huống phức tạp, tạo điều kiện thực hiện có hiệu quả các cam kết hội nhập quốc tế.

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tranh thủ mọi thời cơ để phát triển trên nguyên tắc giữ vững độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ quyền quốc gia và bản sắc văn hóa dân tộc; bình đẳng cùng có lợi, vừa hợp tác vừa đấu tranh;

đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ kinh tế đối ngoại; đề cao cảnh giác trước mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch.

Trong quá trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, chú trọng phát huy lợi thế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, không ngừng tăng năng lực cạnh tranh và giảm dần hàng rào bảo hộ. Nâng cao hiệu quả hợp tác với bên ngoài; tăng cường vai trò và ảnh hưởng của nước ta đối với kinh tế khu vực và thế giới.

- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh.

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng tiềm lực và thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, được thể hiện trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, của các ngành, các địa phương và trong các dự án đầu tư lớn. Phân bố hợp lý việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật trên các vùng của đất nước, vừa phát huy hiệu quả kinh tế - xã hội, vừa sử dụng được cho quốc phòng, an ninh khi cần thiết. Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, ổn định dân cư các vùng xung yếu, vùng biên giới, cửa khẩu, hải đảo phù hợp với chiến lược quốc phòng và chiến lược an ninh quốc gia. Hoàn chỉnh chiến lược quốc phòng và chiến lược an ninh quốc gia phù hợp với tình hình mới, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng kinh tế đối ngoại. Phát triển công nghiệp quốc phòng và kết hợp sử dụng năng lực đó để tham gia phát triển kinh tế - xã hội. Coi trọng sản xuất một số mặt hàng vừa phục vụ kinh tế, vừa phục vụ quốc phòng - an ninh.

III- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ VÀ CÁC VÙNG

A. Định hướng phát triển các ngành

1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và kinh tế nông thôn

1- Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn theo hướng hình thành nền nông nghiệp hàng hóa lớn phù hợp với nhu cầu thị trường và điều kiện sinh thái của từng vùng; chuyển dịch cơ cấu ngành, nghề, cơ cấu lao động, tạo việc làm thu hút nhiều lao động ở nông thôn. Đưa nhanh tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, đạt mức tiên tiến trong khu vực về trình độ công nghệ và về thu nhập trên một đơn vị diện tích; tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm. Mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản trong và ngoài nước, tăng đáng kể thị phần của các nông sản chủ lực trên thị trường thế giới.

Chú trọng điện khí hóa, cơ giới hóa ở nông thôn. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu, cơ khí phục vụ nông nghiệp, công nghiệp gia công và dịch vụ; liên kết nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ trên từng địa bàn và trong cả nước.

Tăng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội nông thôn. Quy hoạch hợp lý và nâng cao hiệu quả việc sử dụng quỹ đất, nguồn nước, vốn rừng gắn với bảo vệ môi trường. Quy hoạch các khu dân cư, phát triển các thị trấn, thị tứ, các điểm văn hóa ở làng xã; nâng cao đời sống vật chất,

văn hóa, tinh thần, xây dựng cuộc sống dân chủ, công bằng, văn minh ở nông thôn.

2- Xây dựng hợp lý cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

Điều chỉnh quy hoạch sản xuất lương thực phù hợp với nhu cầu và khả năng tiêu thụ, tăng năng suất đi đôi với nâng cấp chất lượng. Bảo đảm an ninh lương thực trong mọi tình huống. Xây dựng các vùng sản xuất tập trung lúa hàng hóa và ngô làm thức ăn chăn nuôi; tận dụng điều kiện thích hợp của các địa bàn khác để sản xuất lương thực có hiệu quả. Nâng cao giá trị và hiệu quả xuất khẩu gạo. Có chính sách bảo đảm lợi ích của người sản xuất lương thực.

Phát triển theo quy hoạch và chú trọng đầu tư thâm canh các vùng cây công nghiệp như cà phê, cao su, chè, điều, hạt tiêu, dừa, dâu tằm, bông, mía, lạc, thuốc lá..., hình thành các vùng rau, hoa, quả có giá trị cao gắn với phát triển cơ sở bảo quản, chế biến.

Phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả chăn nuôi gia súc, gia cầm; mở rộng phương pháp nuôi công nghiệp gắn với chế biến sản phẩm; tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi trong nông nghiệp.

Phát huy lợi thế về thủy sản, tạo thành một ngành kinh tế mũi nhọn, vươn lên hàng đầu trong khu vực. Phát triển mạnh nuôi, trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ và nước mặn, nhất là nuôi tôm, theo phương thức tiến bộ, hiệu quả và bền vững môi trường. Tăng cường năng lực và nâng cao hiệu quả khai thác hải sản xa bờ; chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp, ổn định khai thác gần bờ; nâng cao năng lực bảo quản, chế biến sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường quốc tế và trong nước. Mở rộng và nâng cấp các cơ sở hạ tầng, dịch vụ nghề cá.

Giữ gìn môi trường biển và sông, nước, bảo đảm cho sự tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản.

Bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, nâng độ che phủ của rừng lên 43%. Hoàn thành việc giao đất, giao rừng ổn định và lâu dài theo hướng xã hội hóa lâm nghiệp, có chính sách bảo đảm cho người làm rừng sống được bằng nghề rừng. Kết hợp lâm nghiệp với nông nghiệp và có chính sách hỗ trợ để định canh, định cư, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân miền núi. Ngăn chặn nạn đốt, phá rừng. Đẩy mạnh trồng rừng kinh tế, tạo nguồn gỗ trụ mỏ, nguyên liệu cho công nghiệp bột giấy, công nghiệp chế biến gỗ và làm hàng mỹ nghệ xuất khẩu; nâng cao giá trị sản phẩm rừng.

3- Tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ trong nông nghiệp, nhất là công nghệ sinh học kết hợp với công nghệ thông tin. Chú trọng tạo và sử dụng giống cây, con có năng suất, chất lượng và giá trị cao. Đưa nhanh công nghệ mới vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Ứng dụng công nghệ sạch trong nuôi, trồng và chế biến rau quả, thực phẩm. Hạn chế việc sử dụng hóa chất độc hại trong nông nghiệp. Xây dựng một số khu nông nghiệp công nghệ cao. Tăng cường đội ngũ, nâng cao năng lực và phát huy tác dụng của cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư.

4- Tiếp tục phát triển và hoàn thiện về cơ bản hệ thống thủy lợi ngăn mặn, giữ ngọt, kiểm soát lũ, bảo đảm tưới, tiêu an toàn, chủ động cho sản xuất nông nghiệp (kể cả cây công nghiệp, nuôi, trồng thủy sản) và đời sống nông dân. Đối với những khu vực thường bị bão, lũ, cùng với các giải pháp hạn chế tác hại thiên tai, phải điều chỉnh quy hoạch sản xuất và

dân cư thích nghi với điều kiện thiên nhiên. Nâng cao năng lực dự báo thời tiết và khả năng chủ động phòng chống thiên tai, hạn chế thiệt hại.

5- Phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn. Hình thành các khu vực tập trung công nghiệp, các điểm công nghiệp ở nông thôn, các làng nghề gắn với thị trường trong nước và xuất khẩu. Chuyển một phần doanh nghiệp gia công (may mặc, da - giày...) và chế biến nông sản ở thành phố về nông thôn. Có chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư của mọi thành phần kinh tế vào phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn.

Trên cơ sở chuyển một bộ phận lao động nông nghiệp sang các ngành, nghề khác, từng bước tăng quỹ đất canh tác cho mỗi lao động nông nghiệp, mở rộng quy mô sản xuất, tăng việc làm và thu nhập cho dân cư nông thôn.

Giá trị gia tăng nông nghiệp (kể cả thủy sản, lâm nghiệp) tăng bình quân hằng năm 4,0 - 4,5%. Đến năm 2010, tổng sản lượng lương thực có hạt đạt khoảng 40 triệu tấn. Tỷ trọng nông nghiệp trong GDP khoảng 16 - 17%; tỷ trọng ngành chăn nuôi trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp tăng lên khoảng 25%. Thủy sản đạt sản lượng 3,0 - 3,5 triệu tấn (trong đó khoảng 1/3 là sản phẩm nuôi, trồng). Bảo vệ 10 triệu hécta rừng tự nhiên, hoàn thành chương trình trồng 5 triệu hécta rừng. Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt 9 - 10 tỉ USD, trong đó thủy sản khoảng 3,5 tỉ USD.

2. Công nghiệp, xây dựng

2.1. Phát triển công nghiệp

Phát triển nhanh các ngành công nghiệp có khả năng

phát huy lợi thế cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, như chế biến nông, lâm, thủy sản, may mặc, da - giày, điện tử - tin học, một số sản phẩm cơ khí và hàng tiêu dùng...

Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng: dầu khí, luyện kim, cơ khí chế tạo, hóa chất cơ bản, phân bón, vật liệu xây dựng... với bước đi hợp lý, phù hợp điều kiện vốn, công nghệ, thị trường, phát huy được hiệu quả.

Phát triển mạnh các ngành công nghiệp công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin, viễn thông, điện tử, tự động hóa. Chú trọng phát triển công nghiệp sản xuất phần mềm tin học thành ngành kinh tế có tốc độ tăng trưởng vượt trội.

Phát triển các cơ sở công nghiệp quốc phòng cần thiết, kết hợp công nghiệp quốc phòng với công nghiệp dân dụng.

Quy hoạch phân bố hợp lý công nghiệp trên cả nước. Phát triển có hiệu quả các khu công nghiệp, khu chế xuất, xây dựng một số khu công nghệ cao, hình thành các cụm công nghiệp lớn và khu kinh tế mở.

Phát triển rộng khắp các cơ sở sản xuất công nghiệp nhỏ và vừa với ngành, nghề đa dạng. Đổi mới, nâng cấp công nghệ trong các cơ sở hiện có để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả. Sử dụng phù hợp các công nghệ có khả năng thu hút nhiều lao động. Phát triển nhiều hình thức liên kết giữa các doanh nghiệp nhỏ, vừa và lớn, giữa sản xuất nguyên liệu với chế biến, tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở đảm bảo hài hòa về lợi ích. Tăng tỷ lệ nội địa hóa trong công nghiệp gia công, lắp ráp. Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, bảo hộ sở hữu công nghiệp, bảo vệ môi trường.

2.2. Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, đáp ứng nhu cầu xây dựng trong nước và có năng lực đấu thầu công trình xây dựng ở nước ngoài. Ứng dụng công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng và hiệu lực quy hoạch, năng lực thiết kế, xây dựng và thẩm mỹ kiến trúc. Phát triển các hoạt động tư vấn và các doanh nghiệp xây dựng, trong đó chú trọng các doanh nghiệp mạnh theo từng lĩnh vực thủy điện, thủy lợi, cảng, cầu đường... Tăng cường quản lý nhà nước về quy hoạch, kiến trúc và xây dựng.

Nhịp độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp (kể cả xây dựng) bình quân trong 10 năm tới đạt khoảng 10 - 10,5%/năm. Đến năm 2010, công nghiệp và xây dựng chiếm 40 - 41% GDP và sử dụng 23 - 24% lao động. Giá trị xuất khẩu công nghiệp chiếm 70 - 75% tổng kim ngạch xuất khẩu. Bảo đảm cung cấp đủ và an toàn năng lượng (điện, dầu khí, than); đáp ứng đủ nhu cầu về thép xây dựng, phân lân, một phần phân đạm; cơ khí chế tạo đáp ứng 40% nhu cầu trong nước, tỷ lệ nội địa hóa trong sản xuất xe cơ giới, máy và thiết bị đạt 60 - 70%; công nghiệp điện tử - thông tin trở thành ngành mũi nhọn; chế biến hầu hết nông sản xuất khẩu; công nghiệp hàng tiêu dùng đáp ứng được nhu cầu trong nước và tăng nhanh xuất khẩu.

3. Kết cấu hạ tầng

Phát triển năng lượng đi trước một bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an toàn năng lượng quốc gia. Sử dụng tốt các nguồn thủy năng (kết hợp với thủy lợi), khí và than để phát triển cân đối nguồn điện. Xây dựng các

cụm khí - điện - đạm ở Phú Mỹ và khu vực Tây Nam. Xúc tiến nghiên cứu, xây dựng thủy điện Sơn La. Nghiên cứu phương án sử dụng năng lượng nguyên tử. Đồng bộ hóa, hiện đại hóa mạng lưới phân phối điện quốc gia. Đa dạng hóa phương thức đầu tư và kinh doanh điện; có chính sách thích hợp về sử dụng điện ở nông thôn, miền núi. Tăng sức cạnh tranh về giá điện so với khu vực.

Phát triển mạng lưới thông tin hiện đại và đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là trong hệ thống lãnh đạo, quản lý và các dịch vụ tài chính, thương mại, giáo dục, y tế, tư vấn... Mở rộng khả năng hòa mạng viễn thông với chi phí có khả năng cạnh tranh quốc tế, phủ sóng phát thanh, truyền hình đến các xã, thôn trong cả nước và mở rộng đến nhiều nơi trên thế giới với chất lượng ngày càng cao.

Về đường bộ, hoàn thành nâng cấp quốc lộ 1 và xây dựng đường Hồ Chí Minh. Nâng cấp, xây dựng các tuyến quốc lộ khác, chú trọng các tuyến đường biên giới, các tuyến đường vành đai và tuyến đường nối các vùng tới các trung tâm phát triển lớn, các cầu vượt sông lớn, các tuyến nối với các nước thuộc tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng. Phát triển, nâng cấp hệ thống giao thông trên từng vùng, kể cả giao thông nông thôn, bảo đảm thông suốt quanh năm. Nâng cấp hệ thống đường sắt hiện có, mở thêm tuyến mới đến các trung tâm kinh tế. Hoàn thiện hệ thống cảng biển quốc gia và mạng lưới các cảng địa phương theo quy hoạch. Phát triển vận tải thủy, tăng năng lực vận tải biển gắn với phát triển công nghiệp đóng và sửa chữa tàu. Hiện đại hóa các sân bay quốc tế, nâng cấp các sân bay nội địa.

Cung cấp đủ nước sạch cho đô thị, khu công nghiệp và cho trên 90% dân cư nông thôn. Giải quyết cơ bản vấn đề thoát nước và xử lý chất thải ở các đô thị.

4. Các ngành dịch vụ

Phát triển mạnh *thương mại,* nâng cao năng lực và chất lượng hoạt động để mở rộng thị trường trong nước và hội nhập quốc tế có hiệu quả. Hình thành các trung tâm thương mại lớn, các chợ nông thôn, nhất là ở miền núi, bảo đảm cung cấp một số sản phẩm thiết yếu cho vùng sâu, vùng xa và hải đảo; tạo thuận lợi cho việc tiêu thụ nông sản. Phát triển thương mại điện tử. Nhà nước, các hiệp hội, các doanh nghiệp phối hợp tìm kiếm, mở rộng thị trường cho sản phẩm Việt Nam.

Phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ *vận tải* hàng hóa, hành khách ngày càng hiện đại, an toàn, có sức cạnh tranh, vươn nhanh ra thị trường khu vực và thế giới. Dành thị phần lớn cho doanh nghiệp trong nước trong vận chuyển hàng hóa Việt Nam theo đường biển và đường hàng không quốc tế. Phát triển mạnh vận chuyển hành khách công cộng ở các thành phố lớn.

Tiếp tục phát triển nhanh và hiện đại hóa dịch vụ *bưu chính - viễn thông;* phổ cập sử dụng internet. Điều chỉnh giá cước để khuyến khích sử dụng rộng rãi. Đến năm 2010, số máy điện thoại, số người sử dụng internet trên 100 dân đạt mức trung bình trong khu vực.

Phát triển *du lịch* thật sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động trên cơ sở khai thác lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền

thống văn hóa, lịch sử, đáp ứng nhu cầu du lịch trong nước và phát triển nhanh du lịch quốc tế, sớm đạt trình độ phát triển du lịch của khu vực. Xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất, hình thành các khu du lịch trọng điểm, đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các nước.

Mở rộng các *dịch vụ tài chính - tiền tệ* như tín dụng, bảo hiểm, kiểm toán, chứng khoán,... đi thẳng vào công nghệ hiện đại, áp dụng các quy chuẩn quốc tế. Từng bước hình thành trung tâm dịch vụ tài chính lớn trong khu vực.

Phát triển mạnh các *dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phục vụ đời sống,* đáp ứng nhu cầu đa dạng trong sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội.

Toàn bộ các hoạt động dịch vụ tính theo giá trị gia tăng đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân 7 - 8%/năm và đến 2010 chiếm 42 - 43% GDP, 26 - 27% tổng số lao động.

B. Định hướng phát triển các vùng

Các vùng, khu vực đều phát huy lợi thế để phát triển, tạo nên thế mạnh của mình theo cơ cấu kinh tế mở, gắn với nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước. Nhà nước tiếp tục thúc đẩy các vùng kinh tế trọng điểm phát huy vai trò đầu tàu tăng trưởng nhanh, đồng thời tạo điều kiện và đầu tư thích đáng hơn cho vùng nhiều khó khăn. Thống nhất quy hoạch phát triển trong cả nước, giữa các vùng, tỉnh, thành phố, tạo sự liên kết trực tiếp về sản xuất, thương mại, đầu tư, giúp đỡ kỹ thuật và nguồn nhân lực. Nâng cao trình độ dân trí và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng và khu vực. Gắn chặt phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ, cải thiện môi trường và

quốc phòng, an ninh. Coi trọng chiến lược phát triển các vùng biên giới.

Khu vực đô thị: phát huy vai trò của các trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa trên từng vùng và địa phương, đi nhanh trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ, đi đầu trong việc phát triển kinh tế tri thức. Tạo vành đai nông nghiệp hiện đại ở các thành phố lớn.

Quy hoạch mạng lưới đô thị với một số ít thành phố lớn, nhiều thành phố vừa và hệ thống đô thị nhỏ phân bố hợp lý trên các vùng; chú trọng phát triển đô thị ở miền núi. Xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng đồng bộ theo quy hoạch. Đưa việc quy hoạch và quản lý đô thị vào nền nếp, ngày càng xanh sạch đẹp, văn minh. Hoàn thiện quy hoạch giao thông lâu dài, hợp lý ở tất cả các đô thị; khắc phục tình trạng ách tắc giao thông ở các đô thị lớn. Cung cấp đủ nước sạch, thoát nước và xử lý chất thải; xóa nhà tạm bợ. Đẩy lùi các tệ nạn xã hội, xây dựng đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh.

Khu vực nông thôn đồng bằng: phát triển nông nghiệp sinh thái đa dạng trên nền cây lúa, cây rau, quả, chăn nuôi, thủy sản và ứng dụng phổ biến các tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm. Hoàn thành điện khí hóa và thực hiện cơ giới hóa ở những khâu cần thiết. Nâng cao nhanh thu nhập trên một đơn vị diện tích nông nghiệp. Chuyển nhiều lao động sang khu vực công nghiệp và dịch vụ. Phát triển mạnh tiểu, thủ công nghiệp, các làng nghề, mạng lưới công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và các dịch vụ.

Khu vực nông thôn trung du, miền núi: phát triển mạnh cây dài ngày, chăn nuôi đại gia súc và công nghiệp chế biến. Bảo vệ và phát triển vốn rừng. Hoàn thành và ổn định vững chắc định canh, định cư. Bố trí lại dân cư, lao động và đất đai theo quy hoạch đi đôi với xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội để khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên. Phát triển kinh tế trang trại. Giảm bớt khoảng cách phát triển với nông thôn đồng bằng. Có chính sách đặc biệt để phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng sâu, vùng xa, biên giới, cửa khẩu.

Khu vực biển và hải đảo: xây dựng chiến lược phát triển kinh tế biển và hải đảo, phát huy thế mạnh đặc thù của hơn 1 triệu km^2 thềm lục địa. Tăng cường điều tra cơ bản làm cơ sở cho các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế biển. Đẩy mạnh nuôi, trồng, khai thác, chế biến hải sản; thăm dò, khai thác và chế biến dầu khí; phát triển đóng tàu, thuyền và vận tải biển; mở mang du lịch; bảo vệ môi trường; tiến mạnh ra biển và làm chủ vùng biển. Phát triển tổng hợp kinh tế biển và ven biển, khai thác lợi thế của các khu vực cửa biển, hải cảng để tạo thành vùng phát triển cao, thúc đẩy các vùng khác. Xây dựng căn cứ hậu cần ở một số đảo để tiến ra biển khơi. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo vệ an ninh trên biển.

Trong 10 năm tới, phát triển từng vùng lớn tập trung vào những định hướng quan trọng như sau:

1. Đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, đưa nhiều lao động nông nghiệp sang các ngành công nghiệp, dịch vụ và đi lập nghiệp nơi khác.

Phát triển nông nghiệp hàng hóa đa dạng. Cùng với lương thực, đưa vụ đông thành một thế mạnh, hình thành các vùng chuyên canh rau, cây ăn quả, thịt, hoa; mở rộng nuôi, trồng thủy sản. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến và cơ khí phục vụ nông nghiệp, các cụm, điểm công nghiệp, dịch vụ và làng nghề ở nông thôn.

Trong vùng kinh tế trọng điểm, phát triển các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công nghiệp xuất khẩu, công nghiệp điện tử, thông tin và một số cơ sở cơ khí đóng tàu, luyện kim, phân bón; các dịch vụ có hàm lượng tri thức cao; các trung tâm mạnh của vùng và cả nước về đào tạo, khoa học và công nghệ, thương mại, y tế, văn hóa, du lịch.

Hoàn thiện và nâng cấp kết cấu hạ tầng, trước hết là các tuyến trục quốc lộ, các cảng khu vực Hải Phòng, Cái Lân, các sân bay.

2. Miền Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Hình thành và phát huy vai trò các trung tâm thương mại, xuất khẩu, viễn thông, du lịch, tài chính, ngân hàng, khoa học và công nghệ, văn hóa, đào tạo đối với khu vực phía Nam và cả nước. Đẩy mạnh công nghiệp khai thác dầu khí; sản xuất điện, phân bón và hóa chất từ dầu khí. Hoàn chỉnh và nâng cấp các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao. Mở mang công nghiệp ở các tỉnh, không tập trung quá mức vào các đô thị lớn.

Phát triển mạnh cây công nghiệp (cao su, cà phê, điều, mía đường, bông...), cây ăn quả, chăn nuôi công nghiệp, chăn nuôi đại gia súc, hình thành các vùng chuyên canh tập trung

gắn với công nghiệp chế biến, tạo điều kiện thu hút thêm lao động từ đồng bằng sông Cửu Long.

Nâng cấp các tuyến quốc lộ nối với các vùng và quốc tế; nâng cấp và xây dựng mới một số cảng biển, sân bay. Xây dựng đô thị trên các trục phát triển gắn với khu công nghiệp. Giải quyết tốt hệ thống giao thông đô thị, cấp và thoát nước, khắc phục ô nhiễm môi trường.

3. Bắc Trung Bộ, duyên hải Trung Bộ và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Phát huy lợi thế biển và ven biển, khai thác có hiệu quả các tuyến đường trục Bắc - Nam, các tuyến đường ngang, các tuyến đường xuyên Á, các cảng biển. Hình thành các khu công nghiệp ven biển, các khu công nghiệp - thương mại tổng hợp và phát triển kinh tế trên các cửa khẩu và hành lang dọc các tuyến đường. Phát triển các ngành công nghiệp lọc, hóa dầu, vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến và chế tạo khác, các loại hình dịch vụ. Xây dựng theo quy hoạch một số cảng nước sâu với tiến độ hợp lý. Đẩy nhanh việc xây dựng khu kinh tế Dung Quất - Chu Lai. Phát triển mạnh du lịch biển và ven biển, gắn liền với các khu di tích, danh lam thắng cảnh của cả vùng, đặc biệt là trên tuyến Huế - Đà Nẵng - Hội An - Nha Trang.

Phát triển nông nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, tăng nhanh sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc, kết hợp với công nghiệp chế biến, đẩy mạnh trồng rừng. Có giải pháp hạn chế tác hại của thiên tai lũ lụt, hạn hán nặng, kết hợp với bố trí lại sản xuất và

dân cư. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ và cải thiện môi trường toàn dải ven biển. Khai thác có hiệu quả vùng đất phía Tây, chú ý xây dựng các hồ chứa nước chống lũ và làm thủy điện.

Từng bước tạo điều kiện để vùng Bắc Trung Bộ, duyên hải Trung Bộ liên kết với Tây Nguyên tham gia có hiệu quả việc hợp tác kinh tế với Lào, Campuchia, nhất là các tỉnh biên giới.

4. Trung du và miền núi Bắc Bộ (Tây Bắc và Đông Bắc)

Phát triển mạnh cây công nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu, cây đặc sản, chăn nuôi đại gia súc gắn với chế biến. Tạo các vùng rừng phòng hộ đầu nguồn sông Đà, rừng nguyên liệu công nghiệp, gỗ trụ mỏ.

Xúc tiến nghiên cứu và xây dựng thủy điện Sơn La. Phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản, nông sản, lâm sản, chú trọng chế biến xuất khẩu. Hình thành một số cơ sở công nghiệp lớn theo tuyến đường 18 gắn với vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Phát triển nhanh các loại dịch vụ, chú trọng thương mại. Nâng cấp các tuyến đường trục từ Hà Nội đi các tỉnh biên giới, hoàn thành các tuyến đường vành đai biên giới và các đường nhánh. Phát triển thủy lợi nhỏ gắn với thủy điện nhỏ, giải quyết việc cấp nước sinh hoạt và điện cho đồng bào vùng cao. Phát triển các đô thị trung tâm, các đô thị gắn với khu công nghiệp. Nâng cấp các cửa khẩu biên giới và phát triển kinh tế cửa khẩu.

Thực hiện tốt chính sách dân tộc, định canh, định cư vững chắc, ổn định và cải thiện đời sống cho đồng bào dân tộc.

5. Tây Nguyên

Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng của cả nước cả về kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh, có lợi thế để phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp sản xuất hàng hóa lớn kết hợp với công nghiệp chế biến, phát triển công nghiệp năng lượng và công nghiệp khai thác khoáng sản. Có chiến lược và quy hoạch xây dựng Tây Nguyên giàu về kinh tế, vững mạnh về quốc phòng, an ninh, tiến tới thành vùng kinh tế động lực.

Phát triển nhanh theo hướng thâm canh là chính đối với các cây công nghiệp gắn với thị trường xuất khẩu (cà phê, cao su, chè, bông...), chăn nuôi đại gia súc, trồng và bảo vệ rừng, cây dược liệu, cây đặc sản và công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Phát triển thủy điện lớn và vừa, các hồ chứa nước cho thủy lợi. Khai thác và chế biến quặng bôxít. Phát triển công nghiệp giấy. Nâng cấp, khai thác tốt các tuyến đường trục và đường ngang nối xuống vùng duyên hải. Phát triển sự hợp tác liên kết kinh tế - thương mại - dịch vụ với các nước láng giềng Lào, Campuchia. Có chính sách thu hút vốn đầu tư, bố trí dân cư, lao động và đất đai theo quy hoạch, nâng cao dân trí và trình độ công nghệ. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, thật sự cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của đồng bào dân tộc.

6. Đồng bằng sông Cửu Long

Tiếp tục phát huy vai trò của vùng lúa và nông sản, thủy sản xuất khẩu lớn nhất cả nước; đẩy mạnh sản xuất và nâng cao chất lượng lương thực, rau quả, chăn nuôi, thủy sản hàng hóa. Phát triển công nghiệp chế biến, cơ khí phục vụ nông

nghiệp, các ngành, nghề tiểu, thủ công nghiệp và các dịch vụ. Triển khai xây dựng các cụm công nghiệp sử dụng khí Tây Nam. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, tăng tỷ trọng lao động công nghiệp, dịch vụ.

Hoàn chỉnh mạng lưới đường bộ và mạng giao thông thủy. Nâng cấp và mở rộng quốc lộ 1A, mở thêm một số tuyến trục để phát triển giao thông phía Tây Nam. Nâng cấp các quốc lộ đến các tỉnh lỵ. Xây dựng cầu qua sông Hậu và có đủ cầu trên các tuyến này. Phát triển mạng đường liên huyện và giao thông nông thôn, xây cầu kiên cố thay "cầu khỉ". Hoàn chỉnh các cảng sông, nâng cấp các sân bay. Quy hoạch và xây dựng khu dân cư, kết cấu hạ tầng phù hợp với điều kiện chống lũ hằng năm và ngăn mặn.

IV- HÌNH THÀNH ĐỒNG BỘ THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu

Đổi mới và hoàn thiện khung pháp lý, tháo gỡ mọi trở ngại về cơ chế, chính sách và thủ tục hành chính để huy động tối đa mọi nguồn lực, tạo sức bật mới cho phát triển sản xuất, kinh doanh của mọi thành phần kinh tế với các hình thức sở hữu khác nhau. Mọi doanh nghiệp, mọi công dân được đầu tư kinh doanh theo các hình thức do luật định và được pháp luật bảo vệ. Mọi tổ chức kinh doanh theo các hình thức sở hữu khác nhau hoặc đan xen hỗn hợp đều được khuyến khích phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng và là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế

thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển mạnh các doanh nghiệp nhỏ và vừa; từng bước hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh.

Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế nhà nước để thực hiện tốt vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Kinh tế nhà nước là lực lượng vật chất quan trọng và là công cụ để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế; tập trung đầu tư cho kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và một số cơ sở công nghiệp quan trọng. Doanh nghiệp nhà nước giữ những vị trí then chốt trong nền kinh tế; đi đầu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; nêu gương về năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế - xã hội và chấp hành pháp luật.

Phát triển doanh nghiệp nhà nước trong những ngành sản xuất và dịch vụ quan trọng; xây dựng các tổng công ty nhà nước đủ mạnh để làm nòng cốt trong những tập đoàn kinh tế lớn, có năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế như dầu khí, điện, than, hàng không, đường sắt, vận tải viễn dương, viễn thông, cơ khí, luyện kim, hóa chất, vật liệu xây dựng, xuất nhập khẩu, ngân hàng, bảo hiểm, kiểm toán...

Đổi mới cơ chế quản lý, phân biệt quyền của chủ sở hưu và quyền kinh doanh của doanh nghiệp. Chuyển các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh sang hoạt động theo cơ chế công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần. Bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm đầy đủ trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, cạnh tranh bình đẳng trước pháp luật; xóa bỏ bao cấp của Nhà nước đối với doanh nghiệp.

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ 100% vốn để huy động thêm vốn, tạo động lực và cơ chế quản lý năng động thúc đẩy doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả. Ưu tiên cho người lao động được mua cổ phần và từng bước mở rộng bán cổ phần cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Thực hiện việc giao, bán, khoán, cho thuê các doanh nghiệp loại nhỏ mà Nhà nước không cần nắm giữ. Sáp nhập, giải thể, phá sản những doanh nghiệp không hiệu quả và không thực hiện được các biện pháp trên.

Phấn đấu trong khoảng 5 năm cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước; củng cố và hiện đại hóa một bước các tổng công ty nhà nước.

Phát triển *kinh tế tập thể* với các hình thức hợp tác đa dạng. Chuyển đổi hợp tác xã cũ theo Luật hợp tác xã đạt hiệu quả thiết thực. Phát triển hợp tác xã kinh doanh tổng hợp đa ngành hoặc chuyên ngành để sản xuất hoặc kinh doanh dịch vụ, tạo điều kiện mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh phù hợp quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong nông nghiệp, trên cơ sở phát huy tính tự chủ của hộ gia đình, chú trọng phát triển các hình thức hợp tác và hợp tác xã cung cấp dịch vụ, vật tư và tiêu thụ sản phẩm cho kinh tế hộ gia đình và trang trại. Mở rộng các hình thức kinh tế hỗn hợp, liên kết, liên doanh giữa hợp tác xã với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Nhà nước giúp hợp tác xã đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật và quản lý, mở rộng thị trường, ứng dụng công nghệ mới, phát triển vốn tập thể, giải quyết nợ tồn đọng của hợp tác xã cũ.

Kinh tế cá thể và tiểu chủ ở nông thôn và thành thị được Nhà nước tạo điều kiện để phát triển.

Kinh tế tư bản tư nhân được khuyến khích phát triển không hạn chế về quy mô trong những ngành, nghề, lĩnh vực và địa bàn mà pháp luật không cấm; khuyến khích hợp tác, liên doanh với nhau và với doanh nghiệp nhà nước, chuyển thành doanh nghiệp cổ phần và bán cổ phần cho người lao động.

Kinh tế tư bản nhà nước dưới các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư nhân trong và ngoài nước ngày càng phát triển đa dạng.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận của nền kinh tế Việt Nam, được khuyến khích phát triển, hướng mạnh vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu, hàng hóa và dịch vụ có công nghệ cao, xây dựng kết cấu hạ tầng.

2. Tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường, đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước

Hình thành đồng bộ và tiếp tục phát triển, hoàn thiện các loại thị trường đi đôi với xây dựng khuôn khổ pháp lý và thể chế, để thị trường hoạt động năng động, có hiệu quả, có trật tự, kỷ cương trong môi trường cạnh tranh lành mạnh, công khai, minh bạch, hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh. Có giải pháp hữu hiệu chống buôn lậu và gian lận thương mại.

Phát triển thị trường vốn và tiền tệ, nhất là thị trường vốn trung hạn và dài hạn. Tổ chức và vận hành an toàn, hiệu quả thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm, từng bước

mở rộng quy mô và phạm vi hoạt động, kể cả việc thu hút vốn nước ngoài. Hình thành và phát triển thị trường bất động sản, bao gồm cả quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; từng bước mở thị trường bất động sản cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia đầu tư. Phát triển thị trường lao động; người lao động được tìm và tạo việc làm ở mọi nơi trong nước; đẩy mạnh xuất khẩu lao động với sự tham gia của các thành phần kinh tế. Phát triển các loại thị trường dịch vụ khoa học, công nghệ, sản phẩm trí tuệ, dịch vụ bảo hiểm, các dịch vụ tư vấn và phục vụ sản xuất kinh doanh...

Nhà nước tôn trọng nguyên tắc và cơ chế hoạt động khách quan của thị trường, tạo điều kiện phát huy mặt tích cực, đồng thời khắc phục, hạn chế những tác động tiêu cực của thị trường. Nhà nước tập trung làm tốt chức năng hoạch định chiến lược, quy hoạch và kế hoạch định hướng phát triển, thực hiện những dự án trọng điểm bằng nguồn lực tập trung; đổi mới thể chế quản lý, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; điều tiết thu nhập hợp lý; xây dựng pháp luật và kiểm tra giám sát việc thực hiện; giảm mạnh sự can thiệp trực tiếp bằng biện pháp hành chính vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đơn giản hóa các thủ tục hành chính; công khai hóa và thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong quan hệ với doanh nghiệp và nhân dân; kiên quyết xóa bỏ những quy định và thủ tục mang nặng tính hành chính quan liêu, bao cấp, kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất, gây phiền hà, sách nhiễu cho doanh nghiệp và nhân dân.

3. Đổi mới chính sách và kiện toàn hệ thống tài chính - tiền tệ

Tích cực đổi mới và hoàn thiện hệ thống *chính sách tài chính - tiền tệ quốc gia,* động viên hợp lý và phân phối có hiệu quả mọi nguồn lực nhằm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện nguyên tắc công bằng, hiệu quả trong chính sách phân phối và phân phối lại nguồn thu nhập trong xã hội. Tạo lập môi trường tài chính lành mạnh, thông thoáng nhằm giải phóng và phát triển các nguồn lực tài chính và tiềm năng sản xuất của các doanh nghiệp, các tầng lớp dân cư; bồi dưỡng và mở rộng nguồn thu ngân sách, thu hút các nguồn vốn bên ngoài; đa dạng hóa các công cụ và hình thức tổ chức tài chính, tiền tệ phi ngân hàng và các quỹ đầu tư nhằm động viên các nguồn lực cho phát triển kinh tế, xã hội. Kết hợp chặt chẽ kế hoạch hóa với các chính sách kinh tế, tài chính để định hướng và khuyến khích nhân dân, doanh nghiệp tiết kiệm đầu tư, kinh doanh.

Bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của thị trường tài chính - tiền tệ trong toàn bộ nền kinh tế.

Tiếp tục cải cách hệ thống thuế phù hợp với tình hình đất nước và các cam kết quốc tế. Bổ sung, hoàn thiện, đơn giản hóa các sắc thuế, từng bước áp dụng hệ thống thuế thống nhất, không phân biệt doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác nhau, doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Áp dụng thuế thu nhập cá nhân thống nhất và thuận lợi cho mọi đối tượng chịu thuế, bảo đảm công bằng xã hội và tạo động lực phát triển. Hiện đại hóa công tác thu thuế và tăng cường quản lý của Nhà nước.

Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước, tăng dần tỷ lệ tích luỹ cho đầu tư phát triển, phân định rõ hoạt động sự nghiệp và quản lý hành chính công để có chính sách tài chính thích hợp; thực hiện cải cách tiền lương đi liền với tinh giản biên chế bộ máy và cải cách thủ tục hành chính; giảm mạnh và tiến tới xóa bỏ những khoản chi mang tính chất bao cấp trong ngân sách. Sử dụng ngân sách nhà nước phải chủ động và có hiệu quả, tăng cường kiểm soát các khoản chi, kiên quyết chống lãng phí, thất thoát. Nâng cao hiệu quả đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước từ xác định chủ trương, lập và duyệt dự án đến thực hiện dự án. Bảo đảm nguồn tài chính cho những nhiệm vụ ưu tiên của chiến lược. Thực hiện chính sách khuyến khích phát triển đối với các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời quan tâm đầu tư nhiều hơn cho các vùng khó khăn. Tiếp tục đổi mới chính sách tài trợ giải quyết việc làm, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, giúp đỡ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; thúc đẩy xã hội hóa khu vực sự nghiệp, đồng thời bảo đảm cho người nghèo được hưởng các phúc lợi cơ bản.

Đổi mới và hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý tài chính và ngân sách nhà nước, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống tài chính quốc gia và vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương; đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương và các ngành trong việc quản lý tài chính và ngân sách đã được phân cấp.

Thực hiện chế độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tài chính của doanh nghiệp; tách biệt tài chính nhà nước và tài chính doanh nghiệp. Thực hiện công khai hóa tài chính doanh nghiệp và tài chính công. Nhà nước giám sát, điều tiết

tài chính doanh nghiệp thông qua chế độ kế toán, kiểm toán và hệ thống thuế, bảo hộ các nguồn thu nhập hợp pháp, khuyến khích tất cả các tầng lớp dân cư, các thành phần kinh tế cần kiệm đầu tư kinh doanh, làm giàu chính đáng.

Cân đối ngân sách một cách tích cực, tăng dần dự trữ, giữ bội chi ở mức hợp lý, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô. Quản lý chặt chẽ việc vay nợ và trả nợ nước ngoài, giữ mức nợ quốc gia trong giới hạn an toàn; bảo đảm nghiêm ngặt hiệu quả sử dụng vốn vay; quy định rõ và thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ.

Thực thi *chính sách tiền tệ* bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng, kích thích đầu tư phát triển. Sử dụng linh hoạt, có hiệu quả các công cụ chính sách tiền tệ như tỷ giá, lãi suất, nghiệp vụ thị trường mở theo các nguyên tắc của thị trường. Nâng dần và tiến tới thực hiện đầy đủ tính chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam.

Hình thành môi trường minh bạch, lành mạnh và bình đẳng cho hoạt động tiền tệ - ngân hàng. Ứng dụng phổ biến công nghệ thông tin, mở rộng nhanh các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt và thanh toán qua ngân hàng. Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, cho vay, cung ứng các dịch vụ và tiện ích ngân hàng thuận lợi và thông thoáng đến mọi doanh nghiệp và dân cư, đáp ứng kịp thời các nhu cầu vốn tín dụng cho sản xuất, kinh doanh và đời sống, chú trọng khu vực nông nghiệp, nông thôn.

Hình thành đồng bộ khuôn khổ pháp lý, áp dụng đầy đủ hơn các thiết chế và chuẩn mực quốc tế về an toàn trong kinh doanh tiền tệ - ngân hàng. Giải quyết nợ tồn đọng đi đôi với

tăng cường những chế định pháp lý, kinh tế và hành chính về nghĩa vụ trả nợ của người đi vay và bảo vệ quyền thu nợ hợp pháp của người cho vay. Tăng cường năng lực tự kiểm tra của các tổ chức tín dụng và công tác thanh tra, giám sát của các cơ quan chức năng, không để xảy ra đổ vỡ tín dụng.

Cơ cấu lại hệ thống ngân hàng. Phân biệt chức năng của Ngân hàng Nhà nước và ngân hàng thương mại nhà nước, chức năng cho vay của ngân hàng chính sách với chức năng kinh doanh tiền tệ của ngân hàng thương mại. Bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của ngân hàng thương mại trong kinh doanh. Giúp đỡ và thúc đẩy các tổ chức tín dụng trong nước nâng cao năng lực quản lý và trình độ nghiệp vụ, có khả năng cạnh tranh với các chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Bảo đảm quyền kinh doanh của các ngân hàng và các tổ chức tài chính nước ngoài theo các cam kết của nước ta với quốc tế. Gắn cải cách ngân hàng với cải cách doanh nghiệp nhà nước. Sắp xếp lại các ngân hàng cổ phần, xử lý các ngân hàng yếu kém. Đưa hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân đi đúng hướng và bảo đảm an toàn.

4. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại

Tiếp tục mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp với điều kiện của nước ta và bảo đảm thực hiện những cam kết trong quan hệ song phương và đa phương như AFTA, APEC, Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, tiến tới gia nhập WTO...

Nhà nước có chính sách khuyến khích mạnh mẽ mọi thành phần kinh tế tham gia sản xuất, kinh doanh xuất

nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ. Nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển mạnh những sản phẩm hàng hóa và dịch vụ có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế; giảm mạnh xuất khẩu sản phẩm thô và sơ chế, tăng nhanh tỷ trọng sản phẩm chế biến và tỷ lệ nội địa hóa trong sản phẩm; nâng dần tỷ trọng sản phẩm có hàm lượng trí tuệ, hàm lượng công nghệ cao. Xây dựng các quỹ hỗ trợ xuất khẩu, nhất là đối với hàng nông sản. Khuyến khích sử dụng thiết bị, hàng hóa sản xuất trong nước. Tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu, tiến tới cân bằng xuất nhập. Thực hiện chính sách bảo hộ có lựa chọn, có thời hạn đối với sản phẩm sản xuất trong nước.

Đẩy mạnh các lĩnh vực dịch vụ thu ngoại tệ: du lịch, xuất khẩu lao động, vận tải, bưu chính - viễn thông, tài chính - tiền tệ, dịch vụ kỹ thuật, tư vấn, thu hút kiều hối...

Chủ động và tích cực thâm nhập thị trường quốc tế, chú trọng thị trường các trung tâm kinh tế thế giới, duy trì và mở rộng thị phần trên các thị trường quen thuộc, tranh thủ mọi cơ hội mở thị trường mới. Từng bước hiện đại hóa phương thức kinh doanh phù hợp với xu thế mới của thương mại thế giới. Đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, xúc tiến thương mại, thông tin thị trường bằng nhiều phương tiện và tổ chức thích hợp, kể cả các cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia các hoạt động môi giới, khai thác thị trường quốc tế.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, hoàn thiện các hình thức đầu tư, nâng cao khả năng cạnh tranh trong việc thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Giảm mạnh, tiến tới xóa bỏ sự phân biệt về chính sách và pháp luật giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài. Cải tiến nhanh các thủ tục hành

chính để đơn giản hóa việc cấp phép đầu tư, thực hiện từng bước cơ chế đăng ký đầu tư. Chú trọng thu hút đầu tư của các công ty nắm công nghệ nguồn và có thị phần lớn trên thị trường thế giới. Tăng cường hỗ trợ và quản lý sau cấp giấy phép, tạo điều kiện cho các dự án đã được cấp phép triển khai thực hiện có hiệu quả. Nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp, khu chế xuất và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Thực hiện cổ phần hóa những doanh nghiệp có điều kiện. Triển khai từng bước vững chắc các hình thức đầu tư gián tiếp của nước ngoài ở nước ta.

Khuyến khích người Việt Nam định cư ở nước ngoài về nước đầu tư kinh doanh, doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài và có chính sách hỗ trợ công dân Việt Nam kinh doanh hợp pháp ở nước ngoài.

Tiếp tục tranh thủ nguồn tài trợ của các chính phủ và các tổ chức tài chính quốc tế, các tổ chức phi chính phủ. Đẩy nhanh tốc độ giải ngân, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, gắn chặt việc sử dụng vốn vay với trách nhiệm trả nợ.

V- PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Giáo dục và đào tạo

Để đáp ứng yêu cầu về con người và nguồn nhân lực là nhân tố quyết định sự phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cần tạo chuyển biến cơ bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo.

Bồi dưỡng thế hệ trẻ tinh thần yêu nước, yêu quê hương, gia đình và tự tôn dân tộc, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, lòng nhân ái, ý thức tôn trọng pháp luật, tinh thần hiếu học, chí tiến thủ lập nghiệp, không cam chịu nghèo hèn. Đào tạo lớp người lao động có kiến thức cơ bản, làm chủ kỹ năng nghề nghiệp, quan tâm hiệu quả thiết thực, nhạy cảm với cái mới, có ý thức vươn lên về khoa học và công nghệ. Xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề, các chuyên gia và nhà khoa học, nhà văn hóa, nhà kinh doanh, nhà quản lý. Chính sách sử dụng lao động và nhân tài phải tận dụng mọi năng lực, phát huy mọi tiềm năng của các tập thể và cá nhân phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Để thực hiện mục tiêu đó, trong 10 năm tới cần:

Phát triển giáo dục mầm non. Củng cố vững chắc kết quả xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, tiến hành phổ cập trung học cơ sở trong cả nước; phần lớn thanh, thiếu niên trong độ tuổi ở thành thị và vùng nông thôn đồng bằng được học hết trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp hoặc đào tạo nghề. Tạo điều kiện cho mọi người, ở mọi lứa tuổi được học tập thường xuyên, suốt đời.

Điều chỉnh hợp lý cơ cấu bậc học, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng trong hệ thống giáo dục và đào tạo phù hợp yêu cầu học tập của nhân dân, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và các mục tiêu của Chiến lược. Chú trọng giáo dục hướng nghiệp thiết thực trong trường phổ thông. Mở rộng đào tạo công nhân, kỹ thuật viên và nhân viên nghiệp vụ theo nhiều trình độ. Phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo đại học, sau đại học; tập trung đầu tư xây dựng một số trường đại học trọng điểm quốc gia ngang tầm khu vực, tiến tới đạt trình độ

quốc tế. Phát triển giáo dục thường xuyên và đào tạo từ xa. Nhà nước dành ngân sách đưa người giỏi đi đào tạo ở các nước phát triển; khuyến khích, tạo thuận lợi cho việc học tập và nghiên cứu ở nước ngoài. Coi trọng đào tạo đội ngũ công nhân tay nghề cao, kỹ sư thực hành và nhà kinh doanh giỏi. Ưu tiên đào tạo nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn, miền núi, xuất khẩu lao động, một số ngành mũi nhọn. Phát triển và nâng cao chất lượng các trường dân tộc nội trú; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc.

Khẩn trương biên soạn và đưa vào sử dụng ổn định trong cả nước bộ chương trình và sách giáo khoa phổ thông phù hợp với yêu cầu phát triển mới. Ngoài tiếng phổ thông, các dân tộc có chữ viết riêng được khuyến khích học chữ dân tộc. Đổi mới chương trình đào tạo đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề theo hướng thiết thực, hiện đại. Chú trọng trang bị và nâng cao kiến thức tin học, ngoại ngữ cho học sinh, sinh viên.

Đổi mới phương pháp dạy và học, phát huy tư duy sáng tạo và năng lực tự đào tạo của người học, coi trọng thực hành, thực nghiệm, ngoại khóa, làm chủ kiến thức, tránh nhồi nhét, học vẹt, học chay. Đổi mới và tổ chức thực hiện nghiêm minh chế độ thi cử. Đề cao tính tự chủ của trường đại học.

Phát triển đội ngũ giáo viên, coi trọng chất lượng và đạo đức sư phạm, cải thiện chế độ đãi ngộ. Bảo đảm về cơ bản đội ngũ giáo viên đạt chuẩn quốc gia và tỷ lệ giáo viên so với học sinh theo yêu cầu của từng cấp học. Có cơ chế, chính sách bảo đảm đủ giáo viên cho các vùng miền núi cao, hải đảo.

Tăng cường cơ sở vật chất và từng bước hiện đại hóa nhà trường (lớp học, sân chơi, bãi tập, phòng thí nghiệm, máy tính nối mạng internet, thiết bị giảng dạy và học tập hiện đại, thư viện, ký túc xá...). Phấn đấu đến năm 2010 phần lớn các trường phổ thông có đủ điều kiện cho học sinh học tập và hoạt động cả ngày tại trường.

Tăng đầu tư cho giáo dục từ ngân sách nhà nước và đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo. Khuyến khích mạnh mẽ các thành phần kinh tế đầu tư phát triển giáo dục ở tất cả các bậc học, đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội. Ngân sách nhà nước tập trung nhiều hơn cho các bậc giáo dục phổ cập, cho vùng nông thôn, miền núi, cho đào tạo trình độ cao và những ngành khó thu hút đầu tư ngoài ngân sách nhà nước; bảo đảm điều kiện học tập cho con em người có công và gia đình nghèo. Tăng cường quản lý nhà nước, đặc biệt là hệ thống thanh tra giáo dục, thiết lập kỷ cương, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực. Tăng cường quản lý và giúp đỡ người đi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài.

2. Khoa học và công nghệ

Tăng cường tiềm lực và đổi mới cơ chế quản lý để khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực phát triển đất nước.

Khoa học xã hội và nhân văn đặt trọng tâm vào tổng kết thực tiễn, đi sâu nghiên cứu những vấn đề lớn của đất nước, khu vực và toàn cầu, giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, cung cấp luận cứ cho việc hoạch định đường lối, chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, phát huy nhân tố con người và văn hóa Việt Nam. *Khoa học tự nhiên* chú trọng hướng vào giải

quyết các vấn đề thực tiễn, nghiên cứu cơ sở khoa học của sự phát triển các lĩnh vực công nghệ trọng điểm và khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, dự báo, phòng, tránh, giảm nhẹ hậu quả thiên tai. *Khoa học công nghệ* tập trung vào đáp ứng yêu cầu nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh, bảo vệ môi trường và bảo đảm an ninh quốc phòng; coi trọng phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa.

Đẩy mạnh đổi mới công nghệ trong sản xuất, kinh doanh và các lĩnh vực hoạt động khác, thu hẹp khoảng cách về trình độ công nghệ so với các nước tiên tiến trong khu vực. Đi thẳng vào công nghệ hiện đại đối với các ngành mũi nhọn, đồng thời lựa chọn các công nghệ thích hợp, không gây ô nhiễm và khai thác được lợi thế về lao động. Chú trọng nhập khẩu công nghệ mới, hiện đại, thích nghi công nghệ nhập khẩu, cải tiến từng bộ phận, tiến tới tạo ra những công nghệ đặc thù Việt Nam. Hiện đại hóa công nghệ trong quản lý. Hoàn thành xây dựng hai khu công nghệ cao ở gần Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, xây dựng một số phòng thí nghiệm trọng điểm đạt trình độ tiên tiến của khu vực.

Thực hiện cơ chế kết hợp chặt chẽ giữa khoa học xã hội và nhân văn với khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ, giữa nghiên cứu khoa học với đào tạo và sản xuất, kinh doanh; ứng dụng nhanh các kết quả nghiên cứu. Khẩn trương đổi mới tổ chức, sắp xếp hợp lý các viện, trung tâm, các cơ sở nghiên cứu trong cả nước. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các viện nghiên cứu quốc gia, các hội, liên hiệp hội khoa học và kỹ thuật.

Đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa các nguồn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ. Dành vốn đầu tư thích đáng cho nghiên cứu cơ bản trong các ngành khoa học. Tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức khoa học, doanh nghiệp và cá nhân được hoạt động khoa học theo luật định. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ, tạo môi trường cạnh tranh, bảo hộ sở hữu trí tuệ và quyền tác giả. Có cơ chế thúc đẩy doanh nghiệp tăng đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và đặt hàng cho cơ quan nghiên cứu.

Phát huy tính sáng tạo, tính dân chủ trong hoạt động khoa học và công nghệ. Đổi mới chính sách đào tạo, sử dụng và đãi ngộ trí thức, trọng dụng và tôn vinh nhân tài, kể cả người Việt Nam ở nước ngoài. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, thu hút chuyên gia giỏi của thế giới đóng góp vào sự phát triển đất nước bằng nhiều hình thức thích hợp.

VI- PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, XÃ HỘI

1. Phát triển văn hóa, nghệ thuật, thông tin, thể dục thể thao

Mở rộng và nâng cao hiệu quả cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá"*, *"Xây dựng nếp sống văn minh và gia đình văn hoá"*, phong trào *"Người tốt, việc tốt"*, làm cho văn hóa thấm sâu vào từng khu dân cư, từng gia đình, từng người, hoàn thiện hệ giá trị mới của con người Việt Nam, kế thừa các giá trị văn hóa truyền thống của dân

tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa của loài người, tăng sức đề kháng chống văn hóa đồi trụy, độc hại. Nâng cao tính văn hóa trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và sinh hoạt của nhân dân.

Chú trọng gìn giữ, phát triển các di sản văn hóa phi vật thể, tôn tạo và quản lý tốt các di sản văn hóa vật thể, các di tích lịch sử; nâng cấp các bảo tàng. Phát triển mạng lưới thư viện, hiện đại hóa công tác thư viện, lưu trữ. Xây dựng các công trình văn hóa, các khu vui chơi công cộng.

Khuyến khích sáng tác những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị theo các chủ đề lớn về chiến tranh và cách mạng, về sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, về xã hội và con người Việt Nam. Nâng cao chất lượng nền điện ảnh Việt Nam, phấn đấu xây dựng nhiều bộ phim hay và tốt. Chú trọng thể hiện bản sắc văn hóa Việt Nam trong các công trình xây dựng, kiến trúc mới.

Phát triển và hiện đại hóa mạng lưới thông tin đại chúng, nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ phát thanh, truyền hình, báo chí, xuất bản. Đến năm 2010 hoàn thành cơ bản việc phổ cập các phương tiện phát thanh, truyền hình đến mỗi gia đình. Phát triển các điểm văn hóa kết hợp với hệ thống bưu cục khắp các xã trong cả nước. Dùng tiếng nói dân tộc và chữ viết của các dân tộc có chữ viết trên các phương tiện thông tin đại chúng ở vùng đồng bào dân tộc.

Ban hành và thực hiện chính sách thể hiện rõ sự quan tâm và chăm sóc đối với văn nghệ sĩ và những người hoạt động trong các lĩnh vực nghệ thuật, nhất là nghệ thuật truyền thống.

Đẩy mạnh hoạt động thể dục, thể thao, nâng cao thể trạng và tầm vóc của người Việt Nam. Phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng với mạng lưới cơ sở rộng khắp. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ vận động viên thể thao thành tích cao, đưa thể thao Việt Nam lên trình độ chung trong khu vực Đông Nam Á và có vị trí cao trong nhiều bộ môn.

Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích nhân dân và các tổ chức tham gia thiết thực, có hiệu quả các hoạt động văn hóa, thể thao. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư và bảo trợ các hoạt động văn hóa, thể thao. Phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hóa, thể thao phong phú, lành mạnh.

Tăng đầu tư ngân sách cho văn hóa tương ứng với tăng trưởng kinh tế, tập trung xây dựng một số trung tâm lớn gắn kết văn hóa, thể thao, du lịch như Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam, Trung tâm thể thao quốc gia và các trung tâm đào tạo về văn hóa, thể thao ngang tầm khu vực.

Mở rộng giao lưu văn hóa, thể thao quốc tế. Đầu tư thích đáng cho việc truyền bá ở trong nước các giá trị văn hóa của loài người và giới thiệu đất nước, văn hóa, con người Việt Nam với thế giới.

2. Dân số và việc làm

Tiếp tục giảm tốc độ tăng dân số, sớm ổn định quy mô dân số ở mức hợp lý (khoảng 88 - 89 triệu người vào năm 2010); giải quyết đồng bộ, từng bước và có trọng điểm chất lượng dân số, cơ cấu dân số và phân bố dân cư.

Giải quyết việc làm là yếu tố quyết định để phát huy nhân tố con người, ổn định và phát triển kinh tế, làm lành mạnh xã hội, đáp ứng nguyện vọng chính đáng và yêu cầu

bức xúc của nhân dân. Đến năm 2010, nước ta có 56,8 triệu người ở độ tuổi lao động, tăng gần 11 triệu người so với năm 2000. Để giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động, phải tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho tất cả các thành phần kinh tế đầu tư phát triển rộng rãi các cơ sở sản xuất, kinh doanh, tạo nhiều việc làm và phát triển thị trường lao động. Thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội phù hợp với cơ cấu kinh tế. Chú trọng bảo đảm an toàn lao động.

Đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Xây dựng và thực hiện đồng bộ, chặt chẽ cơ chế, chính sách về đào tạo nguồn lao động, đưa lao động ra nước ngoài, bảo vệ quyền lợi và tăng uy tín của người lao động Việt Nam ở nước ngoài.

3. Xóa đói, giảm nghèo

Bằng nguồn lực của Nhà nước và của toàn xã hội, tăng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, cho vay vốn, trợ giúp đào tạo nghề, cung cấp thông tin, chuyển giao công nghệ, giúp đỡ tiêu thụ sản phẩm... đối với những vùng nghèo, xã nghèo và nhóm dân cư nghèo. Chủ động di dời một bộ phận nhân dân không có đất canh tác và điều kiện sản xuất đến lập nghiệp ở những vùng còn tiềm năng. Nhà nước tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích mọi người dân vươn lên làm giàu chính đáng và giúp đỡ người nghèo. Thực hiện trợ cấp xã hội đối với những người có hoàn cảnh đặc biệt không thể tự lao động, không có người bảo trợ, nuôi dưỡng.

Phấn đấu đến năm 2010 về cơ bản không còn hộ nghèo. Thường xuyên củng cố thành quả xóa đói, giảm nghèo.

4. Tiền lương và thu nhập

Các doanh nghiệp, kể cả doanh nghiệp nhà nước, được tự chủ trong việc trả lương và tiền thưởng trên cơ sở hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp và năng suất lao động của mỗi người. Nhà nước và xã hội tôn trọng thu nhập hợp pháp của người kinh doanh. Xác định hợp lý thuế thu nhập cá nhân.

Cải cách cơ bản tiền lương đối với cán bộ, công chức nhà nước. Tiền tệ hóa đầy đủ tiền lương, điều chỉnh tiền lương bảo đảm mức sống tương ứng với nhịp độ tăng thu nhập trong xã hội. Hệ thống thang, bậc lương bảo đảm tương quan hợp lý, khuyến khích người giỏi, lao động có năng suất cao. Thay đổi cơ chế tài chính đối với khu vực sự nghiệp, tạo điều kiện đổi mới chế độ tiền lương của khu vực này. Thông qua cải cách chế độ tiền lương, thúc đẩy việc tinh giản biên chế bộ máy công quyền.

Từng bước mở rộng vững chắc hệ thống bảo hiểm và an sinh xã hội. Tiến tới áp dụng chế độ bảo hiểm cho mọi người lao động, mọi tầng lớp nhân dân. Kết hợp sự trợ giúp của Nhà nước với việc phát triển các quỹ từ thiện, quỹ xã hội, quỹ đền ơn đáp nghĩa, nhằm giúp đỡ có hiệu quả người được hưởng chính sách xã hội, nạn nhân chiến tranh, thiên tai, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, những người tàn tật và người già không nơi nương tựa. Bảo đảm người có công với nước có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình của dân cư cùng xã, phường.

5. Phát triển sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân

Nâng cao tính công bằng và hiệu quả trong tiếp cận và sử dụng các dịch vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Tiếp tục thực hiện các chương trình mục tiêu về y tế quốc gia. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ở tất cả các tuyến. Đặc biệt coi trọng tăng cường dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em, người bị di chứng chiến tranh, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng, vùng sâu, vùng xa. Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi, tỷ lệ tử vong của bà mẹ có liên quan đến thai sản. Giảm tỷ lệ mắc bệnh và tử vong do các bệnh truyền nhiễm, không để xảy ra dịch lớn. Tích cực phòng, chống các bệnh không do nhiễm trùng, khắc phục hậu quả tai nạn và thương tích. Bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm và an toàn truyền máu.

Hoàn chỉnh quy hoạch, củng cố và nâng cấp mạng lưới y tế cơ sở, có bác sĩ làm việc ở tất cả các trạm y tế xã đồng bằng và trung du, phần lớn xã miền núi. Nâng cấp bệnh viện huyện, tỉnh; phát triển các bệnh viện đa khoa khu vực (liên huyện) ở các địa bàn xa trung tâm tỉnh. Hoàn thiện hai trung tâm y tế chuyên sâu tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, xây dựng trung tâm y tế chuyên sâu tại miền Trung và phát triển các trung tâm y tế vùng. Từng bước hiện đại hóa trang bị y tế, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến. Kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền dân tộc, kết hợp quân - dân y; phấn đấu có một số lĩnh vực y, dược học có thế mạnh trở thành trung tâm của khu vực Đông Nam Á.

Tiêu chuẩn hóa và tăng cường đào tạo cán bộ y tế, chú ý người dân tộc thiểu số; phân bố cán bộ theo vùng phù hợp nhu cầu. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển các cơ sở khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe, đáp ứng yêu cầu đa dạng của xã hội. Đề cao y đức gắn với xây dựng và thực hiện quy chế hành nghề, xóa bỏ các tiêu cực.

Thực hiện chính sách quốc gia về thuốc, tăng cường khả năng sản xuất và cung ứng thuốc đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Đổi mới cơ chế, chính sách viện phí; mở rộng y tế tự nguyện, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Có chính sách trợ giúp cho người nghèo được khám chữa bệnh.

6. Đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội và bệnh dịch AIDS

Phòng chống, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, đặc biệt là ma tuý. Thực hiện cơ chế, giải pháp đồng bộ về tuyên truyền, giáo dục, chữa trị, đào tạo nghề, tạo việc làm. Xử lý nghiêm theo pháp luật những hành động gây tệ nạn xã hội.

Xây dựng nếp sống lành mạnh trong toàn xã hội, ngăn chặn lây nhiễm HIV/AIDS. Tổ chức chữa cho bệnh nhân AIDS và người nghiện ma tuý, giúp những người này sống, lao động có ý nghĩa trong cộng đồng.

Có biện pháp đồng bộ ngăn chặn tai nạn giao thông.

Đề cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể đối với tình trạng tệ nạn xã hội trên từng địa bàn. Phát huy vai trò của từng người dân, từng cộng đồng tham gia đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi những tệ nạn này.

VII- ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, XÂY DỰNG BỘ MÁY NHÀ NƯỚC TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

1. Đổi mới thể chế

Hình thành về cơ bản và vận hành thông suốt, có hiệu quả thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới thể chế và thủ tục hành chính, tập trung trước hết vào xóa bỏ những quy định mang nặng tính hành chính quan liêu, bao cấp, gây phiền hà, sách nhiễu doanh nghiệp và nhân dân, kìm hãm sự phát triển lực lượng sản xuất. Xây dựng và thực hiện chương trình đổi mới thể chế trong từng năm. Bảo đảm các văn bản pháp quy có nội dung đúng đắn, nhất quán, khả thi. Chỉ đạo sát từ khâu soạn thảo, thông qua đến phổ biến, thực hiện và tổng kết.

Đổi mới phương thức và quy trình xây dựng thể chế, cải tiến sự phối hợp giữa các ngành, các cấp có liên quan, coi trọng sử dụng các chuyên gia liên ngành và dành vai trò rất quan trọng cho tiếng nói của nhân dân, của doanh nghiệp. Đặc biệt tăng cường việc chỉ đạo, kiểm tra, nâng cao kỷ luật và hiệu lực thi hành pháp luật trong bộ máy nhà nước và trong xã hội.

2. Kiện toàn hợp lý tổ chức bộ máy nhà nước

Trên cơ sở tách chức năng quản lý nhà nước với hoạt động kinh doanh, xúc tiến việc đổi mới tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động và quy chế làm việc của các cơ quan nhà nước. Thực hiện mạnh mẽ việc phân cấp trong hệ thống hành chính đi đôi với nâng cao tính tập trung, thống nhất trong việc ban hành thể chế. Quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng cấp, từng

tổ chức, từng cá nhân. Đề cao trách nhiệm cá nhân, khen thưởng, kỷ luật nghiêm minh. Khắc phục tình trạng trùng chéo, đùn đẩy trách nhiệm, gây khó khăn, chậm trễ trong công việc và giải quyết khiếu kiện của dân. Nâng cao vai trò của tòa hành chính trong việc giải quyết khiếu kiện hành chính.

Tách cơ quan hành chính công quyền với tổ chức sự nghiệp. Khuyến khích và hỗ trợ các tổ chức hoạt động không vì lợi nhuận mà vì nhu cầu và lợi ích của nhân dân; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức thực hiện một số dịch vụ công với sự giám sát của cộng đồng như vệ sinh môi trường, tham gia giữ gìn trật tự trị an xóm, phường...

Xúc tiến nhanh và có hiệu quả việc hiện đại hóa công tác hành chính, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin. Kiện toàn bộ máy và tinh giản biên chế một cách cơ bản. Có chính sách giải quyết thỏa đáng số người dôi ra.

3. Nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức

Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức với chương trình, nội dung sát hợp; chú trọng đội ngũ cán bộ xã, phường. Đổi mới và đưa vào nền nếp việc thực hiện quy chế tuyển chọn, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu. Thực hiện nguyên tắc người phụ trách công việc có quyền hạn và trách nhiệm trong việc tuyển chọn, sử dụng cán bộ, công chức dưới quyền. Thanh lọc những kẻ tham nhũng, vô trách nhiệm; chuyển đổi công tác những người không đủ năng lực.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở, bảo đảm cho dân tiếp xúc dễ dàng các cơ quan công quyền, có điều kiện kiểm tra cán bộ, công chức, nhất là những người trực tiếp làm việc với dân.

4. Ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng, quan liêu

Nghiêm trị những kẻ tham nhũng, vô trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng; người lãnh đạo cơ quan để xảy ra tham nhũng cũng phải bị xử lý về trách nhiệm. Bảo vệ những người kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng; khen thưởng người phát hiện đúng những vụ tham nhũng. Thực hiện các biện pháp ngăn chặn tham nhũng, quan liêu:

- Đổi mới và hoàn thiện thể chế, thủ tục hành chính, kiên quyết chống tệ cửa quyền, sách nhiễu, "xin - cho" và sự tắc trách, vô kỷ luật trong công việc. Thực hiện nghiêm những điều cấm đối với cán bộ, công chức đã quy định trong pháp luật.

- Tăng cường quản lý, kiểm tra, ngăn chặn lãng phí, tham nhũng tiền và tài sản công, nhất là trong khu vực doanh nghiệp nhà nước.

- Thực hiện quy chế dân chủ và công khai tài chính ở cơ sở và các cấp chính quyền; thực hiện chế độ kê khai tài sản đối với cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành. Phát huy vai trò của các đoàn thể nhân dân và phương tiện thông tin đại chúng.

- Cải cách tiền lương đi đôi với tăng cường giáo dục và kiểm tra việc thực hiện công vụ của cán bộ, công chức.

VIII- TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

1. Đột phá những lĩnh vực then chốt

Tập trung sức đột phá những lĩnh vực then chốt để làm chuyển động toàn bộ tình hình kinh tế - xã hội:

- Xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà trọng tâm là đổi mới cơ chế, chính sách nhằm giải phóng triệt để lực lượng sản xuất, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

- Tạo bước chuyển mạnh về phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

- Đổi mới tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, trọng tâm là cải cách hành chính, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh.

2. Cải tiến các biện pháp tổ chức thực hiện

Nâng tầm hoạch định chính sách để thực hiện nghị quyết của Đảng; chú ý tới tính đặc thù của các ngành và các vùng.

Đổi mới cơ bản công tác kế hoạch hóa theo hướng tăng cường dự báo, nâng cao chất lượng kế hoạch định hướng, giữ vững các cân đối vĩ mô, kết hợp chặt chẽ với việc sử dụng các công cụ chính sách kinh tế, luật pháp, tạo điều kiện cho thị trường hoạt động có hiệu quả, nhằm bảo đảm mục tiêu của chiến lược.

Nâng cao chất lượng các quy hoạch. Xây dựng kế hoạch 5 năm trở thành công cụ kế hoạch chủ yếu, được điều chỉnh, bổ sung hàng năm phù hợp với tiến độ thực hiện kế hoạch và những diễn biến mới của tình hình trong, ngoài nước. Trong xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch, phải quán triệt tư tưởng và nội dung của chiến lược.

Tăng cường theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện chiến lược của các cấp ủy đảng và cơ quan nhà nước. Đồng thời, phát huy vai trò giám sát, góp ý kiến của nhân dân,

thu hút trí tuệ của nhân dân trong quá trình thực hiện chiến lược.

3. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng

Thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân, các ngành, các đoàn thể từ Trung ương đến cơ sở. Các cấp ủy đảng cần quán triệt sâu sắc nội dung chiến lược này trong toàn Đảng, toàn dân, thống nhất ý chí và hành động, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả trong các lĩnh vực hoạt động ở mọi cấp, gắn chặt với nhiệm vụ xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Đây là vấn đề có ý nghĩa quyết định bảo đảm cho Chiến lược được thực hiện thắng lợi.

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Sđd, tr.148-221.

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2001 - 2005

(Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, tháng 4 năm 2001)

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 là bước mở đầu quan trọng trong việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 - ***Chiến lược đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp.***

I- TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI QUA 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ VIII

Kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 được xây dựng trong bối cảnh có nhiều thuận lợi, hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1991 - 1995 đều đạt và vượt mức kế hoạch đề ra, nước ta đã *ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và chuyển sang thời kỳ mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*

đất nước. Kế hoạch đặt ra mức phấn đấu cao, thực hiện đồng thời ba mục tiêu về kinh tế - xã hội: *tăng trưởng cao, bền vững và có hiệu quả; ổn định vững chắc kinh tế vĩ mô; chuẩn bị tiền đề cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000, chủ yếu là phát triển nguồn nhân lực, khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, hoàn thiện thể chế.*

Trong quá trình thực hiện kế hoạch, nhất là từ giữa năm 1997 đến năm 1999, tác động tiêu cực của khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực, cùng với thiên tai nghiêm trọng liên tiếp xảy ra đã đặt nền kinh tế nước ta trước những thử thách quyết liệt.

Trong bối cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân ta đã nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn thách thức, duy trì được nhịp độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) 7%/năm; ***công cuộc phát triển kinh tế - xã hội tiếp tục đạt được những thành tựu quan trọng.***

1. Nền kinh tế vẫn giữ được nhịp độ tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực

1.1. Nổi bật là nông nghiệp phát triển liên tục, góp phần quan trọng vào mức tăng trưởng chung và giữ vững ổn định kinh tế - xã hội

Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân hằng năm 5,7% so với mục tiêu đề ra 4,5 - 5%, trong đó nông nghiệp tăng 5,6%, lâm nghiệp 0,4%, ngư nghiệp 8,4%.

Cơ cấu mùa vụ đã chuyển dịch theo hướng tăng diện tích lúa đông xuân và lúa hè thu có năng suất cao, ổn định. Các loại giống lúa mới đã được sử dụng trên 87% diện tích gieo trồng. Sản lượng lương thực có hạt tăng bình quân hằng năm

trên 1,6 triệu tấn; lương thực bình quân đầu người đã tăng từ 360kg năm 1995 lên trên 444kg năm 2000.

Nhiều vùng sản xuất nông sản hàng hóa tập trung gắn với công nghiệp chế biến bước đầu được hình thành; sản phẩm nông nghiệp đa dạng hơn. So với năm 1995, diện tích một số cây công nghiệp tăng khá: cà phê gấp hơn 2,7 lần, cao su tăng 46%, mía tăng khoảng 35%, bông tăng 8%, thuốc lá tăng trên 18%, rừng nguyên liệu giấy tăng 66%,... Một số loại giống cây công nghiệp có năng suất cao đã được đưa vào sản xuất đại trà.

Giá trị sản xuất nông nghiệp trên một đơn vị đất nông nghiệp tăng từ 13,5 triệu đồng/ha năm 1995 lên 17,5 triệu đồng/ha năm 2000.

Chăn nuôi tiếp tục phát triển. Sản lượng thịt lợn hơi năm 2000 ước trên 1,4 triệu tấn, bằng 1,4 lần so với năm 1995.

Nghề nuôi, trồng và đánh bắt thủy sản phát triển khá. Sản lượng thủy sản năm 2000 đạt trên 2 triệu tấn so với mục tiêu kế hoạch 1,6 - 1,7 triệu tấn; xuất khẩu đạt 1.475 triệu USD.

Công tác trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng có tiến bộ. Trong 5 năm đã trồng 1,1 triệu hécta rừng tập trung, bảo vệ 9,3 triệu hécta rừng hiện có, khoanh nuôi tái sinh 700 nghìn hécta. Độ che phủ tăng từ 28,2% năm 1995 lên 33% năm 2000.

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản năm 2000 đạt 4,3 tỉ USD, gấp hơn 1,7 lần so với năm 1995, bình quân hằng năm chiếm khoảng 30% kim ngạch xuất khẩu của cả nước; đã tạo được ba mặt hàng xuất khẩu chủ lực là gạo (đứng thứ hai thế giới), cà phê (đứng thứ ba) và hàng thủy sản chiếm 34% trị giá kim ngạch xuất khẩu toàn ngành.

Những thành tựu đạt được nêu trên là kết quả thực hiện các chính sách đổi mới về phát triển nông nghiệp và nông thôn, đẩy mạnh đầu tư, ứng dụng những tiến bộ về khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm, gắn sản xuất với thị trường.

1.2. Công nghiệp và xây dựng vượt qua những khó khăn, thách thức, đạt được nhiều tiến bộ

Nhịp độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm 13,5%; trong đó công nghiệp quốc doanh tăng 9,5%, công nghiệp ngoài quốc doanh tăng 11,5%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 21,8%.

Một số ngành công nghiệp tiếp tục tổ chức và sắp xếp lại sản xuất, lựa chọn các sản phẩm ưu tiên và có lợi thế, có nhu cầu của thị trường để đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, đạt chất lượng cao hơn, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Năng lực sản xuất các sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng khá: năm 2000 so với năm 1995, công suất điện gấp 1,5 lần (tăng 2.715 MW); xi măng gấp 2,1 lần (tăng 8,7 triệu tấn); phân bón gấp trên 3,0 lần (tăng 1,5 triệu tấn); thép gấp 1,7 lần (tăng 1,0 triệu tấn); mía đường gấp hơn 5 lần (tăng hơn 60.000 tấn mía/ngày).

Sản lượng một số sản phẩm quan trọng tăng nhanh. Năm 2000 so với năm 1995, sản lượng dầu thô gấp 2,1 lần; điện gấp 1,8 lần; than sạch vượt ngưỡng 10 triệu tấn, trong đó xuất khẩu trên 3,0 triệu tấn; thép cán gấp hơn 3 lần; xi măng gấp hơn 2 lần; vải các loại gấp 1,5 lần; giấy các loại gấp 1,7 lần,...

Xuất khẩu sản phẩm công nghiệp (kể cả tiểu, thủ công nghiệp) tăng nhanh, năm 2000 đạt 10,0 tỉ USD, gấp hơn 3,4

lần năm 1995, chiếm khoảng 70% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước.

Cơ cấu các ngành công nghiệp đã có chuyển dịch đáng kể, hình thành một số sản phẩm mũi nhọn, một số khu công nghiệp, khu chế xuất với nhiều cơ sở sản xuất có công nghệ hiện đại. Đến năm 2000, công nghiệp khai thác dầu thô, khí tự nhiên và dịch vụ khai thác dầu khí chiếm khoảng 11,2% tổng giá trị sản xuất toàn ngành, công nghiệp sản xuất thực phẩm và đồ uống chiếm khoảng 20,0%, công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước chiếm khoảng 5,4%.

Ngành xây dựng đã tiếp nhận công nghệ xây dựng mới, trang bị thêm nhiều thiết bị hiện đại, đáp ứng được nhu cầu phát triển trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp, có thể đảm đương việc thi công những công trình quy mô lớn, hiện đại về công nghệ; năng lực đấu thầu các công trình xây dựng cả trong và ngoài nước được tăng cường.

Đáp ứng đủ nhu cầu xi măng, tấm lợp; cơ bản đáp ứng được nhu cầu về thép xây dựng thông thường. Một số loại vật liệu xây dựng chất lượng cao (gạch lát nền, gạch ốp lát) sản xuất trong nước đạt tiêu chuẩn châu Âu và khu vực.

1.3. Các ngành dịch vụ tiếp tục phát triển trong điều kiện khó khăn hơn trước, góp phần tích cực cho tăng trưởng kinh tế và phục vụ đời sống

Giá trị các ngành dịch vụ tăng 6,8%/năm.

Thương mại phát triển khá, bảo đảm lưu chuyển, cung ứng vật tư, hàng hóa trong cả nước và trên từng vùng. Thương mại quốc doanh được sắp xếp lại theo hướng nắm bán buôn, tham gia kinh doanh bán lẻ đối với một số mặt hàng thiết yếu; mạng lưới trao đổi hàng hóa với nông thôn,

miền núi bước đầu được tổ chức lại. Tổng mức hàng hóa bán lẻ tăng bình quân 6,2%/năm (đã loại trừ yếu tố biến động giá).

Du lịch phát triển đa dạng, phong phú, chất lượng dịch vụ được nâng lên. Tổng doanh thu du lịch tăng 9,7%/năm.

Dịch vụ vận tải về cơ bản đáp ứng được nhu cầu giao lưu hàng hóa và đi lại của nhân dân. Khối lượng luân chuyển hàng hóa tăng 12%/năm và luân chuyển hành khách tăng 5,5%/năm.

Dịch vụ bưu chính - viễn thông có bước phát triển và hiện đại hóa nhanh. Giá trị doanh thu bưu điện tăng bình quân hằng năm 11,3%.

Các dịch vụ tài chính, kiểm toán, ngân hàng, bảo hiểm,... được mở rộng. Thị trường dịch vụ bảo hiểm đã được hình thành với sự tham gia của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước; dịch vụ tài chính, ngân hàng đã có những đổi mới quan trọng, tăng bình quân hằng năm 7,0%.

Các loại dịch vụ khác như tư vấn pháp luật, khoa học và công nghệ,... bắt đầu phát triển.

1.4. Cơ cấu kinh tế đã có bước chuyển dịch tích cực

Cơ cấu các ngành kinh tế đã từng bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp trong GDP đã giảm từ 27,2% năm 1995 xuống còn 24,3% năm 2000; công nghiệp và xây dựng từ 28,7% tăng lên 36,6% và dịch vụ từ 44,1% năm 1995 còn 39,1%. Mặc dù vậy vẫn chưa đạt được mục tiêu đề ra trong Nghị quyết Đại hội VIII (cơ cấu vào năm 2000 tương ứng là 19 - 20%, 34 - 35% và 45 - 46%).

Cơ cấu thành phần kinh tế đã có sự dịch chuyển theo hướng sắp xếp lại và đổi mới khu vực kinh tế nhà nước, phát huy tiềm năng khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.

Đến năm 2000, tỷ trọng khu vực kinh tế nhà nước trong GDP vào khoảng 39%; khu vực kinh tế tập thể 8,5%; khu vực kinh tế tư nhân 3,3%; khu vực kinh tế cá thể 32%; khu vực kinh tế hỗn hợp 3,9% và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 13,3%.

Các vùng kinh tế gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, các đô thị, các địa bàn, lãnh thổ, đặc biệt là các vùng kinh tế trọng điểm ở ba miền đang được xây dựng và hình thành từng bước.

Đến năm 2000, các tỉnh vùng núi phía Bắc đóng góp khoảng trên 9% GDP của cả nước; vùng đồng bằng sông Hồng khoảng 19%; Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung khoảng gần 15%; vùng Tây Nguyên gần 3%; vùng Đông Nam Bộ khoảng 35% và đồng bằng sông Cửu Long khoảng 19%.

Các vùng kinh tế trọng điểm đóng góp khoảng 50% giá trị GDP cả nước; 75 - 80% giá trị gia tăng công nghiệp và 60 - 65% giá trị gia tăng khu vực dịch vụ. Nhịp độ tăng trưởng của các vùng trọng điểm đều đạt trên mức trung bình cả nước, đóng vai trò tích cực lôi cuốn và kích thích các vùng khác cùng phát triển.

2. Các cân đối chủ yếu trong nền kinh tế đã được điều chỉnh thích hợp để duy trì khả năng tăng trưởng kinh tế và ổn định đời sống nhân dân

2.1. Đã cải thiện một bước quan hệ tích luỹ và tiêu dùng theo hướng tăng tích luỹ cho phát triển

Tỷ lệ tiết kiệm trong nước so với GDP từ 18,2% năm 1995

tăng lên 27% năm 2000. Tổng quỹ tích luỹ tăng bình quân hằng năm trên 9,5%; toàn bộ tích luỹ tài sản so với GDP từ 27,2% năm 1995 được nâng lên 29,5% năm 2000 (bình quân 5 năm 1996 - 2000 là 28,5%).

Tổng quỹ tiêu dùng tăng bình quân hằng năm hơn 5%, tiêu dùng bình quân đầu người tăng hằng năm gần 3,5%.

Tỷ lệ tích luỹ trong tổng tích luỹ - tiêu dùng bình quân 5 năm là 26,8%; riêng năm 2000 khoảng 28,7%, tỷ lệ tiêu dùng tương ứng khoảng 71,3%.

2.2. Các cân đối tài chính - tiền tệ có tiến bộ, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và khai thác tốt các nguồn lực

Ngân sách nhà nước bước đầu được cơ cấu lại theo hướng tích cực và hiệu quả hơn.

Việc cải cách thuế giai đoạn 2 và triển khai thực hiện Luật ngân sách đã góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, tăng nguồn thu cho ngân sách. Tổng thu ngân sách nhà nước tăng bình quân hằng năm trên 8,7%, cao hơn mức tăng bình quân GDP; trong đó thu từ thuế và phí chiếm 94,2%; mức động viên bình quân hằng năm bằng 20,3% GDP.

Chi tiêu ngân sách nhà nước được cơ cấu lại theo hướng tiếp tục xóa bao cấp trong chi ngân sách, tăng chi đầu tư phát triển, xóa đói, giảm nghèo, giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học, y tế...; thu hút thêm nguồn lực của dân cư thông qua việc xã hội hóa một số mặt hoạt động kinh tế, xã hội, nhờ đó nhiều nhu cầu chi được đáp ứng tốt hơn. Tổng chi ngân sách nhà nước bình quân hằng năm bằng khoảng 24,2% GDP; trong đó chi cho đầu tư phát triển tăng bình quân hằng năm khoảng 14,6%, chiếm khoảng 27% tổng chi ngân sách; chi thường xuyên tăng

bình quân hằng năm là 6%, chiếm 59%; chi trả nợ, viện trợ hằng năm chiếm khoảng 14%.

Mức bội chi ngân sách bình quân hằng năm khoảng 4% GDP.

Các chính sách tiền tệ, tín dụng tiếp tục được đổi mới; việc điều hành các cân đối tiền tệ theo tín hiệu thị trường bước đầu đạt được các kết quả tích cực. Cơ chế quản lý và điều hành lãi suất ngoại hối, tỷ giá từng bước được đổi mới theo các nguyên tắc của thị trường. Hệ thống ngân hàng bước đầu được chấn chỉnh và đổi mới; các tổ chức tín dụng phát triển, chất lượng và hiệu quả tín dụng được nâng lên. Đã hình thành thị trường tiền tệ liên ngân hàng, bắt đầu áp dụng công cụ thị trường mở và thành lập trung tâm chứng khoán.

Cân đối ngoại tệ được cải thiện, từ chỗ thâm hụt lớn, đến nay, cán cân vãng lai và cán cân thanh toán quốc tế đều có kết dư; tuy nhiên chưa thật ổn định, vững chắc.

2.3. Đã có nhiều cố gắng trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển, nhất là nguồn vốn trong nước. Số công trình được đưa vào sử dụng nhiều hơn bất cứ thời kỳ nào trước đây; năng lực của hầu hết các ngành sản xuất, dịch vụ và kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội được nâng lên rõ rệt

Tổng nguồn vốn đầu tư xã hội thực hiện trong 5 năm qua khoảng 440 nghìn tỉ đồng, tương đương gần 40 tỉ USD (theo mặt bằng giá 1995), tốc độ tăng bình quân 8,6%/năm; trong đó: vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước chiếm 22,7%; vốn tín dụng đầu tư chiếm 14,2%; vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước chiếm 17,8%; vốn đầu tư của tư nhân và dân cư chiếm 21,3%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm 24%.

Nguồn vốn trong nước đã được khai thác khá hơn, chiếm trên 60% tổng vốn đầu tư, tạo điều kiện tốt hơn để tập trung đầu tư vào những mục tiêu phát triển nông nghiệp và nông thôn, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển khoa học và công nghệ, đặc biệt là xây dựng kết cấu hạ tầng.

Nguồn vốn đầu tư toàn xã hội được tập trung cho nông nghiệp khoảng 11,4% so tổng nguồn; các ngành công nghiệp khoảng 43,7%, trong đó đầu tư cho các ngành công nghiệp chế biến và công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng chiếm khoảng 30,0% tổng vốn đầu tư ngành công nghiệp; giao thông vận tải và bưu chính - viễn thông khoảng 15,7%; lĩnh vực khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa khoảng 6,7%; các ngành khác (công cộng, cấp thoát nước, quản lý nhà nước, thương mại, du lịch, xây dựng...) khoảng 22,5%.

Do điều chỉnh chính sách và cơ cấu đầu tư, nên quy mô đầu tư ở các vùng đều tăng. So với 5 năm trước, vốn đầu tư cho vùng miền núi phía Bắc gấp trên 1,8 lần, vùng đồng bằng sông Hồng gấp 1,3 lần, vùng Bắc Trung Bộ gấp 1,5 lần, vùng duyên hải miền Trung gấp 1,7 lần, vùng Tây Nguyên gấp 1,9 lần, vùng Đông Nam Bộ gấp 1,7 lần và vùng đồng bằng sông Cửu Long gấp gần 2 lần.

Riêng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, ước thực hiện trong 5 năm (1996 - 2000) khoảng 100 nghìn tỉ đồng (theo giá 1995), đã tập trung hơn cho lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; trong đó đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp khoảng 22,5%; cho công nghiệp 9,5%; cho giao thông vận tải và bưu chính - viễn thông 29,8%; cho khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao 18,7%; cho các ngành khác 19,5%.

Nhờ tăng đầu tư, số công trình được đưa vào sử dụng và năng lực của hầu hết các ngành tăng nhiều, kết cấu hạ tầng có bước phát triển khá, đáp ứng yêu cầu trước mắt và tạo được những năng lực gối đầu cho thời kỳ sau năm 2000.

Các công trình và các tuyến trục giao thông quan trọng, các tuyến từ Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh đi các khu công nghiệp, các vùng kinh tế, các tuyến lên Tây Nguyên, miền núi, các tuyến nằm trong vùng kinh tế trọng điểm,... được tập trung đầu tư nâng cấp, bảo đảm giao thông thông suốt trên cả nước.

Trong 5 năm đã xây dựng mới 1.200km và nâng cấp 3.790km đường quốc lộ; sửa chữa phần lớn các cầu yếu trên các tuyến trục giao thông, làm mới 11,5km cầu; sửa chữa và nâng cấp 200km đường sắt, khôi phục 8 cầu, với tổng chiều dài là 2.600m trên tuyến đường sắt Thống Nhất; mở rộng và hiện đại hóa một số cảng biển quan trọng như Hải Phòng, Sài Gòn, Cửa Lò, Đà Nẵng, Quy Nhơn,... nâng tổng năng lực thông qua hệ thống cảng biển lên 45 triệu tấn/năm; nâng cấp các sân bay quốc tế Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng và một số sân bay nội địa khác, nâng tổng năng lực thông qua hệ thống sân bay lên 6,5 triệu hành khách/năm.

Hệ thống bưu chính - viễn thông có bước phát triển khá, được hiện đại hóa về cơ bản. Tất cả các tỉnh và các huyện được trang bị tổng đài điện tử, được nối với nhau qua các tuyến cáp quang và viba số. Mật độ điện thoại đạt trên 4 máy/100 dân, gấp 22 lần so với năm 1991. Các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh đạt xấp xỉ 20 máy/100 dân, trên 85% số xã trong toàn quốc đã có điện thoại; trên 82% số xã có báo đến trong ngày; 61,5% số xã

có điểm bưu điện, văn hóa xã. Mạng viễn thông quốc tế và công nghiệp viễn thông có bước phát triển nhanh, hiện đại hơn.

Hệ thống thủy lợi được nâng cấp và phát triển trên các vùng, đặc biệt là vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng. Diện tích được tưới nước và tạo nguồn nước tăng thêm 82 vạn hécta, tiêu úng tăng 43,4 vạn hécta, không những góp phần tăng diện tích và nâng cao năng suất cây trồng, mà còn tạo điều kiện và khả năng hạn chế, phòng tránh thiên tai, ổn định sản xuất lâu dài.

Kết cấu hạ tầng ở nhiều thành phố, đô thị và nông thôn được đầu tư cải tạo nâng cấp. Đến năm 2000 đạt được mục tiêu 100% số huyện và 80% số xã, phường trên toàn quốc có điện. Tỷ lệ số dân ở nông thôn được cung cấp nước sạch mới đạt 40%, thấp xa so với mục tiêu; trên 95% số xã đã có đường ôtô vào đến trung tâm.

Cơ sở vật chất của các ngành giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, văn hóa, du lịch, thể dục thể thao và các ngành khác đều được tăng cường đáng kể.

3. Kinh tế đối ngoại tiếp tục phát triển

3.1. Hoạt động xuất nhập khẩu tiếp tục phát triển khá

Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm đạt trên 51,6 tỉ USD, tăng bình quân hằng năm trên 21%, gấp 3 lần mức tăng GDP. Khối lượng các mặt hàng xuất khẩu chủ lực đều tăng khá. Cơ cấu hàng xuất khẩu đã có sự thay đổi một bước. Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng nông, lâm, thủy sản tuy vẫn chiếm vị trí quan trọng nhưng có xu hướng giảm dần, từ 42,3% năm 1996 xuống còn 30% năm 2000; tỷ trọng

của nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp tăng tương ứng từ 29% lên 34,3%; nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản từ 28,7% lên 35,7%.

Năm 2000, kim ngạch xuất khẩu đạt trên 186 USD/người, tuy còn ở mức thấp, nhưng đã thuộc loại các nước có nền ngoại thương phát triển.

Thị trường xuất, nhập khẩu được củng cố và mở rộng thêm. Thị trường châu Á chiếm gần 58% tổng kim ngạch xuất khẩu và trên 80% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam; riêng thị trường các nước ASEAN tương ứng chiếm trên 18% và 29%. Trên một số thị trường khác như EU, châu Mỹ, Trung Đông, hàng xuất khẩu của ta đã có mặt và đang tăng dần.

Tuy chưa tính vào cân đối xuất nhập khẩu hằng năm, nhưng các dịch vụ thu ngoại tệ như kiều hối, xây dựng các công trình ở nước ngoài (trúng thầu), xuất khẩu lao động, dịch vụ, trao đổi chuyên gia... đã tăng lên nhanh chóng trong thời gian qua.

Tổng kim ngạch nhập khẩu 5 năm khoảng 61 tỉ USD, tăng bình quân hằng năm khoảng 13,3%; tỷ trọng hàng tiêu dùng trong tổng kim ngạch nhập khẩu giảm đáng kể, từ 13% năm 1996 còn 5,2% năm 2000.

Mức chênh lệch xuất nhập khẩu so với kim ngạch xuất khẩu đã từ 49,6% năm 1995 giảm xuống còn 6,3% vào năm 2000.

3.2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục gia tăng, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội

Trong 5 năm 1996 - 2000, tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đưa vào thực hiện (không kể phần góp vốn trong nước)

đạt khoảng 10 tỉ USD (theo giá 1995), gấp 1,5 lần so với 5 năm trước. Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cấp mới và bổ sung đạt 24,6 tỉ USD, tăng so với thời kỳ trước 34%.

Cơ cấu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ngày càng phù hợp với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước ta; tỷ lệ vốn FDI thu hút vào lĩnh vực sản xuất vật chất, kết cấu hạ tầng kinh tế tăng từ 62% năm 1995 lên 85% vào năm 2000.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các nước thuộc Liên minh châu Âu (EU), ASEAN có chiều hướng tăng hơn 5 năm trước (tỷ lệ vốn đăng ký của các dự án từ EU bình quân chiếm 23,2% thời kỳ 1991 - 1995, tăng lên 25,8% thời kỳ 1996 - 2000; tỷ lệ vốn đăng ký các dự án từ các nước ASEAN đã tăng tương ứng từ 17,3% lên 29,8%). Riêng các nước thuộc EU, Mỹ, Nhật Bản chiếm 44% tổng vốn đăng ký tại Việt Nam.

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã tạo ra 34% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp, khoảng 23% kim ngạch xuất khẩu (chưa kể dầu khí) và đóng góp trên 12% GDP của cả nước. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã thu hút trên 35 vạn lao động trực tiếp và hàng chục vạn lao động gián tiếp làm việc trong các ngành xây dựng, thương mại, dịch vụ liên quan; góp phần quan trọng vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao trình độ công nghệ, trình độ quản lý và mở rộng thị trường.

Ngoài ra, các doanh nghiệp Việt Nam cũng đã từng bước mở rộng đầu tư ra nước ngoài. Đến nay, đã có trên 40 dự án đầu tư vào 12 nước và vùng lãnh thổ, chủ yếu trong các ngành xây dựng, chế biến thực phẩm, thương mại, dịch vụ... Tuy quy mô còn nhỏ, nhưng qua hoạt động đầu tư ra nước ngoài, các doanh nghiệp Việt Nam có điều kiện nâng cao hiệu

quả, đẩy mạnh được xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ và lao động ra nước ngoài.

3.3. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) tiếp tục tăng, góp phần quan trọng phát triển kết cấu hạ tầng

Hằng năm, nguồn vốn ODA cam kết tăng đáng kể; việc giải ngân ngày càng được cải thiện. Tính chung trong 5 năm, nguồn vốn ODA đưa vào thực hiện khoảng 6,1 tỉ USD, tập trung hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế như điện, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước; phát triển nông nghiệp và nông thôn, xóa đói, giảm nghèo; phát triển y tế, giáo dục và đào tạo; tăng cường năng lực và thể chế trong các lĩnh vực cải cách hành chính, luật pháp, quản lý kinh tế; hỗ trợ một số lĩnh vực sản xuất như chế biến thủy sản, nông sản,...

Nhiều dự án đầu tư bằng vốn ODA đã được đưa vào sử dụng, góp phần tăng trưởng kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân.

4. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới cả về quy mô, chất lượng, hình thức đào tạo và cơ sở vật chất

Quy mô giáo dục và đào tạo tiếp tục tăng ở tất cả các bậc học, ngành học, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng lớn của nhân dân.

Năm học 1999 - 2000 so với năm 1994 - 1995, quy mô học sinh mẫu giáo gấp 1,2 lần, học sinh trung học cơ sở gấp 1,6 lần, học sinh trung học phổ thông gấp 2,3 lần, đào tạo đại học gấp 3 lần, đào tạo nghề gấp 1,8 lần.

Đến hết năm 2000 có 100% tỉnh, thành phố đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ, một số tỉnh,

thành phố đã bắt đầu thực hiện chương trình phổ cập trung học cơ sở.

Phong trào học tập văn hóa, khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ quản lý, ngoại ngữ... phát triển nhanh. Số sinh viên trên 1 vạn dân vào năm 2000 đạt 117 người, số năm đi học trung bình của dân cư là 7,3 năm.

Cơ sở vật chất - kỹ thuật các trường được nâng cấp, cải thiện. Mạng lưới trường phổ thông đã được sắp xếp tương đối ổn định. Hầu hết các xã đã có trường tiểu học; phần lớn các xã ở vùng đồng bằng có trường trung học cơ sở. Các trường ngoài công lập đã hình thành và bắt đầu phát triển mạnh. Hệ thống các trường dân tộc nội trú tỉnh, huyện được củng cố và mở rộng.

Mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, các trường chuyên nghiệp đang từng bước được tổ chức, sắp xếp lại. Hệ thống các trường đào tạo nghề phát triển rộng khắp.

Chất lượng giáo dục và đào tạo có chuyển biến bước đầu. Số đông học sinh, sinh viên có năng lực tiếp thu nhanh các kiến thức, nhất là về khoa học tự nhiên, kỹ thuật, ngoại ngữ và tin học. Tỷ lệ giáo viên phổ thông đạt tiêu chuẩn tăng lên. Hệ thống đào tạo, bồi dưỡng giáo viên được cải tiến, hằng năm trên 80% giáo viên được đào tạo nâng cao và chuẩn hóa. Việc xã hội hóa trong lĩnh vực này bước đầu được triển khai.

5. Khoa học và công nghệ có bước chuyển biến tích cực

Khoa học xã hội và nhân văn đã bước đầu cung cấp được các luận cứ khoa học phục vụ yêu cầu hoạch định chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội và đổi mới các cơ chế chính sách.

Khoa học tự nhiên và công nghệ tập trung triển khai nghiên cứu những đề tài cấp nhà nước và cấp bộ, tỉnh, thành phố. Nhiều kết quả nghiên cứu được ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh và trong đời sống xã hội. Trình độ công nghệ trong một số ngành sản xuất, xây dựng, dịch vụ đã được nâng lên và đổi mới đáng kể.

Trong công nghiệp và xây dựng đã cải tiến, hoàn thiện một số dây chuyền sản xuất, xây dựng; khai thác và sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước; lựa chọn và khai thác các công nghệ nhập khẩu như: công nghệ tự động hóa thiết kế, công nghệ đóng tàu, công nghệ xử lý nền móng công trình trong điều kiện địa hình phức tạp xây nhà cao tầng, công nghệ gia công cơ khí độ chính xác cao,...

Trong nông nghiệp, đã ứng dụng một số thành tựu của công nghệ sinh học; đưa một số giống mới vào sản xuất đại trà trên cơ sở áp dụng các kết quả nghiên cứu, tuyển chọn, lai tạo giống cây trồng, vật nuôi bằng công nghệ mới và công nghệ cao.

Cơ sở vật chất - kỹ thuật của các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học và công nghệ được tăng cường một bước, có nhiều cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu. Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ được chú trọng đào tạo chuyên sâu và đồng bộ, nâng cao trình độ chuyên môn, có khả năng tiếp thu và làm chủ một số công nghệ hiện đại.

6. Trong hoàn cảnh kinh tế có nhiều khó khăn, các lĩnh vực văn hóa, xã hội đã có bước phát triển khá, thể hiện sự nỗ lực rất lớn của toàn Đảng, toàn dân

6.1. Giải quyết có kết quả vấn đề việc làm cho người lao

động. Chính phủ đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách thúc đẩy đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất, dịch vụ, đa dạng hóa ngành nghề, khuyến khích các thành phần kinh tế bỏ vốn đầu tư, thực hiện các chương trình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, đã tạo thêm nhiều chỗ làm việc mới và tăng thêm việc làm cho người lao động.

Mạng lưới các trung tâm xúc tiến việc làm, trung tâm dạy nghề, hướng nghiệp của các ngành, các cấp, các doanh nghiệp và các đoàn thể quần chúng đã đóng góp phần tích cực trong việc tạo cơ hội để người lao động có thể tiếp cận việc làm hoặc tự tạo việc làm, kết hợp với sự hỗ trợ của Nhà nước và của cộng đồng.

Trong 5 năm qua đã có thêm khoảng 6,1 triệu lao động được thu hút vào làm việc và tạo thêm việc làm trong các ngành kinh tế, xã hội, bình quân mỗi năm thu hút khoảng hơn 1,2 triệu người; trong đó khu vực kinh tế tư nhân, kinh tế hợp tác đã đóng góp phần đáng kể, tạo ra nhiều chỗ làm việc mới.

6.2. Công tác xóa đói, giảm nghèo đã được triển khai mạnh mẽ ở hầu hết các tỉnh, nhất là ở các vùng nghèo, xã nghèo; đã thu hút được nhiều nguồn lực hỗ trợ và đạt được kết quả khá.

Từ khi có chủ trương xóa đói, giảm nghèo (năm 1992) đến nay, Nhà nước đã đầu tư thông qua các chương trình quốc gia có liên quan đến mục tiêu xóa đói, giảm nghèo khoảng trên 21 nghìn tỉ đồng. Trong 2 năm gần đây, bên cạnh việc tăng cường đầu tư cho các địa bàn khó khăn, Nhà nước đã dành riêng cho phần xây dựng kết cấu hạ tầng thuộc chương trình xóa đói, giảm nghèo khoảng 2.000 tỉ đồng.

Các ngành, các cấp, các đoàn thể và tổ chức xã hội đã triển khai nhiều công việc cụ thể giúp các hộ nghèo đói giảm bớt khó khăn, từng bước tự vươn lên, ổn định cuộc sống. Tỷ lệ hộ đói nghèo trên tổng số hộ trong cả nước đã từ 20% năm 1995 giảm xuống còn 10% năm 2000, đạt được mục tiêu đề ra và nước ta được cộng đồng quốc tế đánh giá là một trong những nước giảm tỷ lệ đói nghèo tốt nhất.

Đời sống dân cư nhiều vùng được cải thiện rõ rệt. Mức tiêu dùng bình quân đầu người tính theo giá hiện hành tăng từ 2,6 triệu đồng năm 1995 lên 4,3 triệu đồng năm 2000.

6.3. Công tác văn hóa, thông tin có nhiều đóng góp tích cực trong việc động viên toàn dân tham gia vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội. Các cơ quan và phương tiện thông tin đại chúng đã tích cực tuyên truyền đường lối đổi mới của Đảng, động viên và cổ vũ các nhân tố tích cực, đấu tranh chống các mặt tiêu cực và các tệ nạn xã hội, khơi dậy và phát huy truyền thống nhân ái, giúp đỡ lẫn nhau trong những khi hoạn nạn, thiên tai.

Chương trình đưa văn hóa về cơ sở, mở rộng diện phủ sóng phát thanh và truyền hình, đưa đến những vùng cao, biên giới và hải đảo được thực hiện có kết quả khá. Đến hết năm 2000, sóng truyền hình đã phủ trên 85%, sóng phát thanh đã phủ 95% diện tích cả nước và đưa đến nhiều nơi trên thế giới.

Nhiều cơ chế quản lý văn hóa, thông tin đã được đổi mới theo hướng xã hội hóa, huy động được thêm nhiều nguồn lực cho các hoạt động này.

6.4. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình và bảo vệ chăm sóc trẻ em, đạt được kết quả tích cực. Tỷ lệ sinh bình

quân mỗi năm giảm 0,78‰ (mục tiêu là 0,6‰). Tỷ lệ tăng dân số năm 1995 là 1,7%, năm 2000 là 1,4%, vượt mục tiêu đề ra. Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được tăng cường đáng kể; bình quân mỗi huyện đã có 2 trung tâm liên xã làm dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, bảo đảm 100% tuyến tỉnh, huyện và 70% tuyến xã có trang thiết bị phù hợp. Với các tiến bộ trên, năm 1999 Việt Nam đã được Liên hợp quốc tặng giải thưởng về công tác dân số.

Tạo được phong trào toàn xã hội chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em; thực hiện các mục tiêu của chương trình hoạt động quốc gia về trẻ em; 51% quận, huyện có điểm văn hóa, vui chơi cho trẻ em; 70% trẻ em mồ côi không nơi nương tựa được chăm sóc.

6.5. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ, đặc biệt là trong lĩnh vực y tế dự phòng. Các chỉ số sức khỏe cộng đồng được nâng lên. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm từ 38% năm 1995 xuống 33 - 34% năm 2000; tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi giảm từ 81‰ xuống còn 42‰; các bệnh bại liệt, bệnh thiếu vitamin A, bệnh uốn ván sơ sinh cơ bản được thanh toán vào năm 2000. Các bệnh sốt rét, bướu cổ năm 2000 đã giảm gần 60% so với năm 1995.

Một số bệnh viện được nâng cấp, cải tạo hoặc xây dựng mới; hầu hết các xã đã có trạm y tế. Trung tâm y tế chuyên sâu ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh được hình thành bước đầu; trang thiết bị y tế đã được nâng cấp ở các tuyến. Các cơ sở khám, chữa bệnh tư nhân được phát triển. Các chính sách về bảo hiểm y tế và chế độ thu một phần viện phí đã góp phần khắc phục những khó khăn của ngành.

Nhiều nơi đã triển khai tốt chính sách khám, chữa bệnh cho người nghèo, gia đình có công với dân, với nước.

6.6. Các hoạt động về xã hội, chăm sóc người có công, đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn... được mở rộng, thu hút sự tham gia rộng rãi của các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, đoàn thể.

Trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn và ngay trong những năm nhịp độ tăng trưởng kinh tế bị giảm sút, chúng ta đã thực hiện mạnh mẽ hơn các chính sách bảo đảm xã hội (nâng lương tối thiểu, tăng phụ cấp hưu trí, người có công,...), mức sống của cán bộ, công chức, người về hưu, gia đình có công với cách mạng đã được nâng lên một bước.

Đến nay đã có 100% Bà mẹ Việt Nam Anh hùng được các đơn vị, tổ chức nhận phụng dưỡng đến cuối đời; hàng chục vạn thân nhân của liệt sĩ được đỡ đầu. Phong trào xây dựng nhà tình nghĩa, lập sổ tiết kiệm tặng cho các gia đình chính sách có khó khăn phát triển rộng khắp; xây dựng và đưa vào sử dụng 8 khu nuôi dưỡng thương binh nặng, 6 trung tâm chỉnh hình và phục hồi chức năng.

Các nghĩa trang lớn như Hàng Dương (Côn Đảo), Trường Sơn, Đường 9 (Quảng Trị), Điện Biên Phủ (Lai Châu), Việt - Lào (Nghệ An), Bến Dược (Thành phố Hồ Chí Minh) và các nghĩa trang của các tỉnh, thành phố khác đã được xây dựng và nâng cấp khang trang. Việc tìm kiếm hài cốt các liệt sĩ đã được quan tâm và có nhiều kết quả, đáp ứng tình cảm thiêng liêng của nhân dân đối với những người đã hy sinh vì Tổ quốc.

Quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ từ thiện đã được thành lập, huy động được sự đóng góp chung của cộng đồng. Các hoạt

động từ thiện giúp đỡ người tàn tật, các nạn nhân chiến tranh, người già không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi lang thang, cơ nhỡ đã đem lại nhiều kết quả thiết thực. Việc cứu trợ đồng bào bị thiên tai đã được quan tâm và thực hiện kịp thời, có hiệu quả, thể hiện truyền thống tốt đẹp tương thân tương ái trong cơn hoạn nạn của dân tộc ta.

6.7. Phong trào thể dục thể thao phát triển rộng rãi ở các địa phương, trong các trường học, lực lượng vũ trang và các doanh nghiệp, cơ quan,... Các hoạt động thể thao thành tích cao đã có bước tiến bộ trong việc xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ vận động viên và phát triển những bộ môn mới để nâng cao thành tích thi đấu trong nước và quốc tế, bước đầu thu được những kết quả đáng khích lệ.

7. Cơ chế quản lý kinh tế đang được đồng bộ hóa và hoàn thiện bước đầu

Trong 5 năm qua, nhiều đạo luật về kinh tế, xã hội được ban hành đã thể chế, cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, hình thành về cơ bản khuôn khổ pháp lý cho nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành trong cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cơ chế quản lý kinh tế, hệ thống luật pháp, cơ chế chính sách được đồng bộ hóa và hoàn thiện dần, đang phát huy tích cực trong quản lý kinh tế và trong đời sống xã hội.

Trong quá trình triển khai thực hiện các luật, pháp lệnh, các chỉ thị, nghị quyết... đã kịp thời điều chỉnh, bổ sung những nội dung mới phù hợp với tiến trình phát triển, tạo ra môi trường vĩ mô thuận lợi để thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế, xã hội.

Thị trường hàng hóa, dịch vụ; thị trường vốn, tiền tệ; thị trường bất động sản... đang được hình thành với những cơ chế chính sách quản lý phù hợp đã tạo thêm động lực cho sự phát triển, khơi dậy tính năng động của nền kinh tế.

8. Quốc phòng và an ninh được giữ vững

Cùng với phát triển kinh tế, xã hội, tiềm lực quốc phòng và an ninh của đất nước đã được tăng cường, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu thiết yếu trong lĩnh vực bảo đảm kỹ thuật, giữ gìn, bảo quản và từng bước cải tiến vũ khí, trang thiết bị hiện có; cải thiện đáng kể đời sống bộ đội, công an; đáp ứng ngày càng tốt hơn các nhu cầu về doanh trại, cấp điện, cấp nước và các nhu cầu về đời sống tinh thần.

Các tuyến phòng thủ biên giới, các địa bàn trọng điểm về kinh tế, an ninh, quốc phòng, đặc biệt là vùng biển, hải đảo đã được tăng cường. Việc kết hợp giữa phát triển kinh tế, xã hội với quốc phòng và an ninh được chú trọng hơn trong công tác quy hoạch và kế hoạch. Thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân ngày càng được củng cố, phát triển; trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

Đạt được thành tựu phát triển kinh tế - xã hội nêu trên chủ yếu là nhờ tinh thần đoàn kết phấn đấu của toàn dân, toàn Đảng, của các ngành, các cấp; sự đúng đắn của các Nghị quyết Trung ương cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội VIII phù hợp với tình hình mới; sự chỉ đạo của Bộ Chính trị và điều hành của Chính phủ, đặc biệt là việc đề ra các cơ chế chính sách phù hợp, tạo thêm thế và lực mới để vượt qua khó khăn, thách thức thực hiện các mục tiêu kế hoạch.

Tuy nhiên, những thành tựu đạt được trong 5 năm qua vẫn còn thấp so với tiềm năng và khả năng phát triển. *Tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều mặt khó khăn, yếu kém:*

1- Chất lượng và hiệu quả phát triển kinh tế còn thấp; nhiều lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chưa đủ sức cạnh tranh

Trong nông nghiệp, kỹ thuật và phương thức canh tác tiên tiến chậm đưa vào thực hiện trên diện rộng; chưa chú trọng đầu tư phát triển công nghệ sau thu hoạch, công nghiệp chế biến; chậm mở rộng các ngành, nghề và thị trường ở nông thôn...

Một số ngành công nghiệp sản xuất còn khó khăn, tốc độ đổi mới công nghệ chậm. Một số dự án, chương trình phát triển công nghiệp đề ra trong kế hoạch 5 năm qua được triển khai chậm hoặc chưa triển khai được do các yếu tố khách quan từ phía đối tác và do nguyên nhân chủ quan về tổ chức quản lý, điều hành,... Khu vực doanh nghiệp nhà nước chậm được sắp xếp, củng cố và đổi mới; các thành phần kinh tế đầu tư vào công nghiệp còn dè dặt, cầm chừng. Còn một bộ phận không ít doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước làm ăn kém hiệu quả, thiếu năng động, trông chờ vào sự bảo hộ của Nhà nước.

Một số sản phẩm nông, công nghiệp tính theo đầu người còn rất thấp, nhưng vẫn bị tồn đọng không tiêu thụ hết; nguyên nhân do chất lượng thấp, giá thành cao; mặt khác do sức mua của các tầng lớp dân cư còn thấp.

Lĩnh vực xuất khẩu có những hạn chế về tạo nguồn hàng, chất lượng và sức cạnh tranh. Xuất khẩu hàng nông sản thô, nguyên liệu thô còn chiếm tỷ trọng lớn. Nhiều mặt hàng còn

phải xuất khẩu qua trung gian hoặc chỉ là gia công, nên hiệu quả không cao.

Mức tăng trưởng giá trị các ngành dịch vụ chỉ đạt trên 50% kế hoạch, trong khi lĩnh vực này chiếm tỷ trọng lớn trong GDP, nên hạn chế mức tăng trưởng chung của nền kinh tế.

2- Cơ chế, chính sách về thị trường tài chính, tiền tệ chưa đồng bộ

Chính sách thuế chưa thật hợp lý, chưa bao quát hết các nguồn thu. Thất thu ngân sách, nợ thuế và khê đọng thuế còn lớn. Việc sử dụng và quản lý nguồn tài chính quốc gia còn lãng phí, kém hiệu quả. Tài chính doanh nghiệp nhà nước còn nhiều yếu kém. Các khoản chi bị dàn trải cho nhiều mục tiêu, hạn chế hiệu quả sử dụng ngân sách.

Hoạt động của các ngân hàng thương mại còn nhiều yếu kém. Chất lượng tín dụng thấp, tỷ lệ nợ quá hạn lớn; tình hình tài chính của một số ngân hàng thương mại khó khăn. Thị trường vốn phát triển chậm; tỷ lệ sử dụng tiền mặt còn lớn; các loại dịch vụ tài chính, ngân hàng chưa phát triển. Thị trường chứng khoán đã mở ra, song hoạt động còn lúng túng.

Nguồn vốn trong dân cư chưa được huy động đúng mức. chưa có chính sách đủ mạnh để khuyến khích dân bỏ vốn đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện trong 5 năm qua thấp hơn mức dự kiến; công tác quản lý trong lĩnh vực này còn nhiều vướng mắc, yếu kém. Một số dự án ODA giải ngân chậm.

Đầu tư còn phân tán, làm cho hiệu quả sử dụng đồng vốn, nhất là vốn từ ngân sách chưa cao. Trong nông nghiệp ít

chú ý đầu tư vào khâu nghiên cứu, ứng dụng giống mới có năng suất và giá trị hàng hóa lớn. Trong công nghiệp, chưa tập trung đầu tư đổi mới công nghệ theo hướng hiện đại; chưa đầu tư đúng mức cho phát triển ngành cơ khí chế tạo. Cơ cấu đầu tư theo vùng lãnh thổ chưa phát huy tốt thế mạnh của từng vùng, nhất là những vùng có tiềm năng nhưng chưa có điều kiện khai thác.

3- Công tác giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ còn nhiều bất cập

Chất lượng, hiệu quả của giáo dục và đào tạo tuy đã có những chuyển biến, nhưng nhìn chung còn thấp so với yêu cầu; cơ cấu đào tạo chưa hợp lý, mất cân đối về bậc học, về ngành nghề, về vùng lãnh thổ; việc giáo dục đạo đức, chính trị trong các trường học chưa được quan tâm đúng mức. Trình độ học vấn ở một số vùng còn quá thấp. Các hiện tượng tiêu cực trong ngành giáo dục và đào tạo còn nhiều, nhưng chậm được khắc phục.

Giáo dục ở vùng sâu, vùng xa tuy có phát triển nhưng vẫn còn nhiều khó khăn. Chi phí học tập còn cao so với khả năng thu nhập của dân cư, quy chế đóng góp chưa rõ ràng, hợp lý là trở ngại lớn đối với học sinh, nhất là các gia đình nghèo.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo mới ở mức 20% (so với 50% trở lên ở nhiều nước và chưa đạt mục tiêu 22 - 25%) làm cho khả năng tiếp thu kỹ thuật công nghệ mới gặp nhiều khó khăn.

Các hoạt động khoa học và công nghệ chưa thực sự gắn kết với nhu cầu và hoạt động của các ngành kinh tế, xã hội, chậm đưa vào ứng dụng những kết quả đã nghiên cứu được. Trình độ công nghệ của nước ta còn thấp nhiều so với các nước xung quanh, chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa,

hiện đại hóa đất nước. Năng lực tự tạo ra công nghệ mới còn rất có hạn.

Các cơ quan nghiên cứu khoa học chậm được sắp xếp cho đồng bộ, còn phân tán, thiếu phối hợp, do đó đạt hiệu quả thấp. Các viện nghiên cứu và các doanh nghiệp, các trường đại học chưa gắn kết với nhau. Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật thiếu tập trung và dứt điểm cho từng mục tiêu. Cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao tuy còn ít, song chưa được sử dụng tốt.

4- Nhiều vấn đề xã hội và môi trường đặt ra rất bức xúc

Lực lượng lao động tăng tự nhiên mỗi năm khoảng 1,2 triệu người, trong khi tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị năm 2000 còn ở mức 6,4% và tỷ lệ thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn mới đạt 73,8% so với mục tiêu là 75%, đang trở thành vấn đề gay gắt, nổi cộm nhất hiện nay.

Tỷ lệ đói nghèo trong toàn quốc mấy năm gần đây tuy đã giảm mạnh, nhưng chưa vững chắc, nếu gặp thiên tai, mất mùa thì nhiều hộ vẫn có thể rơi vào tình trạng đói nghèo trở lại. Đời sống của nhân dân ở một số vùng sâu, vùng xa, vùng thường bị thiên tai còn rất khó khăn. Tình trạng khiếu kiện kéo dài trở thành rất bức xúc.

Cơ sở vật chất của ngành y tế tuy có được cải thiện, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, nhất là ở tuyến huyện, xã. Cơ sở y tế ở vùng sâu, vùng xa, các vùng biên giới, vùng cao... còn quá thiếu thốn, lạc hậu. Tình hình dịch bệnh cục bộ vẫn xảy ra ở một số nơi, số người nhiễm HIV tiếp tục tăng. Việc khám và chữa bệnh cho người nghèo là vấn đề nổi cộm hiện nay.

Tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại và tệ tham nhũng không giảm. Các tệ nạn xã hội như mại dâm, cờ bạc, nhất là nạn ma tuý, tiếp tục tăng và lan rộng đang là vấn đề

nhức nhối, ảnh hưởng lớn đến trật tự, an toàn xã hội. Tai nạn giao thông xảy ra nghiêm trọng và có xu hướng tăng nhanh. Tội phạm kinh tế, tội phạm hình sự tuy có giảm nhưng chưa cơ bản, vững chắc. Cuộc đấu tranh chống các thói hư, tật xấu, nọc độc văn hóa, hủ tục mê tín dị đoan, thoái hóa đạo đức,... còn mang nhiều tính hình thức, chậm đưa lại hiệu quả thiết thực.

Môi trường đô thị, khu công nghiệp tập trung và một số vùng nông thôn bị ô nhiễm ngày càng nặng. Cơ chế chính sách về môi trường còn thiếu đồng bộ, nhận thức về bảo vệ môi trường của cộng đồng dân cư còn nhiều hạn chế.

Những tồn tại yếu kém và những mặt chưa làm được trong thời gian qua do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chính, chủ yếu là:

Công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ, các bộ ngành ở Trung ương và các cấp chính quyền địa phương còn nhiều bất cập, thiếu ráo riết, thiếu kiểm tra, đôn đốc và chưa có sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ nên hiệu lực và hiệu quả chưa cao. Các giải pháp đề ra thực hiện thường quá chậm làm cho nhiều giải pháp mang tính thời sự, tình thế còn ít ý nghĩa trong thực tế. Công tác quản lý sản xuất kinh doanh ở cấp cơ sở thiếu chủ động, nhạy bén.

Một số nghị quyết của Đảng chưa được các ngành, các cấp nhận thức thống nhất và chấp hành nghiêm chỉnh; chậm trễ trong việc làm rõ và cụ thể hóa một số chủ trương quan trọng như sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước, phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, thu hút vốn đầu tư nước ngoài... Một số cơ chế, chính sách có xu hướng trở lại bao cấp như khoanh nợ, xóa nợ, giảm thuế, miễn thuế, bù lãi suất, bao cấp qua giá và các hình thức bảo hộ quá mức của

Nhà nước đã làm cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thiếu năng động, sáng tạo và có phần ỷ lại.

Cải cách hành chính chậm, thiếu kiên quyết, thực hiện chưa đồng bộ, hiệu quả thấp; ý thức trách nhiệm, kỷ luật và năng lực tổ chức thực hiện ở các ngành, các cấp còn rất yếu, còn mang tính bản vị cục bộ, sợ trách nhiệm, cấp dưới chờ đợi, đùn đẩy lên cấp trên. Tập trung, dân chủ, kỷ luật, kỷ cương trong thi hành nhiệm vụ còn kém, tinh thần sáng tạo, vượt khó chưa cao.

Một bộ phận không nhỏ đội ngũ cán bộ công chức còn nhiều yếu kém, bất cập về trình độ chuyên môn và năng lực điều hành công việc, chưa tương xứng với cương vị và trách nhiệm được giao; một số không ít cán bộ thoái hóa về phẩm chất, chạy theo sự cám dỗ vật chất, sống thực dụng, cửa quyền, hối lộ, sách nhiễu, tham nhũng,... ảnh hưởng rất xấu tới uy tín của Đảng và Nhà nước, nhân dân chê trách, gây cản trở lớn cho sự nghiệp phát triển đất nước.

Ngoài ra, nguyên nhân khách quan từ cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực và thiên tai nặng nề trên nhiều miền của đất nước, cũng gây ra nhiều khó khăn cho nền kinh tế nước ta, làm chậm quá trình phát triển, gây trở ngại cho việc thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

II- MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, NHIỆM VỤ VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2001 - 2005

Bước vào kế hoạch 5 năm đầu tiên của thế kỷ mới, tình hình trong nước và bối cảnh quốc tế có nhiều thuận lợi, cơ hội lớn đan xen với nhiều khó khăn, thách thức lớn.

Thế và lực của nước ta mạnh hơn nhiều so với trước. Chính trị - xã hội tiếp tục ổn định; quan hệ sản xuất được đổi mới phù hợp hơn; thể chế kinh tế thị trường đã bước đầu hình thành và vận hành có hiệu quả. Hệ thống luật pháp, cơ chế chính sách phù hợp đang phát huy trong phát triển kinh tế và đời sống xã hội.

Năng lực sản xuất và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đã tạo ra tiền đề cần thiết cho bước phát triển mới. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch tích cực. Quan hệ kinh tế, ngoại giao của nước ta đã được mở rộng trên trường quốc tế.

Năm 2000, nền kinh tế đã bắt đầu lấy lại được nhịp độ tăng trưởng tương đối khá, tạo đà phát triển trong những năm tiếp theo.

Tuy vậy, trình độ phát triển kinh tế của nước ta còn thấp; chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh còn kém, quy mô sản xuất nhỏ bé, các cân đối nguồn lực còn hạn hẹp; mức thu nhập và tiêu dùng của dân cư thấp, chưa đủ tạo sức bật mới đối với sản xuất và phát triển thị trường. Lĩnh vực xã hội tồn tại nhiều vấn đề bức xúc. Cải cách hành chính tiến hành còn chậm.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học; xu thế toàn cầu hóa; khả năng ổn định và phục hồi của nền kinh tế khu vực và thế giới trong thập kỷ tới có những tác động tích cực, tạo điều kiện cho nước ta mở ra khả năng hợp tác kinh tế, khai thác lợi thế so sánh, tranh thủ nguồn lực bên ngoài để phát huy tốt hơn nội lực, tạo thành sức mạnh tổng hợp phát triển đất nước. Đồng thời cũng có những yếu tố không thuận, tăng sức ép cạnh tranh đối với nền kinh tế nước ta.

Vấn đề đặt ra là phải phát huy cao độ sức mạnh của toàn dân tộc, đặc biệt là trí tuệ và kỹ năng lao động của người Việt Nam, nguồn lực của mọi thành phần kinh tế, khắc phục những khó khăn, yếu kém, tận dụng mọi thuận lợi và thời cơ để phát triển kinh tế, xã hội nhanh và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

1. Mục tiêu tổng quát và nhiệm vụ chủ yếu

Kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 thể hiện các quan điểm phát triển và mục tiêu chiến lược 10 năm tới mà nội dung cơ bản là: *Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao.*

Theo đó, mục tiêu tổng quát của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 là:

Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững; ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Mở rộng kinh tế đối ngoại. Tạo chuyển biến mạnh về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát huy nhân tố con người. Tạo nhiều việc làm; cơ bản xóa đói, giảm số hộ nghèo; đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Tiếp tục tăng cường kết cấu hạ tầng

kinh tế, xã hội; hình thành một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia.

Mục tiêu tổng quát nêu trên được cụ thể hóa thành định hướng phát triển và các nhiệm vụ chủ yếu như sau:

1.1. Phấn đấu đạt nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm cao hơn 5 năm trước và có bước chuẩn bị cho 5 năm tiếp theo.

1.2. Phát triển kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước có vai trò chủ đạo; củng cố kinh tế tập thể; hình thành một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, tăng nhanh hàm lượng công nghệ trong sản phẩm.

1.3. Tăng nhanh vốn đầu tư phát triển kinh tế, xã hội; xây dựng cơ cấu kinh tế có hiệu quả và nâng cao sức cạnh tranh. Hoàn chỉnh một bước cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng. Đầu tư thích đáng cho các vùng kinh tế trọng điểm; hỗ trợ đầu tư nhiều hơn cho các vùng còn nhiều khó khăn.

1.4. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Củng cố thị trường đã có và mở rộng thêm thị trường mới. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để tăng nhanh xuất khẩu, thu hút vốn, công nghệ từ bên ngoài. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả, thực hiện các cam kết song phương và đa phương.

1.5. Tiếp tục đổi mới và lành mạnh hóa hệ thống tài chính - tiền tệ, tăng tiềm lực và khả năng tài chính quốc gia, thực hành triệt để tiết kiệm; tăng tỷ lệ chi ngân sách dành cho

đầu tư phát triển; duy trì ổn định các cân đối vĩ mô; phát triển thị trường vốn đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

1.6. Tiếp tục đổi mới, tạo chuyển biến cơ bản, toàn diện về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực với cơ cấu hợp lý; triển khai thực hiện chương trình phổ cập trung học cơ sở; ứng dụng nhanh các công nghệ tiên tiến, hiện đại; từng bước phát triển kinh tế tri thức.

1.7. Giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc: tạo nhiều việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp ở cả thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn; cải cách cơ bản chế độ tiền lương; cơ bản xóa đói, giảm nhanh hộ nghèo; chăm sóc tốt người có công; an ninh xã hội; chống tệ nạn xã hội. Phát triển mạnh văn hóa, thông tin, y tế và thể dục thể thao; nâng cao mức sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

1.8. Đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính, đổi mới và nâng cao hiệu lực của bộ máy nhà nước. Đẩy lùi tình trạng quan liêu, tham nhũng. Thực hiện tốt dân chủ, nhất là dân chủ ở xã, phường và các đơn vị cơ sở.

1.9. Thực hiện nhiệm vụ củng cố quốc phòng và an ninh; bảo đảm trật tự kỷ cương trong các hoạt động kinh tế, xã hội.

2. Các chỉ tiêu định hướng phát triển kinh tế, xã hội chủ yếu

2.1. Các chỉ tiêu kinh tế

- Đưa GDP năm 2005 gấp 2 lần so với năm 1995. Nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm thời kỳ 5 năm 2001 - 2005 là 7,5%, trong đó nông, lâm, ngư nghiệp tăng 4,3%, công nghiệp và xây dựng tăng 10,8%, dịch vụ tăng 6,2%.

- Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng 4,8%/năm.
- Giá trị sản xuất ngành công nghiệp tăng 13%/năm.
- Giá trị dịch vụ tăng 7,5%/năm.
- Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 16%/năm.

Cơ cấu ngành kinh tế trong GDP đến năm 2005 dự kiến:

- Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp 20 - 21%.
- Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng khoảng 38 - 39%.
- Tỷ trọng các ngành dịch vụ 41 - 42%.

2.2. Các chỉ tiêu xã hội

Tỷ lệ học sinh trung học cơ sở đi học trong độ tuổi đạt 80%, tỷ lệ học sinh phổ thông trung học đi học trong độ tuổi đạt 45% vào năm 2005.

Tiếp tục củng cố và duy trì mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học. Thực hiện chương trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Giảm tỷ lệ sinh bình quân hằng năm 0,5‰; tốc độ tăng dân số vào năm 2005 khoảng 1,2%.

Tạo việc làm, giải quyết thêm việc làm cho khoảng 7,5 triệu lao động, bình quân 1,5 triệu lao động/năm; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 30% vào năm 2005.

Cơ bản xóa hộ đói, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 10% vào năm 2005.

Đáp ứng 40% nhu cầu thuốc chữa bệnh sản xuất trong nước.

Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống còn 22 - 25% vào năm 2005.

Nâng tuổi thọ bình quân vào năm 2005 lên 70 tuổi.

Cung cấp nước sạch cho 60% dân số nông thôn.

III- DỰ BÁO VỀ CÁC CÂN ĐỐI LỚN THỜI KỲ 5 NĂM 2001 - 2005

Những dự báo và tính toán các cân đối lớn trong nền kinh tế dựa vào các yếu tố sau đây:

- Bước đột phá mới về cơ chế, chính sách, nhằm tăng khả năng khai thác các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực trong nước để phát triển như nguồn vốn từ đất đai và từ việc chuyển dịch mục tiêu sử dụng đất (khai hoang, thâm canh tăng vụ, tăng năng suất và giá trị cây trồng, vật nuôi trên mỗi đơn vị diện tích...); từ lao động (cơ cấu lại nguồn lao động, trình độ tay nghề, phân bố lại lao động, dân cư...); từ nguồn đầu tư vật chất, trí tuệ và tinh thần của mọi người dân; từ công suất sản xuất của các ngành đã tạo được; từ khả năng khai thác nguồn tài nguyên và lợi thế của đất nước. Đồng thời tranh thủ tối đa khả năng đóng góp của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, đặc biệt là nguồn lực chất xám và tài chính.

- Khả năng phát triển khoa học và công nghệ cùng với việc đưa nhanh các tiến bộ khoa học và công nghệ vào phát triển các ngành, các lĩnh vực.

- Khả năng hình thành và mở rộng các loại thị trường trong nước, đặc biệt là thị trường vốn; phát triển kinh tế đối ngoại, nhất là việc thu hút nguồn vốn bên ngoài, phát triển thị trường xuất khẩu.

Những dự báo này sẽ được cập nhật, hiệu chỉnh trong xây dựng kế hoạch hằng năm và điều hành thực hiện kế hoạch.

1. Dự báo lao động và việc làm

Theo tính toán ban đầu, số lao động cần giải quyết việc làm trong 5 năm 2001 - 2005 là 15 triệu người, bao gồm lao động mới tăng thêm mỗi năm khoảng 1,2 triệu và số lao động chưa được giải quyết việc làm từ 5 năm trước chuyển sang; trong đó ở nông thôn (tính theo ngày công quy đổi) khoảng 12,5 triệu người, ở thành thị khoảng 2,5 triệu người.

Trong 5 năm tới, dự tính thu hút và tạo việc làm thêm cho khoảng trên 7,5 triệu lao động trong các ngành kinh tế, xã hội, bình quân mỗi năm khoảng trên 1,5 triệu người; trong đó:

Ở khu vực nông thôn, với việc chuyển đổi mạnh cơ cấu sản xuất, mùa vụ, cây trồng, vật nuôi; phát triển đa dạng ngành nghề trong các lĩnh vực công nghiệp, thủ công mỹ nghệ, dịch vụ... dự kiến có thể thu hút và tạo thêm việc làm cho khoảng trên 9 triệu lao động (tính theo ngày công quy đổi), đưa số lao động có việc làm ở nông thôn vào năm 2005 khoảng 28 triệu người.

Ở khu vực thành thị, dự kiến trong 5 năm có thể thu hút và tạo việc làm thêm khoảng 1,78 triệu người trong các ngành sản xuất công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, đưa tổng số lao động có việc làm ở thành thị vào khoảng trên 11 triệu người.

Tính đến năm 2005, tỷ lệ thời gian sử dụng lao động ở nông thôn vào khoảng 80%; tỷ lệ lao động chưa có việc làm ở thành thị chiếm khoảng 5,4% số lao động trong độ tuổi.

2. Về khả năng tích luỹ và tiêu dùng trong nền kinh tế

Tổng GDP được tạo ra trong 5 năm tới vào khoảng 2.650 -

2.660 nghìn tỉ đồng (tính theo giá năm 2000), tương đương 190 tỉ USD; tổng quỹ tiêu dùng dự báo tăng khoảng 5,5%/năm, tỷ lệ tích luỹ nội địa sẽ có khả năng nâng lên 28-30% GDP, trong đó tích luỹ từ khu vực ngân sách khoảng 6% GDP; tích luỹ khu vực dân cư, doanh nghiệp khoảng 22 - 24% GDP. Khả năng huy động đưa vào đầu tư khoảng 80% tổng số tích luỹ nội địa trong năm; đó là chưa tính đến nguồn vốn để dành từ các thời kỳ trước.

3. Về khả năng đưa vào thực hiện các nguồn vốn từ bên ngoài

Toàn bộ nguồn vốn bên ngoài có thể thu hút cho đầu tư phát triển là 18 - 20 tỉ USD, trong đó:

Khả năng thu hút nguồn vốn ODA.

Trong 5 năm tới, khả năng thực hiện nguồn vốn ODA khoảng 10 - 11 tỉ USD, bao gồm cả các dự án có vốn ODA được hợp thức hóa bằng các hiệp định vay vốn nhưng chưa giải ngân và các khoản có thể cam kết mới trong thời gian tới.

Về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Dự kiến vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được thực hiện trong 5 năm tới khoảng 9 - 10 tỉ USD, bao gồm vốn các dự án đã được cấp phép chưa được thực hiện của các năm trước; vốn thực hiện các dự án cấp phép mới và vốn bổ sung các dự án đã thực hiện.

Ngoài ra còn có khả năng thu hút vốn đầu tư nước ngoài khác khoảng 1 - 2 tỉ USD thông qua phát hành trái phiếu, cổ phiếu ra nước ngoài, mở thị trường chứng khoán và tìm thêm các nguồn vay khác để đầu tư trung và dài hạn.

4. Dự báo khả năng cân đối ngân sách nhà nước

Tiếp tục thực hiện một số nguyên tắc cơ bản trong cân đối ngân sách nhà nước:

Tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước bình quân hằng năm là 20 - 21% GDP, trong đó thuế và phí khoảng 18 - 19% GDP. Bội chi ngân sách và chỉ số lạm phát được khống chế ở mức độ hợp lý.

Trên cơ sở đó, dự báo cân đối ngân sách 5 năm (2001 - 2005) như sau:

Với dự kiến tổng sản phẩm trong nước 5 năm tới tăng 7,5%/năm, và theo các tỷ lệ huy động như trên, thì dự kiến tổng thu ngân sách nhà nước 5 năm khoảng 620 nghìn tỉ đồng, trong đó thu từ thuế và phí khoảng 560 nghìn tỉ đồng.

Tổng chi ngân sách 5 năm dự kiến là 720 - 750 nghìn tỉ đồng, trong đó dự kiến chi đầu tư phát triển chiếm 25 - 26%; chi thường xuyên chiếm 57 - 58%; chi trả nợ trong, ngoài nước chiếm 17 - 18% tổng chi ngân sách.

5. Dự báo khả năng thanh toán quốc tế

Trên cơ sở các tính toán ban đầu về khả năng xuất khẩu, nhập khẩu, các dịch vụ thu chi ngoại tệ, kiều hối; thu nhập từ đầu tư, đầu tư trực tiếp nước ngoài, khả năng thu hút nguồn vốn ODA; đồng thời dự kiến mức trả nợ theo tiến độ các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn thì cán cân thanh toán quốc tế trong 5 năm tới được cải thiện nhiều hơn so với 5 năm trước.

6. Dự báo vốn đầu tư phát triển

6.1. Theo tính toán và dự báo ban đầu, khả năng huy

động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển trong 5 năm tới vào khoảng 830 - 850 nghìn tỉ đồng (theo giá năm 2000), tương đương 59 - 61 tỉ USD, tăng khoảng 11 - 12%/năm, trong đó nguồn vốn trong nước chiếm khoảng 2/3. Tỷ lệ đầu tư so với GDP chiếm khoảng 31 - 32%, bảo đảm tốc độ tăng trưởng kinh tế 7,5%/năm và có công trình gối đầu cho kế hoạch 5 năm tiếp theo.

Trong tổng vốn đầu tư xã hội, đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước chiếm 20 - 21%; đầu tư bằng tín dụng nhà nước chiếm 17 - 18%; khu vực doanh nghiệp nhà nước đầu tư chiếm 19 - 20%; khu vực dân cư, doanh nghiệp tư nhân đầu tư trực tiếp 24 - 25%; đầu tư trực tiếp nước ngoài theo dự báo và tính toán ban đầu, dự kiến đưa vào thực hiện chiếm 16 - 17%.

6.2. Tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội nêu trên sẽ được *định hướng đầu tư* vào một số ngành và lĩnh vực chủ yếu như sau:

- Tiếp tục tập trung đầu tư cho nông nghiệp, nâng tỷ lệ đầu tư lên đạt khoảng 13% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

- Đầu tư vào các ngành công nghiệp, nhất là các ngành mũi nhọn, để tăng năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh một số sản phẩm hàng hóa, dự kiến tỷ trọng chiếm khoảng 44% đầu tư toàn xã hội.

- Đầu tư cho lĩnh vực giao thông vận tải, bưu điện khoảng 15% vốn đầu tư toàn xã hội.

- Đầu tư vào các ngành khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa xã hội khoảng 8% vốn đầu tư toàn xã hội.

- Đầu tư cho các ngành khác như công cộng, cấp và thoát nước, quản lý nhà nước, thương mại, du lịch, xây dựng... khoảng 20%.

6.3. Vốn đầu tư từ ngân sách và tín dụng mà Nhà nước có thể trực tiếp và chủ động bố trí theo cơ cấu chiếm bình quân hằng năm vào khoảng 35 - 39% tổng vốn (khoảng trên 10% GDP).

Vốn ngân sách nhà nước sẽ dành khoảng 65 - 70% trong tổng nguồn để tập trung đầu tư cho một số lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế và khoảng 30 - 35% kết cấu hạ tầng xã hội.

Việc đầu tư để tạo ra năng lực sản xuất mới và nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm sẽ huy động từ nguồn vốn vay dưới nhiều hình thức, nguồn vốn tự tích luỹ của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước. Điều đó đòi hỏi cần đổi mới mạnh mẽ các chính sách, cơ chế huy động các nguồn vốn, khuyến khích tích luỹ cao trong nước cho đầu tư và thu hút nguồn vốn bên ngoài.

7. Dự báo quan hệ cung - cầu một số vật tư hàng hóa chủ yếu

7.1. Quan hệ cung - cầu về lương thực

Tổng sản lượng lương thực có hạt 5 năm dự kiến 165 - 170 triệu tấn, tăng bình quân hằng năm trên 2%.

Lương thực hàng hóa trong 5 năm chiếm 43% tổng sản lượng, bình quân mỗi năm có khoảng 14 triệu tấn.

Lượng lương thực hàng hóa được đưa vào tiêu dùng ở thị trường thành thị và các khu vực công nghiệp tập trung trong 5 năm bằng khoảng 38 - 42% sản lượng lương thực hàng hóa; dự kiến xuất khẩu khoảng 42 - 45% sản lượng lương thực hàng hóa; tăng thêm dự trữ quốc gia hợp lý để bảo đảm an toàn lương thực quốc gia.

7.2. Quan hệ cung - cầu về điện năng

Nhu cầu điện thương phẩm đến năm 2005 dự báo khoảng trên 37 tỉ kWh, tăng 11%/năm, trong đó ngành công nghiệp chiếm 45%, tăng 13,2%/năm; ngành nông nghiệp chiếm 2,5%, tăng 5%/năm; các ngành dịch vụ chiếm 8%, tăng 14%/năm; điện cho sinh hoạt chiếm 45%, tăng 10,5%/năm.

Dự báo đến năm 2005, tổng công suất nguồn có khoảng 11.400 MW, đáp ứng nhu cầu phụ tải khoảng 8.000 MW, bảo đảm sản lượng điện phát ra năm 2005 khoảng 44 tỉ kWh, tăng bình quân 12%/năm; điện thương phẩm khoảng 37,0 tỉ kWh.

Như vậy, theo dự báo ban đầu thì mức độ an toàn và cân đối năng lượng trong 5 năm tới có thể bảo đảm được.

7.3. Quan hệ cung - cầu về xăng dầu

Nhu cầu tiêu dùng xăng dầu các loại trong 5 năm khoảng 55 triệu tấn, tăng bình quân hằng năm khoảng 10%/năm.

Sản lượng xăng dầu thành phẩm sản xuất trong nước do Nhà máy lọc dầu số 1 bắt đầu hoạt động từ năm 2004 đến năm 2005 khoảng 7,5 triệu tấn. Cần bố trí kế hoạch nhập khẩu trong 5 năm khoảng 47,5 triệu tấn.

7.4. Quan hệ cung - cầu về thép

Dự báo nhu cầu thép thành phẩm 5 năm khoảng 15 - 16 triệu tấn, tăng bình quân hằng năm 10%. Sản lượng thép cán sản xuất trong nước trong 5 năm tới có khả năng đạt trên 10 triệu tấn. Lượng thép cần nhập khẩu trong 5 năm khoảng 5,7 triệu tấn, bình quân mỗi năm nhập khẩu trên 1,1 triệu tấn các loại thép mà trong nước chưa sản xuất được.

7.5. Quan hệ cung - cầu về xi măng

Dự báo nhu cầu xi măng 5 năm khoảng 80 - 85 triệu tấn, tăng 55 - 60% so với thời kỳ 1996 - 2000. Bình quân mỗi năm

nhu cầu tiêu dùng khoảng 16 - 17 triệu tấn. Sản lượng xi măng sản xuất trong nước 5 năm tới có khả năng trên 85 triệu tấn. Như vậy lượng xi măng sản xuất trong nước có thể đáp ứng được nhu cầu.

7.6. Quan hệ cung - cầu về phân bón

Dự báo nhu cầu phân bón các loại bình quân hằng năm khoảng 7 triệu tấn, trong đó phân urê trên 2,4 triệu tấn, phân lân các loại khoảng 1,4 triệu tấn, phân NPK khoảng 2 triệu tấn... Dự kiến trong 5 năm tới, sản xuất đủ đáp ứng nhu cầu về phân lân các loại, phân NPK, các loại phân vi sinh và một phần phân urê. Cần nhập khẩu trong 5 năm tới trên 9 triệu tấn phân urê, khoảng 2,5 triệu tấn DAP và một số loại phân vi lượng khác.

IV- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ VÙNG

Căn cứ vào định hướng phát triển của chiến lược, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và vùng trong kế hoạch 5 năm tới là:

1. Định hướng phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn

Chuyển đổi nhanh chóng cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn; xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh phù hợp với tiềm năng và lợi thế về khí hậu, đất đai và lao động của từng vùng, từng địa phương. Ứng dụng nhanh khoa học và công nghệ vào sản xuất, nhất là ứng dụng công nghệ sinh học; gắn nông nghiệp với

công nghiệp chế biến; gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ; hình thành sự liên kết nông - công nghiệp - dịch vụ ngay trên địa bàn nông thôn.

Tích cực khai hoang mở rộng diện tích canh tác ở những nơi còn đất hoang hóa chưa được sử dụng, phân bố lại lao động dân cư; giảm nhẹ tác động của thiên tai đối với sản xuất.

Phát triển mạnh ngành, nghề và kết cấu hạ tầng ở nông thôn, tạo thêm việc làm mới để chuyển lao động nông nghiệp sang làm ngành, nghề phi nông nghiệp, nâng cao đời sống của dân cư nông thôn. Phấn đấu đến năm 2005 thu nhập bình quân của nông dân gấp 1,7 lần so với hiện nay; không còn hộ đói, giảm đáng kể tỷ lệ hộ nghèo.

Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất lương thực theo hướng thâm canh, tăng năng suất và tăng nhanh lúa đặc sản, chất lượng cao. Sản lượng lương thực có hạt năm 2005 dự kiến 37 triệu tấn, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.

Tập trung phát triển các cây công nghiệp chủ lực có khả năng cạnh tranh như cao su, cà phê, chè, điều,... Ngoài ra cần đặc biệt chú trọng phát triển các loại rau quả và các sản phẩm đặc trưng khác.

Phát triển chăn nuôi, dự kiến năm 2005, sản lượng thịt hơi các loại khoảng 2,5 triệu tấn. Hướng chính là tổ chức lại sản xuất, khuyến khích phát triển hộ hoặc nông trại chăn nuôi quy mô lớn; đầu tư cải tạo đàn giống, tăng cường công tác thú y; chế biến thức ăn chăn nuôi; phát triển đàn bò thịt, sữa và các cơ sở chế biến thịt, sữa; tìm kiếm thị trường xuất khẩu.

Bảo vệ và phát triển rừng, tiếp tục thực hiện dự án 5 triệu hécta rừng. Tăng nhanh diện tích trồng rừng mới,

kết hợp với khoanh nuôi, bảo vệ tái sinh rừng. Trồng mới 1,3 triệu hécta rừng tập trung, nâng độ che phủ rừng lên khoảng 38 - 39% vào năm 2005; hoàn thành cơ bản công tác định canh định cư và ổn định đời sống nhân dân vùng núi.

Phát triển khai thác hải sản xa bờ và điều chỉnh nghề cá ven bờ hợp lý. Đầu tư phát triển mạnh ngành nuôi, trồng thủy sản, xây dựng vùng nuôi, trồng tập trung, gắn với phát triển công nghiệp chế biến chất lượng cao; đẩy mạnh nuôi tôm xuất khẩu theo phương thức tiến bộ, bảo vệ môi trường. Xây dựng đồng bộ công nghiệp khai thác cả về đội tàu, cảng, bến cá, đóng và sửa tàu thuyền, dệt lưới, dịch vụ hậu cần, an toàn trên biển. Phấn đấu đạt sản lượng thủy sản năm 2005 vào khoảng 2,4 triệu tấn, giá trị xuất khẩu thủy sản khoảng 2,5 tỉ USD.

Phát triển mạng lưới thủy lợi, bảo đảm cải tạo đất, thâm canh, tăng vụ và khai thác các vùng đất mới. Hoàn thành xây dựng các công trình thủy lợi kết hợp với phòng tránh lũ ở miền Trung như hệ thống thủy lợi sông Chu; hệ thống thủy lợi Bang (Quảng Bình); thủy điện, thủy lợi Rào Quán (Quảng Trị); hồ Tả Trạch (Thừa Thiên Huế); hồ Định Bình (Bình Định). Khởi công xây dựng thủy điện sông Ba Hạ kết hợp với phòng chống lũ đồng bằng Tuy Hòa (Phú Yên). Xây dựng và củng cố hệ thống đê biển và các công trình ngăn mặn, thủy lợi cho nuôi, trồng thủy sản ở đồng bằng sông Cửu Long. Kiên cố hóa các tuyến đê xung yếu; tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương. Phấn đấu đến năm 2005, đưa năng lực tưới lên 6,5 triệu hécta gieo trồng lúa và 1,5 triệu hécta rau màu, cây công nghiệp (tăng 60 vạn hécta).

Phát triển nhanh cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn, tiếp tục đầu tư xây dựng đường giao thông đến hơn 500 xã hiện chưa có đường ôtô đến trung tâm, mở rộng mạng lưới cung cấp điện, thực hiện tốt chương trình quốc gia về nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn, đến năm 2005 có 60% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

Mở mang các làng nghề, phát triển các điểm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, đưa công nghiệp sơ chế và chế biến về nông thôn và vùng nguyên liệu; phát triển lĩnh vực dịch vụ cung ứng vật tư kỹ thuật, trao đổi nông sản hàng hóa ở nông thôn,... tăng nhanh việc làm cho khu vực phi nông nghiệp. Tiếp tục chương trình xóa đói, giảm nghèo, chú trọng phát triển các đô thị nhỏ, các điểm bưu điện, văn hóa ở làng, xã, các trung tâm văn hóa cụm xã. Đảm bảo an toàn xã hội, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở nông thôn.

Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân 4,8%/năm. Đến năm 2005, ngành nông nghiệp chiếm khoảng 75 - 76% giá trị sản xuất toàn ngành; lâm nghiệp khoảng 5 - 6%; thủy sản khoảng 19 - 20%.

2. Định hướng phát triển công nghiệp

Phát triển với nhịp độ cao, có hiệu quả, coi trọng đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị công nghệ tiên tiến và tiến tới hiện đại hóa từng phần các ngành sản xuất công nghiệp.

Phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, chú trọng công nghiệp chế biến và công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu; các ngành công nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Xây dựng có lựa chọn, có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường, và hiệu quả một số cơ sở công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất: dầu khí, luyện kim (thép, alumin, nhôm, kim loại quý hiếm...), cơ khí, điện tử, hóa chất cơ bản...

Phát triển mạnh công nghiệp công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin, viễn thông, điện tử. Phát triển một số cơ sở công nghiệp quốc phòng cần thiết.

Kết hợp hài hòa giữa phát triển công nghiệp đáp ứng yêu cầu trong nước và xuất khẩu; có những biện pháp bảo hộ hợp lý, bảo đảm công nghiệp phát triển với khả năng cạnh tranh cao, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp với nhiều quy mô, nhiều trình độ; chú trọng các doanh nghiệp vừa và nhỏ, phù hợp định hướng chung và lợi thế của từng vùng, từng địa phương; trước hết, tập trung cho công nghiệp chế biến, công nghiệp sử dụng nhiều lao động và công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, phát triển mạnh mẽ tiểu thủ công nghiệp.

Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 13%/năm.

Định hướng phát triển một số ngành công nghiệp:

Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, phát triển mạnh theo hướng đầu tư công nghệ hiện đại, sản xuất ra các sản phẩm đủ khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và nước ngoài; chú trọng các mặt hàng như chế biến thủy sản, chế biến lương thực, thịt, sữa, đường mật, nước giải khát, dầu thực vật...

Phấn đấu đến năm 2005 đạt 8 - 10 lít sữa/người/năm và đưa kim ngạch xuất khẩu sản phẩm sữa gấp 2 lần so với năm 2000, nâng tỷ lệ sử dụng nguyên liệu trong nước lên 20%.

Tiếp tục quy hoạch phát triển đồng bộ ngành mía đường cả về vùng nguyên liệu và cơ sở chế biến; dự kiến sản lượng đường mật các loại bình quân đầu người vào năm 2005 khoảng 14,4kg. Chú trọng đầu tư sản xuất dầu thực vật, phát triển các cơ sở chế biến rau, quả gắn với phát triển vùng nguyên liệu.

Ngành giấy, đầu tư mở rộng các cơ sở sản xuất giấy hiện có, nghiên cứu xây dựng thêm một số cơ sở sản xuất bột giấy và giấy để có thể tăng công suất thêm 20 vạn tấn, trong đó có nhà máy bột giấy ở Kon Tum công suất 13 vạn tấn/năm, đưa tổng năng lực sản xuất lên 60 vạn tấn và đạt sản lượng 50 vạn tấn vào năm 2005.

Ngành dệt may và da giày, chú trọng tìm kiếm và mở thêm thị trường trong nước và nước ngoài. Tăng cường đầu tư, hiện đại hóa một số khâu sản xuất, tập trung đầu tư sản xuất sợi, dệt, thuộc da; chú trọng phát triển nguồn bông và khai thác nguồn da các loại, tăng phần sản xuất trong nước về các nguyên liệu và phụ liệu trong ngành dệt may và da giày để nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm xuất khẩu. Đến năm 2005, đạt sản lượng 2,5 - 3 vạn tấn bông xơ, 750 triệu mét vải, nâng sản lượng giày dép lên trên 410 triệu đôi.

Ngành công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin, viễn thông, thực hiện đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, hiện đại hóa những cơ sở sản xuất điện tử đã có, xây dựng một số cơ sở mới để đáp ứng nhu cầu trong nước, giảm dần nhập khẩu và tăng dần xuất khẩu; tăng nhanh tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao. Tập trung đầu tư và có chính sách để phát triển mạnh công nghiệp phần mềm phục vụ nhu cầu trong nước và tham gia xuất khẩu, đưa giá

trị sản phẩm phần mềm đạt trên 500 triệu USD vào năm 2005, trong đó xuất khẩu khoảng 200 triệu USD.

Ngành cơ khí, tập trung đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, thiết bị, hiện đại hóa một số khâu then chốt trong chế tạo, chú trọng phát triển công nghiệp đóng tàu và sửa chữa tàu, đặc biệt là các loại tàu có trọng tải lớn. Tăng khả năng chế tạo các dây chuyền thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ cho công nghiệp chế biến; nông cụ và máy nông nghiệp; các loại thiết bị cho các cơ sở công nghiệp vừa và nhỏ; phương tiện vận tải, máy công cụ, máy xây dựng, cơ khí tiêu dùng. Phát triển một số lĩnh vực hiện đại như cơ điện tử; từng bước đưa ngành cơ khí thành ngành công nghiệp mạnh, đáp ứng khoảng 25% nhu cầu chế tạo thiết bị cho nền kinh tế và nội địa hóa khoảng 70 - 80% các loại phụ tùng xe máy và 30% phụ tùng lắp ráp ôtô.

Ngành dầu khí, tiếp tục tìm nguồn vốn hợp tác thăm dò, tìm kiếm khai thác để tăng thêm khả năng khai thác dầu khí. Sản lượng khai thác dầu năm 2005 đạt 27 - 28 triệu tấn quy đổi. Đẩy mạnh công tác phát triển mỏ và xây dựng đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn để đưa vào vận hành năm 2002; Nhà máy lọc dầu số 1 đưa vào vận hành năm 2004 nhằm đạt sản lượng 6 triệu tấn xăng, dầu và các sản phẩm dầu vào năm 2005. Ngoài ra, sẽ tiến hành một số công tác chuẩn bị cho việc xây dựng Nhà máy lọc dầu số 2, đường ống dẫn khí và cơ sở chế biến, sử dụng khí ở khu vực Tây Nam, ở đồng bằng sông Hồng. Tận dụng khả năng để đầu tư ra nước ngoài nhằm phát triển lâu dài ngành dầu khí nước ta.

Ngành điện, sản lượng điện phát ra năm 2005 khoảng 44 tỉ kWh, tăng bình quân 12%/năm, đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp, nông nghiệp, phát triển các ngành dịch vụ và phục vụ dân sinh.

Trong 5 năm tới, công suất nguồn điện tăng thêm khoảng 5.200 MW, đến năm 2005 tổng công suất nguồn điện khoảng 11.400 MW, trong đó thủy điện chiếm 40%, nhiệt điện khí trên 44%, nhiệt điện than trên 15%,... Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống tải điện. Tích cực chuẩn bị cho công trình Thủy điện Sơn La, phấn đấu tạo đủ điều kiện để khởi công xây dựng trong kế hoạch 5 năm này.

Ngành than, mở rộng thị trường tiêu thụ than trong và ngoài nước để tăng nhu cầu sử dụng than, bố trí sản xuất than hợp lý giữa cung và cầu. Thực hiện chủ trương đầu tư có trọng điểm, đổi mới công nghệ, nâng cao tính an toàn trong sản xuất và cải thiện điều kiện làm việc của công nhân ngành than. Dự kiến sản lượng than năm 2005 khoảng 15 - 16 triệu tấn.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng *các nhà máy xi măng* để đưa vào khai thác trong 5 năm tới; nghiên cứu xây dựng mới một vài nhà máy xi măng để tăng thêm 8 - 9 triệu tấn công suất. Đến năm 2005 dự kiến tổng công suất đạt trên 24,5 triệu tấn. Phát triển các ngành sản xuất vật liệu xây dựng khác như tấm lợp, gạch, ngói, khai thác và chế biến đá granit, sản xuất các thiết bị trang trí nội thất... để phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Ngành hóa chất phân bón, nghiên cứu các điều kiện để sớm khởi công xây dựng nhà máy sản xuất DAP công suất 33 vạn tấn phân diamon phốt phát; tăng năng lực khai thác và

tuyển quặng apatít lên 76 vạn tấn/năm, đưa tổng năng lực sản xuất phân lân các loại đến năm 2005 khoảng 2,2 triệu tấn. Triển khai xây dựng nhà máy sản xuất phân đạm từ khí để có thể huy động một phần công suất vào năm 2004. Tích cực thực hiện các công tác chuẩn bị để sớm khởi công xây dựng nhà máy sản xuất đạm đi từ khí hóa than, gối đầu công suất cho 5 năm sau. Dự kiến sản lượng phân urê năm 2005 vào khoảng 80 - 90 vạn tấn.

Nâng cao năng lực sản xuất một số hóa chất cơ bản như xút, sôđa; đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm cao su, trong đó sản lượng lốp ôtô, máy kéo đạt 1,2 triệu bộ/năm.

Ngành thép, tiếp tục triển khai đầu tư chiều sâu các cơ sở luyện và cán thép hiện có. Đầu tư xây dựng mới 1 - 2 cơ sở sản xuất phôi thép, nâng năng lực sản xuất phôi từ 40 vạn tấn năm 2000 lên 1 - 1,4 triệu tấn năm 2005. Xây dựng nhà máy cán thép nguội và nhà máy cán thép nóng để sản xuất thép tấm, thép lá. Nghiên cứu và chuẩn bị xây dựng cơ sở luyện thép liên hợp từ quặng trong nước và nhập khẩu. Sản lượng thép cán các loại năm 2005 vào khoảng 2,7 triệu tấn.

Khai thác và chế biến các loại khoáng sản, phát triển công nghiệp khai thác bôxít, luyện alumin và chế biến nhôm theo 1 trong 2 phương án: sản xuất 300 nghìn tấn/năm alumin để điện phân 75 nghìn tấn nhôm sử dụng trong nước; sản xuất 1 triệu tấn alumin cho xuất khẩu, giai đoạn sau nâng lên 3 triệu tấn. Đầu tư khai thác và tuyển quặng đồng, khai thác imenhít, đá quý, vàng, đất hiếm; xây dựng nhà máy luyện kẽm Thái Nguyên, luyện đồng ở Lào Cai.

3. Định hướng phát triển các ngành dịch vụ

Đa dạng hóa các ngành dịch vụ, mở rộng thị trường tiêu dùng các sản phẩm dịch vụ, đáp ứng tốt nhu cầu phát triển kinh tế và đời sống xã hội.

Phát triển thương mại, cả nội thương và ngoại thương, bảo đảm hàng hóa lưu thông thông suốt trong thị trường nội địa và giao lưu buôn bán với nước ngoài. Chú trọng công tác tiếp thị và mở rộng thị trường nông thôn, thị trường miền núi; tạo liên kết chặt chẽ giữa các vùng trong nước. Củng cố thương mại nhà nước; tăng cường vai trò điều tiết của Nhà nước. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ trên thị trường tăng khoảng 11 - 14%/năm.

Nâng cao chất lượng, quy mô và hiệu quả hoạt động du lịch. Liên kết chặt chẽ các ngành liên quan đến hoạt động du lịch để đầu tư phát triển một số khu du lịch tổng hợp và trọng điểm; đưa ngành du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn. Phát triển và đa dạng hóa các loại hình và các điểm du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, lịch sử, thể thao hấp dẫn du khách trong và ngoài nước. Xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất và đẩy mạnh hợp tác liên kết với các nước trong hoạt động du lịch.

Nâng cao chất lượng, tăng khối lượng và độ an toàn vận tải hành khách, hàng hóa trên tất cả các loại hình vận tải; có các biện pháp tích cực để giải quyết tốt vận tải hành khách công cộng ở các thành phố lớn Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, phấn đấu để giảm thiểu tai nạn giao thông... Nâng tỷ lệ thị phần vận tải quốc tế bằng hàng không, đường biển... Khối lượng luân chuyển hàng hóa tăng 9 - 10%/năm. Luân chuyển hành khách tăng 5 - 6%/năm. Nâng cao chất

lượng dịch vụ bưu chính - viễn thông. Năm 2005 mật độ điện thoại đạt 7 - 8 máy/100 dân. Phổ cập dịch vụ điện thoại đến 100% số xã trong toàn quốc.

Phát triển nhanh các loại hình dịch vụ tài chính, ngân hàng, kiểm toán, tư vấn pháp luật, dịch vụ trí tuệ, tin học, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục thể thao...

Nhịp độ tăng trưởng bình quân giá trị gia tăng các ngành dịch vụ trên 7,5%/năm.

4. Định hướng phát triển kinh tế đối ngoại

Về xuất khẩu, nhập khẩu.

Tăng nhanh tổng kim ngạch xuất khẩu, bảo đảm nhập khẩu những vật tư, thiết bị chủ yếu, có tác động tích cực đến sản xuất kinh doanh. Tạo thị trường ổn định cho một số loại mặt hàng nông sản thực phẩm và hàng công nghiệp có khả năng cạnh tranh; tìm kiếm các thị trường cho mặt hàng xuất khẩu mới. Nâng cao chất lượng các mặt hàng xuất khẩu, tăng thêm thị phần ở các thị trường truyền thống, tiếp cận và mở mạnh các thị trường mới.

Tiếp tục đầu tư, nâng cao chất lượng để tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng chủ lực như dầu thô, gạo, cà phê, cao su, hàng thủy sản, dệt may, da giày, hàng thủ công mỹ nghệ, điện tử và linh kiện điện tử, phần mềm máy tính,... Đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm khoảng 114 tỉ USD, tăng 16%/năm. Nhóm hàng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chiếm 70% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng bình quân hằng năm là 15,9%; trong đó, nhóm hàng công nghiệp

tiêu dùng và tiểu thủ công nghiệp chiếm 43% *kim ngạch xuất khẩu công nghiệp*, tăng bình quân hằng năm 22%. Nhóm hàng nông, lâm, thủy sản chiếm 30% *tổng kim ngạch xuất khẩu*, tăng bình quân hằng năm 16,2%.

Tổng kim ngạch nhập khẩu 5 năm khoảng *118 tỉ USD, tăng bình quân hằng năm 15%*, trong đó nhóm hàng máy móc, thiết bị và phụ tùng chiếm 32,6% *tổng kim ngạch nhập khẩu*, tăng bình quân hằng năm 17,2%; nhóm hàng nguyên nhiên vật liệu chiếm 63,5%, tăng bình quân hằng năm 13,9%; nhóm hàng tiêu dùng chiếm khoảng 3,9%, bằng 5 năm trước.

Về thu hút nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài.

Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Khuyến khích đầu tư nước ngoài vào các ngành công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, công nghiệp chế biến, các ngành công nghệ cao, vật liệu mới, điện tử, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và các ngành Việt Nam có lợi thế, gắn với công nghiệp hiện đại và tạo việc làm.

Tập trung thu hút vốn FDI vào các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; tiếp tục nghiên cứu đề án xây dựng khu kinh tế mở để đưa vào kế hoạch 5 năm. Thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA). Định hướng trong 5 năm tới dành khoảng 15% vốn ODA vào các ngành nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp, thủy sản, kết hợp mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn, xóa đói giảm nghèo; khoảng 25% cho ngành năng lượng và công nghiệp; khoảng 25% cho các ngành giao thông, bưu điện, cấp, thoát nước và đô thị. Coi trọng sử dụng vốn ODA trong các lĩnh vực phát triển nguồn

nhân lực, xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường.

Ngoài ra cần tăng cường đầu tư ra nước ngoài; phát triển các dịch vụ thu ngoại tệ; du lịch và các dịch vụ khác.

5. Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng

Tập trung nâng cấp và hoàn thiện bước cơ bản các trục đường giao thông trên các tuyến Bắc - Nam (kể cả đường hầm qua đèo Hải Vân), các tuyến từ Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh đi các khu công nghiệp, các vùng kinh tế quan trọng; nâng cấp quốc lộ 1A, mở thêm tuyến trục song song để giải toả ách tắc giao thông, củng cố các tuyến liên tỉnh thuộc đồng bằng Nam Bộ; nâng cấp các tuyến lên Tây Nguyên, miền núi. Thông tuyến giai đoạn I đường Hồ Chí Minh. Xây dựng các cầu lớn: cầu Thanh Trì, cầu Cần Thơ, cầu Bính, cầu Bãi Cháy. Tiếp tục nâng cấp tuyến đường sắt Thống Nhất, tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Lạng Sơn, bảo đảm an toàn chạy tàu. Hoàn thành cải tạo, nâng cấp, mở rộng hoặc xây dựng mới theo quy hoạch các cảng Cái Lân, Hải Phòng, Nghi Sơn, Cửa Lò, Tiên Sa, Dung Quất, Liên Chiểu, Chân Mây, Quy Nhơn, Nha Trang, Thị Vải, Cần Thơ. Nâng cấp một số tuyến đường sông và hệ thống các cảng sông chính. Hoàn thiện sân bay quốc tế Nội Bài, xây dựng nhà ga sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, nâng cấp các nhà ga tuyến nội địa.

Tiếp tục thực hiện chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, bảo đảm 60% dân số nông thôn được cung cấp nước sạch. Hoàn thành các dự án cải tạo nâng cấp hạ tầng đô thị ở Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, các thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng... như các dự án cấp nước,

thoát nước, xử lý chất thải, nâng cao năng lực giao thông đô thị, cung cấp nguồn nước cho công nghiệp và đô thị gấp 2 lần so với hiện nay. Tiếp tục thực hiện chương trình xây dựng đường giao thông nông thôn.

Phát triển kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin và mạng lưới thông tin liên lạc quốc gia và quốc tế hiện đại, dung lượng lớn, chất lượng cao; đầu tư để nâng dần tỷ lệ nội địa hóa trong việc sản xuất, lắp ráp thiết bị thông tin liên lạc.

6. Định hướng phát triển giáo dục và đào tạo

Tiếp tục quán triệt quan điểm giáo dục là quốc sách hàng đầu và tạo sự chuyển biến cơ bản, toàn diện trong phát triển giáo dục và đào tạo. Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật giáo dục. Định hình quy mô giáo dục và đào tạo, điều chỉnh cơ cấu đào tạo, nhất là cơ cấu cấp học, ngành nghề và cơ cấu theo lãnh thổ phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên các cấp.

Củng cố và duy trì thành quả phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ, đặc biệt ở các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa; thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xây dựng thêm trường học ở các cấp học phổ thông, bảo đảm số học sinh trong lớp ở từng cấp học theo tiêu chuẩn, nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Đưa số học sinh trung học tăng 7%/năm.

Xây dựng hoàn chỉnh, phát triển các trường đại học và cao đẳng theo mạng lưới hợp lý để hình thành một số trường đại học có chất lượng đào tạo ngang tầm với những trường đại học có chất lượng cao trong khu vực.

Số học sinh tuyển mới vào đại học và cao đẳng tăng 5%/năm. Đặc biệt chú trọng đào tạo chất lượng cao một số ngành công nghệ, kinh tế và quản lý nhà nước để đáp ứng nhu cầu nhân lực và nhân tài của đất nước.

Tiếp tục đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy và phương thức đào tạo đội ngũ lao động có chất lượng cao, đặc biệt là trong các ngành kinh tế, kỹ thuật mũi nhọn, công nghệ cao. Gắn việc hình thành các khu công nghiệp, khu công nghệ cao với hệ thống các trường đào tạo nghề. Phát triển nhanh và phân bố hợp lý hệ thống trường dạy nghề trên địa bàn cả nước; mở rộng các hình thức đào tạo nghề đa dạng, linh hoạt, năng động.

Số học sinh công nhân kỹ thuật tăng 11 - 12%/năm.

Đổi mới cơ bản công tác quản lý và tổ chức giáo dục; xây dựng hệ thống giáo dục nhằm tạo điều kiện cho mọi người có thể học tập suốt đời theo hướng thiết thực, hiện đại, gắn chặt với yêu cầu của xã hội. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và luật pháp để bảo đảm sự nghiệp giáo dục phát triển ổn định, chất lượng, hiệu quả đáp ứng nhu cầu về con người và nguồn nhân lực cho đất nước phát triển nhanh và bền vững. Ngăn chặn và đẩy lùi những hiện tượng tiêu cực trong ngành giáo dục, xây dựng một nền giáo dục lành mạnh.

Nhà nước dành tỷ lệ ngân sách thích đáng, kết hợp đẩy mạnh xã hội hóa phát triển giáo dục và đào tạo. Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về phát triển giáo dục và đào tạo. Chủ động dành một lượng kinh phí thích đáng của ngân sách để tăng nhanh số học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh được đào tạo ở một số nước phát triển.

7. Định hướng phát triển khoa học và công nghệ

Trong 5 năm tới cần tạo bước phát triển mới, có hiệu quả trong các lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng các thành quả khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, nâng cao tỷ trọng đóng góp của khoa học và công nghệ vào tăng trưởng trong từng ngành, từng sản phẩm, từng lĩnh vực và từng vùng kinh tế.

Khoa học xã hội và nhân văn tập trung nghiên cứu những luận cứ cho việc tạo động lực phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới sâu rộng, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Khoa học tự nhiên chú trọng nghiên cứu cơ sở khoa học cho sự phát triển các lĩnh vực công nghệ trọng điểm và khai thác các tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, dự báo, phòng tránh, giảm nhẹ hậu quả thiên tai.

Việc đổi mới công nghệ sẽ hướng vào chuyển giao công nghệ, tiếp thu, làm chủ những công nghệ mới; đặc biệt lựa chọn những công nghệ cơ bản, có vai trò quyết định đối với nâng cao trình độ công nghệ của nhiều ngành, tạo ra bước nhảy vọt về chất lượng và hiệu quả phát triển của nền kinh tế.

Trong nông nghiệp tập trung nghiên cứu ứng dụng để có bước đột phá về giống cây, con có năng suất và giá trị cao; nghiên cứu và đưa vào ứng dụng tốt công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản sau thu hoạch, công nghệ chế biến nông sản.

Trong công nghiệp và xây dựng, tập trung nghiên cứu và ứng dụng nhanh các công nghệ hiện đại, hàm lượng trí tuệ cao để tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, coi trọng nghiên cứu phát triển lĩnh vực công nghệ thông tin viễn thông, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới.

Tập trung xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước, tăng năng lực tiếp thu, làm chủ, thích nghi, cải tiến các công nghệ hiện đại nhập từ nước ngoài trong một số lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, kết cấu hạ tầng, rút ngắn thời gian chuyển giao công nghệ, sớm đưa vào ứng dụng trong sản xuất.

Xây dựng các khu công nghệ cao ở Hòa Lạc và ở Thành phố Hồ Chí Minh. Trang bị một số phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia đạt trình độ khu vực và thế giới; đưa nhiều cán bộ khoa học và công nghệ đi đào tạo tại các nước có khoa học và công nghệ tiên tiến.

8. Định hướng phát triển văn hóa

Đẩy mạnh cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; "Xây dựng nếp sống văn minh và gia đình văn hóa"; phong trào "Người tốt, việc tốt". Thực hiện tốt phong trào thi đua yêu nước, động viên toàn dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội, phát huy tài năng, lao động sáng tạo để xây dựng cuộc sống mới ấm no, hạnh phúc, thoát cảnh nghèo nàn, lạc hậu. Nhân rộng những điển hình tốt trên các mặt sản xuất, kinh doanh và các hoạt động xã hội; kiên quyết đấu tranh loại trừ các hiện tượng tiêu cực và các tệ nạn xã hội.

Phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; bảo tồn và tôn tạo các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể làm nền tảng cho sự giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng, giữa các vùng cả nước và giao lưu văn hóa với bên ngoài. Tiếp tục đưa các hoạt động văn hóa thông tin về cơ sở, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc; phát động phong trào toàn dân tham gia thực hiện nếp sống văn minh, gia đình, bản, làng văn hóa; tiến tới hoàn chỉnh hệ thống thiết chế văn hóa bằng nguồn lực nhà nước và mở rộng xã hội hóa, làm cho văn hóa thấm sâu vào từng khu dân cư, từng gia đình, từng người. Phấn đấu 80% gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa; 50% làng xóm, khu phố đạt chuẩn văn hóa quốc gia; 78% xã, phường có nhà văn hóa; bình quân mỗi người dân có 4 bản sách/năm.

Đầu tư thích đáng để đào tạo nhân tài, nghệ sĩ; có chính sách động viên lực lượng văn học - nghệ thuật sáng tác, xây dựng các công trình, các tác phẩm có giá trị về nội dung và nghệ thuật. Xây dựng làng văn hóa các dân tộc Việt Nam thành trung tâm giáo dục văn hóa, nghệ thuật dân tộc.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống phủ sóng phát thanh, truyền hình trên cả nước, bảo đảm trên 90% các hộ gia đình xem được Đài Truyền hình Việt Nam và nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam. Phát triển và hiện đại hóa mạng lưới thông tin đại chúng, mở rộng mạng lưới khai thác internet với sự quản lý của Nhà nước.

Phát triển mạnh các hoạt động thể dục, thể thao cả về quy mô và chất lượng, góp phần nâng cao thể lực và phát huy tinh thần dân tộc của con người Việt Nam; chuẩn bị tốt các điều kiện cho việc đăng cai tổ chức và tham gia SEAGAMES 2003 tại Việt Nam; thực hiện xã hội hóa các hoạt động thể thao mang tính chuyên nghiệp.

9. Định hướng phát triển các lĩnh vực xã hội

Trong 5 năm tới, tập trung tạo *việc làm và ổn định việc làm* cho khoảng 7,5 triệu người, bình quân trên 1,5 triệu người/năm; phấn đấu đến năm 2005 giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống còn khoảng 5,4% và nâng quỹ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn lên 80%.

Phát triển sản xuất, kinh doanh và các loại hình dịch vụ, thực hiện tốt các chương trình kinh tế - xã hội, tăng chất lượng xuất khẩu lao động được xem là những khâu quan trọng trong giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng lao động cho sản xuất công nghiệp, xây dựng từ 16% năm 2000 lên 20 - 21% năm 2005, lao động trong các ngành dịch vụ từ 21% lên 22 - 23%. Giảm lao động nông, lâm, ngư nghiệp cả về số tuyệt đối và tỷ trọng từ 63% xuống còn 56 - 57%. Tăng nhanh lao động kỹ thuật từ 20% năm 2000 lên 30% vào năm 2005.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình xóa đói, giảm nghèo. Quan tâm xây dựng kết cấu hạ tầng cho các vùng nghèo, xã nghèo; đồng thời nâng cấp, cải tạo các tuyến trục giao thông nối vùng nghèo, xã nghèo với các trung tâm của những vùng khác, nhằm tạo thêm điều kiện thuận lợi cho vùng nghèo, vùng khó khăn để phát triển. Đi đôi với việc xây dựng kết cấu hạ tầng, phải rất coi trọng việc tạo nguồn lực cần thiết để dân cư ở các vùng nghèo, xã nghèo đẩy mạnh sản xuất, phát triển ngành nghề, tăng nhanh thu nhập. Phấn đấu đến năm 2005 về cơ bản không còn hộ đói và chỉ còn khoảng 10% số hộ thuộc diện nghèo. Các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, các huyện đồng bằng miền Trung và các tỉnh

Nam Bộ về cơ bản không còn hộ nghèo. Nâng dần mức sống của các hộ đã thoát nghèo, tránh tình trạng tái nghèo.

Giảm mức sinh bình quân hằng năm 0,5‰; tốc độ tăng dân số vào năm 2005 vào khoảng 1,2%; quy mô dân số đến năm 2005 khoảng 83 triệu người, trong đó ở nông thôn khoảng 60 triệu, ở thành thị khoảng 23 triệu; phân bố dân cư hợp lý giữa các vùng; từng bước nâng cao chất lượng dân số, chất lượng cuộc sống của các tầng lớp dân cư, hạn chế việc mở rộng chênh lệch mức sống giữa các tầng lớp dân cư và các nhóm xã hội khác nhau, đưa các yếu tố tích cực của dân số vào các kế hoạch phát triển.

Phát động phong trào *toàn xã hội bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em*. Thực hiện các mục tiêu vì trẻ em, giảm tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi xuống còn 30‰, tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi xuống còn 35‰, mở rộng tiêm chủng trẻ em từ 8 - 10 loại vắcxin, tỷ lệ tử vong của bà mẹ liên quan đến thai sản xuống còn 0,9‰; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi xuống còn 22 - 25% vào năm 2005; không còn trẻ em bị mù chữ ở tuổi 15; 70% trẻ em được phổ cập trung học cơ sở; 50% cơ sở có điểm văn hóa vui chơi cho trẻ em; 80% trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được bảo vệ, chăm sóc.

Phát triển *y tế dự phòng*, cải thiện các chỉ tiêu sức khỏe, nâng thể trạng và tầm vóc của người Việt Nam và tăng tuổi thọ bình quân lên khoảng 70 tuổi vào năm 2005. Phát triển công nghiệp dược phẩm, nâng cao chất lượng sản xuất thuốc chữa bệnh; bảo đảm 40% nhu cầu thuốc chữa bệnh được sản xuất từ trong nước với chất lượng cao.

Hoàn chỉnh quy hoạch, củng cố và nâng cấp mạng lưới y tế cơ sở; có bác sĩ làm việc ở tất cả các trạm y tế xã đồng bằng

và trung du, phần lớn các xã miền núi. Tiếp tục củng cố và phát triển thêm bệnh viện ở một số tuyến, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, giải quyết một bước tình trạng thiếu giường bệnh; bảo đảm sự bình đẳng thụ hưởng các dịch vụ về y tế trong các tầng lớp dân cư. Hiện đại hóa một số bệnh viện đầu ngành, các trung tâm y tế chuyên sâu và một số bệnh viện khu vực.

Từng bước ngăn chặn và giảm tốc độ phát triển bệnh dịch AIDS. Tập trung sức cho việc phòng trừ và giải quyết trọng điểm tệ nạn xã hội.

Chăm lo tốt hơn đối với các gia đình chính sách và những người có công với cách mạng, bảo đảm tất cả các gia đình chính sách đều có cuộc sống bằng hoặc khá hơn mức sống trung bình so với người dân địa phương trên cơ sở kết hợp 3 nguồn lực: Nhà nước, cộng đồng và cá nhân các đối tượng chính sách tự vươn lên.

Chăm sóc, giúp đỡ người già không nơi nương tựa, những người tàn tật và những nạn nhân do hậu quả chiến tranh để lại.

Thực hiện *cải cách cơ bản tiền lương*. Tiền lương phải cơ bản bảo đảm đủ sống cho người lao động và phù hợp với sự phát triển kinh tế. Trên cơ sở cải cách tiền lương, đẩy mạnh việc sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế.

10. Bảo vệ và cải thiện môi trường

Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ và cải thiện môi trường theo hướng phát triển bền vững; tiến tới bảo đảm cho mọi người dân đều được sống trong môi trường có chất lượng tốt về không khí, đất, nước, cảnh quan

và các nhân tố môi trường tự nhiên khác đạt chuẩn mực tối thiểu do Nhà nước quy định. Trước mắt, tập trung giải quyết tình trạng suy thoái môi trường ở các khu công nghiệp, các khu dân cư đông đúc, chật chội ở các thành phố lớn và một số vùng nông thôn. Kiểm soát ô nhiễm và ứng cứu sự cố môi trường do thiên tai lũ lụt gây ra; có kế hoạch cải tạo, khắc phục sự cố ô nhiễm môi trường trên các dòng sông, hồ ao, kênh mương... Thực hiện các dự án về cải tạo, bảo vệ môi trường: xây dựng vườn quốc gia, khu rừng cấm, trồng cây xanh, giữ gìn đa dạng sinh học, bảo tồn các nguồn gen di truyền, xây dựng các công trình làm sạch môi trường.

Đảm bảo sử dụng hợp lý tài nguyên, phục vụ có hiệu quả cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tiết kiệm và tiết chế sử dụng tài nguyên không tái tạo được. Tăng cường kiểm tra và giám sát môi trường trong từng dự án đầu tư và từng quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, các vùng lãnh thổ. Áp dụng các công nghệ và quy trình sản xuất ít chất thải, ít gây ô nhiễm môi trường.

11. Định hướng phát triển các vùng lãnh thổ

11.1. Trung du và miền núi Bắc Bộ (Tây Bắc và Đông Bắc)

Phát huy thế mạnh về đất và rừng, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tăng diện tích cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc gắn với công nghiệp chế biến. Phát triển mạnh kinh tế trang trại. Đối với những vùng có khả năng trồng cây lương thực thì đầu tư thủy lợi nhỏ, đưa các loại giống mới phù hợp với điều kiện sinh thái trong vùng để phát triển sản xuất lương thực tại chỗ, không phá rừng làm nương rẫy sản xuất lương thực.

Tái tạo vốn rừng kết hợp với phát triển các vùng rừng nguyên liệu công nghiệp, gỗ trụ mỏ. Trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc, đặc biệt trồng rừng phòng hộ khu vực đầu nguồn sông Đà gắn với việc bảo vệ cảnh quan. Phát triển các vùng cây công nghiệp tập trung, tạo ra khối lượng hàng hóa lớn như chè, cây ăn quả, phát triển các vùng cây đặc sản, gỗ trụ mỏ,... Thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo, định canh, định cư kết hợp với phủ xanh đất trống đồi núi trọc. Chấm dứt tình trạng phá rừng làm nương rẫy trồng lương thực và các cây khác.

Phát triển công nghiệp chế biến lâm sản; công nghiệp vật liệu xây dựng; khai thác và chế biến khoáng sản; xây dựng thủy điện quy mô lớn cung cấp cho cả nước, đồng thời phát triển thủy điện nhỏ đáp ứng nhu cầu ở những vùng sâu, vùng xa...; công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và tiểu thủ công nghiệp ở các đô thị và nông thôn; công nghiệp luyện kim; chế tạo cơ khí; phân bón; hóa chất... Xúc tiến nghiên cứu và xây dựng Thủy điện Sơn La. Cải tạo và mở rộng các khu vực tập trung công nghiệp hiện có, đồng thời hình thành tuyến hành lang công nghiệp theo đường 18 gắn với vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Tập trung đầu tư nâng cấp các quốc lộ 6, 2, 3, 1, 70, 37, 4D, 279, 32, 42. Khôi phục và nâng cấp các đường vành đai quốc lộ 4, N1, N2 để tạo ra mạng lưới đường hoàn chỉnh cho cả vùng. Cải tạo đường thuỷ, nâng cấp các cảng sông chuyên dùng như Vạn Yên, Tà Hộc, Sơn La. Phát triển tuyến hành lang biên giới trên cơ sở phát triển các đô thị gắn với kinh tế cửa khẩu, nâng cấp các đường giao thông tới vùng biên quan trọng. Từng bước xây dựng các vùng biên giới đủ mạnh để giữ vững biên cương, bảo đảm quốc phòng và an ninh.

Phát triển nhanh các loại hình dịch vụ, trước hết là thương mại, phát triển mạng bưu chính - viễn thông an toàn, thông suốt, cấp điện, cấp nước, xây dựng các trung tâm cụm xã, các đô thị trung tâm gắn với các khu công nghiệp, nâng cấp các cửa khẩu biên giới.

Phát triển mạnh du lịch, chú trọng du lịch sinh thái, cảnh quan thiên nhiên như hồ Ba Bể, hồ Thác Bà, hồ Núi Cốc, Sa Pa...; tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa trong vùng gắn với phát triển du lịch.

Có quy hoạch cụ thể để ổn định dân cư, định canh, định cư, nâng cao dân trí, đặc biệt đối với đồng bào dân tộc.

11.2. Đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

Phát huy thế mạnh về nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ, giao lưu quốc tế và trong nước thuận tiện để chuyển mạnh cơ cấu, tiến tới sử dụng hết lực lượng lao động (kể cả chuyển một bộ phận đi vùng khác). Tiếp tục thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp hiện có; xây dựng khu công nghệ cao Hòa Lạc. Chuẩn bị điều kiện để hình thành từng bước các điểm công nghiệp mới dọc tuyến đường 5, đường 18, đường 10, khu vực các tỉnh lân cận phía Bắc và Tây Bắc Hà Nội...

Phát triển công nghiệp với trình độ công nghệ cao, hiện đại, trên các lĩnh vực như cơ khí chế tạo, sản xuất hàng xuất khẩu và hàng tiêu dùng, sản xuất phần mềm tin học, sản xuất các loại vật liệu xây dựng,... kết hợp với sử dụng được nhiều lao động.

Tiếp tục xây dựng và nâng cấp các tuyến giao thông như quốc lộ 1, 5, 10, 18; hoàn thành việc nâng cấp và mở rộng

cảng Hải Phòng; xây dựng cảng nước sâu Cái Lân; xây dựng cầu Thanh Trì, cầu Bính, cầu Bãi Cháy; hoàn thành xây dựng nhà ga hàng không quốc tế Nội Bài. Hoàn chỉnh một bước hệ thống giao thông công cộng ở thành phố Hà Nội, Hải Phòng. Hiện đại hóa mạng lưới bưu chính - viễn thông; cải tạo, nâng cấp và xây dựng hệ thống cấp nước ở các đô thị Hà Nội, Hải Phòng, Hạ Long... Xây dựng tháp truyền hình Việt Nam.

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa; hình thành các vùng lúa chất lượng cao ở các tỉnh đồng bằng sông Hồng. Tiếp tục phát triển thế mạnh của vụ đông, phát triển cây thực phẩm và chăn nuôi gắn với công nghiệp chế biến nhiều trình độ công nghệ; hình thành các vùng chuyên canh sản xuất rau, thịt, trái cây, hoa... phục vụ cho đô thị, du lịch và xuất khẩu. Khai thác và sử dụng hợp lý dải ven biển trong vùng, phát triển nghề nuôi, trồng và đánh bắt thuỷ, hải sản, từng bước phát triển nghề nuôi thủy sản trên biển.

Phát huy vai trò các trung tâm thương mại, y tế, giáo dục, đào tạo của cả nước. Phát triển mạnh du lịch trong vùng, đầu tư xây dựng khu du lịch tổng hợp Hạ Long - Cát Bà, khu du lịch Đồ Sơn. Phát triển các điểm du lịch ở các tỉnh gắn với các trung tâm du lịch ở trong và ngoài vùng để hình thành rõ nét các tuyến du lịch nội vùng và liên vùng.

Dành một phần vốn đầu tư đáng kể để hoàn thiện và nâng cấp chất lượng môi trường đô thị; nghiên cứu, chỉnh trị, nạo vét và mở rộng một số cửa sông ven biển ở phía nam đồng bằng sông Hồng. Chú trọng quy hoạch xây dựng nhà ở tại các đô thị vệ tinh.

11.3. Bắc Trung Bộ, duyên hải Trung Bộ và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Xây dựng công nghiệp lọc hóa dầu và sớm hình thành khu kinh tế Dung Quất - Chu Lai. Thu hút các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh vào các khu công nghiệp đã được cấp phép. Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất xi măng (Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình), khai thác thiếc Quỳ Hợp (Nghệ An), khai thác đá ốp lát, chế biến nông, lâm, thủy sản. Phát triển cơ khí sửa chữa và đóng tàu thuyền; công nghiệp dệt, da, may... Hình thành các khu công nghiệp ven biển.

Thâm canh cây lúa nước ở đồng bằng ven biển. Phát triển chăn nuôi, chú trọng các loại đặc sản chăn nuôi của vùng như hươu, dê... để tạo nên đặc trưng có giá trị cao. Phát triển mạnh nuôi, trồng thuỷ, hải sản, gắn với công nghiệp đánh bắt và chế biến hải sản.

Tái tạo vốn rừng, trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc. Phát triển các loại cây công nghiệp ngắn ngày như lạc, mía, bông, dâu tằm, thuốc lá, cói... và các cây công nghiệp dài ngày phù hợp với điều kiện sinh thái cây trồng. Trồng rừng chắn gió, chắn cát ven biển, hình thành các vành đai xanh quanh thành phố, thị xã, khu công nghiệp.

Hoàn thành việc xây dựng các công trình lớn về cơ sở hạ tầng để gắn kết khu vực này với các vùng lân cận, góp phần thực hiện Chương trình hành lang Đông Tây của tiểu vùng Mê Kông mở rộng, gắn với nhiệm vụ phát triển khu tam giác biên giới ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia. Xây dựng đường hầm qua đèo Hải Vân và đường tránh phía tây qua thành phố Huế. Nâng cấp và xây dựng theo quy hoạch các

cảng biển Nghi Sơn, Cửa Lò, Vũng Áng, Tiên Sa, Dung Quất, Liên Chiểu, Chân Mây, Quy Nhơn, Nha Trang. Từng bước hiện đại hóa những sân bay trọng điểm trong vùng. Nâng cấp các quốc lộ 7, 9, 12 (mới), 19, 24. Xây dựng một số tuyến giao thông trục ngang nối trục quốc lộ 1. Xây dựng các khu kinh tế cửa khẩu biên giới. Khai thác điều kiện thuận lợi của đường Hồ Chí Minh để phát triển miền đất phía tây của vùng.

Xây dựng hệ thống cấp, thoát nước ở các khu công nghiệp, nâng cấp và phát triển cơ sở hạ tầng ở các đô thị.

Hoàn thành xây dựng các công trình thủy lợi kết hợp với phòng tránh lũ như hệ thống thủy lợi sông Chu, thủy lợi An Mã (Quảng Bình), thủy điện, thủy lợi Rào Quán (Quảng Trị), hồ Tả Trạch (Thừa Thiên Huế), Định Bình (Bình Định). Nghiên cứu đưa vào xây dựng một số công trình phòng chống lũ lụt theo quy hoạch phát triển khu vực lũ lụt miền Trung, thực hiện các biện pháp dự phòng và hạn chế tác hại của thiên tai lũ lụt, hạn hán nặng.

Phát triển giáo dục và đào tạo, xây dựng kiên cố các trường lớp ở vùng thường bị thiên tai, bão lụt. Củng cố và phát triển hệ thống các trường đại học trong vùng.

Khai thác thế mạnh du lịch văn hóa, lịch sử và du lịch biển, ven biển; phát triển các trung tâm du lịch ở từng tỉnh trong vùng và các điểm du lịch hấp dẫn như: cố đô Huế, Hội An, Mỹ Sơn, Phong Nha, Cảnh Dương, Lăng Cô, Non Nước, Văn Phong, Đại Lãnh... Phối hợp sự phát triển của các đô thị, khu, cụm công nghiệp với phát triển du lịch, nhất là du lịch biển. Phát huy vai trò trung tâm kinh tế - văn hóa vùng của cụm đô thị Đà Nẵng - Huế.

11.4. Tây Nguyên

Với vị trí chiến lược và ưu thế về đất đai, tài nguyên, xây dựng Tây Nguyên giàu về kinh tế, vững mạnh về quốc phòng, an ninh, tiến tới có vùng kinh tế động lực.

Phát triển với tốc độ nhanh theo hướng thâm canh cây công nghiệp xuất khẩu (cà phê, chè, cao su, điều, hồ tiêu...) và các loại cây công nghiệp khác như bông, dâu tằm, cây dược liệu, cây ăn quả, rừng nguyên liệu giấy, và các loại cây đặc sản... Gắn việc trồng rừng mới, trồng cây công nghiệp, cây ăn quả với việc khôi phục và bảo vệ, chăm sóc rừng, giữ vững môi trường sinh thái và tăng nhanh độ che phủ của rừng. Mở rộng diện tích và thâm canh cây ngô, phát triển các loại cây công nghiệp ngắn ngày, hạn chế tiến tới chấm dứt việc phá rừng làm nương rẫy. Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, phát triển kinh tế trang trại,...

Tập trung phát triển công nghiệp chế biến cà phê, cao su, công nghiệp thực phẩm. Lựa chọn, trang bị một số dây chuyền công nghệ hiện đại để sản xuất các sản phẩm có chất lượng cao từ cây công nghiệp, lâm sản, chăn nuôi... Xây dựng Nhà máy bột giấy Kon Tum gắn với quy hoạch vùng nguyên liệu, phát triển cơ khí sửa chữa, công nghiệp vật liệu xây dựng; khai thác và chế biến bôxít; hoàn thành xây dựng Thủy điện Yaly.

Từng bước hình thành một số khu công nghiệp tập trung.

Phát triển các tuyến đường trong khu vực và các tuyến sang Lào và Campuchia. Coi trọng việc xây dựng hệ thống thủy lợi, nhất là đập thủy điện, đập chứa nước gắn với hệ thống kênh mương của các vùng sản xuất tập trung. Kết hợp xây dựng giao thông với hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi, cầu

cống và các công trình phục vụ sản xuất và đời sống. Phát triển mạng lưới bưu chính - viễn thông an toàn, thông suốt.

Xây dựng các trung tâm thương mại tập trung ở các thành phố, thị xã tạo mối giao lưu hàng hóa với các vùng khác và với các nước Lào, Campuchia, Thái Lan. Phát triển du lịch, xây dựng các trung tâm du lịch Đan Kia, Suối Vàng, Hồ Lắk, Buôn Đôn... Hình thành các tuyến du lịch nội vùng và liên vùng. Xây dựng các cửa khẩu biên giới.

Nâng cấp và xây dựng mới hệ thống trường học, trạm xá, bệnh viện, điểm sinh hoạt văn hóa, vui chơi giải trí nhằm đáp ứng nhu cầu dân sinh. Chú trọng phát triển hệ thống giáo dục và đào tạo, đầu tư nâng cấp Đại học Tây Nguyên, Đại học Đà Lạt. Cải tạo và xây dựng mới các cơ sở y tế. Triển khai xây dựng các vùng kinh tế mới theo quy hoạch.

Nâng cao dân trí và đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ đi đôi với tiếp tục thu hút vốn, phân bố dân cư và lao động theo quy hoạch.

11.5. Miền Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp khai thác dầu khí, công nghiệp năng lượng, phân bón, hóa chất từ dầu khí; phát triển công nghiệp kỹ thuật hiện đại; phát triển mạnh công nghiệp ở các tỉnh, tránh tập trung quá mức công nghiệp vào các đô thị lớn. Khuyến khích đầu tư vào 32 khu công nghiệp và khu chế xuất được cấp giấy phép; xây dựng khu công nghệ cao ở Thành phố Hồ Chí Minh; tập trung đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng ngoài hàng rào để đưa các khu công nghiệp vào hoạt động có hiệu quả.

Tiếp tục đầu tư xây dựng trục đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Nai - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành, nâng cấp quốc lộ 22. Tập trung hoàn chỉnh các tuyến quốc lộ 50, quốc lộ 1 và xây dựng đường quốc lộ N1 nối khu vực Đông Nam Bộ với đồng bằng sông Cửu Long. Nâng cấp cụm cảng Sài Gòn, từng bước đầu tư xây dựng mới cụm cảng Thị Vải và các cảng sông hiện có. Cải tạo đầu mối đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh, nghiên cứu xây dựng các tuyến đường sắt từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Vũng Tàu, Phnôm Pênh, Tây Nam Bộ và Tây Nguyên. Cải tạo, nâng cấp và xây dựng hệ thống thoát nước ở các đô thị lớn, các khu công nghiệp tập trung. Đẩy nhanh việc xây dựng các đô thị vệ tinh mới gắn với các khu công nghiệp xung quanh Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện đại hóa ga hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.

Phát triển lâm nghiệp, phủ xanh đất trống đồi núi trọc (tập trung ở Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai); tăng nhanh việc trồng và sớm ổn định rừng phòng hộ ven biển, đặc biệt giữ diện tích rừng ngập mặn của huyện Cần Giờ (Thành phố Hồ Chí Minh) và ven biển của Bà Rịa - Vũng Tàu, chú trọng rừng nguyên liệu giấy, rừng quốc gia và rừng đầu nguồn Trị An.

Phát huy thế mạnh đất đai để phát triển mạnh cây công nghiệp (cao su, cà phê, điều, mía đường, bông...), cây ăn quả, cây nguyên liệu giấy. Củng cố các điểm dân cư gắn với các vùng chuyên canh tập trung lớn về cà phê và cao su, tạo điều kiện thu hút thêm lao động từ đồng bằng sông Cửu Long.

Phát triển khai thác, nuôi, trồng, chế biến và các dịch vụ nghề cá.

Hình thành hệ thống các trung tâm thương mại có quy mô và trình độ ngang tầm với các nước trong khu vực. Ngoài trung tâm du lịch và dịch vụ lớn ở Thành phố Hồ Chí Minh, tập trung phát triển du lịch, dịch vụ biển ở Vũng Tàu, Côn Đảo, Mũi Né. Hình thành các đô thị vệ tinh của Thành phố Hồ Chí Minh, Biên hòa.

Phát huy vai trò các trung tâm công nghiệp, khoa học, văn hóa, dịch vụ (thương mại, xuất khẩu, viễn thông, tài chính, ngân hàng) của Thành phố Hồ Chí Minh và các vùng phụ cận, tiến tới có tầm cỡ trong khu vực Đông Nam Á.

11.6. Đồng bằng sông Cửu Long

Phát huy lợi thế của vùng sản xuất lương thực, rau quả, thủy sản hàng hóa lớn nhất của cả nước, tăng nhanh diện tích gieo trồng, năng suất và chất lượng sản phẩm đi đôi với phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản xuất khẩu và các dịch vụ.

Tăng cường kết cấu hạ tầng, trước hết là mạng lưới đường bộ gắn với mạng giao thông thủy cùng với việc nâng cấp quốc lộ 1A và xây dựng cầu Cần Thơ, mở thêm tuyến để giải toả ách tắc giao thông. Nạo vét luồng lạch, đặc biệt là luồng cửa Định An, cửa Tiền, cửa Trần Đề. Nâng cấp và xây dựng một số cảng sông. Nâng cấp các sân bay trong vùng.

Nâng cấp các quốc lộ đến tỉnh lỵ, mở thêm tuyến dọc biên giới phía Tây Nam. Xây dựng đường giao thông ở các vùng nông thôn, xóa cơ bản cầu khỉ. Có biện pháp hạn chế tác hại của lũ lụt hằng năm, bảo vệ môi trường sinh thái, môi trường sống, quy hoạch và xây dựng nhà ở trong các vùng lũ lụt.

Nâng cấp và xây dựng mới hệ thống cấp, thoát nước cho các khu đô thị, các khu công nghiệp. Thực hiện chương trình

nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, xử lý ô nhiễm môi trường ở các khu dân cư tập trung và dọc các kênh rạch.

Phát triển công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm; công nghiệp may mặc, dệt, da giày, chế biến thức ăn gia súc, cơ khí, vật liệu xây dựng, hóa chất. Phát triển các khu công nghiệp hiện có. Triển khai xây dựng các cụm công nghiệp sử dụng khí Tây Nam; xây dựng các khu, cụm công nghiệp ở các địa bàn thích hợp.

Ổn định diện tích trồng lúa. Coi trọng thâm canh, nghiên cứu chuyển đổi mùa vụ một số loại cây trồng để phòng tránh lũ lụt, hạn hán. Hình thành các vùng chuyên canh lúa đặc sản và một số cây công nghiệp ngắn ngày có năng suất, chất lượng cao. Tập trung khai thác vùng tứ giác Long Xuyên, Đồng Tháp Mười, Tây sông Hậu và bán đảo Cà Mau.

Khôi phục tuyến rừng bảo vệ bờ biển; giữ vững diện tích cây tràm, ổn định diện tích dừa nước, bảo vệ rừng ngập mặn và rừng phòng hộ vùng Bảy Núi. Xây dựng và củng cố hệ thống đê biển phía Đông và phía Tây, các công trình ngăn mặn, thủy lợi cho nuôi, trồng thủy sản. Phát triển mạnh ngành khai thác và nuôi, trồng thủy sản có giá trị xuất khẩu cao, đặc biệt là tôm, cua và các loại đặc sản khác để có thể đóng góp 50% giá trị xuất khẩu thủy, hải sản của cả nước.

Phát huy thế mạnh kinh tế của đảo Phú Quốc và Thổ Chu. Xây dựng và phát huy vai trò trung tâm kinh tế - văn hóa vùng của thành phố Cần Thơ. Xây dựng mới kết hợp với nâng cấp hệ thống các trường học, bệnh viện, nhà văn hóa. Đầu tư nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ, hình thành một số trường đại học ở những tỉnh có điều kiện. Tập trung sức

nâng cao dân trí và đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ đáp ứng yêu cầu phát triển của vùng.

Tiến hành xây dựng một số trung tâm thương mại ở các thành phố, thị xã trong vùng. Khai thác lợi thế về vị trí địa lý để phát triển nhanh các loại hình du lịch miệt vườn, sinh thái, du lịch biển, đảo... gắn với Thành phố Hồ Chí Minh, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và các tuyến du lịch liên vùng Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.

12. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng và an ninh

Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với củng cố quốc phòng và an ninh là nhiệm vụ rất quan trọng trong bối cảnh phát triển, cạnh tranh và hội nhập kinh tế khu vực và thế giới trong thập kỷ tới.

Việc kết hợp kinh tế, xã hội với quốc phòng và an ninh được tiến hành xuyên suốt trong quá trình nghiên cứu xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, trong chỉ đạo thực hiện kế hoạch 5 năm, hằng năm ở mỗi ngành, lĩnh vực, vùng, và từng tỉnh, thành phố. Các công trình được xây dựng trong các ngành kinh tế, các vùng kinh tế, nhất là các vùng trọng điểm, vùng biển và ven biển, vùng cửa khẩu và những vùng kinh tế đặc biệt khác phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế trong từng ngành, từng vùng; khi cần thiết có thể tăng cường khả năng chủ động ứng phó với mọi tình huống để bảo vệ chủ quyền và an ninh của đất nước. Đồng thời nghiên cứu xây dựng một số cơ sở công nghiệp quốc phòng cần thiết, chú trọng những cơ sở vừa phục vụ cho quốc phòng, an ninh, vừa sử dụng cho phát

triển kinh tế. Huy động mạnh các cơ sở công nghiệp quốc phòng và tổ chức cho lực lượng vũ trang tham gia phát triển kinh tế - xã hội. Chú trọng tăng cường những trọng điểm về kinh tế, những địa bàn xung yếu về quốc phòng, an ninh, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững trong mọi tình huống.

V- ĐỊNH HƯỚNG CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM 2001 - 2005

1. Tiếp tục thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp và công dân đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh

Trong giai đoạn 2001 - 2005 tập trung sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật, đổi mới công tác chỉ đạo thực hiện để bảo đảm các thành phần kinh tế đều được khuyến khích phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh lành mạnh, thực sự là bộ phận cấu thành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hoàn thành về cơ bản việc sắp xếp, tổ chức lại và đổi mới quản lý doanh nghiệp nhà nước, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh, bảo đảm vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước.

Bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh; thực hiện việc tách quyền chủ sở hữu nhà nước của các cơ quan nhà nước với quyền sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, xóa bỏ chế độ cơ quan, cấp hành chính chủ quản; chuyển một bộ

phận doanh nghiệp nhà nước sang hoạt động theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần. Tăng cường đầu tư chiều sâu và đổi mới công nghệ, tập trung cho những doanh nghiệp hoạt động trong một số ngành và lĩnh vực then chốt như công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng, công nghiệp công nghệ cao; đồng thời nâng cao chất lượng hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực công ích.

Hoàn thành cơ bản việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước mà Nhà nước không cần nắm giữ 100% sở hữu vốn. Ưu tiên bán cổ phần cho người lao động, mở rộng việc bán cổ phần cho nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Tiếp tục thực hiện việc giao, bán, khoán, cho thuê những doanh nghiệp nhà nước có quy mô nhỏ mà Nhà nước không cần nắm giữ và không cổ phần hóa được; sáp nhập, giải thể hoặc phá sản các doanh nghiệp nhà nước hoạt động không hiệu quả và không thực hiện được các biện pháp trên. Có chính sách để kiên quyết giải quyết nợ tồn đọng và lao động dôi dư trong quá trình sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước.

Kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu quả các tổng công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con, kinh doanh đa ngành tổng hợp trên cơ sở ngành chuyên môn hóa, gọi vốn thuộc nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia kinh doanh, làm nòng cốt để hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh ở một số ngành và lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế quốc dân như viễn thông, hàng không, dầu khí,...

Nhà nước thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tập thể. Hoàn thành quá trình chuyển đổi các hợp tác xã cũ, đồng thời nghiên cứu bổ sung Luật hợp tác xã

cho phù hợp với tình hình mới. Phát triển các loại hình hợp tác xã bao gồm các thể nhân và pháp nhân. Khuyến khích hình thức liên doanh, liên kết giữa hợp tác xã với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân. Có chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho hợp tác xã.

Kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển mạnh. Thực hiện quyền tự do kinh doanh theo pháp luật của mỗi công dân nhằm phát huy tối đa nội lực, phát triển lực lượng sản xuất. Sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật nhằm bảo đảm sự bình đẳng về cơ hội cho mọi tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế. Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử, bảo đảm cơ hội và khả năng lựa chọn bình đẳng của các thành phần kinh tế trong tiếp cận về vốn, đất đai, lao động, công nghệ, trong sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu. Tiếp tục phát huy những tác động tích cực của Luật doanh nghiệp, tiến tới xây dựng một luật áp dụng thống nhất cho các loại hình doanh nghiệp khác nhau thuộc các thành phần kinh tế. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp vừa và nhỏ, kinh tế trang trại.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển và là một bộ phận của nền kinh tế Việt Nam.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư vào nước ta, nhất là sản xuất hàng xuất khẩu và sản phẩm công nghệ cao. Từng bước thống nhất khung luật pháp, chính sách và điều kiện kinh doanh áp dụng đối với doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Tạo ra khuôn khổ pháp lý nhằm khuyến khích hoạt động đầu tư ra nước ngoài để phát huy lợi thế so sánh của đất nước.

2. Hình thành đồng bộ các yếu tố thị trường

Xúc tiến việc hình thành đồng bộ các loại thị trường đi đôi với việc tạo lập khung pháp luật bảo đảm sự quản lý và giám sát của Nhà nước. Coi trọng công tác tiếp thị và tổ chức thị trường. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp và cá nhân tiếp cận thị trường, ký kết hợp đồng, tự chủ và tự chịu trách nhiệm kinh doanh; giảm đến mức tối đa sự can thiệp hành chính của các cơ quan nhà nước vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch trong kinh doanh. Thực hiện nghiêm túc Luật doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung Luật phá sản doanh nghiệp; chống đặc quyền và lũng đoạn thị trường, ban hành Luật cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh phù hợp với những điều kiện thực tế của Việt Nam.

Phát triển thị trường vốn và tiền tệ với các hình thức đa dạng thích hợp, bao gồm hệ thống ngân hàng, thể chế tài chính phi ngân hàng, công ty bảo hiểm, các quỹ đầu tư và bảo lãnh đầu tư... nhằm thu hút các nguồn vốn trong xã hội, mở rộng nguồn vốn dài hạn và trung hạn. Giảm mạnh các hình thức bao cấp về vốn, tín dụng. Cải cách hệ thống ngân hàng thương mại, tách chức năng tín dụng, chính sách ra khỏi chức năng kinh doanh của các ngân hàng thương mại quốc doanh, đặt các ngân hàng thương mại quốc doanh hoạt động trong môi trường cạnh tranh; lành mạnh hóa toàn bộ hệ thống ngân hàng thương mại cổ phần và ngân hàng thương mại quốc doanh. Hiện đại hóa và đổi mới công nghệ của hệ thống ngân hàng, đẩy nhanh việc áp dụng công nghệ thông tin, phấn đấu để hệ thống tài chính - ngân hàng đạt trình độ

trung bình của khu vực. Triển khai an toàn và từng bước mở rộng phạm vi hoạt động của thị trường chứng khoán.

Tiếp tục hoàn thiện khung pháp luật và chính sách nhằm *mở rộng thị trường lao động*, tạo cơ hội bình đẳng và tiếp cận trực tiếp về đào tạo và việc làm cho mỗi công dân, khuyến khích người lao động học tập, đào tạo và tự kiếm việc làm. Bảo đảm sự dịch chuyển linh hoạt của người lao động trong khu vực kinh tế nhà nước. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đào tạo nghề, hoạt động dịch vụ giới thiệu việc làm và xuất khẩu lao động. Có chính sách thích hợp thu hút nhân tài và lao động có trình độ chuyên môn cao ở trong nước và ngoài nước. Sửa đổi, bổ sung Bộ luật lao động phản ánh những thực tế đã thay đổi, bảo vệ lợi ích hợp lý của người lao động, đồng thời khuyến khích người sử dụng lao động tạo thêm việc làm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc dịch chuyển lao động, tìm việc làm trong nước và ngoài nước. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động, nhất là lao động có đào tạo. Thu hút mọi nguồn lực để phát triển mạnh mẽ và hiện đại hóa hệ thống đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu của thị trường và sự phát triển khoa học, công nghệ. Cải cách hệ thống bảo hiểm xã hội, tạo sự bình đẳng về cơ hội được bảo hiểm xã hội đối với người lao động trong các thành phần kinh tế; giải quyết thỏa đáng quyền lợi của người lao động và người sử dụng lao động.

Phát triển thị trường bất động sản, trong đó có thị trường quyền sử dụng đất, tạo điều kiện thuận lợi để chuyển quyền sử dụng đất; mở rộng cơ hội cho các công dân và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế được dễ dàng có đất và sử dụng đất lâu dài cho sản xuất kinh doanh. Tính đủ giá trị

của đất, sử dụng có hiệu quả quỹ đất của các doanh nghiệp nhà nước, cơ quan nhà nước và lực lượng vũ trang, ngăn chặn sử dụng đất lãng phí, kém hiệu quả. Hoàn thành dứt điểm việc đăng ký và cấp giấy phép chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà trên toàn quốc, trước hết là ở các đô thị. Tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tích tụ và tập trung đất canh tác trong một số vùng có điều kiện. Sửa đổi các quy định về việc chuyển quyền sử dụng đất và sở hữu nhà, thúc đẩy quá trình bán nhà ở của Nhà nước tại các đô thị, mở rộng các hình thức kinh doanh bất động sản. Giải quyết dứt điểm các tranh chấp về quyền sử dụng đất canh tác, đất thổ cư và nhà ở còn tồn đọng. Có chính sách xử lý đất canh tác và việc làm cho nông dân.

Từng bước mở rộng thị trường bất động sản cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia đầu tư. Quy hoạch sử dụng đất đai, nhất là ở các đô thị, theo hướng văn minh, hiện đại, công bố công khai quy hoạch này để doanh nghiệp và người dân thực hiện.

Phát triển các *thị trường dịch vụ* như dịch vụ khoa học công nghệ; dịch vụ tư vấn pháp luật, tư vấn quản lý, thị trường sản phẩm trí tuệ; dịch vụ tài chính - tiền tệ, dịch vụ bảo hiểm... Xúc tiến nhanh việc ứng dụng thương mại điện tử. Khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài tham gia các thị trường dịch vụ nói trên.

3. Tăng cường hiệu lực của các công cụ, chính sách quản lý vĩ mô, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật

Đổi mới mạnh mẽ công tác kế hoạch hóa, nâng cao tính

định hướng và dự báo, nâng cao chất lượng của các quy hoạch và kế hoạch, gắn quy hoạch, kế hoạch với thị trường. Hoàn thiện hệ thống thông tin và dự báo, phục vụ kế hoạch, gắn kế hoạch với cơ chế chính sách. Tăng cường chế độ trách nhiệm và sự phối hợp giữa các bộ, ngành và giữa các cấp trong xây dựng, điều hành thực hiện kế hoạch. Đổi mới nội dung và phương pháp lập và thực hiện kế hoạch theo hướng huy động tối đa nội lực, khai thác mọi tiềm năng của ngành, của địa phương gắn với sử dụng có hiệu quả cao nguồn lực bên ngoài. Công bố công khai chiến lược kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể và kế hoạch phát triển để tạo cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch của từng ngành, từng cấp và kế hoạch sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp. Có định hướng phát triển phù hợp cho từng vùng kinh tế để phát huy cao nhất mọi tiềm năng trong vùng.

Chính sách đầu tư nhà nước được điều chỉnh theo hướng tăng đầu tư phát triển nguồn nhân lực, đầu tư kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động; thúc đẩy các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, qua đó nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của đầu tư nhà nước.

Tiếp tục xóa bỏ bao cấp trong đầu tư phát triển. Ngân sách nhà nước tập trung đầu tư vào kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các dự án không có khả năng thu hồi vốn; hỗ trợ đầu tư cho những vùng khó khăn, các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình kinh tế trọng điểm của Nhà nước.

Huy động các nguồn vốn trong xã hội để đầu tư vào các dự án phát triển sản xuất, kinh doanh bằng các hình thức thích hợp, Nhà nước chỉ hỗ trợ đầu tư vào một số dự án ở

những ngành, lĩnh vực và những vùng ưu tiên phát triển trong từng thời kỳ.

Tăng cường hiệu lực và đổi mới cơ chế quản lý ngân sách nhà nước theo hướng triệt để tiết kiệm, nâng cao quyền hạn và trách nhiệm của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp trong việc quyết định và thực hiện ngân sách, thực hiện công khai, minh bạch trong chi tiêu ngân sách.

Tiếp tục cải cách hệ thống chính sách thuế theo hướng nuôi dưỡng nguồn thu, thực hiện công khai, minh bạch, giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và dân cư; khuyến khích phát triển sản xuất và bảo đảm công bằng xã hội. Tiến hành cải cách thuế giai đoạn 3 theo hướng thu hẹp dần các mức thuế suất, giảm tỷ trọng thuế gián thu, áp dụng các sắc thuế mới như thuế thu nhập cá nhân, thuế bất động sản. Thực hiện các cam kết quốc tế về giảm thuế. Cải tiến hình thức thu phí, lệ phí qua ngân sách; đổi mới phương thức thu thuế, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Bảo đảm thu đúng, thu đủ vào ngân sách nhà nước, chống thất thu và lạm thu. Cơ quan thuế thực hiện chức năng kiểm tra, xử lý vi phạm.

Đổi mới và hoàn thiện chính sách và cơ cấu chi tiêu ngân sách nhà nước theo hướng tích cực; triệt để xóa bao cấp đối với doanh nghiệp nhà nước thông qua ngân sách nhà nước và các công cụ chính sách khác. Gắn việc đổi mới chính sách chi tiêu ngân sách nhà nước với việc thực hiện mạnh mẽ chủ trương xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao... Tăng cường các biện pháp thực hiện triệt để tiết kiệm chi tiêu ngân sách nhà nước.

Tăng cường quản lý nợ, nhất là nợ nước ngoài; xử lý nợ của doanh nghiệp nhà nước. Đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của các quỹ hỗ trợ sản xuất, kinh doanh của Nhà nước theo hướng chuyển từ tiền ưu đãi sang hậu đãi. Đổi mới chế độ kế toán, kiểm toán, thanh tra tài chính, chế độ báo cáo, thông tin, bảo đảm hoạt động kinh doanh phải công khai, minh bạch đối với tài chính doanh nghiệp. Xây dựng Luật quản lý vốn và tài sản của Nhà nước. Ứng dụng rộng rãi khoa học - công nghệ mới trong quản lý tài chính, nâng cấp và từng bước áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về công khai và nghiệp vụ kế toán, kiểm toán đối với hệ thống tài chính. Thiết lập cơ chế giám sát tài chính - tiền tệ nhằm bảo đảm an ninh tài chính quốc gia, kiểm soát các luồng vốn, các khoản vay nợ, trả nợ, mở rộng các hình thức công khai tài chính. Nâng cao hiệu lực pháp lý và chất lượng kiểm toán nhà nước như một công cụ mạnh của Nhà nước.

Xây dựng và thực hiện chính sách tiền tệ nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy sản xuất, tiêu dùng, kích thích đầu tư phát triển, bảo đảm nền kinh tế tăng trưởng cao và bền vững. Đổi mới chính sách tiền tệ theo hướng vận dụng các công cụ chính sách gián tiếp. Thực hiện chính sách tỷ giá, lãi suất, nghiệp vụ thị trường mở theo cung cầu trên thị trường, từng bước nâng cao khả năng chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam, trước hết là đối với những tài khoản vãng lai. Nâng cao vai trò của Ngân hàng Nhà nước trong lĩnh vực điều hành, quản lý tiền tệ, giám sát các hoạt động tín dụng; tăng cường năng lực của Ngân hàng Nhà nước về tổ chức, thể chế và cán bộ.

Đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện khung pháp luật phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung pháp luật hiện hành phù hợp với yêu cầu thực hiện chiến lược kinh tế - xã hội và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là các luật: Luật thương mại, Luật phá sản doanh nghiệp, Bộ luật lao động, Luật các tổ chức tín dụng, Luật ngân sách nhà nước, Luật đất đai,... Xây dựng một số luật mới như: Luật doanh nghiệp trên cơ sở thống nhất Luật doanh nghiệp nhà nước và Luật doanh nghiệp hiện hành; Luật đầu tư trên cơ sở thống nhất Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Luật khuyến khích đầu tư trong nước; Luật khuyến khích cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh, v.v.. Đổi mới và hoàn thiện quy trình xây dựng luật, ban hành và thực thi pháp luật, trong đó chú trọng việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật và tổ chức thi hành luật một cách nghiêm minh.

4. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả, mở rộng kinh tế đối ngoại

Tiếp tục chính sách mở cửa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển, tích cực chuẩn bị các điều kiện về kinh tế, thể chế, cán bộ... để thực hiện thành công quá trình hội nhập trên cơ sở phát huy nội lực, bảo đảm độc lập, tự chủ, bình đẳng và cùng có lợi. Thực hiện nghiêm chỉnh các cam kết trong quá trình hội nhập, trước hết là lộ trình giảm thuế quan. Thực hiện chính sách bảo hộ có trọng điểm, có điều kiện và có thời hạn phù hợp với tiến trình hội nhập. Tích cực thực hiện các cam kết đối với các cơ chế hợp tác song phương và đa phương mà nước ta đã tham gia, đặc biệt chú ý tới các cam kết trong khuôn khổ ASEAN (như AFTA, AICO, AIA,...),

APEC, ASEM; xúc tiến đàm phán để gia nhập WTO. Từng ngành, từng doanh nghiệp phải xây dựng kế hoạch, giải pháp để thực hiện các cam kết quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, mở rộng thị phần trên những thị trường truyền thống, khai thông và mở rộng thị trường mới.

Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế hoạt động xuất, nhập khẩu mà pháp luật cho phép, bao gồm cả xuất, nhập khẩu dịch vụ. Nhà nước khuyến khích xuất khẩu, nhất là các mặt hàng chủ lực có lợi thế so sánh, thông qua vận hành quỹ hỗ trợ tín dụng xuất khẩu, cũng như các biện pháp bảo lãnh tín dụng xuất khẩu, các biện pháp hỗ trợ về thông tin, tìm kiếm khách hàng, tham dự triển lãm, hội chợ... Đầu tư đồng bộ từ nghiên cứu, sản xuất, chế biến, vận chuyển, tiếp thị... nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, giảm tỷ trọng hàng hóa xuất khẩu thô trong kim ngạch xuất khẩu, tăng số lượng các mặt hàng và kim ngạch xuất khẩu sản phẩm chế biến và chế tạo có giá trị gia tăng cao. Đơn giản hóa tối đa các thủ tục hành chính, giảm các chi phí giao dịch phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu.

Xây dựng chiến lược thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và sử dụng hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) phù hợp yêu cầu phát triển đất nước. Nghiên cứu để tiến tới áp dụng một khung pháp luật thống nhất chung cho doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Khuyến khích và hỗ trợ cho các doanh nghiệp và cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.

5. Chính sách phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ

Tăng cường đầu tư vào phát triển con người thông qua phát triển mạnh giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ. Đảm bảo nguồn nhân lực về số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đặt giáo dục hoạt động trong môi trường sư phạm lành mạnh, nhanh chóng tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế.

Đổi mới chính sách đào tạo, sử dụng và đãi ngộ trí thức, trọng dụng và tôn vinh nhân tài. Chú trọng sử dụng và phát huy tiềm năng tri thức của người Việt Nam ở nước ngoài. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ.

Đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với giáo dục và đào tạo, thu hút các nguồn lực trong nước và ngoài nước; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển giáo dục ở tất cả các bậc học. Ngân sách nhà nước tập trung hơn cho các bậc giáo dục phổ cập ở vùng nông thôn, miền núi. Đẩy mạnh công tác giáo dục hướng nghiệp ở các trường phổ thông. Khuyến khích hình thành và mở rộng các quỹ khuyến học ở các ngành, các địa phương, các hiệp hội, tiếp tục mở rộng hình thức tín dụng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng. Mở rộng đào tạo công nhân, kỹ thuật viên và nhân viên nghiệp vụ theo nhiều trình độ, phù hợp với nhu cầu của xã hội.

Tăng cường tiềm lực và đóng góp của khoa học và công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới cơ chế đầu tư và quản lý khoa học và công nghệ, huy động mọi nguồn vốn

trong nước và ngoài nước để phát huy tiềm năng và tăng tác dụng của khoa học và công nghệ trong sản xuất và đời sống. Hỗ trợ nhập khẩu công nghệ mới, mũi nhọn, tổ chức tốt việc tiếp thu và làm chủ các công nghệ đó. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức khoa học, các trường đại học, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và cá nhân được tổ chức các hoạt động nghiên cứu, triển khai, được bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ, quyền công bố, trao đổi, chuyển giao, chuyển nhượng kết quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật. Sửa đổi những quy định liên quan đến việc chuyển giao công nghệ theo hướng đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giảm thuế (đặc biệt là thuế thu nhập đối với các chuyên gia có trình độ cao của Việt Nam và của nước ngoài), giảm chi phí giao dịch đối với các hoạt động chuyển giao công nghệ.

Tiếp tục tăng đầu tư thích đáng từ ngân sách nhà nước, đồng thời phát huy mọi nguồn lực cho nghiên cứu những lĩnh vực khoa học công nghệ mới như công nghệ tin học, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới và nghiên cứu cơ bản có lựa chọn. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng internet, đặc biệt là chính sách giá, nhằm giúp các cá nhân, các doanh nghiệp khai thác thông tin công nghệ và thị trường trên thế giới. Nghiên cứu đề xuất những biện pháp xúc tiến thương mại điện tử, hỗ trợ cho các doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, tiếp cận với khách hàng và thị trường, kể cả thị trường ngoài nước. Xây dựng quỹ tín dụng và hỗ trợ đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và các tổ chức tài chính, tín dụng với mục tiêu tài trợ cho việc đưa ra những sản phẩm, dịch vụ mới trên cơ sở ứng dụng những thành tựu của khoa học và công nghệ.

Phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, khuyến khích chuyển giao công nghệ, hợp đồng khoa học, công nghệ và tạo lập thị trường lao động khoa học, công nghệ. Ban hành các chính sách hỗ trợ, khuyến khích mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ vào mọi hoạt động kinh tế, xã hội. Đổi mới cơ bản, toàn diện công tác quản lý khoa học, công nghệ và môi trường từ Trung ương đến tỉnh, thành phố.

Ban hành chính sách khuyến khích các doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp kết hợp với các cơ sở nghiên cứu, các trường đại học trong việc nghiên cứu chuyển giao công nghệ và đào tạo. Thí điểm mô hình dạy nghề có sự phối hợp giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp với nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước và từ doanh nghiệp. Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng hệ thống tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế.

Đổi mới cơ chế, chính sách đối với các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao. Có chính sách thích hợp đối với các loại hình và hoạt động khác nhau (như bảo tồn, bảo tàng, điện ảnh, văn hóa dân tộc, v.v.), sử dụng có hiệu quả đầu tư và hỗ trợ của Nhà nước với đóng góp của xã hội nhằm phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Phát triển mạnh mẽ phong trào thể dục thể thao quần chúng, nâng cao sức khỏe toàn dân, đồng thời tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ vận động viên thành tích cao ở những bộ môn có lợi thế của Việt Nam.

6. Tiếp tục đổi mới chính sách xã hội, chính sách bảo vệ môi trường

Có các chính sách thích hợp tạo công bằng về cơ hội và bình đẳng trước pháp luật cho mọi công dân, mọi doanh nghiệp và nhà đầu tư trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong tìm và tự tạo việc làm, trong tiếp cận với thông tin kinh tế, thông tin thị trường,... Khuyến khích và tôn vinh những người làm giàu chính đáng đi đôi với chống làm giàu phi pháp, tham nhũng, gian lận thương mại.

Cải cách cơ bản hệ thống tiền lương, hợp thức hóa các thu nhập mang tính chất lương. Thực hiện công khai, minh bạch về thu nhập, điều tiết thu nhập cao, hoàn thiện chính sách tiền lương và thu nhập. Cải cách cơ chế bảo hiểm xã hội và bảo đảm xã hội, cải cách và tăng cường chất lượng hệ thống bảo hiểm xã hội, cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản cho nhân dân, nhất là cho người nghèo, vùng nghèo. Ban hành Luật bảo hiểm xã hội.

Tăng cường sự trợ giúp của Nhà nước cùng với phát triển các quỹ đền ơn đáp nghĩa, các quỹ xã hội, chăm sóc người có công, các đối tượng chính sách, nạn nhân chiến tranh, thiên tai.

Cải cách và nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước đối với bảo đảm xã hội, gắn với đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động này. Thể chế hóa và thực hiện tốt các chính sách chế độ về xóa đói, giảm nghèo.

Tiếp tục phòng, chống các tệ nạn xã hội, nhất là nạn ma tuý và tai nạn giao thông.

Tăng cường công tác quản lý môi trường ở các vùng kinh tế trọng điểm, vùng dân cư tập trung. Lồng ghép kế hoạch bảo vệ môi trường vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, gắn mục tiêu bảo vệ môi trường với mục tiêu nâng cao mức sống của cộng đồng dân cư. Tăng cường đầu tư để ngăn ngừa sự cố môi trường và xử lý ô nhiễm môi trường; trước hết xử lý nước thải, chất thải rắn, tập trung ở các bệnh viện lớn; nghiên cứu tái sử dụng chất thải và áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn. Tăng khả năng dự báo các sự cố thiên nhiên, thời tiết, bão lụt, động đất, giảm thiểu các thiệt hại do thiên tai gây ra.

Hình thành khung *pháp luật, chính sách về bảo vệ và cải thiện môi trường* theo hướng gắn chính sách kinh tế với chính sách bảo vệ môi trường; huy động sự tham gia và đóng góp của mọi tầng lớp dân cư, của doanh nghiệp và các tổ chức xã hội vào lĩnh vực bảo vệ môi trường; tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về môi trường, các chính sách môi trường thích hợp, nhất là chính sách thuế, phí môi trường, các loại quỹ môi trường,...

7. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh

Cải cách hành chính nhà nước là một công việc quan trọng quyết định thành công của công cuộc đổi mới giai đoạn 2001 - 2005. Tổ chức và cải cách bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn, trong sạch, có đủ phẩm chất và năng lực phục vụ nhân dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tăng cường kỷ cương nhà nước và chế độ trách nhiệm cá nhân: coi trọng chính sách cán bộ trên cả hai mặt bồi dưỡng và rèn luyện, có biện pháp ngăn chặn hiện tượng

tiêu cực, thiếu dân chủ. Xử lý vi phạm về mặt Đảng và pháp luật Nhà nước một cách nghiêm minh và bình đẳng đối với cán bộ, công chức nhà nước. Tách hệ thống cơ quan hành chính công quyền với hệ thống cơ quan sự nghiệp, áp dụng các cơ chế tài chính thích hợp.

Công khai hóa các nội dung và cơ chế, phương thức giám sát của các cơ quan chức năng, các đoàn thể quần chúng và nhân dân về thực hiện pháp luật, chính sách, chế độ của Nhà nước. Minh bạch và công khai các thông tin, các quy định của Nhà nước, nghiêm túc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở nhằm đẩy lùi những hiện tượng tham nhũng, tiêu cực. Thực hiện nghiêm túc chế độ tiếp dân ở các cơ quan công quyền. Nâng cao hiệu quả trong hoạt động lập pháp và hiệu lực trong giám sát của Quốc hội.

Phân cấp mạnh và toàn diện giữa các cấp trong hệ thống hành chính nhà nước trên cơ sở gắn trách nhiệm với quyền hạn, nghĩa vụ với quyền lợi. Phân cấp nhiệm vụ phải được gắn với phân cấp về tài chính và ngân sách. Tăng cường phối hợp hoạch định, điều hành cơ chế, chính sách và chương trình. Hiện đại hóa hệ thống thông tin, các phương tiện quản lý hiện đại, báo cáo đáng tin cậy và nhanh nhạy giữa các cơ quan và giữa các cấp. Tăng cường chế độ giám sát, kiểm tra việc thực hiện các chính sách, cơ chế đã được ban hành. Tiếp tục đẩy mạnh chống tham nhũng.

Cải cách hệ thống tư pháp, bảo đảm các quyền dân chủ của công dân, tăng cường các tổ chức hỗ trợ tư pháp. Nâng cao việc giám sát của công dân đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước. Xử lý nghiêm những cán bộ có hành vi tham nhũng, tiêu cực, không phân biệt vị trí, cấp bậc.

Có chương trình, kế hoạch *đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng thường xuyên cán bộ, công chức nhà nước*. Thực hiện chế độ bổ nhiệm công chức có thời hạn, chế độ luân chuyển công chức, tạo điều kiện cho công chức nâng cao trình độ chuyên môn và sát với dân. Tinh giản bộ máy hành chính một cách cơ bản. Có chính sách giải quyết thỏa đáng số người dôi ra. Đổi mới và tăng cường hệ thống cơ quan nghiên cứu và tư vấn chính sách cho Nhà nước.

Hỗ trợ và khuyến khích các tổ chức hoạt động không vì lợi nhuận mà vì nhu cầu và lợi ích của nhân dân. Những tổ chức này có thể được Nhà nước ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ, cung cấp một số dịch vụ công với sự giám sát của cộng đồng. Thông qua đó Nhà nước có thể tập trung sức lực để thực hiện những nhiệm vụ quan trọng hơn.

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, *Sđd*, tr.222-339.

BÁO CÁO
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VIII
Về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng
(Báo cáo tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, tháng 4 năm 2001)

Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam hiện hành do Đại hội VIII thông qua tiếp tục khẳng định những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng, phù hợp với Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; đáp ứng yêu cầu của công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ đổi mới ở nước ta.

Từ Đại hội VIII đến nay, toàn Đảng đã nỗ lực phấn đấu thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, Nghị quyết của Đại hội và các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương; tập trung tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn đảng, tự phê bình và phê bình trong các tập thể lãnh đạo và cán bộ chủ chốt từ trên xuống dưới để làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, phát huy các mặt tích cực; khắc phục những yếu kém; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên; chấn chỉnh các khâu tổ chức, lãnh đạo và sinh hoạt đảng theo

nguyên tắc tập trung dân chủ, củng cố mối quan hệ mật thiết với nhân dân; tạo nên những chuyển biến, tiến bộ về lãnh đạo phát triển kinh tế, xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh và mở rộng quan hệ đối ngoại.

Tuy nhiên, tình hình đất nước vẫn còn đứng trước nhiều khó khăn, thử thách; những thành tựu đạt được trong công cuộc đổi mới chưa toàn diện; sự chuyển biến trong công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng chưa đạt yêu cầu đề ra; việc quán triệt và thi hành Điều lệ Đảng vẫn còn không ít thiếu sót, khuyết điểm.

Để bảo đảm giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII đề nghị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng tiếp tục tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên; đồng thời, đề nghị Đại hội xem xét bổ sung, sửa đổi một số điểm trong Điều lệ Đảng nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn công tác xây dựng Đảng đặt ra.

Trong hơn một năm qua, Tiểu ban Điều lệ của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII đã được thành lập và đi vào hoạt động theo quyết định của Ban Chấp hành Trung ương tại kỳ họp lần thứ bảy (tháng 8-1999).

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, đề xuất của Tiểu ban Điều lệ và tiếp thu ý kiến của các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và của Đại hội đại biểu đảng bộ các cấp, tại các kỳ Hội nghị 10, 11 (lần 1), 11 (lần 2) và 12, Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận và biểu quyết thông qua một số vấn đề để đưa vào Dự thảo Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi).

Báo cáo này trình bày một số vấn đề về quan điểm, yêu cầu và những nội dung cần khẳng định hoặc cần bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, kèm theo toàn văn dự thảo Điều lệ Đảng bổ sung, sửa đổi trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng xem xét, quyết định.

Phần I

QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ YÊU CẦU BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG TRÌNH ĐẠI HỘI IX

Quan điểm chỉ đạo:

Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng lần này phải kiên định *kế thừa những nguyên lý, nguyên tắc cơ bản về Đảng và công tác xây dựng Đảng* đã được khẳng định từ các kỳ đại hội đảng trước đây và những nội dung chủ yếu trong Điều lệ Đảng hiện hành, trong đó có những điểm đã được bổ sung, sửa đổi qua các đại hội đảng từ ngày tiến hành công cuộc đổi mới đến nay; đồng thời, căn cứ vào tình hình Đảng hiện nay, yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng và của công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng trong những năm tới để xem xét *bổ sung, sửa đổi một số điểm mà thực tiễn công tác xây dựng Đảng trong thời gian qua chỉ rõ là thực sự cần thiết, bức xúc, chín muồi.*

Yêu cầu:

1. Tiếp tục kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc về Đảng và công tác xây dựng Đảng theo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đã được thể hiện trong Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng hiện hành, bảo đảm cho Đảng ta mãi mãi xứng đáng là "đội tiên phong của

giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc"; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; lãnh đạo nhân dân thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt đảng, phát huy dân chủ, tăng cường kỷ luật, củng cố khối đoàn kết thống nhất về ý chí và hành động của toàn Đảng; xây dựng các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự trong sạch và vững mạnh, có phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, kiến thức và năng lực lãnh đạo đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới, gắn bó mật thiết với nhân dân; khắc phục các mặt yếu kém, ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái.

3. Phát huy dân chủ, tập hợp đầy đủ, trung thực ý kiến tham gia của các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên; tiếp thu những ý kiến có căn cứ thực tiễn và lý luận đúng đắn để bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

Phần II

NỘI DUNG CÁC VẤN ĐỀ CẦN BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG

A. TRONG PHẦN MỞ ĐẦU

Về Đảng và các vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng:

Phần mở đầu của Điều lệ Đảng hiện hành đã trình bày hoàn chỉnh và khái quát những nội dung chủ yếu là:

- Quá trình lịch sử hơn bảy thập kỷ đấu tranh kiên cường và thắng lợi vẻ vang của Đảng và của nhân dân Việt Nam;

- Bản chất của Đảng ta là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc;

- Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản;

- Nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng là tập trung dân chủ;

- Vai trò, trách nhiệm của Đảng ta là một đảng cầm quyền trong hệ thống chính trị và trong mối quan hệ mật thiết với nhân dân;

- Nhiệm vụ quốc tế của Đảng;

- Nhiệm vụ tự đổi mới, tự chỉnh đốn đảng.

Những nội dung đó đã thể hiện một cách đúng đắn và sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, phù hợp với tình hình và nhiệm vụ của Đảng trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta như Cương lĩnh chính trị của Đảng đã vạch ra.

Có một số ý kiến đề nghị nên ghi thêm trong phần mở đầu về đường lối phát triển kinh tế trong thời kỳ mới và trách nhiệm của Đảng trong việc lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ.

Ban Chấp hành Trung ương đề nghị giữ lại về cơ bản nội dung của phần mở đầu như Điều lệ Đảng hiện hành.

Đối với các ý kiến đề xuất bổ sung hai điểm nêu trên, Ban Chấp hành Trung ương đề nghị:

- *Bổ sung một điểm ở đoạn cuối của phần mở đầu về việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên,* để thể hiện nội dung đoạn văn này như sau:

"Đảng Cộng sản Việt Nam được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, không ngừng *nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên,* sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo cách mạng *của Đảng*".

- Không nên bổ sung vào Điều lệ Đảng vấn đề đường lối phát triển kinh tế vì vấn đề này đã được thể hiện hoàn chỉnh trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII trình Đại hội IX.

B. TRONG CÁC CHƯƠNG CỦA ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Qua nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thảo luận rộng rãi trong Đảng, đa số ý kiến tán thành giữ lại cấu trúc 12 chương và 48 điều của Điều lệ Đảng hiện hành. Trong 12 vấn đề mà Ban Chấp hành Trung ương đưa ra lấy ý kiến, nhiều ý kiến đề nghị giữ lại một số điểm quy định như trong Điều lệ Đảng hiện hành và tán thành bổ sung, sửa đổi một số điểm như sau:

1. Về tiêu chuẩn đảng viên và vấn đề đảng viên "không bóc lột" (điểm 1, Điều 1, Chương I)

Điều lệ Đảng các khóa trước đây chỉ ghi quy định về điều kiện của người vào Đảng, không ghi quy định về tiêu chuẩn

đảng viên. Điều lệ Đảng (Đại hội VIII) lần đầu tiên ghi rõ quy định về tiêu chuẩn đảng viên.

Qua thực tế thi hành Điều lệ Đảng từ Đại hội VIII đến nay, nhiều ý kiến cho rằng vấn đề tiêu chuẩn đảng viên ghi trong Điều lệ Đảng là một vấn đề cơ bản của Điều lệ Đảng; tạo cơ sở để tiến hành tốt việc chỉnh đốn, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, bảo đảm giữ vững bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của đội ngũ đảng viên trong thời kỳ đổi mới.

Về quy định đảng viên "không bóc lột" trong tiêu chuẩn đảng viên đã và đang gặp phải những vướng mắc về nhận thức và về chỉ đạo thực hiện cụ thể. Vì trong điều kiện thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó có kinh tế tư nhân và tư bản tư nhân, tất yếu phát sinh quan hệ chủ, thợ và những hành vi bóc lột với mức độ khác nhau trong xã hội, có liên quan đến không ít đảng viên và gia đình đảng viên, chúng ta chưa thể phân định được thật rạch ròi ranh giới giữa các hoạt động kinh tế có tính chất không bóc lột mà đảng viên được làm và những hoạt động kinh tế thực sự là bóc lột, đảng viên nhất định không được làm.

Tuy vấn đề "không bóc lột" chưa được lý giải một cách sáng tỏ trong lý luận và thực tiễn hiện nay, nhưng nhiều đồng chí cho rằng không thể bỏ qua quy định này được vì đây là một vấn đề nguyên tắc, phản ánh đúng bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng. Nếu xóa bỏ quy định đảng viên "không bóc lột" sẽ gây nên trong Đảng, trong xã hội ta và trong dư luận quốc tế sự hiểu lầm về đường lối chính trị của Đảng và có thể đặt câu hỏi: có phải Đảng Cộng sản Việt Nam muốn thay đổi về bản chất của Đảng hay không?

Với những điều phân tích trên, *Ban Chấp hành Trung ương đề nghị tiếp tục khẳng định giữ cụm từ "không bóc lột" như đã ghi trong Điều lệ Đảng hiện hành và quy định về đảng viên không được làm chủ doanh nghiệp tư bản tư nhân.* Đồng thời, chỉ đạo tiếp tục nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận và thực tế thế nào là tư bản tư nhân và các biểu hiện bóc lột hiện nay để có quy định cụ thể về mức độ hoạt động kinh tế của người đảng viên một cách đúng đắn và có hiệu quả.

2. Về nguyên tắc tập trung dân chủ (Điều 9, Chương II)

Điều lệ Đảng hiện hành đã kế thừa các quy định của Điều lệ Đảng các khóa trước đây, nêu sáu nội dung cơ bản của nguyên tắc tập trung dân chủ một cách đầy đủ, hoàn chỉnh.

Tuy nhiên, trong thực tế việc quán triệt và thực hiện nguyên tắc này ở các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên còn có nhiều thiếu sót, khuyết điểm trên cả hai mặt tập trung và dân chủ; nổi lên là chế độ sinh hoạt đảng, chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách vừa thiếu quy định cụ thể, vừa chấp hành không nghiêm túc và chặt chẽ nên đã dẫn đến ở không ít nơi vừa có tình trạng tập trung quan liêu, vi phạm dân chủ; vừa có biểu hiện dân chủ hình thức hoặc cực đoan, lỏng lẻo kỷ luật, cục bộ bản vị, gây mất đoàn kết, có nơi rất nghiêm trọng và kéo dài.

Nguyên nhân của tình trạng vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ nêu trên không phải do Điều lệ Đảng quy định chưa rõ, chưa chặt chẽ, mà chính là do nhận thức của nhiều cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên chưa thật sâu sắc, đầy đủ và nhất là việc thực hiện chưa nghiêm túc. Mặt khác,

việc nghiên cứu, tổng kết, cụ thể hóa, hướng dẫn, kiểm tra và chỉ đạo thực hiện nguyên tắc này còn yếu kém.

Vì vậy, *Ban Chấp hành Trung ương đề nghị không bổ sung, sửa đổi toàn văn nội dung của nguyên tắc tập trung dân chủ đã thể hiện trong Điều lệ Đảng hiện hành.*

Để khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm nêu trên, *đề nghị Đại hội giao cho Ban Chấp hành Trung ương khóa IX tăng cường chỉ đạo việc nghiên cứu, quán triệt, kiểm tra việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong toàn Đảng;* đồng thời tiếp tục *chỉ đạo việc cụ thể hóa và bổ sung quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, của các cấp ủy và tổ chức đảng ở các cấp; quy chế công tác cán bộ; quy chế phối hợp công tác giữa các cơ quan có liên quan; quy chế giám sát, kiểm tra; quy định về chế độ sinh hoạt và nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ ở các tổ chức cơ sở đảng.*

3. Về hệ thống tổ chức của Đảng (Chương II, Chương IX)

a) Về hệ thống tổ chức của Đảng ở các cấp (Điều 10, Chương II)

Điều lệ Đảng hiện hành quy định: "Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức của Nhà nước"; "... việc lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng theo quy định của Bộ Chính trị".

Quy định nêu trên dựa vào sự tổng kết, rút kinh nghiệm việc hình thành hệ thống tổ chức của Đảng ta qua các thời kỳ cách mạng, nhất là từ năm 1975 đến nay, khi Đảng ta cầm quyền trong phạm vi cả nước, đất nước hòa bình, thống nhất,

đội ngũ đảng viên và các tổ chức đảng ngày càng phát triển rộng khắp ở các địa phương và các loại cơ sở. Quy định đó nhấn mạnh hệ thống tổ chức của Đảng về cơ bản lập ra tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước (hệ thống hành chính - lãnh thổ từ cấp xã, phường, thị trấn đến cấp huyện, cấp tỉnh và cấp trung ương). Đó là hệ thống tổ chức bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ở mỗi cấp và của toàn Đảng. Đồng thời Điều lệ Đảng hiện hành còn nêu rõ quy định về việc lập các tổ chức cơ sở đảng tại các "đơn vị hành chính, sự nghiệp, kinh tế hoặc công tác, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh" và quy định về việc lập các tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng (như Quân đội, Công an...) theo quy định của Bộ Chính trị.

Tuy nhiên, do việc ghi quy định "Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức của Nhà nước" có thể hiểu là hệ thống đó bao gồm cả hệ thống các tổ chức kinh tế, văn hóa, xã hội, sự nghiệp... của Nhà nước trong phạm vi cả nước hoặc ở từng địa bàn, nên vẫn còn không ít ý kiến đề nghị lập các đảng bộ tổng công ty nhà nước có địa bàn hoạt động trong cả nước hoặc lập các đảng bộ bao gồm tổ chức đảng ở các đơn vị sự nghiệp trên một địa bàn (chủ yếu là ở các đảng bộ khối các trường học trên địa bàn cấp tỉnh, cấp huyện). Nếu làm như vậy thì sẽ thu hẹp dần các tổ chức đảng trực thuộc cấp ủy địa phương, làm hạn chế vai trò lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy địa phương trên địa bàn. Đương nhiên, xuất phát từ tình hình và yêu cầu thực tế, một số cấp ủy đã lập ra một số loại hình tổ chức đảng cấp trên của các tổ chức cơ sở đảng (không tương ứng với tổ chức hành chính của

Nhà nước) như đảng ủy khối các cơ quan ở cấp trung ương, cấp tỉnh hoặc đảng ủy khối các doanh nghiệp (nơi có nhiều doanh nghiệp) trực thuộc cấp mình. Các loại hình tổ chức đó lập ra là cần thiết và đa số hoạt động có tác dụng tốt nhưng chưa có quy định thống nhất.

Để khắc phục tình trạng hiểu và thực hiện không đúng quy định này, *Ban Chấp hành Trung ương đề nghị:*

- *Bổ sung thêm* từ *"hành chính"* vào điểm 1, Điều 10 thành quy định là "Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức *hành chính* của Nhà nước".

- *Giữ lại quy định về*: "Tổ chức cơ sở đảng được lập tại đơn vị cơ sở hành chính, sự nghiệp, kinh tế hoặc công tác, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh" và quy định về "Việc lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng theo quy định của Bộ Chính trị" như đã ghi trong Điều lệ Đảng hiện hành (điểm 2, Điều 10) là hợp lý, không cần bổ sung thêm quy định mới.

- *Đại hội IX giao cho Ban Chấp hành Trung ương khóa IX chỉ đạo việc nghiên cứu, sắp xếp lại các tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng* cho phù hợp với tình hình và yêu cầu mới.

b) Về tổ chức đảng trong các cơ quan hành pháp (Điều 43, Chương IX)

Ban cán sự đảng ở các cơ quan hành pháp được lập lại từ giữa nhiệm kỳ Đại hội VII, nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ở các cơ quan đó.

Trong mấy năm qua, các ban cán sự đảng đã hoạt động theo quyết định của Bộ Chính trị, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong các cơ quan hành pháp, đề cao được trách nhiệm của tập thể ban cán sự đảng, nhất là trong công tác cán bộ;

sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị và của các cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với hoạt động của các cơ quan hành pháp cấp trung ương và cấp tỉnh được chặt chẽ hơn, thuận lợi hơn.

Tuy nhiên, về tổ chức và hoạt động của các ban cán sự đảng cũng bộc lộ một số vấn đề vướng mắc như:

- Đầu mối ban cán sự đảng quá lớn nên Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị và các ban thường vụ cấp ủy địa phương không có điều kiện thực hiện chế độ làm việc và kiểm tra hoạt động của ban cán sự đảng một cách thường xuyên.

- Các vấn đề về công tác cán bộ mà Ban Cán sự Đảng Chính phủ, các ban cán sự đảng bộ, ngành, một số tổng công ty nhà nước và các đảng ủy khối cơ quan trung ương đều có trách nhiệm nhưng chưa thật rõ ranh giới, còn chồng chéo, gây chậm trễ công việc, nhất là việc quyết định về cán bộ do Trung ương trực tiếp quản lý.

- Các ban cán sự đảng Chính phủ, bộ, ngành, tổng công ty đều do Bộ Chính trị chỉ định, đều chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị. Cơ cấu tổ chức của Đảng như vậy, có phần không phù hợp với cơ cấu tổ chức và sự chỉ đạo điều hành của Thủ tướng Chính phủ đối với các bộ, ngành và tổng công ty là quan hệ chỉ đạo dọc.

Để khắc phục tồn tại nêu trên, có nhiều ý kiến đề nghị cải tiến mô hình tổ chức và hoạt động của các ban cán sự đảng thuộc hệ thống chính quyền hành pháp.

Có ý kiến đề nghị duy trì cơ cấu tổ chức các ban cán sự đảng ở các cấp chính quyền hành pháp như hiện nay, nhưng cần làm rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, mối quan hệ giữa các ban cán sự đảng với các đảng ủy khối cơ quan và

các ban đảng có liên quan. Có ý kiến đề nghị chỉ lập ban cán sự đảng ở một số cơ quan cần thiết; những nơi không lập ban cán sự đảng thì cần có quy định: tập thể lãnh đạo cơ quan hành pháp phải bàn và quyết định theo đa số những vấn đề về quán triệt và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách và về tổ chức, cán bộ ở cơ quan đó (tương tự như Quy định số 85-QĐ/TW của Ban Bí thư khóa VII đối với nhiệm vụ của tập thể lãnh đạo các ban của Đảng).

Ban Chấp hành Trung ương thấy rằng, đây là vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, tổng kết sâu sắc hơn mới có thể giải quyết đúng đắn. Do đó, *đề nghị giữ nguyên quy định về ban cán sự đảng ở các cơ quan hành pháp như Điều lệ Đảng hiện hành.* Việc điều chỉnh tổ chức và các mối quan hệ giữa các ban cán sự đảng ở các cơ quan hành pháp sẽ do Ban Chấp hành Trung ương khóa IX xem xét, quyết định cụ thể.

4. Về việc thôi tham gia cấp ủy của cấp ủy viên (điểm 4, Điều 13, Chương II)

Điều lệ Đảng hiện hành ghi:

"... Cấp ủy viên đương nhiệm ở đảng bộ nào, khi có quyết định nghỉ hoặc chuyển công tác đến đơn vị khác ngoài đảng bộ thì thôi tham gia cấp ủy đương nhiệm ở đảng bộ đó".

Quy định nêu trên chưa thể hiện rõ lý do mà cấp ủy viên nghỉ công tác để nghỉ hưu và chưa nêu các trường hợp Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương nghỉ công tác để nghỉ hưu.

Ban Chấp hành Trung ương đề nghị bổ sung quy định này như sau:

"Cấp ủy viên đương nhiệm ở đảng bộ *từ cấp tỉnh trở xuống* khi có quyết định *nghỉ công tác để nghỉ hưu* hoặc

chuyển công tác đến đơn vị khác ngoài đảng bộ thì thôi tham gia *các* cấp ủy đương nhiệm ở đảng bộ đó".

"Đối với Ủy viên Trung ương khi có quyết định thôi giữ chức vụ trong các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể để nghỉ hưu thì thôi tham gia Ban Chấp hành Trung ương đương nhiệm".

5. Về việc lập các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy các cấp (Điều 14, Chương II)

Điều lệ Đảng hiện hành quy định: "Cấp ủy mỗi cấp lập các cơ quan tham mưu, giúp việc theo hướng dẫn của Bộ Chính trị" (điểm 1, Điều 14).

Một số ý kiến đề nghị phải quy định cụ thể hơn về vấn đề này trong Điều lệ Đảng để khắc phục tình trạng ở nhiều nơi, cấp ủy đã lập nhiều cơ quan tham mưu, giúp việc với tổ chức, bộ máy cồng kềnh, chức năng, nhiệm vụ thiếu rõ ràng, hiệu quả làm việc thấp, biên chế ngày càng tăng...

Ban Chấp hành Trung ương đề nghị vẫn giữ nguyên quy định về lập các ban tham mưu, giúp việc của cấp ủy như trong Điều lệ Đảng hiện hành là đủ, không cần bổ sung thêm quy định mới. Để khắc phục những thiếu sót nêu trên, *đề nghị Ban Chấp hành Trung ương khóa IX chỉ đạo việc sắp xếp tổ chức bộ máy các ban tham mưu của cấp ủy các cấp* như kết luận đã ghi trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7, khóa VIII.

6. Về Đại hội đại biểu bất thường của Đảng ở các cấp (Chương III, IV, V)

Điều lệ Đảng hiện hành chỉ quy định về triệu tập "Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường" (điểm 3, Điều 15, Chương III),

không quy định về triệu tập đại hội đại biểu bất thường ở các cấp.

Từ thực tế hoạt động của Đảng trong nhiệm kỳ qua cho thấy:

Ở một số đảng bộ địa phương và cơ sở đã diễn ra tình trạng thiếu thống nhất, mất đoàn kết, vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nhiều cấp ủy viên và cán bộ, đảng viên bị xử lý kỷ luật, uy tín của tổ chức đảng giảm sút, nhưng do không có quy định về đại hội đại biểu bất thường nên việc củng cố tổ chức, tạo sự thống nhất về tư tưởng và hành động của đảng bộ, kiện toàn cấp ủy và ổn định tình hình ở những nơi đó rất khó khăn.

Để khắc phục tình hình nêu trên, *Ban Chấp hành Trung ương đề nghị:*

- Ở cấp trung ương: *giữ nguyên quy định về Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường:*

"Khi Ban Chấp hành Trung ương xét thấy cần hoặc khi có hơn một nửa số cấp ủy trực thuộc yêu cầu thì Ban Chấp hành Trung ương triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường. Đại biểu dự Đại hội bất thường là các Ủy viên Trung ương đương nhiệm, đại biểu đã dự Đại hội đại biểu toàn quốc đầu nhiệm kỳ đủ tư cách".

- *Ở cấp tỉnh, huyện, bổ sung quy định mới* ở điểm 3, Điều 18 như sau:

"Khi cấp ủy xét thấy cần hoặc khi có trên một nửa số cấp ủy trực thuộc yêu cầu và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý thì triệu tập đại hội đại biểu bất thường. Đại biểu dự đại hội đại biểu bất thường là các cấp ủy viên đương nhiệm, đại biểu đã dự đại hội đại biểu đảng bộ đầu nhiệm kỳ, đang sinh hoạt tại đảng bộ, đủ tư cách".

- *Ở cấp cơ sở, bổ sung quy định mới* ở điểm 3, Điều 22 như sau:

"Khi cấp ủy xét thấy cần hoặc khi có trên một nửa số tổ chức đảng trực thuộc yêu cầu và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý thì triệu tập đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên bất thường. Đại biểu dự đại hội đại biểu bất thường là các cấp ủy viên đương nhiệm, đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ đầu nhiệm kỳ, đang sinh hoạt tại đảng bộ, đủ tư cách. Dự đại hội đảng viên bất thường là những đảng viên của đảng bộ đó".

- *Điều kiện cần để triệu tập đại hội bất thường* là: khi có yêu cầu bổ sung chủ trương lớn và quan trọng của đảng bộ, hoặc khi có yêu cầu thay đổi lớn về tổ chức nhân sự của cấp ủy, hoặc do tình hình mất đoàn kết nghiêm trọng trong cấp ủy, đảng bộ. Về vấn đề này *đề nghị Ban Chấp hành Trung ương khóa IX có quy định cụ thể để thực hiện, không ghi vào Điều lệ Đảng.*

7. Về cơ quan lãnh đạo của Đảng ở cấp Trung ương (Chương III)

a) Về thành lập Ban Bí thư, cách thành lập, các thành viên, nhiệm vụ, quyền hạn và sự phân công của Ban Bí thư

Trong các nhiệm kỳ từ Đại hội II đến trước Đại hội VIII, Điều lệ Đảng quy định lập các cơ quan lãnh đạo ở cấp Trung ương là: Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Ban Bí thư các khóa có các thành viên: Tổng Bí thư, một số Ủy viên Bộ Chính trị do Bộ Chính trị phân công, một số Ủy viên Ban Bí thư do Ban Chấp hành Trung ương bầu trong

số các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Cơ cấu và sự phân công các Ủy viên Ban Bí thư như sau: Tổng Bí thư phụ trách chung, Bí thư thường trực (đồng thời là Ủy viên Bộ Chính trị thường trực), Bí thư kiêm chức trưởng các ban và cơ quan đảng: Tổ chức, Tuyên huấn, Kinh tế, Nội chính, Khoa giáo, Dân vận, Dân tộc, Đối ngoại, Văn phòng, Ủy ban Kiểm tra, Tổng cục Chính trị (không phải khóa nào cũng có đủ các thành viên nêu trên), Bí thư Thành ủy Hà Nội, một số khóa có các đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ, khóa III có một đồng chí là Bộ trưởng Tài chính, một đồng chí là Phó Chủ tịch Quốc hội, khóa IV có một đồng chí là Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (sau hơn một năm thì rút), khóa VII có một đồng chí Bí thư phụ trách công tác phụ nữ...

Riêng Ban Bí thư khóa VII có đa số các thành viên là các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách các mặt công tác xây dựng Đảng và các ban đảng, không có các đồng chí phụ trách các công việc của Nhà nước. Theo quy chế làm việc, có nhiều vấn đề phải qua hai, ba phiên họp để xem xét, giải quyết (họp Thường trực Bộ Chính trị, họp Ban Bí thư, họp Bộ Chính trị) nên các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị kiêm Ủy viên Ban Bí thư, nhất là đồng chí Tổng Bí thư và đồng chí Bí thư thường trực phải tham gia rất nhiều cuộc họp, mất nhiều thời gian, nhưng vẫn còn những vấn đề không được xem xét, giải quyết kịp thời. Để xử lý kịp thời những vấn đề chung có liên quan đến Đảng, Nhà nước, đoàn thể, cuối nhiệm kỳ Đại hội VII, Bộ Chính trị phân công bốn đồng chí thường trực Bộ Chính trị - Ban Bí thư, chịu trách nhiệm thường xuyên xử lý công việc hệ trọng về đối nội, đối ngoại.

Nhằm khắc phục những nhược điểm trên, Điều lệ Đảng được bổ sung, sửa đổi tại Đại hội VIII nêu quy định không lập Ban Bí thư, lập Thường vụ Bộ Chính trị (do Bộ Chính trị cử) bao gồm năm đồng chí thành viên Bộ Chính trị: đồng chí Tổng Bí thư, đồng chí Chủ tịch nước, đồng chí Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Ủy viên Thường trực Bộ Chính trị và đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị kiêm Trưởng ban Kinh tế Trung ương (từ Đại hội VIII đến Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII), sau đó là đồng chí Chủ tịch Quốc hội (từ Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII đến nay).

Từ Đại hội VIII đến nay, hoạt động của Bộ Chính trị và Thường vụ Bộ Chính trị có hiệu quả, bảo đảm sự lãnh đạo tập thể của Bộ Chính trị và việc thống nhất ý kiến trong việc xử lý công việc hệ trọng về đối nội, đối ngoại của Đảng, Nhà nước và toàn hệ thống chính trị. Tuy vậy, vẫn còn bộc lộ những mặt hạn chế và vướng mắc trong xử lý công việc như sau:

- Thường vụ Bộ Chính trị do Bộ Chính trị cử, không phải do Ban Chấp hành Trung ương bầu nên thẩm quyền giải quyết công việc bị hạn chế. Văn bản của Thường vụ Bộ Chính trị do đồng chí Ủy viên Thường vụ thường trực Bộ Chính trị ký phải lấy danh nghĩa Bộ Chính trị.

- Cơ cấu Thường vụ Bộ Chính trị là các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, từng đồng chí phải dành nhiều thì giờ giải quyết công việc cụ thể, hằng ngày, ảnh hưởng đến việc tập trung cho công tác nghiên cứu, chỉ đạo chiến lược; việc chỉ đạo công tác xây dựng Đảng và công tác kiểm tra của Đảng cũng có phần hạn chế.

Từ tình hình nêu trên, nhiều ý kiến đề nghị lập lại Ban Bí thư để xử lý công việc hằng ngày của Đảng, tạo điều kiện để các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị dành thì giờ tập trung vào những vấn đề chiến lược của đất nước. Ý kiến khác lại đề nghị chưa nên lập lại Ban Bí thư, vì chủ trương này mới thực hiện qua một khóa, cần có thêm thời gian để rút kinh nghiệm, nên duy trì Thường vụ Bộ Chính trị, tăng thêm một số thành viên, do Ban Chấp hành Trung ương bầu và cải tiến lề lối làm việc, khắc phục những nhược điểm nêu trên.

Qua nghiên cứu các ý kiến đó, *Ban Chấp hành Trung ương đề nghị lập lại Ban Bí thư Trung ương Đảng, thôi không lập Thường vụ Bộ Chính trị.* Như vậy cơ quan lãnh đạo của Đảng ở cấp Trung ương có:

- Ban Chấp hành Trung ương (do Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng bầu).

- Bộ Chính trị (do Ban Chấp hành Trung ương bầu).

- Ban Bí thư (gồm Tổng Bí thư, một số Ủy viên Bộ Chính trị do Bộ Chính trị phân công và một số Ủy viên Ban Bí thư do Ban Chấp hành Trung ương bầu trong số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương).

Ban Chấp hành Trung ương đề nghị bổ sung một số quy định mới như sau:

- **Về thành lập Ban Bí thư,** thể hiện ở điểm 1, Điều 17:

"Ban Chấp hành Trung ương bầu Bộ Chính trị; bầu Tổng Bí thư trong số Ủy viên Bộ Chính trị; thành lập Ban Bí thư gồm Tổng Bí thư, một số Ủy viên Bộ Chính trị do Bộ Chính trị phân công và một số Ủy viên Ban Bí thư do Ban Chấp hành Trung ương bầu trong số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương; bầu Ủy ban Kiểm tra Trung ương, bầu Chủ nhiệm

Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong số Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Số lượng Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư và Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương quyết định".

- **Về nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Bí thư,** thể hiện ở điểm 3, Điều 17:

"Ban Bí thư lãnh đạo công việc hằng ngày của Đảng: chỉ đạo công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng; kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; chỉ đạo sự phối hợp hoạt động giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị; quyết định một số vấn đề về tổ chức, cán bộ và một số vấn đề khác theo sự phân công của Ban Chấp hành Trung ương; chỉ đạo hoặc kiểm tra việc chuẩn bị các vấn đề đưa ra Bộ Chính trị thảo luận và quyết định".

- **Về sự phân công của Ban Bí thư:**

Gồm Tổng Bí thư phụ trách chung, một Ủy viên Bộ Chính trị kiêm Ủy viên Ban Bí thư Thường trực, một số Ủy viên Ban Bí thư phụ trách các mặt công tác đảng, công tác nhà nước, công tác mặt trận và đoàn thể. *Quy định này đề nghị nêu ở quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, không ghi vào Điều lệ Đảng.*

b) Về quy định: "Đồng chí Tổng Bí thư giữ chức vụ Tổng Bí thư không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp":

Theo quy định được ghi trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước "cán bộ đứng đầu từ cấp huyện, quận trở lên không giữ

một chức vụ quá hai nhiệm kỳ ở cùng một đơn vị, địa phương". Quy định này thể hiện sự đổi mới trong công tác cán bộ, đã được các cấp ủy đảng và cán bộ, đảng viên đồng tình. Nhiều ý kiến đề xuất là cần có quy định về đồng chí Tổng Bí thư giữ chức vụ Tổng Bí thư không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp để thực hiện thống nhất trong toàn Đảng quy định nêu trên.

Ban Chấp hành Trung ương đề nghị tiếp thu ý kiến này để ghi vào Điều lệ Đảng ở cuối điểm 1, Điều 17 là:

"Đồng chí Tổng Bí thư giữ chức vụ Tổng Bí thư không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp".

c) Về các vấn đề Thường trực Bộ Chính trị, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương và Tổng Bí thư kiêm Chủ tịch nước

Có ý kiến đề nghị cần có quy định cụ thể trong Điều lệ Đảng hoặc trong quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương về việc Bộ Chính trị phân công một số đồng chí làm nhiệm vụ Thường trực Bộ Chính trị; Ban Chấp hành Trung ương có thể cử Cố vấn và nếu cử Cố vấn thì phải ghi rõ quy chế làm việc của Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương; Tổng Bí thư kiêm Chủ tịch nước.

Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII đề nghị không ghi những vấn đề nêu trên vào Điều lệ Đảng; Ban Chấp hành Trung ương khóa IX sẽ căn cứ vào sự cần thiết, do tình hình và yêu cầu thực tế đặt ra để có *chủ trương phù hợp*.

8. Về tổ chức cơ sở đảng (Chương V)

Trong chương này, có một số ý kiến đề nghị nghiên cứu, bổ sung một số quy định về hai vấn đề sau:

a) Về nhiệm kỳ của đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên ở các tổ chức cơ sở đảng

Điều lệ Đảng hiện hành quy định về nhiệm kỳ đại hội và nhiệm kỳ của cấp ủy ở các tổ chức cơ sở đảng xã, phường, thị trấn 5 năm một lần; ở các loại cơ sở khác 5 năm hai lần; ở các chi bộ một năm một lần.

- Đối với cấp xã, phường, thị trấn: có một số ý kiến cho rằng ở cấp này, việc quy định nhiệm kỳ đại hội và nhiệm kỳ của cấp ủy 5 năm một lần chỉ phù hợp với nhiệm kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cũng 5 năm một lần; không phù hợp với tình hình ở cấp xã, phường, thị trấn là cấp thực hiện, đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo, phát huy dân chủ và đổi mới kịp thời cơ quan lãnh đạo; nếu nhiệm kỳ 5 năm một lần mà tình hình cơ sở có sự trì trệ thì chậm được khắc phục. Ý kiến khác lại cho rằng nên giữ quy định như Điều lệ Đảng hiện hành thì đội ngũ cán bộ được ổn định hơn, phù hợp với yêu cầu xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở; nếu có tình hình gì thật đặc biệt thì tổ chức đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên bất thường, không nên sửa lại quy định về nhiệm kỳ đối với cấp xã, phường, thị trấn là 5 năm hai lần.

- Đối với các chi bộ trực thuộc đảng ủy cấp cơ sở: có ý kiến đề nghị sửa lại quy định về nhiệm kỳ đại hội và nhiệm kỳ của chi ủy ở các chi bộ là 5 năm hai lần, sinh hoạt chi bộ hai tháng một lần.

Qua nghiên cứu các ý kiến nêu trên, Ban Chấp hành Trung ương thấy rằng Điều lệ Đảng hiện hành quy định nhiệm kỳ đại hội, nhiệm kỳ của cấp ủy cơ sở và chi bộ, chế độ sinh hoạt chi bộ mỗi tháng một lần là cơ bản đáp ứng yêu cầu, chưa thật cần thiết phải sửa đổi. Nếu sửa đổi sẽ tạo thêm những bất hợp lý mới.

Vì vậy, *Ban Chấp hành Trung ương đề nghị giữ nguyên quy định về nhiệm kỳ đại hội và nhiệm kỳ của cấp ủy ở cơ sở và chi bộ, chế độ sinh hoạt chi bộ như Điều lệ Đảng hiện hành.*

b) Về nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng

Điều lệ Đảng hiện hành quy định năm nhiệm vụ của các tổ chức cơ sở đảng. Đó là những nhiệm vụ cơ bản của tất cả các tổ chức cơ sở đảng, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức trong hệ thống chính trị, các mặt công tác, các tầng lớp nhân dân ở cơ sở.

Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng đối chiếu với yêu cầu mới, cần bổ sung một số vấn đề như: phải tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện quy chế dân chủ, chống quan liêu, tham nhũng thực sự có hiệu quả...

Mặt khác, cũng có ý kiến đề nghị: cùng với năm nhiệm vụ chung của các tổ chức cơ sở đảng, cần nghiên cứu, bổ sung một số quy định cụ thể đối với từng loại hình tổ chức cơ sở đảng có tính chất, đặc điểm khác nhau như: xã, phường, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị vũ trang... nhất là đối với các loại doanh nghiệp có quan hệ sở hữu khác nhau (quốc doanh, tập thể, có vốn đầu tư của nước ngoài, cổ phần, tư nhân...) để có sự vận dụng thực hiện một cách sát hợp.

Song nếu bổ sung thêm các quy định về nhiệm vụ chung và nhiệm vụ cụ thể của các loại hình tổ chức cơ sở đảng thì khuôn khổ Điều lệ Đảng sẽ phải kéo dài thêm. Mặt khác, do tình hình, đặc điểm ở các loại hình cơ sở rất đa dạng; một số loại hình cơ sở như doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cổ phần, tư nhân... đang trong quá trình phát triển, công tác xây dựng đảng ở đó chưa được tổng kết, rút kinh nghiệm thật sâu sắc, chín muồi.

Vì vậy, *Ban Chấp hành Trung ương đề nghị giữ nguyên quy định về nhiệm vụ của các tổ chức cơ sở đảng như Điều lệ Đảng hiện hành. Ban Chấp hành Trung ương khóa IX sẽ chỉ đạo nghiên cứu, ban hành văn bản Quy định cụ thể về nhiệm vụ của các tổ chức cơ sở đảng* để đáp ứng những yêu cầu mới nêu trên.

9. Về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam (Chương VI)

a) Về cơ cấu của Đảng ủy Quân sự Trung ương

Điều lệ Đảng hiện hành quy định: "Đảng ủy Quân sự Trung ương gồm một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Quân đội và một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài Quân đội...".

Có ý kiến đề nghị sửa lại quy định về các mức độ ***(một số*** hay ***các)*** Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương trong và ngoài Quân đội tham gia Đảng ủy Quân sự Trung ương.

Ban Chấp hành Trung ương đề nghị giữ nguyên quy định về cơ cấu Đảng ủy Quân sự Trung ương như Điều lệ Đảng hiện hành.

b) Về quy định đồng chí bí thư tỉnh ủy tham gia đảng ủy quân khu, các đồng chí bí thư cấp ủy địa phương tham gia đảng ủy và giữ chức bí thư đảng ủy quân sự cùng cấp (tỉnh, huyện); các đồng chí chỉ huy trưởng quân sự tỉnh, huyện tham gia ban thường vụ cấp ủy cùng cấp (điểm 2, 4, Điều 27)

Có nhiều ý kiến đề nghị giữ nguyên quy định về vấn đề này như Điều lệ Đảng hiện hành.

Ý kiến đó xuất phát từ nhận thức về hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và từ vị trí chiến lược về kinh tế - quốc phòng của các quân khu, các tỉnh, thành phố, cần phải tăng cường sự lãnh đạo tập trung thống nhất của cấp ủy địa phương trong công tác quốc phòng. Trong tình hình hiện nay, tổ chức quân đội đang được chấn chỉnh, lực lượng thường trực giảm, lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ có yêu cầu phải tăng cả về chất lượng và số lượng. Do đó, việc đồng chí bí thư tỉnh, thành ủy trực tiếp làm bí thư đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố... đã và sẽ góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo công tác quốc phòng và quân sự địa phương, kết hợp củng cố quốc phòng với phát triển kinh tế, giúp cho thường vụ cấp ủy địa phương nắm chắc lực lượng và từng cấp ủy địa phương kịp thời chỉ đạo các lực lượng vũ trang phối hợp với các ban, ngành xử lý, giải quyết đúng đắn, có hiệu quả các vấn đề phức tạp tại địa phương, giữ vững ổn định chính trị.

Tuy nhiên, cũng có một số ý kiến cho rằng quy định về đồng chí bí thư tỉnh ủy tham gia đảng ủy quân khu và tham gia đảng ủy quân sự tỉnh, giữ chức bí thư đảng ủy quân sự tỉnh chưa thật thiết thực; quy định về đồng chí chỉ huy trưởng quân sự tỉnh, huyện tham gia ban thường vụ cấp ủy cùng cấp cũng là cứng nhắc, chưa phù hợp với tình hình thực tế, cán bộ quân đội được giữ chức chỉ huy trưởng quân sự địa phương thay đổi luôn, chất lượng không đồng đều. Do đó đề nghị sửa đổi quy định này một cách linh hoạt hơn.

Ban Chấp hành Trung ương đề nghị giữ nguyên quy định trong Điều lệ Đảng hiện hành về các đồng chí bí thư tỉnh ủy tham gia đảng ủy quân khu và quy định của Ban Chấp hành

Trung ương về đồng chí bí thư cấp ủy tỉnh, huyện giữ chức bí thư đảng ủy quân sự tỉnh, huyện như hiện nay. Đồng thời *cần bổ sung làm rõ hơn quy chế hoạt động của đảng ủy quân khu và đảng ủy quân sự tỉnh, huyện* để thực hiện cơ chế đó có hiệu quả hơn, khắc phục tính hình thức, về đồng chí bí thư cấp ủy tỉnh, huyện giữ chức bí thư đảng ủy quân sự tỉnh, huyện là quy định của Ban Chấp hành Trung ương, *không ghi vào Điều lệ Đảng*.

Riêng về quy định *các đồng chí chỉ huy trưởng quân sự tỉnh, huyện* (và các đồng chí giám đốc công an tỉnh, huyện) *tham gia ban thường vụ cấp ủy cùng cấp* là cần thiết, nhưng phải *trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn, có sự xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể*, không phải là cơ cấu đương nhiên. Vấn đề này thuộc thẩm quyền chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, *không ghi vào Điều lệ Đảng*.

10. Về công tác kiểm tra và Ủy ban kiểm tra các cấp (Chương VII)

a) Về công tác kiểm tra của Đảng (Điều 30)

Từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, chấp hành Nghị quyết của Đại hội Đảng và các quy định của Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đã cụ thể hóa thành các nghị quyết, chỉ thị, các quy chế, quy định để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra. Nhiều cấp ủy và tổ chức đảng đã có tiến bộ đáng kể trong công tác kiểm tra, khắc phục một bước sự buông lỏng lãnh đạo công tác kiểm tra và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, vì vậy đã có tác dụng tích cực, thúc đẩy việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Tuy vậy, vẫn có một số cấp ủy và tổ chức đảng chưa quán triệt đầy đủ về vai trò, vị trí, ý nghĩa, tác dụng của nhiệm vụ công tác kiểm tra, trong hoạt động thực tiễn thường xuyên chưa coi đó là "một trong những chức năng lãnh đạo", một bộ phận quan trọng trong công tác xây dựng đảng, nên còn buông lỏng lãnh đạo công tác kiểm tra.

Do đó, trong quá trình nghiên cứu, thảo luận, có một số ý kiến đề nghị cần bổ sung vào điểm 1, Điều 30 cụm từ "Kiểm tra có vị trí rất quan trọng trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo của Đảng".

Ban Chấp hành Trung ương thấy rằng, trong điều kiện hiện nay, *Đảng ta cần phải tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra*, nhưng không nhất thiết phải bổ sung thêm quy định mới, *đề nghị giữ nguyên quy định ở điểm 1, Điều 30 Điều lệ Đảng hiện hành.*

b) Về cơ chế bầu ủy ban kiểm tra các cấp (Điều 31)

Trong nhiệm kỳ qua, ủy ban kiểm tra các cấp từ Trung ương đến cơ sở đã nỗ lực phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ do Điều lệ quy định, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và các cấp ủy cùng cấp giao.

Tuy nhiên, chất lượng và hiệu quả hoạt động của ủy ban kiểm tra các cấp còn một số mặt hạn chế, những nhiệm vụ trọng tâm như kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm; kiểm tra giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng; kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp... làm chưa được nhiều, chưa đáp ứng yêu cầu, còn có biểu hiện e ngại, né tránh. Không ít vụ vi phạm để kéo dài, không được xem xét và xử lý kịp thời;

khi kiểm tra, xử lý gặp nhiều khó khăn, tốn nhiều công sức, kết quả chưa cao.

Để bảo đảm cho ủy ban kiểm tra các cấp có đủ điều kiện thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, nhiều ý kiến cho rằng trong nhiệm kỳ tới cần tăng cường về số lượng và chất lượng ủy ban kiểm tra các cấp.

Có một số ý kiến đề nghị: ủy ban kiểm tra các cấp do Đại hội bầu sẽ nâng cao được vai trò, vị trí, quyền hạn của ủy ban kiểm tra và từng thành viên trong ủy ban kiểm tra. Nhưng có khó khăn là nếu không giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa cấp ủy và ủy ban kiểm tra, giữa ủy ban kiểm tra và các tổ chức đảng khác thì sẽ gây thêm trở ngại cho công tác lãnh đạo của cấp ủy hoặc ngược lại, việc đại hội bầu sẽ trở thành hình thức. Mặt khác, do đại hội bầu ra ủy ban kiểm tra nên khi cần thay đổi, bổ sung các thành viên ủy ban kiểm tra cũng sẽ gặp khó khăn hơn, nhất là đối với Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Do đó, *Ban Chấp hành Trung ương đề nghị giữ nguyên quy định như Điều lệ Đảng hiện hành về ủy ban kiểm tra các cấp do cấp ủy cùng cấp bầu, nhưng phải tăng thêm về số lượng và chất lượng các thành viên của ủy ban kiểm tra và cán bộ giúp việc ủy ban kiểm tra các cấp.*

c) Về việc chuẩn y các thành viên ủy ban kiểm tra (điểm 2, Điều 31)

Điều lệ Đảng hiện hành ghi: "Các thành viên ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y...".

Căn cứ vào tình hình thực tế và xét tương quan về chức trách, quyền hạn của các thành viên ủy ban kiểm tra, nhiều

ý kiến đề nghị cần bổ sung thêm quy định chuẩn y *phó chủ nhiệm* ủy ban kiểm tra các cấp dưới.

Ban Chấp hành Trung ương đề nghị bổ sung vào điểm 2, Điều 31 về việc chuẩn y các thành viên ủy ban kiểm tra các cấp như sau:

"Các thành viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, *phó chủ nhiệm* ủy ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y".

11. Về kỷ luật đảng (Chương VIII)

a) Về hình thức kỷ luật đối với đảng viên

Điều 35 Điều lệ Đảng khóa VIII quy định có bốn hình thức kỷ luật: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ.

Có ý kiến nhận xét rằng việc thực hiện quy định hiện hành về bốn hình thức kỷ luật đảng có một vài vướng mắc, cho là "không bình đẳng", chủ yếu là trong quan hệ giữa đảng viên không giữ chức vụ và đảng viên giữ chức vụ trong Đảng: đảng viên không có chức vụ thì nếu bị xử lý kỷ luật ở mức cao hơn hình thức cảnh cáo thì phải chịu hình thức kỷ luật khai trừ. Đảng viên có chức vụ thì còn phải qua hình thức cách chức rồi mới đến hình thức khai trừ. Vì vậy, đề nghị bỏ hình thức kỷ luật "cách chức", thay vào đó là hình thức kỷ luật "cảnh cáo nghiêm khắc". Cũng có ý kiến đề nghị khôi phục lại hình thức "lưu đảng" đã được áp dụng từ nhiều khóa trước đây.

Ngược lại, có nhiều ý kiến cho rằng không nên bỏ hình thức kỷ luật cách chức, thay bằng hình thức cảnh cáo nghiêm khắc vì chưa có cơ sở thực tiễn để khẳng định và cũng không nên khôi phục lại hình thức kỷ luật lưu đảng vì

kinh nghiệm cho thấy việc thực hiện hình thức kỷ luật này có nhiều nhược điểm.

Ban Chấp hành Trung ương đề nghị giữ nguyên quy định về bốn hình thức kỷ luật đảng như Điều lệ Đảng hiện hành.

b) Về thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm (điểm 3, Điều 36)

Tại đoạn 2, điểm 3, Điều 36, Điều lệ Đảng hiện hành quy định: "Bộ Chính trị quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị quản lý, nhưng không phải là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương".

Ban Chấp hành Trung ương đề nghị, nếu được Đại hội IX tán thành việc lập lại Ban Bí thư Trung ương Đảng thì *bổ sung quy định nêu trên* như sau:

"Bộ Chính trị, *Ban Bí thư* quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, *Ban Bí thư* quản lý, nhưng không phải là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương".

c) Về việc giải quyết khiếu nại kỷ luật trong Đảng (điểm 7, Điều 39)

Điều lệ Đảng hiện hành quy định: "Tổ chức đảng, đảng viên không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong vòng một tháng, kể từ ngày nhận quyết định, có quyền khiếu nại với cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương".

Có ý kiến đề nghị cần sửa lại quy định này, tổ chức đảng và đảng viên bị kỷ luật chỉ khiếu nại lên đến Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Bộ Chính trị vì thực tế, trong nhiều nhiệm kỳ qua, Ban Chấp hành Trung ương chưa giải quyết một trường hợp khiếu nại kỷ luật nào của đảng viên; mặt khác,

các đảng viên bị thi hành kỷ luật với hình thức khiển trách, cảnh cáo cũng thường khiếu nại đến cấp trung ương, làm cho các cơ quan trung ương và các cấp ủy cấp trên phải xem xét, xử lý rất nhiều vụ việc khiếu nại về kỷ luật.

Qua nghiên cứu các ý kiến đó, để bảo đảm quyền dân chủ của đảng viên, *Ban Chấp hành Trung ương đề nghị: giữ như quy định của Điều lệ Đảng hiện hành, không sửa lại quy định nêu trên.*

12. Về tài chính của Đảng (Điều 43, Chương XI)

Điều lệ Đảng hiện hành đã nêu quy định về nguồn tài chính của Đảng là dựa vào các nguồn thu từ "đảng phí do đảng viên đóng"; thu từ "các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp của Đảng", từ "ngân sách nhà nước" và "các khoản thu khác".

Trong những năm qua, các cấp ủy đảng lập ra nhiều doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo nguồn thu cho ngân sách đảng, đạt một số kết quả nhất định. Nhưng cũng đã nảy sinh nhiều mặt phức tạp. Một số doanh nghiệp do cấp ủy lập ra làm ăn thua lỗ, kém hiệu quả, thậm chí vi phạm pháp luật nghiêm trọng, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng. Từ đó đã có những ý kiến đề nghị các tổ chức đảng không nên duy trì các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh nữa. Song từ thực tế cũng có một số doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, nên có ý kiến đề nghị từ cấp tỉnh trở lên cần duy trì một số doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả.

Ban Chấp hành Trung ương đề nghị sửa lại điểm 1, Điều 46, Điều lệ Đảng như sau:

"Tài chính của Đảng gồm đảng phí do đảng viên đóng, từ ngân sách nhà nước và các khoản thu khác".

Về "các khoản thu khác" nêu trên có thể bao gồm nguồn thu từ các doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp của cấp ủy lập ra, hoạt động có hiệu quả cần được duy trì.

Ban Chấp hành Trung ương khóa IX sẽ quy định cụ thể về việc sắp xếp lại tổ chức và chỉ đạo hoạt động của các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp của Đảng một cách thực sự có hiệu quả.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

ĐIỀU LỆ
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
(Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2001)

Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân tiến hành Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược, xóa bỏ chế độ thực dân phong kiến, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc.

Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản.

Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn của đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.

Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình, thương yêu đồng chí, kỷ luật nghiêm minh, đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ, chịu sự giám sát của nhân dân; dựa vào nhân dân để xây dựng đảng; đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng lãnh đạo, tôn trọng và phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Đảng kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân, góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới.

Đảng Cộng sản Việt Nam được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo cách mạng của Đảng.

Chương I

ĐẢNG VIÊN

Điều 1.

1. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam là chiến sĩ cách mạng trong đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, suốt đời phấn đấu cho mục đích, lý tưởng của Đảng, đặt lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động lên trên lợi ích cá nhân; chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có lao động, không bóc lột, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; có đạo đức và lối sống lành mạnh; gắn bó mật thiết với nhân dân; phục tùng tổ chức, kỷ luật của Đảng, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng.

2. Công dân Việt Nam từ mười tám tuổi trở lên thừa nhận và tự nguyện: thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ đảng viên, hoạt động trong một tổ chức cơ sở đảng; qua thực tiễn chứng tỏ là người ưu tú, được nhân dân tín nhiệm, đều có thể được xét để kết nạp vào Đảng.

Điều 2.

Đảng viên có nhiệm vụ:

1. Tuyệt đối trung thành với mục đích lý tưởng cách mạng của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; phục tùng tuyệt đối sự phân công và điều động của Đảng.

2. Không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ kiến thức, năng lực công tác, phẩm chất chính trị, đạo đức

cách mạng, có lối sống lành mạnh; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, cục bộ, quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác.

3. Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân; tích cực tham gia công tác quần chúng, công tác xã hội nơi làm việc và nơi ở; tuyên truyền vận động gia đình và nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Tham gia xây dựng, bảo vệ đường lối, chính sách và tổ chức của Đảng; phục tùng kỷ luật, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng; thường xuyên tự phê bình và phê bình, trung thực với Đảng; làm công tác phát triển đảng viên; sinh hoạt đảng và đóng đảng phí đúng quy định.

Điều 3.

Đảng viên có quyền:

1. Được thông tin và thảo luận các vấn đề về Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; biểu quyết công việc của Đảng.

2. Ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Phê bình, chất vấn về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức; báo cáo, kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời.

4. Trình bày ý kiến khi tổ chức đảng nhận xét, quyết định công tác hoặc thi hành kỷ luật đối với mình.

Đảng viên dự bị có các quyền trên đây, trừ quyền biểu quyết, ứng cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo của Đảng.

Điều 4.

Thủ tục kết nạp đảng viên (kể cả kết nạp lại):

1. Người vào Đảng phải:

- Có đơn tự nguyện xin vào Đảng;
- Báo cáo trung thực lý lịch với chi bộ;
- Được hai đảng viên chính thức giới thiệu.

Nơi có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, người vào Đảng trong độ tuổi thanh niên phải là đoàn viên, được ban chấp hành đoàn cơ sở và một đảng viên chính thức giới thiệu.

2. Người giới thiệu phải:

- Là đảng viên chính thức và cùng công tác với người vào Đảng ít nhất một năm;
- Báo cáo với chi bộ về lý lịch, phẩm chất, năng lực của người vào Đảng và chịu trách nhiệm về sự giới thiệu của mình. Có điều gì chưa rõ thì báo cáo để chi bộ và cấp trên xem xét.

3. Trách nhiệm của chi bộ và cấp ủy:

- Trước khi chi bộ xét và đề nghị kết nạp, chi ủy kiểm tra lại điều kiện của người vào Đảng và lấy ý kiến nhận xét của tổ chức đoàn thể nơi người đó sinh hoạt.

Vấn đề lịch sử chính trị của người vào Đảng phải thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

- Chi bộ xét và đề nghị kết nạp từng người một, khi được ít nhất hai phần ba số đảng viên chính thức trong chi bộ tán thành thì đề nghị lên cấp ủy cấp trên; khi có quyết định của cấp ủy cấp trên, chi bộ tổ chức lễ kết nạp từng người một.
- Đảng ủy cơ sở xét, nếu được ít nhất hai phần ba số cấp ủy viên tán thành kết nạp thì đề nghị lên cấp ủy cấp trên trực tiếp.

- Ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng hoặc cấp ủy cơ sở được ủy quyền xét, quyết định kết nạp từng người một.

4. Nơi chưa có đảng viên hoặc có đảng viên nhưng chưa đủ điều kiện giới thiệu thì cấp ủy cấp trên trực tiếp cử đảng viên về làm công tác tuyên truyền, xem xét, giới thiệu kết nạp vào Đảng.

Trường hợp đặc biệt do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

Điều 5.

1. Người được kết nạp vào Đảng phải trải qua thời kỳ dự bị mười hai tháng, tính từ ngày chi bộ tổ chức lễ kết nạp. Trong thời kỳ dự bị, chi bộ tiếp tục giáo dục, rèn luyện và phân công đảng viên chính thức giúp đảng viên đó tiến bộ.

2. Khi hết thời kỳ dự bị, chi bộ xét công nhận đảng viên chính thức từng người một và biểu quyết như khi xét kết nạp; nếu không đủ tư cách đảng viên thì đề nghị lên cấp ủy có thẩm quyền quyết định xóa tên trong danh sách đảng viên dự bị.

3. Nghị quyết của chi bộ về đề nghị công nhận đảng viên chính thức phải được cấp ủy có thẩm quyền quyết định.

4. Tuổi đảng của đảng viên tính từ ngày ghi trong quyết định công nhận đảng viên chính thức.

Điều 6.

Việc phát và quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

Điều 7.

Đảng viên tuổi cao, sức yếu, tự nguyện xin giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng do chi bộ xem xét, quyết định.

Điều 8.

1. Đảng viên bỏ sinh hoạt chi bộ hoặc không đóng đảng phí ba tháng trong năm mà không có lý do chính đáng; đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, không làm nhiệm vụ đảng viên, đã được chi bộ giáo dục mà không tiến bộ thì chi bộ xem xét, đề nghị lên cấp có thẩm quyền xóa tên trong danh sách đảng viên.

2. Các trường hợp trên nếu đảng viên có khiếu nại thì chi bộ báo cáo cấp ủy có thẩm quyền xem xét.

3. Đảng viên xin ra khỏi Đảng do chi bộ xem xét, đề nghị cấp có thẩm quyền chuẩn y kết nạp quyết định.

Chương II

NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG

Điều 9.

Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nội dung cơ bản của nguyên tắc đó là:

1. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng do bầu cử lập ra, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

2. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng là Đại hội đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp ủy).

3. Cấp ủy các cấp báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước đại hội cùng cấp, trước cấp ủy cấp trên

và cấp dưới; định kỳ thông báo tình hình hoạt động của mình đến các tổ chức đảng trực thuộc, thực hiện tự phê bình và phê bình.

4. Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghị quyết của Đảng. Thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương.

5. Nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Đảng chỉ có giá trị thi hành khi có hơn một nửa số thành viên trong cơ quan đó tán thành. Trước khi biểu quyết, mỗi thành viên được phát biểu ý kiến của mình. Đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp ủy cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết của Đảng. Cấp ủy có thẩm quyền nghiên cứu xem xét ý kiến đó; không phân biệt đối xử với đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số.

6. Tổ chức đảng quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn của mình, song không được trái với nguyên tắc, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của cấp trên.

Điều 10.

1. Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước.

2. Tổ chức cơ sở đảng được lập tại đơn vị cơ sở hành chính, sự nghiệp, kinh tế hoặc công tác, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh. Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an

nhân dân Việt Nam theo quy định tại Chương VI. Việc lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định lập hoặc giải thể đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

Điều 11.

1. Cấp ủy triệu tập đại hội khi hết nhiệm kỳ, thông báo trước cho cấp dưới về thời gian và nội dung đại hội.

2. Cấp ủy triệu tập đại hội quyết định số lượng đại biểu và phân bổ cho các đảng bộ trực thuộc căn cứ vào số lượng đảng viên, số lượng đảng bộ trực thuộc, vị trí quan trọng của từng đảng bộ, theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Đại biểu dự đại hội gồm các ủy viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội và đại biểu do đại hội cấp dưới bầu.

4. Việc chỉ định đại biểu chỉ thực hiện đối với tổ chức đảng hoạt động trong điều kiện đặc biệt không thể mở đại hội để bầu cử được, theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

5. Đại biểu dự đại hội phải được đại hội thẩm tra tư cách và biểu quyết công nhận. Cấp ủy triệu tập đại hội không được bác bỏ tư cách đại biểu do đại hội cấp dưới bầu, trừ trường hợp đại biểu đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy, bị khởi tố, truy tố, tạm giam.

6. Đại hội chỉ hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba số đại biểu hoặc đảng viên được triệu tập tham dự và có ít nhất hai phần ba số tổ chức đảng trực thuộc có đại biểu tham dự.

7. Đại hội bầu đoàn chủ tịch (chủ tịch) để điều hành công việc của đại hội.

Điều 12.

1. Cấp ủy viên phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh; chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có kiến thức và năng lực tham gia lãnh đạo tập thể, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đoàn kết cán bộ, đảng viên, được quần chúng tín nhiệm.

2. Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương do Đại hội đại biểu toàn quốc quyết định; số lượng cấp ủy viên cấp nào do đại hội cấp đó quyết định, theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương. Cấp ủy các cấp cần được đổi mới, bảo đảm tính kế thừa và phát triển qua mỗi lần đại hội.

3. Đoàn chủ tịch (chủ tịch) hướng dẫn bầu cử:

- Đại biểu có quyền nhận xét, chất vấn về người ứng cử và người được đề cử;

- Danh sách bầu cử do đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua;

- Bầu cử bằng phiếu kín;

- Người trúng cử phải được số phiếu bầu quá một nửa so với tổng số đại biểu được triệu tập hoặc so với tổng số đảng viên chính thức của đảng bộ, chi bộ.

Trường hợp số người có số phiếu quá một nửa nhiều hơn số lượng cần bầu thì lấy số người có số phiếu cao hơn; nếu ở cuối danh sách trúng cử có nhiều người ngang phiếu nhau và nhiều hơn số lượng cần bầu thì bầu lại số người ngang phiếu đó để lấy người có số phiếu cao hơn, không cần phải quá một nửa. Trường hợp bầu lại mà số phiếu vẫn ngang nhau, có bầu nữa hay không do đại hội quyết định.

Nếu bầu một lần mà chưa đủ số lượng quy định, có bầu thêm nữa hay không do đại hội quyết định.

Điều 13.

1. Cấp ủy khóa mới nhận sự bàn giao từ cấp ủy khóa trước, điều hành công việc ngay sau khi được bầu và được công nhận chính thức khi có quyết định chuẩn y của cấp ủy cấp trên trực tiếp.

2. Việc bổ sung cấp ủy viên thiếu do cấp ủy đề nghị, cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định; số lượng cấp ủy viên sau khi bổ sung không vượt quá tổng số cấp ủy viên do đại hội đã bầu. Khi thật cần thiết, cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định tăng thêm một số cấp ủy viên cấp dưới.

3. Khi thật cần thiết, cấp ủy cấp trên có quyền điều động một số cấp ủy viên cấp dưới, nhưng không quá một phần ba tổng số cấp ủy viên do đại hội đã bầu.

4. Cấp ủy viên xin rút khỏi cấp ủy, do cấp ủy xem xét đề nghị lên cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định; đối với Ủy viên Trung ương, do Ban Chấp hành Trung ương quyết định. Cấp ủy viên đương nhiệm ở đảng bộ từ cấp tỉnh trở xuống, khi có quyết định nghỉ công tác để nghỉ hưu hoặc chuyển công tác đến đơn vị khác ngoài đảng bộ thì thôi tham gia các cấp ủy đương nhiệm ở đảng bộ đó.

Đối với Ủy viên Trung ương khi có quyết định thôi giữ chức vụ trong các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể để nghỉ hưu thì thôi tham gia Ban Chấp hành Trung ương đương nhiệm.

5. Đối với tổ chức đảng mới thành lập, cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định cấp ủy lâm thời; chậm nhất trong vòng một năm kể từ ngày có quyết định chỉ định, tổ chức đảng đó phải tiến hành đại hội; nếu kéo dài thêm thời gian phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý.

6. Đối với tổ chức đảng không thể mở đại hội được, cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định cấp ủy của tổ chức đảng đó.

Điều 14.

1. Cấp ủy mỗi cấp lập các cơ quan tham mưu giúp việc theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

2. Khi cần, cấp ủy lập tiểu ban, hội đồng, tổ công tác và giải thể khi hoàn thành nhiệm vụ.

Chương III

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG Ở CẤP TRUNG ƯƠNG

Điều 15.

1. Đại hội đại biểu toàn quốc do Ban Chấp hành Trung ương triệu tập thường lệ năm năm một lần; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm.

2. Đại hội đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của nhiệm kỳ vừa qua; quyết định đường lối, chính sách của Đảng nhiệm kỳ tới; bầu Ban Chấp hành Trung ương; bổ sung, sửa đổi Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng khi cần.

3. Khi Ban Chấp hành Trung ương xét thấy cần hoặc khi có hơn một nửa số cấp ủy trực thuộc yêu cầu thì Ban Chấp hành Trung ương triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường. Đại biểu dự Đại hội bất thường là các Ủy viên Trung ương đương nhiệm, đại biểu đã dự Đại hội đại biểu toàn quốc đầu nhiệm kỳ, đủ tư cách.

Điều 16.

1. Ban Chấp hành Trung ương tổ chức chỉ đạo thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đại hội;

quyết định những chủ trương, chính sách về đối nội, đối ngoại, công tác quần chúng và công tác xây dựng đảng; chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng nhiệm kỳ tiếp theo, Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường (nếu có).

2. Ban Chấp hành Trung ương họp thường lệ sáu tháng một lần; họp bất thường khi cần.

Điều 17.

1. Ban Chấp hành Trung ương bầu Bộ Chính trị; bầu Tổng Bí thư trong số Ủy viên Bộ Chính trị; thành lập Ban Bí thư gồm Tổng Bí thư, một số Ủy viên Bộ Chính trị do Bộ Chính trị phân công và một số Ủy viên Ban Bí thư do Ban Chấp hành Trung ương bầu trong số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương; bầu Ủy ban Kiểm tra Trung ương; bầu Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong số Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Số lượng Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư và Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

Đồng chí Tổng Bí thư giữ chức vụ Tổng Bí thư không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

2. Bộ Chính trị lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương; quyết định những vấn đề về chủ trương, chính sách, tổ chức, cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương; báo cáo công việc đã làm trước hội nghị Ban Chấp hành Trung ương hoặc theo yêu cầu của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Ban Bí thư lãnh đạo công việc hằng ngày của Đảng: chỉ đạo công tác xây dựng đảng và công tác quần chúng;

kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; chỉ đạo sự phối hợp hoạt động giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị; quyết định một số vấn đề về tổ chức, cán bộ và một số vấn đề khác theo sự phân công của Ban Chấp hành Trung ương; chỉ đạo hoặc kiểm tra việc chuẩn bị các vấn đề đưa ra Bộ Chính trị thảo luận và quyết định.

Chương IV

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG Ở CÁC CẤP ĐỊA PHƯƠNG

Điều 18.

1. Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đảng bộ huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh do cấp ủy cùng cấp triệu tập thường lệ năm năm một lần; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm.

2. Đại hội thảo luận văn kiện của cấp ủy cấp trên; đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua; quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới; bầu cấp ủy; bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

3. Khi cấp ủy xét thấy cần hoặc khi có trên một nửa số cấp ủy trực thuộc yêu cầu và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý thì triệu tập đại hội đại biểu bất thường.

Đại biểu dự đại hội đại biểu bất thường là các cấp ủy viên đương nhiệm, đại biểu đã dự đại hội đại biểu đảng bộ đầu nhiệm kỳ, đang sinh hoạt tại đảng bộ, đủ tư cách.

Điều 19.

1. Cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là tỉnh ủy, thành ủy), cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi tắt là huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy) lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu; nghị quyết, chỉ thị của cấp trên.

2. Hội nghị tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy, quận ủy, thị ủy do ban thường vụ triệu tập thường lệ ba tháng một lần; họp bất thường khi cần.

Điều 20.

1. Hội nghị tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy, quận ủy, thị ủy bầu ban thường vụ; bầu bí thư và phó bí thư trong số ủy viên thường vụ; bầu ủy ban kiểm tra; bầu chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trong số ủy viên ủy ban kiểm tra.

2. Số lượng ủy viên ban thường vụ và ủy viên ủy ban kiểm tra do cấp ủy quyết định theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Ban thường vụ lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của đại hội đại biểu, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cùng cấp và cấp trên; quyết định những vấn đề về chủ trương, tổ chức, cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của cấp ủy.

4. Thường trực cấp ủy gồm bí thư, các phó bí thư, chỉ đạo kiểm tra thực hiện nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy, của ban thường vụ và cấp ủy cấp trên; giải quyết công việc hằng ngày của đảng bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của ban thường vụ.

Chương V

TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

Điều 21.

1. Tổ chức cơ sở đảng (chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở) là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở.

2. Ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, hợp tác xã, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đơn vị cơ sở trong quân đội, công an và các đơn vị cơ sở khác có từ ba đảng viên chính thức trở lên, lập tổ chức cơ sở đảng; nếu chưa đủ ba đảng viên chính thức thì cấp ủy cấp trên trực tiếp giới thiệu đảng viên sinh hoạt ở tổ chức cơ sở đảng thích hợp.

3. Tổ chức cơ sở đảng dưới ba mươi đảng viên, lập chi bộ cơ sở, có các tổ đảng trực thuộc.

4. Tổ chức cơ sở đảng có từ ba mươi đảng viên trở lên, lập đảng bộ cơ sở, có các chi bộ trực thuộc đảng ủy.

5. Những trường hợp sau đây, cấp ủy cấp dưới phải báo cáo và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý mới được thực hiện:

- Lập đảng bộ cơ sở trong đơn vị cơ sở chưa đủ ba mươi đảng viên.
- Lập chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở có hơn ba mươi đảng viên.
- Lập đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng ủy cơ sở.

Điều 22.

1. Đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở đảng do cấp ủy cơ sở triệu tập: cơ sở xã, phường, thị trấn năm năm một lần; các cơ sở khác năm năm hai lần; có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá một năm đối với xã, phường và sáu tháng đối với các cơ sở khác.

2. Đại hội thảo luận văn kiện của cấp trên; đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua; quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới; bầu cấp ủy; bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

3. Khi cấp ủy xét thấy cần hoặc khi có trên một nửa số tổ chức đảng trực thuộc yêu cầu và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý thì triệu tập đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên bất thường.

Đại biểu dự đại hội đại biểu bất thường là các cấp ủy viên đương nhiệm, đại biểu đã dự đại hội đại biểu đảng bộ đầu nhiệm kỳ, đang sinh hoạt tại đảng bộ, đủ tư cách. Dự đại hội đảng viên bất thường là những đảng viên của đảng bộ đó.

4. Đảng ủy, chi ủy cơ sở họp thường lệ mỗi tháng một lần; họp bất thường khi cần.

5. Đảng ủy cơ sở có từ chín ủy viên trở lên bầu ban thường vụ; bầu bí thư, phó bí thư trong số ủy viên thường vụ; dưới chín ủy viên chỉ bầu bí thư, phó bí thư.

Điều 23.

Tổ chức cơ sở đảng có nhiệm vụ:

1. Chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đề ra chủ trương, nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, chi bộ và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả.

2. Xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ luật và tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng; thường xuyên giáo dục, rèn luyện và quản lý cán bộ, đảng viên, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, tính chiến đấu, trình độ kiến thức, năng lực công tác; làm công tác phát triển đảng viên.

3. Lãnh đạo xây dựng chính quyền, các tổ chức kinh tế, hành chính, sự nghiệp, quốc phòng, an ninh và các đoàn thể chính trị - xã hội trong sạch, vững mạnh; chấp hành đúng pháp luật và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

4. Liên hệ mật thiết với nhân dân, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân; lãnh đạo nhân dân tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

5. Kiểm tra việc thực hiện, bảo đảm các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh; kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng.

Đảng ủy cơ sở nếu được cấp ủy cấp trên trực tiếp ủy quyền thì được quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên.

Điều 24.

1. Chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở được tổ chức theo nơi làm việc hoặc nơi ở của đảng viên; mỗi chi bộ ít nhất có ba đảng viên chính thức. Chi bộ đông đảng viên có thể chia thành nhiều tổ đảng; tổ đảng bầu tổ trưởng, nếu cần thì bầu tổ phó; tổ đảng hoạt động dưới sự chỉ đạo của chi ủy.

2. Chi bộ lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị; giáo dục, quản lý và phân công công tác cho đảng viên; làm công tác vận động quần chúng và công tác phát triển đảng viên; kiểm tra, thi hành kỷ luật đảng viên; thu, nộp đảng phí. Chi bộ, chi ủy họp thường lệ mỗi tháng một lần.

3. Đại hội chi bộ do chi ủy triệu tập mỗi năm một lần; nơi chưa có chi ủy thì do bí thư chi bộ triệu tập. Khi được đảng ủy cơ sở đồng ý có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá ba tháng.

4. Chi bộ có dưới chín đảng viên chính thức, bầu bí thư chi bộ; nếu cần, bầu phó bí thư. Chi bộ có chín đảng viên chính thức trở lên, bầu chi ủy, bầu bí thư và phó bí thư chi bộ trong số chi ủy viên.

Chương VI

TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

Điều 25.

1. Đảng lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt; xây dựng Quân đội và Công an trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tham gia xây dựng đất nước.

2. Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam hoạt động theo Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Các ban của cấp ủy đảng theo chức năng giúp cấp ủy hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng đảng và công tác quần chúng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam.

Điều 26.

1. Đảng ủy Quân sự Trung ương (gọi tắt là Quân ủy Trung ương) do Bộ Chính trị chỉ định, gồm một số Ủy viên

Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Quân đội và một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài Quân đội, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Quân ủy Trung ương nghiên cứu đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, nhiệm vụ quân sự và quốc phòng; lãnh đạo mọi mặt trong Quân đội.

3. Tổng cục Chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị trong toàn quân, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Ban Bí thư và trực tiếp, thường xuyên của Quân ủy Trung ương. Ở mỗi cấp có cơ quan chính trị và cán bộ chính trị đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên.

Điều 27.

1. Cấp ủy đảng trong bộ đội chủ lực và bộ đội biên phòng ở cấp nào do đại hội cấp đó bầu, lãnh đạo các đơn vị thuộc cấp mình về mọi mặt; trường hợp đặc biệt do cấp ủy cấp trên chỉ định.

2. Đảng ủy quân khu gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân khu do đại hội cùng cấp bầu và các đồng chí bí thư tỉnh, thành ủy trên địa bàn quân khu được chỉ định tham gia; lãnh đạo thực hiện nghị quyết của cấp trên, nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; phối hợp với cấp ủy địa phương thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trong quân khu.

3. Tổ chức đảng quân sự địa phương ở cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương cấp đó về mọi mặt, đồng

thời chấp hành nghị quyết của đảng ủy quân sự cấp trên về nhiệm vụ quốc phòng toàn dân và công tác quân sự địa phương. Cơ quan chính trị cấp trên phối hợp với cấp ủy địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương.

4. Đảng ủy quân sự tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân sự địa phương do đại hội cùng cấp bầu, đồng chí bí thư cấp ủy địa phương và một số đồng chí ngoài đảng bộ quân sự địa phương được chỉ định tham gia theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Điều 28.

1. Đảng ủy Công an Trung ương do Bộ Chính trị chỉ định gồm một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong Công an nhân dân và một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài Công an nhân dân, một số đồng chí công tác thuộc Đảng bộ Công an Trung ương, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Đảng ủy Công an Trung ương nghiên cứu đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, chính sách, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; lãnh đạo mọi mặt công tác trong Công an.

2. Cấp ủy công an cấp nào do đại hội cấp đó bầu, trường hợp thật cần thiết do cấp ủy cấp trên chỉ định. Cấp ủy lãnh đạo các đơn vị thuộc cấp mình về mọi mặt.

3. Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong các đơn vị thuộc đảng bộ công an, hoạt động dưới

sự lãnh đạo của Đảng ủy Công an Trung ương; phối hợp với cấp ủy địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an địa phương.

4. Cơ quan xây dựng lực lượng công an mỗi cấp đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng trong đảng bộ, hoạt động dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan xây dựng lực lượng cấp trên.

Điều 29.

1. Tổ chức đảng công an nhân dân địa phương cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy cấp đó, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng ủy công an cấp trên về giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; lãnh đạo xây dựng lực lượng công an nhân dân ở địa phương và xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

2. Đảng ủy công an tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã do đại hội cùng cấp bầu và đồng chí ủy viên thường vụ cấp ủy tỉnh, thành, huyện, quận, thị ủy được chỉ định tham gia.

Chương VII
CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA ĐẢNG VÀ ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

Điều 30.

1. Kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra. Tổ chức đảng và đảng viên chịu sự kiểm tra của Đảng.

2. Các cấp ủy đảng lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên

chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Điều 31.

1. Ủy ban kiểm tra các cấp do cấp ủy cùng cấp bầu, gồm một số đồng chí trong cấp ủy và một số đồng chí ngoài cấp ủy.

2. Các thành viên ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y, nếu điều động chủ nhiệm ủy ban kiểm tra sang công tác khác phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý.

3. Ủy ban kiểm tra làm việc theo chế độ tập thể, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, kiểm tra của ủy ban kiểm tra cấp trên.

Điều 32.

Ủy ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ:

1. Kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

2. Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng.

3. Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị cấp ủy thi hành kỷ luật.

4. Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên; giải quyết khiếu nại về kỷ luật Đảng.

5. Kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp.

Điều 33.

Ủy ban kiểm tra có quyền yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra.

Chương VIII

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 34.

Tổ chức đảng và đảng viên có thành tích được khen thưởng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Điều 35.

1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật phải xử lý công minh, chính xác, kịp thời.

2. Hình thức kỷ luật:

- Đối với tổ chức đảng: khiển trách, cảnh cáo, giải tán;
- Đối với đảng viên chính thức: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ;
- Đối với đảng viên dự bị: khiển trách, cảnh cáo.

Điều 36.

Thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm:

1. Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ.

Đảng ủy cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ, cách chức cấp ủy viên cấp dưới.

Đảng ủy cơ sở được ủy quyền quyết định kết nạp đảng viên thì có quyền quyết định khai trừ đảng viên, nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý.

2. Cấp ủy tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cùng cấp.

Ban thường vụ cấp ủy quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp và cấp trên.

3. Ban Chấp hành Trung ương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, nhưng không phải là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

4. Ủy ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp; quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý và cấp ủy viên cấp dưới trực tiếp.

5. Cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp trên có quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật do cấp dưới quyết định.

6. Đảng viên giữ nhiều chức vụ bị kỷ luật cách chức thì tùy mức độ, tính chất vi phạm mà cách một hay nhiều chức vụ.

Điều 37.

Thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng vi phạm:

1. Cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định khiển trách, cảnh cáo tổ chức đảng cấp dưới.

2. Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng do cấp ủy cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp ủy cấp trên cách một cấp quyết định. Quyết định này phải báo cáo lên cấp ủy cấp trên trực tiếp và Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

3. Chỉ giải tán một tổ chức đảng khi tổ chức đó phạm một trong các trường hợp: có hành động chống đường lối, chính sách của Đảng; vi phạm đặc biệt nghiêm trọng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng hoặc pháp luật của Nhà nước.

Điều 38.

1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm không thuộc thẩm quyền quyết định kỷ luật của cấp mình thì đề nghị lên cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới không xử lý hoặc xử lý không đúng mức đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm thì cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên quyết định các hình thức kỷ luật theo thẩm quyền, đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng đó.

3. Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng và khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng cấp dưới đề nghị và do tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định.

Điều 39.

1. Đảng viên vi phạm phải kiểm điểm trước chi bộ, tự nhận hình thức kỷ luật; nếu từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam, tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật. Trường hợp cần thiết, cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp có thẩm quyền trực tiếp xem xét kỷ luật.

2. Tổ chức đảng vi phạm phải kiểm điểm, tự nhận hình thức kỷ luật và báo cáo lên cấp ủy cấp trên quyết định.

3. Trước khi quyết định kỷ luật, đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền nghe đảng viên vi phạm hoặc đại diện tổ chức đảng vi phạm trình bày ý kiến.

4. Quyết định của cấp dưới về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải báo cáo lên cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp; nếu đảng viên vi phạm tham gia nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng thì phải báo cáo đến các cơ quan lãnh đạo cấp trên mà đảng viên đó là thành viên.

5. Quyết định của cấp trên về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải được thông báo đến cấp dưới, nơi có tổ chức đảng và đảng viên vi phạm; trường hợp cần thông báo rộng hơn thì do cấp ủy có thẩm quyền quyết định.

6. Kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm có hiệu lực ngay sau khi công bố quyết định.

7. Tổ chức đảng, đảng viên không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong vòng một tháng, kể từ ngày nhận quyết định, có quyền khiếu nại với cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương.

Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật, thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

8. Khi nhận khiếu nại kỷ luật, cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra thông báo cho tổ chức đảng hoặc đảng viên khiếu nại biết; chậm nhất ba tháng đối với cấp tỉnh, thành phố, huyện, quận và tương đương, sáu tháng đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được khiếu nại, phải xem xét, giải quyết, trả lời cho tổ chức đảng và đảng viên khiếu nại biết.

9. Trong khi chờ giải quyết khiếu nại tổ chức đảng và đảng viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật.

Điều 40.

1. Đảng viên bị hình phạt từ cải tạo không giam giữ trở lên phải khai trừ ra khỏi Đảng.

2. Tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán, cấp ủy cấp trên trực tiếp lập tổ chức đảng mới hoặc giới thiệu sinh hoạt đảng cho số đảng viên còn lại.

3. Đảng viên bị kỷ luật cách chức, trong vòng một năm, kể từ ngày có quyết định, không được bầu vào cấp ủy, không được bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương và cao hơn.

4. Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng phải được cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra có thẩm quyền quyết định theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Chương IX

ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÀ NƯỚC VÀ ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Điều 41.

1. Đảng lãnh đạo Nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội bằng Cương lĩnh chính trị, chiến lược, chính sách, chủ trương; bằng công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ và kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

2. Đảng giới thiệu cán bộ đủ tiêu chuẩn để ứng cử hoặc bổ nhiệm vào cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội.

3. Tổ chức đảng và đảng viên công tác trong cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, chỉ thị của Đảng; tổ chức đảng lãnh đạo việc cụ thể hóa thành các văn bản luật pháp của Nhà nước, chủ trương của đoàn thể; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả.

Điều 42.

1. Trong cơ quan lãnh đạo của Nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội cấp Trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, do bầu cử lập ra, cấp ủy cùng cấp lập đảng đoàn gồm một số đảng viên công tác trong tổ chức đó. Nơi không lập đảng đoàn thì tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan đó thực hiện chức năng lãnh đạo theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

2. Đảng đoàn do cấp ủy cùng cấp chỉ định; có bí thư, nếu cần, có phó bí thư. Đảng đoàn làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm trước cấp ủy.

3. Đảng đoàn lãnh đạo, thuyết phục các thành viên trong tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; liên hệ mật thiết với nhân dân; đề xuất với cấp ủy về phương hướng, nhiệm vụ, tổ chức, cán bộ và quyết định theo thẩm quyền; kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng.

4. Khi cần, đảng đoàn triệu tập các đảng viên trong tổ chức để thảo luận chủ trương của cấp ủy và bàn biện pháp thực hiện.

Điều 43.

1. Trong cơ quan hành pháp, tư pháp cấp Trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cấp ủy cùng cấp lập Ban Cán sự Đảng gồm một số đảng viên công tác trong tổ chức đó. Nơi không lập Ban Cán sự Đảng thì tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan đó thực hiện chức năng lãnh đạo theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

2. Ban Cán sự Đảng do cấp ủy cùng cấp chỉ định; có bí thư, nếu cần, có phó bí thư. Ban Cán sự Đảng làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm trước cấp ủy.

3. Ban Cán sự Đảng lãnh đạo quán triệt và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; đề xuất với cấp ủy về phương hướng, nhiệm vụ, tổ chức, cán bộ và quyết định theo thẩm quyền; kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng.

Chương X

ĐẢNG LÃNH ĐẠO ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

Điều 44.

1. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng, thường xuyên bổ sung lực lượng trẻ cho Đảng, kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; là lực lượng nòng cốt trong phong trào thanh niên; là trường học xã hội chủ nghĩa; đại diện quyền lợi của thanh niên; phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.

2. Cấp ủy đảng lãnh đạo trực tiếp tổ chức đoàn cùng cấp về phương hướng, nhiệm vụ, tư tưởng, tổ chức, cán bộ.

Điều 45.

Đảng viên còn trong độ tuổi đoàn phải sinh hoạt và công tác trong tổ chức đoàn.

Chương XI

TÀI CHÍNH CỦA ĐẢNG

Điều 46.

1. Tài chính của Đảng gồm đảng phí do đảng viên đóng, từ ngân sách nhà nước và các khoản thu khác.

2. Ban Chấp hành Trung ương quy định thống nhất nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng, mức đóng đảng phí của đảng viên.

3. Hằng năm, cấp ủy nghe báo cáo và quyết định nhiệm vụ tài chính của cấp mình.

Chương XII

CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Điều 47.

Tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Đảng.

Điều 48.

Chỉ Đại hội đại biểu toàn quốc mới có quyền sửa đổi Điều lệ Đảng.

Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội,
2001, tr.3-61.

DANH SÁCH
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA IX

1.	Nguyễn Văn An	Trưởng Ban Tổ chức Trung ương
2.	Lê Hồng Anh	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương
3.	Lê Thị Bân	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh
4.	Trịnh Long Biên	Bí thư Tỉnh ủy Lai Châu
5.	Đào Đình Bình	Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải kiêm Tổng Giám đốc Liên hiệp Đường sắt Việt Nam
6.	Nguyễn Thái Bình	Bí thư Tỉnh ủy Trà Vinh
7.	Nguyễn Văn Chi	Quyền Trưởng ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương
8.	Trần Thị Trung Chiến	Bộ trưởng - Chủ nhiệm Ủy ban Dân số và Kế hoạch hóa gia đình
9.	Vũ Tiến Chiến	Bí thư Tỉnh ủy Yên Bái
10.	Nguyễn Văn Chiền	Bí thư Tỉnh ủy Hải Dương

11.	Hoàng Xuân Cừ	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ
12.	Nguyễn Quốc Cường	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang
13.	Phan Diễn	Bí thư Thành ủy Đà Nẵng
14.	Nguyễn Thị Doan	Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương
15.	Ngô Văn Dụ	Phó Văn phòng Trung ương Đảng
16.	Lê Văn Dũng	Trung tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng tham mưu trưởng
17.	Hồ Nghĩa Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thép Việt Nam
18.	Nguyễn Tấn Dũng	Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ
19.	Đỗ Bình Dương	Tổng Kiểm toán Nhà nước
20.	Mai Thế Dương	Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Bắc Kạn
21.	Huỳnh Đảm	Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
22.	Phan Tấn Đạt	Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu
23.	Nguyễn Văn Đẳng	Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp - Phát triển nông thôn
24.	Nguyễn Khoa Điềm	Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin
25.	Chamaléa Điêu	Bí thư Tỉnh ủy Ninh Thuận

26. Nguyễn Văn Được	Trung tướng, Tư lệnh Quân khu 5
27. Trương Quang Được	Trưởng ban Dân vận Trung ương
28. Lê Nam Giới	Bí thư Tỉnh ủy Cần Thơ
29. Hoàng Trung Hải	Thứ trưởng Bộ Công nghiệp
30. Lê Thanh Hải	Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
31. Trần Mai Hạnh	Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam
32. Nguyễn Đức Hạt	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam
33. Nguyễn Thị Hằng	Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
34. Cù Thị Hậu	Chủ tịch Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam
35. Hà Văn Hiền	Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ninh
36. Vũ Văn Hiền	Phó Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản
37. Vũ Văn Hiến	Phó Tổng giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam
38. Nguyễn Minh Hiển	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
39. Nguyễn Văn Hiện	Thành ủy viên, Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội
40. Nguyễn Huy Hiệu	Trung tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng

41.	Trương Mỹ Hoa	Phó Chủ tịch Quốc hội
42.	Trần Hòa	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
43.	Trần Đình Hoan	Chánh Văn phòng Trung ương Đảng
44.	Hoàng Công Hoàn	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Lạng Sơn
45.	Hoàng Văn Hon	Bí thư Tỉnh ủy Hòa Bình
46.	Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương
47.	Lê Doãn Hợp	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An
48.	Bùi Văn Huấn	Thiếu tướng, Phó Tư lệnh Chính trị Quân khu 9
49.	Nguyễn Sinh Hùng	Bộ trưởng Bộ Tài chính
50.	Vũ Quốc Hùng	Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương
51.	Bùi Quang Huy	Bí thư Tỉnh ủy Cà Mau
52.	Bùi Quốc Huy	Thường vụ Thành ủy, Thiếu tướng, Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh
53.	Võ Đức Huy	Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi
54.	Đinh Thế Huynh	Phó Tổng biên tập Báo Nhân dân
55.	Lê Minh Hương	Thượng tướng, Bộ trưởng Bộ Công an

56. Nguyễn Văn Hưởng	Thiếu tướng, Tổng Cục trưởng Tổng cục An ninh Bộ Công an
57. Huỳnh Hữu Kha	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang
58. Phan Văn Khải	Thủ tướng Chính phủ
59. Nguyễn Tuấn Khanh	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang
60. Phạm Gia Khiêm	Phó Thủ tướng Chính phủ
61. Hà Thị Khiết	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
62. Vũ Khoan	Bộ trưởng Bộ Thương mại
63. Nguyễn Đức Kiên	Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan
64. Phan Trung Kiên	Trung tướng, Tư lệnh Quân khu 7
65. Vũ Trọng Kim	Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị
66. Hoàng Kỳ	Thiếu tướng, Tư lệnh Quân khu 3
67. Vũ Ngọc Kỳ	Bí thư Tỉnh ủy Hà Giang
68. Phạm Văn Long	Thiếu tướng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị
69. Nguyễn Hữu Luật	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước
70. Trần Đức Lương	Chủ tịch Nước
71. Uông Chu Lưu	Thứ trưởng Bộ Tư pháp

72. Hồ Xuân Mãn	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế
73. Nông Đức Mạnh	Chủ tịch Quốc hội
74. Vũ Mão	Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội
75. Đặng Vũ Minh	Giám đốc Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia
76. Nguyễn Ánh Minh	Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận
77. Nguyễn Tuấn Minh	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
78. Đỗ Hoài Nam	Phó Giám đốc thường trực Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia
79. Mai Văn Năm	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương
80. Nguyễn Thị Kim Ngân	Thứ trưởng Bộ Tài chính
81. Hồ Tiến Nghị	Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam
82. Phạm Quang Nghị	Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam
83. Lê Hữu Nghĩa	Phó Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
84. Hoàng Văn Nghiên	Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

85.	Nguyễn Khắc Nghiên	Thiếu tướng, Phó Tư lệnh - Tham mưu trưởng Quân khu 2
86.	Lê Huy Ngọ	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp - Phát triển nông thôn
87.	Tạ Quang Ngọc	Bộ trưởng Bộ Thủy sản
88.	Nguyễn Dy Niên	Bộ trưởng Bộ Ngoại giao
89.	Tráng A Pao	Phó Trưởng ban Dân vận Trung ương
90.	Nguyễn Tấn Phát	Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
91.	Hoàng Văn Phong	Thành ủy viên, Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
92.	Tòng Thị Phóng	Bí thư Tỉnh ủy Sơn La
93.	Phạm Đình Phú	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên
94.	Phùng Hữu Phú	Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội
95.	Võ Hồng Phúc	Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
96.	Giàng Seo Phử	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai
97.	Ksor Phước	Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai
98.	Đỗ Nguyên Phương	Bộ trưởng Bộ Y tế
99.	Lê Hoàng Quân	Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai
100.	Hoàng Bình Quân	Quyền Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

101. Nguyễn Hồng Quân	Thứ trưởng Bộ Xây dựng
102. Nguyễn Văn Quân	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long
103. Nguyễn Tấn Quyên	Bí thư Tỉnh ủy Sóc Trăng
104. Trịnh Trọng Quyền	Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa
105. Nguyễn Văn Rinh	Trung tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng
106. Tô Huy Rứa	Bí thư Thành ủy Hải Phòng
107. Trương Tấn Sang	Trưởng ban Kinh tế Trung ương
108. Nguyễn Văn Son	Trưởng ban Đối ngoại Trung ương
109. Khuất Hữu Sơn	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tây
110. Sơn Song Sơn	Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh
111. Đỗ Trung Tá	Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam
112. Lê Thanh Tâm	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Long An
113. Lê Bình Thanh	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La
114. Nguyễn Phúc Thanh	Phó Chủ tịch Quốc hội
115. Phùng Quang Thanh	Trung tướng, Tư lệnh Quân khu 1

116. Quách Lê Thanh	Bí thư Đảng ủy khối Nội chính Trung ương, Phó Trưởng ban Nội chính Trung ương
117. Tạ Hữu Thanh	Tổng Thanh tra Nhà nước
118. Nguyễn Thế Thảo	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh
119. Dương Mạc Thăng	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng
120. Võ Thị Thắng	Tổng Cục trưởng Tổng cục Du lịch
121. Đào Trọng Thi	Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội
122. Phạm Văn Thọ	Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương
123. Nguyễn Thị Hoài Thu	Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội
124. Niê Thuột	Thường vụ Tỉnh ủy, Thượng tá, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk
125. Lê Đức Thúy	Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
126. Lê Thế Tiệm	Thiếu tướng, Thứ trưởng Bộ Công an
127. Bùi Sĩ Tiếu	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình
128. Nguyễn Văn Tình	Đại tá, Phó Tư lệnh chính trị Quân chủng Hải quân

129. Ma Thanh Toàn	Thiếu tướng, Tư lệnh Quân khu 2
130. Nguyễn Khánh Toàn	Thiếu tướng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Công an
131. Phạm Văn Trà	Thượng tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng
132. Hà Mạnh Trí	Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
133. Nguyễn Thế Trị	Trung tướng, Giám đốc Học viện Quốc phòng
134. Nguyễn Minh Triết	Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh
135. Nguyễn Đức Triều	Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam
136. Nguyễn Phú Trọng	Bí thư Thành ủy Hà Nội
137. Trương Vĩnh Trọng	Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp
138. Đỗ Quang Trung	Bộ trưởng - Trưởng ban Tổ chức cán bộ Chính phủ
139. Mai Thế Trung	Phó Bí thư Tỉnh ủy Bình Dương
140. Trần Văn Truyền	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre
141. Mai Ái Trực	Bí thư Tỉnh ủy Bình Định
142. Trần Văn Tuấn	Bí thư Tỉnh ủy Nam Định
143. Phạm Minh Tuyên	Bí thư Tỉnh ủy Ninh Bình

144. Trương Đình Tuyển	Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An
145. Nguyễn Văn Tự	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa
146. Y Vêng	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum
147. Hồ Đức Việt	Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên
148. Lâm Chí Việt	Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang
149. Hồng Vinh (Nguyễn Duy Lự)	Tổng biên tập Báo Nhân dân
150. Nguyễn Văn Yểu	Phó Chủ tịch Quốc hội

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ IX ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam họp từ ngày 19-4-2001 đến ngày 22-4-2001 tại Thủ đô Hà Nội,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua Báo cáo chính trị, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 và Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII trình Đại hội; giao cho Ban Chấp hành Trung ương khóa IX căn cứ vào kết quả biểu quyết và những kết luận của Đại hội để hoàn chỉnh và chính thức ban hành.

2. Thông qua toàn văn Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đã được bổ sung, sửa đổi.

3. Giao cho Ban Chấp hành Trung ương khóa IX và các cấp ủy đảng xây dựng kế hoạch và chương trình hành động cụ thể để tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối và những chủ trương đã nêu trong các văn kiện Đại hội.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, phát huy truyền thống vẻ vang và sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc, của toàn Đảng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước tiến lên trong thế kỷ XXI.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2001

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ IX
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Sđd, tr.340-341.



Đồng chí **Nông Đức Mạnh**
Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX

DIỄN VĂN BẾ MẠC ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ IX ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Do đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX trình bày ngày 22 tháng 4 năm 2001)*

Thưa Đoàn Chủ tịch,
Thưa các đồng chí đại biểu,
Thưa các vị khách quốc tế và các vị khách mời của Đại hội,

Sau những ngày làm việc tích cực, khẩn trương và đầy tinh thần trách nhiệm trước toàn Đảng và toàn dân, chúng ta đã hoàn thành toàn bộ chương trình của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Đại hội đã thảo luận và nhất trí thông qua các văn kiện quan trọng: Báo cáo chính trị; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010; Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005; Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi).

Các văn kiện được thông qua tại Đại hội là sản phẩm kết tinh trí tuệ, thể hiện ý chí và quyết tâm của toàn Đảng và

---

* Đầu đề do chúng tôi đặt (*B.T*).

toàn dân ta; là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những giá trị của nhân loại vào giai đoạn cách mạng hiện nay của nước ta. Đường lối do Đại hội IX đề ra là một bước phát triển và cụ thể hóa Cương lĩnh chính trị năm 1991, tiếp tục phát triển đường lối của Đại hội VI, Đại hội VII và Đại hội VIII của Đảng. Những quyết định chính trị trọng đại của Đại hội thể hiện trong các văn kiện cho phép chúng ta khẳng định rằng Đại hội đánh dấu một bước trưởng thành mới của Đảng, đáp ứng ý chí và nguyện vọng của toàn Đảng và toàn dân.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm những đồng chí có đủ tiêu chuẩn, phẩm chất và năng lực, tiêu biểu cho hơn 2 triệu đảng viên của Đảng, thể hiện tính liên tục, kế thừa và đổi mới. Đại hội mong muốn và tin tưởng mỗi thành viên và toàn thể Ban Chấp hành Trung ương khóa IX hãy xứng đáng với sự ủy thác của toàn Đảng, trên mỗi cương vị được giao hãy ra sức rèn luyện, phấn đấu về mọi mặt, thực sự là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến, góp phần tích cực xây dựng Ban Chấp hành Trung ương - Bộ Tham mưu chiến đấu cao nhất của Đảng ta - thực sự có đủ phẩm chất, bản lĩnh, trí tuệ, năng lực lãnh đạo toàn Đảng và toàn dân thực hiện thắng lợi đường lối do Đại hội đề ra.

Với những kết quả nói trên, chúng ta có thể báo cáo với toàn Đảng, toàn dân: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam đã thành công tốt đẹp.

Thưa các đồng chí,

Kết quả Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng ta có ý nghĩa rất to lớn, mở ra một thời kỳ mới phát triển đất nước trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI.

Tương lai của dân tộc ta rất sáng lạn, song con đường đi tới còn không ít khó khăn, thử thách. Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới trong thời kỳ mới tùy thuộc vào khả năng nhận rõ và chủ động nắm bắt thời cơ, khắc phục nguy cơ của đất nước và của từng ngành, từng lĩnh vực và địa bàn cụ thể. Vì vậy, trong nhận thức và trong hành động của mỗi cán bộ, đảng viên và mỗi người dân phải quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm và các quyết sách do Đại hội IX đề ra, nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường của dân tộc, đồng thời mở rộng quan hệ với bạn bè trên thế giới; rèn luyện bản lĩnh, nắm vững thời cơ, khắc phục nguy cơ, bảo đảm ổn định và phát triển đất nước. Vì vậy, các cấp uỷ và tổ chức đảng cần tập trung chỉ đạo quá trình tổ chức nghiên cứu, quán triệt sâu sắc và quyết tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, biến Nghị quyết Đại hội thành hiện thực.

Để làm tròn nhiệm vụ trước dân tộc trong thời kỳ mới, yêu cầu vừa cơ bản, vừa cấp bách đối với Đảng ta là phải tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng luôn luôn trong sạch và vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, về phẩm chất đạo đức, trí tuệ, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu; phát huy ưu điểm và nhân tố mới, kiên quyết sửa chữa khuyết điểm và đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các tiêu cực, nhất là tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh từ chi bộ, cơ sở. Đó là yếu tố quyết định thành công của quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và là yếu tố sống còn đối với vận mệnh của Đảng.

Đại hội kêu gọi mỗi đảng viên của Đảng dù ở cương vị công tác nào, hãy ra sức rèn luyện phẩm chất đạo đức, trí tuệ,

năng lực lãnh đạo và hoạt động thực tiễn để luôn luôn xứng đáng với danh hiệu quang vinh là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng được Chủ tịch Hồ Chí Minh xây dựng và rèn luyện, gương mẫu đi đầu và vận động nhân dân thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta hãy tăng cường đoàn kết, phát huy truyền thống yêu nước trong thời kỳ mới, năng động và sáng tạo, ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ do Đại hội IX đề ra, làm cho đất nước ta sớm ra khỏi cảnh đói nghèo, kém phát triển, cơ bản trở thành nước công nghiệp theo mục tiêu mà Đại hội IX đã xác định, giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Thưa các đồng chí,

Đại hội đánh giá cao sự cống hiến trong nhiệm kỳ qua và rất cảm kích về đề nghị của nhiều đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị khóa VIII không tái ứng cử vào Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, tạo điều kiện trẻ hóa cơ quan lãnh đạo của Đảng trong nhiệm kỳ mới. Xin chúc các đồng chí mạnh khỏe, tiếp tục cống hiến khả năng và kinh nghiệm của mình cho sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới.

Thưa Đại hội,

Từ khi nhận nhiệm vụ Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương đến nay, các đồng chí Cố vấn Đỗ Mười, Lê Đức Anh và Võ Văn Kiệt đã tiếp tục có những cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của đất nước. Các đồng chí đã góp nhiều ý kiến quan trọng vào sự lãnh đạo của Ban Chấp hành

Trung ương, Bộ Chính trị, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ Đại hội VIII đã đề ra. Từ đáy lòng mình, chúng ta chân thành chúc các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc, tiếp tục cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân.

Đại hội chúng ta trân trọng ghi nhận những đóng góp quan trọng của đồng chí Lê Khả Phiêu, kể từ khi nhận nhiệm vụ Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng đến nay, đã có những đóng góp tích cực trong việc tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, bảo đảm sự ổn định và phát triển của đất nước, mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao vị thế của nước ta trong khu vực và trên thế giới. Đồng chí đã có đóng góp quan trọng trong việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về xây dựng và chỉnh đốn Đảng, đoàn kết nội bộ, phát huy dân chủ trong sinh hoạt của Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương; tích cực chống tham nhũng. Đồng chí luôn kiên định lập trường cách mạng, sống giản dị, gần gũi và lắng nghe ý kiến nhân dân. Chúng ta xin chúc đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc, tiếp tục cống hiến cho Đảng, cho đất nước.

Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh và chân thành cảm ơn các đồng chí lão thành cách mạng, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các nhân sĩ, trí thức, các vị chức sắc tôn giáo, đồng bào, chiến sĩ cả nước và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đã đóng góp trí tuệ xây dựng các văn kiện Đại hội, lập nhiều thành tích chào mừng Đại hội và gửi đến Đại hội nhiều điện, thư chúc mừng nồng nhiệt.

Đại hội chân thành cảm ơn các đoàn đại biểu các Đảng Cộng sản, công nhân, các Đảng cầm quyền đã đem đến Đại hội,

đến Đảng ta và nhân dân ta những tình cảm hữu nghị, chân tình, góp phần quý báu vào thành công của Đại hội.

Đại hội chân thành cảm ơn sự có mặt của đoàn ngoại giao, đại diện các tổ chức quốc tế tại nước ta, các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình trong nước và nước ngoài đã đến dự và đưa tin kịp thời về Đại hội.

Cũng từ diễn đàn trọng thể này, Đại hội chúng ta bày tỏ lòng biết ơn và tình đoàn kết sâu sắc của Đảng và nhân dân ta với các Đảng Cộng sản và công nhân cùng nhân dân và bầu bạn xa gần đã hết lòng ủng hộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta hơn bảy thập kỷ qua và trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

Đại hội biểu dương và cảm ơn Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội và toàn thể cán bộ, chuyên viên, các chiến sĩ, công nhân, nhân viên đã tận tuỵ ngày đêm phục vụ Đại hội, góp phần tích cực vào thành công của Đại hội.

Thưa các đồng chí,

Thành công của Đại hội là nguồn sức mạnh mới hết sức to lớn để tăng cường hơn nữa sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng và khối đại đoàn kết dân tộc. Chặng đường trước mắt có những thuận lợi mới và những cơ hội mới, đồng thời cũng đầy khó khăn và thách thức mới, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân đoàn kết một lòng, nỗ lực phấn đấu vượt qua.

Trước mắt chúng ta là việc tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết Đại hội, biến Nghị quyết của Đảng thành hành động của quần chúng, tạo ra những bước tiến mới trong tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội IX.

Được Đại hội trao cho gánh vác trọng trách trước Đảng và dân tộc, nhận rõ đầy đủ trách nhiệm nặng nề mà Đại hội

giao cho, Ban Chấp hành Trung ương khóa IX và cá nhân tôi nguyện đem hết sức mình, đồng tâm hiệp lực, gương mẫu trong sinh hoạt và công tác, không ngừng nâng cao bản lĩnh và trí tuệ, nói đi đôi với làm, cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội.

Thưa các đồng chí,

Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam là Đại hội của trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới, thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc ta trong thời điểm trọng đại bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết tâm phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng, của dân tộc và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Với niềm phấn khởi và tin tưởng vào tương lai tươi sáng của đất nước, của dân tộc ta trong thế kỷ XXI, tôi xin long trọng tuyên bố bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng Cộng Việt Nam quang vinh muôn năm!

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Sđd, tr.342-351.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 01-CT/TW, ngày 29 tháng 5 năm 2001

Về việc phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng*

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội cần đạt hiệu quả thiết thực, qua đó, nâng cao sự thống nhất tư tưởng và hành động trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, trước hết là cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành về các quan điểm cơ bản, đường lối, chủ trương của Đại hội; từ đó nâng cao lòng tự hào và niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào công cuộc đổi mới và con đường xã hội chủ nghĩa.

- Trên cơ sở nâng cao nhận thức, các cấp ủy chủ động điều chỉnh kế hoạch, chương trình hành động vừa được xác định tại đại hội đảng bộ cấp mình; lựa chọn đúng những việc

---

* Để phục vụ cho việc nghiên cứu Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX được thuận lợi, chúng tôi chuyển Chỉ thị này về sau Diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX để bạn đọc tiện theo dõi (*B.T*).

cần làm ngay, giải quyết những vấn đề bức xúc, tạo được chuyển biến cụ thể trên các lĩnh vực đời sống xã hội và trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân; dấy lên phong trào thi đua yêu nước sôi nổi thực hiện Nghị quyết Đại hội.

- Trong quá trình nghiên cứu, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết, cần chú trọng phát huy nhân tố mới, đi đôi với việc đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, đấu tranh với các quan điểm sai trái, cơ hội, thù địch, bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng.

- Việc quán triệt Nghị quyết cần được tiến hành theo phương châm sâu sắc, rộng khắp, thiết thực.

II- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ngay sau khi Đại hội kết thúc, các đảng bộ đã kịp thời tiến hành đợt sinh hoạt chính trị nhằm phổ biến nhanh kết quả Đại hội, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân lĩnh hội tinh thần cơ bản của Nghị quyết Đại hội, tạo nên không khí phấn khởi, tin tưởng trong cả nước. Để tiếp tục triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội, Ban Bí thư chủ trương:

1. Tổ chức nghiên cứu sâu các văn kiện Đại hội

- Tổ chức các lớp nghiên cứu đường lối, quan điểm của Đại hội IX đối với cán bộ lãnh đạo chủ chốt các ngành, các cấp như đã nêu trong Thông báo số 03-TB/TW, ngày 15-5-2001 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

- Giao Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo Ban Tuyên giáo và báo cáo

viên các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy, các đoàn thể chính trị - xã hội trực thuộc Trung ương và cán bộ tham mưu của các bộ, ban, ngành, đoàn thể, các hội văn nghệ, khoa học kỹ thuật, báo chí trực thuộc Trung ương ngoài diện đối tượng dự lớp tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức học tập, nghiên cứu trong đảng bộ của mình, trong đó chú ý tổ chức tốt lớp bồi dưỡng cán bộ chủ chốt về nội dung các văn kiện Đại hội IX và bổ sung chương trình hành động của đảng bộ; hướng dẫn đảng ủy cấp dưới triển khai kế hoạch nghiên cứu, quán triệt, thực hiện Nghị quyết Đại hội.

- Cấp ủy huyện, quận và tương đương tổ chức việc nghiên cứu quán triệt Nghị quyết Đại hội và chỉ đạo bổ sung chương trình hành động ở các cấp ủy cơ sở trực thuộc.

- Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương tổ chức các lớp bồi dưỡng hè cho cán bộ lãnh đạo cấp trường, cấp khoa và giáo viên Mác - Lênin trong các trường đại học và cao đẳng trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam và Hội Nhà báo Việt Nam chủ trì, phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương tổ chức các lớp nghiên cứu văn kiện Đại hội cho hội viên các hội. Đảng đoàn Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam phối hợp với Ban Khoa giáo Trung ương tổ chức lớp nghiên cứu cho các hội viên các Hội Khoa học kỹ thuật.

- Đảng bộ các cấp trong quân đội và công an tổ chức học tập, nghiên cứu quán triệt Nghị quyết theo kế hoạch chỉ đạo của Quân ủy Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương.

- Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có kế hoạch tổ chức đợt nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết trong đoàn thể của mình.

- Ban Cán sự Đảng Ngoài nước chủ trì phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao có kế hoạch tổ chức quán triệt Nghị quyết Đại hội cho cán bộ, đảng viên và người ngoài Đảng đang công tác, lao động và học tập ở nước ngoài. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin xây dựng kế hoạch đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại về nội dung văn kiện Đại hội.

- Hệ thống các học viện chính trị, các trường nhà nước (Học viện Hành chính quốc gia và các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân), trường đoàn thể đưa những quan điểm, tư tưởng, đường lối Đại hội IX vào nội dung nghiên cứu, giảng dạy các môn lý luận chính trị và khoa học xã hội. Bổ sung, hoàn chỉnh các chương trình về giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh theo nội dung văn kiện Đại hội.

2. Tổ chức thực hiện Nghị quyết

Cấp ủy và tổ chức đảng các cấp căn cứ vào Nghị quyết Đại hội IX chỉ đạo chặt chẽ các cơ quan chính quyền, đoàn thể cụ thể hóa đường lối, quan điểm, chủ trương do Đại hội đề ra. Trước mắt cần tập trung làm tốt một số việc dưới đây:

- Đảng đoàn Quốc hội rà soát, bổ sung chương trình xây dựng pháp luật và thực hiện pháp chế từ nay đến khi kết thúc nhiệm kỳ Quốc hội khóa X, khẩn trương nghiên cứu, đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp

năm 1992 phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới; chuẩn bị cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội nhiệm kỳ mới.

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ xây dựng chương trình hành động cụ thể thực hiện các nội dung Nghị quyết Đại hội về các vấn đề thuộc trách nhiệm của Chính phủ.

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có kế hoạch trình Bộ Chính trị về vấn đề giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh; Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì cùng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương có kế hoạch chấn chỉnh công tác quản lý báo chí - xuất bản theo tinh thần Nghị quyết Đại hội.

- Ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương cùng các cơ quan liên quan dưới sự chỉ đạo của Ban Bí thư, tiến hành tổng kết công tác bảo vệ chính trị nội bộ, trên cơ sở đó đề ra chủ trương, phương hướng công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong thời gian tới.

- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và các ban Trung ương Đảng chuẩn bị kế hoạch triển khai thực hiện công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng. Tiểu ban giúp Bộ Chính trị chỉ đạo, kiểm tra, tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) xây dựng đề án tiếp tục cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội, trình Bộ Chính trị.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân chủ động nghiên cứu, đề xuất, cùng với Đảng và Nhà nước xây dựng và hoàn chỉnh các chính sách, quy chế để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phát huy được quyền làm chủ của nhân dân trong các lĩnh vực: tham gia phát triển kinh tế -

xã hội; thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"; tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước; thực hiện sự giám sát của nhân dân đối với công tác và đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, đại biểu dân cử và các cơ quan Nhà nước, đối với việc giải quyết mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân...

- Tổ chức đảng các cấp, các cơ quan thông tin đại chúng, các lực lượng vũ trang có kế hoạch tuyên truyền, giáo dục thường xuyên về Nghị quyết Đại hội IX theo kế hoạch của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.

Các cấp ủy đảng, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ngành chịu trách nhiệm trực tiếp lãnh đạo việc quán triệt Nghị quyết Đại hội và thường xuyên báo cáo Ban Bí thư.

Các ban của Trung ương giúp Ban Bí thư chỉ đạo, theo dõi tình hình thực hiện Chỉ thị này và thường xuyên báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 01-TB/TW, ngày 8 tháng 5 năm 2001

Về việc thành lập Ủy ban Dự thảo, sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992

Tại phiên họp ngày 4-5-2001, sau khi xem xét tờ trình của Đảng đoàn Quốc hội về dự kiến danh sách Ủy ban Dự thảo, sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 (Tờ trình số 252/ĐĐQH10, ngày 27-4-2001), Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Đồng ý với kiến nghị của Đảng đoàn Quốc hội về số lượng và thành phần của Ủy ban Dự thảo, sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 như đã nêu tại Tờ trình số 252/ĐĐQH10, ngày 27-4-2001.

2. Căn cứ vào Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII) và ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị (Thông báo số 288-TB/TW, ngày 6-4-2000 và Thông báo số 358-TB/TW, ngày 7-3-2001), Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc trình Quốc hội cho ý kiến về những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung của Hiến pháp năm 1992 và quyết định việc thành lập Ủy ban sửa đổi Hiến pháp tại kỳ họp thứ 9 (tháng 5-2001).

3. Đảng đoàn Quốc hội phối hợp với Ủy ban sửa đổi Hiến pháp chỉ đạo chặt chẽ việc nghiên cứu và chuẩn bị các nội dung sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Hiến pháp, kịp thời báo cáo với Bộ Chính trị, bảo đảm cho việc sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Hiến pháp 1992 được thực hiện theo đúng yêu cầu và kế hoạch đã đề ra.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 02-TB/TW, ngày 10 tháng 5 năm 2001

Kết quả Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX và kết luận của Bộ Chính trị về nhân sự

I- Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã tiến hành bầu cử Bộ Chính trị, Tổng Bí thư, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Kết quả như sau:

1. Bộ Chính trị, gồm 15 đồng chí:

- Đồng chí Nông Đức Mạnh
- Đồng chí Trần Đức Lương
- Đồng chí Phan Văn Khải
- Đồng chí Nguyễn Minh Triết
- Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng
- Đồng chí Lê Minh Hương
- Đồng chí Nguyễn Phú Trọng
- Đồng chí Phan Diễn
- Đồng chí Lê Hồng Anh
- Đồng chí Trương Tấn Sang

- Đồng chí Phạm Văn Trà
- Đồng chí Nguyễn Văn An
- Đồng chí Trương Quang Được
- Đồng chí Trần Đình Hoan
- Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm.

2. Tổng Bí thư:

Đồng chí Nông Đức Mạnh.

3. Ban Bí thư Trung ương Đảng, gồm 9 đồng chí:

a) Ban Chấp hành Trung ương bầu 4 đồng chí:
- Đồng chí Lê Văn Dũng
- Đồng chí Tòng Thị Phóng
- Đồng chí Trương Vĩnh Trọng
- Đồng chí Vũ Khoan.

b) Bộ Chính trị phân công 5 đồng chí:
- Đồng chí Nông Đức Mạnh
- Đồng chí Lê Hồng Anh
- Đồng chí Nguyễn Văn An
- Đồng chí Trần Đình Hoan
- Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm.

4. Ủy ban Kiểm tra Trung ương gồm 13 đồng chí, tại Hội nghị lần này đã bầu 9 đồng chí:

- Đồng chí Lê Hồng Anh
- Đồng chí Nguyễn Thị Doan
- Đồng chí Mai Văn Năm
- Đồng chí Phạm Thị Hải Chuyền
- Đồng chí Hoàng Kim Sơn

- Đồng chí Đặng Ngọc Thanh
- Đồng chí Vũ Quốc Hùng
- Đồng chí Phạm Chí Hòa
- Đồng chí Nguyễn Văn Thám

Chủ nhiệm: đồng chí Lê Hồng Anh.

II- Tại phiên họp ngày 21-4-2001, Bộ Chính trị đã phân công công tác đối với một số đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương, Ủy viên Trung ương và cán bộ diện Bộ Chính trị quản lý, cụ thể như sau:

- Đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, thôi giữ chức Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, để nhận nhiệm vụ Thường trực Bộ Chính trị - Ban Bí thư.

- Đồng chí Hữu Thọ, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng khóa VIII, thôi giữ chức Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương để nhận công tác khác.

- Đồng chí Phạm Quốc Anh, thôi giữ chức quyền Trưởng Ban Nội chính Trung ương, để giữ chức Phó Trưởng Ban Nội chính Trung ương.

- Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, thôi giữ chức Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin, để giữ chức Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.

- Đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Bí thư Trung ương Đảng, thôi giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp, để giữ chức Trưởng Ban Nội chính Trung ương.

- Đồng chí Tòng Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, thôi giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Sơn La để phụ trách các vấn đề về dân tộc và miền núi.

- Đồng chí Phạm Thanh Ngân, thôi giữ chức Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị để nhận nhiệm vụ khác.

- Đồng chí Lê Văn Dũng, Bí thư Trung ương Đảng, thôi giữ chức Thứ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, để giữ chức Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Đồng chí Vũ Khoan, Bí thư Trung ương Đảng, phụ trách các vấn đề về đối ngoại (cả về kinh tế đối ngoại).

- Đồng chí Ngô Văn Dụ, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Văn phòng Trung ương Đảng, nay giữ chức Chánh Văn phòng Trung ương Đảng.

- Đồng chí Nguyễn Văn Chi, Ủy viên Trung ương Đảng, quyền Trưởng Ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương, nay giữ chức Trưởng Ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương.

T/M BAN BÍ THƯ

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 03-TB/TW, ngày 15 tháng 5 năm 2001

Về tổ chức các lớp nghiên cứu đường lối, quan điểm của Đại hội IX đối với cán bộ lãnh đạo chủ chốt các ngành, các cấp

Tại phiên họp ngày 10-5-2001, xem xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Bí thư đã kết luận như sau:

1. Đồng ý tổ chức các lớp nghiên cứu đường lối, quan điểm của Đại hội IX đối với cán bộ lãnh đạo chủ chốt các bộ, ngành ở Trung ương và địa phương, do Ban Bí thư trực tiếp chỉ đạo. Lớp đầu tiên mở vào cuối tháng 7-2001.

2. Mục đích yêu cầu

- Làm cho mỗi cán bộ chủ chốt ở các cấp, các ngành nhận thức thống nhất về những nội dung cơ bản về quan điểm, đường lối và các chủ trương, chính sách lớn của Đảng đã nêu trong Văn kiện Đại hội IX.

- Trên cơ sở nâng cao nhận thức về quan điểm, đường lối

của Đại hội IX, mỗi cán bộ, trong phạm vi công tác của mình, tích cực chủ động góp phần tổ chức, thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và thực hiện các nhiệm vụ được giao đạt kết quả tốt nhất.

3. Về nội dung

- Cần lựa chọn khoảng 6 - 7 vấn đề chung, nhưng bao quát được 10 nội dung lớn của Văn kiện Đại hội IX để trình bày tại các lớp học.

Các bài trình bày phải thể hiện đúng quan điểm của Đảng, tập trung vào giới thiệu các quan điểm, chủ trương, chính sách, giải pháp phát triển kinh tế, xây dựng Đảng, bảo đảm giữ vững an ninh, quốc phòng của đất nước trong mọi tình huống.

Mỗi bài trình bày cần nêu những vấn đề cốt lõi, trọng tâm. Thời gian trình bày mỗi vấn đề trong khoảng 2 giờ; dành thời gian thích đáng cho học viên tự nghiên cứu và thảo luận quán triệt nội dung các văn kiện Đại hội.

- Cùng với việc chuẩn bị nội dung trình bày ở các lớp nghiên cứu, cần chuẩn bị tốt các báo cáo bổ trợ để cung cấp cho học viên tự nghiên cứu, hiểu sâu sắc thêm các nội dung mà Văn kiện Đại hội IX đã nêu.

- Kết thúc các lớp học, học viên phải viết thu hoạch. Cần cải tiến nội dung viết thu hoạch để bảo đảm tính thiết thực, hiệu quả; gợi ý để học viên đề xuất các biện pháp, giải pháp tổ chức thực hiện nghị quyết ở địa phương mình, ngành hoặc đơn vị mình phụ trách đạt được kết quả tốt nhất.

4. Phân công giảng viên, tổ chức các lớp và thành phần học viên ở các lớp do Trung ương mở

a) Giảng viên các lớp tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

- Đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng sẽ phát biểu khai mạc và bế mạc các lớp nghiên cứu.

- Ban chỉ đạo các lớp nghiên cứu xây dựng kế hoạch cụ thể để mời một số các đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp trình bày các bài giảng.

b) Các lớp tổ chức tại các phân viện thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và các phân viện có kế hoạch mời giảng viên đến giảng ở các lớp này.

c) Về tổ chức các lớp và thành phần học viên.

- Tổ chức 2 lớp tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, thời gian mỗi lớp không quá 10 ngày.

Thành phần các lớp này như sau:

+ Các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, bộ trưởng, thứ trưởng, trưởng ban, phó trưởng ban, ngành ở Trung ương; bí thư, phó bí thư đảng đoàn và Ban Cán sự Đảng các cơ quan trực thuộc Trung ương; bí thư, phó bí thư đảng ủy khối các cơ quan Trung ương.

+ Các đồng chí ủy viên thường vụ tỉnh ủy, thành ủy; chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Giám đốc, phó giám đốc các phân viện thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đại học quốc gia, hiệu trưởng các trường đại học; hiệu trưởng các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Các đồng chí chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc, bí thư đảng ủy (nơi đã thành lập đảng bộ) các Tổng công ty 91.

+ Các đồng chí vụ trưởng và các chức danh tương đương ở các bộ, ngành Trung ương.

+ Các đồng chí bí thư huyện ủy, quận ủy, thị ủy.

- Tổ chức một lớp tại các phân viện thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh trong thời gian không quá 10 ngày, với thành phần như sau:

+ Các đồng chí tỉnh ủy viên, thành ủy viên, trưởng, phó ban, ngành, sở ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Các đồng chí phó vụ trưởng và các chức danh tương đương thuộc các bộ, ngành ở Trung ương.

+ Các đồng chí ủy viên thường vụ huyện ủy, quận ủy, thị ủy, chủ tịch và phó chủ tịch hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các huyện, quận, thị xã trực thuộc tỉnh.

5. Tổ chức thực hiện

- Ban Bí thư quyết định thành lập Ban chỉ đạo các lớp nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội IX, gồm:

+ Đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, làm Trưởng ban.

+ Các thành viên, gồm: đại diện lãnh đạo Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Văn phòng Trung ương và Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch, tổ chức thông báo chiêu sinh theo các đối tượng ở các lớp do Trung ương mở như đã quy định.

- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì biên soạn nội dung các bài trình bày, các báo cáo bổ trợ, tổ chức quản lý các lớp nghiên cứu quán triệt Nghị quyết Đại hội IX do Trung ương mở, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương có trách nhiệm theo dõi, chỉ đạo, rút kinh nghiệm và báo cáo kết quả các lớp nghiên cứu quán triệt Nghị quyết với Ban Bí thư.

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương xây dựng kế hoạch hướng dẫn và chỉ đạo các ban tuyên giáo tỉnh ủy, thành ủy, các trường chính trị các tỉnh, thành phố, các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện tổ chức các lớp nghiên cứu quán triệt Nghị quyết Đại hội IX đối với cán bộ thuộc diện tỉnh ủy, thành ủy quản lý và cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp huyện và tương đương quản lý.

- Ban Tài chính - Quản trị Trung ương chuẩn bị kinh phí theo chế độ hiện hành để tổ chức các lớp ở Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và ở các phân viện.

Xin thông báo để các đồng chí biết, thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 05-TB/TW, ngày 19 tháng 5 năm 2001

Về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự

Tại phiên họp ngày 16-5-2001, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ngành về một số vấn đề thuộc nội dung của dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự lần này cần tính đến yêu cầu sửa đổi cơ bản Bộ luật trong thời gian tới, nhằm thực hiện chủ trương về cải cách tư pháp, bảo đảm xét xử kịp thời, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

2. Đồng ý với kiến nghị của Đảng đoàn Quốc hội về việc trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 9 sửa đổi một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự theo hướng tăng thẩm quyền cho tòa án nhân dân cấp huyện được xét xử sơ thẩm những tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng và rất nghiêm trọng (có mức hình phạt cao nhất là 15 năm tù), trừ tội phạm về an ninh quốc gia và một số tội phạm khác xét thấy chưa thể giao cho

tòa án nhân dân cấp huyện xét xử. Việc xác định những tội danh cụ thể chưa thể giao cho tòa án nhân dân cấp huyện xét xử, nên xem xét thêm đối với các tội xâm phạm hoạt động tư pháp; các cơ quan có trách nhiệm phải rà soát kỹ và thống nhất để trình Quốc hội quyết định.

Cần rà soát lại các điều luật trong Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan đến vấn đề sửa đổi trên để có sự điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

3. Việc tăng thẩm quyền xét xử cho tòa án cấp huyện có liên quan tới tổ chức hoạt động của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của công dân. Do vậy, thời điểm có hiệu lực nên từ ngày 1-1-2002 để có thời gian chuẩn bị.

Việc giao thẩm quyền đầy đủ cho các đơn vị tòa án nhân dân cấp huyện cần phải có bước đi thích hợp. Bước đầu chỉ giao việc xét xử sơ thẩm án hình sự theo quy định của Luật này cho các tòa án huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có đủ các điều kiện về cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Cán sự Đảng tòa án nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp và Đảng ủy Công an Trung ương khẩn trương chỉ đạo việc tiến hành khảo sát nắm chắc tình hình cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ của tòa án và các cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp huyện; xác định những tòa án huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có đủ điều kiện thực hiện thẩm quyền xét xử theo quy định của Luật ngay tại thời điểm Luật có hiệu lực và đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

4. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo việc hoàn chỉnh dự án luật để trình Quốc hội xem xét thông qua tại Kỳ họp thứ 9 (tháng 5-2001).

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 06-TB/TW, ngày 19 tháng 5 năm 2001

Về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai

Tại phiên họp ngày 17-5-2001, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ngành về dự án Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật đất đai, Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Qua gần 10 năm thi hành Luật đất đai (từ năm 1993), việc quản lý và sử dụng đất đai đạt được nhiều kết quả. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Luật và thực tiễn của đời sống kinh tế - xã hội đất nước đã phát sinh những vấn đề mới phức tạp, bức xúc trong quan hệ đất đai, có liên quan đến lợi ích của nhiều tầng lớp dân cư và có tác động trực tiếp đến sự ổn định chính trị - xã hội đòi hỏi phải giải quyết một cách cơ bản.

Giao Ban Cán sự Đảng Chính phủ chủ trì phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương và một số cơ quan liên quan thành lập ngay một bộ phận nghiên cứu tổng kết việc thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đất đai trong thời gian qua; đánh giá đúng

thực trạng quản lý và sử dụng đất đai ở nước ta trên từng lĩnh vực, qua các thời kỳ (trọng tâm là từ năm 1987, khi Luật đất đai được ban hành đến nay); chú ý xác định những tồn tại, yếu kém và những vấn đề cần phải được giải quyết; đề xuất các phương án, giải pháp khắc phục. Trên cơ sở đó, xây dựng đề án sửa đổi cơ bản Luật đất đai theo quan điểm của Đảng đã được ghi trong Hiến pháp: đất đai là của Nhà nước và thuộc sở hữu toàn dân và phù hợp với những đặc điểm kinh tế - xã hội và xu thế phát triển của đất nước trong giai đoạn tới.

Việc này, cần triển khai sớm và hoàn thành quý III-2002 để báo cáo Bộ Chính trị. Trong quá trình nghiên cứu tổng kết cần ưu tiên tổng kết việc quản lý và sử dụng đất đai tại các nông, lâm trường, đặc biệt là các nông, lâm trường ở khu vực Tây Nguyên để báo cáo Bộ Chính trị vào cuối quý IV-2001.

2. Trước mắt, để góp phần tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc đang đặt ra trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai hiện nay, Bộ Chính trị đồng ý việc trình Quốc hội xem xét thông qua dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai tại Kỳ họp thứ 9 với nội dung như tờ trình của Đảng đoàn Quốc hội.

Bộ Chính trị đồng ý với ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội và đề nghị đưa ra Quốc hội thảo luận về một số vấn đề cụ thể, như việc xác định giá đất; thẩm quyền xét duyệt, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; về vấn đề người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam; về đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất và biện pháp cưỡng chế thực hiện (phải chú ý phương án tái định cư khi giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi cho người đến nơi ở mới).

Riêng vấn đề thẩm quyền giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích không phải sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, cần có quy định hạn mức các loại đất mà ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được giao; hạn mức cụ thể để Quốc hội xem xét, thảo luận.

Trong quá trình Quốc hội thảo luận dự án Luật này, nếu thấy có vấn đề cần thiết, Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị trước khi Quốc hội biểu quyết thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 07-TB/TW, ngày 19 tháng 5 năm 2001
Về dự án Luật hải quan

Tại phiên họp ngày 16 và 17-5-2001, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ngành về dự án Luật hải quan, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Việc ban hành Luật hải quan là yêu cầu cần thiết hiện nay, nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý điều chỉnh các hoạt động về hải quan. Nội dung của dự án Luật cần quán triệt các yêu cầu sau:

- Khuyến khích phát triển kinh tế đối ngoại, bảo vệ sản xuất trong nước.

- Bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia; tăng cường hợp tác và giao lưu quốc tế.

- Thực hiện cải cách hành chính, tiêu chuẩn hóa, hiện đại hóa, công khai hóa thủ tục hải quan; xây dựng tổ chức và cán bộ hải quan trong sạch, vững mạnh có hiệu lực, hiệu quả.

2. Về một số vấn đề cụ thể:

- Giữ nguyên tổ chức Hải quan như hiện nay: Hải quan Việt Nam được tổ chức theo nguyên tắc tập trung, thống nhất dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chính phủ; tổ chức Hải quan

bao gồm: Tổng cục Hải quan; hải quan tỉnh hoặc liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; hải quan cửa khẩu, đội kiểm soát hải quan và đơn vị tương đương.

- Việc tiến hành thủ tục hải quan và kiểm tra hải quan đối với hàng hóa phải được đổi mới phù hợp với thực tế Việt Nam và thông lệ quốc tế; vừa bảo đảm quản lý chặt chẽ hàng hóa xuất nhập khẩu, vừa văn minh, lịch sự, tạo điều kiện giải phóng hàng nhanh, không để ách tắc. Với tinh thần đó, Luật cần đề cao trách nhiệm của người kê khai thủ tục hải quan (tự kê khai hàng hóa, tự xác định thuế xuất, giá tính thuế, số thuế phải nộp và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai); việc kiểm tra hàng hóa xuất, nhập khẩu được phân làm ba loại và có kiểm tra sau giải phóng hàng như dự luật quy định. Riêng đối với nhóm kiểm tra đại diện thì tỷ lệ cụ thể hàng hóa phải kiểm tra, ghi như dự luật để trình Quốc hội thảo luận, quyết định.

- Thẩm quyền của công chức hải quan cần quy định phù hợp với pháp luật tố tụng hình sự và pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo việc chỉnh lý dự luật để trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ IX; trong quá trình Quốc hội thảo luận, nếu có vấn đề cần thiết thì báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 08-TB/TW, ngày 19 tháng 5 năm 2001

Về dự án Luật phòng cháy và chữa cháy và dự án Luật giao thông đường bộ

Tại phiên họp ngày 16 và 17-5-2001, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ngành, Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Đồng ý với kiến nghị của Đảng đoàn Quốc hội về việc trình Quốc hội xem xét thông qua dự án Luật phòng cháy và chữa cháy tại kỳ họp lần thứ chín, và lưu ý một số vấn đề cụ thể sau:

+ Đối tượng áp dụng (Điều 2) nên quy định "cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân..." là các đối tượng phải tuân thủ các quy định của Luật này.

+ Nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy ngoài nguồn ngân sách Nhà nước cấp, đề nghị Quốc hội thảo luận để có thể huy động các nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ; đóng góp tự nguyện, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật. Chính phủ cần thành lập doanh nghiệp nhà nước chuyên về kinh doanh

bảo hiểm cháy, nổ để có kinh phí đầu tư cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy.

+ Việc quy định "Ngày toàn dân phòng cháy và chữa cháy" (Điều 12) do Quốc hội xem xét quyết định.

2. Đồng ý với kiến nghị của Đảng đoàn Quốc hội về việc trình dự án Luật giao thông đường bộ để Quốc hội xem xét thông qua tại kỳ họp lần thứ chín.

Quá trình Quốc hội thảo luận, nếu xét thấy có vấn đề cần thiết thì Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị trước khi Quốc hội biểu quyết thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 02-CT/TW, ngày 6 tháng 6 năm 2001

Về lãnh đạo Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp tiến tới Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VIII

Những năm qua, công tác đoàn và phong trào thanh niên nước ta đã đạt được những kết quả tích cực. Hai phong trào lớn "Thanh niên lập nghiệp" và "Tuổi trẻ giữ nước" đáp ứng được nguyện vọng của tuổi trẻ, tạo ra môi trường rèn luyện, giáo dục thanh, thiếu niên, cổ vũ hàng triệu thanh niên xung kích, sáng tạo thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, học tập và rèn luyện. Vai trò của Đoàn trong thanh niên, thiếu niên và trong xã hội tiếp tục được khẳng định. Số thanh niên vào Đoàn, số đoàn viên ưu tú được Đảng kết nạp ngày càng tăng.

Tuy nhiên, tổ chức và hoạt động của Đoàn và phong trào thanh niên, nhất là ở cơ sở còn nhiều yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác đoàn kết, tập hợp và giáo dục thanh, thiếu niên trong tình hình hiện nay.

Để lãnh đạo Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp đạt kết quả tốt, tiếp tục động viên đoàn viên, thanh niên tích cực học tập, rèn luyện, xung kích thực hiện

các nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Ban Bí thư Trung ương Đảng yêu cầu các cấp ủy đảng làm tốt một số việc sau đây:

1. Chỉ đạo Ban Chấp hành đoàn các cấp chuẩn bị tốt nội dung đại hội, đem lại hiệu quả thiết thực. Báo cáo tổng kết cần đánh giá đúng thực trạng công tác đoàn và phong trào thanh niên ở mỗi cấp, nêu rõ những việc đã làm được, chưa làm được, phân tích sâu sắc những nguyên nhân yếu kém và bài học kinh nghiệm. Trên cơ sở quán triệt nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng và nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, cần xác định rõ phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp cụ thể, thiết thực và điều kiện thực hiện để đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Đoàn Thanh niên trong những năm đầu của thế kỷ XXI. Ở những nơi chưa sơ kết Nghị quyết 04-NQ/TW (khoá VII) về "Công tác thanh niên trong thời kỳ mới", cần sơ kết trong dịp này, qua đó xác định giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Đoàn Thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đặc biệt, cần quan tâm chỉ đạo công tác giáo dục chính trị tư tưởng, bồi dưỡng lý tưởng và truyền thống cách mạng, giáo dục pháp luật, hướng dẫn thanh niên sống và làm việc theo gương Bác Hồ vĩ đại.

2. Tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò xung kích của Đoàn và phong trào thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp phải thật sự coi đây là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong mọi tầng lớp thanh niên và nhân dịp Đại hội dấy lên những hoạt động mới nhằm đẩy mạnh các phong trào "Thanh niên tình nguyện", thực hiện có kết quả "Năm xã hội tình nguyện vì trẻ em đặc biệt

khó khăn"; coi trọng và nâng cao chất lượng học tập, rèn luyện đạo đức, lối sống của thanh niên; củng cố nâng cao chất lượng đoàn viên và tổ chức cơ sở đoàn để thật sự làm nòng cốt trong Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam và trong phong trào thanh niên. Chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng và xây dựng Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh ngày càng tiến bộ, bồi dưỡng đoàn viên ưu tú để bổ sung lực lượng đảng viên trẻ cho Đảng.

3. Lãnh đạo chặt chẽ, bảo đảm dân chủ việc lựa chọn, giới thiệu và bầu cử nhân sự vào Ban Chấp hành Đoàn, nhất là đồng chí giữ cương vị chủ chốt ở mỗi cấp bộ đoàn. Ban Chấp hành mới phải bao gồm những người có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, trí tuệ và năng lực hoạt động thực tiễn; coi trọng chất lượng, có số lượng, cơ cấu hợp lý và bảo đảm trẻ hóa đội ngũ cán bộ đoàn để lãnh đạo công tác đoàn và phong trào thanh, thiếu niên trong nhiệm kỳ tới.

4. Ban dân vận, Ban tổ chức và các ban có liên quan thuộc các cấp ủy đảng từ Trung ương đến cơ sở có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Ban thường vụ đoàn các cấp tham mưu giúp cấp ủy chỉ đạo tốt Đại hội đoàn, bảo đảm dân chủ, đoàn kết, phấn khởi, tin tưởng, trang trọng, tránh hình thức. Các cấp chính quyền, các ngành và đoàn thể có liên quan phối hợp, giúp đỡ, tạo điều kiện để các cấp bộ đoàn tổ chức thành công Đại hội.

T/M BAN BÍ THƯ

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 03-CT/TW, ngày 7 tháng 6 năm 2001
Về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII

Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII đã ra Nghị quyết "Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay", quyết định toàn Đảng tiến hành Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng (từ 19-5-1999 đến 19-5-2001), thực hiện tự phê bình và phê bình trong các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ chủ chốt từ Trung ương đến cơ sở.

Đại hội IX của Đảng chỉ rõ: "Qua gần hai năm thực hiện, cuộc vận động đã thu được một số kết quả và kinh nghiệm bước đầu, nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu đề ra"... "Trong những năm tới, toàn Đảng tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nghị quyết về xây dựng Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII".

Để tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), trước mắt, năm 2001, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tập trung thực hiện các việc sau:

1. Tại đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã có báo cáo mang tính tổng kết về tình hình, kết quả kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII. Nay yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng ở từng cấp đối chiếu với yêu cầu cuộc vận động, khẳng định những việc đã làm được, chưa làm được; phân tích sâu sắc nguyên nhân vì sao chưa đạt yêu cầu; xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân; đề ra những giải pháp thiết thực, cụ thể, có tính khả thi để tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong năm 2001 và những năm tới.

2. Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, các cấp ủy, tổ chức đảng bổ sung chương trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) ở cấp mình, đơn vị mình.

Rà soát việc thực hiện kế hoạch sửa chữa khuyết điểm sau khi tiến hành tự phê bình và phê bình, đặc biệt là việc giải quyết, xử lý những vụ việc nổi cộm, bức xúc của địa phương, ngành, đơn vị, kể cả những việc tồn đọng cũ và những việc mới phát sinh.

Gắn việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) với thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII về kiện toàn tổ chức, bộ máy, xây dựng cơ chế, chính sách, sắp xếp cán bộ.

Tổ chức tốt các lớp quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX theo Chỉ thị 01-CT/TW, ngày 29-5-2001 của

Bộ Chính trị[1]; đưa chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng theo Quy định 54 của Bộ Chính trị vào nền nếp.

3. Các cấp ủy, tổ chức đảng căn cứ vào những quy định của Bộ Chính trị về những điều cán bộ, đảng viên không được làm và Pháp lệnh cán bộ, công chức; Pháp lệnh chống tham nhũng, Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở... xem những điều gì chưa làm được, đề ra các biện pháp thực hiện có hiệu quả.

Cán bộ, công chức kê khai nhà, đất theo hướng dẫn, quy định của Chính phủ. Đối với những cán bộ được đề nghị bổ nhiệm hoặc giới thiệu bầu cử các chức danh lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, đoàn thể ở các cấp phải kê khai nhà, đất, coi đây là tài liệu không thể thiếu trong hồ sơ xem xét để giới thiệu, quyết định đề bạt, bổ nhiệm cán bộ.

Các cấp ủy, tổ chức đảng phải chỉ đạo chặt chẽ, xác định rõ tiến độ thực hiện, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện tốt các quy định.

4. Xây dựng các quy định, đưa tự phê bình và phê bình thành nền nếp, thường xuyên, có chiều sâu, chất lượng trong sinh hoạt đảng các cấp.

Về tổ chức thực hiện:

1. Để tăng cường chỉ đạo việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), ở Trung ương, đồng chí Tổng Bí thư

1. Chỉ thị này do Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành, tr.462 (*B.T*).

trực tiếp phụ trách Tiểu ban Trung ương 6 (2)[1]. Ở các cấp ủy, tổ chức đảng, đồng chí bí thư cấp ủy, bí thư Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn, thủ trưởng các cơ quan trực tiếp chỉ đạo.

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương khẩn trương chỉ đạo thực hiện Chỉ thị này và tổng hợp báo cáo theo các nội dung trên gửi về Bộ Chính trị trước ngày 15-7-2001. Báo cáo của cấp ủy do đồng chí bí thư trực tiếp chỉ đạo xây dựng, lấy ý kiến của cán bộ chủ chốt các cấp ủy và tổ chức đảng trực thuộc, các đồng chí lão thành cách mạng và thảo luận kỹ, nhất trí trong thường vụ cấp ủy trước khi báo cáo lên cấp trên.

3. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chủ trì cùng với các cơ quan liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc kê khai nhà, đất, nguồn tiền để vợ, con đi học tự túc nước ngoài của cán bộ, công chức.

4. Ban Tổ chức Trung ương chịu trách nhiệm xây dựng các quy chế, quy định, các nguyên tắc, cách thức tiến hành tự phê bình và phê bình bảo đảm tính tự giác, tính chiến đấu, tính nêu gương của cán bộ, đảng viên, nâng cao chất lượng, hiệu quả kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng các cấp.

5. Các ban đảng của Trung ương, cùng các cơ quan liên

---

1) Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII (tháng 2-1999), Bộ Chính trị đã ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) và bộ phận thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo để thường xuyên theo dõi và tham mưu giúp việc Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí (*B.T*).

quan theo chức năng của mình phối hợp với Tiểu ban Trung ương 6 (2), giúp Bộ Chính trị chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc, thực hiện Chỉ thị, tổng hợp báo cáo của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương theo các nội dung nói trên trình Hội nghị Trung ương.

Chỉ thị này được phổ biến tới chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 09-TB/TW, ngày 7 tháng 6 năm 2001
Về dự án Thủy điện Sơn La

Ngày 1 và 2-6-2001, sau khi nghe đại diện Ban Cán sự Đảng Chính phủ và các cơ quan liên quan báo cáo về dự án Thủy điện Sơn La (Công văn số 31-CV/BCS, ngày 16-3-2001), Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Về chủ trương

Thủy điện Sơn La là dự án quy mô lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đã được Đảng và Nhà nước giao các cơ quan nghiên cứu công phu và chuẩn bị từ gần 20 năm nay. Trong thời gian tới, việc triển khai xây dựng Thủy điện Sơn La cũng chính là việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Theo tinh thần đó, Bộ Chính trị nhất trí về chủ trương xây dựng công trình Thủy điện Sơn La như đề nghị của Ban Cán sự Đảng Chính phủ, đồng ý để Chính phủ trình Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa X thông qua chủ trương đầu tư, trên cơ sở đó xúc tiến sớm các công việc chuẩn bị từ cuối năm 2001 để có thể khởi công xây dựng vào năm 2004.

Vị trí xây dựng tuyến đập đặt tại Pa Vinh II (xã It Oong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La).

Về phương án lựa chọn: do còn có ý kiến khác nhau nên Ban Cán sự Đảng Chính phủ cần chỉ đạo các cơ quan chức năng, các nhà khoa học tiếp tục nghiên cứu đồng bộ, toàn diện, thẩm tra lại các tài liệu cơ bản để so sánh và đánh giá chính xác, khách quan cả hai phương án: Sơn La cao (265m) và Sơn La thấp (215m); sau đó báo cáo tiếp với Bộ Chính trị để cân nhắc và quyết định.

2. Về nhiệm vụ của dự án Thủy điện Sơn La

Cần xác định rõ Thủy điện Sơn La có các nhiệm vụ là: tham gia cấp điện cho cả nước; tham gia phòng chống lũ và cấp nước mùa kiệt cho hạ du; góp phần triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển nhanh và bền vững kinh tế - xã hội và môi trường, phát triển cộng đồng các dân tộc vùng Tây Bắc và tăng khả năng bảo đảm an ninh - quốc phòng tại các tỉnh biên giới.

3. Một số vấn đề cần lưu ý

a) Về vấn đề an toàn công trình

Công trình Thủy điện Sơn La liên quan trực tiếp đến sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng và an toàn của vùng hạ lưu rộng lớn đồng bằng sông Hồng, trong đó có Thủ đô Hà Nội nên phải xác định vấn đề an toàn công trình là yêu cầu số 1, dù lựa chọn phương án nào cũng phải bảo đảm tuyệt đối an toàn.

Bởi vậy, Chính phủ cần tập hợp các chuyên gia, các cán bộ khoa học am hiểu lĩnh vực này tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, thẩm tra về cấu trúc địa chất tuyến công trình, nhất là vùng lòng hồ và vị trí đập, trong đó đặc biệt chú ý đến vấn đề địa chấn, động đất ở khu vực này.

b) Vấn đề di dân - tái định cư

Phải coi đây là một trong những nội dung quan trọng nhất cả về chủ trương và việc tổ chức thực hiện, đòi hỏi phải có dự án riêng, ngang tầm với dự án về công trình Thủy điện. Công tác chỉ đạo phải chặt chẽ, có Ban quản lý riêng, đồng thời bố trí kinh phí thỏa đáng cho công tác di dân - tái định cư.

Hướng di dân chủ yếu là các địa bàn tại chỗ của hai tỉnh Sơn La, Lai Châu; nếu không đủ mới bố trí đến các tỉnh khác. Theo hướng đó cần có quy hoạch tổng thể dân cư trong từng tỉnh ở vùng Tây Bắc và những địa phương khác nếu phải di dân đến. Đối với những nơi đưa dân đến, cần có phương án cụ thể về xây dựng cơ sở hạ tầng, xem xét lại quy hoạch các nông trường, lâm trường bố trí đất sản xuất và dân cư phù hợp, để có thể dành một phần đất bố trí cho dân tái định cư sản xuất và ổn định đời sống. Mục đích của chương trình tái định cư là tạo cho họ có mức sống tốt hơn nơi ở cũ, đồng thời giải quyết hài hòa lợi ích của người dân mới di cư tới và dân tại chỗ.

Lưu ý việc bảo tồn các di tích lịch sử và văn hóa, đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng các dân tộc trong vùng dự án, đặc biệt là cộng đồng người Thái có tỷ lệ lớn số dân phải di dời chỗ ở.

Cần tổng kết, rút kinh nghiệm công tác di dân - tái định cư ở các công trình thủy điện đã làm để có phương án, giải pháp khắc phục những tồn tại và khuyết điểm trong công tác này. Trước mắt cần tổ chức tiến hành thí điểm việc di dân và tái định cư ở một số điểm để rút kinh nghiệm.

c) Về các vấn đề liên quan đến an ninh - quốc phòng

Sớm nghiên cứu có phương án về hệ thống giao thông tuyến vành đai biên giới, các tuyến thay thế quốc lộ 12 để bảo đảm cho nhiệm vụ bảo vệ an ninh - quốc phòng.

Sớm nghiên cứu phương án điều chỉnh lại địa giới hành chính (tỉnh, huyện) của hai tỉnh Lai Châu và Sơn La cho phù hợp với tình hình mới.

d) Đánh giá tác động môi trường và hệ thống giao thông vận tải

Cần có đánh giá kỹ về những ảnh hưởng, tác động môi trường của dự án để bảo đảm hạn chế tối đa những tác động xấu, tiêu cực ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của khu vực này và làm rõ hơn tác động về môi trường đến khu vực hạ du (ngoài khu vực dự án).

Có quy hoạch tổng thể mạng lưới giao thông khi có công trình Thủy điện Sơn La, trong đó chú ý đến mạng giao thông phục vụ tái định cư, mạng giao thông thủy và hàng không.

e) Về vốn

Đây là công trình đòi hỏi vốn đầu tư rất lớn và dựa vào vốn trong nước là chính, qua đó thể hiện tính tự lập, tự cường của dân tộc ta. Phải tính toán thật kỹ và chính xác nhu cầu về vốn và tính khả thi về khả năng huy động trong nước; xác định cơ cấu các nguồn vốn hợp lý và sớm nghiên cứu chính sách giá điện gắn với mặt bằng giá cả chung để tăng thêm khả năng huy động vốn cho công trình. Trong quá trình triển khai thực hiện và ngay từ khâu chuẩn bị đầu tư cần có biện pháp quản lý vốn chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả, khắc phục tình trạng lãng phí, thất thoát.

4. Căn cứ vào các chủ trương và tư tưởng chỉ đạo trên đây, Chính phủ hoàn chỉnh lại dự án trình Quốc hội, trong đó tập trung vào những vấn đề cốt lõi, có tính nguyên tắc, các giải pháp tổng thể cho công tác di dân - tái định cư và phương án chuẩn bị khởi công công trình.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 11-TB/TW, ngày 9 tháng 6 năm 2001

Về việc tham gia Đại hội Liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới lần thứ 15

Đại hội Liên hoan Thanh niên và sinh viên thế giới lần thứ 15 (Festival 15) sẽ được tổ chức từ ngày 8 đến 16-8-2001 tại Angiêri, đây là hoạt động lớn của thanh niên, sinh viên dân chủ và tiến bộ thế giới, nhằm tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị, đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, công bằng, phát triển, bình đẳng và bền vững.

Thanh niên và sinh viên nước ta tham gia Festival 15 thể hiện trách nhiệm quốc tế đối với phong trào thanh niên, sinh viên thế giới; đồng thời, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của thanh niên và sinh viên thế giới đối với công cuộc đổi mới của nhân dân ta, mở rộng và tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác với thế hệ trẻ các nước, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân yêu chuộng hòa bình và tiến bộ thế giới.

Ban Bí thư đồng ý để Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cử Đoàn đại biểu 130 người tham gia Festival 15 tại Angiêri và yêu cầu:

1. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, địa phương chọn cử đại biểu là những người có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực mình hoạt động, có trình độ chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, hiểu biết các vấn đề trong nước và quốc tế, nắm vững đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, có kiến thức về các nội dung chuyên đề được thảo luận tại Festival 15, có văn hóa giao tiếp để tham gia Đoàn đại biểu Việt Nam tham dự Festival 15. Trong đoàn, cần đảm bảo đại đa số là đại biểu trẻ; có tỷ lệ thỏa đáng về nữ, sinh viên, lực lượng vũ trang, thanh niên dân tộc, tôn giáo và thanh niên Việt Nam ở nước ngoài; có tỷ lệ hợp lý đại biểu có khả năng sử dụng ngoại ngữ để tham gia các hoạt động có hiệu quả.

2. Nội dung dự kiến thảo luận ở Festival 15 là những vấn đề chính trị nhạy cảm. Do vậy, phải tăng cường lãnh đạo Đoàn đại biểu thanh niên nước ta tham gia Festival 15 tốt về tư tưởng, chính trị (nắm chắc chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về các vấn đề này), chuẩn bị tốt về nội dung, kỹ năng hoạt động (trình bày, trao đổi để thuyết phục được bạn bè); tổ chức phải chặt chẽ, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ, nâng cao uy tín của thanh niên, sinh viên và nhân dân ta, góp phần làm cho Festival 15 thành công tốt đẹp. Cần có phương án đảm bảo an ninh an toàn cho Đoàn.

3. Đồng ý thành lập Ủy ban trù bị quốc gia Festival 15 do đồng chí Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn làm Chủ tịch. Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Tổng Công ty Hàng không

Việt Nam phối hợp với Trung ương Đoàn trong hoạt động của Ủy ban trù bị Quốc gia để chuẩn bị tốt về nội dung, nhân sự, tuyên truyền và các điều kiện vật chất. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm tốt công tác chuẩn bị, phối hợp chặt chẽ với Ban Đối ngoại Trung ương kịp thời báo cáo Ban Bí thư về các vấn đề nảy sinh.

4. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phối hợp với các cơ quan hữu quan tổ chức phát động cuộc thi tìm hiểu về Festival, tuyên truyền giáo dục trước, trong và sau Festival 15, nhằm nâng cao nhận thức của thanh niên và sinh viên ta về tình hình quốc tế, về đoàn kết và hợp tác quốc tế, về trách nhiệm của thanh niên trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, bảo vệ và xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

5. Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan, Cục Hàng không dân dụng Việt Nam và các bộ, ngành hữu quan giúp Trung ương Đoàn giải quyết kịp thời các vấn đề về tài chính, vật chất, vận chuyển (ngân sách Nhà nước đài thọ cho cả đoàn 130 người)... đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm.

T/M BAN BÍ THƯ

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX*

Ngày 9 tháng 6 năm 2001

Thưa các đồng chí Ủy viên Trung ương,
Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị,

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã thành công tốt đẹp. Sau khi được Đại hội và Ban Chấp hành Trung ương giao nhiệm vụ Tổng Bí thư, tôi đã báo cáo và được Bộ Chính trị đồng ý về nguyên tắc cho rút khỏi chức vụ Chủ tịch Quốc hội. Theo quy chế làm việc hiện hành, Ban Chấp hành Trung ương có trách nhiệm giới thiệu nhân sự ứng cử, đề cử hoặc rút khỏi chức danh Chủ tịch Quốc hội. Vì vậy, Bộ Chính trị triệu tập Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương để thảo luận việc rút khỏi chức danh Chủ tịch Quốc hội và giới thiệu nhân sự Chủ tịch Quốc hội mới để Quốc hội xem xét, quyết định miễn nhiệm và bầu cử theo quy định của

---

* Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX họp từ ngày 9 đến ngày 10-6-2001 (*B.T*).

Hiến pháp và pháp luật. Ngoài ra, Ban Chấp hành Trung ương sẽ nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo một số vấn đề quan trọng mà Chính phủ đã và sẽ trình tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa X. Đó là các vấn đề: tình hình kinh tế - xã hội của nước ta những tháng đầu năm và việc triển khai thực hiện nhiệm vụ những tháng còn lại của năm 2001; về chủ trương đầu tư dự án Thủy điện Sơn La, một dự án rất lớn và quan trọng được nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều người quan tâm và một số vấn đề quan trọng khác.

Tôi đề nghị Ban Chấp hành Trung ương tập trung thảo luận và quyết định với sự thống nhất cao vấn đề nhân sự Chủ tịch Quốc hội.

Thưa các đồng chí,

Sau Đại hội IX, nhiệm vụ quan trọng nhất của toàn Đảng, của Trung ương và các cấp ủy, tổ chức đảng là phải nhanh chóng đưa Nghị quyết của Đại hội vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội ngay từ năm đầu tiên sau Đại hội. Thời gian từ nay đến cuối năm chỉ còn sáu tháng, trong khi nhiều nhiệm vụ nặng nề đang cần được chỉ đạo triển khai thực hiện, đòi hỏi Ban Chấp hành Trung ương chúng ta phải làm việc khẩn trương, thiết thực, có hiệu quả.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị và chúc Hội nghị của chúng ta thành công tốt đẹp.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

Số 02-NQ/TW, ngày 10 tháng 6 năm 2001

Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX họp trong các ngày 9 và 10-6-2001, tại Hà Nội, sau khi xem xét Tờ trình của Bộ Chính trị,

QUYẾT NGHỊ:

1. Đồng ý với đề nghị của Bộ Chính trị về việc đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, thôi giữ chức Chủ tịch Quốc hội và giới thiệu đồng chí Nguyễn Văn An, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, đại biểu Quốc hội khóa X để Quốc hội xem xét bầu giữ chức Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa X.

2. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo việc bầu cử Chủ tịch Quốc hội theo đúng quy định của Hiến pháp, pháp luật.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ
NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

Ngày 10 tháng 6 năm 2001

Thưa các đồng chí Ủy viên Trung ương,
Thưa các đồng chí,

Sau hai ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã hoàn thành tốt nội dung chương trình đề ra. Tại Hội nghị này, Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận và quyết định việc giới thiệu nhân sự để Quốc hội xem xét, bầu vào chức vụ Chủ tịch Quốc hội; đã nghe và thảo luận báo cáo của Ban Cán sự Đảng Chính phủ về tình hình kinh tế - xã hội sáu tháng đầu năm và nhiệm vụ sáu tháng cuối năm 2001, về dự án Thủy điện Sơn La và về một số vấn đề khác. Ban Chấp hành Trung ương đã thống nhất cao trong việc giới thiệu nhân sự và đóng góp nhiều ý kiến vào các báo cáo của Ban Cán sự Đảng Chính phủ. Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo các cơ quan chức năng tiếp thu ý kiến Trung ương đối với các vấn đề trên để

tu chỉnh các báo cáo trình Quốc hội và lưu ý trong xây dựng chương trình làm việc và chỉ đạo thực hiện.

Thưa các đồng chí,

Nhiệm vụ quan trọng nhất của toàn Đảng hiện nay là phải nhanh chóng đưa Nghị quyết Đại hội IX vào cuộc sống, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội ngay từ năm 2001, năm đầu thực hiện kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010. Qua gần sáu tháng thực hiện kế hoạch năm 2001, tình hình kinh tế - xã hội của đất nước ổn định, có nhiều chuyển biến tích cực. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển toàn diện, sản xuất công nghiệp duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, các hoạt động dịch vụ có chuyển biến mới; đầu tư trực tiếp nước ngoài được cải thiện, thu ngân sách đạt khá so với dự toán; các hoạt động văn hóa - xã hội có những tiến bộ... Đây là kết quả của những nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, những cố gắng mới trong công tác quản lý, điều hành của Chính phủ, các bộ, ngành và các địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh những việc làm được, những nhân tố tích cực cũng đã xuất hiện thêm những khó khăn mới tác động không thuận đến việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội năm nay và các năm sau. Sản xuất công nghiệp, nông nghiệp tăng về số lượng nhưng chi phí sản xuất cao, hiệu quả, chất lượng và khả năng cạnh tranh còn thấp. Sự sút giảm của kinh tế khu vực và thế giới đã ảnh hưởng xấu đến kinh tế nước ta: thị trường xuất khẩu có những khó khăn và cạnh tranh ngày càng gay gắt; giá cả nhiều mặt hàng nông sản trên thị trường thế giới xuống tới mức rất thấp, giá gia

công nhiều mặt hàng xuất khẩu quan trọng cũng giảm làm cho việc tiêu thụ sản phẩm, nhất là hàng nông sản rất khó khăn, gây nhiều trở ngại cho sản xuất và xuất khẩu, đặc biệt đối với sản xuất nông nghiệp và đã ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nông dân; vốn đầu tư toàn xã hội đạt thấp... Dự báo trong những tháng sắp tới, những khó khăn, những nhân tố không thuận có thể còn gay gắt hơn. Vì vậy, để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2001, nhiệm vụ của các tháng còn lại là hết sức nặng nề, đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu rất cao của toàn Đảng, toàn dân ta.

Trung ương đã trao đổi và nhất trí cao với những giải pháp cần tập trung chỉ đạo để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2001 nêu trong báo cáo của Ban Cán sự Đảng Chính phủ, đồng thời góp thêm nhiều ý kiến xác đáng. Những quan điểm cơ bản của các giải pháp đó là khai thác và phát huy tốt các nguồn nội lực, năng lực của các thành phần kinh tế, trong đó chú trọng việc đổi mới, nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước, các hợp tác xã; đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và thị trường tiêu thụ; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại, hỗ trợ, khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài; kích cầu cả trong đầu tư và tiêu dùng, vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, vừa hướng vào giải quyết các vấn đề xã hội. Việc hỗ trợ cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của nông dân, miễn thuế sử dụng đất cho các hộ nghèo, giảm thuế đối với đất trồng lúa và cà phê, dành vốn cho các chương trình xóa đói giảm nghèo... không chỉ nhằm giúp giảm bớt một phần khó khăn

cho nông dân, giải quyết các vấn đề xã hội mà còn là những giải pháp kích cầu để thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế... Với những quan điểm chỉ đạo như vậy, các giải pháp để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2001 cũng chính là việc cụ thể hóa, tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đáp ứng đòi hỏi của tình hình thực tiễn trong nước và quốc tế hiện nay. Nhiệm vụ của các đồng chí Ủy viên Trung ương, các cấp ủy đảng và chính quyền các cấp hiện nay là phải chỉ đạo, kiểm tra lại tình hình sản xuất, đầu tư, tiêu thụ sản phẩm ở từng ngành, từng địa phương, tìm giải pháp tháo gỡ những khó khăn để phát triển sản xuất và ổn định đời sống của nhân dân, giữ gìn trật tự trị an, có phương án đối phó với thiên tai trong những tháng cuối năm thuộc phạm vi ngành, địa phương mình phụ trách.

Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Sơn La là một dự án có quy mô lớn và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng của quốc gia, không chỉ nhằm bảo đảm nhu cầu điện năng cho phát triển kinh tế - xã hội, mà còn đáp ứng yêu cầu chống lũ, cấp nước cho vùng đồng bằng sông Hồng, có ảnh hưởng tới môi trường, giao thông, an ninh - quốc phòng, tới việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, bố trí lại dân cư và cuộc sống của đồng bào các dân tộc trên một vùng rộng lớn. Vì vậy, việc xây dựng Nhà máy Thủy điện Sơn La đã được Đảng và Nhà nước giao cho các cơ quan nghiên cứu công phu và chuẩn bị từ gần 20 năm nay. Bộ Chính trị đã nhất trí về chủ trương xây dựng và yêu cầu đặc biệt lưu ý đến việc bảo đảm an toàn tuyệt đối của công trình; tổ chức tốt việc di dân, tái định cư, giải quyết chính sách với đồng bào các dân tộc, coi đây cũng là nhiệm vụ quan trọng như bản thân việc xây dựng công trình; xem xét kỹ

khả năng huy động vốn và có biện pháp quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn; có phương án bảo đảm giao thông, bảo đảm an ninh - quốc phòng và bảo vệ môi trường...

Thưa các đồng chí,

Tại Hội nghị lần này, Trung ương không trực tiếp bàn công tác xây dựng Đảng, song công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ thường xuyên, là khâu then chốt trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng. Bởi vậy, cùng với nhiệm vụ thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2001, các đồng chí Ủy viên Trung ương, các cấp ủy đảng từ Trung ương đến cơ sở cần hết sức quan tâm tới công tác xây dựng Đảng, tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, mà trước hết là tổ chức thực hiện nghiêm túc, có kết quả Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 7-6-2001 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII.

Các cấp ủy, tổ chức đảng ở từng cấp cần đối chiếu với yêu cầu của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, khẳng định những việc đã làm được, chưa làm được, phân tích sâu sắc nguyên nhân vì sao cuộc vận động chưa đạt yêu cầu; căn cứ Nghị quyết Đại hội IX của Đảng để bổ sung chương trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) ở cấp mình, đơn vị mình; xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sửa chữa khuyết điểm sau khi tự phê bình và phê bình, đồng thời tiến hành giải quyết, xử lý những vụ việc nổi cộm, bức xúc của địa phương, ngành, đơn vị, cả những việc tồn đọng cũ và những việc mới phát sinh, xử lý kỷ luật những cán bộ có sai phạm. Căn cứ vào Quy định của Bộ Chính trị về những điều cán bộ,

đảng viên không được làm, vào Pháp lệnh cán bộ, công chức, Pháp lệnh chống tham nhũng, Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở..., các cấp ủy, tổ chức đảng cần xác định rõ những điều gì chưa làm được, để từ đó đề ra các biện pháp thực hiện có hiệu quả. Cán bộ, công chức phải thực hiện kê khai nhà, đất theo hướng dẫn, quy định của Chính phủ. Những cán bộ được đề nghị bổ nhiệm hay giới thiệu bầu cử các chức danh lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, đoàn thể cũng phải kê khai nhà, đất, coi đây là tài liệu không thể thiếu trong hồ sơ xem xét để giới thiệu, quyết định đề bạt, bổ nhiệm cán bộ; gắn việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII) về kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng cơ chế chính sách, sắp xếp, bố trí cán bộ. Các cấp ủy đảng cần duy trì sinh hoạt tự phê bình và phê bình có chất lượng, có chiều sâu, thành nền nếp, tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong năm 2001 và những năm tới, bảo đảm công tác xây dựng Đảng thật sự trở thành khâu then chốt trong hoạt động lãnh đạo của Đảng.

Thưa các đồng chí,

Chủ trương một, biện pháp phải mười, quyết tâm phải hai mươi. Bởi vậy, ngay sau Hội nghị Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Đảng đoàn Quốc hội, các đồng chí Ủy viên Trung ương, cấp ủy đảng các cấp, các ngành, các địa phương trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình cần nghiêm túc chỉ đạo tổ chức thực hiện thắng lợi các quyết định của Trung ương, khẩn trương triển khai quán triệt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, tạo

nên khí thế thi đua sôi nổi ở mọi cấp, mọi ngành, trong các tầng lớp nhân dân, phấn đấu hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2001, tạo đà cho phát triển trong những năm tiếp theo.

Thời gian rất khẩn trương, nhiệm vụ hết sức nặng nề. Song chúng ta tin tưởng rằng, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đoàn kết một lòng, đồng tâm hiệp lực, phát huy cao nhất tài năng, trí tuệ của con người Việt Nam, nhất định chúng ta sẽ vượt qua khó khăn, thách thức, tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng của Đảng ta, nhân dân ta tiến lên phía trước.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX). Chúc các đồng chí Trung ương và toàn thể các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ
Số 12-TB/TW, ngày 13 tháng 6 năm 2001
Về Đại hội II Hội Người cao tuổi Việt Nam

Tại phiên họp ngày 6-6-2001, sau khi nghe Ban Thường vụ Hội Người cao tuổi Việt Nam báo cáo về công tác chuẩn bị Đại hội II của Hội và ý kiến của các cơ quan: Ban Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Cán sự Đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội..., Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Báo cáo chính trị trình Đại hội II Hội Người cao tuổi Việt Nam đã được chuẩn bị khá công phu, có nhiều nội dung tốt. Tuy nhiên, cũng còn một số vấn đề cần chuẩn bị kỹ hơn. Báo cáo cần đánh giá đúng mức những đóng góp tích cực của Hội Người cao tuổi Việt Nam vào thành tựu chung của sự nghiệp đổi mới, ổn định và phát triển; đồng thời làm rõ những mặt hạn chế, khó khăn, lúng túng; những nguyên nhân và rút ra những bài học kinh nghiệm trong 5 năm qua để có những giải pháp khắc phục, nhằm thu hút hội viên tham gia vào những hoạt động phù hợp, thiết thực của Hội. Ban Thường vụ Trung ương Hội cần tiếp thu ý kiến đóng góp của các ban, ngành để hoàn thiện báo cáo này.

2. Hội cần đánh giá hoạt động và cơ chế phối hợp giữa Ban đại diện Hội ở các tỉnh, thành phố và quận, huyện với các cấp hội và với các đoàn thể nhân dân để có những giải pháp cụ thể củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Ban đại diện.

3. Thực hiện Chỉ thị 59-CT/TW, ngày 27-9-1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá VII), Chỉ thị 117/TTg của Thủ tướng Chính phủ và Pháp lệnh Người cao tuổi, không đặt vấn đề Hội Người cao tuổi Việt Nam phải có hệ thống 4 cấp hoàn chỉnh từ Trung ương đến cơ sở. Mô hình hệ thống tổ chức 2 cấp như hiện nay của Hội Người cao tuổi Việt Nam là phù hợp. Ở cấp tỉnh, thành phố, quận, huyện, thị xã lập Ban đại diện, đặt tại cơ quan Mặt trận Tổ quốc cùng cấp và do Đảng đoàn Mặt trận cấp đó chỉ đạo hoạt động. Ban đại diện Hội ở cấp tỉnh, huyện hoạt động chuyên trách (cấp huyện, quận có từ 1 - 2 cán bộ; cấp tỉnh có 2 - 3 cán bộ), có con dấu riêng và được Nhà nước cấp kinh phí hoạt động. Tăng cường số lượng cán bộ hợp lý ở cấp Trung ương Hội.

4. Cần khẳng định Hội Người cao tuổi Việt Nam là tổ chức xã hội của người cao tuổi, có các nhiệm vụ đã được quy định cụ thể tại Pháp lệnh người cao tuổi.

Điều lệ của Hội xây dựng trên cơ sở cụ thể hóa, phù hợp với quy định tại Pháp lệnh Người cao tuổi và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Trên cơ sở Điều lệ đã được thông qua, Ban Thường vụ Trung ương Hội hướng dẫn thực hiện phù hợp.

5. Đồng ý Đại hội II Hội Người cao tuổi Việt Nam tổ chức tại Thủ đô Hà Nội trong thời gian 3 ngày (trong đó có 1 ngày họp nội bộ), thời điểm Đại hội do Ban Thường vụ Hội Người cao tuổi Việt Nam xem xét, quyết định.

Chấp thuận về nguyên tắc với kiến nghị của Hội về việc đề cử đồng chí Vũ Oanh, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch danh dự Hội Người cao tuổi Việt Nam để Đại hội xem xét bầu làm Chủ tịch Hội Người cao tuổi Việt Nam nhiệm kỳ II. Vấn đề này Ban Bí thư sẽ báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị.

Đồng ý tặng Đại hội Hội Người cao tuổi Việt Nam bức trướng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ban Thường vụ Trung ương Hội đề xuất nội dung bức trướng để Ban Bí thư xem xét.

6. Nhà nước tiếp tục trợ cấp kinh phí hoạt động cho Hội. Các cơ quan có chức năng của Nhà nước tạo thuận lợi, bảo đảm cấp kinh phí kịp thời cho Hội. Việc xem xét để chủ tịch và các phó chủ tịch Hội ở cơ sở được hưởng chế độ sinh hoạt phí, Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam làm việc cụ thể với Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và các ban, ngành liên quan có đề án trình Chính phủ quyết định.

7. Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam tiếp tục làm việc với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ để soát xét nội dung các văn kiện Đại hội, dự thảo Điều lệ và nhân sự trình Đại hội.

Đại hội cần được tổ chức tốt cả về nội dung, hình thức với tinh thần tin tưởng, đoàn kết, dân chủ, trang trọng, tiết kiệm, tạo một khí thế mới trong Hội Người cao tuổi vì sự nghiệp chăm sóc và phát huy người cao tuổi Việt Nam ngày càng tốt hơn.

T/M BAN BÍ THƯ

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ
Số 14-TB/TW, ngày 27 tháng 7 năm 2001
Về Đại hội VII Hội Chữ thập đỏ Việt Nam

Tại phiên họp ngày 24-7-2001, sau khi nghe Đảng đoàn Hội Chữ thập đỏ Việt Nam báo cáo về công tác chuẩn bị Đại hội VII của Hội và ý kiến của các cơ quan liên quan, Ban Bí thư đã có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Nhiệm kỳ qua, hoạt động của Hội đã có nhiều tiến bộ: đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hướng về cơ sở, bám sát thực tiễn; tổ chức và lực lượng hội viên phát triển nhanh; nhiều hoạt động của Hội có hiệu quả tốt trong việc cứu trợ thiên tai, giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam; quan hệ đối ngoại được mở rộng, tranh thủ được nhiều viện trợ quốc tế; vai trò, vị trí, uy tín của Hội trong quần chúng nhân dân và quốc tế được nâng cao, cần được tiếp tục phát huy.

Tuy nhiên, hoạt động của Hội còn một số hạn chế, yếu kém, nhất là công tác quản lý cán bộ ở các cấp hội, về phát triển cơ sở hội ở vùng sâu, vùng xa, miền núi. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Thường trực Trung ương Hội cần có báo cáo kiểm điểm sâu sắc trước Đại hội (phần nội bộ) về trách nhiệm trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo các cấp hội thực hiện nhiệm vụ chính trị của mình.

Nhiệm kỳ tới, Hội cần tập trung nghiên cứu, đề xuất với Đảng, Nhà nước về những chủ trương, biện pháp để làm tốt vai trò nòng cốt trong hoạt động nhân đạo, từ thiện; phát triển cơ sở hội ở vùng sâu, vùng xa, vùng còn nhiều khó khăn. Tiếp tục đổi mới hoạt động của Hội theo hướng xã hội hóa, công khai, dân chủ, đúng pháp luật, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động nhân đạo. Hội phải có những biện pháp cụ thể, thiết thực để làm tốt công tác quản lý tài chính các chương trình, dự án, khắc phục những tồn tại theo kết luận của Thanh tra Nhà nước ở các cấp hội.

2. Đồng ý tổ chức Đại hội VII Hội Chữ thập đỏ Việt Nam từ ngày 8-8 đến ngày 10-8-2001 (trong đó có 2 ngày họp nội bộ); chấp thuận như đề nghị của Hội về số lượng, cơ cấu Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Ban Thường trực Trung ương Hội khóa VII. Ủy viên Ban Chấp hành khóa VII phải là những người tiêu biểu, có phẩm chất đạo đức, năng lực hoạt động thực tiễn, có tâm huyết với sự nghiệp nhân đạo.

Đồng ý về nguyên tắc giới thiệu đồng chí Nguyễn Trọng Nhân, Chủ tịch Hội (khóa VI) tiếp tục tham gia Ban Chấp hành và giữ cương vị Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Việt Nam khóa VII.

Tán thành với kiến nghị của Hội về việc mời đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước làm Chủ tịch danh dự của Hội nhiệm kỳ VII. Hội cần trực tiếp báo cáo và xin ý kiến đồng chí Trần Đức Lương về vấn đề trên.

Giao Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ban Cán sự Đảng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ phối hợp với Đảng đoàn Hội Chữ thập đỏ Việt Nam để xem xét, thống nhất về số lượng, cơ cấu và nhân sự các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký Trung ương Hội theo hướng đổi mới và có độ tuổi phù

hợp, bảo đảm sự chuyển tiếp vững vàng trong đội ngũ cán bộ chủ chốt của Hội.

3. Về Điều lệ (sửa đổi), không nên có một chương riêng về thanh, thiếu niên chữ thập đỏ. Hội cần phối hợp với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh để hướng dẫn các hình thức tập hợp và hoạt động chữ thập đỏ trong thanh, thiếu niên, nhằm tiếp tục đẩy mạnh tinh thần tình nguyện của thanh, thiếu niên trong các hoạt động nhân đạo, góp phần giáo dục ý thức cộng đồng đối với thế hệ trẻ.

4. Xét thành tích và kết quả hoạt động của Hội, tặng Đại hội lần thứ VII của Hội bức trướng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng mang dòng chữ: *"Hội Chữ thập đỏ Việt Nam phát huy truyền thống vẻ vang, vươn lên làm nòng cốt trong sự nghiệp nhân đạo cao cả"*.

5. Các cấp ủy đảng cần tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Hội. Chính phủ và các bộ, ngành cần quan tâm, tạo điều kiện về cơ chế, chính sách, biên chế cán bộ để Hội hoàn thành tốt nhiệm vụ, đáp ứng sự phát triển của Hội.

6. Hội cần tiếp tục làm việc với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ban Cán sự Đảng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ để soát xét nội dung các văn kiện Đại hội, dự thảo Điều lệ sửa đổi và nhân sự trình Đại hội.

T/M BAN BÍ THƯ

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 15-TB/TW, ngày 30 tháng 7 năm 2001

Về Đề án "Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển doanh nghiệp nhà nước"

Trong phiên họp ngày 25 - 27-7-2001, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ trình bày Đề án "Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển doanh nghiệp nhà nước", Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận:

1. Đánh giá chung về đề án

Đề án đã được chuẩn bị kỹ, công phu, có nhiều số liệu phong phú, có nhiều nội dung mới so với các đề án trình bày trước, có chất lượng tốt. Trên cơ sở bản Đề án này, sau khi tiếp thu, chỉnh lý, bổ sung theo ý kiến thảo luận của Bộ Chính trị, có thể hoàn chỉnh để trình Trung ương trong Hội nghị Trung ương 3 sắp tới.

Tuy nhiên Đề án còn dài, chưa làm thật rõ, nổi bật những vấn đề lớn, những vấn đề mới để Trung ương dễ nắm bắt và cho ý kiến; vì vậy đề nghị Đề án cần nói rõ thêm, sâu thêm, ngắn gọn và cụ thể thêm, chuẩn xác hơn, nổi bật hơn

những vấn đề lớn thuộc về quan điểm, định hướng chính sách để Trung ương thảo luận và quyết định.

Về tiêu đề của Đề án, đề nghị Ban Cán sự Đảng Chính phủ cân nhắc thêm cho phù hợp với phạm vi và nội dung của Đề án, phù hợp với quan điểm trong các văn kiện Đại hội IX của Đảng, trình Hội nghị Trung ương quyết định.

2. Về đánh giá tình hình

Bộ Chính trị, Ban Bí thư về cơ bản nhất trí với các đánh giá của Ban Cán sự Đảng Chính phủ trình bày trong Đề án.

- Tình hình các doanh nghiệp nhà nước những năm vừa qua có *những chuyển biến tích cực*: về cơ bản các doanh nghiệp nhà nước đã chuyển sang hoạt động theo cơ chế thị trường, nhiều doanh nghiệp đã thích ứng và hoạt động có hiệu quả trong cơ chế mới; cơ cấu và quy mô bước đầu được điều chỉnh theo hướng phù hợp hơn; trình độ công nghệ và quản lý có tiến bộ; nhờ đó đã góp phần quan trọng để kinh tế nhà nước thực hiện được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, chi phối được các ngành và lĩnh vực then chốt, là lực lượng rất quan trọng trong việc bảo đảm các sản phẩm chủ yếu, các dịch vụ công ích thiết yếu, là lực lượng nòng cốt trong tăng trưởng kinh tế.

Đạt được kết quả này là do có đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước, những cố gắng trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, các cấp, các ngành và sự phấn đấu vươn lên của bản thân các doanh nghiệp.

Nhưng cần đánh giá đầy đủ hơn về quá trình sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước từ năm 1986 đến nay. Cần nêu bật những kết quả chính và bổ sung thêm một kết quả quan trọng là từ quá trình sắp xếp, đổi mới doanh

nghiệp nhà nước vừa qua giúp chúng ta có được nhiều nhận thức và kinh nghiệm tốt để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ quan trọng này trong thời gian tới.

- *Về những tồn tại, yếu kém* nổi bật của doanh nghiệp nhà nước hiện nay, Bộ Chính trị, Ban Bí thư nhất trí với những đánh giá nêu trong Đề án, như: hiệu quả sản xuất, kinh doanh, sức cạnh tranh thấp, tốc độ phát triển chưa cao; còn nhiều doanh nghiệp nhà nước vẫn còn ỉ lại vào sự bảo hộ, bao cấp của Nhà nước; quy mô doanh nghiệp nhỏ, cơ cấu còn nhiều bất hợp lý, dàn trải, chồng chéo; thiết bị, công nghệ lạc hậu nhưng đầu tư đổi mới chậm; nợ khó đòi ngày càng tăng, trình độ quản lý yếu, lao động thiếu việc làm và dôi dư còn lớn nhưng khó bố trí, sắp xếp lại...

Cần đánh giá rõ và nổi bật hơn yếu kém biểu hiện ở tốc độ tăng trưởng của doanh nghiệp nhà nước không tương xứng với tiềm năng, với những nguồn lực mà các doanh nghiệp nhà nước đang nắm giữ; vừa qua nhà nước còn hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhà nước một nguồn lực lớn qua nhiều con đường, nhưng đánh giá chung, trình độ thiết bị, công nghệ, trình độ quản lý, hiệu quả tổng thể của doanh nghiệp nhà nước ít được cải thiện; đây thật sự là điều đáng lo ngại là thách thức lớn khi thời gian thực hiện những cam kết hội nhập vào AFTA đang đến gần, sắp tới lại thông qua Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ...

- *Về nguyên nhân* của những tồn tại yếu kém: đồng ý với những nguyên nhân nêu trong Đề án, nhưng cần phân biệt rõ hơn ba loại nguyên nhân: nguyên nhân khách quan (là vấn đề hệ trọng, đụng chạm đến quan điểm và lý luận cơ bản, nhạy cảm về chính trị); nguyên nhân chủ quan về cơ chế, chính sách, về quản lý có tác động chung đối với toàn bộ

nền kinh tế (quản lý kém để hàng lậu tràn lan, thanh tra, kiểm tra chồng chéo, thủ tục hành chính phiền hà...) và nguyên nhân về cơ chế, chính sách và quản lý có tác động riêng đối với doanh nghiệp nhà nước (vấn đề cơ chế tài chính, về tổ chức bộ máy, cán bộ, cơ chế phân phối, quyền tự chủ của doanh nghiệp và quản lý của chủ sở hữu...).

Cần nhấn mạnh hơn nguyên nhân về nhận thức. Có mặt nhận thức chưa thống nhất nên mặc dù đã có nghị quyết, vẫn còn những ý kiến khác nhau lại chậm được đưa ra thảo luận, kết luận, làm ảnh hưởng tới quá trình thực hiện, làm việc thực hiện chậm, kéo dài. Có mặt nhận thức chưa đầy đủ về vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, do đó còn chưa thật sự quan tâm đầy đủ, quyết tâm chưa cao, chưa đầu tư công sức, nguồn lực đủ mức để đổi mới, củng cố, phát triển doanh nghiệp nhà nước, chưa có một chiến lược tổng thể để giải quyết được một cách căn bản những vấn đề của doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt trong một số ngành then chốt của nền kinh tế (như cơ khí, thép...).

Cần nhấn mạnh nguyên nhân về cơ chế, chính sách, mà tập trung là chưa giải quyết được vấn đề quan hệ giữa sở hữu và quản lý, phân phối đối với doanh nghiệp nhà nước, do đó chưa tạo ra điều kiện để doanh nghiệp nhà nước thật sự thích ứng với cơ chế thị trường.

Cần nói rõ rằng những tồn tại, yếu kém của doanh nghiệp nhà nước hiện nay có trách nhiệm của lãnh đạo Đảng và Nhà nước, của Trung ương, Bộ Chính trị, Chính phủ và của lãnh đạo các cấp, các ngành.

- *Về các bài học kinh nghiệm:* Tán thành với các bài học rút ra nêu trong dự thảo, nhưng cần nhấn mạnh thêm khía cạnh: phải quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng, khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước (trong đó có vai trò của doanh nghiệp nhà nước) trong nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa.

3. Về phần phương hướng

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư đề nghị cần có phần nêu các quan điểm chỉ đạo trước khi nêu mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu, trong đó lưu ý một số vấn đề đã xác định trong Nghị quyết Đại hội IX như:

+ Khẳng định vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa. Doanh nghiệp nhà nước là lực lượng nòng cốt của kinh tế nhà nước, giữ vị trí then chốt trong nền kinh tế, đi đầu trong ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, nêu gương về năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh doanh và chấp hành pháp luật, là lực lượng vật chất, là công cụ để nhà nước điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước thể hiện chủ yếu là ở hiệu quả, tính nêu gương và khả năng định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Nhưng doanh nghiệp nhà nước cần chiếm một tỷ trọng đến mức nào trong nền kinh tế, nhất là ở những lĩnh vực then chốt; thì cần nêu rõ để Trung ương thảo luận.

+ Sắp xếp, đổi mới, phát triển doanh nghiệp nhà nước là những nhiệm vụ có quan hệ hữu cơ gắn bó chặt chẽ với nhau tạo thành một thể thống nhất phải được tiến hành đồng bộ, khẩn trương, vững chắc, thường xuyên và lâu dài. Cùng với

sắp xếp lại, cổ phần hóa, giao, khoán, cho thuê, giải thể..., chuyển đại bộ phận doanh nghiệp nhà nước sang hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, cần đổi mới cơ chế quản lý, ưu tiên đầu tư xây dựng các doanh nghiệp nhà nước trong các ngành, lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế; chính sách, pháp luật phải bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, tiến tới xây dựng một luật doanh nghiệp chung cho mọi thành phần kinh tế, có luật cho các tổ chức và cá nhân sử dụng vốn nhà nước...

- Về nhiệm vụ sau 5 năm hoàn thành về cơ bản việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, giải quyết cơ bản nợ tồn đọng, lao động dôi dư, đảm bảo đủ vốn cho các doanh nghiệp... cần cân nhắc về tính khả thi, về các biện pháp thực hiện. Tuy nhiên, đây là vấn đề đã được nêu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2001 - 2005) được Đại hội IX thông qua, vì vậy cần báo cáo rõ để Trung ương thảo luận, quyết định.

- Về các giải pháp:

+ Bộ Chính trị, Ban Bí thư cơ bản tán thành với cách phân loại và định hướng phát triển doanh nghiệp nhà nước như trong Đề án; nhưng cần lưu ý: vẫn cần thiết duy trì và phát triển một số doanh nghiệp nhà nước (cả doanh nghiệp kinh doanh và công ích) quy mô vừa và nhỏ, nhất là ở các địa bàn miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa; các lĩnh vực thương mại - dịch vụ cho nông thôn, miền núi, lĩnh vực văn hóa, giáo dục... Không nên quá cứng nhắc chỉ dựa vào tiêu chí vốn để quyết định.

+ Đối với các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh, cần làm rõ hơn, cụ thể hơn về những cơ chế, chính sách cần sửa đổi, bổ sung để đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp, như

các vấn đề: làm rõ và cụ thể hơn mô hình về quan hệ của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước (quan hệ của Chính phủ, Bộ Tài chính, bộ chuyên ngành, hội đồng quản trị với doanh nghiệp nhà nước thế nào; có bộ chủ quản hay không có bộ chủ quản...), làm rõ hơn về quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (tự chủ về tài chính thế nào, về tổ chức, cán bộ, lao động, tiền lương, phân phối lợi nhuận sau thuế thế nào?), có thể hoàn toàn xóa bao cấp cho doanh nghiệp nhà nước được không? Có cần phân biệt kinh tế trung ương, kinh tế địa phương không? Bình đẳng trước pháp luật giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân là thế nào?...

Đối với doanh nghiệp công ích, cũng cần làm rõ hơn phạm vi hoạt động (cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho xã hội, cho miền núi, vùng sâu, vùng xa, sản phẩm cho quốc phòng, an ninh...) và phương thức hoạt động (chuyển từ cấp vốn sang đấu thầu và đặt hàng...), làm rõ doanh nghiệp công ích làm gì, làm đến đâu, và làm như thế nào (kể cả các doanh nghiệp của Đảng, của các đoàn thể) để có cơ chế phù hợp.

+ Về giải pháp cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước:

Bộ Chính trị, Ban Bí thư khẳng định chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là đúng, cần phải đẩy mạnh việc thực hiện nhưng cần lưu ý rút kinh nghiệm về cách thực hiện để khắc phục một số sơ hở, đảm bảo đúng định hướng. Về mục tiêu cổ phần hóa, trong 5 năm tới tuy dự kiến mới chỉ được 11% tổng số vốn của doanh nghiệp nhà nước, nhưng đã chiếm 50% về số doanh nghiệp nhà nước, liên quan tới hơn 150.000 lao động, nên cần nêu rõ để Trung ương thảo luận, kết luận.

Cần thống nhất về quan điểm và mục tiêu cổ phần hóa; cân nhắc kỹ về các loại doanh nghiệp nhà nước mà nhà nước phải nắm 100% cổ phần hoặc nắm cổ phần chi phối (ngoài các lĩnh vực nêu trong đề án, cần cân nhắc về các công ty thương mại bán buôn các sản phẩm hàng hóa quan trọng, doanh nghiệp cung cấp vật tư cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của nông dân...?); cần chú ý vấn đề xác định giá trị tài sản doanh nghiệp khi cổ phần hóa (việc không tính giá trị đất, giá cho thuê đất quá thấp); cần thống nhất về quan điểm đối với việc bán cổ phần cho cán bộ, công nhân trong doanh nghiệp, cho người ngoài doanh nghiệp và cho người nước ngoài; về những ưu đãi tài chính khi bán cổ phần cho cán bộ, công nhân trong doanh nghiệp; về việc bán cổ phần của các doanh nghiệp công nghiệp chế biến cho nông dân cung cấp nguyên liệu; về việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần của cán bộ, công nhân trong doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa; về việc phân phối lợi nhuận trong công ty cổ phần; về quản lý doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa... Thực hiện cổ phần hóa phải bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng với việc mở rộng huy động vốn phải làm tăng kinh tế nhà nước, phát triển kinh tế nhà nước; người lao động phải phát huy được quyền làm chủ và bảo đảm về lợi ích khi doanh nghiệp cổ phần hóa, phân phối lợi nhuận phải bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, của người lao động và các cổ đông trong công ty...

+ Cần trình bày rõ hơn về mô hình tổng công ty và xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh; về xử lý nợ quá hạn, về việc cần chuyển sang hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn để phá sản được những doanh nghiệp nhà nước nhỏ, thua lỗ

kéo dài...; nêu rõ những yếu tố có liên quan cần phải được nghiên cứu, giải quyết đồng bộ (như việc sửa đổi, bổ sung luật; giải quyết các vấn đề xã hội...).

+ Về nâng cao vai trò của tổ chức cơ sở đảng trong doanh nghiệp:

Bộ Chính trị, Ban Bí thư về cơ bản tán thành với các vấn đề, phương án tổ chức nêu trong Đề án, nhưng cần làm rõ hơn vai trò, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng trong doanh nghiệp (Đảng ủy làm gì, bàn gì, quyết gì trong doanh nghiệp, nếu có Ban Cán sự Đảng thì Ban Cán sự Đảng có quyền hạn, trách nhiệm gì, đến đâu...); làm rõ loại doanh nghiệp nào cần có Ban Cán sự Đảng, loại nào không cần có Ban Cán sự Đảng, loại doanh nghiệp nào cần tổ chức đảng theo ngành dọc, loại nào các doanh nghiệp thành viên sinh hoạt ở các cấp ủy địa phương, quan hệ với cấp ủy địa phương thế nào; về tổ chức và hoạt động của các tổ chức quần chúng trong doanh nghiệp.

Ban Tổ chức Trung ương, các ban đảng phải tham gia cùng với Tiểu ban chuẩn bị Đề án tiếp tục nghiên cứu, làm rõ và có phương án cụ thể đối với các vấn đề này.

4. Về tổ chức thực hiện và các vấn đề khác

- Trên cơ sở ý kiến thảo luận của Bộ Chính trị, Ban Cán sự Đảng Chính phủ cần chuẩn bị thêm để bản báo cáo trình ra Trung ương rõ hơn, gọn hơn, có bổ sung thêm về các doanh nghiệp của công an, quân đội, doanh nghiệp của Đảng và các đoàn thể (các vấn đề chi tiết đưa xuống phụ lục).

Cùng với Đề án phải có tờ trình Trung ương nêu rõ những vấn đề Trung ương cần thảo luận và quyết định, có thể

lựa chọn một số vấn đề cần biểu quyết để Trung ương xem xét, biểu quyết.

- Cần chuẩn bị trước dự thảo nghị quyết của Trung ương về vấn đề này, cố gắng cải tiến cách viết nghị quyết, để nghị quyết ngắn gọn, cô đọng, nêu rõ các điểm cụ thể phải làm...

Cần sớm chuẩn bị xong các tài liệu này để gửi cho Trung ương trước Hội nghị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TRẦN ĐÌNH HOAN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 17-TB/TW, ngày 8 tháng 8 năm 2001

Về quá trình đầu tư
Dự án Sân vận động trung tâm

Ngày 7-8-2001, theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Ban Bí thư đã họp nghe Ban Cán sự Đảng Ủy ban Thể dục - Thể thao và một số cơ quan liên quan báo cáo về quá trình đầu tư Dự án Sân vận động trung tâm. Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Chủ trương của Thường vụ Bộ Chính trị khóa VIII (Thông báo số 204-TB/TW, tháng 3-1999) về việc Việt Nam đăng cai SEA Games 22 năm 2003, xây dựng Khu Liên hợp thể thao quốc gia trong đó có Sân vận động trung tâm cần được tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc, với yêu cầu "Công trình này phải là công trình mẫu mực cả về thiết kế, thi công và quản lý..., bảo đảm tính dân tộc và hiện đại", để kịp thời phục vụ cho SEA Games 22.

2. Thực hiện chủ trương của Thường vụ Bộ Chính trị khóa VIII, hơn hai năm qua Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành

có liên quan khẩn trương chuẩn bị để triển khai xây dựng các công trình, trong đó có Sân vận động trung tâm quốc gia. Quá trình lựa chọn các phương án thông qua đấu thầu được cân nhắc, lựa chọn, cơ bản thực hiện đúng thủ tục, quy chế đấu thầu hiện hành.

Tuy nhiên, Ủy ban Thể dục - Thể thao và các cơ quan chức năng có liên quan cần kịp thời rút kinh nghiệm về một số thiếu sót, sơ suất trong đấu thầu; trong việc quản lý các tài liệu, hồ sơ, thông tin, đưa thông tin trên một số báo, đài; coi đó là những bài học chung cho việc tổ chức đấu thầu những công trình lớn sau này.

3. Thời gian từ nay đến SEA Games 2003 không còn nhiều. Vừa qua Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án lựa chọn nhà thầu xây dựng Sân vận động trung tâm; Ủy ban Thể dục - Thể thao và các cơ quan liên quan cần hoàn tất các thủ tục để khởi công công trình và chỉ đạo chặt chẽ tiến độ thi công, kiểm tra nghiêm ngặt chất lượng công trình để kịp thời phục vụ và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các hoạt động của SEA Games 22.

Ban Cán sự Đảng Ủy ban Thể dục - Thể thao cần chỉ đạo việc chuẩn bị chu đáo các tài liệu chính thức về việc này để Chính phủ họp báo công bố công khai trước khi khởi công công trình.

4. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Bộ Văn hóa - Thông tin cần kịp thời định hướng cho các phương tiện thông tin đại chúng đưa tin chính xác, đúng đắn, tạo điều kiện

thuận lợi cho việc triển khai xây dựng Sân vận động trung tâm thuộc Khu Liên hợp thể thao quốc gia.

T/L BAN BÍ THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG

NGÔ VĂN DỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 19-TB/TW, ngày 10 tháng 8 năm 2001

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992

Tại phiên họp ngày 9 và ngày 10-8-2001, sau khi nghe Ủy ban dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 báo cáo và ý kiến của các ngành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992, Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

I- VỀ PHẠM VI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HIẾN PHÁP 1992

Cần quán triệt các quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị khóa VIII về việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992:

- Việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992 phải tiếp tục khẳng định bản chất và mô hình tổng thể của bộ máy Nhà nước ta đã được quy định trong Hiến pháp 1992, và thể chế hóa các quan điểm, chủ trương mới của Đảng đã nêu trong Nghị quyết Đại hội IX.

- Không đặt vấn đề sửa đổi một cách cơ bản, toàn diện Hiến pháp, mà chỉ sửa đổi, bổ sung một số vấn đề thực sự

bức xúc, đã có đủ cơ sở và có sự thống nhất cao. Trọng tâm là sửa đổi, bổ sung một số điều về tổ chức bộ máy nhà nước; đồng thời sửa đổi, bổ sung một số điều khác cho phù hợp với các nội dung mới đã được Nghị quyết Đại hội IX xác định.

Với tinh thần đó, Bộ Chính trị cơ bản tán thành phạm vi sửa đổi và những nội dung cụ thể mà Ủy ban dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 đã đề xuất. Tuy nhiên, cũng cần rà soát, nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung thêm một số vấn đề khác đã được xác định rõ trong Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, hoặc đã được thực tiễn kiểm nghiệm, xác nhận, không trái với nguyên tắc, quan điểm của Đảng và không phải mất nhiều thời gian nghiên cứu, nhằm góp phần nâng cao chất lượng của Hiến pháp.

II- VỀ CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ

1. Về Quốc hội

Cần tiếp tục khẳng định Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Về cơ bản, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội nên giữ như quy định của Hiến pháp 1992.

a) Về nhiệm vụ của Quốc hội, sửa đổi, bổ sung một số điểm của Điều 84 theo hướng:

+ Việc quy định Quốc hội quyết định *phân bổ ngân sách Trung ương* hoặc là quyết định phân bổ ngân sách nhà nước (điểm 4), cần được cân nhắc kỹ và diễn đạt rõ để bảo đảm phù hợp với Luật ngân sách và cách hiểu thực tế lâu nay.

+ Quốc hội quyết định chính sách tôn giáo của Nhà nước (điểm 5).

+ Việc quy định Quốc hội bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn là cần thiết để nâng cao trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo trước Quốc hội, trước nhân dân. Song, cần cân nhắc quy định trong Hiến pháp hay quy định trong luật thì phù hợp. Luật tổ chức Quốc hội phải quy định chặt chẽ việc thực hiện vấn đề này để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cán bộ, đồng thời phát huy vai trò giám sát của Quốc hội.

+ Quốc hội phê chuẩn hoặc bãi bỏ các điều ước quốc tế do Chủ tịch nước trực tiếp ký (trong luật cần quy định cụ thể).

b) Về thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các thành viên của Chính phủ (Điều 91), sửa lại theo hướng Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ thực hiện quyền này *trong trường hợp thật cần thiết.*

c) Không nên bổ sung quy định: "Quốc hội có thể định cho mình những nhiệm vụ, quyền hạn khác khi xét thấy cần thiết", hoặc "Quốc hội có thể giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội những nhiệm vụ và quyền hạn khác, khi xét thấy cần thiết".

Lưu ý nghiên cứu việc thực hiện chủ trương tăng cường số lượng đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách trong các cơ quan của Quốc hội; cơ chế tổ chức và hoạt động để bảo đảm Quốc hội thực hiện có hiệu quả chức năng làm luật và giám sát tối cao, đặc biệt là giám sát đối với các hoạt động tư pháp để sửa đổi, bổ sung Luật tổ chức Quốc hội.

2. Về Chủ tịch nước

Tiếp tục khẳng định Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại.

Việc sửa đổi bổ sung các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước cần nghiên cứu kỹ, bảo đảm tăng cường trách nhiệm của Chủ tịch nước trong các hoạt động về đối nội và đối ngoại.

Về một số vấn đề cụ thể:

- Về tình trạng khẩn cấp (điểm 6, Điều 103), sửa theo hướng Chủ tịch nước căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, *công bố* tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương. Tuy nhiên, cần tiếp tục cân nhắc kỹ vấn đề này, vì thực tế có thể xuất hiện những tình huống khẩn cấp cần phải có biện pháp ứng phó ngay (kịp thời) mà không thể chờ họp Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do vậy phải có cơ chế để Chủ tịch nước có thể ban bố tình trạng khẩn cấp trong trường hợp đặc biệt.

- Về phong hàm cấp ngoại giao (điểm 9, Điều 103), sửa là: *Chủ tịch nước phong hàm, cấp Đại sứ.*

Bổ sung thêm ý: Chủ tịch nước quyết định tặng giải thưởng Nhà nước (điểm 8, Điều 103).

Ngoài những vấn đề nêu trên, cần tiếp tục làm rõ hơn vai trò thống lĩnh các lực lượng vũ trang của Chủ tịch nước, tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quốc phòng - an ninh, vấn đề thành lập cơ quan an ninh quốc gia, vấn đề đại xá... Đây là những vấn đề quan trọng, cần sớm nghiên cứu, nếu có đủ cơ sở thì có thể bổ sung vào Hiến pháp hoặc quy định cụ thể ở văn bản luật.

3. Về Chính phủ

Cơ bản giữ các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Chính phủ như Hiến pháp 1992. Sửa đổi, bổ sung một số điểm sau:

- Sửa đổi điểm 8 Điều 112 theo hướng giao cho Chính phủ đàm phán, ký kết điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp Chủ tịch nước ký.

- Việc bỏ quy định "Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật" (Điều 116), nhằm tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ và cơ quan ngang bộ là hướng đúng. Tuy nhiên, vấn đề này cũng cần phải được nghiên cứu thật kỹ, đồng bộ, nhất là các vướng mắc phát sinh khi sửa nội dung này của Hiến pháp.

Cần tiếp tục nghiên cứu các vấn đề về cải cách tổ chức bộ máy của Chính phủ, việc sắp xếp các cơ quan thuộc Chính phủ, việc xác định thẩm quyền trách nhiệm của các thành viên Chính phủ, thẩm quyền trách nhiệm của các phó thủ tướng để sửa đổi, bổ sung Luật tổ chức Chính phủ.

4. Về hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân

- Việc quy định hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương (Điều 119) đã được khẳng định qua nhiều thời kỳ, và về cơ bản là ổn định; mặt khác, quy định như vậy cũng là thể hiện đúng bản chất của hội đồng nhân dân ở nước ta. Do vậy, giữ nguyên quy định hiện hành "*Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương*".

- Về mô hình tổ chức hội đồng nhân dân ở các cấp là vấn đề đang nghiên cứu và còn nhiều ý kiến khác nhau, Hiến pháp chưa nên khẳng định ngay. Do vậy, giữ như quy định của Hiến pháp hiện hành: "Việc thành lập hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân ở các đơn vị hành chính do Luật định".

Khi sửa Luật tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân cần nghiên cứu sửa đổi theo hướng hội đồng nhân dân được thành lập ở tỉnh, huyện, thành phố thuộc tỉnh và thị xã; xã và thị trấn thuộc huyện, xã và phường thuộc thành phố thuộc tỉnh và thị xã. Ở thành phố trực thuộc Trung ương thành lập hội đồng nhân dân ở cấp thành phố và cấp cơ sở (phường); đối với ngoại thành, hội đồng nhân dân được thành lập ở huyện, xã và thị trấn.

- Về thường trực hội đồng nhân dân, đây là vấn đề thuộc về lề lối làm việc, không phải là một cấp trong tổ chức hội đồng nhân dân. Do vậy, không nên quy định trong Hiến pháp; nên xem xét quy định ở Luật tổ chức hội đồng nhân dân hoặc quy chế làm việc của hội đồng nhân dân.

- Về việc thành lập ủy ban nhân dân (Điều 123), cần tiếp tục khẳng định, ủy ban nhân dân do hội đồng nhân dân bầu là cơ quan chấp hành của hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương,...

Tán thành việc bổ sung quy định: "*Trong trường hợp cần thiết, Thủ tướng Chính phủ có thể bổ nhiệm, điều động chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp trên có thể bổ nhiệm, điều động chủ tịch ủy ban nhan dan cap dươi trực tiep; trong cac trương hợp này chủ tịch ủy ban nhân dân không nhất thiết là đại biểu hội đồng nhân dân*". Tuy nhiên, cũng cần phải tính toán kỹ để có thể quy định rõ trong luật như thế nào là "trường hợp cần thiết" để tránh việc điều động, bổ nhiệm tràn lan làm ảnh hưởng đến thẩm quyền bầu chủ tịch ủy ban nhân dân của hội đồng nhân dân.

5. Về tòa án nhân dân

Nhất trí bổ sung vào Điều 131: Việc xét xử do một thẩm phán thực hiện đối với một số trường hợp do luật định.

6. Về viện kiểm sát nhân dân

Đồng ý với phương án viện kiểm sát nhân dân có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp.

7. Về các nội dung chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học

Đồng ý với ý kiến của Ủy ban sửa đổi Hiến pháp bổ sung một số vấn đề sau:

- Bổ sung vào Điều 3 về mục tiêu chung phát triển đất nước "thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

- Bổ sung vào Điều 12 về chủ trương "Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức và công dân".

- Bổ sung vào các Điều 15, 16, 19, 21, 24 về hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế; về hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa; về phát huy nội lực, hội nhập quốc tế...

- Nghiên cứu để có thể sửa đổi, bổ sung các Điều 35, 36, 37 và 59 về phát triển khoa học - công nghệ, phổ cập giáo dục, các chính sách trong giáo dục đào tạo.

Ngoài các vấn đề trên, cần tiếp tục rà soát các quy định khác nếu thấy có vấn đề cần thiết phải sửa đổi, bổ sung mà không trái với quan điểm, nguyên tắc của Đảng thì nên đặt

vấn đề sửa đổi, bổ sung để Hiến pháp phù hợp với Nghị quyết Đại hội IX.

Đồng thời cần tham khảo nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến bổ sung, góp ý hợp lý về một số câu, chữ trong một số điều của Hiến pháp.

III- VỀ TỔ CHỨC LẤY Ý KIẾN CỦA NHÂN DÂN

- Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 là vấn đề hệ trọng. Do vậy, việc tổ chức lấy ý kiến của nhân dân phải theo một quy trình chặt chẽ, bảo đảm hiệu quả thiết thực nhằm huy động trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân tham gia đóng góp, xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp.

- Việc lấy ý kiến nhân dân diễn ra trong một thời gian ngắn, cần có kế hoạch cụ thể, tỉ mỉ để vừa tổ chức tốt việc tuyên truyền vận động, việc nghiên cứu thảo luận, vừa tổ chức tốt việc tổng hợp kịp thời, chính xác ý kiến của các tầng lớp nhân dân để tiếp thu, sửa đổi, chỉnh lý Hiến pháp; bảo đảm đúng tiến độ trình Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương cho ý kiến trước khi trình Quốc hội thông qua.

- Các cấp ủy đảng, các tổ chức chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể ở các cấp có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo để việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của nhân dân vào việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp đạt kết quả tốt.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX*

Ngày 13 tháng 8 năm 2001

Thưa các đồng chí Trung ương,
Thưa các đồng chí,

Sau Đại hội toàn quốc của Đảng, như thường lệ Ban Chấp hành Trung ương sẽ họp để bàn và quyết định Quy chế và Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương. Căn cứ vào kết quả chuẩn bị các đề án, Bộ Chính trị quyết định triệu tập Hội nghị Trung ương lần này để thảo luận và thông qua Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX. Tại Hội nghị này Bộ Chính trị cũng trình Trung ương thảo luận và quyết định

---

* Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX họp từ ngày 13 đến ngày 22-8-2001 (*B.T*).

vấn đề tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, một vấn đề có ý nghĩa lớn về kinh tế, chính trị, xã hội trong sự nghiệp đổi mới và phát triển của đất nước ta.

Thưa các đồng chí,

Để bảo đảm thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện đúng Điều lệ Đảng, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan lãnh đạo cấp cao của Đảng và bảo đảm sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương cần có quy chế làm việc đúng đắn, khoa học. Các quy chế làm việc là văn bản xác định nguyên tắc lãnh đạo, trách nhiệm, quyền hạn, chế độ và lề lối làm việc của các cơ quan, chức danh, vị trí trong cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng, là cơ sở để các tổ chức đảng và các thành viên trong các tổ chức đó hoạt động có hiệu quả, đúng nguyên tắc và đúng Điều lệ của Đảng. Qua hoạt động thực tiễn, không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng các quy chế làm việc là điều rất cần thiết để góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, cải tiến lề lối, tác phong công tác, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan lãnh đạo của Đảng, tăng cường vai trò và hiệu lực lãnh đạo của Đảng với toàn xã hội.

Để chuẩn bị dự thảo các Quy chế trình Hội nghị Trung ương thảo luận, quyết định, Bộ Chính trị đã lập Tổ biên tập dự thảo Quy chế; đã nghiên cứu rút kinh nghiệm từ việc thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thường vụ Bộ Chính trị các khóa trước, nhất là khóa VIII; đã tổ chức các cuộc họp ở hai miền

để tranh thủ ý kiến đóng góp của một số đồng chí Ủy viên Trung ương khóa IX, của lãnh đạo các cơ quan Trung ương và một số đồng chí nguyên Ủy viên Trung ương. Dự thảo quy chế lần này kế thừa, tiếp thu nội dung Quy chế làm việc của các khóa trước và có bổ sung, phát triển, cụ thể hóa nhiều nội dung mới để làm rõ thêm trách nhiệm, quyền hạn, chế độ công tác của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tổng Bí thư, các Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ủy viên Trung ương, của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và của các thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Các khóa trước, Ban Chấp hành Trung ương chỉ bàn và quyết định Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, còn Quy chế làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và của Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Bộ Chính trị quyết định. Lần này Bộ Chính trị đề nghị Ban Chấp hành Trung ương quyết định cả Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương nhằm thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm giám sát của Ban Chấp hành Trung ương đối với hoạt động của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tổng Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương theo đúng Điều lệ Đảng.

Thưa các đồng chí,

Ngay sau Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư cũng đã chỉ đạo việc lấy ý kiến các đồng chí Ủy viên Trung ương để xây dựng Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương. Chương trình làm việc nhiệm kỳ này được xây dựng dựa trên cơ sở Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, căn cứ vào Điều lệ Đảng,

vào dự thảo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII và có tiếp thu những ý kiến đóng góp cụ thể của một số đồng chí Ủy viên Trung ương khóa IX, một số đồng chí lãnh đạo các ban, ngành Trung ương.

Vấn đề cơ bản và quan trọng nhất trong việc xác định chương trình làm việc của các cơ quan lãnh đạo tối cao của Đảng là phải làm rõ, xác định đúng những vấn đề gì thuộc trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương cần bàn và quyết định; phân biệt hợp lý với những vấn đề thuộc trách nhiệm xử lý, giải quyết của Bộ Chính trị, Ban Bí thư của các cơ quan nhà nước, mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Chương trình phải tính toán, sắp xếp hợp lý trình tự và quỹ thời gian để Trung ương bàn và quyết định những vấn đề cần thiết phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn tình hình của Đảng và của đất nước. Đây là một yêu cầu quan trọng mà Hội nghị chúng ta phải thảo luận để có quyết định đúng đắn.

Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương lần này cũng phải khắc phục được một trong những khuyết điểm, hạn chế trong hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương lâu nay là ra nhiều nghị quyết nhưng chưa làm tốt việc tổ chức chỉ đạo thực hiện để đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Theo tinh thần đó, việc kiểm điểm thực hiện một số nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, nhất là các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII và kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX vào giữa nhiệm kỳ này sẽ là một nội dung lớn trong chương trình làm việc của Trung ương. Đây là một sự đổi mới, cải tiến để góp phần nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng.

Thưa các đồng chí,

Vấn đề sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước luôn là mối quan tâm lớn của Đảng suốt từ các Đại hội VI, VII, VIII, là vấn đề rất hệ trọng và bức xúc hiện nay, vì nó có tác động trực tiếp đến việc sử dụng và phát huy nguồn nội lực to lớn của đất nước, bảo đảm cho kinh tế nhà nước làm tốt vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần, góp phần quyết định để bảo đảm cho công cuộc xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả. Từ khóa VIII, Bộ Chính trị đã chỉ đạo Ban Cán sự Đảng Chính phủ chuẩn bị qua nhiều bước; sau Đại hội IX các cơ quan chức năng đã cập nhật thông tin, các đánh giá, nhận định tình hình và bổ sung các chủ trương mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội, các ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị để hoàn chỉnh đề án trình Ban Chấp hành Trung ương lần này.

Cần nhấn mạnh rằng: hiện nay ý kiến chung trong Đảng đều thống nhất về sự cần thiết phải đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, nhưng tiến hành sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước như thế nào, bằng cách nào thì còn có những nhận thức và ý kiến khác nhau. Chính điều này đã có ảnh hưởng nhất định tới việc chỉ đạo thực hiện nghị quyết của Đảng trong thực tế. Tại Hội nghị Trung ương lần này, đề nghị các đồng chí Trung ương thực sự phát huy tinh thần dân chủ, thẳng thắn trao đổi để thống nhất đánh giá đúng thực trạng tình hình, tìm ra các giải pháp tốt nhất cho việc sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả

doanh nghiệp nhà nước, xác định được mô hình tổ chức đảng trong các loại hình doanh nghiệp một cách hợp lý nhằm nâng cao vai trò tổ chức cơ sở đảng trong doanh nghiệp. Vì đây là vấn đề vừa khó, vừa bức xúc hiện nay nên chúng ta không thể cầu toàn. Tôi đề nghị Ban Chấp hành Trung ương tập trung xem xét những vấn đề đã nêu trong tờ trình và gợi ý thảo luận của Bộ Chính trị; đối với những vấn đề đã rõ, có tính khả thi thì sẽ kết luận và ra nghị quyết để toàn Đảng thực hiện; còn những vấn đề chưa rõ thì chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu và khi điều kiện đã chín muồi thì sẽ kịp thời xem xét quyết định.

Thưa các đồng chí,

Những vấn đề mà Hội nghị Trung ương lần này bàn và quyết định là những vấn đề rất quan trọng. Về nội dung của từng vấn đề, Bộ Chính trị đã thảo luận, có tờ trình và đề án gửi các đồng chí nghiên cứu. Trong thời gian Hội nghị, Bộ Chính trị sẽ gửi tiếp đến các đồng chí dự thảo nghị quyết về các vấn đề nói trên. Mong các đồng chí, từng người sôi nổi thảo luận, bày tỏ ý kiến của mình, phát huy hết trí tuệ tập thể với tinh thần trách nhiệm cao của Ban Chấp hành Trung ương để giải quyết có hiệu quả các vấn đề đã đặt ra.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX và chúc Hội nghị của chúng ta thành công tốt đẹp.

Xin cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BẢN TRÌNH BÀY
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 21/TLHN, ngày 20 tháng 8 năm 2001

Về việc tiếp thu ý kiến của Trung ương vào dự thảo Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương

Sau khi nghiên cứu ý kiến phát biểu thảo luận của các đồng chí Ủy viên Trung ương đối với bản dự thảo Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Bộ Chính trị nhận thấy, nói chung các ý kiến đều cho rằng Quy chế được chuẩn bị công phu, đã lấy ý kiến rộng rãi, kế thừa được Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương các khóa trước, cụ thể hóa được trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các thành viên Ủy ban do Điều lệ Đảng quy định; đã đề ra được những nguyên tắc, chế độ làm việc chặt chẽ trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ; nhất trí Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

Nhiều ý kiến đã phân tích, bổ sung, sửa đổi về kết cấu, nội dung và câu chữ. Bộ Chính trị tán thành với nhiều ý kiến xác đáng của các đồng chí Trung ương và xin tiếp thu để chỉnh lý văn bản.

Sau đây, Bộ Chính trị xin trình bày với Trung ương một số vấn đề để Trung ương xem xét quyết định.

I- VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Một số ý kiến băn khoăn và đặt vấn đề: quy định về trách nhiệm và quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương như trong dự thảo Quy chế có vượt quá thẩm quyền mà Điều lệ Đảng quy định không? Tại sao tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên phải chấp hành các quyết định, thông báo kết luận kiểm tra, giải quyết tố cáo của Ủy ban Kiểm tra Trung ương? Vì sao Ủy ban Kiểm tra Trung ương lại tham gia ý kiến cả về công tác cán bộ?

Về vấn đề này, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Căn cứ vào những nhiệm vụ và thẩm quyền của ủy ban kiểm tra các cấp được quy định tại các Điều 32, 33 (Chương VII) và từ Điều 36 đến Điều 40 (Chương VIII) của Điều lệ Đảng, Bộ Chính trị đã cụ thể hóa trách nhiệm và quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương cũng như các thành viên Ủy ban, làm rõ vị trí, vai trò của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, tạo điều kiện cho tập thể Ủy ban và mỗi thành viên Ủy ban hành động thống nhất.

Đối với trách nhiệm tham gia ý kiến về công tác cán bộ, từ khóa VII, Ban Bí thư đã quyết định bổ sung nhiệm vụ này cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương và đến khóa VIII, không những chỉ Ủy ban Kiểm tra Trung ương mà các Ban của Trung ương Đảng, cũng được Bộ Chính trị giao nhiệm vụ này. Ủy ban Kiểm tra Trung ương là cơ quan kiểm tra chuyên trách của Ban Chấp hành Trung ương, tiến hành các

nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật theo quy định của Điều lệ Đảng. Thông qua công tác kiểm tra, Ủy ban Kiểm tra Trung ương có cơ sở và trách nhiệm để tham gia về công tác cán bộ.

Do đó, Bộ Chính trị thấy những quy định nêu trong dự thảo là phù hợp với Điều lệ Đảng và các quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương từ nhiều khóa nay.

2. Có ý kiến đề nghị nên thêm một chương quy định về trình tự, thủ tục tiến hành công tác của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Khi bàn về quy định thực hiện Chương VII, Chương VIII của Điều lệ Đảng, Ban Bí thư đã cho ý kiến về những vấn đề nói trên và ban hành "Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng...", trong đó có đề cập đến trình tự, thủ tục tiến hành từng nhiệm vụ công tác của ủy ban kiểm tra.

Do vậy, Bộ Chính trị cho rằng không cần phải có một chương quy định về vấn đề này.

3. Có ý kiến đề nghị cần đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong công tác kiểm tra và tạo điều kiện cho cả hệ thống tổ chức quần chúng của Đảng làm công tác kiểm tra.

Bộ Chính trị cho rằng: Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng nói chung và công tác kiểm tra nói riêng, là một vấn đề lớn. Bộ Chính trị khóa VIII đã có một số chủ trương nhằm phát huy vai trò của tổ chức cơ sở và quần chúng tham gia công tác xây dựng Đảng. Riêng đối với công tác của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Bộ Chính trị đã có văn bản phân định trách nhiệm cho các tổ chức có liên quan

trong việc giải quyết thư tố cáo. Quy chế làm việc lần này cũng quy định cụ thể hơn về những mối quan hệ công tác đó.

4. Đối với ý kiến đề nghị nên có một điều khoản quy định nhằm ủng hộ, bảo vệ "những sai sót bất khả kháng" để khuyến khích những tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới.

Tiếp thu tinh thần ý kiến nói trên, Bộ Chính trị đề nghị bổ sung vào điểm 3, Điều 2 như sau: "Bảo vệ những tổ chức và cá nhân làm đúng"; mặt khác trong Hướng dẫn về thực hiện Chương VII, Chương VIII Điều lệ Đảng do Ban Bí thư ban hành đã có những quy định bao quát được tinh thần đó.

5. Có ý kiến đề nghị cần phân biệt rõ trách nhiệm, quyền hạn của tập thể Ủy ban Kiểm tra Trung ương, thành viên có thẩm quyền của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các chuyên viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Vấn đề này, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương giao cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương căn cứ vào Quy chế làm việc này để xây dựng quy định về chế độ làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và cơ quan giúp việc; trong đó, quy định cụ thể về trách nhiệm, quyền hạn, nguyên tắc và các mối quan hệ trong Ủy ban Kiểm tra Trung ương và cơ quan giúp việc.

6. Có ý kiến đề nghị trong Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương cần đề cập đến việc phòng ngừa các vi phạm.

Điều 30, Điều lệ Đảng đã quy định "Kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng", "các cấp ủy

đảng lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng". Đây là nhiệm vụ trực tiếp, thường xuyên của các tổ chức đảng, trước hết là của cấp ủy các cấp. Thực hiện nhiệm vụ này chính là để phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm và phòng ngừa vi phạm. Vì vậy, việc phòng ngừa vi phạm, chủ yếu thuộc trách nhiệm của các cấp ủy. Ủy ban kiểm tra các cấp có trách nhiệm làm tham mưu cho cấp ủy và giúp cấp ủy thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra. Mặt khác, mục đích của công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật cũng nhằm để giáo dục cán bộ, đảng viên, góp phần ngăn chặn, phòng ngừa vi phạm.

Tiếp thu ý kiến của Trung ương, Bộ Chính trị đã bổ sung, làm rõ vấn đề này ở điểm 4 và điểm 5, Điều 2.

7. Về những ý kiến cho rằng nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra Trung ương rất nặng nề, quyền hạn lớn và đòi hỏi Ủy ban Kiểm tra Trung ương cũng như đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra chuyên trách của Đảng phải có trình độ và có phẩm chất tốt, bảo đảm cho công tác kiểm tra của Đảng được "công minh, chính trực".

Bộ Chính trị cho đây là một đòi hỏi rất đúng đắn đối với Ủy ban Kiểm tra Trung ương, cũng như đội ngũ làm công tác kiểm tra của Đảng. Chính vì vậy, trong Quy chế làm việc lần này, phần trách nhiệm của Ủy ban cũng như thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã được quy định khá cụ thể. Bộ Chính trị, Ban Bí thư có trách nhiệm chỉ đạo và kiểm tra để Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoàn thành được nhiệm vụ của mình.

II- VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ

Điều 1. Chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Ủy ban Kiểm tra Trung ương

Nhiều ý kiến cho rằng điều này diễn đạt còn dài, không rõ và một số điểm trùng lặp với Điều 2.

Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến của Trung ương, đề nghị viết lại thành "Chức năng và tổ chức của Ủy ban Kiểm tra Trung ương", bỏ điểm nói về "nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra Trung ương". Do đó, tên Chương I và tên Điều 1, đề nghị bỏ từ "nhiệm vụ".

Điều 2. Trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương

Tiếp thu ý kiến của Trung ương "cần viết cho rõ và mạch lạc hơn", Bộ Chính trị đề nghị trên cơ sở nhiệm vụ và thẩm quyền của ủy ban kiểm tra đã được Điều lệ Đảng quy định, thiết kế lại 9 điểm trong dự thảo thành 7 điểm để làm rõ hơn trách nhiệm, quyền hạn, những việc phối hợp với các ban và những việc thuộc chức năng tham mưu, giúp việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

- *Về điểm 2,* "Kiểm tra đảng viên, kể cả Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khi có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên", Bộ Chính trị tiếp thu và đề nghị sửa lại là: "Kiểm tra đảng viên ở bất cứ cương vị nào khi có dấu hiệu vi phạm". Diễn đạt như vậy vừa chặt chẽ, vừa đúng với quy định của Điều lệ Đảng, tránh hiểu lầm cho rằng chỉ

kiểm tra các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khi có dấu hiệu vi phạm mà không kiểm tra các đồng chí là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư và đồng chí Tổng Bí thư.

- *Về điểm 3,* quyền yêu cầu tổ chức đảng và đảng viên tự đình chỉ, Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến của Trung ương và đề nghị sửa lại ở điểm 3 là: "có quyền yêu cầu tổ chức đảng hoặc đảng viên xem xét lại quyết định hoặc việc làm có dấu hiệu sai, trái đó; đồng thời thông báo hoặc báo cáo kịp thời với cấp có thẩm quyền để giải quyết". Quy định như vậy, vừa làm rõ được mức độ trách nhiệm của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, vừa tạo điều kiện cho tổ chức và đảng viên có dấu hiệu vi phạm đề cao tinh thần trách nhiệm, tự giác xem xét lại việc làm của mình. Đồng thời, ở điểm này cũng đã bỏ cụm từ "vi phạm pháp luật của Nhà nước", vì theo ý kiến của một số đồng chí Trung ương, khi nói đến "những việc làm sai, trái với Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng" đã bao hàm cả việc vi phạm pháp luật.

Tiếp thu ý kiến Trung ương, để làm rõ trách nhiệm của Ủy ban Kiểm tra Trung ương đối với việc xử lý kỷ luật và giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật, Bộ Chính trị đề nghị bổ sung thêm như sau: "Khi xem xét, kết luận, xử lý kỷ luật phải bảo đảm công minh, chính xác, kịp thời và chịu trách nhiệm đối với các kết luận, quyết định đó; bảo vệ những tổ chức và cá nhân làm đúng; đồng thời đề nghị với tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý những trường hợp tố cáo mang tính chất bịa đặt, vu cáo, có dụng ý xấu".

Điều 3. Trách nhiệm, quyền hạn của thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương

Một số ý kiến đề nghị làm rõ mức độ trách nhiệm của thành viên Ủy ban đối với lĩnh vực và địa bàn được phân công phụ trách và việc các thành viên Ủy ban được tham dự các hội nghị Trung ương, các cuộc họp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Bộ Chính trị đề nghị tiếp thu ý kiến của Trung ương để chỉnh lý như sau:

- *Điểm 1:* "Thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương được Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực, địa bàn; chịu trách nhiệm chính trước Ủy ban về hoạt động công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng thuộc phạm vi phụ trách theo đúng quy định của Điều lệ Đảng, Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Quy định về chế độ làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và cơ quan giúp việc".

- *Điểm 5:* "Các thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương không phải là Ủy viên Trung ương được dự các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, trừ những cuộc họp Trung ương cần bàn riêng. Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương dự các cuộc họp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư bàn về công tác kiểm tra, công tác xây dựng Đảng và các công việc khác có liên quan đến công tác kiểm tra khi được mời".

Điều 4. Trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương

Tiếp thu ý kiến của Trung ương, Bộ Chính trị đề nghị tu chỉnh lại điểm này để thể hiện rõ hơn trách nhiệm của Chủ

nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong việc chủ trì chuẩn bị cùng tập thể Ủy ban trước khi báo cáo với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 6. Nguyên tắc làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương

- *Điểm 1,* dự thảo quy định: "... Trong trường hợp Ủy ban Kiểm tra Trung ương có ý kiến khác thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương chấp hành các kết luận, quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nhưng khi xét thấy cần thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương được quyền báo cáo với Ban Chấp hành Trung ương".

Có ý kiến cho rằng: Nếu quy định chỉ khi xét thấy cần mới báo cáo Ban Chấp hành Trung ương, là chưa rõ và khó hiểu; trường hợp ý kiến của Ủy ban Kiểm tra Trung ương là đúng thì có thay đổi các kết luận, quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư không? Một số ý kiến đề nghị không nên ghi là "được quyền" mà phải coi đó là trách nhiệm của Ủy ban Kiểm tra Trung ương phải báo cáo Ban Chấp hành Trung ương.

Tiếp thu các ý kiến trên, Bộ Chính trị đề nghị cho sửa lại là: "... Trường hợp Ủy ban Kiểm tra Trung ương có ý kiến khác thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương chấp hành các kết luận, quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nhưng có trách nhiệm báo cáo để Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định".

- Nhiều ý kiến đề nghị cần quy định trong Quy chế này việc không xem xét giải quyết đối với thư tố cáo giấu tên, mạo tên.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã đề nghị và Ban Bí thư đồng ý đưa vấn đề này vào Hướng dẫn thực hiện Chương VII, Chương VIII Điều lệ Đảng. Để đề cao trách nhiệm và tạo sự thống nhất cao, Bộ Chính trị đề nghị bổ sung điểm 3, Điều 6 như sau:

"Ủy ban Kiểm tra Trung ương không xem xét, giải quyết những tố cáo giấu tên, mạo tên; những tố cáo có tên đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét, kết luận, nay tố cáo lại, nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ để làm rõ sự việc".

Điều 9. Quan hệ công tác với các cấp ủy trực thuộc Trung ương

- *Về điểm* 2, có ý kiến đề nghị bổ sung: trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Kiểm tra chủ trì tiến hành việc kiểm tra đối với tổ chức và đảng viên do cấp ủy cấp dưới quản lý khi có dấu hiệu vi phạm.

Vấn đề này được thực hiện theo quy định trong phân cấp quản lý cán bộ. Nhưng, khi tiến hành kiểm tra, trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Kiểm tra Trung ương có thể phối hợp tiến hành kiểm tra đối với một số trường hợp thuộc diện cấp ủy cấp dưới quản lý, khi có dấu hiệu vi phạm. Để tránh tình trạng chồng chéo, Ủy ban Kiểm tra Trung ương không chủ trì việc kiểm tra đó. Bởi vậy, tiếp thu ý kiến trên, Bộ Chính trị đề nghị bổ sung như sau: "Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Kiểm tra Trung ương có thể phối hợp trong việc tiến hành kiểm tra đối với tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm thuộc diện cấp ủy cấp dưới trực tiếp quản lý".

- *Về điểm 4,* có ý kiến đề nghị xem lại quy định về chế độ đồng gửi báo cáo cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Bộ Chính trị nhận thấy, để tiến hành tốt công tác kiểm tra, Ủy ban Kiểm tra Trung ương cần có đầy đủ thông tin trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội của các cấp ủy đảng trực thuộc Trung ương. Nhưng, do số lượng báo cáo thường kỳ và đột xuất nhiều, cho nên không nhất thiết mọi báo cáo đều đồng gửi cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương, cần chọn lọc sao cho thiết thực. Vì vậy, Bộ Chính trị đề nghị chỉnh lý lại như

sau: "Các báo cáo thường kỳ và đột xuất của cấp ủy trực thuộc Trung ương về công tác kiểm tra, công tác tổ chức, cán bộ, về tài chính của Đảng và những vấn đề liên quan đến công tác xây dựng Đảng, khi gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì đồng gửi Ủy ban Kiểm tra Trung ương".

Điều 10. Quan hệ công tác với ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp dưới

Có ý kiến đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương chỉ nên chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ công tác kiểm tra đối với ủy ban kiểm tra các cấp.

Về điểm này, Bộ Chính trị đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì điểm 3, Điều 31, Điều lệ Đảng đã quy định: "Ủy ban kiểm tra làm việc theo chế độ tập thể, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, kiểm tra của ủy ban kiểm tra cấp trên".

Điều 12. Chấp hành Quy chế

Bộ Chính trị tiếp thu một số ý kiến đề nghị quy định thêm: Quy chế này thay thế cho các quy chế đã ban hành trước đây.

Trên đây là những ý kiến giải trình và đề nghị tiếp thu về những vấn đề chủ yếu mà Trung ương đã thảo luận. Một số ý kiến đề nghị sửa chữa cụ thể về một số câu, chữ, Bộ Chính trị tiếp thu đầy đủ các ý kiến đó và chỉnh lý văn bản (kèm theo).

Xin trình Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG, BỘ CHÍNH TRỊ VÀ BAN BÍ THƯ KHÓA IX

Số 06-QĐ/TW, ngày 22 tháng 8 năm 2001

Căn cứ Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng;

Căn cứ Điều 4, Hiến pháp năm 1992 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

Ban Chấp hành Trung ương khóa IX quyết định Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư như sau:

Chương I

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Chấp hành Trung ương

1. Quyết định Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

2. Quyết định những vấn đề chiến lược và chủ trương, chính sách lớn về đối nội, đối ngoại, nhằm cụ thể hóa và thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đại hội Đảng.

3. Xác định phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch kinh tế - xã hội hằng năm; chủ trương đầu tư một số dự án đặc biệt quan trọng, có ảnh hưởng lớn về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... và cho ý kiến về một số đề án cụ thể, quan trọng khác thuộc các lĩnh vực (ngoài các vấn đề đã ghi trong chương trình toàn khóa) do Bộ Chính trị đề nghị.

4. Xác định chủ trương và nội dung cơ bản sửa đổi, bổ sung Hiến pháp.

5. Quyết định chủ trương về việc Việt Nam tham gia công ước, hiệp ước hoặc ký kết hiệp định song phương, đa phương đặc biệt quan trọng do Bộ Chính trị đề nghị.

6. Quyết định về tổ chức hệ thống chính trị; về việc thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các ban Trung ương Đảng. Quyết định về chủ trương thành lập, sáp nhập, chia tách các bộ, cơ quan ngang bộ; việc thành lập, sáp nhập, chia tách, điều chỉnh địa giới hành chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

7. Quyết định giới thiệu nhân sự ứng cử, đề cử hoặc rút khỏi các chức danh Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ.

- Quyết định việc xin rút khỏi Ban Chấp hành Trung ương và các chức danh do Ban Chấp hành Trung ương bầu hoặc cử ra.

- Quyết định kỷ luật và xem xét giải quyết khiếu nại kỷ luật Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng.

8. Kết luận một số vấn đề quan trọng về lịch sử Đảng.

9. Xem xét về công tác tài chính đảng.

10. Theo đề nghị của Bộ Chính trị, trong các hội nghị, Ban Chấp hành Trung ương xem xét báo cáo của Bộ Chính trị về việc lãnh đạo thực hiện các nghị quyết của Đại hội, của Ban Chấp hành Trung ương; những quyết định quan trọng của Bộ Chính trị giữa hai kỳ hội nghị Ban Chấp hành Trung ương; xem xét các báo cáo định kỳ, báo cáo bất thường của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Giữa nhiệm kỳ, Ban Chấp hành Trung ương họp đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội trong nửa đầu nhiệm kỳ và quyết định các chủ trương, giải pháp cần thiết để tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội.

11. Chuẩn bị và triệu tập Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường của Đảng; thảo luận và thông qua các văn kiện trình Đại hội; giới thiệu với Đại hội nhân sự ứng cử, đề cử để bầu vào Ban Chấp hành Trung ương; xác định phương hướng chỉ đạo đại hội các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng.

12. Theo đề nghị của Bộ Chính trị, thảo luận và quyết định những vấn đề khi có một số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương yêu cầu.

Điều 2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương (bao gồm cả Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư)

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đảng và Nhà nước phân công.

2. Tham gia chuẩn bị, thảo luận, biểu quyết những quyết định chung của Ban Chấp hành Trung ương và cùng tập thể Ban Chấp hành Trung ương chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Tham gia hoạt động của các tiểu ban, các hội đồng tư vấn, các tổ công tác hoặc các hình thức tổ chức khác của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khi được phân công. Tham dự đầy đủ và đóng góp ý kiến tại các kỳ họp Ban Chấp hành Trung ương; đóng góp ý kiến vào các đề án, các vấn đề do Bộ Chính trị, Ban Bí thư đề nghị.

3. Nghiêm chỉnh thực hiện và đấu tranh bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, các nghị quyết và quyết định của Đại hội Đảng, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Cùng với cấp ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng... chịu trách nhiệm lãnh đạo việc quán triệt, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng; chỉ đạo công tác xây dựng và bảo vệ Đảng thuộc ban, ngành, địa phương được phân công phụ trách. Trực tiếp góp phần xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh ở đơn vị mình sinh hoạt, công tác.

4. Chủ động đề xuất ý kiến với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và về chương trình hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nhất là về những vấn đề Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư cần tăng cường chỉ đạo và xem xét xử lý liên quan đến lĩnh vực và địa phương được phân công phụ trách.

5. Nghiêm chỉnh chấp hành sự phân công và điều động của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư; có quyền trình bày ý kiến khi các cơ quan lãnh đạo của Đảng

nhận xét, đánh giá, quyết định bố trí công tác, thi hành kỷ luật đối với mình. Nghiêm chỉnh thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước. Giữ gìn đoàn kết, nếp sống trong sạch, lành mạnh. Chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức triển khai các biện pháp đấu tranh, phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, quan liêu ở đơn vị, địa bàn được phân công phụ trách; chịu trách nhiệm đối với những sai phạm của tổ chức và cán bộ dưới quyền quản lý trực tiếp. Gương mẫu xây dựng gia đình văn hóa; không để vợ (hoặc chồng), con lợi dụng làm những việc trái quy định của Đảng, pháp luật và chính sách của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng.

6. Thực hiện đúng chế độ bảo mật, kỷ luật phát ngôn của Đảng, Nhà nước.

7. Có kế hoạch học tập nâng cao trình độ mọi mặt về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ; có chương trình nghiên cứu, tổng kết thực tiễn. Giữ mối liên hệ mật thiết với nhân dân.

8. Định kỳ hằng năm tự phê bình về việc thực hiện trách nhiệm được giao và về phẩm chất đạo đức lối sống, có nhận xét của tập thể đảng ủy, chi ủy nơi mình sinh hoạt và gửi văn bản tự phê bình về Bộ Chính trị qua Ban Tổ chức Trung ương.

9. Có quyền ứng cử, đề cử vào Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và xin rút khỏi Ban Chấp hành Trung ương và những chức danh thuộc các cơ quan lãnh đạo nói trên.

10. Thực hiện chế độ phê bình, chất vấn đã được quy định trong Điều lệ Đảng. Tại hội nghị Ban Chấp hành Trung ương hoặc trong thời gian Ban Chấp hành Trung ương

không họp, có quyền phê bình, chất vấn về hoạt động của các cơ quan lãnh đạo và trách nhiệm của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, kể cả Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Tổng Bí thư; các tổ chức và cá nhân được phê bình, chất vấn có trách nhiệm trả lời về các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ được giao. Bộ Chính trị hướng dẫn cụ thể việc thực hiện quyền phê bình, chất vấn.

11. Trực tiếp phụ trách hoặc tham gia chỉ đạo công tác tổ chức và cán bộ thuộc ban, ngành hoặc địa phương được phân công phụ trách; xây dựng quy hoạch và bồi dưỡng cán bộ kế cận chủ chốt của ban, ngành hoặc địa phương nơi mình công tác.

12. Được cung cấp và yêu cầu Bộ Chính trị, Ban Bí thư cung cấp những thông tin cần thiết, kịp thời về hoạt động của các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, về tình hình trong nước và quốc tế để phục vụ việc lãnh đạo, chỉ đạo và nghiên cứu xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Bộ Chính trị

Quyết định những chủ trương, chính sách, biện pháp lớn nhằm thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết của Đại hội, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương:

1. Những vấn đề quan trọng thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội:

- Xác định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu, chủ trương của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước hằng năm để trình Ban Chấp hành Trung ương.

- Cụ thể hóa chủ trương về xây dựng quan hệ sản xuất, phát triển lực lượng sản xuất và cơ chế quản lý.

- Chiến lược và quy hoạch phát triển một số ngành, lĩnh vực, địa bàn quan trọng.

- Một số chủ trương, chính sách kinh tế - xã hội cụ thể, một số dự án đầu tư quan trọng có tác động sâu rộng đến quyền lợi, tư tưởng của nhiều đối tượng xã hội, đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, những vấn đề đòi hỏi sự phối hợp sức mạnh tổng hợp của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể nhân dân.

- Chiến lược tổng thể về vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ nước ngoài; việc sử dụng các nguồn lực quốc gia.

2. Những vấn đề có tính chiến lược thuộc các lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, khoa học, giáo dục; lãnh đạo và kết luận tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Định hướng về chương trình xây dựng pháp luật dài hạn và hằng năm; về quan điểm và nội dung cơ bản của các dự án luật; một số dự án pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội liên quan đến thể chế chính trị, thể chế kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Định hướng hoạt động của các cơ quan tư pháp.

4. Những chủ trương, chính sách lớn về công tác quần chúng, dân tộc, tôn giáo; về xây dựng lực lượng vũ trang và bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

5. Những chủ trương lớn về hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

Đánh giá, nhận định tình hình quốc tế, khu vực và quan hệ đối ngoại; xác định phương hướng, chính sách đối ngoại.

Chủ trương thiết lập quan hệ ngoại giao với một số nước; gia nhập và rút khỏi các tổ chức quốc tế quan trọng và phương hướng hoạt động trong các tổ chức đó.

Quan hệ giữa Đảng ta với một số đảng trên thế giới.

Những vấn đề quan trọng thuộc nội dung đàm phán, ký kết, tuyên bố của nước ta với nước ngoài.

Chủ trương ký kết các điều ước quốc tế quan trọng.

Chủ trương đàm phán về biên giới, lãnh thổ, chủ quyền quốc gia.

Chủ trương đăng cai và nội dung chủ yếu việc Việt Nam tham gia các hội nghị quốc tế cấp nguyên thủ và Chính phủ.

Chương trình và nội dung quan trọng trong hoạt động đối ngoại của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ.

6. Quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các ban Đảng trực thuộc Trung ương (trừ Ủy ban Kiểm tra Trung ương).

7. Ban hành một số quy chế phối hợp sự hoạt động giữa các cơ quan, tổ chức quan trọng trong hệ thống chính trị.

8. Duyệt nội dung và định hướng nhân sự chuẩn bị Đại hội đại biểu một số đảng bộ trực thuộc xét thấy cần thiết.

9. Phân công công tác các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị.

- Quyết định giới thiệu hoặc đề nghị nhân sự lãnh đạo các cơ quan nhà nước, đoàn thể để bầu, bổ nhiệm, thăng quân hàm, chuẩn y hoặc tạm đình chỉ công tác, miễn nhiệm, kỷ luật và để nghỉ hưu đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị quản lý. Quyết định nhân sự cấp ủy và nhân sự lãnh đạo tổ chức đảng thuộc diện Bộ Chính trị quản lý.

- Cho ý kiến về việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị quản lý.

10. Quy định việc khen thưởng trong Đảng. Xét tặng thưởng Huân chương Sao Vàng cho các tổ chức và cá nhân.

11. Những chủ trương, biện pháp lớn về công tác xây dựng Đảng và về tài chính của Đảng; quy định thi hành Điều lệ Đảng; chỉ đạo hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

12. Những chủ trương, chính sách mới do tình hình đặt ra giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành Trung ương và báo cáo Ban Chấp hành Trung ương tại phiên họp gần nhất.

13. Báo cáo Ban Chấp hành Trung ương trong hội nghị giữa nhiệm kỳ về tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội, những chủ trương, giải pháp cần thiết để tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội và kiểm điểm của tập thể Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Báo cáo Ban Chấp hành Trung ương tại các hội nghị thường kỳ và bất thường về những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết giữa hai kỳ hội nghị Ban Chấp hành Trung ương. Trả lời các ý kiến phê bình, chất vấn của các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương liên quan đến trách nhiệm của Bộ Chính trị.

14. Chương trình hoạt động hằng năm của Bộ Chính trị.

Quyết định chuẩn bị và triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương; chỉ đạo việc chuẩn bị các báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết trình Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương.

Chuẩn bị các dự thảo văn kiện và đề án nhân sự Đại hội đại biểu toàn quốc trình Ban Chấp hành Trung ương.

15. Thảo luận và quyết định những vấn đề khác do Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, các tổ chức

đảng trực thuộc đề nghị mà Bộ Chính trị thấy cần thiết hoặc do Bộ Chính trị yêu cầu.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Bí thư

Ban Bí thư có trách nhiệm lãnh đạo công việc hằng ngày của Đảng, cụ thể là:

1. Chỉ đạo và kiểm tra công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng; kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Chỉ đạo hoặc kiểm tra việc chuẩn bị các vấn đề đưa ra Bộ Chính trị thảo luận và quyết định.

Chỉ đạo làm thí điểm xây dựng, thực hiện một số chủ trương, chính sách mới.

2. Chỉ đạo xây dựng quy chế làm việc của các ban Trung ương Đảng; kiểm tra hoạt động của các ban Đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương.

3. Quyết định giới thiệu hoặc đề nghị nhân sự lãnh đạo cơ quan nhà nước, đoàn thể để bầu, bổ nhiệm, thăng quân hàm, chuẩn y hoặc tạm đình chỉ công tác, miễn nhiệm, kỷ luật và để nghỉ hưu đối với cán bộ thuộc diện Ban Bí thư quản lý. Quyết định nhân sự cấp ủy và nhân sự lãnh đạo tổ chức đảng thuộc diện Ban Bí thư quản lý.

- Chuẩn y kết quả bầu cử hoặc chỉ định cấp ủy viên các cấp ủy trực thuộc Trung ương, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm và các thành viên ủy ban kiểm tra các đảng bộ trực thuộc diện Ban Bí thư quản lý.

- Xét tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh cho các tổ chức và cá nhân.

- Chỉ đạo, kiểm tra thực hiện thống nhất chế độ, chính sách đối với cán bộ.

4. Chủ trương về việc thành lập, giải thể các cơ quan trực thuộc Chính phủ, các tổ chức kinh tế có vị trí quan trọng, các hội có tính chất chính trị - xã hội.

Chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung, định hướng nhân sự đại hội các đảng bộ trực thuộc Trung ương (trừ các đảng bộ Bộ Chính trị đã chỉ đạo), các đoàn thể chính trị - xã hội và các hội có tính chất chính trị - xã hội.

5. Định hướng chương trình giáo dục lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đảng, nhà nước, đoàn thể.

Định hướng chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước liên quan đến lý luận chính trị; chỉ đạo việc nghiệm thu và phổ biến kết quả nghiên cứu một số đề tài xét thấy cần thiết. Quyết định nhân sự Hội đồng Lý luận Trung ương.

Định hướng những hoạt động quan trọng trong lĩnh vực văn học nghệ thuật.

Định hướng tuyên truyền, thông tin báo chí trong nước và tuyên truyền, thông tin đối ngoại; chủ trương lớn về công tác báo chí xuất bản; chỉ đạo xử lý những vấn đề có ảnh hưởng rộng về chính trị trong lĩnh vực này.

Chỉ đạo việc tổ chức lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với những vấn đề cần thiết.

6. Định hướng hoạt động đối với một số hội quần chúng có tính chất chính trị - xã hội hoặc có phạm vi hoạt động và ảnh hưởng xã hội trong toàn quốc.

Chỉ đạo xử lý các vấn đề quan trọng nảy sinh trong công tác dân vận, trong quan hệ giữa Đảng với nhân dân.

7. Chỉ đạo định hướng xử lý các vụ án quan trọng, phức tạp, liên quan đến chính trị và quan hệ đối ngoại; về việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với cán bộ thuộc diện Ban Bí thư quản lý.

8. Chỉ đạo xử lý một số vấn đề về đối ngoại:

Thái độ của Đảng và Nhà nước ta về các sự kiện quốc tế quan trọng có liên quan đến nước ta; việc các ngành, đoàn thể tham gia các tổ chức, diễn đàn quốc tế quan trọng; chủ trương đăng cai một số hội nghị quốc tế cấp bộ, ngành, đoàn thể trung ương tại Việt Nam.

Về quan hệ giữa Đảng ta với các đảng trên thế giới.

Việc các đồng chí nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư và người đứng đầu các đoàn thể chính trị - xã hội đi nước ngoài.

Những chủ trương cụ thể quan trọng khác về đối ngoại do đồng chí Ủy viên Ban Bí thư phụ trách lĩnh vực đề xuất.

9. Thông báo tình hình chung và công việc của Trung ương cho cấp dưới theo quy định của Điều lệ Đảng; chỉ đạo việc thông tin tình hình trong nước và ngoài nước cho Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và các cấp ủy đảng. Chỉ đạo việc thực hiện chế độ bảo mật trong Đảng; chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đảng.

10. Trả lời ý kiến phê bình, chất vấn của các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương liên quan đến trách nhiệm của Ban Bí thư.

11. Thảo luận và quyết định những vấn đề khác do các tổ chức đảng trực thuộc đề nghị mà Ban Bí thư thấy cần thiết hoặc do Ban Bí thư yêu cầu.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổng Bí thư

1. Tổng Bí thư là người đứng đầu Ban Chấp hành Trung ương; cùng Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư chịu trách nhiệm trước toàn Đảng, toàn dân về sự lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực.

2. Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương chủ trì công việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết luận các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3. Đề xuất những vấn đề về đường lối, chủ trương, chính sách lớn để Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư bàn, quyết định.

4. Chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ cấp cao của Đảng; công tác nghiên cứu lý luận; cải tiến và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Giữ mối liên hệ với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và các đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy.

5. Trực tiếp chỉ đạo các vấn đề trọng yếu và cơ mật về quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Trực tiếp làm Bí thư Đảng ủy Quân sự Trung ương; giữ mối quan hệ làm việc với Hội đồng quốc phòng và an ninh.

6. Chủ trì tổ chức các cuộc làm việc với các đồng chí Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và đồng chí Thường trực Ban Bí thư, đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư phụ trách vấn đề liên quan để chỉ đạo, xử lý kịp thời những công việc hệ trọng, cấp bách của quốc gia trên cơ sở các chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương,

Bộ Chính trị. Các kết luận xử lý phải báo cáo Bộ Chính trị tại phiên họp gần nhất. Văn phòng Trung ương có văn bản thông báo quyết định để các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện.

7. Chỉ đạo đồng chí Thường trực Ban Bí thư giải quyết công việc hằng ngày của Đảng. Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ký các nghị quyết và văn bản quan trọng của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

8. Trong trường hợp Tổng Bí thư vì lý do nào đó mà không thể chủ trì được công việc thì Bộ Chính trị phân công một đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị chủ trì công việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

9. Tổng Bí thư có bộ phận giúp việc (trợ lý, thư ký) đặt trong Văn phòng Trung ương; có quy chế hoạt động của bộ phận này.

Các quyết định xử lý mang tính chất lãnh đạo, chỉ đạo của Tổng Bí thư do Văn phòng Trung ương thông báo bằng văn bản, trừ trường hợp Tổng Bí thư chỉ đạo trực tiếp.

Điều 6. Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư

1. Tham gia thảo luận và biểu quyết các quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tổ chức chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong lĩnh vực hoặc địa bàn công tác được phân công.

3. Đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị,

Ban Bí thư những vấn đề về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Chỉ đạo việc đào tạo, bồi dưỡng và phối hợp sắp xếp, bố trí cán bộ lãnh đạo của các ban, ngành trong lĩnh vực được phụ trách.

4. Chỉ đạo các cơ quan chức năng liên quan, các tổ công tác, hội đồng để phối hợp giải quyết công việc của Đảng trên lĩnh vực được phân công. Đối với các vấn đề vượt quá thẩm quyền, hoặc thấy cần thiết thì trao đổi với đồng chí Thường trực Ban Bí thư để xử lý hoặc đề nghị Ban Bí thư, Bộ Chính trị xem xét, giải quyết tùy phạm vi và tầm quan trọng của vấn đề.

5. Cho ý kiến về chương trình công tác và trực tiếp giải quyết những kiến nghị của các tổ chức, cơ quan, cá nhân thuộc phạm vi phụ trách.

6. Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị là Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương về việc tổ chức thực hiện đường lối, nghị quyết của Đảng trong các cơ quan nhà nước. Hằng năm báo cáo Ban Chấp hành Trung ương về thực hiện nhiệm vụ được giao. Khi giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền, nếu thấy có vấn đề cần thiết thì chủ động đề xuất để đồng chí Tổng Bí thư chủ trì hội ý các đồng chí lãnh đạo chủ chốt và đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư có liên quan cho ý kiến trước khi quyết định.

Điều 7. Đồng chí Thường trực Ban Bí thư

1. Giúp đồng chí Tổng Bí thư giải quyết công việc hằng ngày của Đảng.

2. Chỉ đạo Văn phòng Trung ương cùng các cơ quan liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3. Chủ trì cùng với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư phụ trách lĩnh vực xử lý những việc cần có sự phối hợp, hoặc những việc do các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư phụ trách lĩnh vực đề nghị.

4. Chỉ đạo việc thực hiện chế độ thông tin cho các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, các cấp ủy đảng về hoạt động của các cơ quan lãnh đạo của Đảng và các thông tin cần thiết khác.

5. Thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư ký các văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư (trừ những nghị quyết và văn bản do đồng chí Tổng Bí thư ký và một số văn bản do các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư là Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương ký theo ủy quyền của Bộ Chính trị, Ban Bí thư).

Chương II

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ PHƯƠNG PHÁP CÔNG TÁC

Điều 8. Về việc chuẩn bị hội nghị và tổ chức các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương

1. Ban Chấp hành Trung ương làm việc theo chương trình toàn khóa và hằng năm (có điều chỉnh khi cần thiết). Ban Chấp hành Trung ương họp thường lệ sáu tháng một lần.

Khi Bộ Chính trị thấy cần thiết hoặc khi có trên một nửa số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương đề nghị thì Bộ Chính trị quyết định triệu tập hội nghị Ban Chấp hành Trung ương bất thường.

2. Các đồng chí thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương không phải Ủy viên Trung ương được mời dự các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, trừ những hội nghị Ban Chấp hành Trung ương cần bàn riêng.

- Không triệu tập hội nghị Ban Chấp hành Trung ương mở rộng. Khi cần thiết, Bộ Chính trị mời một số đồng chí không là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương có liên quan đến nội dung hội nghị dự họp và báo cáo với Ban Chấp hành Trung ương tại hội nghị.

Các đồng chí được mời họp tham gia phát biểu tại tổ, khi Bộ Chính trị đề nghị thì phát biểu tại hội trường.

3. Bộ Chính trị có trách nhiệm chuẩn bị hội nghị Ban Chấp hành Trung ương; xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, phạm vi của mỗi hội nghị; phân công đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị chủ trì và các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm chuẩn bị các đề án. Đề án trình hội nghị Ban Chấp hành Trung ương cần gửi đến các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương trước cuộc họp 10 ngày (trừ trường hợp đặc biệt).

- Đối với những vấn đề đã có nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và nghị quyết đó vẫn còn giá trị chỉ đạo, thì Ban Chấp hành Trung ương không ra nghị quyết về vấn đề đó mà chỉ tập trung kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết đã có, bổ sung những chủ trương, giải pháp cần thiết để thực hiện.

- Đề án trình Ban Chấp hành Trung ương phải tập trung được trí tuệ của các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, các cơ quan chức năng, lãnh đạo chủ chốt các ban, ngành, đoàn thể, địa phương, các chuyên gia, nhà khoa học và tổ chức khoa học có liên quan. Tùy vấn đề, Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổ chức lấy ý kiến của các tầng lớp nhân dân. Việc tổ chức lấy ý kiến phải bảo đảm thiết thực, có hiệu quả.

- Các cơ quan có trách nhiệm chuẩn bị đề án phải cung cấp kịp thời những thông tin cần thiết cho Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương, nhất là những tri thức và những ý kiến khác nhau lớn liên quan đến nội dung đề án. Các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương có trách nhiệm nghiên cứu, chuẩn bị để đóng góp ý kiến có chất lượng vào quá trình thảo luận và quyết định của Ban Chấp hành Trung ương.

4. Bộ Chính trị phân công các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị điều hành các phiên họp của hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, báo cáo với Ban Chấp hành Trung ương về thành phần dự họp và dự kiến chương trình làm việc. Ban Chấp hành Trung ương biểu quyết thông qua chương trình làm việc của hội nghị.

- Bộ Chính trị nêu những vấn đề Ban Chấp hành Trung ương cần tập trung thảo luận. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư cần bày tỏ chính kiến về những vấn đề đó và tranh luận về những vấn đề quan trọng còn có ý kiến khác nhau.

- Tùy vấn đề, Ban Chấp hành Trung ương có thể tổ chức thảo luận ở hội trường, ở tổ hoặc ở các nhóm chuyên

đề. Khi Ban Chấp hành Trung ương thảo luận ở tổ hoặc các nhóm chuyên đề, Bộ Chính trị chỉ đạo việc tổng hợp đầy đủ ý kiến phát biểu, thông báo kịp thời đến Ban Chấp hành Trung ương.

- Bộ Chính trị trình bày ý kiến của mình về những vấn đề Ban Chấp hành Trung ương còn ý kiến khác nhau trước khi Ban Chấp hành Trung ương biểu quyết và kiến nghị với Ban Chấp hành Trung ương danh mục và nội dung những vấn đề cần biểu quyết.

- Ban Chấp hành Trung ương thông qua danh mục, nội dung các vấn đề cần biểu quyết và hình thức biểu quyết. Nếu biểu quyết về nhân sự, Ban Chấp hành Trung ương cử Ban kiểm phiếu để kiểm phiếu; nếu biểu quyết những vấn đề về nội dung nghị quyết thì giao Văn phòng Trung ương thực hiện việc kiểm phiếu.

- Ban Chấp hành Trung ương biểu quyết thông qua nghị quyết tại hội nghị; trường hợp không chuẩn bị kịp văn bản thì ủy nhiệm Bộ Chính trị căn cứ vào kết luận của hội nghị để hoàn chỉnh văn bản và ban hành. Nếu Bộ Chính trị thấy có nội dung cần điều chỉnh, bổ sung thì phải xin ý kiến Ban Chấp hành Trung ương và chỉ được bổ sung, điều chỉnh khi có quá 1/2 tổng số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương tán thành.

- Ban Chấp hành Trung ương giao Ban Bí thư chỉ đạo việc thông báo kết quả và nội dung hội nghị Ban Chấp hành Trung ương.

- Các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và các đồng chí được mời dự hội nghị Ban Chấp hành Trung ương thực hiện nghiêm chế độ bảo mật hội nghị.

Điều 9. Về hội nghị Bộ Chính trị, hội nghị Ban Bí thư

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư làm việc theo chương trình hằng năm, hằng quý, hằng tháng, hằng tuần.

- Mỗi tháng, Bộ Chính trị họp hai lần vào những ngày cuối của tuần thứ nhất và tuần thứ ba, họp bất thường khi cần; Ban Bí thư họp từ 2 - 3 lần, có điều chỉnh khi cần thiết.

Khi Bộ Chính trị họp thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Bộ Chính trị, nhưng có nhiều nội dung liên quan đến trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện của Ban Bí thư thì Bộ Chính trị mời Ban Bí thư cùng dự. Các đồng chí Ủy viên Ban Bí thư không phải là Ủy viên Bộ Chính trị phát biểu ý kiến tại cuộc họp, song không biểu quyết.

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư mỗi năm một lần kiểm điểm tập thể việc lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Đại hội, của Ban Chấp hành Trung ương và gửi báo cáo tới các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

- Khi chuẩn bị những quyết định quan trọng của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cần lấy ý kiến của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương có liên quan. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương có trách nhiệm trả lời đúng thời gian quy định.

- Các tài liệu hội nghị cần gửi đến các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư trước ít nhất ba ngày.

- Tại hội nghị, Bộ Chính trị, Ban Bí thư chủ yếu nghe báo cáo những vấn đề quan trọng, những vấn đề còn ý kiến khác nhau cần tập trung thảo luận để quyết định; nói chung, không đọc lại toàn văn đề án, không nghe lại toàn văn báo cáo của các cơ quan chức năng, trừ trường hợp thật cần thiết.

Đối với các cuộc họp có đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư vắng mặt, Văn phòng Trung ương gửi tài liệu họp để các đồng chí góp ý kiến trực tiếp vào văn bản; Văn phòng Trung ương tổng hợp báo cáo đồng chí Thường trực Ban Bí thư và đồng chí Tổng Bí thư.

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư biểu quyết bằng hình thức thích hợp đối với những vấn đề quan trọng có ý kiến khác nhau. Bộ Chính trị, Ban Bí thư biểu quyết bằng phiếu kín đối với những trường hợp còn ý kiến khác nhau khi thảo luận về việc bổ nhiệm, thi hành kỷ luật cán bộ và những vấn đề quan trọng khác. Các kết luận quan trọng được dự thảo gửi các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư góp ý kiến trực tiếp vào văn bản trước khi ban hành chính thức.

- Trong một số rất ít trường hợp do nội dung vấn đề phải giải quyết không phức tạp, được Tổng Bí thư hoặc Thường trực Ban Bí thư đồng ý thì Văn phòng Trung ương gửi văn bản xin ý kiến trực tiếp các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị hoặc Ủy viên Ban Bí thư; nếu quá 1/2 tổng số Ủy viên Bộ Chính trị hoặc Ủy viên Ban Bí thư tán thành thì có giá trị như nghị quyết cuộc họp; trong trường hợp tuy đã có trên 1/2 tán thành, nhưng ý kiến của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị hoặc Ủy viên Ban Bí thư còn khác nhau lớn thì đưa ra tập thể Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư thảo luận, quyết định.

Các quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư được thông tin đến các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương bằng các hình thức thích hợp.

Điều 10. Lãnh đạo, chỉ đạo đối với cơ quan nhà nước và đoàn thể nhân dân

- Đối với những việc Ban Chấp hành Trung ương,

Bộ Chính trị, Ban Bí thư bàn và quyết định có liên quan đến hoạt động của Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân thì phải lấy ý kiến của các tổ chức này trước khi quyết định. Khi đã có quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các tổ chức đảng và đảng viên công tác trong cơ quan nhà nước, Mặt trận và đoàn thể nhân dân có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo việc cụ thể hóa, thể chế hóa và tổ chức thực hiện; nếu có ý khác với quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì cần bàn bạc kỹ và báo cáo lại với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Trong trường hợp cần thiết, đại diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc đồng chí Tổng Bí thư thay mặt Ban Chấp hành Trung ương trực tiếp phát biểu ý kiến hoặc kiến nghị với Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

- Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chủ động giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình; đối với các vấn đề lớn, phức tạp mà Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự Đảng Chính phủ thấy còn khó quyết định thì báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 11. Chế độ làm việc của Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư và Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương

- Hằng năm, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư có kế hoạch làm việc với tập thể lãnh đạo các tổ chức đảng trực thuộc và lãnh đạo các ban Đảng (với từng đơn vị hay theo khối, theo vùng), nhất là với các tỉnh ủy, thành ủy để kiểm tra tình hình thực hiện nghị quyết của Đảng và chỉ đạo công tác.

Khi cần thiết Bộ Chính trị, Ban Bí thư lập tổ công tác để giải quyết những vấn đề quan trọng.

- Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư phụ trách từng lĩnh vực chủ động kiến nghị những vấn đề cần đưa vào chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và giải quyết công việc theo chức trách được giao; chỉ những việc vượt quá thẩm quyền, hoặc xét thấy cần thiết mới đề nghị Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư bàn tập thể.

Các ý kiến chỉ đạo của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị hoặc đồng chí Ủy viên Ban Bí thư phụ trách lĩnh vực giải quyết công việc với danh nghĩa Ủy viên Bộ Chính trị hoặc Ủy viên Ban Bí thư do Văn phòng Trung ương thông báo đến các đơn vị và cá nhân có nhiệm vụ thực hiện.

- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị và Ủy viên Ban Bí thư căn cứ thẩm quyền và trách nhiệm được giao để giải quyết công việc, không lấy danh nghĩa thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, trừ trường hợp được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ủy nhiệm.

- Đồng chí Thường trực Ban Bí thư chỉ đạo Văn phòng Trung ương thực hiện việc thông tin trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các nội dung được thảo luận và quyết định tại các cuộc họp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các quyết định quan trọng do các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư đã xử lý theo chức trách của mình.

- Đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư là Trưởng Ban Tổ chức Trung ương và đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư là Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm

tra Trung ương được thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư ký một số văn bản theo ủy quyền của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 12. Chế độ đi công tác cơ sở

Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương phải có kế hoạch đi công tác cơ sở, lắng nghe ý kiến của các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân; phát hiện tình hình để chỉ đạo tại chỗ hoặc kiến nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương. Việc tổ chức các chuyến đi đảm bảo thiết thực, tiết kiệm, tránh phô trương hình thức.

Văn phòng Trung ương phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi lịch đi công tác cơ sở của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, điều chỉnh kịp thời để tránh trùng lắp, gây khó khăn cho cơ sở.

Điều 13. Cơ quan tham mưu giúp việc

Ban Chấp hành Trung ương có các cơ quan tham mưu, giúp việc gồm Văn phòng Trung ương và các ban Trung ương Đảng do Ban Chấp hành Trung ương quyết định thành lập và ủy nhiệm Bộ Chính trị quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của các cơ quan này.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14.

- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên

Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư và đồng chí Tổng Bí thư có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương và các cơ quan liên quan giúp Ban Chấp hành Trung ương theo dõi việc thực hiện Quy chế này.

- Cuối nhiệm kỳ, Ban Chấp hành Trung ương tổng kết, đánh giá toàn diện việc thực hiện Quy chế này.

- Việc thay đổi hoặc bổ sung, sửa đổi Quy chế do Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

- Quy chế này thay thế các quy chế đã ban hành trước đây và có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Số 07-QĐ/TW, ngày 22 tháng 8 năm 2001
Về Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa IX*

Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa IX;

Ban Chấp hành Trung ương khóa IX quyết định Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương như sau:

Chương I

CHỨC NĂNG, TỔ CHỨC CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG; TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN VÀ CÁC THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

Điều 1. Chức năng và tổ chức của Ủy ban Kiểm tra Trung ương

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương là cơ quan kiểm tra chuyên trách của Ban Chấp hành Trung ương thực hiện các

---

* Đầu đề do chúng tôi đặt (*B.T*).

nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Điều lệ Đảng; tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng.

2. Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương bầu, gồm một số đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương và một số đồng chí ngoài Ban Chấp hành Trung ương. Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương bầu trong số các thành viên Ủy ban.

Các Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Ủy ban Kiểm tra Trung ương bầu trong số các thành viên Ủy ban và được Bộ Chính trị chuẩn y. Chủ nhiệm và các Phó Chủ nhiệm là tập thể thường trực của Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Ủy ban phân công một đồng chí Phó Chủ nhiệm thường trực.

Điều 2. Trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương

1. Quyết định phương hướng, nhiệm vụ, chương trình công tác kiểm tra nhiệm kỳ, hằng năm, sáu tháng; sơ kết, tổng kết công tác kiểm tra; triệu tập và chỉ đạo hội nghị cán bộ kiểm tra toàn quốc.

2. Trực tiếp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng do Điều lệ Đảng quy định:

- Kiểm tra đảng viên ở bất cứ cương vị nào khi có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

- Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc tổ chức của

Đảng; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng.

- Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên thuộc diện Trung ương quản lý theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Ủy ban Kiểm tra Trung ương không xem xét, giải quyết những tố cáo giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ và những tố cáo có tên đã được cấp có thẩm quyền do Điều lệ Đảng quy định xem xét, kết luận, nay tố cáo lại, nhưng không có thêm tài liệu, chứng cứ mới.

- Xem xét, kết luận, quyết định thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật theo thẩm quyền do Điều lệ Đảng quy định.

- Kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và cơ quan tài chính của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

3. Khi tiến hành công tác kiểm tra có quyền yêu cầu tổ chức đảng và đảng viên báo cáo tình hình, cung cấp tài liệu về những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra; yêu cầu các tổ chức đảng có liên quan phối hợp trong công tác kiểm tra. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, nếu phát hiện tổ chức đảng hoặc đảng viên có những quyết định hoặc việc làm có dấu hiệu sai, trái với Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương được quyền yêu cầu tổ chức đảng hoặc đảng viên xem xét lại quyết định hoặc việc làm đó; đồng thời thông báo hoặc báo cáo kịp thời với cấp có thẩm quyền để giải quyết.

Khi xem xét, kết luận, xử lý kỷ luật phải bảo đảm công minh, chính xác, kịp thời và chịu trách nhiệm đối với các kết luận, quyết định đó; bảo vệ những tổ chức và cá nhân làm

đúng, đề nghị với tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý nghiêm những trường hợp trù dập, trả thù người tố cáo và những trường hợp tố cáo mang tính chất bịa đặt, vu cáo, có dụng ý xấu.

4. Phối hợp với các ban Trung ương Đảng giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xây dựng phương hướng, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch kiểm tra, tổ chức lực lượng để tiến hành kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng (theo Điều 30 Điều lệ Đảng).

5. Tham mưu, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng, về những giải pháp nhằm giữ vững nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, tăng cường kỷ cương của Đảng, chủ động phòng ngừa vi phạm kỷ luật của tổ chức đảng và đảng viên.

- Báo cáo các vụ kỷ luật, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Hướng dẫn các tổ chức đảng và đảng viên thực hiện công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng.

- Tổ chức triển khai các quyết định, kết luận, thông báo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về thi hành kỷ luật, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên có liên quan trong việc thực hiện các quyết định, kết luận, thông báo đó.

- Chủ động tham gia ý kiến và kiến nghị những vấn đề liên quan đến công tác cán bộ và cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

6. Được cử thành viên Ủy ban và cán bộ của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương đến tổ chức đảng và các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra; dự các cuộc họp cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương, Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn của các bộ, ngành, đoàn thể... bàn về công tác xây dựng Đảng, công tác kiểm tra hoặc những công việc khác có liên quan đến công tác kiểm tra.

7. Quyết định những vấn đề về tổ chức, bộ máy, biên chế, cán bộ của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; quy định chế độ làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và cơ quan giúp việc.

8. Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương và các cơ quan liên quan giúp Ban Chấp hành Trung ương theo dõi việc thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Quy chế này.

Điều 3. Trách nhiệm, quyền hạn của thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương

1. Được Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực, địa bàn; chịu trách nhiệm chính trước Ủy ban về hoạt động công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng thuộc phạm vi phụ trách theo đúng quy định của Điều lệ Đảng, Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Quy định về chế độ làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và cơ quan giúp việc.

2. Trực tiếp chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công; tham gia các tổ (đoàn) kiểm tra do Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc Ủy ban Kiểm tra Trung ương quyết định thành lập.

3. Nghiên cứu, đề xuất các chủ trương, biện pháp về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng; chủ động nắm tình hình, phát hiện, đề xuất biện pháp giải quyết những vấn đề quan trọng thuộc phạm vi phụ trách; theo dõi tình hình chấp hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương để báo cáo Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

4. Dự đầy đủ các kỳ họp của Ủy ban Kiểm tra Trung ương; thảo luận, biểu quyết và cùng với Ủy ban chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các quyết định đó.

5. Các thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương không phải là Ủy viên Trung ương được dự các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, trừ những hội nghị Ban Chấp hành Trung ương cần bàn riêng. Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương dự các cuộc họp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư bàn về công tác kiểm tra, công tác xây dựng Đảng và các công việc khác có liên quan đến công tác kiểm tra khi được mời.

6. Giữ mối liên hệ với cấp ủy, ủy ban kiểm tra, các tổ chức đảng trong phạm vi phụ trách. Phối hợp chặt chẽ với các thành viên khác của Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong việc thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban phân công. Giúp Ủy ban trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng chương trình, kế hoạch công

tác, củng cố tổ chức, nhận xét, đánh giá cán bộ của đơn vị trong cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương được Ủy ban phân công phụ trách. Góp phần tích cực xây dựng chi bộ nơi mình sinh hoạt trong sạch, vững mạnh.

Điều 4. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương

1. Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về toàn bộ hoạt động công tác của Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Thường xuyên giữ mối liên hệ công tác của Ủy ban Kiểm tra Trung ương với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Chủ trì các công việc, các cuộc họp của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và của Thường trực Ủy ban; đề xuất những nội dung, chương trình, những vấn đề cần thảo luận, giải quyết nhằm giữ vững kỷ cương, kỷ luật trong Đảng, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Điều lệ Đảng quy định và nhiệm vụ do Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

3. Khi cần thiết, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao trực tiếp chỉ đạo, chủ trì một số cuộc kiểm tra hoặc thẩm tra, xác minh những trường hợp tổ chức đảng, đảng viên là cán bộ lãnh đạo cấp cao của Đảng và các thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương khi có dấu hiệu vi phạm, bị tố cáo; nghe ý kiến trình bày của tổ chức đảng hoặc đảng viên bị thi hành kỷ luật, khiếu nại kỷ luật thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và báo cáo đầy đủ với Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

4. Trực tiếp chỉ đạo chuẩn bị nhân sự thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương giới thiệu để Ban Chấp hành Trung ương bầu bổ sung khi cần và bầu cho nhiệm kỳ tiếp theo. Trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ từ cấp vụ trở lên của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Tham gia với cấp ủy trực thuộc Trung ương chuẩn bị nhân sự ủy ban kiểm tra, nhất là chủ nhiệm ủy ban kiểm tra của cấp ủy đó.

5. Ký một số văn bản thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo ủy quyền của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Thay mặt Ủy ban Kiểm tra Trung ương ký các văn bản trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; các quyết định về thi hành kỷ luật thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban Kiểm tra Trung ương; các quyết định liên quan đến tổ chức bộ máy, cán bộ của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương và một số văn bản quan trọng khác. Kiểm tra, đôn đốc các thành viên Ủy ban thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được phân công.

Điều 5. Trách nhiệm, quyền hạn của Thường trực Ủy ban, Phó Chủ nhiệm thường trực Ủy ban và các Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương

1. Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương thay mặt Ủy ban chỉ đạo thực hiện chương trình công tác và các nhiệm vụ cụ thể do Ủy ban ủy nhiệm.

2. Phó Chủ nhiệm thường trực thực hiện trách nhiệm, quyền hạn của thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã ghi tại Điều 3 và khoản 1, Điều 5 của Quy chế này. Giúp Chủ nhiệm giải quyết công việc hằng ngày của Ủy ban; trực tiếp

quản lý và điều hành cơ quan giúp việc thực hiện chương trình công tác và các quyết định của Ủy ban Kiểm tra Trung ương; ký các văn bản theo sự phân công của Ủy ban và Chủ nhiệm; thay mặt Chủ nhiệm khi được Chủ nhiệm ủy nhiệm.

3. Các Phó Chủ nhiệm thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã ghi tại Điều 3 và khoản 1, Điều 5 của Quy chế này và những quy định cụ thể về chế độ làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và cơ quan giúp việc.

Chương II

NGUYÊN TẮC, CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

Điều 6. Nguyên tắc làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương làm việc dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương; sự chỉ đạo trực tiếp và thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương chấp hành các kết luận, quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng. Trường hợp Ủy ban Kiểm tra Trung ương có ý kiến khác với kết luận, quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương chấp hành các kết luận, quyết định đó, nhưng có quyền báo cáo để Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định.

Các ủy viên Ban Chấp hành Trung ương có quyền chất vấn về hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Ủy ban Kiểm tra Trung ương có trách nhiệm trả lời các vấn đề liên quan đến trách nhiệm được giao.

2. Ủy ban Kiểm tra Trung ương thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số.

3. Khi tiến hành công tác kiểm tra, nếu tổ chức đảng và đảng viên thấy có vấn đề cần tham gia ý kiến thì phản ảnh với Ủy ban Kiểm tra Trung ương; không được gây khó khăn, trở ngại cho việc kiểm tra.

Khi báo cáo Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương phải báo cáo đầy đủ những ý kiến của tổ chức đảng và đảng viên về vấn đề có liên quan, kể cả những ý kiến khác với ý kiến của Ủy ban Kiểm tra Trung ương để Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

4. Các quyết định, kết luận, thông báo của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng phải được tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên có liên quan chấp hành nghiêm túc. Trường hợp có ý kiến khác thì được quyền khiếu nại, báo cáo với Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Điều 7. Chế độ làm việc của Ủy ban và Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương họp thường kỳ mỗi quý 2 lần; Thường trực Ủy ban họp mỗi tháng 2 lần; khi cần thì họp bất thường.

2. Ủy ban Kiểm tra Trung ương thực hiện chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết như sau:

- Mỗi năm một lần, báo cáo Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng; về hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và ủy ban kiểm tra các cấp.

- Sáu tháng một lần, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng.

3. Hằng năm hoặc khi có yêu cầu, tập thể Ủy ban và từng thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương tự phê bình và phê bình về trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được phân công, chấp hành quy chế làm việc, phẩm chất đạo đức cách mạng. Cuối nhiệm kỳ, Ủy ban Kiểm tra Trung ương tiến hành tổng kết hoạt động kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng, tổng kết việc thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Chương III

CÁC MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

Điều 8. Quan hệ công tác với các ban của Đảng, Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn của cơ quan Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội của Trung ương

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với các ban và các cơ quan của Trung ương Đảng thực hiện những nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định và những nhiệm vụ do Ban Chấp

hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao; làm tốt chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Ủy ban Kiểm tra Trung ương tham gia ý kiến với các ban Đảng có liên quan trong việc giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư chuẩn bị và chuẩn y nhân sự cấp ủy, Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn và ủy ban kiểm tra của các cấp ủy trực thuộc Trung ương; trong việc đánh giá, bố trí, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

3. Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, có kế hoạch phối hợp với các ban của Đảng, Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn của cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội của Trung ương trong việc xem xét, giải quyết đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị tố cáo, có dấu hiệu vi phạm kỷ luật của Đảng. Trường hợp ý kiến khác nhau, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và tổ chức đảng liên quan có trách nhiệm báo cáo các ý kiến khác nhau đó để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Ủy ban Kiểm tra Trung ương có kế hoạch phối hợp công tác, trao đổi tình hình với Ban Nội chính Trung ương, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương, Ban Cán sự Đảng Thanh tra Nhà nước, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, tòa án Nhân dân tối cao và Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương trong việc nắm thông tin, phát hiện những dấu hiệu vi phạm của các tổ chức đảng, đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và những vụ liên quan đến nhiều cán bộ là đảng viên vi phạm kỷ luật, gây hậu quả nghiêm trọng để xem xét, xử lý kỷ luật đảng và kỷ luật hành chính, đoàn thể được kịp thời.

Điều 9. Quan hệ công tác với các cấp ủy trực thuộc Trung ương

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn, kiểm tra các cấp ủy trực thuộc Trung ương thực hiện công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, có kế hoạch phối hợp cùng với các cấp ủy trực thuộc Trung ương trong việc giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Kiểm tra Trung ương có thể phối hợp để tiến hành kiểm tra đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp dưới quản lý khi có dấu hiệu vi phạm. Trường hợp ý kiến khác nhau, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và cấp ủy liên quan có trách nhiệm báo cáo các ý kiến khác nhau đó để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Các cấp ủy trực thuộc Trung ương khi chuẩn bị nhân sự để bầu ủy ban kiểm tra, bầu chủ nhiệm, thay đổi chủ nhiệm, thay đổi các thành viên của ủy ban kiểm tra cấp mình thì phải trao đổi với Ủy ban Kiểm tra Trung ương để báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định.

4. Các báo cáo thường kỳ và đột xuất của cấp ủy trực thuộc Trung ương về công tác kiểm tra, công tác tổ chức, cán bộ, tài chính của Đảng và những vấn đề liên quan đến công tác xây dựng Đảng, khi gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư thì đồng gửi Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Điều 10. Quan hệ công tác với ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp dưới

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn về công tác kiểm tra và kiểm tra hoạt động của ủy ban kiểm tra các cấp; tham gia ý kiến với ủy ban kiểm tra của cấp ủy trực thuộc Trung ương về việc chuẩn bị nhân sự ủy ban kiểm tra, xây dựng tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kiểm tra; chủ trì hoặc phối hợp với ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp dưới trong công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng; chỉ đạo, hướng dẫn ủy ban kiểm tra của cấp ủy trực thuộc Trung ương sơ kết, tổng kết công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng.

2. Ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp dưới chấp hành sự lãnh đạo của cấp ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra Trung ương; phát hiện, đề xuất những vấn đề có liên quan đến công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng để báo cáo với Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, giải quyết.

Chương IV

CHẤP HÀNH QUY CHẾ

Điều 11.

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương, các tổ chức đảng và đảng viên có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế này.

2. Ủy ban Kiểm tra Trung ương căn cứ vào nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định, Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quy chế làm việc của các ban Trung ương Đảng và Quy chế này để xây dựng các quy định cụ thể về tổ chức bộ máy, chế độ làm việc của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

3. Các tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương căn cứ vào Điều lệ Đảng, quy chế làm việc của cấp ủy và Quy chế này để xây dựng hoặc bổ sung Quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra cấp mình.

Điều 12.

Quy chế này thay thế các Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã ban hành trước đây.

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và được phổ biến toàn văn đến chi bộ.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA IX

Số 05-NQ/TW, ngày 24 tháng 9 năm 2001

Về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Trong hơn 10 năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã thực hiện nhiều chủ trương, biện pháp tích cực nhằm đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Trong bối cảnh thế giới có nhiều diễn biến phức tạp và nền kinh tế còn nhiều khó khăn gay gắt, doanh nghiệp nhà nước đã vượt qua nhiều thử thách, đứng vững và không ngừng phát triển, góp phần quan trọng vào thành tựu to lớn của sự nghiệp đổi mới và phat triển đất nước; đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Doanh nghiệp nhà nước đã chi phối được các ngành, lĩnh vực then chốt và sản phẩm thiết yếu của nền kinh tế; góp phần chủ yếu để kinh tế nhà nước thực hiện được vai trò chủ đạo, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng thế và lực

của đất nước. Doanh nghiệp nhà nước chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản phẩm trong nước, trong tổng thu ngân sách, kim ngạch xuất khẩu và công trình hợp tác đầu tư với nước ngoài; là lực lượng quan trọng trong thực hiện các chính sách xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai và bảo đảm nhiều sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội, quốc phòng, an ninh. Doanh nghiệp nhà nước ngày càng thích ứng với cơ chế thị trường; năng lực sản xuất tiếp tục tăng; cơ cấu ngày càng hợp lý hơn; trình độ công nghệ và quản lý có nhiều tiến bộ; hiệu quả và sức cạnh tranh từng bước được nâng lên; đời sống của người lao động từng bước được cải thiện.

Đạt được những kết quả trên là nhờ có đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng và Nhà nước; sự chỉ đạo thực hiện kiên trì của Chính phủ và các cấp, các ngành; sự cố gắng phấn đấu vượt qua khó khăn, thử thách để vươn lên của các doanh nghiệp nhà nước, của đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động trong cơ chế mới.

Tuy nhiên, doanh nghiệp nhà nước cũng còn những mặt hạn chế, yếu kém, có mặt rất nghiêm trọng như: quy mô còn nhỏ, cơ cấu còn nhiều bất hợp lý, chưa thật tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt; nhìn chung, trình độ công nghệ còn lạc hậu, quản lý còn yếu kém, chưa thực sự tự chủ tự chịu trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh; kết quả sản xuất kinh doanh chưa tương xứng với các nguồn lực đã có và sự hỗ trợ, đầu tư của Nhà nước; hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp, nợ không có khả năng thanh toán tăng lên, lao động thiếu việc làm và dôi dư còn lớn. Hiện nay, doanh nghiệp nhà nước đang đứng trước thách thức gay gắt của yêu cầu đổi mới, phát triển và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Những hạn chế, yếu kém của doanh nghiệp nhà nước có nguyên nhân khách quan, nhưng chủ yếu là do những nguyên nhân chủ quan: chưa có sự thống nhất cao trong nhận thức về vai trò, vị trí của kinh tế nhà nước và doanh nghiệp nhà nước, về yêu cầu và giải pháp sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; nhiều vấn đề chưa rõ, còn ý kiến khác nhau nhưng chưa được tổng kết thực tiễn để kết luận. Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước còn nhiều yếu kém, vướng mắc; cải cách hành chính chậm. Cơ chế, chính sách còn nhiều bất cập, chưa đồng bộ, còn nhiều điểm chưa phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chưa tạo được động lực mạnh mẽ thúc đẩy cán bộ và người lao động trong doanh nghiệp nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh; một bộ phận cán bộ doanh nghiệp nhà nước chưa đáp ứng yêu cầu về năng lực và phẩm chất. Sự lãnh đạo của Đảng và chỉ đạo của Chính phủ đối với việc đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước chưa tương xứng với nhiệm vụ quan trọng và phức tạp này. Tổ chức và phương thức hoạt động của Đảng tại doanh nghiệp nhà nước chậm được đổi mới.

II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Quan điểm chỉ đạo

- Kinh tế nhà nước có vai trò quyết định trong việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định và phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước. Doanh nghiệp nhà nước

(gồm doanh nghiệp nhà nước giữ 100% vốn và doanh nghiệp nhà nước giữ cổ phần chi phối) phải không ngừng được đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả, giữ vị trí then chốt trong nền kinh tế, làm công cụ vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô, làm lực lượng nòng cốt, góp phần chủ yếu để kinh tế nhà nước thực hiện vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, là chủ lực trong hội nhập kinh tế quốc tế. Việc xem xét, đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước phải có quan điểm toàn diện cả về kinh tế, chính trị, xã hội; trong đó, lấy suất sinh lời trên vốn làm một trong những tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp kinh doanh, lấy kết quả thực hiện các chính sách xã hội làm tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp công ích.

- Kiên quyết điều chỉnh cơ cấu để doanh nghiệp nhà nước có cơ cấu hợp lý, tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng, chiếm thị phần đủ lớn đối với các sản phẩm và dịch vụ chủ yếu; không nhất thiết phải giữ tỷ trọng lớn trong tất cả các ngành, lĩnh vực, sản phẩm của nền kinh tế. Đại bộ phận doanh nghiệp nhà nước phải có quy mô vừa và lớn, công nghệ tiên tiến; một bộ phận cần thiết có quy mô nhỏ để kinh doanh những sản phẩm, dịch vụ thiết yếu, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Chuyển doanh nghiệp nhà nước sang hoạt động theo chế độ công ty; đẩy mạnh cổ phần hóa những doanh nghiệp nhà nước mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn, xem đó là khâu quan trọng để tạo chuyển biến cơ bản trong việc nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý để doanh nghiệp nhà nước kinh doanh tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hợp tác và cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác theo pháp luật. Bảo hộ cần thiết, có điều kiện đối với những ngành, lĩnh vực, sản phẩm quan trọng. Thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực cần thiết, nhưng không biến độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp. Xóa bao cấp, đồng thời có chính sách đầu tư đúng đắn và hỗ trợ phù hợp đối với những ngành, lĩnh vực, sản phẩm cần ưu tiên phát triển. Phân biệt rõ chức năng của cơ quan đại diện quyền chủ sở hữu của Nhà nước với chức năng điều hành sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Giao quyền quyết định nhiều hơn đi đôi với đòi hỏi trách nhiệm cao hơn đối với đại diện trực tiếp chủ sở hữu tại doanh nghiệp.

- Việc tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước là nhiệm vụ cấp bách và cũng là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài với nhiều khó khăn, phức tạp, mới mẻ. Đối với những vấn đề đã rõ, đã có nghị quyết thì phải khẩn trương, kiên quyết triển khai thực hiện; những vấn đề chưa đủ rõ thì phải tổ chức thí điểm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, kịp thời uốn nắn các sai sót, lệch lạc để có bước đi thích hợp, tích cực nhưng vững chắc.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở tất cả các cấp, các ngành đối với việc sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng, phát huy quyền làm chủ của người lao động và vai trò của các đoàn thể quần chúng tại doanh nghiệp.

2. Mục tiêu 10 năm 2001 - 2010

Sắp xếp, đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước để doanh nghiệp nhà nước góp phần quan trọng bảo đảm các sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu của xã hội và nhu cầu cần thiết của quốc phòng, an ninh, là lực lượng nòng cốt đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế và tạo nền tảng cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

3. Nhiệm vụ 5 năm 2001 - 2005

- Hoàn thành cơ bản việc sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu doanh nghiệp nhà nước hiện có: cổ phần hóa những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn; sáp nhập, giải thể, phá sản những doanh nghiệp hoạt động không có hiệu quả; giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê các doanh nghiệp quy mô nhỏ, không cổ phần hóa được và Nhà nước không cần nắm giữ.

- Thực hiện chế độ công ty trách nhiệm hữu hạn đối với doanh nghiệp Nhà nước giữ 100% vốn. Sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, hình thành khung pháp lý đồng bộ bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước.

- Đổi mới và lành mạnh hóa tài chính doanh nghiệp, giải quyết cơ bản nợ không có khả năng thanh toán, lao động dôi dư và có giải pháp ngăn chặn các tình trạng trên tái phát.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổng công ty nhà nước; xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh.

- Đầu tư phát triển và thành lập mới doanh nghiệp nhà nước cần thiết và có đủ điều kiện ở những ngành, lĩnh vực then chốt, địa bàn quan trọng.

- Đổi mới và hiện đại hóa một bước quan trọng công nghệ và quản lý của đại bộ phận doanh nghiệp nhà nước.

III- NHỮNG GIẢI PHÁP LỚN

1. Định hướng sắp xếp, phát triển doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh và hoạt động công ích

a) Đối với doanh nghiệp hoạt động kinh doanh

- Nhà nước giữ 100% vốn đối với các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực độc quyền nhà nước, bao gồm: vật liệu nổ, hóa chất độc, chất phóng xạ, hệ thống truyền tải điện quốc gia, mạng trục thông tin quốc gia và quốc tế, sản xuất thuốc lá điếu.

- Nhà nước giữ cổ phần chi phối hoặc giữ 100% vốn đối với doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh trong các ngành và lĩnh vực: bán buôn lương thực, bán buôn xăng dầu, sản xuất điện, khai thác các khoáng sản quan trọng, sản xuất một số sản phẩm cơ khí, điện tử, công nghệ thông tin, sản xuất kim loại đen, kim loại màu, sản xuất hóa chất cơ bản, phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, sản xuất xi măng, công nghiệp xây dựng, sản xuất một số hàng tiêu dùng và công nghiệp thực phẩm quan trọng, sản xuất hóa dược, thuốc chữa bệnh, vận tải hàng không, đường sắt, viễn dương, kinh doanh tiền tệ, bảo hiểm, xổ số kiến thiết, dịch vụ viễn thông cơ bản; chủ yếu là các doanh nghiệp có quy mô lớn, có đóng góp

lớn cho ngân sách, đi đầu trong việc ứng dụng công nghệ mũi nhọn, công nghệ cao và góp phần quan trọng ổn định kinh tế vĩ mô. Những doanh nghiệp hoạt động kinh doanh bảo đảm nhu cầu thiết yếu cho phát triển sản xuất và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào nông thôn, đồng bào các dân tộc ở miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Nhà nước giữ cổ phần đặc biệt trong một số trường hợp cần thiết.

Chuyển các doanh nghiệp mà Nhà nước giữ 100% vốn sang hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một chủ sở hữu là Nhà nước hoặc công ty cổ phần gồm các cổ đông là các doanh nghiệp nhà nước.

Căn cứ định hướng trên đây, Chính phủ chỉ đạo rà soát, phê duyệt phân loại cụ thể các doanh nghiệp nhà nước hiện có để triển khai thực hiện và từng thời kỳ xem xét điều chỉnh định hướng phân loại doanh nghiệp cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Doanh nghiệp thuộc các tổ chức của Đảng thực hiện sắp xếp như đối với doanh nghiệp nhà nước. Doanh nghiệp thuộc các tổ chức chính trị - xã hội đăng ký hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

- Việc thành lập mới doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh chủ yếu sẽ thực hiện dưới hình thức công ty cổ phần. Chỉ thành lập mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đối với những ngành và lĩnh vực mà Nhà nước cần giữ độc quyền, hoặc các thành phần kinh tế khác không muốn hay không có khả năng tham gia.

b) Đối với doanh nghiệp hoạt động công ích

- Nhà nước giữ 100% vốn đối với các doanh nghiệp công

ích hoạt động trong các lĩnh vực: in bạc và chứng chỉ có giá; điều hành bay; bảo đảm hàng hải; kiểm soát và phân phối tần số vô tuyến điện; sản xuất, sửa chữa vũ khí, khí tài, trang bị chuyên dùng cho quốc phòng, an ninh; doanh nghiệp được giao thực hiện nhiệm vụ quốc phòng đặc biệt và các doanh nghiệp tại các địa bàn chiến lược quan trọng kết hợp kinh tế với quốc phòng theo quyết định của Chính phủ. Các doanh nghiệp của quân đội và công an được sắp xếp và phát triển theo định hướng này.

- Nhà nước giữ 100% vốn hoặc cổ phần chi phối đối với những doanh nghiệp công ích đang hoạt động trong các lĩnh vực: kiểm định kỹ thuật phương tiện giao thông cơ giới lớn; xuất bản sách giáo khoa, sách báo chính trị, phim thời sự và tài liệu; quản lý, bảo trì hệ thống đường sắt quốc gia, sân bay; quản lý thủy nông đầu nguồn; trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn; thoát nước ở đô thị lớn; ánh sáng đường phố; quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ, bến xe, đường thủy quan trọng; sản xuất sản phẩm và cung ứng dịch vụ khác theo quy định của Chính phủ.

Trong từng thời kỳ, Chính phủ xem xét, điều chỉnh định hướng phân loại doanh nghiệp cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Đối với các doanh nghiệp hoạt động công ích hiện có, Chính phủ căn cứ vào định hướng trên đây chỉ đạo rà soát và phê duyệt phân loại cụ thể để triển khai thực hiện. Những doanh nghiệp công ích đang hoạt động không thuộc diện nêu trên sẽ được sắp xếp lại. Việc thành lập mới doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích phải được xem xét chặt chẽ, đúng định hướng, có yêu cầu và có đủ các điều kiện cần thiết.

Khuyến khích nhân dân và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế sản xuất những sản phẩm, dịch vụ công ích mà xã hội cần và pháp luật không cấm.

2. Sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách

a) Đối với doanh nghiệp hoạt động kinh doanh

Doanh nghiệp tự chủ quyết định kinh doanh theo quan hệ cung cầu trên thị trường phù hợp với mục tiêu thành lập và điều lệ hoạt động. Xóa bỏ bao cấp đối với doanh nghiệp. Thực hiện chính sách ưu đãi đối với các ngành, vùng, các sản phẩm và dịch vụ cần ưu tiên hoặc khuyến khích phát triển, không phân biệt thành phần kinh tế. Ban hành Luật cạnh tranh để bảo vệ và khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế cạnh tranh, hợp tác bình đẳng trong khuôn khổ pháp luật chung. Đối với doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực độc quyền cần có quy định kiểm soát giá và điều tiết lợi nhuận và cần tổ chức một số doanh nghiệp nhà nước cùng cạnh tranh bình đẳng.

Nhà nước ban hành tiêu chí đánh giá hiệu quả và cơ chế giám sát doanh nghiệp nhà nước.

Đổi mới chế độ kế toán, kiểm toán, chế độ báo cáo, thông tin, thực hiện công khai hoạt động kinh doanh và tài chính doanh nghiệp.

- Về vốn: doanh nghiệp được tiếp cận và thu hút các nguồn vốn trên thị trường để phát triển kinh doanh; được chủ động xử lý các tài sản dư thừa, vật tư, hàng hóa ứ đọng.

Nhà nước có cơ chế để trong 5 năm 2001 - 2005 cơ bản tạo đủ vốn điều lệ cho doanh nghiệp. Không thu thuế sử dụng vốn ngân sách, chuyển hình thức cấp vốn sang đầu tư vốn. Thí

điểm lập công ty đầu tư tài chính nhà nước để thực hiện đầu tư và quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Nghiên cứu ban hành Luật sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào kinh doanh.

Doanh nghiệp được tự chủ trong việc phân phối và trích lập các quỹ từ lợi nhuận để lại theo khung quy định chung. Nhà nước có chính sách đối với những tài sản do doanh nghiệp đầu tư bằng vốn vay và đã trả hết nợ bằng nguồn khấu hao cơ bản và lợi nhuận do chính tài sản đó làm ra theo hướng thực hiện hài hòa các lợi ích, phù hợp với đặc điểm của từng ngành nghề, lĩnh vực cụ thể, khuyến khích doanh nghiệp tiếp tục tái đầu tư phát triển.

- Về đầu tư: tăng thêm quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp nhà nước trong quyết định đầu tư trên cơ sở chiến lược, quy hoạch phát triển được phê duyệt.

- Về đổi mới, hiện đại hóa công nghệ: doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu đãi đối với người có đóng góp vào đổi mới công nghệ mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp; chi phí này được hạch toán vào giá thành sản phẩm. Nhà nước có chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ.

- Về lao động, tiền lương: doanh nghiệp quyết định việc tuyển chọn lao động và chịu trách nhiệm giải quyết chế độ đối với người lao động do mình tuyển dụng không có việc làm bằng các nguồn kinh phí của doanh nghiệp; được tự chủ trong việc trả tiền lương và tiền thưởng trên cơ sở năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Về cán bộ quản lý doanh nghiệp: doanh nghiệp chủ động lựa chọn và bố trí cán bộ quản lý theo hướng chủ yếu là thi tuyển; cơ quan nhà nước và tổ chức có thẩm quyền ra

quyết định bổ nhiệm cán bộ chủ chốt của doanh nghiệp. Nhà nước có cơ chế khuyến khích vật chất, tinh thần, đồng thời nâng cao trách nhiệm của cán bộ quản lý doanh nghiệp.

- Về thanh tra, kiểm tra: hằng năm doanh nghiệp phải được kiểm toán, kết quả kiểm toán là căn cứ pháp lý về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Các cơ quan quản lý nhà nước phải có chương trình thanh tra, kiểm tra định kỳ đối với doanh nghiệp và thông báo trước cho doanh nghiệp. Cơ quan bảo vệ pháp luật chỉ kiểm tra, thanh tra khi doanh nghiệp đã có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Các cơ quan thanh tra, kiểm tra phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thanh tra, kiểm tra.

b) Đối với doanh nghiệp hoạt động công ích

Căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ mà Nhà nước quyết định quy mô tổ chức, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp công ích.

Chuyển từ cơ chế cấp vốn, giao nhiệm vụ sang cơ chế đặt hàng hoặc đấu thầu thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích. Nhà nước có chính sách ưu đãi đối với các sản phẩm và dịch vụ công ích, không phân biệt loại hình doanh nghiệp, thành phần kinh tế. Nhà nước cấp đủ vốn điều lệ cho doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích. Thực hiện cơ chế quản lý lao động, tiền lương và thu nhập trên cơ sở khối lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ mà Nhà nước giao hoặc đặt hàng. Doanh nghiệp công ích cũng phải thực hiện hạch toán.

c) Giải quyết lao động dôi dư và nợ không thanh toán được

- Bổ sung cơ chế, chính sách đối với lao động dôi dư trong sắp xếp, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước.

Doanh nghiệp phải rà soát và xây dựng đúng định mức để xác định số lượng lao động cần thiết. Lao động dôi dư được doanh nghiệp tạo điều kiện đào tạo lại hoặc nghỉ việc hưởng nguyên lương một thời gian để tìm việc; nếu không tìm được việc thì được nghỉ chế độ mất việc theo quy định của Bộ luật lao động. Bổ sung, sửa đổi một số chính sách cụ thể đối với người lao động dôi dư có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi. Chính phủ bố trí nguồn kinh phí để giải quyết chính sách cho số lao động dôi dư.

Sửa đổi, bổ sung Bộ luật lao động theo hướng cho phép áp dụng chế độ mất việc đối với số lao động dôi dư tại thời điểm giao, bán, khoán kinh doanh và cho thuê doanh nghiệp nhà nước. Khẩn trương bổ sung chính sách bảo hiểm xã hội; ban hành chính sách bảo hiểm thất nghiệp theo hướng Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động cùng đóng góp.

- Xử lý nợ không thanh toán được.

Chính phủ quy định biện pháp giải quyết dứt điểm các khoản nợ không có khả năng thanh toán của doanh nghiệp đối với ngân sách nhà nước và ngân hàng, đồng thời có giải pháp để ngăn ngừa sự tái phát.

Thành lập công ty mua bán nợ và tài sản của doanh nghiệp nhà nước để xử lý nợ và tài sản không cần dùng, tạo điều kiện lành mạnh hóa tài chính doanh nghiệp.

3. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổng công ty nhà nước; hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh

a) Tổng công ty nhà nước phải có vốn điều lệ đủ lớn, có thể huy động vốn từ nhiều nguồn, trong đó vốn nhà nước là

chủ yếu; thực hiện kinh doanh đa ngành, có ngành chính chuyên sâu; có liên kết giữa các đơn vị thành viên về sản xuất, tài chính, thị trường...; có trình độ công nghệ và quản lý tiên tiến, năng suất lao động cao, chất lượng sản phẩm tốt, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

Hoàn thành việc sắp xếp các tổng công ty nhà nước hiện có nhằm tập trung hơn nữa nguồn lực để chi phối được những ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế; làm lực lượng chủ lực trong việc bảo đảm các cân đối lớn và ổn định kinh tế vĩ mô; cung ứng những sản phẩm trọng yếu cho nền kinh tế quốc dân và xuất khẩu, đóng góp lớn cho ngân sách; làm nòng cốt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả. Những ngành, lĩnh vực, sản phẩm cần tổ chức tổng công ty nhà nước: khai thác, chế biến dầu khí và kinh doanh bán buôn xăng dầu; sản xuất và cung ứng điện; khai thác, chế biến, cung ứng than, các khoáng sản quan trọng; luyện kim; cơ khí chế tạo; sản xuất xi măng; bưu chính, viễn thông, điện tử; hàng không; hàng hải; đường sắt; hóa chất và phân hóa học; sản xuất một số hàng tiêu dùng và công nghiệp thực phẩm quan trọng; hóa dược; xây dựng; kinh doanh bán buôn lương thực; ngân hàng; bảo hiểm...

Trong từng thời kỳ, theo yêu cầu phát triển của nền kinh tế cần có sự điều chỉnh phù hợp. Những tổng công ty đang hoạt động không có đủ các yêu cầu trên sẽ được sắp xếp lại.

Thí điểm, rút kinh nghiệm để nhân rộng việc thực hiện chuyển tổng công ty nhà nước sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, trong đó tổng công ty đầu tư vốn vào các doanh nghiệp thành viên là những công ty trách nhiệm

hữu hạn một chủ (tổng công ty) hoặc là công ty cổ phần mà tổng công ty giữ cổ phần chi phối. Ngoài ra, tổng công ty có thể đầu tư vào các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác.

Tổng công ty 100% vốn nhà nước phải có hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan đại diện trực tiếp chủ sở hữu tại tổng công ty, nhận và chịu trách nhiệm bảo toàn, phát triển vốn, tài sản Nhà nước giao. Nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng quản trị:

Trình Thủ tướng Chính phủ (hoặc bộ trưởng, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) xem xét quyết định: chủ trương thành lập, chia tách, sáp nhập, chuyển đổi sở hữu, giải thể đơn vị thành viên; ban hành điều lệ mẫu; bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật chủ tịch, ủy viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc; phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn của tổng công ty, các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền Chính phủ phê duyệt.

Quyết định bổ nhiệm phó tổng giám đốc, kế toán trưởng, thông qua việc bổ nhiệm giám đốc đơn vị thành viên để tổng giám đốc ra quyết định; quyết định và chịu trách nhiệm về các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt và các phương án tổ chức quản lý, tổ chức kinh doanh, biên chế bộ máy quản lý tổng công ty; quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế.

Kiểm tra, giám sát tổng giám đốc, giám đốc đơn vị thành viên trong việc sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và thực hiện nghị quyết của hội đồng quản trị.

Chính phủ quy định tiền lương, chế độ tiền thưởng cho hội đồng quản trị gắn với hiệu quả hoạt động của tổng công ty.

b) Hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh trên cơ sở các tổng công ty nhà nước, có sự tham gia của các thành phần kinh tế, kinh doanh đa ngành, trong đó có ngành kinh doanh chính, chuyên môn hóa cao và giữ vai trò chi phối lớn trong nền kinh tế quốc dân, có quy mô rất lớn về vốn, hoạt động cả trong và ngoài nước, có trình độ công nghệ cao và quản lý hiện đại, có sự gắn kết trực tiếp, chặt chẽ giữa khoa học công nghệ, đào tạo, nghiên cứu triển khai với sản xuất kinh doanh. Thí điểm hình thành tập đoàn kinh tế trong một số lĩnh vực có điều kiện, có thế mạnh, có khả năng phát triển để cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả như: dầu khí, viễn thông, điện lực, xây dựng...

4. Đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Mục tiêu cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là nhằm: tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, trong đó có đông đảo người lao động, để sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của Nhà nước và huy động thêm vốn xã hội vào phát triển sản xuất, kinh doanh; tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động, có hiệu quả cho doanh nghiệp nhà nước; phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, của cổ đông và tăng cường sự giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp; bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước không được biến thành tư nhân hóa doanh nghiệp nhà nước.

Đối tượng cổ phần hóa là những doanh nghiệp nhà nước hiện có mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn, không phụ thuộc vào thực trạng kết quả sản xuất kinh doanh. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào định hướng sắp xếp, phát triển doanh nghiệp nhà nước và điều kiện thực tế của từng doanh nghiệp mà quyết định chuyển doanh nghiệp nhà nước hiện có thành công ty cổ phần, trong đó Nhà nước có cổ phần chi phối, cổ phần đặc biệt, cổ phần ở mức thấp, hoặc Nhà nước không giữ cổ phần.

Hình thức cổ phần hóa bao gồm: giữ nguyên giá trị doanh nghiệp, phát hành cổ phiếu để thu hút thêm vốn; bán một phần giá trị hiện có của doanh nghiệp cho các cổ đông; cổ phần hóa đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp; chuyển toàn bộ doanh nghiệp thành công ty cổ phần. Trường hợp cổ phần hóa đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp thì không được gây khó khăn hoặc làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh các bộ phận còn lại của doanh nghiệp.

Nhà nước có chính sách để giảm bớt tình trạng chênh lệch về cổ phần ưu đãi cho người lao động giữa các doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa. Có quy định để người lao động giữ được cổ phần ưu đãi trong một thời gian nhất định. Sửa đổi, bổ sung cơ chế ưu tiên bán cổ phần cho người lao động trong doanh nghiệp để gắn bó người lao động với doanh nghiệp; dành một tỷ lệ cổ phần thích hợp bán ra ngoài doanh nghiệp. Nghiên cứu sử dụng một phần vốn tự có của doanh nghiệp để hình thành cổ phần của người lao động, người lao động được hưởng lãi nhưng không được rút cổ phần này khỏi doanh nghiệp. Mở rộng việc bán cổ phần của các doanh nghiệp công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản cho người

sản xuất và cung cấp nguyên liệu. Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp cổ phần hóa sử dụng nhiều lao động và có quy định cho phép chuyển nợ thành vốn góp cổ phần.

Sửa đổi phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp theo hướng gắn với thị trường; nghiên cứu đưa giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp, thí điểm đấu thầu bán cổ phiếu và bán cổ phiếu qua các định chế tài chính trung gian.

Nhà đầu tư được mua cổ phần lần đầu đối với những doanh nghiệp cổ phần hóa mà Nhà nước không giữ cổ phần chi phối theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Luật khuyến khích đầu tư trong nước. Khuyến khích nhà đầu tư có tiềm năng về công nghệ, thị trường, kinh nghiệm quản lý, tiền vốn mua cổ phần. Số tiền thu được từ bán cổ phần dùng để thực hiện chính sách đối với người lao động và để Nhà nước tái đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, không được đưa vào ngân sách để chi thường xuyên.

Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách phù hợp đối với doanh nghiệp nhà nước đã chuyển sang công ty cổ phần. Sửa đổi chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa theo hướng ưu đãi hơn đối với những doanh nghiệp khi cổ phần hóa có khó khăn.

Chỉ đạo chặt chẽ doanh nghiệp nhà nước đầu tư một phần vốn để lập mới công ty cổ phần ở những lĩnh vực cần thiết.

5. Thực hiện giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, sáp nhập, giải thể, phá sản doanh nghiệp nhà nước

Đối với doanh nghiệp quy mô nhỏ có vốn nhà nước dưới 5 tỉ đồng, Nhà nước không cần nắm giữ và không cổ phần hóa được, tùy thực tế của từng doanh nghiệp, cơ quan nhà nước

có thẩm quyền quyết định một trong các hình thức: giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê. Khuyến khích doanh nghiệp nhà nước đã giao, bán được chuyển thành công ty cổ phần của người lao động. Sáp nhập, giải thể, phá sản những doanh nghiệp nhà nước hoạt động không hiệu quả, nhưng không thực hiện được các hình thức nói trên.

Sửa đổi, bổ sung Luật phá sản doanh nghiệp theo hướng người quyết định thành lập doanh nghiệp có quyền đề nghị tuyên bố phá sản.

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, hiểu biết của người lao động và toàn xã hội đối với chủ trương cổ phần hóa, giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, sáp nhập, giải thể, phá sản doanh nghiệp nhà nước.

IV- ĐỔI MỚI, NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC VÀ CỦA CƠ QUAN CHỦ SỞ HỮU ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

1. Xác định rõ chức năng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước

Chức năng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước là: xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý và ban hành chính sách, cơ chế quản lý đối với doanh nghiệp hoạt động kinh doanh và hoạt động công ích; xây dựng quy hoạch và đào tạo đội ngũ cán bộ cốt cán cho doanh nghiệp nhà nước; thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, chế độ, quy định của Nhà nước tại doanh nghiệp.

Kiên quyết chấm dứt tình trạng cơ quan hành chính nhà nước can thiệp trực tiếp, cụ thể vào hoạt động sản xuất, kinh

doanh của doanh nghiệp; phân định rõ quyền quản lý hành chính kinh tế của Nhà nước và quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Cơ quan quản lý nhà nước căn cứ vào quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý mà ban hành đồng bộ hệ thống văn bản pháp quy để thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, trong đó có doanh nghiệp nhà nước.

2. Phân định rõ quyền của các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước

Chính phủ thống nhất quản lý và tổ chức thực hiện các quyền của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước.

Chủ sở hữu có quyền: thành lập, sáp nhập, chia tách, chuyển đổi sở hữu, giải thể doanh nghiệp; ban hành điều lệ mẫu tổ chức hoạt động của doanh nghiệp. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh quản lý chủ chốt. Quyết định mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển và kế hoạch trung, dài hạn của doanh nghiệp. Phê duyệt các dự án đầu tư. Quy định nguyên tắc phân phối lợi nhuận sau thuế. Kiểm tra, giám sát thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Nhà nước giao và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Chính phủ ủy quyền cho các bộ, phân cấp cụ thể cho ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hội đồng quản trị tổng công ty nhà nước thực hiện quyền chủ sở hữu của Nhà nước phù hợp với các loại hình doanh nghiệp có vốn nhà nước, bảo đảm ở đâu có vốn của Nhà nước thì phải có tổ chức hoặc cá nhân được giao quyền đại diện nhà nước làm chủ sở hữu trực tiếp với nhiệm vụ, quyền hạn, quyền lợi và

trách nhiệm rõ ràng, không phân biệt doanh nghiệp nhà nước do Trung ương hay địa phương quản lý.

3. Đào tạo và sử dụng cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước

Chính phủ quy định tiêu chuẩn cán bộ quản lý chủ chốt của doanh nghiệp nhà nước; chỉ đạo xây dựng hệ thống đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giám đốc doanh nghiệp.

Chính phủ quy định chế độ đãi ngộ và chế độ trách nhiệm đối với những cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước theo hướng khuyến khích thỏa đáng về vật chất và tinh thần căn cứ mức độ đóng góp vào kết quả hoạt động của doanh nghiệp; đồng thời có chế tài phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp nhà nước để xử lý những cán bộ quản lý doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả do nguyên nhân chủ quan.

V- ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG Ở DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Tổ chức đảng ở doanh nghiệp nhà nước lãnh đạo việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tham gia đề ra và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người lao động, phát huy dân chủ, thi đua hoàn thành nhiệm vụ; lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên và đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng; lãnh đạo các tổ chức quần chúng làm tốt chức năng, nhiệm vụ.

Đối với tổng công ty nhà nước, mô hình tổ chức đảng có thể theo hướng:

- Thành lập đảng bộ toàn tổng công ty trực thuộc Đảng ủy Khối cơ quan Kinh tế Trung ương trong trường hợp đòi hỏi tổng công ty phải có sự lãnh đạo chặt chẽ theo ngành dọc.

- Đảng bộ cơ quan tổng công ty trực thuộc Đảng ủy Khối cơ quan Kinh tế Trung ương, còn tổ chức đảng ở các doanh nghiệp thành viên trực thuộc tổ chức đảng địa phương.

- Thành lập đảng bộ toàn tổng công ty trực thuộc đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Thành lập Ban Cán sự Đảng ở tổng công ty nhà nước trong trường hợp thật cần thiết.

Ban Tổ chức Trung ương chủ trì xây dựng đề án cụ thể về đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng tại doanh nghiệp nhà nước phù hợp với yêu cầu và đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong điều kiện mới.

VI- TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Căn cứ vào Nghị quyết này, Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung luật và pháp lệnh có liên quan; Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung những cơ chế, chính sách có liên quan thuộc thẩm quyền của Chính phủ để đẩy nhanh việc sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Trong khi chờ sửa đổi, bổ sung luật, pháp lệnh, cho phép tiến hành thí điểm những nội dung của Nghị quyết khác với quy định hiện hành.

2. Bộ Chính trị chỉ đạo Ban Cán sự Đảng Chính phủ và các ban đảng có liên quan thành lập tổ chức tương xứng để

làm nhiệm vụ tham mưu, phối hợp xây dựng cơ chế, chính sách và giúp Chính phủ chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

3. Các cấp ủy và tổ chức đảng có trách nhiệm quán triệt và lãnh đạo thực hiện tốt Nghị quyết này. Ban Kinh tế Trung ương phối hợp với các cơ quan có liên quan theo dõi việc thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

Ngày 22 tháng 8 năm 2001

Thưa các đồng chí,

Sau chín ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, với tinh thần trách nhiệm cao, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương đã hoàn thành chương trình làm việc. Như nhiều đồng chí đã phát biểu: các đề án trình Hội nghị Trung ương lần này được chuẩn bị công phu, đã lấy được ý kiến đóng góp của nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều chuyên gia; có đề án chuẩn bị trong thời gian mấy năm, qua mấy hội nghị tổng kết thực tiễn từ cơ sở và đã qua ba lần nghe báo cáo và thảo luận trong Bộ Chính trị khóa VIII và khóa IX. Tại Hội nghị, nhiều đồng chí đã góp ý kiến bổ sung, sửa đổi các đề án, nêu những ý kiến thẳng thắn để tranh luận; Bộ Chính trị đã thảo luận và trình bày ý kiến tiếp thu, có một số nội dung đã được biểu quyết. Qua thảo luận dân chủ, Trung ương đã thông qua Quy chế làm việc của Ban Chấp

hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX; Nghị quyết về "Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước".

Những quan điểm cơ bản, phương hướng, nhiệm vụ và những giải pháp lớn của các nội dung nêu trên đã thể hiện trong các tờ trình của Bộ Chính trị về từng đề án và giải trình của Bộ Chính trị trước Ban Chấp hành Trung ương. Tôi chỉ phân tích thêm một số vấn đề.

Thưa các đồng chí,

Một nguyên tắc cơ bản trong sinh hoạt của Đảng ta là tập trung dân chủ; điều đó đã được khẳng định trong Cương lĩnh, Điều lệ và Nghị quyết các đại hội Đảng. Thực hiện đúng đắn nguyên tắc đó mới tập hợp được trí tuệ của Đảng, bảo đảm thống nhất ý chí và hành động, không ngừng nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng, để Đảng ta đảm đương và hoàn thành nhiệm vụ nhân dân giao cho. Từ trước đến nay, Đảng ta luôn luôn giữ vững nguyên tắc đó trong sinh hoạt đảng; đồng thời lại phải thấy nguyên tắc đó cần được cụ thể hóa thành các quy định trong sinh hoạt của từng tổ chức, trong các mối quan hệ của từng cá nhân với các tổ chức cụ thể. Quy chế làm việc mà Trung ương vừa thông qua được xây dựng trên cơ sở Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và phát huy các ưu điểm, tiếp thu những nội dung hợp lý, khắc phục những nhược điểm của các quy chế làm việc các khóa trước, nhằm

hình thành các quy định, chế độ làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa IX, bảo đảm thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt cơ quan lãnh đạo của Đảng ở cấp Trung ương, nâng cao hiệu quả lãnh đạo và góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Chúng ta đều biết, muốn hoàn thành nhiệm vụ và có căn cứ để kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ Đảng giao thì trách nhiệm, quyền hạn của mỗi tổ chức và cá nhân phải rõ ràng. Tiếp thu kinh nghiệm các khóa trước và từ tình hình thực tiễn hoạt động của cơ quan lãnh đạo Đảng ở cấp Trung ương, Hội nghị Trung ương lần này đã cụ thể hóa các điều 16 và 17 trong Điều lệ Đảng về trách nhiệm, quyền hạn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tổng Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Thường trực Ban Bí thư và các đồng chí Ủy viên Trung ương. Được sự tín nhiệm của Đảng và nhân dân, chúng ta có *trách nhiệm rất cơ bản* là phải kiên định Cương lĩnh, đường lối của Đảng, Hiến pháp và luật pháp Nhà nước, kiên định phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Do đó, mỗi đồng chí Ủy viên Trung ương với trách nhiệm được quy định trong Điều lệ Đảng phải cố gắng hết sức mình tham gia vào sự lãnh đạo tập thể của Ban Chấp hành Trung ương, thực hiện tốt nhất nhiệm vụ được giao, gương mẫu thực hiện và đấu tranh bảo vệ Cương lĩnh, đường lối của Đảng, thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước. Đồng thời Quy chế cũng đề cập trách nhiệm của Ủy viên Trung ương trong việc giữ gìn đoàn kết, nếp sống trong sạch, lành mạnh, xây dựng gia đình văn hóa, không để vợ (hoặc

chồng), con lợi dụng làm những điều trái quy định của Đảng, luật pháp và chính sách của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng; phải chịu trách nhiệm về tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu xảy ra ở cấp dưới trực tiếp và ở đơn vị và địa bàn được phân công phụ trách. Quy định đó hết sức cần thiết, vì khi chúng ta cho rằng mỗi đảng viên phải là một tấm gương trong xã hội thì các đồng chí Ủy viên Trung ương trước hết phải trở thành tấm gương, tấm gương về cuộc sống cá nhân, tấm gương của gia đình mình, tấm gương trong hiệu quả lãnh đạo đơn vị, địa phương mình. Quy định như thế là phù hợp với tình hình hiện nay và đáp ứng đòi hỏi cấp bách của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đáp ứng lòng mong muốn của cán bộ, đảng viên và của nhân dân. Nêu gương còn là một phương thức lãnh đạo có hiệu quả. Một khi mỗi đồng chí Ủy viên Trung ương đều có nếp sống trong sạch, gia đình gương mẫu và là trung tâm của sự đoàn kết thì đó sẽ là cơ sở rất quan trọng xây dựng sự đoàn kết và thúc đẩy cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí trong đơn vị mình. Nếu mỗi đồng chí chúng ta đều làm được như thế thì sẽ góp phần giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, trong xã hội và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí có hiệu quả, đáp ứng những đòi hỏi rất bức xúc của toàn Đảng và xã hội.

Quy chế được thông qua lần này đã quy định cụ thể hơn chế độ đi công tác cơ sở, lắng nghe ý kiến cán bộ, đảng viên và nhân dân, trực tiếp tham gia tổng kết thực tiễn của các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương, bao gồm cả Tổng Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị và Ủy viên Ban Bí thư. Sự nghiệp đổi mới có rất nhiều vấn đề mới đặt ra và chúng ta chỉ có thể xử lý đúng đắn trên cơ sở nắm vững các nguyên tắc,

đồng thời phải xuất phát từ thực tiễn đất nước. Do đó, thực hiện đúng đắn quy chế đi công tác cơ sở, nghiên cứu và tổng kết thực tiễn đối với các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng sẽ tạo điều kiện để Ban Chấp hành Trung ương có những quyết định sát với thực tiễn, sát với cuộc sống hơn, khắc phục bệnh quan liêu, phô trương, hình thức đang diễn ra khá phổ biến. Đồng thời Quy chế nhấn mạnh một số quy định như tranh luận thẳng thắn về các vấn đề còn có ý kiến khác nhau, thực hiện chế độ phê bình và chất vấn theo Điều lệ Đảng để bảo đảm sinh hoạt dân chủ trong Ban Chấp hành Trung ương. Dân chủ và kỷ cương, nêu cao tinh thần hết lòng vì sự nghiệp vẻ vang của Đảng và phục vụ nhân dân, xây dựng tác phong sâu sát cuộc sống, gần gũi nhân dân theo phong cách Hồ Chí Minh là tinh thần toát lên trong chế độ làm việc và phương pháp công tác của bản Quy chế vừa được thông qua.

Hội nghị đã thông qua Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương. Chương trình làm việc thể hiện quyết tâm của Trung ương tập trung bàn và ra nghị quyết về những vấn đề lớn, những vấn đề có tính đột phá nhằm cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, theo tinh thần kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, công tác xây dựng Đảng là then chốt, đưa nghị quyết vào cuộc sống một cách thiết thực, cơ bản và vững chắc. Các hội nghị Trung ương khóa này không chỉ ra các nghị quyết mới mà còn đặc biệt coi trọng việc kiểm điểm, tổng kết các nghị quyết đã có, tăng cường kiểm tra việc tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng. Tuy nhiên, trong thực tế có thể có những vấn đề mới nảy sinh mà ta chưa lường trước được; do đó trên cơ sở Chương trình toàn khóa đã

thông qua, Trung ương cho phép khi có những vấn đề mới, quan trọng mà Trung ương cần thảo luận và quyết định, Bộ Chính trị sẽ xin ý kiến Trung ương để điều chỉnh, bổ sung Chương trình.

Trung ương cũng đã thông qua Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, cơ quan kiểm tra chuyên trách của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, xác định nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của tập thể và của từng thành viên, không ngừng nâng cao phẩm chất và năng lực cán bộ, phối hợp chặt chẽ với các cấp ủy đảng, các ban đảng, các cơ quan nhà nước và đoàn thể nhân dân để giúp Trung ương thực hiện tốt các nhiệm vụ kiểm tra và giữ gìn kỷ luật Đảng.

Thông qua Quy chế làm việc và Chương trình toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương, Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, là một việc quan trọng trong tổ chức và lề lối làm việc của Trung ương. Những quy định có tính nguyên tắc về trách nhiệm, quyền hạn và chế độ làm việc nêu trong Quy chế đòi hỏi tất cả chúng ta phải nghiêm túc chấp hành, về phần mình, tôi xin hứa với Ban Chấp hành Trung ương sẽ nghiêm chỉnh thực hiện những quy định về trách nhiệm, quyền hạn của Tổng Bí thư, và cùng Bộ Chính trị, Ban Bí thư đôn đốc việc thực hiện nghiêm các Quy chế và Chương trình làm việc, nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, thực hiện đúng Điều lệ Đảng và luật pháp của Nhà nước.

Thưa các đồng chí,

Tại Hội nghị, Trung ương đã dành phần lớn thời gian để

thảo luận và thông qua Nghị quyết "Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước". Đây là vấn đề rất lớn, rất cơ bản trong đường lối kinh tế của Đảng. Tổng kết 15 năm đổi mới và xác định phương hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới, Đại hội lần thứ IX của Đảng đã khẳng định: "Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc", "kinh tế nhà nước phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, là lực lượng vật chất quan trọng và là công cụ để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Doanh nghiệp nhà nước giữ vị trí then chốt; đi đầu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; nêu gương về năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội và chấp hành pháp luật". Hội nghị Trung ương lần này bàn và ra nghị quyết để thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng, bảo đảm doanh nghiệp nhà nước có vị trí then chốt góp phần chủ yếu để kinh tế nhà nước làm tốt vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm nâng cao hiệu quả, đủ sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trên cơ sở đề án và tờ trình của Bộ Chính trị, Trung ương đã tập trung thảo luận về đánh giá hoạt động của doanh nghiệp nhà nước trong những năm đổi mới, xác định quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

Bộ Chính trị đã trình bày ý kiến tiếp thu những vấn đề các đồng chí thảo luận và Trung ương đã biểu quyết thông qua. Tôi chỉ nhấn mạnh một số vấn đề mà Hội nghị Trung ương đã thảo luận.

Trong quá trình đổi mới, Đảng ta chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần để góp phần phát huy sức mạnh của toàn dân tộc phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đó là chính sách nhất quán, lâu dài trong cả thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Để thực hiện có hiệu quả chính sách đó, Trung ương có trách nhiệm xây dựng phương hướng, nội dung, giải pháp cụ thể của từng thành phần kinh tế theo tinh thần Nghị quyết của Đại hội Đảng. Trung ương bàn việc tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước là để góp phần bảo đảm cho kinh tế nhà nước giữ vững vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, một vấn đề rất lớn và cơ bản trong chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, chứ không hề coi nhẹ việc phát triển các thành phần kinh tế khác. Chúng ta đã có nhiều chủ trương tạo thuận lợi hơn cho các loại hình doanh nghiệp ra đời và phát triển trong khuôn khổ luật pháp, giúp các doanh nghiệp có thêm điều kiện tiếp cận thị trường trong nước và thế giới, chuẩn bị cho việc thực hiện các cam kết trong quá trình chủ động hội nhập có hiệu quả kinh tế quốc tế. Sắp tới chúng ta sẽ tiếp tục xây dựng các chính sách nhằm phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế theo đường lối của Đảng.

Việc sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước là việc mà Ban Chấp hành Trung ương

nhiều khóa đã quan tâm, được tiến hành ngay từ thời kỳ đổi mới và nhất là trong 10 năm qua. Đánh giá những việc làm được cũng như những việc chưa làm được còn có những ý kiến khác nhau nhưng chủ yếu là khác nhau về mức độ vì trong thực tế còn có những yếu tố chưa được xem xét đầy đủ; tuy nhiên khi đánh giá cần dựa trên quan điểm lịch sử, xét tới bối cảnh thế giới, trong nước hơn 10 năm qua và hiệu quả kinh tế, chính trị, xã hội để nhìn nhận đúng mức vai trò và sự đóng góp của doanh nghiệp nhà nước trong thời kỳ đổi mới. Trong thời gian qua, chúng ta đã hình thành được khung pháp lý tương đối cơ bản để chuyển doanh nghiệp nhà nước sang kinh doanh theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, xác lập dần quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh, xóa dần bao cấp; bảo đảm các chính sách xã hội trong quá trình sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Nhiều doanh nghiệp nhà nước đã đứng vững trước những thử thách to lớn, từng bước được sắp xếp, đổi mới, phát triển và thích ứng ngày càng tốt hơn trong quá trình chuyển sang cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; số doanh nghiệp làm ăn có lãi, có tích lũy tăng lên; nhìn chung đã có chuyển biến tích cực cả về vai trò, cơ cấu, năng lực và hiệu quả. Đồng thời Trung ương cũng đã chỉ ra những mặt tồn tại như môi trường pháp lý chưa hoàn thiện, các yếu tố của thị trường hình thành chưa đồng bộ, cơ chế quản lý vĩ mô còn những điểm chưa phù hợp; doanh nghiệp nhà nước chưa thực sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm đầy đủ, thực hiện hạch toán kinh doanh, chưa xử lý tốt mối quan hệ về lợi ích của doanh nghiệp, chưa tạo được động lực mạnh mẽ và xác định được

trách nhiệm rõ ràng để doanh nghiệp nhà nước hoạt động năng động, có hiệu quả ngày càng cao; hiệu quả hoạt động còn thấp, chưa tương xứng với nguồn lực đã có và sự đầu tư của nhà nước; còn nhiều doanh nghiệp nhà nước thua lỗ, công nợ nặng nề; phần lớn công nghệ lạc hậu; lao động dôi dư còn nhiều; vai trò lãnh đạo của Đảng chưa ngang tầm và còn yếu kém. Sự yếu kém của không ít doanh nghiệp nhà nước do nhiều nguyên nhân, có cả nguyên nhân chủ quan và khách quan; nhận rõ những yếu kém là để quyết tâm sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước. Chúng ta không thể chấp nhận quan niệm coi doanh nghiệp nhà nước thì "tất yếu dẫn tới kém hiệu quả" như có một số ý kiến nêu lên ở nơi này, nơi khác. Những ý kiến như thế xuất phát từ định kiến, thiếu khách quan, sẽ dẫn tới hạ thấp vai trò doanh nghiệp nhà nước, không quan tâm tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước.

Như đã trình bày trên đây, việc tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước là vấn đề kinh tế nhưng có ý nghĩa chính trị rất lớn. Nghị quyết có nhiều nội dung đề cập các vấn đề sắp xếp, hoàn thiện hơn nữa tổ chức và quản lý, xác định những việc cần phải làm để tạo động lực mới cho các doanh nghiệp nhà nước, đẩy mạnh thực hiện cổ phần hóa, coi đây là một khâu quan trọng để tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước. Mỗi nội dung đều cụ thể hóa các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ đã ghi trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng; nhưng vì là vấn đề lớn về chính trị cho nên nghị quyết đã nêu những

quan điểm chỉ đạo. Các quan điểm chỉ đạo đó phải được quán triệt trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể. Trung ương khẳng định tư tưởng của Nghị quyết Đại hội IX, xác định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, xác định doanh nghiệp nhà nước là lực lượng nòng cốt của kinh tế nhà nước, giữ vị trí then chốt trong nền kinh tế, là công cụ vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Kinh tế nhà nước, doanh nghiệp nhà nước có vai trò quyết định trong việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển và ổn định chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước. Vì vậy, doanh nghiệp nhà nước phải không ngừng được sắp xếp, đổi mới, phát triển, có trình độ công nghệ và quản lý tiên tiến, không ngừng nâng cao hiệu quả. Trên cơ sở các quan điểm đó mà thực hiện việc điều chỉnh cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, chuyển các doanh nghiệp nhà nước sang thực sự kinh doanh theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, cạnh tranh và hợp tác với các doanh nghiệp của các thành phần kinh tế khác.

Đã là doanh nghiệp phải tính hiệu quả kinh doanh. Việc sắp xếp, đổi mới, phát triển các doanh nghiệp nhà nước đều hướng tới nâng cao hiệu quả, vì có hiệu quả mới có thể nêu gương, hướng dẫn và góp phần tăng tiềm lực kinh tế nhà nước để giữ vững vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần. Mặt khác, một nền kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa phải được xem xét đến hiệu quả kinh tế - xã hội tổng thể hướng tới mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Do đó có nhiều việc làm mới mẻ, phải rất coi trọng tổng kết thực tiễn và tham khảo kinh nghiệm nước ngoài, nhưng vì bản chất

mỗi chế độ xã hội khác nhau và trình độ của lực lượng sản xuất khác nhau cho nên có mục tiêu, phương hướng, giải pháp khác nhau, không thể sao chép máy móc, dập khuôn, đồng thời cũng không thể đòi hỏi phải giải quyết sáng tỏ ngay vấn đề một cách duy ý chí.

Sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước là vấn đề rất hệ trọng trong đường lối phát triển kinh tế, đồng thời, rất nhạy cảm về chính trị, liên quan tới sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Quá trình thực hiện có nhiều vấn đề mới đặt ra. Do đó vừa phải tiến hành đồng bộ, khẩn trương nhưng phải vững chắc, có chương trình, kế hoạch cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm, bước đi phù hợp, vừa làm vừa tìm tòi, rút kinh nghiệm, bảo đảm ổn định và phát triển. Việc gì đã rõ, đã có nghị quyết thì phải triển khai thực hiện kiên quyết, khẩn trương. Vấn đề gì chưa đủ rõ thì phải tiếp tục nghiên cứu; tổ chức làm thí điểm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm để có bước đi thích hợp, vừa tích cực vừa vững chắc, phù hợp với luật pháp. Đó là tinh thần của các giải pháp trong Nghị quyết. Vì là việc rất hệ trọng cho nên các cấp ủy đảng phải tăng cường kiểm tra việc tổ chức thực hiện, kịp thời phát huy ưu điểm, uốn nắn các lệch lạc. Cùng với các quá trình trên phải nhanh chóng tổng kết kinh nghiệm xây dựng mô hình tổ chức đảng, tổ chức công đoàn và các đoàn thể chính trị trong các loại hình doanh nghiệp nhà nước. Đặc biệt coi trọng việc bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp giỏi, có phẩm chất và năng lực, nghiệp vụ vững vàng; đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân có tay nghề cao; chú trọng chăm sóc đời sống công nhân và phát huy quyền làm chủ của công nhân

trong các doanh nghiệp. Trong quá trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, các cấp ủy đảng phải hết sức quan tâm giải quyết tốt các vấn đề xã hội đặt ra, không để khó khăn cho người lao động và doanh nghiệp.

Thưa các đồng chí,

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu lý tưởng của Đảng ta. Mục tiêu đó không chỉ thể hiện trong phương hướng cơ bản mà còn thể hiện trong những chủ trương, việc làm cụ thể. Đại hội IX của Đảng đã thông qua kế hoạch 5 năm, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển và trong 20 năm về cơ bản đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong những năm đầu của thế kỷ XXI đã được Đại hội xác định. Ban Chấp hành Trung ương được Đại hội tín nhiệm bầu ra, có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt nhất nghị quyết Đại hội; trên cơ sở thống nhất nhận thức để đi đến hành động thống nhất, lời nói đi đôi với việc làm, kết hợp thực hiện những nhiệm vụ cơ bản lâu dài với những việc cụ thể, trước mắt, giành thắng lợi trong từng năm theo mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội đề ra. Từ nay đến cuối năm, phải tập trung sức thực hiện tốt nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2001, năm mở đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng, vì bên cạnh những thuận lợi đang có không ít khó khăn và nhiều vấn đề mới phải giải quyết, đồng thời cần theo dõi chặt chẽ, quan tâm việc phòng và chống thiên tai. Triển khai ngay việc thực hiện

chỉ thị của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn liền với cải cách hành chính nhà nước, triển khai và thực hiện đồng bộ các giải pháp chống tham nhũng đã quyết định trong Nghị quyết Đại hội IX, trước mắt xử lý những vụ tham nhũng đang nổi lên với tinh thần thẳng thắn, công minh, để người có khuyết điểm phải được phê bình, chịu kỷ luật, người có tội phải bị xử tội, bất kể họ là ai; giải quyết những bức xúc về các tệ nạn xã hội, các sản phẩm văn hóa đồi trụy đang lan tràn ngoài xã hội... Đó là những việc trước mắt cần thực hiện tốt. Kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện, nạn tham nhũng và các tệ nạn xã hội được đẩy lùi một bước... sẽ tạo đà phấn khởi trong xã hội, thể hiện trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương đối với toàn Đảng và toàn xã hội.

Với tinh thần phấn khởi, tin tưởng, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX.

Xin chúc các đồng chí sức khỏe.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ

Số 20-TB/TW, ngày 18 tháng 8 năm 2001

Về đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)

Trong phiên họp ngày 10-8-2001, sau khi nghe đại diện Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về việc chuẩn bị tiếp tục đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) (Tờ trình số 55/BCS, ngày 5-7-2001) và ý kiến của đại diện một số bộ, ban, ngành có liên quan, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã có ý kiến như sau:

1. Thực hiện đường lối đối ngoại và chủ trương hội nhập kinh tế thế giới trong các văn kiện Đại hội lần thứ VII, VIII của Đảng, Bộ Chính trị khóa VIII đã cho phép tiến hành đàm phán, đồng thời cho các ý kiến chỉ đạo trong quá trình đàm phán và chuẩn bị gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới WTO (Thông báo số 92-TB/TW, ngày 10-10-1997). Đại hội IX của Đảng tiếp tục khẳng định đường lối "Phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững". Trên những cơ sở đó, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (khóa IX) đồng ý đi vào đàm phán thực chất về việc gia nhập Tổ chức

Thương mại thế giới (WTO) và khẳng định các ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị khóa VIII về quá trình đàm phán và chuẩn bị gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) vẫn còn nguyên giá trị, cần phải được tiếp tục quán triệt thực hiện.

2. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đồng ý với mục tiêu, phương châm cơ bản trong các vòng đàm phán sắp tới và dự kiến thời điểm gia nhập WTO nêu trong tờ trình của Ban Cán sự Đảng Chính phủ, đồng thời lưu ý và nhấn mạnh thêm một số điểm sau:

- Về mục tiêu, nguyên tắc, phương châm đàm phán cần tiếp tục quán triệt thực hiện các ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị khóa VIII như:

+ Về mục tiêu: phải khai thác tốt các nguồn lực bên ngoài, các điều kiện quốc tế thuận lợi để phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế đất nước.

+ Về nguyên tắc, phương châm: phải bảo đảm tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; chủ động, đi từng bước vững chắc, kiên trì, khôn khéo, xác định đúng yêu cầu và mục tiêu của từng vòng đàm phán, bảo đảm lợi ích của đất nước trong quá trình hội nhập; tranh thủ được sự ủng hộ của các nước, khai thác được những nguyên tắc của Tổ chức Thương mại thế giới về "quyền được khước từ và tự vệ trong trường hợp khẩn cấp và điều kiện đặc biệt dành cho nước đang phát triển" phù hợp với Việt Nam là nước đang phát triển ở trình độ thấp; phối hợp chặt chẽ cuộc đàm phán về việc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) với các nước đàm phán kinh tế thương mại song phương và đa phương khác (như đàm phán Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, đàm phán tham gia AFTA, APEC, ASEM...).

- Thời điểm dự kiến gia nhập WTO như đề nghị (năm 2004 - 2005) là mốc để phấn đấu thực hiện và cơ sở để xây dựng kế hoạch đàm phán. Tuy nhiên không nóng vội, không vì sự thúc ép về thời gian mà nhân nhượng nhiều về mức độ và thời gian thực hiện các cam kết gây bất lợi cho ta. Vấn đề nào có lợi thì cam kết thực hiện sớm, vấn đề nào bất lợi thì kiên trì đàm phán thêm để bảo đảm lợi ích của ta.

3. Về các phương án đàm phán.

- Đối với thương mại hàng hóa: đồng ý đàm phán theo phương án 2, song cần lưu ý:

+ Xem xét, cân nhắc thêm về mức thuế suất bình quân của hàng nông nghiệp trong tương quan với mức thuế suất bình quân hàng công nghiệp để nâng mức bảo hộ cho nông nghiệp.

+ Trong quá trình đàm phán, cần phải đưa ra đàm phán các phương án thuế suất cao hơn phương án sàn với mức đủ bảo đảm an toàn cho nền kinh tế.

- Đối với thương mại dịch vụ: đồng ý đàm phán theo phương án 2, song cần hết sức chú ý tới việc bảo vệ lợi ích quốc gia, nhất là về an ninh chính trị về kinh tế trong các ngành dịch vụ quan trọng, có tính nhạy cảm cao như bưu chính viễn thông, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm.

- Đối với thương mại gắn với đầu tư và quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại: đồng ý với các phương án đàm phán nêu trong tờ trình của Ban Cán sự Đảng Chính phủ. Song lưu ý trong các phương án đàm phán cần làm rõ hơn hệ quả tới nền kinh tế nước ta khi thực hiện các cam kết, nhất là đối với việc thực hiện quyền sở hữu trí tuệ.

4. Đồng ý với phương cách đàm phán như Ban Cán sự Đảng Chính phủ đề xuất trong tờ trình. Cần tích cực, khẩn

trương làm tốt công tác chuẩn bị để đi vào đàm phán vào cuối quý II, đầu quý III năm 2001.

5. Cùng với việc chuẩn bị đàm phán, vấn đề lớn và quan trọng nhất là tất cả các ngành, các cấp, các doanh nghiệp, toàn xã hội phải khẩn trương, tích cực chuẩn bị cho việc gia nhập WTO. Cần khẩn trương xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tổ chức lại sản xuất, đổi mới công nghệ và quản lý, đào tạo cán bộ, phát huy nội lực và khả năng cạnh tranh của mỗi doanh nghiệp và của nền kinh tế; rà soát, điều chỉnh, bổ sung luật pháp, các chính sách thuế, chính sách kinh tế, thương mại cho phù hợp với yêu cầu gia nhập WTO và trình độ phát triển của đất nước.

6. Chính phủ chỉ đạo chặt chẽ quá trình đàm phán và chuẩn bị gia nhập WTO, báo cáo Bộ Chính trị những vấn đề quan trọng nảy sinh trong quá trình thực hiện.

7. Giao đồng chí Vũ Khoan, Bí thư Trung ương Đảng phối hợp với đồng chí Nguyễn Mạnh Cầm, Phó Thủ tướng chỉ đạo Ủy ban hợp tác kinh tế quốc tế phối hợp hoạt động của các bộ, ngành chuẩn bị cho quá trình đàm phán nói riêng và cho việc gia nhập WTO nói chung.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 21-TB/TW, ngày 5 tháng 9 năm 2001

Về kế hoạch tổng kết nhiệm kỳ Quốc hội khóa X; việc rút ngắn nhiệm kỳ Quốc hội khóa X và nhiệm kỳ hội đồng nhân dân; việc chuẩn bị Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa X

Tại phiên họp ngày 31-8-2001, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo về kế hoạch tổng kết nhiệm kỳ Quốc hội khóa X; việc rút ngắn nhiệm kỳ Quốc hội khóa X và nhiệm kỳ hội đồng nhân dân; việc chuẩn bị Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa X, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Về kế hoạch tổng kết nhiệm kỳ Quốc hội khóa X

Đồng ý với ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội về những nội dung, yêu cầu cơ bản của việc tổng kết nhiệm kỳ Quốc hội khóa X như đã nêu tại Tờ trình số 275/ĐĐQH, ngày 20-8-2001.

Trong tổng kết cần tập trung phân tích, đánh giá đúng tình hình, kết quả hoạt động cả nhiệm kỳ, nêu rõ những ưu điểm, hạn chế, thiếu sót, xác định đúng nguyên nhân và những bài học kinh nghiệm, qua đó nêu ra những kiến nghị cụ thể nhằm tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Quốc hội nhiệm kỳ mới.

2. Việc rút ngắn nhiệm kỳ Quốc hội khóa X, nhiệm kỳ hội đồng nhân dân và thời gian bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI, bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân khóa mới

Để cuộc bầu cử Quốc hội khóa XI được tiến hành vào thời điểm thuận lợi, có thể đề nghị Quốc hội rút ngắn nhiệm kỳ của Quốc hội khóa X từ 2 đến 3 tháng và tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI vào tháng 4 hoặc tháng 5-2002; kỳ họp cuối cùng của nhiệm kỳ Quốc hội khóa X (kỳ họp thứ 11) có thể tiến hành vào cuối tháng 2, đầu tháng 3-2002 sau Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX).

Không tiến hành bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân khóa mới vào cùng thời điểm bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI. Do đó, chưa nên đưa ra Quốc hội xem xét việc rút ngắn nhiệm kỳ hội đồng nhân dân.

3. Về việc chuẩn bị Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa X

Cơ bản đồng ý với dự kiến của Đảng đoàn Quốc hội về nội dung và thời gian tiến hành kỳ họp (Tờ trình số 275/ĐĐQH, ngày 20-8-2001).

Không đưa vào chương trình của kỳ họp phần báo cáo về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010); và chưa trình Quốc hội xem xét, thông qua Luật tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân (sửa đổi), Luật bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân (sửa đổi) tại kỳ họp này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 10-QĐ/TW, ngày 25 tháng 9 năm 2001

Về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII của Điều lệ Đảng (kèm hướng dẫn)*

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa IX; Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa IX;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng".

---

* Đầu đề do chúng tôi đặt (*B.T*).

Điều 2. Các cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp, các tổ chức đảng và đảng viên có trách nhiệm thực hiện đúng Hướng dẫn này; nếu có những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi thì báo cáo Ban Bí thư (qua Ủy ban Kiểm tra Trung ương).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hướng dẫn kèm theo Quyết định này thay thế Hướng dẫn ban hành kèm theo Thông tri số 19-TT/KT, ngày 26-11-1996 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương (khoá VIII).

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ HỒNG ANH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

HƯỚNG DẪN
THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA VÀ KỶ LUẬT CỦA ĐẢNG TRONG CHƯƠNG VII VÀ CHƯƠNG VIII ĐIỀU LỆ ĐẢNG

(Kèm theo Quyết định số 10-QĐ/TW, ngày 25-9-2001 của Ban Bí thư Trung ương Đảng)

Phần thứ nhất

CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA ĐẢNG VÀ ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

I- CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG

Điều 30.

1. Kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra. Tổ chức đảng và đảng viên chịu sự kiểm tra của Đảng

1.1. Kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng. "Lãnh đạo mà không kiểm tra thì coi như không có lãnh đạo" (*Văn kiện Đại hội V*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1982, tập III, trang 123).

1.2. Các tổ chức đảng vừa là chủ thể, vừa là đối tượng kiểm tra, gồm có: chi bộ (chi bộ cơ sở, chi bộ trong đảng bộ cơ sở, chi bộ trong đảng bộ bộ phận), đảng ủy bộ phận, đảng ủy cơ sở; cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp, ủy ban kiểm tra, các ban đảng, văn phòng cấp ủy; Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn.

2. Các cấp ủy đảng lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng

2.1. Công tác kiểm tra của cấp ủy tỉnh, thành phố, huyện, quận và tương đương

a) Lãnh đạo công tác kiểm tra

Cấp ủy, trước hết là ban thường vụ cấp ủy xây dựng và chỉ đạo các cấp ủy thuộc phạm vi quản lý của cấp mình xây dựng phương hướng nhiệm vụ công tác kiểm tra trong từng thời gian; chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc cấp ủy cấp dưới thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra.

Triển khai, quán triệt các quy định của Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cấp trên và cấp mình về công tác kiểm tra đối với các tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi quản lý của cấp mình.

Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các quy định về sự phối hợp giữa các ban đảng, các ban đảng với Ban Cán sự Đảng của cơ quan thanh tra, cơ quan pháp luật để làm tốt công tác kiểm tra.

Định kỳ nghe báo cáo và cho ý kiến chỉ đạo về việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo quy chế làm việc; giải quyết những kiến nghị của các tổ chức đảng cấp dưới và định kỳ sơ kết, tổng kết về công tác kiểm tra.

Lãnh đạo, chỉ đạo về tổ chức và hoạt động của ủy ban kiểm tra; xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kiểm tra.

b) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra

Cấp ủy xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra, trong đó, xác định rõ nội dung, đối tượng, thời gian,

phương pháp tiến hành, tổ chức lực lượng, phân công cụ thể từng cấp ủy viên và các ban, Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn của cấp mình tiến hành kiểm tra.

- *Nội dung kiểm tra:* kiểm tra việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng; nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cấp trên và của cấp ủy cấp mình; các nguyên tắc tổ chức của Đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; giữ gìn đoàn kết nội bộ, giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của đảng viên; chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chính trị và tình hình thực tế ở đảng bộ mà cấp ủy chọn nội dung kiểm tra cho phù hợp.

- *Đối tượng kiểm tra:* kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi quản lý của cấp mình, trước hết là tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp và cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp mình quản lý, cán bộ giữ các cương vị chủ chốt hoặc được giao các nhiệm vụ quan trọng và tập trung kiểm tra các tổ chức đảng ở những địa bàn trọng điểm, trọng yếu, dễ phát sinh vi phạm.

- *Cách tiến hành:*

+ Xây dựng kế hoạch theo chương trình công tác kiểm tra hằng năm, sáu tháng,... (xác định rõ nội dung, đối tượng, trọng tâm, trọng điểm, hình thức, thời gian, thời điểm kiểm tra,...).

+ Trực tiếp tiến hành kiểm tra ở một số lĩnh vực quan trọng, địa bàn trọng điểm; huy động lực lượng các ban của cấp ủy, Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn của các ngành có liên quan tham gia (lập tổ hoặc đoàn kiểm tra). Đồng chí cấp ủy viên được phân công chủ trì chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện và báo cáo

cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy xem xét, kết luận các cuộc kiểm tra.

+ Giao các ban của cấp ủy, Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn (trực thuộc) chủ trì thực hiện một số cuộc kiểm tra theo chức trách, nhiệm vụ của các tổ chức đảng.

+ Các thành viên của cấp ủy xây dựng kế hoạch kiểm tra về các nội dung thuộc nhiệm vụ được cấp ủy phân công phụ trách, đề xuất kiểm tra chuyên sâu một số vấn đề đối với các tổ chức đảng cấp dưới.

+ Cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy trực tiếp kết luận các cuộc kiểm tra do cấp ủy chủ trì.

Qua kiểm tra, cấp ủy nhận xét, đánh giá, kết luận về ưu điểm, khuyết điểm, vi phạm (nếu có) và nguyên nhân; rút ra những kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; bổ sung, sửa đổi những vấn đề cần thiết; phát hiện những nhân tố mới, biểu dương, khen thưởng những tổ chức đảng và đảng viên chấp hành tốt; phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm; phê bình tổ chức đảng và đảng viên có khuyết điểm; kịp thời xem xét, kết luận, xử lý kỷ luật hoặc đề nghị cấp trên xem xét, xử lý kỷ luật theo thẩm quyền những trường hợp vi phạm đến mức phải xử lý. Những trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì chuyển cơ quan pháp luật có thẩm quyền xem xét, xử lý.

2.2. Công tác kiểm tra của các tổ chức đảng ở cơ sở

- *Đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy cơ sở* có nhiệm vụ lãnh đạo công tác kiểm tra như đã nêu ở điểm a, mục 2.1 và tổ chức tiến hành kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi quản lý của cấp mình trong việc chấp hành Điều lệ Đảng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng, nghị quyết, chỉ thị

của cấp ủy cấp trên và của cấp mình; việc giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên. Tập trung kiểm tra những tổ chức đảng và đảng viên được giao những nhiệm vụ quan trọng liên quan trực tiếp đến phát huy dân chủ ở cơ sở, phát triển kinh tế, thực hiện chính sách xã hội, chăm lo đời sống, giải quyết việc làm cho nhân dân; chống lãng phí, tham nhũng và các tiêu cực khác. Coi trọng kiểm tra việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, tự phê bình và phê bình, giữ gìn đoàn kết, thống nhất nội bộ, giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của đảng viên.

Cách tiến hành kiểm tra của đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy cơ sở thực hiện như trình bày ở điểm b, mục 2.1, song cần chú ý: qua hội ý, nắm tình hình giữa ban thường vụ đảng ủy với các chi ủy, với chính quyền, các ban, ngành và các đoàn thể; qua sinh hoạt thường kỳ của đảng ủy và ban thường vụ đảng ủy; qua sơ kết, tổng kết công tác lãnh đạo và kiểm tra, công tác chuyên môn,... mà đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy tự kiểm tra mình và kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi quản lý của mình. Cùng với việc kiểm tra thường xuyên, đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy cơ sở có chương trình, kế hoạch định kỳ kiểm tra (ba tháng, sáu tháng, theo thời vụ hoặc chu kỳ sản xuất,...) đối với các tổ chức đảng và đảng viên. Qua kiểm tra, phát huy ưu điểm, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm và kịp thời xử lý vi phạm (nếu có).

- *Đảng ủy bộ phận* xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ của mình và do đảng ủy cơ sở giao.

- *Chi ủy, chi bộ (bao gồm chi ủy, chi bộ cơ sở; chi ủy, chi bộ trong đảng bộ cơ sở và chi ủy, chi bộ trong đảng bộ bộ phận)* có nhiệm vụ kiểm tra mọi đảng viên sinh hoạt trong chi bộ. Nội dung kiểm tra như nội dung kiểm tra của đảng ủy cơ sở. Nhưng ở chi bộ, tập trung kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của chi bộ, thực hiện nhiệm vụ do chi bộ phân công và theo tiêu chuẩn đảng viên.

Chi ủy, chi bộ kiểm tra đảng viên thông qua sinh hoạt thường kỳ (kiểm điểm công tác lãnh đạo, tự phê bình và phê bình, học tập nghị quyết...); phân tích chất lượng đảng viên; nhận xét, đánh giá, phản ảnh của các tổ chức đoàn thể và nhân dân đối với tổ chức đảng và đảng viên; nghiên cứu, khảo sát nắm tình hình theo yêu cầu của cấp ủy; sơ kết, tổng kết công tác, sản xuất, kinh doanh,... của đơn vị và thông báo của tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên để đánh giá đúng mặt mạnh, mặt yếu của đảng viên, kịp thời phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, chủ động phòng ngừa và phát hiện dấu hiệu vi phạm của đảng viên.

Chi ủy, chi bộ có kế hoạch kiểm tra chấp hành đối với đảng viên trong việc quán triệt và thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhất là đối với những đảng viên được giao các nhiệm vụ quan trọng. Qua đó, giúp đảng viên nhận thức rõ nhiệm vụ; đôn đốc và tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành nhiệm vụ. Khi đảng viên có dấu hiệu vi phạm hoặc bị tố cáo, chi ủy, chi bộ kịp thời xem xét hoặc báo cáo tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Nếu đảng viên vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật, chi bộ quyết định hoặc đề nghị cấp trên quyết định thi hành kỷ luật theo thẩm quyền.

2.3. Công tác kiểm tra của các ban của cấp ủy, Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn

- Công tác kiểm tra của các ban của cấp ủy.

Các ban của cấp ủy tham gia các cuộc kiểm tra của cấp ủy hoặc chủ trì kiểm tra khi được cấp ủy giao; xây dựng chương trình, kế hoạch và chủ động tiến hành kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới; giúp cấp ủy theo dõi, đôn đốc tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra chấp hành nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước; tham gia ý kiến và giúp cấp ủy kết luận các nội dung kiểm tra thuộc lĩnh vực được giao.

+ *Nội dung kiểm tra:* những nội dung liên quan đến chức trách, nhiệm vụ, lĩnh vực công tác của ban mình và những nội dung do cấp ủy giao.

+ *Đối tượng kiểm tra:* các cấp ủy cấp dưới, trước hết là cấp ủy cấp dưới trực tiếp và các ban của cấp ủy cấp dưới trực tiếp thuộc lĩnh vực công tác do ban mình phụ trách và các đối tượng khác do cấp ủy giao.

+ *Cách tiến hành:* sử dụng bộ máy của ban để kiểm tra hoặc phối hợp với ủy ban kiểm tra (dưới sự chủ trì của cấp ủy hoặc theo quy định của cấp ủy về phối hợp kiểm tra) để kiểm tra.

Qua kiểm tra, các ban kết luận về những nội dung được kiểm tra, báo cáo cấp ủy cùng cấp về kết quả kiểm tra và những kiến nghị cần thiết.

- Công tác kiểm tra của các Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn.

Các Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn căn cứ quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc của tỉnh, thành ủy về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và

quy chế làm việc của mình để xác định rõ nội dung, đối tượng và cách tiến hành kiểm tra cho phù hợp với phạm vi lãnh đạo của mình.

2.4. Ủy ban kiểm tra giúp cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy tiến hành công tác kiểm tra theo Điều 30, Điều lệ Đảng; về công tác kiểm tra và việc thi hành kỷ luật đảng. Cụ thể:

- Phối hợp với văn phòng và các ban của cấp ủy giúp cấp ủy tổ chức quán triệt trong đảng bộ về thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra của cấp ủy và của các tổ chức đảng; xây dựng phương hướng nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch kiểm tra của cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy trong từng thời gian; xây dựng quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra; giải quyết tố cáo, khiếu nại, xử lý kỷ luật.

- Tham mưu cho cấp ủy về nội dung, đối tượng, phương pháp, thời gian tiến hành kiểm tra; phân công nhiệm vụ cho các ban của cấp ủy, Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn; tổ chức lực lượng kiểm tra; giải quyết các kiến nghị của các tổ chức đảng cấp dưới về công tác kiểm tra và việc thi hành kỷ luật đảng.

- Hướng dẫn tổ chức đảng cấp dưới, các ban của cấp ủy, Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn trực thuộc và ủy ban kiểm tra cấp dưới về nghiệp vụ công tác kiểm tra.

- Tham gia các cuộc kiểm tra do cấp ủy chủ trì. Khi có yêu cầu, tham gia những cuộc kiểm tra do các ban của cấp ủy, Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn chủ trì. Qua kiểm tra, nếu có trường hợp vi phạm đến mức phải xử lý thì xem xét, quyết định hoặc đề nghị cấp ủy xem xét, quyết định xử lý kỷ luật.

- Cùng với văn phòng và các ban của cấp ủy có liên quan giúp cấp ủy kết luận các cuộc kiểm tra và sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kết luận của cấp ủy sau các cuộc kiểm tra; quản lý hồ sơ các cuộc kiểm tra của cấp ủy.

2.5. Một số lưu ý trong việc thực hiện Điều 30, Điều lệ Đảng

- Khi kiểm tra theo Điều 30, Điều lệ Đảng, cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy phải có kết luận trong trường hợp trực tiếp kiểm tra và cả trường hợp giao cho các tổ chức đảng giúp mình kiểm tra.

- Các ban của cấp ủy, Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn không có thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng, nếu qua kiểm tra phát hiện tổ chức đảng hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm hoặc vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì báo cáo với cấp ủy và thông báo cho ủy ban kiểm tra cùng cấp xem xét, quyết định.

- Theo quy định của Điều lệ Đảng, tổ chức đảng quân sự địa phương và tổ chức đảng công an nhân dân địa phương ở cấp nào thì đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy cấp đó. Do vậy, việc kiểm tra đối với tổ chức đảng quân sự địa phương, tổ chức đảng công an nhân dân địa phương trong việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng (bao gồm cả nghị quyết, chỉ thị của đảng ủy quân sự, đảng ủy công an nhân dân cấp trên) là nhiệm vụ của cấp ủy địa phương, do cấp ủy địa phương chủ động, trực tiếp tiến hành, có sự phối hợp với đảng ủy quân sự cấp trên hoặc với đảng ủy công an nhân dân cấp trên nhưng đều do cấp ủy địa phương chủ trì và kết luận.

II- CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

Điều 31.

1. Ủy ban kiểm tra các cấp do cấp ủy cùng cấp bầu, gồm một số đồng chí trong cấp ủy và một số đồng chí ngoài cấp ủy

1.1. Nguyên tắc tổ chức

- Ủy ban kiểm tra các cấp được lập từ đảng ủy cơ sở trở lên, do hội nghị cấp ủy cùng cấp bầu; bầu ủy viên ủy ban kiểm tra trước, sau đó bầu chủ nhiệm ủy ban kiểm tra trong số ủy viên ủy ban kiểm tra. Phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra do ủy ban kiểm tra bầu trong số ủy viên ủy ban kiểm tra. Việc bầu cử được tiến hành bằng phiếu kín.

- Nhiệm kỳ của ủy ban kiểm tra các cấp theo nhiệm kỳ của cấp ủy cùng cấp. Ủy ban kiểm tra khóa mới điều hành công việc ngay sau khi được bầu; nhận bàn giao từ ủy ban kiểm tra khóa trước.

1.2. Cơ cấu tổ chức và số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra

Ủy ban kiểm tra của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương.

+ Số lượng từ 7 đến 9 ủy viên, trong đó có 2 ủy viên kiêm chức. Riêng Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh có từ 7 đến 11 ủy viên. Trường hợp đặc biệt thì cấp ủy trao đổi với Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương để báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định.

+ Các ủy viên chuyên trách gồm: chủ nhiệm, 2 hoặc 3 phó chủ nhiệm và một số ủy viên. Trong đó, 1 ủy viên ban thường vụ cấp ủy làm chủ nhiệm và 1 cấp ủy viên làm phó chủ nhiệm thường trực.

+ Ủy viên kiêm chức gồm: trưởng ban hoặc phó trưởng ban tổ chức của cấp ủy là cấp ủy viên và chánh thanh tra tỉnh, thành phố.

- Ủy ban kiểm tra của đảng ủy khối cơ quan Trung ương.

+ Số lượng từ 5 đến 9 ủy viên (do đảng ủy khối quyết định), trong đó có từ 1 đến 2 ủy viên chuyên trách.

+ Ủy ban kiểm tra có 1 đến 2 cấp ủy viên, trong đó có 1 ủy viên ban thường vụ cấp ủy làm chủ nhiệm.

+ Ủy viên chuyên trách là chủ nhiệm hoặc phó chủ nhiệm.

+ Ủy viên kiêm chức là cấp ủy viên phụ trách công tác tổ chức, cấp ủy viên phụ trách công tác khác hoặc bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc đảng ủy khối.

- Ủy ban kiểm tra của huyện ủy, quận ủy và cấp ủy tương đương.

+ Số lượng từ 5 đến 7 ủy viên (do huyện ủy, quận ủy và cấp ủy tương đương quyết định), trong đó có 2 ủy viên kiêm chức.

+ Các ủy viên chuyên trách gồm: chủ nhiệm, 1 đến 2 phó chủ nhiệm và ủy viên. Trong đó, 1 ủy viên ban thường vụ cấp ủy làm chủ nhiệm.

+ Ủy viên kiêm chức gồm: trưởng ban hoặc phó trưởng ban tổ chức của cấp ủy là cấp ủy viên và chánh thanh tra huyện, quận.

- *Ủy ban kiểm tra của đảng ủy cơ sở.*

+ Số lượng từ 3 đến 5 ủy viên (do đảng ủy cơ sở quyết định), trong đó 1 cấp ủy viên là phó bí thư hoặc ủy viên ban thường vụ cấp ủy làm chủ nhiệm. Trường hợp không có ban thường vụ thì đồng chí cấp ủy viên làm chủ nhiệm; phó chủ nhiệm là cấp ủy viên hoặc đảng viên.

+ Các ủy viên khác có thể là cấp ủy viên hoặc đảng viên phụ trách công tác đoàn thể, bí thư chi bộ, thanh tra nhân dân.

- *Đảng ủy bộ phận và chi ủy* không lập ủy ban kiểm tra; tập thể cấp ủy thực hiện công tác kiểm tra và phân công 1 cấp ủy viên phụ trách. Ngoài ra, có thể lựa chọn phân công một số đảng viên có điều kiện giúp đồng chí cấp ủy viên phụ trách làm công tác kiểm tra.

- Cơ cấu tổ chức, số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra của các cấp ủy thuộc Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Đảng ủy Đường sắt Việt Nam và Ban Cán sự Đảng Ngoài nước thực hiện theo hướng dẫn riêng.

1.3. Trường hợp có những yêu cầu khác với hướng dẫn nêu tại các mục 1.1 và 1.2, Điều 31, cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy phải báo cáo với cấp ủy cấp trên trực tiếp, khi được sự đồng ý mới tổ chức thực hiện

2. Các thành viên ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y, nếu điều động chủ nhiệm ủy ban kiểm tra sang công tác khác phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý

Ngoài việc thay đổi chủ nhiệm ủy ban kiểm tra như quy định của Điều lệ Đảng, khi thay đổi phó chủ nhiệm hoặc ủy

viên ủy ban kiểm tra (kể cả việc chuẩn bị người thay thế) thì cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy cấp dưới phải trao đổi với ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp trước khi thực hiện.

3. Ủy ban kiểm tra làm việc theo chế độ tập thể, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, kiểm tra của ủy ban kiểm tra cấp trên

- Ủy ban kiểm tra thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Ủy ban có thể ủy quyền cho tập thể thường trực ủy ban (nơi có từ 2 phó chủ nhiệm trở lên) quyết định một số vấn đề cụ thể (theo quy chế làm việc của ủy ban và quy định chế độ làm việc của cơ quan ủy ban kiểm tra). Thường trực ủy ban gồm có chủ nhiệm và các phó chủ nhiệm.

- Ủy ban kiểm tra làm việc dưới sự lãnh đạo của cấp ủy cùng cấp; chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Điều lệ Đảng về chức năng, nhiệm vụ và quyền của ủy ban kiểm tra; định kỳ báo cáo với cấp ủy chương trình, kế hoạch, kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra của mình và thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của cấp ủy về công tác kiểm tra, về quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra và các nhiệm vụ do cấp ủy giao; chịu sự kiểm tra của cấp ủy về tất cả các hoạt động của mình.

- Ủy ban kiểm tra làm việc dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra của ủy ban kiểm tra cấp trên:

+ Chấp hành sự chỉ đạo và hướng dẫn của ủy ban kiểm tra cấp trên về phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, nghiệp vụ công tác kiểm tra và việc thi hành kỷ luật trong Đảng.

+ Chịu sự đôn đốc, kiểm tra của ủy ban kiểm tra cấp trên về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của ủy ban kiểm tra theo quy định của Điều lệ Đảng, của Trung ương Đảng và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

+ Khi cần thiết, ủy ban kiểm tra cấp trên có thể trực tiếp chỉ đạo giải quyết một số vấn đề cụ thể trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng của ủy ban kiểm tra cấp dưới.

+ Phối hợp với ban tổ chức của cấp ủy cùng cấp và cấp ủy cấp dưới chuẩn bị nhân sự ủy ban kiểm tra theo sự hướng dẫn của ủy ban kiểm tra cấp trên; giúp cấp ủy xây dựng, ban hành quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra; kiện toàn cơ quan ủy ban kiểm tra về tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ,...

- Trường hợp giữa ủy ban kiểm tra và ban thường vụ cấp ủy có ý kiến khác nhau trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của ủy ban kiểm tra theo quy định của Điều lệ Đảng, thì ủy ban kiểm tra phải chấp hành kết luận, quyết định của cấp ủy, đồng thời báo cáo ủy ban kiểm tra cấp trên. Trường hợp ủy ban kiểm tra cấp trên có ý kiến khác với cấp ủy cấp dưới thì ủy ban kiểm tra cấp trên báo cáo với cấp ủy cấp mình xem xét, quyết định.

Điều 32. Ủy ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ

1. Kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên

- Nội dung kiểm tra:

Kiểm tra những dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên;

tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên (quy định ở các Điều 1, Điều 2, Điều 12, Điều lệ Đảng). Ủy ban kiểm tra căn cứ tình hình, nhiệm vụ, yêu cầu công tác xây dựng Đảng của địa phương, đơn vị; tính chất, dấu hiệu vi phạm của đảng viên để tập trung kiểm tra.

- Đối tượng kiểm tra:

Ủy ban kiểm tra các cấp, kể cả ủy ban kiểm tra của đảng ủy cơ sở chỉ kiểm tra những đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, trước hết là cấp ủy viên cùng cấp, đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý; khi cần thiết thì kiểm tra đảng viên do tổ chức đảng cấp dưới quản lý. Trường hợp đảng viên có dấu hiệu vi phạm là cấp ủy viên cấp mình, đồng thời là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý thì ủy ban kiểm tra cấp dưới báo cáo để ủy ban kiểm tra cấp trên chủ trì và phối hợp tiến hành kiểm tra. Đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp mình quản lý, trước khi được bổ nhiệm phải có ý kiến của các ban có liên quan của cấp ủy cấp trên (như các đối tượng được quy định tại Điều 11, Quy định về phân cấp quản lý cán bộ ban hành kèm theo Quyết định số 49-QĐ/TW, ngày 3-5-1999 của Bộ Chính trị khóa VIII) thì đề nghị ủy ban kiểm tra cấp trên chỉ đạo và phối hợp tiến hành.

- Cách tiến hành:

+ Chủ động nắm tình hình, phát hiện dấu hiệu vi phạm, xác định nội dung, đối tượng kiểm tra.

Để phát hiện tổ chức đảng và đảng viên có dấu hiệu vi phạm, ủy ban kiểm tra và cán bộ kiểm tra phải theo dõi nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị, hoạt động và sinh hoạt của tổ chức đảng và đảng viên; báo cáo hoặc giao ban theo định kỳ với các địa phương, đơn vị; bình xét hoặc

phân tích chất lượng đảng viên; qua các cuộc kiểm tra việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng; qua hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm sát, giám sát của các cơ quan Nhà nước, đoàn thể đối với các tổ chức đảng và đảng viên; qua đơn thư tố cáo, ý kiến phản ảnh của đảng viên, quần chúng và trên các phương tiện thông tin đại chúng...

+ Ủy ban kiểm tra phân tích, lựa chọn để quyết định nội dung, đối tượng kiểm tra; chỉ đạo lập kế hoạch, xác định rõ yêu cầu, phương pháp, thời gian, lực lượng kiểm tra; ra quyết định hoặc thông báo kiểm tra.

+ Thông báo kế hoạch kiểm tra bằng văn bản cho đảng viên được kiểm tra và cho cấp ủy quản lý đảng viên đó biết để phục vụ cho việc kiểm tra (trước khi thông báo quyết định kiểm tra, phải gặp trực tiếp trao đổi với đảng viên được kiểm tra và cấp ủy quản lý đảng viên đó).

+ Đảng viên được kiểm tra giải trình các nội dung kiểm tra bằng văn bản, gửi cho ủy ban kiểm tra qua tổ (hoặc đoàn) kiểm tra; sau đó trình bày trước chi bộ để chi bộ góp ý kiến, xem xét, kết luận. Nhưng tùy trường hợp cụ thể và nội dung kiểm tra, ủy ban kiểm tra (cấp kiểm tra) yêu cầu đảng viên đó trình bày ở cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn,... mà đảng viên đó là thành viên, không nhất thiết phải trình bày ở chi bộ. Các cuộc họp để đảng viên được kiểm tra trình bày đều có đại diện cấp kiểm tra tham dự.

- Các tổ chức đảng (chi bộ, cấp ủy...) phải có kết luận bằng văn bản về những nội dung kiểm tra đối với đảng viên được kiểm tra (ưu điểm, khuyết điểm hoặc vi phạm, nếu có

và nguyên nhân); nếu thấy có vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì biểu quyết đề nghị hình thức kỷ luật. Trường hợp đảng viên vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì ủy ban kiểm tra (cấp kiểm tra) xem xét, quyết định hoặc đề nghị cấp ủy xem xét, quyết định thi hành kỷ luật theo thẩm quyền. Nếu đảng viên vi phạm đến mức phải xử lý bằng pháp luật thì chuyển cơ quan pháp luật xem xét, xử lý, nhưng ủy ban kiểm tra vẫn phải chủ động xem xét, kết luận về kỷ luật đảng đối với những nội dung vi phạm đã rõ. Khi có kết quả xử lý của cơ quan pháp luật có thẩm quyền thì xem xét lại kỷ luật đảng cho đúng mức.

2. Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng

2.1. Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng

- Nội dung kiểm tra:

Kiểm tra dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng; nghị quyết, chỉ thị, các nguyên tắc tổ chức của Đảng, trước hết là những dấu hiệu vi phạm về nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; về đoàn kết nội bộ, về giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên; về chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước. Căn cứ tính chất dấu hiệu

vi phạm và yêu cầu của công tác xây dựng Đảng ở địa phương, đơn vị để tập trung kiểm tra.

- *Đối tượng kiểm tra:*

Kiểm tra các tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là các tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp; khi cần, mới kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới cách nhiều cấp. Khi kiểm tra các tổ chức đảng, có thể kết hợp kiểm tra một số đảng viên là cán bộ chủ chốt của tổ chức đảng đó.

- *Cách tiến hành:*

+ Việc nắm tình hình, phát hiện dấu hiệu vi phạm, phân tích, lựa chọn để quyết định nội dung, đối tượng kiểm tra, thông báo kế hoạch kiểm tra tiến hành như kiểm tra đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm theo hướng dẫn ở trên. Trong kế hoạch kiểm tra, cần ghi cụ thể cả những nội dung kết hợp kiểm tra đối với một số đảng viên của tổ chức đảng đó.

+ Có thể tổ chức lấy ý kiến bằng thư góp ý về nội dung kiểm tra đến một số đối tượng nhất định. Ví dụ: kiểm tra một ban thường vụ cấp ủy có thể lấy ý kiến của cấp ủy viên và cán bộ do cấp ủy cùng cấp quản lý, của ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp dưới trực tiếp.

+ Tổ chức hội nghị để tổ chức đảng được kiểm tra trình bày về nội dung kiểm tra. Hội nghị thảo luận làm rõ và kết luận về các nội dung đó bằng văn bản.

+ Qua kiểm tra, ủy ban kiểm tra kết luận về những nội dung kiểm tra (đúng, sai, khuyết điểm hoặc vi phạm nếu có và nguyên nhân) của tổ chức đảng và đảng viên được kiểm tra; chỉ rõ những vấn đề cần khắc phục, xem xét, giải quyết. Nếu đối tượng kiểm tra có vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì căn cứ đối tượng (tổ chức hoặc cá nhân) và mức độ,

tính chất vi phạm mà ủy ban kiểm tra xem xét, quyết định hoặc đề nghị cấp ủy quyết định kỷ luật theo thẩm quyền.

- Lưu ý: kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm, nếu cần có thể kiểm tra các tổ chức đảng cấp dưới cách nhiều cấp của tổ chức đảng đó và những đảng viên có liên quan.

2.2. Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra

- Nội dung kiểm tra:

Kiểm tra việc xây dựng phương hướng nhiệm vụ kiểm tra, xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra theo Điều 30 và Điều 32, Điều lệ Đảng; việc lãnh đạo và chỉ đạo các tổ chức đảng trong đảng bộ thực hiện công tác kiểm tra, bao gồm cả việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức, hoạt động của ủy ban kiểm tra; kết quả kiểm tra của cấp ủy, tổ chức đảng.

- Đối tượng kiểm tra:

Kiểm tra các tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là cấp ủy cấp dưới trực tiếp chưa làm tốt hoặc có khó khăn trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra.

2.3. Kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong Đảng

- Nội dung kiểm tra:

Kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong Đảng theo mốc thời gian nhất định. Tập trung kiểm tra việc thực hiện phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng và đảng viên. Kiểm tra việc giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng, những vụ khiếu nại đã giải quyết, đang giải quyết hoặc những vụ vì lý do nào đó mà chưa giải quyết. Xem xét các vụ kỷ luật đã được xử lý nhưng có dấu hiệu xử lý không đúng mức, các vụ vi phạm đến mức

phải xử lý nhưng không xử lý. Kiểm tra việc chấp hành các quyết định, chỉ thị, thông báo của tổ chức đảng cấp trên có liên quan đến việc thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

- Đối tượng kiểm tra:

Kiểm tra các tổ chức đảng cấp dưới có thẩm quyền thi hành kỷ luật, trước hết là cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp dưới trực tiếp, nhất là những nơi có nhiều tổ chức đảng hoặc đảng viên vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật nhưng không xử lý hoặc xử lý không đúng mức; những nơi có nhiều thư khiếu nại về kỷ luật đảng.

2.4. Một số điểm cần lưu ý khi tiến hành kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng

- Phải xây dựng kế hoạch và thực hiện theo quy trình như cách tiến hành kiểm tra đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm.

- Phải kết luận về ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân của tổ chức đảng được kiểm tra trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo Điều 30, Điều lệ Đảng hoặc trong việc thực hiện phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục thi hành kỷ luật trong Đảng. Chỉ rõ những yêu cầu, nội dung cụ thể mà tổ chức đảng cần tập trung kiểm tra trong thời gian tới; những vấn đề cần kịp thời khắc phục, sửa chữa trong việc thi hành kỷ luật đảng; đồng thời nêu rõ những biện pháp giúp đỡ tổ chức đảng khắc phục khó khăn, sửa chữa khuyết điểm, nâng cao chất lượng, hiệu quả kiểm tra và việc thi hành kỷ luật trong Đảng.

- Khi kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong Đảng:

+ Nếu có trường hợp vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật nhưng tổ chức đảng cấp dưới không xử lý hoặc xử lý không đúng mức thì ủy ban kiểm tra (cấp kiểm tra) yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới xử lý kỷ luật hoặc thay đổi, xóa bỏ hình thức kỷ luật đã quyết định trong một thời gian được xác định, hoặc căn cứ thẩm quyền mà quyết định, hoặc đề nghị cấp ủy quyết định hình thức kỷ luật cho phù hợp.

+ Nếu phát hiện những trường hợp liên quan đến các vụ kỷ luật do cấp ủy cấp mình hoặc do tổ chức đảng cấp trên quyết định mà có vấn đề cần xem xét lại thì đề nghị với tổ chức đảng đã quyết định kỷ luật đó xem xét, giải quyết.

+ Cần kết hợp với việc giải quyết khiếu nại kỷ luật của đảng viên và tổ chức đảng ở một đảng bộ trong một thời gian nhất định để có thêm căn cứ nhận xét, đánh giá ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân trong việc thực hiện phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục thi hành kỷ luật của tổ chức đảng được kiểm tra.

3. Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị cấp ủy thi hành kỷ luật

Thông qua thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giải quyết tố cáo, sinh hoạt nội bộ, phân tích, bình xét chất lượng đảng viên hoặc kết luận của cơ quan pháp luật, qua xem xét đề nghị về kỷ luật của tổ chức đảng cấp dưới,... nếu phát hiện đảng viên vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì ủy ban kiểm tra quyết định hoặc xem xét, chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp ủy quyết định thi hành kỷ luật theo thẩm quyền. Nội dung thực hiện cụ thể được hướng dẫn ở phần thứ hai của văn bản này.

4. Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên; giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng

4.1. Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên

- Yêu cầu, nguyên tắc trong việc giải quyết tố cáo:

+ Tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết tố cáo bao gồm cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp, có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi quản lý của cấp ủy cấp mình.

Khi nhận được tố cáo phải phân loại (theo nội dung, đối tượng,...), phân công giải quyết và giải quyết các trường hợp thuộc phạm vi trách nhiệm của mình hoặc phối hợp với các tổ chức đảng có thẩm quyền để giải quyết. Chậm nhất là ba tháng đối với cấp tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương trở xuống; sáu tháng đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được tố cáo (gửi, phản ảnh trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện chuyển đến) phải xem xét, giải quyết. Trường hợp hết thời hạn mà chưa giải quyết xong thì phải thông báo cho người tố cáo biết.

Tổ chức đảng và đảng viên nhận được thư tố cáo phải bảo đảm bí mật cho người tố cáo. Không để người bị tố cáo chủ trì giải quyết tố cáo đối với mình. Không để người tố cáo hoặc người có liên quan đến tố cáo giải quyết tố cáo. Ủy ban kiểm tra hoặc cấp giải quyết tố cáo phải xử lý hoặc đề nghị cấp ủy xử lý hay chỉ đạo xử lý nghiêm minh bằng kỷ luật đảng, kỷ luật hành chính hoặc pháp luật những trường hợp trù dập, trả thù người tố cáo; cản trở, dìm bỏ, không xem xét, giải quyết tố cáo; bao che cho những việc làm sai trái của đối tượng bị tố cáo; để lộ nội dung tố cáo, tên người tố cáo cho đối

tượng bị tố cáo, người không có trách nhiệm biết; lợi dụng tố cáo để xuyên tạc sự thật, vu cáo, đả kích, gây dư luận xấu đối với người khác.

Trường hợp tố cáo có liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, cấp ủy chỉ đạo ủy ban kiểm tra phối hợp với các tổ chức đảng có liên quan giải quyết (theo quy định phối hợp của Trung ương và của các cấp ủy trực thuộc Trung ương).

+ Người tố cáo phải trình bày trung thực sự việc, ghi rõ họ, tên, địa chỉ, chịu trách nhiệm về nội dung tố cáo và bằng chứng mà mình đưa ra. Nếu phản ảnh trực tiếp thì phải được ghi lại thành văn bản, người tố cáo phải ký tên chịu trách nhiệm vào văn bản đó. Không được gửi hoặc phổ biến nội dung tố cáo, tên người bị tố cáo, nội dung thông báo giải quyết tố cáo của tổ chức đảng có thẩm quyền cho những tổ chức hoặc cá nhân không có trách nhiệm trong việc giải quyết tố cáo.

+ Tổ chức đảng và đảng viên bị tố cáo phải nghiêm túc tự kiểm tra mình, trình bày rõ ràng, trung thực, đầy đủ, kịp thời về những vấn đề bị tố cáo khi các tổ chức đảng có thẩm quyền yêu cầu; tự giác nhận rõ sai lầm, khuyết điểm (nếu có) và có quyền đưa ra bằng chứng xác thực để chứng minh nội dung tố cáo không đúng; không được truy tìm, trấn áp, trù dập, trả thù người phê bình, tố cáo dưới bất kỳ hình thức nào.

+ Tổ chức đảng quản lý đối tượng bị tố cáo phải bảo đảm quyền dân chủ của đảng viên và quần chúng trong việc giám sát, tố cáo, phản ảnh về những tổ chức đảng và đảng viên vi phạm. Phối hợp và thực hiện đầy đủ yêu cầu của tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

Trong thời gian tổ chức đảng có thẩm quyền đang giải quyết, chưa kết luận thì phải bảo đảm các quyền của đảng viên, của tổ chức đảng bị tố cáo; giáo dục đảng viên, tổ chức đảng thực hiện nghiêm chỉnh các yêu cầu của tổ chức đảng giải quyết tố cáo.

+ Những người lợi dụng việc tố cáo để vu cáo, đả kích cá nhân, chia rẽ bè phái, gây rối nội bộ cũng phải được xem xét, xử lý kỷ luật đảng hoặc đề nghị tổ chức có thẩm quyền xử lý theo Luật khiếu nại, tố cáo.

- *Nội dung tố cáo phải giải quyết:*

Những nội dung tố cáo có liên quan đến tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên; liên quan đến việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng; nghị quyết, chỉ thị, các nguyên tắc tổ chức của Đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; đoàn kết nội bộ, phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên; chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước. Những nội dung tố cáo mà ủy ban kiểm tra chưa đủ điều kiện xem xét thì kiến nghị cấp ủy hoặc phối hợp hay yêu cầu tổ chức đảng của cơ quan nhà nước, cơ quan pháp luật có thẩm quyền giải quyết.

Không xem xét, giải quyết những tố cáo giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ và những tố cáo có tên đã được cấp có thẩm quyền do Điều lệ Đảng quy định xem xét, kết luận, nay tố cáo lại, nhưng không có thêm tài liệu, chứng cứ mới; những tố cáo có tên nhưng nội dung không cụ thể, không có căn cứ để thẩm tra, xác minh; những tố cáo sao chụp chữ ký mà không ký trực tiếp.

- Đối tượng bị tố cáo phải giải quyết:

+ Với đảng viên: tập trung giải quyết các tố cáo cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý; người bị tố cáo có liên quan đến công tác nhân sự của cấp ủy cấp mình. Đối tượng bị tố cáo là cấp ủy viên cấp mình, đồng thời là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý thì do ủy ban kiểm tra cấp trên chủ trì giải quyết, có sự phối hợp của ủy ban kiểm tra cùng cấp. Đối tượng bị tố cáo là cán bộ do cấp ủy cấp mình quản lý, nhưng khi được bổ nhiệm phải có ý kiến của các ban có liên quan của cấp ủy cấp trên thì phải báo cáo để có sự chỉ đạo, hoặc phối hợp của ủy ban kiểm tra cấp trên.

+ Với tổ chức đảng: tập trung giải quyết tố cáo các tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp. Nếu tố cáo tổ chức đảng cấp dưới cách nhiều cấp thì tổ chức đảng cấp trên chuyển cho tổ chức đảng cấp dưới có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- Cách tiến hành:

+ Ủy ban kiểm tra chỉ đạo việc nghiên cứu, phân loại tố cáo, nắm tình hình để có kế hoạch giải quyết.

+ Đối tượng bị tố cáo phải giải trình về các nội dung tố cáo bằng văn bản, gửi cho ủy ban kiểm tra; trình bày trước chi bộ để chi bộ xem xét, kết luận. Đảng viên bị tố cáo là cấp ủy viên cùng cấp hoặc tham gia nhiều cấp ủy và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý, thì tùy nội dung tố cáo cụ thể có thể trình bày ở các tổ chức đảng (cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn,...) hoặc chỉ trình bày ở một tổ chức đảng là do cấp kiểm tra quyết định, để các tổ chức đảng đó xem xét, kết luận. Tổ chức đảng bị tố cáo phân công người thay mặt tập thể chuẩn bị và trình bày

giải trình về nội dung bị tố cáo trước hội nghị của tổ chức đảng cấp mình, có đại diện của cấp ủy và ủy ban kiểm tra (cấp giải quyết) tham dự.

+ Sau khi nghe đại diện tổ chức đảng hoặc đảng viên bị tố cáo trình bày, đại diện ủy ban kiểm tra (cấp giải quyết) gợi ý thêm những vấn đề cần làm rõ. Hội nghị các tổ chức đảng nói trên (chi bộ, cấp ủy,...) thảo luận, đóng góp ý kiến, xem xét, kết luận những nội dung có thể kết luận; nếu thấy có vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì biểu quyết đề nghị hình thức kỷ luật.

+ Ủy ban kiểm tra (cấp giải quyết) nếu thấy nội dung kết luận của các tổ chức đảng nêu trên (chi bộ, cấp ủy,...) là đúng thì có kết luận cuối cùng về nội dung tố cáo đó. Nếu thấy có vấn đề chưa rõ, chưa nhất trí hoặc mới phát sinh thì tiếp tục thẩm tra, xác minh để có đủ căn cứ kết luận. Nếu đối tượng bị tố cáo vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật hay đề nghị cấp ủy xem xét, quyết định hoặc chỉ đạo tổ chức đảng cấp dưới quyết định thi hành kỷ luật theo thẩm quyền. Trường hợp đảng viên bị tố cáo vi phạm đến mức phải xử lý bằng pháp luật thì tiến hành như đã nêu ở khoản 1, Điều 32.

+ Quá trình giải quyết tố cáo, ủy ban kiểm tra có thể trưng cầu giám định chuyên môn, kỹ thuật về những nội dung có liên quan.

+ Ủy ban kiểm tra (cấp giải quyết) thông báo cho đảng viên và tổ chức đảng quản lý đảng viên bị tố cáo, tổ chức đảng bị tố cáo và tổ chức đảng cấp trên trực tiếp của tổ chức đảng bị tố cáo biết kết luận của ủy ban kiểm tra để chấp hành; đồng thời bằng hình thức thích hợp, báo cho

người tố cáo biết những nội dung cần thiết về kết quả giải quyết tố cáo.

4.2. Giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng

- Một số yêu cầu, nguyên tắc trong việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại.

+ Đối với tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

Việc giải quyết khiếu nại của tổ chức đảng và đảng viên phải tiến hành tuần tự từ ủy ban kiểm tra hoặc cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức đảng đã quyết định thi hành kỷ luật.

Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra khi nhận được khiếu nại kỷ luật phải báo cho đối tượng khiếu nại biết. Chậm nhất là ba tháng đối với cấp tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương trở xuống; sáu tháng đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được khiếu nại (gửi trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện chuyển đến) phải xem xét, giải quyết, trả lời cho đối tượng khiếu nại. Nghiêm cấm các hành vi cản trở, dìm bỏ, không xem xét, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng. Trường hợp hết thời hạn mà chưa giải quyết xong, phải thông báo cho đối tượng khiếu nại biết.

Ủy ban kiểm tra có trách nhiệm xem xét, đề xuất ý kiến giải quyết và chuẩn bị hồ sơ các vụ khiếu nại kỷ luật thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy cấp mình.

+ Đối tượng bị thi hành kỷ luật không đồng ý với quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật thì được khiếu nại lên tổ chức đảng cấp trên, lần lượt cho đến

Ban Chấp hành Trung ương. Thời hạn khiếu nại trong vòng một tháng, tính từ ngày tổ chức đảng và đảng viên vi phạm được tổ chức đảng có thẩm quyền công bố và giao quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật (căn cứ biên bản công bố quyết định kỷ luật, hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật) đến ngày tổ chức đảng và đảng viên bị thi hành kỷ luật gửi thư khiếu nại (gửi trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện ở nơi chuyển đi).

Không khiếu nại vượt cấp khi tổ chức đảng có thẩm quyền chưa giải quyết xong. Không gửi thư khiếu nại đến nhiều cấp cùng một lúc, đến các tổ chức và cá nhân không có thẩm quyền giải quyết. Không khiếu nại hộ đảng viên bị thi hành kỷ luật.

Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật của tổ chức đảng có thẩm quyền đã công bố.

+ Sau khi công bố quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật mà đối tượng bị kỷ luật có khiếu nại trực tiếp đến cấp mình, khi cấp trên chưa giải quyết, hoặc được cấp trên đồng ý, qua xem xét thấy quyết định của cấp mình không đúng mức thì thay đổi quyết định đó cho phù hợp. Khi tổ chức đảng cấp trên tiến hành giải quyết khiếu nại thì phải xem xét nghiêm túc quyết định của mình và phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại của tổ chức đảng cấp trên.

+ Tổ chức đảng trực tiếp quản lý đối tượng khiếu nại phối hợp với tổ chức đảng có thẩm quyền để giải quyết khiếu nại; giáo dục đối tượng khiếu nại thực hiện đầy đủ các

yêu cầu của tổ chức đảng giải quyết khiếu nại; chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại của tổ chức đảng cấp trên.

- *Phạm vi giải quyết khiếu nại:*

+ Chỉ giải quyết những nội dung quyết định kỷ luật đảng mà đối tượng bị kỷ luật có khiếu nại.

+ Tổ chức đảng cấp trên chỉ giải quyết khiếu nại kỷ luật do tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp đã quyết định kỷ luật hoặc đã có quyết định giải quyết khiếu nại.

+ Ủy ban kiểm tra phải giải quyết hoặc giúp cấp ủy giải quyết thư khiếu nại về kỷ luật đảng thuộc phạm vi trách nhiệm của cấp mình, trước hết phải giải quyết những trường hợp bị xử lý khai trừ (đối với đảng viên), giải tán (đối với tổ chức đảng) hoặc những trường hợp có liên quan đến nhân sự cấp ủy, chính quyền, đoàn thể.

+ Trường hợp người bị thi hành kỷ luật có khiếu nại chưa được giải quyết mà đã qua đời thì tổ chức đảng vẫn phải xem xét, giải quyết. Nếu thân nhân (cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con) có đề nghị cho biết kết quả thì thông báo tóm tắt kết quả giải quyết khiếu nại cho tổ chức đảng nơi cư trú và thân nhân của người đó biết.

+ Không giải quyết những trường hợp khiếu nại sau đây: quá thời hạn một tháng theo quy định của Điều lệ Đảng; đã hoặc đang được cấp trên có thẩm quyền giải quyết; đã được cấp có thẩm quyền cao nhất xem xét, kết luận, nay khiếu nại tiếp, nhưng người khiếu nại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để làm rõ sự việc; bị tòa án quyết định hình phạt từ cải tạo không giam giữ trở lên chưa được tòa án có thẩm quyền quyết định hủy bỏ bản án; cá nhân, tập thể và tổ

chức đảng khiếu nại hộ cho tổ chức đảng, đảng viên bị thi hành kỷ luật; khiếu nại khi chưa có quyết định kỷ luật của tổ chức đảng có thẩm quyền. Thư khiếu nại về xử lý hành chính, về lịch sử chính trị, tính tuổi đảng, xóa tên trong danh sách đảng viên,... thì chuyển cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết và báo cho người khiếu nại biết.

- *Cách tiến hành:*

+ Khi nhận đơn khiếu nại, tổ chức đảng phải báo cho người khiếu nại biết và yêu cầu chờ giải quyết; trường hợp không thuộc thẩm quyền giải quyết thì chuyển tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết.

Phải nghiên cứu kỹ hồ sơ kỷ luật và gặp đối tượng khiếu nại để nắm vững nội dung khiếu nại. Khi đang giải quyết khiếu nại, nếu đối tượng tự nguyện có đơn xin rút thì thôi giải quyết. Tuyệt đối không được ép buộc đối tượng rút đơn khiếu nại.

Làm việc với các tổ chức đảng (đã đề nghị, quyết định kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật) để trao đổi về nội dung vi phạm, tình tiết, diễn biến của sự việc dẫn đến xử lý kỷ luật; làm rõ những điểm khác nhau giữa nội dung khiếu nại kỷ luật với quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại (nếu có) trước đây; trao đổi về nội dung, mức độ, tính chất, tác hại và nguyên nhân của vi phạm; biểu quyết đề nghị hình thức kỷ luật.

Việc chuẩn y, thay đổi, xóa bỏ hình thức kỷ luật trước đây thuộc trách nhiệm của các tổ chức đảng có thẩm quyền. Qua làm việc, nếu có vấn đề chưa rõ thì phải tiếp tục thẩm tra, xác minh để kết luận.

+ Do nhiệm vụ chính trị của từng thời kỳ cách mạng khác nhau, đặc điểm, yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của mỗi tổ chức, mỗi lĩnh vực không giống nhau, nên khi giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng, nhất là những vụ kỷ luật xảy ra đã lâu mà đơn khiếu nại vẫn còn thời hiệu giải quyết, phải có quan điểm lịch sử, cụ thể, không máy móc, cứng nhắc nhưng cũng không được giản đơn, tùy tiện.

- Quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật.

+ Chỉ có đảng ủy cơ sở, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên mới có thẩm quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật đối với đảng viên do tổ chức đảng cấp dưới đã quyết định. Chỉ có cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy từ huyện, quận và tương đương trở lên mới có thẩm quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật đối với tổ chức đảng do cấp ủy cấp dưới quyết định. Trường hợp phải thay đổi hình thức kỷ luật cao hơn, vượt quá thẩm quyền thì phải báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại Điều 36, Điều lệ Đảng.

+ Ban thường vụ, ủy ban kiểm tra của đảng ủy cơ sở có trách nhiệm xem xét khiếu nại kỷ luật của đảng viên do chi bộ quyết định nhưng không có thẩm quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật mà phải đề nghị đảng ủy cơ sở xem xét, quyết định.

5. Kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp

- Chỉ có cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp và cơ quan tài chính cấp ủy mới có quyền kiểm tra tài chính của Đảng.

- Cấp ủy các cấp chịu trách nhiệm quản lý tài chính của cấp ủy cấp mình và chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn của cấp ủy cấp trên trực tiếp. Cơ quan tài chính cấp ủy có trách nhiệm giúp cấp ủy triển khai thực hiện các chủ trương công tác tài chính của cấp ủy cấp trên và cấp mình, quản lý và điều hành ngân sách; cơ quan tài chính của cấp ủy các cấp thừa ủy quyền cấp ủy làm chủ sở hữu tài sản của Đảng.

- Quá trình kiểm tra, nếu có tố cáo phải thực hiện theo đúng quy định về giải quyết tố cáo. Các vi phạm pháp luật trong quản lý tài chính, tài sản của Đảng, ngoài việc phải xử lý bằng kỷ luật đảng, nếu vi phạm đến mức phải xem xét, xử lý bằng pháp luật thì chuyển cơ quan pháp luật xử lý.

5.1. Nội dung

- Đối với cấp ủy cấp dưới:

+ Kiểm tra việc ban hành các chủ trương, quy định, quyết định về tài chính của cấp ủy.

+ Kiểm tra việc chấp hành và chỉ đạo tổ chức đảng cấp dưới (cơ quan tài chính của cấp ủy, các ban và cấp ủy cấp dưới) chấp hành các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, chính sách, chế độ, nguyên tắc về tài chính của Đảng và Nhà nước; việc thực hiện các nguyên tắc thu chi, lập, phê duyệt dự toán, cấp phát, phê duyệt quyết toán, sử dụng tài chính, tài sản,...; việc chấp hành các quy định của Pháp lệnh kế toán và thống kê, Luật ngân sách nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực...; việc chấp hành các quy định về chế độ kế toán, chứng từ; việc kiểm tra tài chính đối với tổ chức đảng trực thuộc; kiểm tra việc ủy quyền cho cơ quan tài chính làm chủ sở hữu tài sản của Đảng.

- Đối với cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp:

Kiểm tra việc chấp hành các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, chế độ, chính sách về quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Đảng và Nhà nước trong quá trình hoạt động tài chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao; việc chấp hành sự chỉ đạo, các chủ trương, quy định, quyết định của cấp ủy cấp mình và cơ quan tài chính cấp ủy cấp trên; việc tham mưu cho cấp ủy quyết định các chủ trương, chính sách, chế độ thu chi, quản lý tài chính và tài sản của Đảng; giúp cấp ủy lập dự toán ngân sách, quản lý thực hiện ngân sách, báo cáo phê duyệt thanh quyết toán tài chính; việc chấp hành các quy định của Pháp lệnh kế toán và thống kê, Luật ngân sách nhà nước,...; việc hướng dẫn và kiểm tra về nghiệp vụ công tác tài chính đối với cơ quan tài chính cấp ủy cấp dưới; việc thực hiện chức trách được ủy nhiệm chủ sở hữu tài sản của Đảng do cấp ủy giao.

- Các doanh nghiệp của Đảng ngoài sự kiểm tra tài chính của ủy ban kiểm tra và cơ quan tài chính cấp ủy, còn chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan chức năng nhà nước theo quy định hiện hành.

- Đối với những khoản do ngân sách nhà nước trực tiếp chi như đầu tư xây dựng cơ bản, đề tài nghiên cứu khoa học,... ủy ban kiểm tra và cơ quan tài chính đảng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chức năng nhà nước tổ chức kiểm tra.

- Nội dung kiểm tra thu, nộp đảng phí chủ yếu do đảng ủy cơ sở tiến hành.

5.2. Đối tượng

Tập trung kiểm tra tài chính cấp ủy cấp dưới trực tiếp và

của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp; khi cần thiết thì kiểm tra cấp dưới cách nhiều cấp.

Kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới là kiểm tra ban thường vụ cấp ủy, trước hết là thường trực cấp ủy và đồng chí thường vụ được phân công phụ trách trực tiếp công tác tài chính đảng. Khi kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới có thể kiểm tra các cơ quan tài chính trực thuộc cấp ủy đó để có cơ sở đánh giá, kết luận toàn diện.

Kiểm tra cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp là kiểm tra ban tài chính quản trị hoặc bộ phận ngân sách đảng thuộc văn phòng cấp ủy. Kiểm tra cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp có thể kiểm tra cơ quan tài chính cấp II thuộc cấp ủy cùng cấp để đánh giá đúng hoạt động tài chính của cơ quan tài chính của cấp ủy.

5.3. Cách tiến hành

Tương tự cách tiến hành kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra.

Trước khi báo cáo ủy ban kiểm tra (cấp kiểm tra), tổ (hoặc đoàn) kiểm tra phải trao đổi dự thảo kết luận kiểm tra đối với đối tượng được kiểm tra, có biên bản ghi rõ những nội dung còn có ý kiến khác nhau. Khi báo cáo, tổ (đoàn) kiểm tra phải báo cáo đầy đủ cả những ý kiến chưa thống nhất của đối tượng kiểm tra để ủy ban kiểm tra (cấp kiểm tra) xem xét, kết luận.

Khi kiểm tra, có thể kiểm tra toàn diện, có thể chỉ kiểm tra một số nội dung: thu chi ngân sách, sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản.

6. Một số lưu ý trong việc thực hiện Điều 32, Điều lệ Đảng

- Tiến hành kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm, kiểm tra tài chính đảng, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và việc thi hành kỷ luật trong Đảng, nhất thiết phải lập tổ (hoặc đoàn) kiểm tra.

- Các tổ (đoàn) kiểm tra cần tiến hành thẩm tra, xác minh, nghiên cứu tình hình cụ thể để hướng dẫn, động viên, thuyết phục đối tượng kiểm tra tự giác chuẩn bị văn bản giải trình trước hội nghị chi bộ (và các hội nghị khác). Sau hội nghị, cần trao đổi trực tiếp với đối tượng kiểm tra, với cấp ủy quản lý đối tượng kiểm tra về những nội dung dự kiến kết luận. Tổ (đoàn) kiểm tra phải báo cáo các ý kiến khác nhau về kết luận kiểm tra, đồng thời đề xuất những vấn đề thuộc cơ chế, chính sách... (nếu có) để ủy ban kiểm tra (cấp kiểm tra) xem xét, kết luận.

Tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ phải chấp hành đầy đủ, kịp thời các kết luận, quyết định, thông báo theo thẩm quyền của cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra về công tác kiểm tra, về kỷ luật đảng. Sau cuộc kiểm tra, ủy ban kiểm tra cần tiến hành đôn đốc, kiểm tra việc thi hành các kết luận, quyết định, thông báo nói trên (những việc cần phải làm, khắc phục, sửa chữa, những trường hợp vi phạm cần xem xét, xử lý,...) để bảo đảm việc chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Đảng và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng.

Cấp kiểm tra phải kết luận và xử lý hoặc giúp cấp ủy xử lý kỷ luật theo thẩm quyền; khi cần thiết, có thể chỉ đạo tổ

chức đảng cấp dưới xử lý theo đúng quyết định của cấp mình đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm (nếu có).

- Cần phân biệt phạm vi kiểm tra của ủy ban kiểm tra chỉ là các đảng viên và tổ chức đảng khi có dấu hiệu vi phạm, hẹp hơn phạm vi kiểm tra của cấp ủy, của tổ chức đảng khi kiểm tra chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng; kiểm tra cả nơi chấp hành tốt, cả nơi có dấu hiệu vi phạm.

- Ủy ban kiểm tra của cấp ủy địa phương có trách nhiệm chủ động, trực tiếp tiến hành các nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật đảng đối với đảng viên và tổ chức đảng quân sự địa phương và công an nhân dân địa phương theo quy định của Điều lệ Đảng. Khi tiến hành, có sự phối hợp với ủy ban kiểm tra của đảng ủy quân sự cấp trên hoặc của đảng ủy công an nhân dân cấp trên, đều do ủy ban kiểm tra của cấp ủy địa phương chủ trì và kết luận (theo quy chế phối hợp của các cấp ủy đảng có thẩm quyền).

Điều 33. Ủy ban kiểm tra có quyền yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra

Trong quá trình tiến hành công tác kiểm tra, khi ủy ban kiểm tra yêu cầu, các tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên phải thực hiện nghiêm chỉnh các yêu cầu đó. Các tổ chức đảng và đảng viên nếu thấy có vấn đề cần tham gia ý kiến thì phản ảnh với ủy ban kiểm tra, không được gây khó khăn, trở ngại cho việc kiểm tra. Chỉ có cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cùng cấp và cấp ủy cấp trên hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên mới có quyền kiểm tra lại kết luận, thông báo, quyết định của ủy ban kiểm tra.

Phần thứ hai

VIỆC THI HÀNH KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG

Cần tập trung vào những vi phạm về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng; về chấp hành nguyên tắc tổ chức của Đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ; suy thoái về tư tưởng chính trị, về đạo đức, phẩm chất và lối sống. Cụ thể:

- Lợi dụng dân chủ để tuyên truyền chống Đảng; cố ý nói, viết và làm trái Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng; vô tổ chức, vô kỷ luật, không chấp hành nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước.

- Vi phạm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ; cơ hội, kèn cựa, địa vị, độc đoán, chuyên quyền, lợi dụng quyền dân chủ để kéo bè, kéo cánh, gây mất đoàn kết nội bộ.

- Những hành vi tham nhũng, buôn lậu của cán bộ, đảng viên ở bất kỳ cấp nào, lĩnh vực nào.

- Quan liêu, thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý để địa phương, đơn vị mình trực tiếp phụ trách xảy ra lãng phí, tham nhũng, mất đoàn kết hoặc các tiêu cực khác, gây hậu quả nghiêm trọng. Bản thân gây thiệt hại về kinh tế phải bồi hoàn nhưng cố ý không bồi hoàn.

- Suy thoái về đạo đức, phẩm chất, lối sống: nghiện ma túy; rượu, bia đến mức bê tha; tổ chức hoặc tham gia các hoạt động không lành mạnh, bất chính như bia ôm, karaoke ôm, cờ bạc ăn tiền, hành nghề đồng cốt, thầy cúng, thầy bói, lập đền, miếu trái phép, tham gia tà đạo,...

Đảng viên ở bất kỳ cương vị nào, nếu vi phạm một trong những nội dung trên đều phải xử lý nghiêm minh. Đối với những vi phạm khác nếu đến mức phải xử lý kỷ luật cũng phải xem xét, thi hành kỷ luật kịp thời để hạn chế và phòng ngừa vi phạm.

Điều 35.

1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật phải xử lý công minh, chính xác, kịp thời

Khi thi hành kỷ luật phải căn cứ nội dung, mức độ, tính chất, tác hại và nguyên nhân vi phạm mà xem xét, quyết định hình thức kỷ luật cho phù hợp.

- Tất cả đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng, nếu vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật đều phải thi hành kỷ luật, không có ngoại lệ, không phân biệt chức vụ cao hay thấp, tuổi đảng nhiều hay ít,...

- Trong xử lý, phải kết hợp xem xét kết quả tự phê bình và phê bình với kết quả thẩm tra, xác minh của tổ chức đảng để bảo đảm kết luận khách quan, chính xác; không bỏ sót vi phạm. Khi xem xét, xử lý cần làm rõ nguyên nhân, phân biệt sai lầm, khuyết điểm do trình độ, năng lực hoặc động cơ vì lợi ích chung mà dẫn đến phạm sai lầm, khuyết điểm hay vì lợi ích cá nhân, cục bộ mà cố ý làm trái; vi phạm nhất thời hay có hệ thống; đã qua giáo dục, ngăn chặn vẫn làm trái; không tự giác nhận lỗi, không bồi hoàn vật chất hoặc có hành vi đối phó với việc kiểm tra; phân biệt người khởi xướng, tổ chức, quyết định với người bị lôi kéo, đồng tình làm sai.

Đối với đảng viên là người dân tộc thiểu số công tác, sinh hoạt ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa có nhiều khó khăn, đảng viên theo tôn giáo vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì tùy theo tình hình thực tế mà vận dụng xử lý cho phù hợp.

Kỷ luật đảng không thay thế cho kỷ luật hành chính, kỷ luật đoàn thể hoặc việc xử lý bằng pháp luật và ngược lại. Cấp ủy quản lý đảng viên phải chỉ đạo việc xem xét, xử lý về kỷ luật đảng và kỷ luật về hành chính hoặc đoàn thể được kịp thời. Trường hợp không thuộc thẩm quyền của mình thì phải kiến nghị với tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, xử lý. Sau khi giải quyết khiếu nại kỷ luật về đảng, nếu có thay đổi hình thức kỷ luật, tổ chức đảng có thẩm quyền phải chỉ đạo việc xem xét lại hình thức kỷ luật về hành chính, về đoàn thể.

Đảng viên vi phạm pháp luật đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì phải chuyển cơ quan pháp luật khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử theo pháp luật, không được giữ lại để xử lý nội bộ. Nếu làm thất thoát tài sản của Nhà nước, của tập thể, của người khác thì phải bồi hoàn.

Trường hợp đảng viên vi phạm kỷ luật khi đang công tác, nhưng sau khi chuyển công tác hoặc nghỉ hưu mới phát hiện vi phạm thì vẫn xem xét, kết luận. Nếu có vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì căn cứ nội dung, mức độ, tính chất, tác hại và nguyên nhân vi phạm mà áp dụng hình thức kỷ luật phù hợp.

2. Hình thức kỷ luật

- Đối với tổ chức đảng: khiển trách, cảnh cáo, giải tán.

- Đối với đảng viên chính thức: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ.

- Đối với đảng viên dự bị: khiển trách, cảnh cáo.

Đảng viên chính thức vi phạm nghiêm trọng đến mức phải khai trừ thì phải thi hành kỷ luật bằng hình thức khai trừ, không áp dụng biện pháp xóa tên trong danh sách đảng viên, cũng không chấp nhận việc xin ra khỏi Đảng.

Đảng viên dự bị vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì áp dụng hình thức kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo và khi hết thời hạn dự bị, chi bộ vẫn tiến hành xét công nhận đảng viên chính thức. Nếu vi phạm đến mức không còn đủ tư cách đảng viên thì xóa tên trong danh sách đảng viên, không thi hành kỷ luật bằng hình thức khai trừ.

Điều 36. Thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm

Chỉ có các tổ chức đảng do Điều lệ Đảng quy định và Ban Chấp hành Trung ương ủy quyền mới có thẩm quyền thi hành kỷ luật đối với đảng viên vi phạm.

Thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm của các tổ chức đảng do Điều lệ Đảng quy định như sau:

1. Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ

Đảng ủy cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ, cách chức cấp ủy viên cấp dưới.

Đảng ủy cơ sở được ủy quyền quyết định kết nạp đảng viên thì có quyền quyết định khai trừ đảng viên, nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý.

- Chi bộ:

Chi bộ (gồm chi bộ cơ sở, chi bộ trong đảng bộ cơ sở hoặc đảng bộ bộ phận) quyết định khiển trách, cảnh cáo đối với đảng viên. Đối với cấp ủy viên các cấp từ đảng ủy viên đảng ủy cơ sở cho đến Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý sinh hoạt tại chi bộ, nếu vi phạm phải áp dụng hình thức kỷ luật từ khiển trách trở lên thì chi bộ đề nghị lên cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Đảng ủy cơ sở:

+ Quyết định khiển trách, cảnh cáo đối với đảng viên. Đối với cấp ủy viên các cấp từ cấp ủy viên cấp trên trực tiếp cho đến Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý sinh hoạt tại đảng bộ, nếu vi phạm phải áp dụng hình thức kỷ luật từ khiển trách trở lên thì đảng ủy đề nghị lên cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

+ Quyết định cách chức bí thư, phó bí thư, cấp ủy viên của chi bộ hoặc đảng ủy bộ phận trực thuộc nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý.

+ Đảng ủy cơ sở được ủy quyền có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với đảng viên như thẩm quyền của đảng ủy cơ sở và được quyền khai trừ đảng viên nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp hoặc đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý.

- Lưu ý:

+ Đảng ủy bộ phận và ban thường vụ đảng ủy cơ sở không được quyền thi hành kỷ luật đảng viên, nhưng có trách nhiệm thẩm tra việc đề nghị thi hành kỷ luật của chi bộ.

Ban thường vụ đảng ủy cơ sở còn có trách nhiệm thẩm tra đề nghị của ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở để kiến nghị với đảng ủy cơ sở xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

+ Trường hợp tất cả cấp ủy viên của chi bộ và của đảng bộ cơ sở đều bị thi hành kỷ luật khiển trách, cảnh cáo thì báo cáo để tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên ra văn bản quyết định.

+ Việc cách chức, khai trừ đối với cấp ủy viên của chi bộ cơ sở do chi bộ cơ sở đề nghị, ban thường vụ cấp ủy huyện, quận hoặc tương đương quyết định.

2. Cấp ủy tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cùng cấp

Ban thường vụ cấp ủy quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp và cấp trên.

- *Cấp ủy tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương:*

+ Quyết định các hình thức kỷ luật đối với đảng viên.

+ Đối với các hình thức khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cùng cấp, sau khi cấp ủy biểu quyết đủ số phiếu quy định, quá một nửa số phiếu cho một hình thức kỷ luật thì ra quyết định và đồng chí bí thư hoặc phó bí thư thường trực cấp ủy thay mặt cấp ủy ký quyết định đó.

Trường hợp cấp ủy viên cấp mình đồng thời là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên trực tiếp quản lý (bí thư, phó bí thư, kể cả ủy viên thường vụ trực, chủ tịch ủy ban nhân dân, chủ tịch hội đồng nhân dân,...) bị cấp ủy khiển trách, cảnh

cáo thì cấp ủy báo cáo để ban thường vụ cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định; ở cấp tỉnh, thành và đảng ủy trực thuộc Trung ương thì báo cáo Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, quyết định theo thẩm quyền; những trường hợp không thuộc thẩm quyền thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương báo cáo đề nghị Ban Bí thư, Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

Đối với các hình thức cách chức, khai trừ cấp ủy viên cấp mình, sau khi cấp ủy biểu quyết đủ số phiếu đề nghị theo quy định thì cấp ủy đề nghị ủy ban kiểm tra cấp trên báo cáo ban thường vụ cấp ủy cùng cấp xem xét, quyết định. Ở cấp tỉnh, thành và đảng ủy trực thuộc Trung ương thì báo cáo Ủy ban Kiểm tra Trung ương để báo cáo Ban Bí thư, Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

- Ban thường vụ cấp ủy tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương:

+ Quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp.

+ Quyết định các hình thức kỷ luật đối với đảng viên, kể cả bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ, cấp ủy viên cấp dưới trực tiếp và cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp mình quản lý nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp.

3. Ban Chấp hành Trung ương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị

Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị,

Ban Bí thư quản lý, nhưng không phải là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

4. Ủy ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp; quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý và cấp ủy viên cấp dưới trực tiếp

- Ủy ban kiểm tra của đảng ủy cơ sở không được quyền thi hành kỷ luật đảng viên, nhưng có trách nhiệm xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến với đảng ủy cơ sở và ủy ban kiểm tra cấp trên trong việc xử lý kỷ luật đảng viên.

- Ủy ban kiểm tra của cấp ủy huyện, quận và tương đương quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cơ sở (kể cả bí thư, phó bí thư, ủy viên thường vụ) và cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp mình quản lý nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp; quyết định các hình thức kỷ luật đối với đảng viên, kể cả đảng viên là bí thư, phó bí thư, cấp ủy viên của chi bộ, đảng ủy bộ phận trực thuộc đảng bộ cơ sở hoặc cán bộ thuộc diện đảng ủy cơ sở quản lý nhưng không phải là đảng ủy viên đảng ủy cơ sở hay cán bộ do cấp ủy huyện, quận và cấp tương đương quản lý.

- Ủy ban kiểm tra của tỉnh ủy, thành ủy và cấp ủy tương đương quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên huyện, quận và tương đương (kể cả bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ); cán bộ thuộc diện tỉnh ủy, thành ủy và cấp ủy tương đương quản lý nhưng không phải là tỉnh ủy, thành ủy, cấp ủy viên cấp tương đương; quyết định các hình thức kỷ

luật đối với đảng viên, kể cả bí thư, phó bí thư, cấp ủy viên cơ sở trở xuống nhưng không phải là cấp ủy viên cấp huyện, quận hoặc cán bộ do cấp ủy tỉnh, thành và cấp tương đương quản lý.

5. Cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp trên có quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật do cấp dưới quyết định

Quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật của cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp trên đã nêu ở mục 4.2, Điều 32.

6. Đảng viên giữ nhiều chức vụ bị kỷ luật cách chức thì tùy mức độ, tính chất vi phạm mà cách một hay nhiều chức vụ

Chức vụ nói ở đây bao gồm: chức vụ trong Đảng do đại hội bầu, cấp ủy bầu hoặc bổ nhiệm đối với đảng viên đó.

Trường hợp đảng viên tham gia nhiều cấp ủy, vi phạm đến mức phải cách chức cấp ủy viên cấp cao nhất hoặc khai trừ thì ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp của cấp ủy cao nhất mà đảng viên đó là thành viên quyết định. Nếu phải cách chức cấp ủy viên ở một cấp dưới do ban thường vụ cấp ủy quản lý đảng viên đó quyết định. Ví dụ: đồng chí bí thư đảng ủy xã là huyện ủy viên bị cách chức bí thư đảng ủy xã thì ban thường vụ huyện ủy quyết định, bị cách chức huyện ủy viên hoặc khai trừ do ban thường vụ tỉnh ủy quyết định.

Đảng viên giữ nhiều chức vụ vi phạm kỷ luật phải cách chức một, một số hay tất cả các chức vụ hoặc phải khai trừ,

thì tổ chức đảng quản lý đảng viên đó quyết định. Ví dụ: đồng chí giám đốc sở kiêm bí thư đảng ủy cơ quan sở bị cách chức bí thư đảng ủy thì do ban thường vụ tỉnh ủy quyết định (không thuộc thẩm quyền của ban thường vụ đảng ủy khối trực thuộc tỉnh ủy quyết định).

Tất cả các trường hợp trên, nếu vượt quá thẩm quyền thì báo cáo cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trong cùng một cấp ủy, nếu chỉ cách chức bí thư, phó bí thư thì còn chức ủy viên ban thường vụ. Nếu cách chức ủy viên ban thường vụ thì còn chức cấp ủy viên. Khi cách chức cấp ủy viên thì đương nhiên không còn chức bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ. Khi cách chức ủy viên ủy ban kiểm tra thì đương nhiên không còn là chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra của cấp ủy đó nữa.

- Đảng viên tham gia nhiều cấp ủy, giữ nhiều chức vụ, bị thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức một chức vụ đang giữ, thì cấp ủy có thẩm quyền phải xem xét đến các chức vụ khác, có thể cách chức hoặc cho thôi giữ một hoặc nhiều chức vụ khác.

- Việc thi hành kỷ luật đối với ủy viên ủy ban kiểm tra là cấp ủy viên tiến hành như đối với cấp ủy viên. Nếu ủy viên ủy ban kiểm tra không phải là cấp ủy viên thì việc thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo tiến hành như đối với cán bộ do cấp ủy cùng cấp quản lý; trường hợp cách chức, khai trừ thì do cấp ủy cùng cấp quyết định.

- Trường hợp cấp ủy viên vi phạm đến mức cách chức nhưng lại chủ động xin rút khỏi cấp ủy, thì vẫn phải thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức, không chấp nhận cho rút khỏi cấp ủy.

Điều 37. Thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng vi phạm

1. Cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định khiển trách, cảnh cáo tổ chức đảng cấp dưới

2. Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng do cấp ủy cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp ủy cấp trên cách một cấp quyết định. Quyết định này phải báo cáo lên cấp ủy cấp trên trực tiếp và Ủy ban Kiểm tra Trung ương

3. Chỉ giải tán một tổ chức đảng khi tổ chức đảng đó phạm một trong các trường hợp sau: có hành động chống đường lối, chính sách của Đảng; vi phạm đặc biệt nghiêm trọng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng hoặc pháp luật của Nhà nước

- Đảng ủy cơ sở, cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy huyện, quận và tương đương trở lên có quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng theo quy định của Điều lệ Đảng. Ủy ban kiểm tra các cấp không được quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng nhưng có trách nhiệm xem xét, kết luận, đề xuất ý kiến với cấp ủy trong việc xử lý kỷ luật tổ chức đảng.

- Thi hành kỷ luật một tổ chức đảng phải xem xét và quy rõ trách nhiệm của tổ chức đó để xử lý cho đúng. Đồng thời, phải xem xét trách nhiệm cá nhân và thi hành kỷ luật đối với những đảng viên vi phạm có liên quan đến vi phạm của tổ chức đảng.

- Khi tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật thì tất cả thành viên trong tổ chức ấy đều phải chịu trách nhiệm, phải ghi rõ nội dung, hình thức kỷ luật đối với tổ chức vào lý lịch từng

thành viên. Những thành viên không tán thành hoặc không liên quan trực tiếp đến quyết định sai lầm của tổ chức đó cũng được ghi rõ vào lý lịch đảng viên.

- Tổ chức đảng bị khiển trách, cảnh cáo do cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định. Tổ chức đảng bị giải tán do cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp đề nghị; cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy cấp trên một cấp quyết định. Ví dụ: giải tán chi bộ trong đảng bộ cơ sở thì đảng ủy cơ sở đề nghị; ban thường vụ huyện ủy, quận ủy, cấp ủy tương đương quyết định. Đảng ủy đảng bộ bộ phận không có thẩm quyền thi hành kỷ luật.

- Những tổ chức đảng vi phạm một trong các nội dung sau đây thì giải tán:

+ Có hành động chống đối quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng với các hành vi cụ thể như: tổ chức, kích động, xúi giục, cưỡng bức quần chúng mít tinh, biểu tình trái với quy định của pháp luật; xuyên tạc sự thật, xuyên tạc lịch sử, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng; có hành động cụ thể chống Đảng.

+ Vi phạm đặc biệt nghiêm trọng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng hoặc pháp luật Nhà nước với các hành vi cụ thể như: bỏ nhiều kỳ không sinh hoạt; cố ý không chấp hành nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, chính sách, các nguyên tắc, quy chế, quy định, quyết định của Đảng, pháp luật Nhà nước; chia rẽ bè phái, mất đoàn kết nghiêm trọng, không còn vai trò và tác dụng lãnh đạo đối với địa phương, đơn vị.

Ngoài hai nội dung nêu trên, nếu tổ chức đảng có vi phạm những nội dung sau thì cần làm rõ nội dung, mức độ, tính chất, tác hại và nguyên nhân vi phạm (do cố ý, do nhận

thức không đúng, do năng lực lãnh đạo yếu, do cơ chế,...) và căn cứ việc tự phê bình, tiếp thu phê bình, sửa chữa sai lầm, khuyết điểm để vận dụng xử lý bằng hình thức phù hợp.

Vì lợi ích cục bộ mà có nghị quyết, quyết định sai (cấp đất, bán đất, cho đấu thầu đất sai quy định, khai không đúng các khoản lệ phí do nhân dân đóng góp, huy động vốn nhưng mất khả năng thanh toán, quy định tỷ lệ phần trăm bồi dưỡng để xin vốn, khoanh nợ, giảm diện tích, giấu nguồn thu, trích lại các khoản tiền hỗ trợ khắc phục thiên tai, trợ giá, lập quỹ trái phép,...) nhằm thu tiền, chi tiêu sai mục đích dẫn đến làm thất thoát, tham nhũng, lãng phí gây hậu quả xấu; hữu khuynh, buông lỏng lãnh đạo, quản lý, điều hành để tổ chức và nhiều cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật đảng, kỷ luật hành chính và pháp luật Nhà nước,...; không chấp hành nghiêm chế độ tự phê bình, phê bình, chế độ kiểm tra, bao che vi phạm.

Điều 38.

1. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm không thuộc thẩm quyền quyết định kỷ luật của cấp mình thì đề nghị lên cấp có thẩm quyền quyết định

- Các tổ chức đảng có quyền quyết định hoặc đề nghị thi hành kỷ luật theo quy định của Điều lệ Đảng. Khi xử lý kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm, phải quyết định theo đúng thẩm quyền, nếu không thuộc thẩm quyền thì đề nghị tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Việc biểu quyết kỷ luật (biểu quyết đề nghị, biểu quyết quyết định) phải bằng phiếu kín. Trường hợp biểu quyết kỷ

luật không đủ số phiếu cần thiết thì báo cáo đầy đủ bằng văn bản kết quả bỏ phiếu để tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới không xử lý hoặc xử lý không đúng mức đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm thì cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên quyết định các hình thức kỷ luật theo thẩm quyền, đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng đó

Qua hoạt động công tác kiểm tra, qua nắm tình hình, nếu phát hiện có trường hợp vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật nhưng tổ chức đảng cấp dưới không xử lý hoặc xử lý không đúng mức thì cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp quyết định xử lý kỷ luật theo thẩm quyền, không phải làm thủ tục từ dưới lên. Tổ chức đảng cấp dưới, tổ chức đảng và đảng viên vi phạm bị xử lý phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử lý kỷ luật của tổ chức đảng cấp trên.

Đối với tổ chức đảng có trách nhiệm xem xét, xử lý, nhưng không xử lý hoặc xử lý không đúng mức tổ chức đảng và đảng viên vi phạm là có dấu hiệu vi phạm Điều lệ Đảng, phải được kiểm tra làm rõ đúng, sai và nguyên nhân; nếu xét thấy có vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì phải xử lý đúng mức tổ chức đảng đó.

3. Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng và khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng cấp dưới đề nghị và do tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định

Quyết định kỷ luật hoặc đề nghị thi hành kỷ luật bằng

hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức đối với đảng viên; khiển trách, cảnh cáo đối với tổ chức đảng phải được biểu quyết với sự đồng ý của trên một nửa số đảng viên hoặc cấp ủy viên của tổ chức đảng đó. Trường hợp khai trừ đảng viên, giải tán tổ chức đảng thì phải được sự đồng ý của ít nhất hai phần ba số đảng viên hoặc cấp ủy viên của tổ chức đảng cấp dưới đề nghị và được sự đồng ý của trên một nửa số thành viên của tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền quyết định.

Một nửa hay hai phần ba quy định ở trên được tính trên tổng số thành viên có quyền biểu quyết của tổ chức đảng (ở chi bộ là số đảng viên chính thức, trừ số đảng viên được miễn sinh hoạt không có mặt tại cuộc họp), không phải tính trên số thành viên có mặt trong cuộc họp.

Điều 39.

1. Đảng viên vi phạm kỷ luật phải kiểm điểm trước chi bộ, tự nhận hình thức kỷ luật; nếu từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam, tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật. Trường hợp cần thiết, cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp có thẩm quyền trực tiếp xem xét kỷ luật

Cấp ủy hướng dẫn đảng viên vi phạm kỷ luật chuẩn bị tốt bản tự kiểm điểm. Hội nghị chi bộ thảo luận, góp ý kiến và kết luận rõ về nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm và biểu quyết (đề nghị hoặc quyết định) kỷ luật. Đại diện cấp ủy tham dự hội nghị chi bộ xem xét kỷ luật đảng viên là cấp ủy viên, là cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý. Trường hợp có đầy đủ bằng chứng, nếu đảng viên

vi phạm từ chối kiểm điểm thì tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật.

Đảng viên vi phạm là cấp ủy viên hoặc cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý cùng với việc kiểm điểm ở chi bộ còn phải kiểm điểm ở những tổ chức đảng nào nữa thì do cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra của cấp ủy quản lý đảng viên đó quyết định. Ví dụ: một đảng viên là huyện ủy viên, trưởng phòng của huyện, sinh hoạt tại chi bộ trực thuộc huyện ủy vi phạm kỷ luật thì chi bộ, huyện ủy có trách nhiệm trực tiếp xem xét, kiểm điểm đảng viên đó. Trường hợp đặc biệt (đảng viên vi phạm khi thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao hoặc nội dung vi phạm liên quan đến bí mật của Đảng và Nhà nước mà chi bộ không biết hay đảng viên vi phạm trước khi chuyển đến sinh hoạt ở chi bộ, đảng viên vi phạm trong cùng một vụ án có liên quan đến nhiều người, nhiều ngành, nhiều cấp,...) thì cấp ủy và ủy ban kiểm tra có thẩm quyền trực tiếp xem xét, quyết định kỷ luật, không cần yêu cầu đảng viên đó phải kiểm điểm trước chi bộ.

2. Tổ chức đảng vi phạm phải kiểm điểm, tự nhận hình thức kỷ luật và báo cáo lên cấp ủy cấp trên quyết định

Nếu tổ chức đảng có vi phạm kỷ luật thì cơ quan lãnh đạo (thường trực cơ quan lãnh đạo) hoặc người đứng đầu của tổ chức đảng đó chuẩn bị nội dung kiểm điểm, báo cáo trước hội nghị tổ chức mình để kiểm điểm làm rõ đúng, sai, mức độ, nội dung, tính chất, tác hại, nguyên nhân của vi phạm, trách nhiệm của tổ chức, các thành viên và biểu quyết tự nhận hình thức kỷ luật của tổ chức, của từng thành viên có liên quan và báo cáo lên tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền

xem xét, quyết định. Đại diện của tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền tham dự hội nghị này.

3. Trước khi quyết định kỷ luật, đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền nghe đảng viên vi phạm hoặc đại diện tổ chức đảng vi phạm trình bày ý kiến

- Trước khi quyết định kỷ luật, đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền nghe đảng viên vi phạm trình bày ý kiến và ý kiến này được báo cáo đầy đủ (cùng với bản tự kiểm điểm của đảng viên đó) khi tổ chức đảng có thẩm quyền họp để xem xét, quyết định kỷ luật.

- Đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền quy định ở điểm này là đại diện của cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật. Đại diện của cấp ủy có thẩm quyền do cấp ủy phân công, có thể là bí thư, phó bí thư thường trực, ủy viên thường vụ là chủ nhiệm ủy ban kiểm tra hoặc trưởng ban tổ chức, cấp ủy viên phụ trách khối công tác hoặc địa bàn (nơi đảng viên và tổ chức đảng vi phạm sinh hoạt hoặc hoạt động). Đại diện ủy ban kiểm tra có thể là chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban phụ trách địa bàn hoặc lĩnh vực công tác.

Trình bày ý kiến với tổ chức đảng có thẩm quyền trước khi bị thi hành kỷ luật là quyền và trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên. Nếu đảng viên hoặc người đại diện tổ chức đảng vi phạm, vì một lý do nào đó mà không trực tiếp trình bày ý kiến với tổ chức đảng có thẩm quyền khi được yêu cầu thì phải báo cáo với tổ chức đảng có thẩm quyền bằng văn bản và nghiêm chỉnh chấp hành quyết định kỷ luật của tổ chức đảng có thẩm quyền.

4. Quyết định của cấp dưới về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải báo cáo lên cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp; nếu đảng viên vi phạm tham gia nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng thì phải báo cáo đến các cơ quan lãnh đạo cấp trên mà đảng viên đó là thành viên

5. Quyết định của cấp trên về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải được thông báo đến cấp dưới, nơi có tổ chức đảng và đảng viên vi phạm; trường hợp cần thông báo rộng hơn thì do cấp ủy có thẩm quyền quyết định

Quyết định thi hành kỷ luật, quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật của ủy ban kiểm tra đối với đảng viên vi phạm, nếu cần thông báo rộng hơn thì do cấp ủy quản lý đảng viên đó quyết định.

Phạm vi thông báo các quyết định thi hành kỷ luật, quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đối với đảng viên là cấp ủy viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý do cấp ủy quản lý đảng viên đó quyết định.

6. Kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm có hiệu lực ngay sau khi công bố quyết định

Ở chi bộ, quyết định khiển trách, cảnh cáo đối với đảng viên có hiệu lực ngay sau khi chi bộ công bố kết quả biểu quyết quyết định kỷ luật. Trong vòng 10 ngày sau đó, chi ủy làm văn bản để báo cáo cấp trên và lưu hồ sơ. Văn bản của chi bộ (trong đảng bộ bộ phận, trong đảng bộ cơ sở) được đóng

dấu của đảng ủy cơ sở vào phía trên, góc trái. Đảng ủy cơ sở hoặc cấp ủy cấp trên trực tiếp không phải ra quyết định chuẩn y.

Tổ chức đảng có thẩm quyền sau khi ký quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật, phải kịp thời công bố, chậm nhất không quá 15 ngày kể từ ngày ký. Tổ chức đảng ký quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật có thể trực tiếp công bố hoặc ủy quyền cho tổ chức đảng cấp dưới công bố. Tổ chức đảng cấp dưới được ủy quyền chậm nhất không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định, phải công bố quyết định cho tổ chức đảng hoặc đảng viên bị kỷ luật hoặc khiếu nại kỷ luật. Nếu quá hạn trên, phải báo cáo ngay với cấp có thẩm quyền quyết định.

Việc công bố quyết định kỷ luật, công bố quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật phải có đại diện tổ chức đảng ra quyết định (hoặc được ủy quyền công bố quyết định), đại diện tổ chức đảng quản lý đảng viên bị thi hành kỷ luật, đại diện tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật, đảng viên bị thi hành kỷ luật và phải lập biên bản lưu hồ sơ. Trường hợp đảng viên bị thi hành kỷ luật từ chối nghe công bố hoặc không nhận quyết định thì ghi vào biên bản, quyết định vẫn được công bố và có hiệu lực thi hành ngay.

Đề nghị của cấp dưới về thi hành kỷ luật cách chức, khai trừ đối với đảng viên và giải tán đối với tổ chức đảng nếu chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định và công bố thì đảng viên đó vẫn được sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp ủy, tổ chức đảng đó vẫn được hoạt động.

7. Tổ chức đảng, đảng viên không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong vòng một tháng kể từ ngày nhận quyết định có quyền khiếu nại với cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương

Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

8. Khi nhận khiếu nại kỷ luật, cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra thông báo cho tổ chức đảng hoặc đảng viên khiếu nại biết; chậm nhất ba tháng đối với cấp tỉnh, thành phố, huyện, quận và tương đương, sáu tháng đối với cấp Trung ương kể từ ngày nhận được khiếu nại phải xem xét, giải quyết, trả lời cho tổ chức đảng và đảng viên khiếu nại biết

9. Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng và đảng viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật

Các khoản 7, 8, 9, Điều 39 đã được nêu tại mục 4.2, Điều 32.

Điều 40.

1. Đảng viên bị hình phạt từ cải tạo không giam giữ trở lên phải khai trừ ra khỏi Đảng

Khi đảng viên bị khởi tố, truy tố hoặc bị tạm giam, nếu tổ chức đảng có thẩm quyền kết luận rõ đảng viên có vi phạm đến mức phải xử lý thì phải chủ động xem xét, xử lý kỷ luật đảng, không nhất thiết phải chờ kết luận hoặc tuyên phạt của tòa án có thẩm quyền. Sau khi có bản án hoặc quyết định của tòa án, nếu thấy cần thiết, tổ chức đảng có thẩm quyền

thi hành kỷ luật xem xét lại việc thi hành kỷ luật đảng đối với đảng viên đó.

Trường hợp bị tòa án có thẩm quyền tuyên phạt từ hình phạt cải tạo không giam giữ trở lên, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật phải khai trừ (đối với đảng viên chính thức) hoặc xóa tên trong danh sách đảng viên (đối với đảng viên dự bị).

Trường hợp đảng viên vi phạm pháp luật bị xử lý bằng các hình phạt thấp hơn thì tùy mức độ, tính chất vi phạm mà xem xét, quyết định thi hành kỷ luật đảng bằng hình thức thích hợp (kể cả khai trừ, nếu xét thấy vi phạm kỷ luật đến mức phải khai trừ). Trường hợp đảng viên bị xử oan, sai mà đã được tòa án có thẩm quyền quyết định hủy bỏ bản án, các tổ chức đảng có thẩm quyền phải xem xét lại việc thi hành kỷ luật đối với đảng viên đó.

2. Tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán, cấp ủy cấp trên trực tiếp lập tổ chức đảng mới hoặc giới thiệu sinh hoạt đảng cho số đảng viên còn lại

- Đối với chi bộ, đảng bộ bị kỷ luật giải tán, sau khi được sự đồng ý của tổ chức đảng có thẩm quyền giải tán, cấp ủy cấp trên trực tiếp của chi bộ, đảng bộ đó ra quyết định lập chi bộ, đảng bộ mới.

Ở chi bộ, đảng bộ bị kỷ luật giải tán, có những đảng viên vi phạm chưa đến mức phải khai trừ, thì tổ chức đảng có thẩm quyền thi hành kỷ luật căn cứ nội dung, mức độ, tính chất, tác hại và nguyên nhân vi phạm của từng người mà xem xét, xử lý kỷ luật (khiển trách, cảnh cáo, cách chức) trước khi quyết định chuyển sinh hoạt đảng đến chi bộ,

đảng bộ mới lập hoặc giới thiệu sinh hoạt đến chi bộ, đảng bộ khác.

- Đối với cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy bị giải tán, cấp ủy cấp trên trực tiếp xem xét thi hành kỷ luật những thành viên của tổ chức đảng đó và chỉ định lập cấp ủy lâm thời, bầu ban thường vụ cấp ủy mới.

- Những đảng viên vi phạm đến mức phải kỷ luật khai trừ thì khai trừ ra khỏi Đảng. Tổ chức đảng có thẩm quyền thi hành kỷ luật ra quyết định khai trừ từng người một.

3. Đảng viên bị kỷ luật cách chức, trong vòng một năm kể từ ngày có quyết định, không được bầu vào cấp ủy, không được bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương và cao hơn

Đảng viên bị thi hành kỷ luật bằng hình thức cách chức, bao gồm cả chức vụ do đại hội bầu, cấp ủy bầu hoặc bổ nhiệm, trong vòng một năm kể từ ngày công bố quyết định, không được bầu vào cấp ủy (từ chi ủy trở lên), không bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương và cao hơn.

4. Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng, phải được cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra có thẩm quyền quyết định theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương

- Đảng viên (kể cả cấp ủy viên) có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng (đến mức có thể phải khai trừ) mà có hành động cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của cấp ủy và công tác kiểm tra của Đảng hoặc bị cơ quan pháp luật

có thẩm quyền ra quyết định truy tố, tạm giam thì phải đình chỉ sinh hoạt đảng.

- Cấp ủy viên có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng (đến mức có thể phải cách chức cấp ủy viên) mà có hành động cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của cấp ủy và công tác kiểm tra của Đảng hoặc bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền ra quyết định khởi tố thì phải đình chỉ sinh hoạt cấp ủy.

- Tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành động cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của tổ chức đảng, cho công tác lãnh đạo và kiểm tra của Đảng thì đình chỉ hoạt động.

Lưu ý: Cấp ủy viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng đương nhiên bị đình chỉ sinh hoạt cấp ủy.

- Thẩm quyền đình chỉ sinh hoạt, hoạt động.

Tổ chức đảng quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên là tổ chức đảng có thẩm quyền khai trừ đối với đảng viên đó. Ví dụ: Đình chỉ sinh hoạt đảng của một huyện ủy viên do ban thường vụ tỉnh ủy quyết định. Tổ chức đảng quyết định đình chỉ sinh hoạt cấp ủy viên là tổ chức đảng có thẩm quyền cách chức cấp ủy viên đó. Ví dụ: Đình chỉ sinh hoạt cấp ủy viên cơ sở do ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định. Tổ chức đảng quyết định đình chỉ hoạt động của một tổ chức đảng là tổ chức đảng có thẩm quyền giải tán tổ chức đảng đó. Ví dụ: Ban thường vụ tỉnh ủy quyết định đình chỉ hoạt động của một cấp ủy cơ sở trực thuộc huyện ủy.

- Thời hạn đình chỉ sinh hoạt, hoạt động:

+ Thời hạn đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên và đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên có dấu hiệu vi phạm

kỷ luật đảng là ba tháng. Trường hợp cần thiết phải gia hạn, thì thời hạn đình chỉ kể cả gia hạn nhiều nhất không quá sáu tháng. Thời hạn đình chỉ hoạt động đối với tổ chức đảng nhiều nhất không quá ba tháng.

+ Thời hạn đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên (kể cả cấp ủy viên) bị truy tố, bị tạm giam và thời hạn đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên bị khởi tố được tính theo thời hạn quy định của pháp luật (kể cả gia hạn, nếu có).

Tổ chức đảng quản lý đảng viên bị tạm giam hoặc truy tố hay bị khởi tố cần chủ động quan hệ với tổ chức đảng và đảng viên là thủ trưởng của cơ quan pháp luật (cơ quan điều tra, cơ quan kiểm sát, cơ quan xét xử) nắm chắc thời hạn tạm giam của đảng viên, cấp ủy viên, không để kéo dài so với quy định của pháp luật. Tổ chức đảng và đảng viên là thủ trưởng của cơ quan pháp luật có thẩm quyền quyết định khởi tố, tạm giam, truy tố đối với công dân là đảng viên, cấp ủy viên phải chủ động thông báo ngay bằng văn bản các quyết định nói trên (kể cả khi gia hạn) đến cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra của cấp ủy quản lý đảng viên, cấp ủy viên đó.

- Việc quyết định cho đảng viên, cấp ủy viên trở lại sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp ủy và tổ chức đảng trở lại hoạt động:

+ Tổ chức đảng có thẩm quyền phải nhanh chóng xem xét, kết luận nội dung vi phạm của đảng viên, cấp ủy viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp ủy, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động để quyết định đảng viên, cấp ủy viên trở lại sinh hoạt, tổ chức đảng trở lại hoạt động và xem xét, xử lý kỷ luật đảng bằng hình thức phù hợp; kịp thời chỉ đạo việc xem xét, xử lý kỷ luật về chính quyền, về các đoàn thể. Trường hợp không thuộc thẩm quyền thì phải chỉ đạo hoặc

kiến nghị với các tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định. Trường hợp đảng viên đang bị tạm giam, bị truy tố, xét xử thì tổ chức đảng có thẩm quyền nếu nắm vững vi phạm của đảng viên đó, có thể quyết định thi hành kỷ luật ngay bằng hình thức phù hợp, không nhất thiết phải quyết định cho đảng viên, cấp ủy viên, tổ chức đảng trở lại sinh hoạt, hoạt động mới xem xét, xử lý kỷ luật.

+ Khi đảng viên không còn bị tạm giam và không bị cơ quan pháp luật truy tố, thì tổ chức đảng hoặc đảng viên là thủ trưởng của cơ quan pháp luật có trách nhiệm thông báo kịp thời bằng văn bản đến cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra của cấp ủy quản lý đảng viên đó để quyết định cho đảng viên trở lại sinh hoạt và xem xét, xử lý kỷ luật đảng (nếu đến mức phải thi hành kỷ luật). Trường hợp đình chỉ điều tra thì quyết định cho cấp ủy viên trở lại sinh hoạt cấp ủy.

Trường hợp hết thời hạn tạm giam, hoặc không bị tạm giam, nhưng vẫn bị truy tố, xét xử thì tổ chức đảng chưa quyết định cho đảng viên trở lại sinh hoạt đảng.

+ Về thủ tục ra quyết định đình chỉ, quyết định trở lại sinh hoạt, hoạt động.

Tổ chức đảng nào quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng thì tổ chức đảng đó quyết định cho đảng viên, cấp ủy viên, tổ chức đảng trở lại sinh hoạt, hoạt động. Ủy ban kiểm tra giúp cấp ủy chuẩn bị các văn bản, quyết định các trường hợp thuộc thẩm quyền của cấp ủy.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BAN BÍ THƯ

Số 27-TB/TW, ngày 5 tháng 10 năm 2001

Về Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ IX (nhiệm kỳ 2002 - 2007)

Tại phiên họp ngày 27-9-2001, sau khi nghe báo cáo của Đảng đoàn Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và ý kiến đại diện lãnh đạo các cơ quan liên quan về Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ IX nhiệm kỳ 2002 - 2007, Ban Bí thư đã có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội lần thứ IX của Hội đã được chuẩn bị khá công phu, có chất lượng tốt; đánh giá đúng mức phong trào phụ nữ Việt Nam và hoạt động của các cấp hội trong nhiệm kỳ qua; khẳng định rõ thành tích, những việc đã làm được, nghiêm túc chỉ ra những thiếu sót, yếu kém; những nguyên nhân chủ quan, khách quan, đặc biệt là những nguyên nhân chủ quan của các cấp Hội và rút ra những bài học kinh nghiệm thiết thực trong 5 năm qua để có những giải pháp khắc phục. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh những điển hình tốt, những cách làm hay trong hoạt động của các cấp Hội trong các lĩnh vực như: xóa đói, giảm nghèo, phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, Quỹ tình thương...

Đại hội IX Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam lần này có ý nghĩa rất quan trọng, được tiến hành vào đầu thiên niên kỷ mới, sau Đại hội IX của Đảng. Do vậy, việc đánh giá tình hình, xác định phương hướng, nhiệm vụ của phong trào phụ nữ và hoạt động của các cấp Hội nhiệm kỳ 2002 - 2007, cần quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Ban Bí thư lưu ý một số vấn đề sau:

- Hội cần tuyên truyền, giáo dục, vận động hội viên và các tầng lớp phụ nữ nhận rõ những cơ hội và thách thức của đất nước trong giai đoạn mới, tin tưởng và tích cực thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Phát huy mạnh mẽ vai trò của phụ nữ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng gia đình hạnh phúc, chăm lo, bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em, nâng cao trình độ mọi mặt của chị em, xây dựng đội ngũ cán bộ nữ...

- Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cần tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động, thực sự hướng mạnh các hoạt động về cơ sở, cộng đồng dân cư với các nội dung và hình thức hoạt động đa dạng, phong phú, phù hợp với từng vùng, từng đối tượng.

2. Về dự thảo Điều lệ, không nên bổ sung trong Điều 9 Điều lệ dự thảo về cơ quan lãnh đạo các cấp Hội thực hiện "theo nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức". Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam là tổ chức quần chúng tập hợp rộng rãi chị em phụ nữ, vì vậy, tổ chức và hoạt động của Hội cần nhấn mạnh các nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, liên hiệp, thống nhất hành động.

3. Đồng ý tổ chức Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ IX từ ngày 2-3 đến ngày 5-3-2002, tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội; số lượng đại biểu chính thức và khách mời dự Đại hội là 1.200 người. Đồng ý về nguyên tắc mời 35 đoàn khách quốc tế; Trung ương Hội cần làm việc với Ban Đối ngoại Trung ương về danh sách cụ thể các đoàn và số lượng khách mời.

4. Chấp thuận số lượng Ban Chấp hành Trung ương Hội khóa IX gồm 135 ủy viên, Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội gồm 25 ủy viên. Cần chọn người thật sự tiêu biểu đại diện cho các địa phương, ngành, vùng, miền, các tầng lớp xã hội tham gia Ban Chấp hành Trung ương Hội. Bộ máy Thường trực Trung ương Hội có thể tăng thêm từ 1 đến 2 đồng chí, nên có thêm những đồng chí trẻ bảo đảm tiêu chuẩn để thể hiện rõ tính liên tục, kế thừa, kết hợp ba độ tuổi, bảo đảm sự chuyển tiếp vững vàng trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Hội.

Giao Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân vận Trung ương... phối hợp với Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam để xem xét cụ thể phương án nhân sự Đoàn Chủ tịch, Thường trực Trung ương Hội.

5. Đồng ý về nguyên tắc để Hội thành lập Quỹ Giải thưởng Phụ nữ Việt Nam cho các nhà khoa học nữ và nữ tài năng; Trung ương Hội cần có đề án cụ thể trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định. Về việc Hội đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cho các lực lượng phụ nữ và Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về những thành tích đóng góp to lớn vào sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc, Ban Bí thư yêu cầu Đảng đoàn cân nhắc thêm,

nếu vẫn giữ kiến nghị đó thì Trung ương Hội có Tờ trình Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà nước xem xét để trình Ban Bí thư.

Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phối hợp cùng với các ban của Đảng để cân nhắc và xác định rõ thêm chủ đề của phong trào thi đua yêu nước của các tầng lớp phụ nữ Việt Nam và chủ đề Đại hội IX của Hội; đề xuất nội dung Bức trướng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tặng Đại hội để trình Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Các tỉnh ủy, thành ủy và các ban, ngành liên quan lãnh đạo, chỉ đạo và tạo những điều kiện cần thiết để đại hội Hội phụ nữ cấp mình tiến hành đại hội đạt kết quả, bảo đảm yêu cầu chất lượng.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CHỈ ĐẠO CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 30-TB/TW, ngày 19 tháng 10 năm 2001

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992

Tại phiên họp ngày 17 và 18-10-2001, Bộ Chính trị đã nghe Ủy ban dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 trình bày việc tiếp thu ý kiến của nhân dân, các cấp, các ngành để chỉnh lý nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992; và ý kiến của một số ngành liên quan về vấn đề này. Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến chỉ đạo như sau:

I- Việc chuẩn bị sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 đã được tiến hành khẩn trương và thận trọng, nghiêm túc đúng quy trình theo luật định. Trong thời gian ngắn, Ủy ban dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 đã tổ chức tốt việc lấy ý kiến đóng góp của nhân dân và cán bộ. Với số lượng lớn ý kiến và nội dung ý kiến đóng góp đã thể hiện ý thức trách nhiệm và xây dựng cao của các cấp, các ngành, của các tầng lớp nhân dân trong cả nước đối với công việc quan trọng này của đất nước. Ủy ban cần tiếp tục chỉ đạo việc tổng hợp đầy đủ, chính xác các ý kiến đóng góp của nhân dân.

II- Bộ Chính trị khẳng định lại các quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Quốc hội về mục đích, yêu cầu và phạm vi của việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp lần này là:

- Tiếp tục khẳng định bản chất và mô hình tổng thể của thể chế chính trị và bộ máy Nhà nước ta đã được quy định trong Hiến pháp năm 1992; thể chế hóa các quan điểm, chủ trương mới của Đảng thể hiện trong Nghị quyết Đại hội IX.

- Không đặt vấn đề sửa đổi cơ bản toàn diện Hiến pháp mà chỉ sửa đổi, bổ sung một số vấn đề thực sự bức xúc, đã có đủ cơ sở và có sự thống nhất cao. Trọng tâm là sửa đổi, bổ sung một số điều về tổ chức bộ máy nhà nước làm cơ sở cho việc cải cách bộ máy nhà nước. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung một số điều thuộc các lĩnh vực khác cho phù hợp với các nội dung mới đã được Nghị quyết Đại hội IX xác định.

Ủy ban dự thảo đã quán triệt và bám sát các quan điểm chỉ đạo trên và tiếp thu một cách nghiêm túc ý kiến đóng góp của nhân dân. Đề nghị tiếp tục rà soát để làm tốt hơn nữa, lưu ý làm rõ những vấn đề có đủ cơ sở để tiếp thu trong việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp lần này; những vấn đề sẽ tiếp thu trong việc sửa đổi, bổ sung các luật tổ chức bộ máy nhà nước; những vấn đề cần phải có thời gian nghiên cứu làm rõ; và báo cáo đầy đủ trước Quốc hội.

III- VỀ CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ

1. Về Lời nói đầu

Đồng ý bổ sung quan điểm của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX về: "Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại

đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội" vào Lời nói đầu của Hiến pháp. Nên thể hiện đầy đủ như dự thảo công bố lấy ý kiến nhân dân và nghiên cứu tiếp thu thêm nội dung về truyền thống yêu nước, truyền thống văn hóa của dân tộc.

2. Về chế độ chính trị

- Bổ sung Điều 2 nội dung "Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa" để khẳng định rõ trong Hiến pháp quan điểm của Đảng về vấn đề nhà nước pháp quyền. Không nên quy định vấn đề này ở Điều 12.

- Bổ sung Điều 3 về mục tiêu chung phát triển đất nước: "thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

- Bổ sung Điều 9 nội dung: "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài; là bộ phận của hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" nhằm làm rõ hơn vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong hệ thống chính trị.

3. Chế độ kinh tế

- Bổ sung Điều 15 nội dung: "Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa".

- Đồng ý bổ sung, sửa đổi các Điều 16, 19, 21, 25 như đề nghị của Ủy ban dự thảo.

Nên bỏ đoạn: "Doanh nghiệp nhà nước được quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh, bảo đảm sản xuất, kinh doanh có hiệu quả" (Điều 19) và đoạn "kinh tế gia đình được khuyến khích phát triển" (Điều 21).

- Cần bổ sung vào chương Chế độ kinh tế vấn đề: xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ trên cơ sở phát huy nội lực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; và giữ nguyên Điều 24 Hiến pháp hiện hành.

4. Về văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

Đồng ý sửa đổi, bổ sung Điều 36, 37, 59, 75 như đề nghị của Ủy ban dự thảo. Giữ nguyên Điều 35 Hiến pháp hiện hành.

5. Quốc hội

Khẳng định Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Về cơ bản, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội nên giữ như quy định của Hiến pháp 1992.

a) Về nhiệm vụ của Quốc hội

- Đồng ý sửa đổi, bổ sung điểm 4, điểm 5, điểm 13 của Điều 84 như đề nghị của Ủy ban dự thảo.

Lưu ý khi trình Ban Chấp hành Trung ương và Quốc hội cần nêu rõ chủ trương phân cấp quyết định ngân sách và nội dung phân bổ ngân sách Trung ương là căn cứ để sửa đổi

điểm 4; cần cân nhắc việc sử dụng các từ "ký", "ký kết", "đình chỉ hiệu lực", "gia nhập" hoặc "bãi bỏ điều ước quốc tế" ở điểm 13 Điều này và điểm 10 Điều 103, điểm 8 Điều 112 sao cho chính xác, phù hợp với pháp luật Việt Nam và quốc tế.

- Việc quy định trong Hiến pháp: Quốc hội bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn là cần thiết. Luật sẽ quy định những vấn đề cụ thể, như thủ tục, thẩm quyền đề nghị và hậu quả pháp lý của việc bỏ phiếu tín nhiệm; các quy định này phải chặt chẽ để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cán bộ, đồng thời phát huy vai trò giám sát của Quốc hội.

b) Về nhiệm vụ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Đồng ý bỏ điểm 8 Điều 91 về vấn đề Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức thành viên của Chính phủ trong thời gian Quốc hội không họp; còn việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ nêu trên thì quy định trong luật.

6. Chủ tịch nước

Khẳng định Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại. Đồng ý sửa đổi, bổ sung một số vấn đề cụ thể ở Điều 103 như đề nghị của Ủy ban dự thảo.

7. Chính phủ

Cơ bản giữ các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ như Hiến pháp 1992. Đồng ý sửa đổi, bổ sung một số vấn đề cụ thể ở điểm 8 Điều 112 và Điều 116 như đề nghị của Ủy ban dự thảo.

8. Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân

a) Về hội đồng nhân dân (Điều 119)

- Khẳng định hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân.

- Vấn đề *thường trực hội đồng nhân dân,* không nên quy định trong Hiến pháp, nên xem xét quy định ở Luật tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân.

b) Đồng ý giữ lại các quy định của Hiến pháp (Điều 91 và Điều 112) về việc Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát và hướng dẫn hoạt động của hội đồng nhân dân; Chính phủ hướng dẫn, kiểm tra hội đồng nhân dân.

c) Về ủy ban nhân dân (Điều 123)

- Cần tiếp tục khẳng định ủy ban nhân dân do hội đồng nhân dân bầu, là cơ quan chấp hành của hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

- Cần bổ sung quy định theo hướng: *trong trường hợp cần thiết, Thủ tướng Chính phủ điều động, bổ nhiệm chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp trên điều động, bổ nhiệm chủ tịch ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp.*

Trong luật cần quy định: *chủ tịch ủy ban nhân dân không nhất thiết phải là đại biểu hội đồng nhân dân.*

9. Tòa án nhân dân (Điều 131)

Tán thành cần bổ sung để thực hiện chủ trương áp dụng thủ tục rút gọn đối với những vụ án có tình tiết đơn giản, rõ ràng.

10. Viện kiểm sát nhân dân (Điều 137)

Đồng ý với phương án viện kiểm sát nhân dân có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp.

Khi trình Ban Chấp hành Trung ương thì trong Tờ trình có thể nêu thêm phương án "Viện kiểm sát nhân dân thực hiện quyền công tố, kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước và kiểm sát hoạt động tư pháp".

11. Về Thủ đô (Điều 144)

Tán thành không bổ sung thêm "Quy chế về Thủ đô do luật định".

*

* *

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo trên và ý kiến phát biểu của các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư tại phiên họp này, Ủy ban sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 chỉnh lý và hoàn chỉnh dự án, xây dựng tờ trình của Bộ Chính trị để trình Hội nghị Trung ương 4.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 31-TB/TW, ngày 23 tháng 10 năm 2001

Về dự thảo Báo cáo hai năm thực hiện Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và một số giải pháp đẩy mạnh Cuộc vận động, ngăn chặn và đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí

Tại phiên họp ngày 18 và 19-10-2001, sau khi nghe Tiểu ban Trung ương 6 (2) trình bày dự thảo Báo cáo hai năm thực hiện Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và một số giải pháp đẩy mạnh Cuộc vận động, ngăn chặn và đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí; Bộ Chính trị đã có ý kiến kết luận như sau:

Nhận xét chung về báo cáo:

+ Tiểu ban đã có cố gắng chuẩn bị, nêu vấn đề thẳng thắn, nhiều nội dung tốt.

+ Bộ Chính trị cơ bản tán thành nội dung báo cáo, đồng thời lưu ý thêm các vấn đề sau đây và giao Tiểu ban tiếp thu, hoàn chỉnh để Bộ Chính trị báo cáo tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa IX:

1. Về phạm vi và nội dung báo cáo

- Tán thành không đặt vấn đề tổng kết toàn diện hai năm

Cuộc vận động (vì đã có báo cáo tại Đại hội), nhưng trong kiểm điểm và giải pháp phải đề cập cả ba nội dung: nhận thức chính trị, tư tưởng; đạo đức lối sống; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong lãnh đạo, điều hành. Trong đó tập trung sâu hơn về vấn đề chống tham nhũng, lãng phí; làm rõ hơn những diễn biến mới từ sau Đại hội IX. Vì vậy, cần cân nhắc thể hiện lại tiêu đề của Báo cáo cho phù hợp.

2. Về đánh giá

- Cần đánh giá đầy đủ và mạch lạc hơn cả mặt được và những thiếu sót, khuyết điểm, không trình bày xen lẫn giữa ưu điểm với khuyết điểm.

- Cần đi thẳng vào từng vấn đề, không nên nêu khái quát và nhắc lại nhiều lần nhận định "cuộc vận động chưa đạt yêu cầu". Những vấn đề mới nảy sinh, những chuyển biến, tiến bộ kể từ sau Đại hội IX đến nay, cần được thể hiện rõ hơn trong báo cáo.

3. Về nguyên nhân

- Phân tích sâu hơn, rõ hơn về từng nguyên nhân trong báo cáo; tập trung ở đối tượng nào? Cấp nào? Địa chỉ cụ thể nào? Hạn chế nói chung chung.

- Cân nhắc hoặc diễn đạt lại nguyên nhân thứ sáu "chưa có tổ chức đủ mạnh phối hợp chống tham nhũng" sao cho gắn với phần giải pháp.

- Cân nhắc bổ sung vào phần nguyên nhân một số ý về thực hiện cải cách hành chính chậm, hệ thống tư pháp còn nhiều yếu kém.

- Soát xét lại kỹ hơn những dẫn chứng về các vụ việc nêu trong báo cáo, nhất là các vụ án cụ thể (Trâm Bù, Minh Nhớp, Thương mại Dầu khí Đồng Tháp...).

4. Về các giải pháp

- Trước khi nêu các giải pháp cụ thể trước mắt cần bổ sung và đề cập đúng mức hơn các giải pháp cơ bản, trong đó lưu ý cả việc giáo dục chính trị tư tưởng, nêu gương người tốt việc tốt, thực hiện toàn diện các giải pháp về xây dựng Đảng,...

- Về các giải pháp cụ thể:

+ Phải cân nhắc, phân biệt và diễn đạt rõ hơn yêu cầu kê khai về cơ sở sản xuất kinh doanh (để không hiểu sai là hạn chế đầu tư vốn sản xuất kinh doanh).

+ Trong quy định cụ thể, cần nói rõ phương châm: cấp trên làm trước, cấp dưới làm sau, cán bộ lãnh đạo cấp cao hơn làm trước, sau đó đến cấp dưới.

+ Cân nhắc một số vấn đề không nhất thiết phải có quy định cụ thể mà cần thực hiện theo hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đảng (ví dụ: vấn đề đoàn kết).

5. Về cách ra quyết định tại Hội nghị Trung ương

- Hội nghị Trung ương 4 sẽ ra kết luận về vấn đề này, không ra nghị quyết.

Cùng với báo cáo chung, cần chuẩn bị thêm một số báo cáo phụ lục chuyên đề và dự thảo một số quy định cụ thể trình Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 4.

- Về các báo cáo phụ lục chuyên đề:

+ Ủy ban Kiểm tra Trung ương chuẩn bị báo cáo về tình hình xử lý kỷ luật đảng viên trong cuộc vận động;

+ Ban Nội chính Trung ương chuẩn bị báo cáo về tình hình xử lý các vụ án tham nhũng;

+ Ban Cán sự Đảng Thanh tra Nhà nước chuẩn bị báo cáo về tình hình thực hiện Pháp lệnh chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm.

- Về các dự thảo quy định cụ thể:

+ Ban Cán sự Đảng Thanh tra Nhà nước báo cáo để Ban Cán sự Đảng Chính phủ cho ý kiến đối với các quy định về kê khai tài sản của cán bộ, đảng viên; về quà biếu, quà tặng, tiền thưởng; về xử lý trách nhiệm người đứng đầu đơn vị khi để xảy ra vi phạm pháp luật.

+ Ủy ban Kiểm tra Trung ương tiếp tục bổ sung, điều chỉnh quy định về những điều đảng viên không được làm.

Các cơ quan được giao chuẩn bị các báo cáo phụ lục và các quy định nói trên hoàn thành văn bản gửi về Văn phòng Trung ương trong tháng 10-2001 để kịp trình Hội nghị Trung ương 4.

6. Bộ Chính trị phân công các đồng chí: Phan Diễn, Nguyễn Tấn Dũng, Lê Hồng Anh, Trần Đình Hoan, Lê Minh Hương, Trương Vĩnh Trọng thường trực theo dõi chỉ đạo thực hiện Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và chống tham nhũng, lãng phí, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

*

* *

Căn cứ vào kết luận trên đây, Tiểu ban Trung ương 6 (2) cần khẩn trương hoàn chỉnh báo cáo chung gửi Thường trực

Ban Bí thư trước ngày 25-10-2001 để xin ý kiến Bộ Chính trị và kịp gửi Ban Chấp hành Trung ương theo quy chế làm việc.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ

Số 32-TB/TW, ngày 30 tháng 10 năm 2001

Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2002 và Kế hoạch 5 năm 2001 - 2005

Tại phiên họp ngày 26 và sáng 27-10-2001, sau khi nghe báo cáo của Ban Cán sự Đảng Chính phủ về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2002 và 5 năm 2001 - 2005, ý kiến của Ban Kinh tế Trung ương, Đảng đoàn Quốc hội, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận:

Cơ bản tán thành báo cáo của Ban Cán sự Đảng Chính phủ, đồng thời nhấn mạnh và bổ sung thêm một số điểm sau:

I- VỀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2002

1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2001

a) Về kết quả và những mặt tích cực

- Khẳng định trong điều kiện tình hình trong nước và quốc tế có rất nhiều khó khăn, những kết quả phát triển kinh tế - xã hội đạt được năm 2001, trong đó tốc độ tăng trưởng

kinh tế khoảng 7%, cao hơn năm 2000 và cao hơn nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, là rất tích cực.

Tuy nhiên, trong đánh giá tổng quát, không nên đánh giá là "các mục tiêu kế hoạch của năm 2001 đã cơ bản được hoàn thành", vì còn 4/14 chỉ tiêu đạt thấp, trong đó có những chỉ tiêu quan trọng (như tốc độ tăng trưởng kinh tế, tăng xuất khẩu...). Có thể đánh giá "hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2001 ở mức khá" như đề xuất của Ban Cán sự Đảng Chính phủ; hoặc đánh giá đạt được những kết quả tích cực.

- Cùng với đạt được tốc độ tăng trưởng cao, cơ cấu kinh tế bước đầu có những chuyển biến theo hướng nâng cao hiệu quả (cả trong nông nghiệp, công nghiệp).

- Trong điều kiện việc thu hút vốn nước ngoài (vốn đầu tư trực tiếp FDI và vốn ODA) có nhiều khó khăn, thì việc huy động các nguồn lực trong nước cho đầu tư, nhất là đầu tư của khu vực tư nhân đạt được những kết quả khá tốt, do đó đã góp phần quan trọng duy trì được tốc độ tăng trưởng.

- Thu ngân sách đạt khá, vượt dự toán ban đầu, là một cố gắng lớn, góp phần cải thiện nền tài chính quốc gia, đáp ứng được các yêu cầu chi thường xuyên, vốn đầu tư phát triển, trả nợ, các yêu cầu đột xuất cứu trợ, giúp đỡ nhân dân vùng bị thiên tai, hỗ trợ xuất khẩu và tăng dự trữ tài chính.

- Một số lĩnh vực văn hóa, xã hội có chuyển biến tích cực như xóa đói, giảm nghèo, các hoạt động cứu trợ, từ thiện, giải quyết khiếu kiện, các vụ việc phức tạp về trật tự an ninh.

- Quốc phòng, an ninh được củng cố, làm thất bại nhiều âm mưu phá hoại của kẻ thù, bảo vệ độc lập, chủ quyền của đất nước. Các hoạt động đối ngoại được đẩy mạnh, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho phát triển đất nước và làm tăng uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

- Có nhiều nguyên nhân của những kết quả đạt được, nổi bật là:

+ Những quan điểm, đường lối đúng đắn của Đảng như phát huy nội lực, kích cầu tiêu dùng và đầu tư, khuyến khích xuất khẩu, đồng thời mở rộng thị trường trong nước.

+ Những đổi mới về cơ chế, chính sách, luật pháp của Nhà nước đáp ứng những đòi hỏi của thực tiễn như ban hành Luật doanh nghiệp, đổi mới cơ chế quản lý và điều hành xuất khẩu.

+ Sự điều hành năng động, linh hoạt, khẩn trương của Chính phủ, tháo gỡ kịp thời những vướng mắc cho các ngành, các cấp, các doanh nghiệp.

+ Sự nỗ lực phấn đấu của các doanh nghiệp, của các tầng lớp nhân dân.

b) Bên cạnh những kết quả tích cực, tình hình kinh tế - xã hội năm 2001 cũng còn nhiều tồn tại, yếu kém

- Điểm nổi bật là chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp. Chi phí sản xuất, giá thành nhiều sản phẩm quá cao, giá trị gia tăng thấp. Tỷ lệ doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhà nước sản xuất kinh doanh kém hiệu quả còn cao; nợ khó đòi trong hệ thống ngân hàng thương mại, rủi ro tín dụng lớn, ảnh hưởng tới sự an toàn của hệ thống ngân hàng. Thu ngân sách còn dựa nhiều vào khai thác tài nguyên và thuế nhập khẩu nên chịu ảnh hưởng lớn vào tình hình giá cả và thị trường bên ngoài, nền tài chính bấp bênh, chưa vững chắc.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế bước đầu có chuyển biến nhưng chậm, mang tính tự phát; nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh còn bấp bênh, rủi ro lớn. Công tác dự báo, xây dựng

quy hoạch, hiệu lực định hướng, hướng dẫn nền kinh tế của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội còn yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Việc huy động nhiều nguồn lực trong nước chưa tương xứng với khả năng và yêu cầu, sử dụng vốn chưa hiệu quả. Thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản, nhất là tín dụng đầu tư đạt rất thấp, quản lý các dự án đầu tư chưa chặt chẽ, còn nhiều thất thoát, thủ tục thẩm định các dự án kéo dài ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện các dự án.

- Một số vấn đề xã hội bức xúc chậm được giải quyết có hiệu quả, như: vấn đề chống lãng phí, chống tham nhũng, các tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em còn cao, khiếu kiện vẫn còn dai dẳng...

- Có nhiều nguyên nhân của những tồn tại, yếu kém, nổi bật là:

+ Về khách quan: do những tác động tiêu cực của tình hình quốc tế, thiên tai và những yếu kém vốn có của nền kinh tế còn chưa khắc phục được.

+ Về chủ quan: do việc triển khai thực hiện nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước chậm; một số giải pháp còn mang tính chất tình thế, chưa cơ bản, chưa có tính chiến lược lâu dài; công tác quản lý trên nhiều lĩnh vực chưa chặt chẽ; cải cách hành chính tiến hành chậm; một bộ phận cán bộ ý thức trách nhiệm trước nhân dân, trước công việc, ý chí tự lực tự cường, năng động, sáng tạo vươn lên chưa cao. Công tác xây dựng Đảng chưa đáp ứng được đòi hỏi của tình hình.

2. Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2002

a) Đánh giá về bối cảnh tình hình

Tình hình quốc tế còn tiếp tục có những diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta, nổi bật là:

- Do sự suy giảm của kinh tế thế giới, nhất là sau sự kiện 11-9 và việc Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) cộng với những khó khăn trong nước, những yếu kém vốn có của nền kinh tế, những khó khăn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta năm 2002 sẽ lớn hơn, gay gắt hơn năm 2001. Tình hình có thể sẽ còn phức tạp hơn nếu Mỹ mở rộng chiến tranh ra nhiều nước.

- Tuy nhiên, trong hoàn cảnh khó khăn đó, nước ta vẫn có những lợi thế, những cơ hội cần phải biết tận dụng, như: nước ta được đánh giá có độ ổn định và an toàn cao về chính trị, kinh tế, xã hội, trong lúc tình hình ở nhiều nơi khác trong khu vực và trên thế giới đang diễn biến phức tạp là yếu tố thuận lợi để thu hút vốn đầu tư nước ngoài; việc phê chuẩn Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ và cả việc Trung Quốc gia nhập WTO, có thể tạo ra một số điều kiện thuận lợi để chúng ta đẩy mạnh xuất khẩu.

b) Trong bối cảnh đó, đồng ý với phương án tăng trưởng do Ban Cán sự Đảng Chính phủ đề xuất, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2002 bằng hoặc cao hơn mức đạt được năm 2001 (về các chỉ tiêu cụ thể trong kế hoạch đề nghị bổ sung thêm các chỉ tiêu về lĩnh vực xã hội).

Đồng thời với phương án cơ bản, nếu tình huống tình hình thế giới có những diễn biến phức tạp hơn (mà hiện nay chưa lường được), có ảnh hưởng lớn đến nước ta, thì thực hiện

theo phương án dự phòng như đề nghị của Ban Cán sự Đảng Chính phủ.

c) Về mục tiêu và các nhiệm vụ cụ thể năm 2002

- Cùng với việc phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, phải hết sức chú ý tới yêu cầu nâng cao chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy lợi thế, hiệu quả, tăng tính cạnh tranh và tính tự chủ của nền kinh tế; tăng cường đầu tư và khuyến khích phát triển những ngành, những sản phẩm có lợi thế, có hiệu quả, có tính cạnh tranh cao theo yêu cầu của thị trường, đồng thời phát triển những ngành, những sản phẩm công nghiệp cơ bản, sản phẩm công nghệ cao tạo nền tảng cho phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ. Trong tình hình hiện nay, việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ lại càng quan trọng, cần được nhấn mạnh.

Chính phủ có phương án và kế hoạch cụ thể để thực hiện nhiệm vụ chuyển dịch cơ cấu trong toàn bộ nền kinh tế, trong từng ngành (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ), từng vùng, từng loại sản phẩm.

Gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phục vụ cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải đẩy mạnh việc áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất kinh doanh: giống cây, con mới, thiết bị, công nghệ sản xuất mới trong tất cả các ngành.

- Thực hiện đường lối đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, cần huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong nước cho đầu tư phát triển. Có chính sách khuyến khích tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng để huy động vốn cho đầu tư, tạo niềm tin cho nhân dân

yên tâm đầu tư, khuyến khích đầu tư của mọi thành phần kinh tế trong nước. Đồng thời, phải tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư để thu hút các nguồn vốn nước ngoài (FDI và ODA). Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn này.

Để phát huy cao nhất nội lực và để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cần phải tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 3 về sắp xếp, đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước và các nghị quyết của Hội nghị Trung ương 5 (đầu năm 2002) về phát triển kinh tế hợp tác, kinh tế tư nhân. Thực hiện tốt việc cơ cấu lại hệ thống ngân hàng theo quyết định của Chính phủ.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách khuyến khích xuất khẩu, quan tâm tới việc phát triển thị trường xuất khẩu, tạo ra những sự đột phá về mở rộng thị trường, đặc biệt là các thị trường Mỹ, EU, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản và các thị trường khác. Đồng thời cần hết sức chú ý phát triển thị trường trong nước, mở rộng thị trường nội địa; tiếp tục thực hiện chính sách kích cầu đầu tư và tiêu dùng, nâng cao sức mua của dân cư. Sản phẩm hàng hóa nào trong nước sản xuất có thể đáp ứng được nhu cầu thì kiên quyết không được nhập khẩu.

- Đồng ý đề nghị của Ban Cán sự Đảng Chính phủ trong điều kiện hiện nay (thị trường ổn định, cung về hàng hóa vượt cầu nhiều, chỉ số giá cả tăng thấp trong nhiều năm), phát hành trái phiếu công trình và phát hành thêm tiền để tăng vốn đầu tư phát triển. Ban Cán sự Đảng Chính phủ có phương án về mức cụ thể và phương án sử dụng các nguồn vốn đó có hiệu quả (tập trung đầu tư cho các công trình trọng điểm) trình Bộ Chính trị xem xét quyết định.

- Quan tâm tới sự phát triển giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ; tăng đầu tư, đổi mới cơ chế quản lý các lĩnh vực này để các lĩnh vực này thật sự trở thành động lực cho sự tăng trưởng.

- Tập trung vào giải quyết một số vấn đề xã hội bức xúc, tạo được chuyển biến rõ rệt trên các lĩnh vực: xóa đói, giảm nghèo; chống suy dinh dưỡng cho trẻ em; phát triển các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc (Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ); tổ chức đời sống cho đồng bào vùng lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu Long; đấu tranh chống tham nhũng, các tệ nạn xã hội; giảm bớt tai nạn giao thông...

- Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đánh bại mọi âm mưu phá hoại của kẻ thù bên trong, bên ngoài. Đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển đất nước và tăng uy tín nước ta trên trường quốc tế, không để kẻ thù có cớ can thiệp vào công việc nội bộ của ta.

- Đẩy mạnh đồng bộ nhiệm vụ cải cách hành chính (từ thể chế hành chính, tổ chức bộ máy tới nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức), tiếp tục cải cách thể chế kinh tế, đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, xây dựng và củng cố Đảng ngang tầm với đòi hỏi của tình hình nhiệm vụ mới.

II- VỀ KẾ HOẠCH 5 NĂM 2001 - 2005

1. Phần đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 khi trình Quốc hội cần bám sát hơn vào những nghị quyết và các chương trình kinh tế - xã hội đã được

Quốc hội thông qua. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 vừa qua đã được Đại hội Đảng lần thứ IX thông qua, kế hoạch trình Trung ương lần này chỉ là việc cụ thể hóa, thể chế hóa thêm một bước kế hoạch đó.

2. Qua năm đầu thực hiện Kế hoạch 5 năm và dự kiến kế hoạch năm 2002, chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế chỉ đạt ở mức 7%, thấp hơn mức bình quân 7,5% Đại hội thông qua, do điều kiện tình hình thế giới không thuận lợi. Mặc dù tình hình còn rất khó khăn, nhưng đồng ý chưa điều chỉnh các chỉ tiêu đã được Đại hội thông qua, quyết tâm phấn đấu để đạt các chỉ tiêu đó.

3. Đồng ý với đánh giá và 5 bài học kinh nghiệm rút ra từ thực hiện kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 và các mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 trong báo cáo của Chính phủ, lưu ý Chính phủ về việc quản lý vay nợ và hiệu quả sử dụng nguồn vốn nước ngoài, rà soát thêm cân đối xuất nhập khẩu và các chỉ tiêu kế hoạch chi tiết, bảo đảm cho khớp với các mục tiêu, phương hướng đã đề ra.

III- Trên cơ sở các ý kiến thảo luận và kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chuẩn bị tờ trình của Bộ Chính trị trình Hội nghị Trung ương 4.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 01-KL/TW, ngày 5 tháng 11 năm 2001

Về Đề án phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001 - 2010

Trong phiên họp ngày 2 và 3-11-2001, Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã nghe đại diện Ban Cán sự Đảng Chính phủ và một số bộ, ban, ngành báo cáo Đề án phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001 - 2010. Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

I- VỀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Tây Nguyên là một địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng của cả nước; là vùng giàu tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế. Từ sau ngày giải phóng miền Nam (30-4-1975), Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm lãnh đạo và chăm lo đầu tư xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng vùng Tây Nguyên, vì vậy kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng ở

Tây Nguyên đã đạt được những thành tựu quan trọng. Đặc biệt, sau 15 năm đổi mới, *kinh tế - xã hội Tây Nguyên đã có bước phát triển khá nhanh*, bước đầu phát huy có hiệu quả tiềm năng, lợi thế, mở rộng sản xuất hàng hóa, tạo được tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, cơ sở vật chất kỹ thuật và hạ tầng kinh tế - xã hội có nhiều thay đổi lớn; đời sống của đại bộ phận nhân dân có bước cải thiện rõ rệt; an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

Tuy nhiên, quá trình xây dựng và phát triển Tây Nguyên còn tồn tại một số vấn đề đáng chú ý sau:

- *Thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng thế mạnh* của vùng, điểm nổi bật là phát triển kinh tế còn mang tính tự phát, chưa theo quy hoạch, kế hoạch nên chưa ổn định, vững chắc.

- Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước, đồng bào Kinh và đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên đã đoàn kết gắn bó cùng nhau xây dựng vùng Tây Nguyên giàu mạnh. Nhưng trong chủ trương, chính sách và những biện pháp thực hiện cụ thể nhằm xây dựng, phát triển Tây Nguyên cũng có những thiếu sót, khuyết điểm. Phát triển kinh tế không đi đôi với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, thực hiện tốt công bằng xã hội và đoàn kết các dân tộc, củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh; đã để xảy ra tình trạng *phân hóa giàu nghèo giữa đồng bào nơi khác đến, mà chủ yếu là đồng bào Kinh với đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ tăng nhanh*, để đời sống của số đông đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ đến nay còn nhiều khó khăn. Hiện nay vẫn còn 160 xã đặc biệt khó khăn, 10 vạn hộ nông dân không có đất hoặc thiếu đất canh tác do mua bán hoặc bị bao chiếm

trái phép. Tỷ lệ đói nghèo còn cao, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cao nhất nước, trình độ dân trí thấp nhất nước. Sự phân hóa này không còn đơn thuần là vấn đề kinh tế mà đã trở thành vấn đề chính trị - xã hội bức xúc, đã và đang bị kẻ địch triệt để lợi dụng để kích động phá hoại ta và chúng đã đạt được thành công nhất định.

- *Hiện nay, Tây Nguyên là nơi tiềm ẩn mất ổn định về chính trị và là "điểm nóng" so với cả nước*. Mặc dù sau vụ bạo loạn chính trị tháng 2-2001 ở Tây Nguyên, chúng ta đã tập trung giải quyết được một bước, nhưng tình hình vẫn chưa thực sự ổn định và còn nhiều diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch vẫn đang ra sức phát triển đạo Tin Lành, đặc biệt là "Tin Lành Đêga" trong đồng bào dân tộc; phản tuyên truyền chia rẽ đồng bào các dân tộc với đồng bào Kinh, ráo riết kích động, đả kích Đảng và Nhà nước ta, xúi giục đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên đòi lập "Nhà nước Đêga" độc lập, tách khỏi cộng đồng các dân tộc Việt Nam và Nhà nước Việt Nam thống nhất. Chúng nhen nhóm phát triển trở lại lực lượng Fulro, kích động, lôi kéo người trốn sang Campuchia nhằm gây mất ổn định chính trị ở Tây Nguyên,... để có điều kiện tuyển chọn, huấn luyện người Tây Nguyên tung trở về Việt Nam, về Tây Nguyên chống phá ta.

- Sự kiện bạo loạn chính trị đầu năm 2001 đã bộc lộ rõ tình trạng nhiều *tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể cơ sở chúng ta ở Tây Nguyên yếu kém, không gắn bó với dân, không được dân tín nhiệm*. Đội ngũ cán bộ cốt cán chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ, nhiều người yếu kém cả về năng lực và phẩm chất, không đi sát nhân dân, nhất là đồng bào

các dân tộc ở địa phương. Việc đào tạo, bố trí, sử dụng cán bộ người dân tộc tại chỗ, nhất là ở cơ sở chưa được quan tâm đúng mức và thiếu chính sách, giải pháp phù hợp.

Nguyên nhân của những khuyết điểm, tồn tại nói trên chủ yếu là do việc lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp từ Trung ương đến cơ sở đã có một thời gian dài chủ quan, mất cảnh giác, quan liêu, xa dân; khi phát hiện thấy tình hình có dấu hiệu bất ổn thì hành động quá chậm và hiệu quả thấp.

II- VỀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

Bộ Chính trị lưu ý và nhấn mạnh một số vấn đề sau đây:

1. Về quan điểm chung

- Giải quyết các vấn đề ở Tây Nguyên trong 5 năm tới cũng như lâu dài phải quán triệt sâu sắc chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước; kết hợp đồng bộ cả về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị, nhất là xây dựng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ người dân tộc tại chỗ; các giải pháp phải phù hợp với đặc điểm riêng của Tây Nguyên về địa lý, lịch sử, xã hội và của cộng đồng dân cư trên địa bàn.

- Cả nước phải cùng với các địa phương tập trung sức xây dựng Tây Nguyên giàu về kinh tế, vững về chính trị, phát triển nhanh về văn hóa - xã hội, mạnh về quốc phòng, an ninh, tiến tới xây dựng Tây Nguyên thành vùng kinh tế động lực, thành địa bàn tiêu biểu về khối đại đoàn kết gắn bó của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tương xứng với vị trí chiến

lược đặc biệt quan trọng của Tây Nguyên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Về kinh tế - xã hội

- Để huy động tối đa các nguồn lực, khai thác tốt nhất các tiềm năng, lợi thế của Tây Nguyên, *phát triển kinh tế - xã hội ở Tây Nguyên phải được thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch toàn diện, đồng bộ, khoa học* và các quy hoạch, kế hoạch cụ thể, chi tiết cho từng vùng, từng địa phương, từng ngành và lĩnh vực; phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của vùng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; *không để tình trạng phát triển tự phát*.

- Phải có những giải pháp cụ thể để thực hiện tốt quan điểm lớn là "*Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội*" trong từng thời kỳ, từng bước phát triển và trên mọi địa bàn cụ thể. Tăng cường sự chỉ đạo, đầu tư của Nhà nước, đồng thời phát huy tốt sự nỗ lực phấn đấu của đồng bào các dân tộc tại chỗ và các tiềm năng tại chỗ, tạo ra sức mạnh tổng hợp, tránh tâm lý ỷ lại. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa có hiệu quả, có sức cạnh tranh, nhất là hướng mạnh về sản xuất hàng hóa lớn trong nông, lâm nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, với nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. Đặc biệt lưu ý phát huy thế mạnh về rừng; có chính sách để người dân có thể làm giàu bằng nghề rừng; bảo đảm duy trì tỷ lệ rừng tự nhiên hợp lý. Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn vượt khỏi tình trạng lạc hậu, ưu tiên đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc; khắc phục tình trạng di dân tự do, hoàn thành và ổn định vững chắc định canh, định cư.

- Cùng với phát triển kinh tế, *tạo ra bước chuyển căn bản, rõ rệt về đời sống vật chất và tinh thần, các mặt văn hóa - xã hội của nhân dân Tây Nguyên.* Trong 5 năm tới, phải tập trung trước hết vào việc cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của hơn 1,3 triệu đồng bào dân tộc tại chỗ; xóa xong đói, cơ bản xóa nghèo với tinh thần cố gắng cao nhất. Sớm có chủ trương, chính sách và biện pháp cụ thể để đồng bào có đủ đất sản xuất và giữ được đất, có việc làm ổn định, dân trí được nâng cao, ngày càng có nhiều làm công nghiệp, dịch vụ; người nghèo được hỗ trợ một phần về nhà ở, được dùng nước sạch, được chăm sóc sức khỏe ban đầu; khống chế và loại trừ các dịch bệnh sốt rét, lao, phong, bướu cổ và thanh toán bệnh bại liệt. Bảo đảm cho tất cả con em đồng bào dân tộc ở Tây Nguyên được đi học với số lượng và chất lượng ngày càng tốt hơn; bậc tiểu học được học cả chữ viết, tiếng nói phổ thông và chữ viết, tiếng nói của dân tộc mình.

- Tiếp tục *xây dựng và nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị, đặc biệt cấp cơ sở*, để tổ chức đảng và chính quyền thực sự là của dân, do dân, vì dân, có đủ năng lực lãnh đạo, điều hành, quản lý mọi mặt đời sống xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở các cấp. Có biện pháp và chính sách để tăng cường số lượng và chất lượng cán bộ người Kinh công tác trong vùng đồng bào dân tộc, cán bộ phải học tiếng dân tộc, thật sự hiểu biết và gắn bó với đồng bào dân tộc, khắc phục tình trạng quan liêu, gia trưởng. Đào tạo, bồi dưỡng bằng nhiều hình thức phong phú, thích hợp; sắp xếp, bố trí, sử dụng và tạo mọi điều kiện cho cán bộ người dân tộc tại chỗ đảm nhận tốt trách nhiệm trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh. Có chính sách, biện pháp điều

động, tăng cường cán bộ xuống cơ sở để nắm dân, vận động nhân dân; phát huy vai trò tích cực của già làng, trưởng bản. Phải coi vấn đề đoàn kết dân tộc là vấn đề sống còn, là sức mạnh vô địch để chiến thắng mọi kẻ thù, chiến thắng đói nghèo và là yếu tố quyết định cho sự ổn định và phát triển bền vững; phấn đấu xây dựng Tây Nguyên thành một tấm gương về đoàn kết các dân tộc trong cả nước.

3. Về quốc phòng, an ninh

- Nhiệm vụ cơ bản, lâu dài là phải xây dựng cho được thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, thế trận lòng dân. Xây dựng lực lượng vũ trang có tổ chức chặt chẽ, tinh nhuệ, đủ sức bảo vệ địa bàn chiến lược cực kỳ quan trọng của Tổ quốc. Phải kết hợp chặt chẽ kinh tế và quốc phòng, an ninh. Cùng với các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Tây Nguyên, các đơn vị kinh tế của quân đội phải thực sự là "bà đỡ", hướng dẫn cụ thể cho toàn vùng phát triển. Các lâm trường, nông trường phải thực sự là trung tâm kinh tế, văn hóa; có trách nhiệm góp phần tạo việc làm, nâng cao dân trí, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa cho đồng bào dân tộc, góp phần giữ vững an ninh trật tự ở địa bàn.

- Tiếp tục hoàn thiện các phương án để chủ động đấu tranh, xử lý kịp thời, có hiệu quả với mọi âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch trong bất kể tình huống nào, trước mắt truy quét xóa sổ dứt điểm số Fulro còn chống đối, kiên quyết đập tan âm mưu và mầm mống hình thành "Nhà nước Đêga" ngay khi mới nhen nhóm... Chuẩn bị phương án chủ động đối phó khi có tình huống bất ngờ xảy ra.

- Trên cơ sở thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo; làm tốt công tác dân vận, tuyên truyền, vận động để đồng bào nâng cao cảnh giác, hiểu rõ âm mưu địch và các phần tử xấu, không nghe theo bọn chúng, không để bọn chúng lôi kéo đồng bào chống lại ta; kiên quyết đấu tranh xóa bỏ tổ chức phản động "Tin Lành Đêga", ngăn chặn kịp thời các vụ truyền đạo trái phép. Cán bộ, chiến sĩ quân đội nhân dân, công an nhân dân công tác ở Tây Nguyên phải thực sự là những cán bộ dân vận để vận động đồng bào tham gia các phong trào phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng ở địa phương. Quân khu V nghiên cứu thành lập trường thiếu sinh quân để đào tạo con em các dân tộc Tây Nguyên tham gia quân đội, công an và chính quyền nhân dân ở Tây Nguyên.

4. Về tổ chức thực hiện

- Bộ Chính trị đồng ý ra Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng Tây Nguyên thời kỳ 2001 - 2010. Do vị trí đặc biệt quan trọng của Tây Nguyên, việc chỉ đạo xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng vùng Tây Nguyên sẽ có ảnh hưởng, tác động đến các vùng duyên hải miền Trung, miền Đông Nam Bộ, đến vấn đề giữ vững an ninh, chủ quyền biên giới của Tổ quốc, bởi vậy, Nghị quyết cần được đề cập một cách rộng hơn, toàn diện hơn, tập trung làm rõ các quan điểm chính trị, tư tưởng chỉ đạo cơ bản, toàn diện, lâu dài, đồng thời có quyết sách, giải pháp giải quyết những vấn đề bức xúc hiện nay ở Tây Nguyên; các biện pháp cần chú ý đầy đủ đến những đặc điểm riêng của Tây Nguyên, phù hợp với thực tiễn Tây Nguyên để

có thể đạt hiệu quả. Tổ chức thực hiện một cách đồng bộ, chặt chẽ, nghiêm túc để trong một thời gian tạo được sự chuyển biến rõ nét và có hiệu quả.

- Căn cứ nghị quyết của Bộ Chính trị và quyết định của Thủ tướng Chính phủ, từng tỉnh trong vùng Tây Nguyên phải có kế hoạch và giải pháp cụ thể để thực hiện ở địa phương mình.

- Giao cho Ban Tổ chức Trung ương, Ban Cán sự Đảng Chính phủ và Ban Kinh tế Trung ương phối hợp chuẩn bị để Bộ Chính trị ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Tây Nguyên do một đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách, với thành phần gồm đại diện lãnh đạo các bộ, ban, ngành có liên quan ở Trung ương để chỉ đạo thực hiện nghị quyết.

Trên cơ sở các ý kiến kết luận của Bộ Chính trị tại phiên họp này, Ban Cán sự Đảng Chính phủ hoàn chỉnh lại Đề án và chuẩn bị dự thảo nghị quyết để Bộ Chính trị ban hành trong tháng 12-2001.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX*

Ngày 5 tháng 11 năm 2001

Thưa các đồng chí Trung ương,
Thưa các đồng chí,

Thực hiện chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương, tại Hội nghị lần này, Ban Chấp hành Trung ương sẽ bàn và quyết định việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992, phương hướng bầu cử Quốc hội khóa XI; kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2001, xác định mục tiêu phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm 2002 và cụ thể hóa thêm phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2001 - 2005; phương hướng, biện pháp tiếp tục thực hiện Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), các giải pháp ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, quan liêu,

---

* Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX họp từ ngày 5 đến ngày 13-11-2001 (*B.T*).

lãng phí. Từ Hội nghị Trung ương lần thứ ba đến nay, tình hình thế giới có những diễn biến phức tạp mới, Bộ Chính trị đã có một số thông báo kịp thời tới các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương, tại Hội nghị này, Bộ Chính trị sẽ có báo cáo tổng hợp phân tích, đánh giá, nhận định tình hình quốc tế và những chủ trương, đối sách của Đảng và Nhà nước ta để Trung ương có cơ sở tiếp tục theo dõi góp ý kiến.

Thưa các đồng chí,

Mỗi nội dung Hội nghị Trung ương bàn và quyết định đều là những vấn đề quan trọng nhằm cụ thể hóa việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. Các đề án trình Hội nghị Trung ương đã qua nhiều đợt lấy ý kiến của các ban, ngành, một số địa phương, một số chuyên gia và một số đồng chí lão thành cách mạng, đề án sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 đã công bố rộng rãi, xin ý kiến nhân dân. Trên cơ sở những ý kiến đóng góp, Bộ Chính trị đã thảo luận nghiêm túc theo Quy chế làm việc đã được Trung ương thông qua. Trước khi Bộ Chính trị báo cáo các đề án cụ thể và trước khi Trung ương thảo luận về từng nội dung, tôi xin trình bày một số ý kiến sau đây:

Hiến pháp là đạo luật cơ bản của quốc gia. Hiến pháp 1992 đã và đang định hướng phát triển của toàn xã hội trong thời kỳ đổi mới. Trong gần 10 năm qua, tình hình đã có những phát triển mới đòi hỏi cần có phản ảnh vào Hiến pháp. Nhưng sửa đổi, bổ sung Hiến pháp là một việc hệ trọng, phải trên cơ sở tổng kết toàn diện và sâu sắc thực tiễn đất nước; những vấn đề gì rất cần và đã rõ mới sửa đổi, bổ sung. Trên cơ sở những đóng góp ý kiến của đại đa số nhân dân và các

đoàn đại biểu Quốc hội, đề nghị việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp lần này chỉ tập trung điều chỉnh bổ sung một số điều bức xúc, đã được thực tiễn kiểm nghiệm và có sự thống nhất cao trong xã hội, chủ yếu là một số điều về tổ chức bộ máy nhà nước và một số điều thuộc các lĩnh vực kinh tế - xã hội phù hợp với các nội dung mới, nhận thức mới đã được Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng xác định, để đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2001, bên cạnh những thuận lợi, chúng ta đồng thời phải đối đầu với những thách thức mới. Thiên tai xảy ra liên tiếp ở đồng bằng sông Cửu Long và Trung Trung Bộ, giá cả và thị trường thế giới biến động theo hướng không thuận lợi cho việc xuất khẩu nhiều mặt hàng, nhất là hàng nông sản; những biến động của kinh tế thế giới, đặc biệt là sau sự kiện 11-9 ở Mỹ..., đã ảnh hưởng tới một số lĩnh vực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội của nước ta. Trong bối cảnh đó, kết quả phát triển kinh tế - xã hội là cố gắng lớn đáng ghi nhận, cần được khẳng định mạnh mẽ và phân tích kỹ các nguyên nhân thành công để tiếp tục phát huy. Đồng thời chúng ta cần phân tích sâu sắc những yếu kém trong phát triển kinh tế, nhất là về chất lượng tăng trưởng, cũng như tồn tại trên các lĩnh vực chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng... đặc biệt Ban Chấp hành Trung ương cần phân tích và dự báo cho hết những mặt khó khăn cũng như thuận lợi tình hình mới đặt ra. Trên cơ sở đó xác định đúng đắn phương hướng, nhiệm vụ, đặc biệt là các giải pháp thực thi

để phát huy cao độ sức mạnh của toàn dân tộc, phát huy mạnh mẽ nội lực, phát huy thuận lợi, kiên quyết khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức, giữ vững ổn định chính trị, thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội IX, trước mắt là kế hoạch năm 2002.

Đảng ta xác định trong giai đoạn hiện nay, kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ: "Trong những năm tới, toàn Đảng tiếp tục thực hiện các nghị quyết về xây dựng Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII". Hiện nay, tiếp tục kiên trì Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), nhất là đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, là đòi hỏi bức xúc nhất của xã hội và cũng là một vấn đề có tầm quan trọng sống còn để làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân, củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước ta, điều kiện quyết định để Đảng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần này có nhiệm vụ bàn những giải pháp vừa có tính đồng bộ, cơ bản, vừa cấp bách, thiết thực cần làm ngay và có tính khả thi để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và chỉnh đốn Đảng, đáp ứng lòng mong đợi của toàn Đảng, toàn dân.

Thưa các đồng chí,

Những nội dung của Hội nghị Trung ương lần thứ tư là những vấn đề rất lớn, rất hệ trọng, đòi hỏi phải được thảo luận dân chủ, tranh luận thẳng thắn với tinh thần trách

nhiệm cao trước dân tộc, trước Đảng để có những quyết định đúng đắn đầy sức sáng tạo. Đó cũng là một nội dung quan trọng thuộc trách nhiệm và quyền hạn của Ban Chấp hành Trung ương cũng như của từng đồng chí Ủy viên Trung ương.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị Trung ương lần thứ tư, chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA IX

Số 31/TLHN, ngày 26 tháng 10 năm 2001

Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí

Đại hội IX của Đảng đã quyết định: "Trong những năm tới, toàn Đảng tiếp tục thực hiện các Nghị quyết về xây dựng Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII...". Thực hiện Nghị quyết Đại hội, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị 03-CT/TW, chỉ rõ những nội dung cụ thể trước mắt để tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Hội nghị Trung ương 4 lần này, trên cơ sở xem xét, đánh giá tình hình thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng từ sau Đại hội IX đến nay, quyết định một số chủ trương, biện pháp nhằm đẩy mạnh cuộc vận động mà trọng tâm là ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí.

I- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG TỪ SAU ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG

1. Kết quả đạt được

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng sau hai năm thực hiện đã thu được kết quả và kinh nghiệm bước đầu. Tuy kết quả đạt được còn có hạn, còn thấp so với mong đợi, nhưng những chuyển biến của toàn Đảng trên cả ba nội dung cơ bản mà Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đề ra chứng tỏ quyết tâm của Trung ương và sự phấn đấu nỗ lực của các cấp ủy, tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên. Nhờ đó, đã đạt được một phần yêu cầu đề ra, tạo cơ sở thuận lợi cho việc tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động.

- Sau Đại hội IX của Đảng, việc triển khai học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội đã góp phần củng cố và nâng lên một bước đáng kể ý thức chính trị của toàn Đảng. Nhận thức về đường lối đổi mới trên cơ sở giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội được củng cố, kiên định hơn; những sự hoang mang dao động, mơ hồ, hoài nghi của một bộ phận cán bộ, đảng viên về con đường đi lên của đất nước, về khả năng xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, về bản chất phản động của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc... tiếp tục được khắc phục. Sự nhất trí về quan điểm, đường lối cách mạng, tinh thần cảnh giác và ý thức đấu tranh với những quan điểm chính trị cơ hội được tăng cường. Vị trí then chốt và tầm quan trọng sống còn của nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn

Đảng được nhận thức sâu hơn; toàn Đảng ý thức rõ hơn về tính cấp bách của nhiệm vụ nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, về trách nhiệm của mọi cấp ủy đảng và đảng viên phải tích cực góp phần ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị và đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên.

- Những biểu hiện tiêu cực, suy thoái đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên được cảnh tỉnh, răn đe, một số nơi các vụ việc tiêu cực có giảm bớt. Ý thức giữ gìn phẩm chất, tư cách đảng viên; tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước dân được chú ý rèn luyện hơn[1].

- Hàng ngàn vụ việc nổi cộm, phần lớn liên quan đến tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu trong đó không ít vụ việc tồn đọng kéo dài nhiều năm, đã và đang được giải quyết (Theo thống kê của 50 tỉnh, thành ủy và 71 cơ quan trung ương thì tổng số vụ việc nổi cộm, bức xúc được nêu ra trong kiểm điểm tự phê bình và phê bình là 727, đến giữa tháng 10-2001 đã giải quyết xong 551 (76%), đang giải quyết 165 (22%), chưa giải quyết 11 (2%). Số vụ việc mới phát sinh sau kiểm điểm là 280, đã giải quyết 104 (37%), đang giải quyết 159 (57%), còn 17 vụ (6%) chưa giải quyết).

- Tình trạng mất đoàn kết ở nhiều cấp ủy, tổ chức đảng (có nơi nghiêm trọng, kéo dài) đã được kiểm điểm phê bình nghiêm túc, thẳng thắn, làm rõ thực chất tình hình, nguyên

1. Cuộc điều tra dư luận xã hội ở 11 tỉnh, thành và 26 ban, bộ, ngành Trung ương vào tháng 6, 7-2001 đã cho số liệu: 59% cho rằng cán bộ, đảng viên chú trọng rèn luyện, giữ gìn hơn đạo đức, lối sống.

nhân, trách nhiệm tập thể và cá nhân; thống nhất biện pháp sửa chữa, khắc phục. Đoàn kết trong nội bộ Đảng có chuyển biến tích cực.

- Việc tổ chức điều hành, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, đổi mới phong cách công tác, lề lối làm việc có tiến bộ.

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã thông qua Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và của Ủy ban Kiểm tra Trung ương với tinh thần đổi mới, đề cao trách nhiệm của các thành viên, phát huy dân chủ, tăng cường giám sát của tập thể, đòi hỏi nói đi đôi với làm. Tiếp thu tinh thần trên đây của Ban Chấp hành Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc Trung ương đã và đang sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Quy chế làm việc của cấp mình.

2. Khuyết điểm, thiếu sót

- Nhìn chung, cho đến nay Cuộc vận động chưa tạo được những chuyển biến cơ bản trong công tác xây dựng Đảng cũng như trong việc nâng cao chất lượng của các tổ chức đảng và của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là chưa chặn đứng và đẩy lùi được nạn tham nhũng, tiêu cực.

- Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng vẫn chưa thực sự coi trọng đúng mức công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Trí tuệ, thời gian, công sức ở nhiều nơi còn bị cuốn hút vào các vấn đề kinh tế - xã hội, xây dựng cơ bản, vào việc chạy các dự án, dàn xếp nội bộ... Sau đại hội đảng, nhiều cấp ủy chưa tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm những vấn đề nổi cộm. Một số vụ việc chậm được giải quyết, giải quyết nửa vời hoặc có

chiều hướng bị bỏ qua để rơi vào im lặng khiến nhân dân và dư luận thắc mắc, nghi ngờ.

- Nhiều vụ án tham nhũng mới tiếp tục được phát hiện gây bức xúc, nhức nhối trong nhân dân và dư luận (như vụ Công ty thương mại dầu khí Đồng Tháp, Công ty dịch vụ thương mại tỉnh Cà Mau, Công ty dược và kinh doanh xuất nhập khẩu Minh Hải (Cà Mau), vụ Công ty lương thực An Giang, vụ Lã Thị Kim Oanh ở Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, vụ Ngân hàng Việt - Hoa, Ngân hàng Đông - Đô...) mỗi vụ làm thất thoát hàng chục, hàng trăm tỉ đồng; nhiều bị can (như Mai Văn Huy, Lã Thị Kim Oanh...) lấy cắp tiền bạc của Nhà nước tiêu xài bừa bãi một lúc hàng chục, hàng trăm triệu đồng. Hầu hết các vụ án này đều có sự tham gia hoặc sự tiếp tay, dung túng của một số cán bộ, đảng viên trong bộ máy các cấp; nhiều bị can khai có đưa tiền, quà biếu với giá trị lớn hối lộ cho cán bộ lãnh đạo từ cơ sở đến Trung ương nhưng chưa được làm rõ.

Tình trạng tham nhũng, tiêu cực, dùng tiền bạc chạy chức, chạy quyền, mua bằng, chạy tội, v.v., không chỉ xảy ra trong lĩnh vực kinh tế mà đã lan rộng sang nhiều lĩnh vực khác như giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội... Một số trường hợp bọn phạm tội đã hình thành băng, nhóm, đường dây.

- Bên cạnh những vụ tham ô lớn, tình trạng nhũng nhiễu, đục khoét người dân của một bộ phận cán bộ, công chức cơ quan hành chính nhà nước từ cơ sở đường phố, xã, phường, huyện, quận, tỉnh, thành phố đến bộ, ngành Trung ương vẫn còn diễn ra phổ biến làm cho nhân dân rất bất bình, gây nhiều cản trở cho hoạt động của các doanh nghiệp. Nhiều nhà đầu tư nước ngoài cũng thẳng thắn nói với lãnh

đạo Nhà nước ta rằng chính sách của Nhà nước Việt Nam rất thông thoáng, thái độ của các nhà lãnh đạo Việt Nam rất nhiệt tình nhưng đội ngũ cán bộ, nhân viên của Việt Nam thì có nhiều người hư hỏng, nhũng nhiễu, gây phiền hà cản trở khiến cho các nhà đầu tư nước ngoài nản lòng.

- Trong khi đó, việc xét xử nhiều vụ án, kể cả một số vụ án lớn để kéo dài và có dấu hiệu để lọt người, lọt tội, bỏ qua trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo có liên quan làm cho dư luận cho rằng cán bộ lãnh đạo vẫn có "vùng cấm", một số ít cán bộ lãnh đạo bằng cách này, cách khác cản trở việc điều tra.

Một số cán bộ, đảng viên trong hệ thống cơ quan bảo vệ pháp luật như công an, kiểm sát, thanh tra, tòa án cũng vi phạm pháp luật; không ít trường hợp đây là nguyên nhân dẫn đến nhiều vụ án xét xử oan, sai, khiến dân giảm lòng tin vào cán cân công lý. Một số nhà báo khi đưa tin phản ảnh các vụ việc tiêu cực, tham nhũng đã vì lợi ích riêng hoặc vì thiếu trách nhiệm mà đưa tin sai lạc, không đúng sự thật, tạo nên sức ép không đáng có của dư luận, làm việc xét xử các vụ án càng thêm phức tạp và làm dư luận xã hội càng nghi ngờ phân tâm.

- Cho đến nay hầu như không có đảng viên nào tự kiểm điểm là có tiêu cực, tham nhũng, chưa có tổ chức đảng nào qua kiểm điểm phát hiện được trong nội bộ có tham nhũng. Hầu hết các vụ tham nhũng do nhân dân và đảng viên đấu tranh phát hiện hoặc qua công tác thanh tra, điều tra mà tìm ra.

- Một số chủ trương, biện pháp ngăn ngừa và chống tham nhũng, tiêu cực (như kê khai nhà, đất, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hiện những điều đảng viên không

được làm, khắc phục nạn quà biếu, xử lý cán bộ lãnh đạo có trách nhiệm liên đới về sai phạm của cán bộ thuộc quyền...) vừa qua thực hiện còn chưa nghiêm, làm nửa vời, nhiều khi mang tính hình thức, thiếu kiểm tra đôn đốc, thúc đẩy việc thực hiện.

Đoàn kết nội bộ ở một số nơi, sau đại hội vẫn còn diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Những khuyết điểm, thiếu sót nêu trên chậm được khắc phục làm cho cán bộ, đảng viên cảm thấy Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đang chững lại. Nhân dân và dư luận chưa thật tin ở kết quả kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong Đảng và ở kết quả cuối cùng của Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

II- NGUYÊN NHÂN CỦA KHUYẾT ĐIỂM

Một là, sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, trước hết là của Bộ Chính trị chưa tập trung đúng mức.

Sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và tình trạng tiêu cực, tham nhũng trong bộ máy Đảng và Nhà nước đã diễn ra rất nghiêm trọng và kéo dài nhiều năm, để lại những hậu quả rất sâu sắc trong tổ chức bộ máy, con người và hệ thống cơ chế chính sách..., nhưng Bộ Chính trị chưa tập trung chỉ đạo đúng mức, chậm tổ chức nghiên cứu cơ bản, để có những chủ trương đồng bộ, có hiệu lực nhằm khắc phục tình trạng này. Chưa coi trọng việc chỉ đạo sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm cuộc vận động, sau đợt tự phê bình và phê bình còn thiếu

những biện pháp mạnh mẽ tiếp theo để chỉ đạo các cấp ủy, nhất là cấp ủy ở các đơn vị, ngành và địa bàn trọng điểm, để giải quyết, xử lý nghiêm túc, kịp thời những khuyết điểm, thiếu sót nhất là những vụ việc nổi cộm đã được nêu ra trong kiểm điểm tự phê bình và phê bình.

Một số đồng chí Ủy viên Trung ương, bí thư cấp ủy, tổ chức đảng chưa làm tốt trách nhiệm lãnh đạo Cuộc vận động; sau đợt kiểm điểm tự phê bình và phê bình vẫn để xảy ra nhiều vụ việc tiêu cực, tham nhũng và các vụ khiếu kiện phức tạp, kéo dài ở ngành, địa phương, đơn vị mình phụ trách.

Hai là, một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp chưa tự giác tự phê bình và phê bình, chưa làm gương cho cán bộ, đảng viên trong đấu tranh chống tham nhũng.

Trong quá trình thực hiện cuộc vận động, tiến hành tự phê bình và phê bình chưa có trường hợp nào cán bộ chủ chốt các cấp tự giác nhận có tham nhũng hoặc có liên quan đến tham nhũng.

Có đồng chí, bản thân, hoặc để vợ (chồng), con lợi dụng chức quyền, thu vén cá nhân (nhà, đất, hoặc vợ, con có tiêu cực trong hoạt động sản xuất, kinh doanh...), cũng chưa tự giác nhận khuyết điểm.

Một số đồng chí đứng đầu cấp ủy vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ trong chỉ đạo, điều hành, trong công tác tổ chức, cán bộ, trong đoàn kết nội bộ lãnh đạo... nhưng không tự phê bình nghiêm túc.

Ba là, việc xử lý một số vụ việc nổi cộm chưa nghiêm, vẫn còn vụ việc có biểu hiện "trên nhẹ, dưới nặng".

Có những vụ án tham nhũng lớn, theo cơ quan điều tra một số cán bộ cấp trên có liên quan, dính líu nhưng lúc xét

xử chỉ xử từng phần, phần để lại, kéo dài, để lọt người, lọt tội nên dư luận cho là cấp trên có "vùng cấm". Có nơi kẻ hối lộ đã khai với cơ quan điều tra danh sách những người nhận hối lộ có người đến hàng chục, hàng trăm triệu đồng như vụ Mường Tè, Thủy cung Thăng Long, các vụ ở Hòa Bình nhưng cơ quan chức năng vẫn không điều tra đến nơi, để có kết luận rõ ràng, xử lý nghiêm minh.

Có cấp ủy địa phương can thiệp không đúng vào quá trình giải quyết vụ án.

Nhiều vụ án lớn, để thất thoát hàng ngàn tỉ đồng của Nhà nước nhưng xử lý trách nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa nghiêm.

Có trường hợp cán bộ bị xử lý kỷ luật ở cấp dưới, cấp trên lại điều lên bổ nhiệm chức tương đương, thậm chí đề bạt.

Bốn là, nhiều cấp ủy, tổ chức đảng chưa thực sự dựa vào dân, chưa coi trọng tiếp thu ý kiến phê bình của dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng chưa nhận thức đầy đủ vai trò quan trọng, có tính quyết định của nhân dân trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng, trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí; chưa gắn chặt Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, kiểm điểm tự phê bình và phê bình với việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Nhiều nơi chưa có sự hướng dẫn, quy định cụ thể về phạm vi, quy trình lấy ý kiến của nhân dân và cán bộ, công chức trong kiểm điểm tự phê bình và phê bình của cán bộ, đảng viên; chưa thực hiện tốt việc công khai kết quả tự phê bình và phê bình theo quy định nên hạn chế sự giám sát của dân đối với cán bộ, đảng viên và làm giảm niềm tin của dân đối với kết quả kiểm điểm trong Đảng.

Các phương tiện thông tin đại chúng góp phần đưa tiếng nói của nhân dân tham gia thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) còn hạn chế.

Năm là, một số chủ trương, biện pháp, cơ chế, chính sách nhằm ngăn ngừa, đấu tranh chống tệ tham nhũng, tính khả thi chưa cao, còn ít hiệu quả.

Quy định những điều đảng viên không được làm, Pháp lệnh chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, Pháp lệnh cán bộ, công chức, Quy định về kê khai nhà, đất, tài sản, Quy chế dân chủ ở cơ sở, việc xử lý trách nhiệm, việc đưa, nhận quà biếu, quà tặng còn chưa cụ thể, hoặc còn thiếu chặt chẽ, chính xác, chưa có chế tài xử lý những trường hợp vi phạm, nên tính khả thi chưa cao, lại thiếu hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm chỉ đạo thực hiện nên chưa được thực hiện đến nơi, đến chốn, còn nói nhiều làm ít; chưa động viên, khuyến khích được người có tính tự giác, trung thực, thẳng thắn, đấu tranh xây dựng, đồng thời xử lý nghiêm những trường hợp dối trá, chối tội, cơ hội, vu cáo, gây rối nội bộ...

Cải cách hành chính thực hiện quá chậm, còn thiếu những văn bản quản lý nhà nước có hiệu lực, hiệu quả; nhiều quy chế về quản lý dự án đầu tư, đấu thầu, quản lý tài chính doanh nghiệp, quản lý tài chính công, kiểm tra, kiểm toán, quy trách nhiệm quản lý... còn thiếu hợp lý, chặt chẽ tạo nhiều kẽ hở cho người xấu lợi dụng. Chế độ trách nhiệm của cán bộ phụ trách ở các cơ quan, đơn vị để xảy ra lãng phí, tham ô chưa được xem xét nghiêm minh.

Sáu là, thiếu sự phân công phối hợp chỉ đạo việc chống tham nhũng một cách có hiệu lực, hiệu quả.

Bộ Chính trị chưa phân công rõ một số Ủy viên Bộ Chính

trị trực tiếp chỉ đạo thường xuyên công tác đấu tranh chống tham nhũng như Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đòi hỏi.

Các ban tham mưu của cấp ủy, Bộ phận Thường trực 6 (2), tổ chức giúp việc của các cấp ủy chưa có sự phối hợp chặt chẽ với các ban Đảng và các cơ quan liên quan để giúp cấp ủy nắm sát tình hình cấp dưới, chỉ ra được nơi làm tốt, nơi không tốt, thực chất ưu khuyết điểm của từng đơn vị, từng cấp ủy, của từng cán bộ lãnh đạo chủ chốt...

Các cơ quan bảo vệ pháp luật thiếu sự phối hợp chặt chẽ trong điều tra, xét xử, thi hành án. Có tình trạng chung là nhiều vụ án thường phải gia hạn điều tra, có nhiều vụ điều tra kéo dài, xét xử không kịp thời giảm tác dụng giáo dục, gây nghi ngờ trong dư luận quần chúng.

III- ĐẨY MẠNH CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI TỆ THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ

Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã chỉ rõ, cần phải đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Cả ba nội dung cơ bản của Nghị quyết đều phải đi sâu, thực hiện có hiệu quả, song cần tập trung giải quyết vấn đề bức xúc nhất, đang làm toàn Đảng, toàn xã hội nhức nhối, lo lắng là tệ tham nhũng, lãng phí.

Chống tham nhũng, lãng phí vừa là vấn đề nóng bỏng trước mắt, vừa là cuộc đấu tranh khó khăn, quyết liệt, lâu dài, gắn liền với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để

ngăn chặn và đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí phải có giải pháp cơ bản, vững chắc, phải nghiên cứu tiến tới xây dựng đề án chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí nhằm giải quyết vấn đề từ gốc rễ.

Trong chương trình làm việc của Đảng và Nhà nước, nhiều vấn đề sẽ được bàn và giải quyết đồng bộ trong thời gian tới như: tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng; tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách: sắp xếp đổi mới doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3, tiếp tục xóa bỏ những cơ chế mang tính bao cấp, xin - cho trong quản lý kinh tế, cải cách chế độ tiền lương, từng bước sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật; đổi mới, hoàn thiện quy chế quản lý trong các lĩnh vực như hải quan, đấu thầu...; đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước; đổi mới công tác tổ chức cán bộ, kiện toàn bộ máy Đảng, Nhà nước, doanh nghiệp, đặc biệt phải sớm chấn chỉnh, kiện toàn bộ máy các cơ quan bảo vệ pháp luật, v.v.. Gắn đấu tranh chống tham nhũng với chống lãng phí, quan liêu, buôn lậu, đặc biệt là chống các hành vi lợi dụng chức quyền để làm giàu bất chính.

Cùng với việc thực hiện các giải pháp đồng bộ nói trên, tại Hội nghị Trung ương lần này, Bộ Chính trị đề nghị Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định một số biện pháp cụ thể, trước mắt, quyết ngăn chặn, đẩy lùi một bước tệ tham nhũng, lãng phí.

1. Giải quyết, xử lý những vụ việc nổi cộm, bức xúc

Các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị cần rà soát lại các vụ việc nổi cộm của địa phương, ngành,

đơn vị mình, bao gồm những vụ việc đã giải quyết nhưng chưa được dư luận đồng tình và những vụ việc còn tồn đọng, hoặc mới phát sinh chưa được giải quyết, để lập kế hoạch chỉ đạo giải quyết tích cực, nghiêm túc, có hiệu quả và dứt điểm trong một thời gian nhất định.

Phân tích, rút kinh nghiệm, làm rõ nguyên nhân đã gây ra các vụ việc, hoặc làm cho việc xử lý chưa nghiêm, đề ra biện pháp ngăn chặn không để sự việc tái diễn.

Những vụ án có liên quan đến cán bộ lãnh đạo, dù cán bộ đó ở cấp nào, đương chức hoặc đã chuyển công tác, đã nghỉ hưu cũng phải được xem xét đầy đủ về trách nhiệm hành chính hoặc hình sự theo đúng Điều lệ Đảng, pháp luật Nhà nước.

Các cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không được có các hành vi can thiệp vào quá trình điều tra, xét xử các vụ án nhằm bao che, để lọt người, lọt tội. Khi các cơ quan chức năng (cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án) có yêu cầu, (như yêu cầu giải trình, khai báo những vấn đề có liên quan đến trách nhiệm của mình, làm chứng tại tòa,...) đối với cán bộ lãnh đạo có liên quan đến vụ án thì phải thực hiện nghiêm chỉnh.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy, tổ chức đảng thường xuyên chỉ đạo, theo dõi, thẩm tra kết quả xử lý, nhất là đối với những vụ án lớn mà nhân dân và dư luận đang quan tâm, những lĩnh vực tham nhũng diễn ra phức tạp như việc cấp phép, quản lý dự án, đấu thầu, xây dựng cơ bản, quản lý nhà, đất...

2. Kê khai nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh của cán bộ, đảng viên, công chức

Nhiều địa phương, bộ, ban, ngành, cơ quan trung ương đã tổ chức kê khai tài sản theo Nghị định của Chính phủ. Nhưng cho đến nay việc kê khai chưa được thực hiện nhất quán và còn có nhiều ý kiến khác nhau về mục đích, phạm vi, nội dung, đối tượng kê khai. Cần thống nhất lại một số quan điểm sau đây:

Khẳng định cần thực hiện việc kê khai, nhằm mục đích: làm rõ ràng, minh bạch về tài sản của cán bộ, đảng viên; tạo điều kiện để tổ chức và quần chúng quản lý và giám sát, nhất là giám sát việc hình thành những tài sản mới; góp phần ngăn ngừa tham nhũng, tiêu cực.

Nội dung kê khai: nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh.

Đối tượng kê khai: bản thân và vợ (hoặc chồng), các con trong gia đình có chung hộ khẩu.

Diện kê khai: Thực hiện theo Nghị định 64/CP của Chính phủ; những người được đề nghị bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, hoặc được giới thiệu bầu cử vào các chức danh lãnh đạo các cấp. Sau khi tổng kết rút kinh nghiệm sẽ mở rộng dần. Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương, các thành viên Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Bí thư, Chủ tịch tỉnh, thành, thực hiện kê khai trước để làm gương cho các cấp dưới.

Cán bộ, đảng viên phải tự giác, trung thực trong việc kê khai. Nếu kê khai không đúng sự thật, che giấu, khi phát hiện sẽ bị xử lý theo kỷ luật của Đảng và Pháp lệnh cán bộ, công chức.

Kết quả kê khai được công khai trong chi bộ và cơ quan quản lý cán bộ. Đối với cán bộ được đề nghị đề bạt, bổ nhiệm: công khai với những người được tham gia ý kiến giới thiệu bổ nhiệm.

Khi tổ chức đảng, cơ quan nhà nước phát hiện tài sản kê khai của cán bộ, đảng viên, công chức có dấu hiệu bất minh, yêu cầu giải trình và nếu cần, đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, xác minh nguồn gốc tài sản và nếu vi phạm, xử lý theo pháp luật.

Căn cứ vào tinh thần và nội dung trên đây, Chính phủ rà soát, điều chỉnh, bổ sung Nghị định 64 và ban hành hướng dẫn thực hiện (có dự thảo quy định kèm theo).

3. Xóa bỏ tình trạng lấy tiền của Nhà nước và tập thể để biếu cho cá nhân

Bộ Chính trị (khóa VIII), Chính phủ đã có Chỉ thị về việc thực hiện nếp sống văn minh, tiết kiệm trong các dịp lễ, tết..., quy định không được dùng công quỹ để làm quà tặng cho cơ quan, cá nhân, nhưng cho đến nay, việc thực hiện không nghiêm, việc tặng quà, nhận quà đang có xu hướng gia tăng và trở thành "lệ" ở nhiều ngành, địa phương, biến tướng dưới nhiều hình thức. Không ít trường hợp dùng quà biếu để tranh thủ lãnh đạo, tìm cơ hội tiến thân, chạy chức, chạy quyền, chạy lợi, chạy tội... Đây là nguồn thu bất hợp pháp, gây dư luận bất bình. Nhận quà biếu là một nguyên nhân của tình trạng nể nang, né tránh, thiếu công minh, thậm chí còn bao che cho người biếu tặng; ưu ái, thiên lệch khi đánh giá, bố trí, đề bạt cán bộ và trong giải quyết công việc. Nhiều người, nhiều đơn vị không muốn

biếu tặng nhưng vì đơn vị khác, nơi khác đều làm nên buộc phải làm theo.

Để thực hiện nghiêm nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng, lãng phí, phải quy định rõ: các cơ quan Đảng, đoàn thể, Nhà nước, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp không được dùng tiền của Nhà nước, tập thể để làm quà tặng, biếu, thưởng cho cá nhân cán bộ lãnh đạo, công chức.

Nghiêm cấm cán bộ, công chức và gia đình nhận tiền, quà biếu, tiền thưởng của các cơ quan, tổ chức kinh tế - xã hội trong mọi trường hợp, kể cả các ngày lễ, tết, đi công tác. Trường hợp khó xử, bất khả kháng phải nhận thì kịp thời báo cáo và nộp cho cơ quan, đơn vị để sung vào công quỹ.

Đối với quà được biếu khi đi công tác nước ngoài, được các tổ chức nước ngoài biếu tặng, người nhận phải thực hiện đúng quy định của Chính phủ.

Đơn vị, cá nhân nào vi phạm quy định, lãnh đạo, thủ trưởng cơ quan phải nhắc nhở, giáo dục hoặc xử lý kỷ luật với hình thức thích hợp.

Các đồng chí bí thư cấp ủy, bí thư ban cán sự đảng, đảng đoàn, thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt quy định; bản thân và gia đình tự giác, gương mẫu, không nhận quà tặng, tiền biếu.

Quy định này được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân giám sát thực hiện.

Chính phủ ban hành quy định về đưa, nhận quà biếu trước tháng 12-2001 (có dự thảo quy chế kèm theo). Bộ Chính trị có chỉ thị cho toàn Đảng trước lúc ban hành quy định, nhân dịp đón năm mới 2002 và tết Nguyên đán Nhâm Ngọ.

4. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Chính phủ đã có Nghị định quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh này. Các ngành, các cấp đã có một số tiến bộ thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tuy vậy, tình trạng lãng phí, thất thoát tiền bạc, tài sản, công quỹ còn rất nghiêm trọng, đặc biệt là trong đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện các dự án, quản lý doanh nghiệp nhà nước... Việc tổ chức quá nhiều lễ hội, kỷ niệm ở các ban, ngành, địa phương, cơ sở cũng gây lãng phí thời gian, sức lực, tiền của... của Nhà nước và nhân dân.

Các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị cần thường xuyên kiểm điểm việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo Pháp lệnh của Quốc hội và quy định của Chính phủ, trước hết, trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, cấp phép, đấu thầu và quản lý dự án; quản lý, sử dụng đất đai, xây dựng trụ sở làm việc, mua sắm trang thiết bị, phương tiện đi lại, điện thoại.

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phải bắt đầu từ từng cơ quan, đơn vị. Mỗi ngành, cơ quan, đơn vị có văn bản quy định cụ thể, thiết thực khắc phục tình trạng lãng phí, thực hành tiết kiệm, giảm hẳn lễ hội, kỷ niệm ngày truyền thống của đơn vị, địa phương, đón rước bằng khen, huân chương... ở ngay cơ quan, đơn vị mình.

Lãnh đạo các ngành, các cấp có kế hoạch kiểm tra việc chống lãng phí và thực hành tiết kiệm của các đơn vị thuộc quyền. Khi phát hiện sai phạm, cần tổ chức kiểm điểm xử lý nghiêm đối với lãnh đạo cơ quan, đơn vị và người trực tiếp vi phạm Pháp lệnh.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc nghiên cứu, bổ sung các biện pháp và chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (có dự thảo quy chế kèm theo).

Ban Bí thư sẽ có Chỉ thị cho toàn Đảng, toàn dân về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

5. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quy định những điều đảng viên không được làm

Ủy ban Kiểm tra Trung ương tổng hợp tình hình thực hiện Quy định những điều đảng viên không được làm trong thời gian qua, kết hợp những quy định tại Pháp lệnh chống tham nhũng, Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Pháp lệnh cán bộ, công chức để Bộ Chính trị ban hành văn bản bổ sung, sửa đổi hoàn chỉnh Quy định những điều đảng viên không được làm (có dự thảo quy định kèm theo).

Tổ chức truyền đạt, nghiên cứu quán triệt ý nghĩa, mục đích tác dụng và nội dung của quy định cho cán bộ, đảng viên. Công khai những điều đảng viên không được làm cho quần chúng nhân dân biết để giám sát đảng viên thực hiện.

Có chế tài và xử lý kịp thời đối với đảng viên vi phạm Quy định, giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật của Đảng (Ủy ban Kiểm tra Trung ương chịu trách nhiệm soạn thảo và ban hành kèm theo Bản hướng dẫn thực hiện văn bản mới về "Những điều đảng viên không được làm").

Đưa việc kiểm điểm thực hiện Quy định những điều đảng viên không được làm vào nội dung sinh hoạt thường kỳ của cấp ủy, tổ chức đảng cơ sở. Hằng năm các cấp ủy, tổ chức

đảng phải báo cáo đánh giá tình hình thực hiện quy định. Ủy ban Kiểm tra Trung ương tổng hợp báo cáo Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương.

Một số ngành như Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án, Hải quan, Tài chính, Thuế vụ, các cơ quan duyệt dự án, quản lý dự án,... cần cụ thể hóa và có thể bổ sung Quy định những điều đảng viên không được làm, thành Quy định những điều cán bộ, đảng viên, công chức của ngành, của đơn vị không được làm sát với đặc thù và môi trường hoạt động của ngành.

6, Xử lý về trách nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý khi để xảy ra các vụ tham nhũng trong cơ quan, đơn vị; bảo vệ những người tích cực đấu tranh chống tham nhũng

Nhiều nghị quyết, chỉ thị của Đảng, văn bản pháp quy của Nhà nước đã nêu việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị khi để xảy ra các vụ tham nhũng lớn. Nghị quyết Đại hội IX đã nêu: "Xem xét trách nhiệm hình sự hoặc có hình thức kỷ luật thích đáng đối với những người đứng đầu cơ quan, đơn vị ở nơi xảy ra những vụ tham nhũng lớn, gây hậu quả nghiêm trọng", "Người lãnh đạo cơ quan để xảy ra tham nhũng cũng phải bị xử lý về trách nhiệm...".

Ủy ban kiểm tra của các cấp ủy đảng kịp thời xem xét để xử lý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý về trách nhiệm hoặc đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với cán bộ lãnh đạo cơ quan, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng, thất thoát tiền bạc, tài sản của Đảng, Nhà nước; đối với lãnh đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật để xảy ra các vụ án oan, sai trong quá trình điều tra, xét xử; đối với lãnh đạo

các cơ quan thông tin, báo chí phản ảnh không trung thực, không đúng sự thật về tham nhũng, lãng phí gây mất lòng tin trong nhân dân.

Có những biện pháp cụ thể để bảo vệ những người kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, khen thưởng những người phát hiện đúng những vụ tham nhũng. Động viên, khuyến khích, khoan dung đối với những người tự giác, thành khẩn khai báo khi mắc sai phạm, khắc phục những hậu quả gây ra.

Chính phủ có quy định về xử lý trách nhiệm khi xảy ra vi phạm, ban hành vào đầu năm 2002 (có dự thảo quy định kèm theo).

7. Bộ Chính trị chỉ đạo bộ phận Thường trực Tiểu ban Trung ương 6 (2) sớm hoàn thành đề án chống tham nhũng trình Bộ Chính trị.

8. Biện pháp vừa cơ bản, lâu dài vừa thiết thực, cấp bách là đưa tự phê bình và phê bình vào nền nếp thường xuyên trong sinh hoạt đảng, bảo đảm tính hiệu quả, nâng cao năng lực, sức chiến đấu của tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên, bảo đảm giữ vững sự đoàn kết thống nhất, kiên quyết đấu tranh phê phán, khắc phục mọi biểu hiện của tư tưởng cục bộ, địa phương, chia rẽ bè phái, mất đoàn kết nội bộ.

Để cụ thể hóa chủ trương, biện pháp này, Ban Tổ chức Trung ương sẽ có hướng dẫn "đưa tự phê bình và phê bình vào nền nếp sinh hoạt đảng thường xuyên" theo Điều lệ Đảng và theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

9. Về tổ chức, chỉ đạo đấu tranh chống tham nhũng

Chỉ thị của Bộ Chính trị khóa VIII, Nghị quyết Trung

ương 6 (lần 2), Nghị quyết Đại hội IX đã xác định: "trong chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị, vấn đề lãnh đạo đấu tranh chống tham nhũng được coi là một công tác trọng tâm, thường xuyên"; "Bộ Chính trị phân công một số Ủy viên Bộ Chính trị, các cấp ủy phân công Ủy viên Ban Thường vụ trực tiếp chỉ đạo chống tham nhũng"; "Tăng cường tổ chức và cơ chế tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng...".

Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết trên đây, tập thể Bộ Chính trị, Ban Cán sự Đảng Chính phủ đứng đầu là các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo cuộc vận động: phân công một số Ủy viên Bộ Chính trị và Ủy viên Ban Bí thư phụ trách chỉ đạo thường xuyên Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí. Các đồng chí được phân công định kỳ nghe báo cáo tình hình, chỉ đạo phối hợp hoạt động của các cơ quan nói trên và quyết định xử lý những vấn đề mang tính chủ trương mà các cơ quan chức năng còn vướng mắc.

Định kỳ sáu tháng, một năm, Bộ Chính trị họp chuyên đề nghe báo cáo và bàn những chủ trương, biện pháp cần thiết nhằm đẩy mạnh Cuộc vận động.

Bộ Chính trị sẽ sớm bàn đề án chuyên đề về công tác tư pháp, trên cơ sở đó có chủ trương củng cố, kiện toàn bộ máy các cơ quan trong hệ thống này.

Củng cố, kiện toàn Bộ phận Thường trực giúp Bộ Chính trị theo dõi công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đấu tranh chống tham nhũng đưa về Ban Tổ chức Trung ương (Có ý kiến: để như hiện nay trực thuộc Ban Bí thư; hoặc bộ phận theo dõi xây dựng, chỉnh đốn Đảng để ở Ban Tổ chức Trung

ương, bộ phận theo dõi chống tham nhũng, lãng phí để ở Ban Nội chính Trung ương).

Ban thường vụ, ban cán sự đảng ủy ban nhân dân các tỉnh, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan trung ương trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo Cuộc vận động ở địa phương, ngành, có phân công một số ủy viên phụ trách công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và chống tham nhũng, lãng phí. Định kỳ sáu tháng họp chuyên đề kiểm điểm, đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong đảng bộ mình.

Sau Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương có kết luận và các cơ quan chức năng ban hành những văn bản quy định cụ thể tương ứng, các cấp ủy, tổ chức đảng căn cứ vào các quy định, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, xử lý việc thực hiện ở đơn vị mình và có biện pháp phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm để đẩy mạnh cuộc đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng, lãng phí.

Các cấp ủy, tổ chức đảng lấy việc chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong những năm tới.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

Số 02-KL/TW, ngày 19 tháng 11 năm 2001

Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992*

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) từ ngày 5 đến 13-11-2001 đã xem xét những quan điểm, phương hướng cơ bản chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương nhận thấy việc chuẩn bị sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 đã được tiến hành khẩn trương, thận trọng, nghiêm túc và theo đúng quy trình luật định. Trong thời gian ngắn, thực hiện quyết định của Đại hội lần thứ IX của Đảng và Nghị quyết của Quốc hội, Bộ Chính trị đã chỉ đạo Ủy ban dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 hoàn thành đề án sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, tổ chức tốt việc lấy ý kiến đóng

---

* Đầu đề do chúng tôi đặt (*B.T*).

góp của nhân dân, các ngành, các cấp và nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu.

Ban Chấp hành Trung ương cơ bản tán thành Tờ trình của Bộ Chính trị, đồng thời nhấn mạnh một số điểm quan trọng trong việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992.

I- CÁC QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA HIẾN PHÁP NĂM 1992

Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 phải quán triệt các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo sau đây:

1. Tiếp tục khẳng định bản chất và mô hình tổng thể của thể chế chính trị và bộ máy nhà nước đã được xác định trong Cương lĩnh năm 1991 của Đảng và Hiến pháp năm 1992. Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

2. Bộ máy nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

3. Chỉ sửa đổi, bổ sung một số vấn đề thực sự bức xúc, đã có đủ cơ sở và có sự thống nhất cao; không đặt vấn đề sửa đổi cơ bản, toàn diện Hiến pháp. Trọng tâm là sửa đổi, bổ sung một số điều về tổ chức bộ máy nhà nước để làm cơ sở cho việc

tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước; đồng thời sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến các lĩnh vực kinh tế, giáo dục, khoa học, công nghệ... cho phù hợp với các nội dung mới đã được Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng xác định.

II- VỀ CÁC VẤN ĐỀ CỤ THỂ

Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, phải quán triệt và thể hiện đúng đắn đường lối đổi mới của Đảng, thể chế hóa Cương lĩnh, Chiến lược và các văn kiện của Đảng. Nội dung của Hiến pháp chủ yếu quy định về những vấn đề có tính nguyên tắc, định hướng cho cả một giai đoạn phát triển của cách mạng. Vì vậy, khi xác định nội dung sửa đổi, bổ sung phải cân nhắc thận trọng, bảo đảm đúng 3 quan điểm nêu trên và tính chỉnh thể, nhất quán của Hiến pháp.

1. Về Quốc hội

Cần tiếp tục khẳng định Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Về cơ bản, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội nên giữ như quy định của Hiến pháp năm 1992, chỉ nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số điểm theo hướng:

- *Quốc hội quyết định phân bổ ngân sách trung ương* nhằm thực hiện chủ trương phân cấp mạnh đi đôi với tăng cường trách nhiệm của chính quyền địa phương, tạo điều kiện để hội đồng nhân dân quyết định thực chất hơn về ngân sách của địa phương mình.

- *Quốc hội quyết định chính sách tôn giáo của Nhà nước.* Đây là một chính sách quan trọng của Đảng và Nhà nước, có nội dung chính trị - xã hội sâu sắc, liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân nên cần phải được Quốc hội xem xét, quyết định.

- *Quốc hội bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn* nhằm nâng cao trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo trước Quốc hội và trước nhân dân. Trong Luật tổ chức Quốc hội cần có những quy định cụ thể, chặt chẽ về thủ tục, thẩm quyền đề nghị và hậu quả pháp lý của việc bỏ phiếu tín nhiệm để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cán bộ, đồng thời phát huy vai trò chủ động giám sát của Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các ủy ban của Quốc hội và của từng đại biểu Quốc hội.

- *Quốc hội phê chuẩn Điều ước quốc tế do Chủ tịch nước trực tiếp ký với người đứng đầu nhà nước khác* để đảm bảo thẩm quyền của Quốc hội trong việc quyết định những Điều ước quốc tế liên quan đến quyền, lợi ích quan trọng của đất nước, chủ quyền quốc gia.

- Bỏ thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng, bộ trưởng, các thành viên khác của Chính phủ trong thời gian giữa hai kỳ họp của Quốc hội, vì đây là vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội.

2. Về Chủ tịch nước

Cần tiếp tục khẳng định Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội, đối ngoại. Về cơ bản, các quy định của

Hiến pháp năm 1992 về Chủ tịch nước là phù hợp. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước theo hướng:

- *Về thẩm quyền ban bố tình trạng khẩn cấp*, Chủ tịch nước căn cứ vào Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội công bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương; đồng thời có quy định để bảo đảm trong những trường hợp cấp bách, Chủ tịch nước có thẩm quyền ban bố tình trạng khẩn cấp để có thể ứng phó kịp thời.

- *Về thẩm quyền quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh khi nước nhà bị xâm lược,* đây là vấn đề đặc biệt hệ trọng, liên quan đến vận mệnh của đất nước, nên khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định tình trạng chiến tranh thì đã có sự lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định phải được ban bố ngay. Do vậy, không nên quy định việc Chủ tịch nước đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét lại Nghị quyết về việc tuyên bố tình trạng chiến tranh.

- *Sửa đổi, bổ sung một số quy định*, giao Chủ tịch nước phong hàm, cấp đại sứ, những hàm, cấp nhà nước trong các lĩnh vực khác; quyết định tặng thưởng giải thưởng nhà nước cho phù hợp với địa vị pháp lý của Chủ tịch nước và thực tiễn. Luật tổ chức Chính phủ cần bổ sung quy định: Chủ tịch nước quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Thủ tướng, bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ.

3. Về Chính phủ

Tiếp tục khẳng định Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Về cơ bản, các quy định về tổ chức và hoạt

động của Chính phủ trong Hiến pháp năm 1992 là phù hợp. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số điểm theo hướng:

- Bổ sung thẩm quyền của Chính phủ trong việc *đàm phán, ký kết Điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* để xử lý các trường hợp có yêu cầu ký kết Điều ước quốc tế nhân danh nhà nước, nhưng đối tác bên ngoài không phải là người đứng đầu nhà nước, nhằm nâng cao vị thế của Chính phủ trong hoạt động đối ngoại, đồng thời cũng phù hợp với các quy định của luật pháp quốc tế.

- *Bỏ thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan thuộc Chính phủ* nhằm thực hiện chủ trương tinh giảm các tổ chức thuộc Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, tạo cơ sở để sắp xếp lại các cơ quan thuộc Chính phủ hiện nay theo quan điểm bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực.

4. Về hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân

Cần tiếp tục khẳng định Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân.

Về việc thành lập Ủy ban nhân dân, khẳng định Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân bầu, là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

Để thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, trong trường hợp cần thiết, Thủ tướng Chính phủ điều động và giới thiệu nhân sự để Hội đồng nhân dân bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên điều động và giới thiệu nhân sự để Hội đồng nhân dân bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp; trong trường hợp này,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân không nhất thiết là đại biểu Hội đồng nhân dân. Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân sẽ được sửa đổi theo hướng này.

5. Về tòa án nhân dân

Chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc xét xử của tòa án nhân dân được quy định trong Hiến pháp năm 1992 vẫn phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của ngành tòa án trong tình hình mới. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số quy định của pháp luật tố tụng để thực hiện thủ tục rút gọn đối với những vụ án hình sự đơn giản, rõ ràng, ít nghiêm trọng hoặc một số tranh chấp dân sự, kinh tế, hành chính không phức tạp.

6. Về viện kiểm sát nhân dân

Cần sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân theo hướng: *Viện kiểm sát nhân dân chỉ thực hiện quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, không thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan, tổ chức và cá nhân*. Quy định này nhằm đảm bảo cho Viện kiểm sát nhân dân các cấp tập trung thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Trong các Luật tổ chức Quốc hội, Luật tổ chức Chính phủ, Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân... cần bổ sung các quy định cụ thể bảo đảm tăng cường hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan này.

7. Tán thành đề nghị của Bộ Chính trị về việc cần nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung một số nội dung vào Lời nói đầu, Chương I về Chế độ chính trị, Chương II về Chế độ kinh tế, Chương III về Văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ,

Chương V về Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân cho phù hợp với những nội dung mới đã được Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng xác định. Cụ thể:

- Bổ sung vào Lời nói đầu quan điểm của Đảng về động lực chủ yếu để phát triển đất nước và phát huy truyền thống yêu nước.

- Bổ sung vào chương về Chế độ chính trị các nội dung nhằm xác định Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; mục tiêu chung để phát triển đất nước là thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Bổ sung thêm một số nội dung vào Điều 9 quy định về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để khẳng định rõ hơn vai trò, vị trí của Mặt trận trong hệ thống chính trị.

- Bổ sung vào chương về Chế độ kinh tế một số nội dung mới đã được Đại hội IX của Đảng xác định như: chủ trương tiếp tục xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trên cơ sở phát huy nội lực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; xác định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước; bổ sung thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; khẳng định các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế nước ta; tạo điều kiện để doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế được phát triển không bị hạn chế về quy mô hoạt động trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm; thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Bổ sung vào chương về Văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và chương về Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân một số quy định theo hướng: khẳng định khoa học và công nghệ cùng với giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu; chủ trương thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; chính sách bảo đảm cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được học văn hóa và học nghề phù hợp; khẳng định người Việt Nam định cư ở nước ngoài là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam, Đảng và Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để đồng bào góp phần xây dựng đất nước, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

*

* *

Trên cơ sở những quan điểm và phương hướng chỉ đạo cơ bản được nêu trong Kết luận này, Bộ Chính trị chỉ đạo Đảng đoàn Quốc hội, Ủy ban dự thảo hoàn chỉnh đề án sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 trình Quốc hội thảo luận và quyết định tại kỳ họp thứ 10.

Trong quá trình Quốc hội thảo luận, nếu thấy có vấn đề cần thiết thì Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA IX

Số 03-KL/TW, ngày 19 tháng 11 năm 2001

Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2002, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) từ ngày 5 đến 13-11-2001 sau khi nghe Báo cáo của Bộ Chính trị về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2002, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005, đã thảo luận và kết luận:

1. Đồng ý thông qua những nội dung cơ bản của các báo cáo và Tờ trình của Bộ Chính trị về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2002, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005; đồng thời nhấn mạnh thêm một số điểm như sau:

- Năm 2001, trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế có những khó khăn rất lớn, nền kinh tế nước ta tiếp tục phát triển khá và ổn định; cơ cấu kinh tế đã có bước chuyển dịch tích cực; các nguồn lực trong nước được huy động cho

đầu tư phát triển tăng khá; thu ngân sách nhà nước vượt dự toán và tăng nhiều so với năm trước; một số lĩnh vực xã hội có tiến bộ; quốc phòng, an ninh được củng cố; độc lập chủ quyền của đất nước được giữ vững; vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế được nâng lên. Những thành tựu đạt được là rất tích cực và đáng khích lệ. Đây là kết quả của sự phấn đấu cao của các cấp, các ngành, của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta và kế thừa những thành quả đạt được trong nhiều năm trước đây.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế - xã hội còn nhiều mặt yếu kém: chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm; việc khai thác các nguồn lực trong nước chưa tương xứng với khả năng và yêu cầu; nền tài chính chưa vững chắc; lĩnh vực xã hội còn nhiều vấn đề bức xúc đáng lo ngại. Tình hình này do nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là công tác tổ chức cán bộ còn nhiều bất cập, một bộ phận không nhỏ cán bộ, kể cả cán bộ có trọng trách yếu kém cả về năng lực và phẩm chất; công tác xây dựng Đảng, xây dựng bộ máy nhà nước chưa đáp ứng được đòi hỏi của tình hình và nhiệm vụ.

- Năm 2002, tình hình thế giới còn tiếp tục diễn biến phức tạp, có ảnh hưởng và tác động tiêu cực, nhưng cũng có những yếu tố thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta. Các nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2002 cũng như những năm tiếp theo phải quán triệt sâu sắc quan điểm phát huy cao nhất nội lực, đồng thời tranh thủ có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài, hạn chế những ảnh hưởng xấu, tận dụng những cơ hội mới, để phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Phấn đấu năm 2002 đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế bằng hoặc cao hơn năm 2001 và tới năm 2005 đạt được các mục tiêu của kế hoạch 5 năm như Đại hội IX của Đảng đã xác định; đồng thời phải chủ động có các phương án phù hợp để ứng phó kịp thời với những diễn biến phức tạp chưa lường trước được của tình hình.

- Cùng với phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng cao, phải nâng cao chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư và sản xuất, cơ cấu lao động theo hướng phát huy lợi thế, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và tính độc lập tự chủ của nền kinh tế trong điều kiện hội nhập kinh tế thế giới. Tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu, đồng thời phải đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường trong nước. Đẩy nhanh việc ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến trong tất cả các ngành và lĩnh vực kinh tế, xã hội, nhất là trong nông nghiệp và sản xuất hàng xuất khẩu. Thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 về sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước; phát huy cao nhất tiềm năng của các thành phần kinh tế, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân vào công cuộc phát triển đất nước.

- Tập trung giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc. Tiếp tục làm tốt công tác xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống của nhân dân, nhất là của đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng thường xuyên bị thiên tai, đồng bào các dân tộc thiểu số. Tập trung chỉ đạo sớm ổn định đời sống của đồng bào vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long và vùng bị bão lũ ở miền Trung. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, các tệ nạn ma tuý, mại dâm.

Có biện pháp đồng bộ, quyết liệt để giảm tai nạn giao thông và xóa bằng được các băng nhóm tội phạm có tổ chức. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, chủ quyền của đất nước trong mọi tình huống.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính trên tất cả các mặt: thể chế, tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức và quản lý tài chính công, đặc biệt là tạo ra bước chuyển căn bản trong cải cách thủ tục hành chính. Tiếp tục thực hiện tốt Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), nhất là đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng, xây dựng các cấp ủy đảng và bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ.

2. Giao Bộ Chính trị chỉ đạo Ban Cán sự Đảng Chính phủ, trên cơ sở kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, hoàn chỉnh các báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2002 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 để trình Quốc hội trong kỳ họp sắp tới.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA IX

Số 04-KL/TW, ngày 19 tháng 11 năm 2001

Về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa IX sau khi thảo luận báo cáo của Bộ Chính trị về "Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí", kết luận như sau:

I- TÌNH HÌNH CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG TỪ SAU ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG

Từ sau Đại hội lần thứ IX của Đảng đến nay, thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 7-6-2001 của Bộ Chính trị, toàn Đảng tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII. Đợt triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đã góp phần củng cố và nâng cao một

bước đáng kể nhận thức tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên, trước hết của đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành. Nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng được coi trọng hơn. Những biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên tiếp tục được cảnh tỉnh, răn đe; một số nơi các vụ việc tiêu cực có giảm bớt. Các vụ việc nổi cộm, phần lớn liên quan đến tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu, trong đó không ít vụ việc tồn đọng kéo dài nhiều năm được tiếp tục giải quyết. Đoàn kết trong Đảng, trước hết trong cấp ủy, tổ chức đảng có chuyển biến tích cực. Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, đổi mới phong cách công tác, lề lối làm việc có tiến bộ. Những kết quả của Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã góp phần quan trọng vào thành công của Đại hội IX và đại hội đảng bộ các cấp, những thành tích phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2000.

Tuy nhiên, nhìn chung, cho đến nay Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa tạo được những chuyển biến cơ bản trong công tác xây dựng Đảng cũng như trong việc nâng cao chất lượng của các tổ chức đảng và của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là chưa ngăn chặn và đẩy lùi được tệ tham nhũng, lãng phí. Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng chưa kiên quyết chỉ đạo tập trung giải quyết dứt điểm những vấn đề nổi cộm. Một số vụ án tham nhũng đã phát hiện, xử lý không nghiêm minh hoặc để kéo dài, các vụ án mới tiếp tục được phát hiện gây bức xúc, nhức nhối trong Đảng và trong nhân dân.

Tình trạng tham nhũng, tiêu cực đã lan rộng sang nhiều lĩnh vực, kể cả lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ pháp luật..., tình trạng sách nhiễu người dân vẫn diễn ra phổ biến làm cho nhân dân bất bình.

Một số chủ trương, biện pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí thực hiện còn nửa vời, còn mang tính hình thức, thiếu kiểm tra, đôn đốc. Đoàn kết nội bộ ở một số nơi đến nay vẫn diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Những khuyết điểm, thiếu sót nêu trên do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Về chủ quan, do những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

Một là, sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, trước hết là của Bộ Chính trị chưa kiên quyết và chưa tập trung đúng mức.

Chưa có những chủ trương, biện pháp đồng bộ, có hiệu lực để khắc phục tình trạng tham nhũng, lãng phí trong hệ thống chính trị, nhất là trong bộ máy nhà nước và trong các tổ chức kinh tế. Đối với những chủ trương, biện pháp đã đề ra, chỉ đạo thực hiện thiếu kiên quyết, triệt để, còn nửa vời, nói nhiều làm ít. Chưa chỉ đạo chặt chẽ việc sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm kịp thời để có những biện pháp mạnh mẽ tiếp theo, nhất là đối với việc giải quyết các vụ việc tiêu cực nổi cộm đã được nêu ra trong kiểm điểm tự phê bình và phê bình. Nhiều cấp ủy đảng tiến hành cuộc vận động chưa nghiêm túc, còn nể nang, né tránh, "dễ người dễ ta". Một số đồng chí Ủy viên Trung ương, bí thư cấp ủy, tổ chức đảng, sau kiểm điểm phê bình vẫn để xảy ra nhiều vụ việc tiêu cực, tham nhũng và các vụ khiếu kiện phức tạp, kéo dài ở ngành, địa phương, đơn vị mình phụ trách.

Hai là, một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp chưa tự giác tự phê bình và phê bình, chưa làm gương cho cán bộ, đảng viên trong đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

Trong kiểm điểm phê bình ít có trường hợp cán bộ chủ chốt các cấp tự giác nhận có tham nhũng. Có đồng chí để vợ (chồng), con lợi dụng chức quyền của mình làm những việc tiêu cực, sai trái cũng chưa tự giác nhận khuyết điểm. Một số đồng chí vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, gây mất đoàn kết nội bộ nhưng không tự phê bình nghiêm túc.

Ba là, việc xử lý một số vụ việc nổi cộm chưa nghiêm, vẫn còn vụ việc có biểu hiện "trên nhẹ, dưới nặng".

Có những vụ tham nhũng lớn, một số cán bộ có liên quan, dính líu chưa được đưa ra xét xử công minh. Không xử lý hoặc xử lý không nghiêm về trách nhiệm đối với người đứng đầu nơi để xảy ra những vụ tiêu cực, tham nhũng lớn.

Bốn là, nhiều cấp ủy, tổ chức đảng chưa thực sự dựa vào dân, chưa coi trọng tiếp thu ý kiến phê bình của dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Nhiều nơi chưa gắn chặt Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng với việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; chưa có hướng dẫn, quy định cụ thể để lấy ý kiến của nhân dân và cán bộ, công chức tham gia đóng góp phê bình cán bộ, đảng viên; chưa thực hiện tốt việc công khai kết quả tự phê bình và phê bình theo quy định để phát huy vai trò của tổ chức dân cử, Mặt trận, các đoàn thể và nhân dân tham gia giám sát cán bộ, đảng viên.

Năm là, một số chủ trương, biện pháp, quy chế, chính sách nhằm ngăn ngừa, đấu tranh chống tệ tham nhũng, lãng phí quy định chưa hợp lý, chặt chẽ, tính khả thi chưa cao, còn ít hiệu quả.

Những quy chế, quy định như Quy định những điều đảng viên không được làm, Pháp lệnh chống tham nhũng,

Pháp lệnh chống lãng phí, thực hành tiết kiệm, Pháp lệnh cán bộ, công chức, Quy định về kê khai nhà, đất, tài sản, Quy chế dân chủ ở cơ sở, việc xử lý trách nhiệm, việc cấm đưa, nhận quà biếu... còn có những nội dung chưa đủ cụ thể hoặc còn thiếu chặt chẽ, chính xác, thiếu chế tài đối với những trường hợp vi phạm. Thiếu kiểm tra thường xuyên việc thực hiện những điều đã quy định; phát hiện người vi phạm không xử lý nghiêm túc, kịp thời, còn nói nhiều làm ít. Người tự giác, trung thực, thẳng thắn đấu tranh xây dựng hoặc tự giác nhận lỗi chưa được động viên, khuyến khích; những trường hợp cố tình giấu giếm khuyết điểm, vu cáo, gây rối nội bộ... chưa bị xử lý thích đáng. Cải cách hành chính tiến triển chậm, nhiều quy chế quản lý ban hành chưa chặt chẽ, tạo nhiều kẽ hở cho người xấu lợi dụng...

Sáu là, thiếu sự phân công phối hợp chỉ đạo việc chống tham nhũng một cách có hiệu lực, hiệu quả.

Bộ Chính trị chưa phân công rõ một số Ủy viên Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo thường xuyên công tác đấu tranh chống tham nhũng như Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đề ra.

Các ban tham mưu của cấp ủy, Bộ phận Thường trực 6 (2) và các cơ quan liên quan chưa có sự phối hợp chặt chẽ để giúp cấp ủy nắm chắc tình hình cấp dưới, thực chất ưu điểm, khuyết điểm của từng đơn vị, từng cấp ủy, từng cán bộ chủ chốt. Các cơ quan bảo vệ pháp luật trong hoạt động còn thiếu sự phối hợp chặt chẽ, có trường hợp chưa bảo đảm sự thống nhất, do đó xử lý vụ việc không kịp thời, gây nghi ngờ trong dư luận quần chúng.

II- NHỮNG BIỆN PHÁP NHẰM TIẾP TỤC THỰC HIỆN CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG THEO NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 6 (LẦN 2)

Thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, sắp tới cần phải đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Cả ba nội dung cơ bản của Nghị quyết đều phải đi sâu thực hiện có hiệu quả, trong đó, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ trọng tâm trước mắt; nhận rõ đây là cuộc đấu tranh khó khăn, quyết liệt, lâu dài, gắn liền với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc phải được tiến hành bằng nhiều giải pháp đồng bộ:

1. Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là giáo dục về đạo đức cách mạng; phê phán những quan điểm, tư tưởng sai trái, cơ hội chính trị, chủ nghĩa cá nhân, lối sống ích kỷ, buông thả.

2. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp và cơ chế, chính sách (trong đó có việc cải cách chế độ tiền lương), các chế độ và quy định quản lý kinh tế - xã hội chung và trong từng ngành, từng lĩnh vực; đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước; đưa tự phê bình và phê bình vào nền nếp thường xuyên trong sinh hoạt đảng; giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng, chống mọi biểu hiện của tư tưởng cục bộ, địa phương, chia rẽ, bè phái, mất đoàn kết nội bộ. Đổi mới công tác tổ chức cán bộ, kiện toàn bộ máy Đảng, Nhà nước, đoàn thể, doanh nghiệp, đặc biệt phải sớm chấn chỉnh, kiện toàn bộ máy các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Sớm xác định rõ phân công và thời hạn thực hiện các việc nói trên.

3. Khẩn trương giải quyết, xử lý những vụ việc nổi cộm, bức xúc.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị cần rà soát lại các vụ việc nổi cộm của địa phương, ngành, đơn vị mình (bao gồm những việc đã phát hiện nhưng chưa xử lý hoặc xử lý chưa tốt và cả những vụ việc chưa được phát hiện xác minh, nhưng trong dân có nhiều dư luận đang quan tâm, có nhiều thắc mắc, nghi ngờ), để lập kế hoạch chỉ đạo giải quyết tích cực, nghiêm túc, có hiệu quả và dứt điểm trong một thời gian nhất định.

Phân tích, rút kinh nghiệm, làm rõ nguyên nhân đã gây ra các vụ việc, việc xử lý chưa nghiêm, đề ra biện pháp ngăn chặn sự việc tái diễn.

Các vụ án liên quan đến cán bộ lãnh đạo, dù cán bộ đó ở cấp nào, đương chức hoặc đã chuyển công tác, đã nghỉ hưu cũng phải được xem xét đầy đủ về trách nhiệm hành chính hoặc hình sự theo đúng Điều lệ Đảng, pháp luật Nhà nước.

Các cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không được có các hành vi (bằng bất cứ hình thức nào) can thiệp vào quá trình điều tra, xét xử các vụ án nhằm bao che, để lọt người, lọt tội.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy, tổ chức đảng thường xuyên chỉ đạo, theo dõi, thẩm tra kết quả xử lý, nhất là đối với những vụ án lớn mà nhân dân và dư luận đang quan tâm, những lĩnh vực tham nhũng diễn ra phức tạp.

4. Kê khai nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh của cán bộ, công chức.

Thực hiện việc kê khai nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh đối với toàn bộ cán bộ, công chức nhà nước, nhằm mục đích: làm rõ ràng, minh bạch về tài sản của cán bộ, công chức; tạo điều kiện để tổ chức và quần chúng quản lý và giám sát, nhất là giám sát việc hình thành những tài sản mới; góp phần ngăn ngừa tham nhũng, tiêu cực. Khi nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh có thay đổi thì cán bộ, công chức phải kê khai bổ sung.

Cán bộ, công chức phải tự giác, trung thực trong việc kê khai. Bản kê khai được công khai trong chi bộ và cơ quan quản lý cán bộ. Đối với cán bộ được đề nghị đề bạt, bổ nhiệm hoặc giới thiệu ứng cử, đề cử vào các chức vụ lãnh đạo: công khai với những người được tham gia ý kiến giới thiệu bổ nhiệm và những người bầu cử.

Khi tổ chức đảng, cơ quan nhà nước phát hiện tài sản kê khai của cán bộ, công chức có dấu hiệu bất minh thì giao cho cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, xác minh nguồn gốc tài sản và nếu vi phạm xử lý theo pháp luật.

5. Nghiêm cấm việc lấy tiền của Nhà nước, của tập thể biếu, tặng cho cá nhân, tổ chức.

Các cơ quan Đảng, đoàn thể, Nhà nước, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp không được dùng tiền của Nhà nước, tập thể chi làm quà tặng, biếu cho cá nhân và tổ chức, trừ trường hợp thực hiện chính sách theo quy định.

Cán bộ, công chức không nhận tiền, quà biếu của các cơ quan, tổ chức kinh tế - xã hội trong mọi trường hợp, kể cả các ngày lễ, tết, đi công tác.

Các đồng chí bí thư cấp ủy, bí thư ban cán sự đảng, đảng đoàn, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt quy định; bản thân và gia đình tự giác, gương mẫu, không nhận quà tặng, tiền biếu.

6. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Pháp lệnh của Quốc hội và quy định của Chính phủ, trước hết, trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, cấp phép, đấu thầu và quản lý dự án; quản lý, sử dụng đất đai, xây dựng trụ sở làm việc, mua sắm trang thiết bị, phương tiện đi lại, điện thoại.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ có văn bản quy định cụ thể việc tổ chức kỷ niệm ngày truyền thống, lễ đón nhận huân chương, lễ hội... một cách thiết thực, khắc phục tình trạng lãng phí, thực hành tiết kiệm.

Lãnh đạo các ngành, các cấp có kế hoạch kiểm tra thường xuyên việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của các đơn vị thuộc quyền. Khi phát hiện sai phạm, cần tổ chức kiểm điểm xử lý nghiêm đối với lãnh đạo cơ quan, đơn vị và người trực tiếp vi phạm.

7. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc Quy định những điều đảng viên không được làm.

Bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh Quy định những điều đảng viên không được làm.

Các cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức truyền đạt, nghiên cứu quán triệt ý nghĩa, mục đích, tác dụng và nội dung của quy định cho cán bộ, đảng viên. Công khai những điều đảng viên không được làm cho quần chúng nhân dân biết để giám sát đảng viên thực hiện.

Đưa việc kiểm điểm thực hiện Quy định những điều đảng viên không được làm vào nội dung sinh hoạt thường kỳ của cấp ủy, tổ chức đảng cơ sở. Hằng năm các cấp ủy, tổ chức đảng phải báo cáo đánh giá tình hình thực hiện quy định. Ủy ban Kiểm tra Trung ương tổng hợp báo cáo Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương.

8. Xử lý về trách nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý để xảy ra các vụ tiêu cực, tham nhũng lớn trong cơ quan, đơn vị; bảo vệ những người tích cực đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng.

Xem xét, xử lý về trách nhiệm hoặc đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với cán bộ lãnh đạo cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng, lãng phí lớn; đối với lãnh đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật để xảy ra các vụ án oan, sai trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Xử lý nghiêm theo Luật báo chí đối với lãnh đạo các cơ quan thông tin, báo chí phản ảnh không trung thực, không đúng sự thật về tham nhũng, lãng phí, gây mất lòng tin trong nhân dân.

Có những biện pháp cụ thể để bảo vệ những người kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, khen thưởng những tổ chức, cá nhân phát hiện đúng những vụ tham nhũng. Động viên, khuyến khích, khoan hồng đối với những người tự giác, thành khẩn khai báo và trả lại tài sản của Nhà nước, tập thể khi mắc sai phạm, tích cực góp phần khắc phục những hậu quả gây ra.

9. Hoàn thiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Gắn chặt việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở với Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

Có quy định về vai trò của cơ quan dân cử, của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân, của tập thể cơ quan, đơn vị, khu dân cư góp ý phê bình cán bộ, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, trong đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

Chỉ đạo chặt chẽ việc phát huy vai trò của các cơ quan thông tin đại chúng trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng, trong chống tham nhũng, lãng phí.

10. Về tổ chức, chỉ đạo.

Ban Bí thư đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư trực tiếp chịu trách nhiệm chỉ đạo Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí. Bộ Chính trị phân công một số đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị và Ủy viên Ban Bí thư phụ trách chỉ đạo thường xuyên Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng mà trọng tâm trước mắt là đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

Định kỳ 6 tháng, một năm, Bộ Chính trị họp nghe báo cáo và bàn những chủ trương, biện pháp cần thiết nhằm đẩy mạnh Cuộc vận động.

Bộ Chính trị sẽ sớm bàn đề án chuyên đề về công tác tư pháp, trên cơ sở đó có chủ trương củng cố, kiện toàn bộ máy các cơ quan trong hệ thống này.

Tiếp tục duy trì và kiện toàn Bộ phận Thường trực Trung ương 6 (2) giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo Cuộc vận động trực thuộc Ban Bí thư.

Ban thường vụ các tỉnh, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan trung ương trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đấu tranh

chống tham nhũng, lãng phí ở địa phương, ngành; có phân công một số ủy viên chỉ đạo thường xuyên Cuộc vận động, có bộ phận chuyên trách giúp việc. Định kỳ 6 tháng họp chuyên đề kiểm điểm đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí trong đảng bộ mình.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoàn chỉnh bản bổ sung, sửa đổi Quy định những điều đảng viên không được làm, để Bộ Chính trị sớm ban hành.

Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm "Hướng dẫn đưa tự phê bình và phê bình vào nền nếp sinh hoạt đảng thường xuyên" theo Điều lệ Đảng, theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

Ban Cán sự Đảng Chính phủ hoàn chỉnh các bản quy định, hướng dẫn về kê khai nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh; về nghiêm cấm việc lấy tiền của Nhà nước, của tập thể biếu, tặng cho cá nhân, tổ chức; về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; về xử lý trách nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý để xảy ra các vụ tiêu cực, tham nhũng lớn trong cơ quan, đơn vị, trình Bộ Chính trị cho ý kiến ban hành.

Ban hành các quy định, quy chế trên đây trong năm 2001.

Các cấp ủy, tổ chức đảng thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, xử lý việc thực hiện ở đơn vị mình và có biện pháp phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm để đẩy mạnh cuộc đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, một nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong những năm tới. Trong quá trình chỉ đạo Cuộc

vận động, các cấp ủy cần đặc biệt coi trọng việc kiểm tra lại tình hình thực hiện các quy định đã được Đảng và Nhà nước ban hành trực tiếp liên quan đến xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí. Xử lý nghiêm và sửa ngay những việc làm sai.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA IX

Ngày 13 tháng 11 năm 2001

Thưa các đồng chí Trung ương,
Thưa các đồng chí,

Sau hơn 8 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Hội nghị Trung ương lần thứ tư đã hoàn thành chương trình làm việc. Mỗi nội dung Hội nghị bàn và quyết định lần này là những vấn đề quan trọng nhằm cụ thể hóa việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành Trung ương. Trên cơ sở các đề án của Bộ Chính trị, các đồng chí Trung ương và đại biểu Hội nghị đã phát biểu sôi nổi, đóng góp nhiều ý kiến, thảo luận thẳng thắn với tinh thần trách nhiệm cao. Bộ Chính trị đã nghiên cứu những ý kiến thảo luận tại Hội nghị và trình bày ý kiến tiếp thu, có một số vấn đề đã được biểu quyết.

Các quan điểm, phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và

các giải pháp cơ bản về từng nội dung đã được thể hiện trong Báo cáo tiếp thụ của Bộ Chính trị trước Trung ương và Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét, quyết định. Tôi chỉ phân tích để nhấn mạnh thêm một số vấn đề.

Thưa các đồng chí,

Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, có giá trị pháp lý cao nhất, làm cơ sở cho việc xây dựng hệ thống luật pháp của mỗi quốc gia. Trong hơn 50 năm qua, kể từ bản Hiến pháp đầu tiên ra đời năm 1946 đến nay, Nhà nước ta đã có 4 bản Hiến pháp (Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992). Ra đời trong những hoàn cảnh khác nhau của từng giai đoạn lịch sử nhưng nội dung cơ bản của các bản Hiến pháp là sự kế thừa và phát triển liên tục trong kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội của nước ta mở đầu từ thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám. Mỗi bản Hiến pháp đều in đậm dấu ấn chặng đường cách mạng mà đất nước đã trải qua và những thành quả cách mạng mà nhân dân ta đã đạt được. Hiến pháp năm 1992 đã xác định thể chế chính trị của đất nước trong thời kỳ đổi mới, phản ánh những tư tưởng cơ bản của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đang định hướng phát triển đất nước trong gần 10 năm qua đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng; thế và lực của đất nước tăng nhanh, uy tín của nước ta trên thế giới được nâng cao. Mặc dù còn nhiều khó khăn, thử thách, tình hình đất nước đã có những phát triển mới. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn 15 năm đổi mới, Đại hội lần thứ IX của Đảng đã khẳng định thêm những nội dung mới để phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy

mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước tiến lên trong thế kỷ mới. Những nội dung mới đó cần được phản ánh vào Hiến pháp để trên cơ sở đó góp phần thể chế hóa nghị quyết của Đảng, đưa nghị quyết Đảng vào cuộc sống.

Xây dựng, sửa đổi, bổ sung một số điều trong Hiến pháp bao giờ cũng là việc trọng đại; phải trên cơ sở tổng kết thực tiễn sâu sắc và được chỉ đạo chặt chẽ. Do đó, tại Hội nghị Trung ương lần thứ hai, cũng như Hội nghị Trung ương lần này, Bộ Chính trị đã trình bày các quan điểm chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 và đã được Ban Chấp hành Trung ương tán thành. Đó là:

- Tiếp tục khẳng định bản chất và mô hình tổng thể của thể chế chính trị và bộ máy nhà nước đã được xác định trong Cương lĩnh năm 1991 của Đảng và Hiến pháp năm 1992. Khẳng định bản chất Nhà nước ta là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

- Tổ chức bộ máy theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

- Không đặt vấn đề sửa đổi toàn diện Hiến pháp mà chỉ tập trung sửa đổi, bổ sung những vấn đề bức xúc, đã có đủ cơ sở

thực tiễn và đã được thống nhất cao trong xã hội. Trọng tâm là sửa đổi, bổ sung một số điều về tổ chức bộ máy nhà nước làm cơ sở cho việc tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước. Đồng thời sửa đổi, bổ sung một số điều thuộc một số lĩnh vực khác cho phù hợp với những nội dung mới đã được Đại hội lần thứ IX của Đảng xác định để phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp thuộc thẩm quyền của Quốc hội, theo Điều 147 của Hiến pháp. Theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, quyết định của Hội nghị Trung ương là ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam với Quốc hội để Quốc hội xem xét và quyết định theo thủ tục và quy trình pháp lý.

Thưa các đồng chí,

Một nội dung quan trọng mà Trung ương tập trung thảo luận và quyết định tại Hội nghị này là kiểm điểm việc thực hiện Kế hoạch năm 2001; xác định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2002; cụ thể hóa phương hướng, nhiệm vụ Kế hoạch 5 năm (2001 - 2005).

Việc thực hiện Kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2001 có vị trí rất quan trọng vì đó là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, năm đầu của thế kỷ XXI. Bước vào năm kế hoạch, đất nước có những thuận lợi cơ bản từ những kết quả đạt được trong những năm đổi mới và trong kế hoạch 1996 - 2000, đồng thời phải đương đầu với những khó khăn rất lớn, có những khó khăn không lường được trước. Đó là kinh tế thế giới lâm vào trì trệ; thị trường xuất khẩu bị thu hẹp, giá cả nhiều mặt hàng xuất khẩu của nước ta bị giảm mạnh;

đồng thời sau sự kiện 11-9 ở Mỹ, tình hình thế giới tiếp tục có những biến động, kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến không thuận và phức tạp, ảnh hưởng tới một số lĩnh vực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của nước ta. Bên cạnh đó, những thiệt hại do những trận lũ lụt năm 2000 gây ra còn chưa khắc phục được nhiều thì lũ lụt ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và Trung Trung Bộ mấy tháng qua đã làm cho tình hình thêm nặng nề, thiệt hại về người và của khá lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống của hàng chục triệu đồng bào. Trong bối cảnh phức tạp đó, tình hình chính trị - xã hội đất nước vẫn tiếp tục ổn định, nền kinh tế vẫn tiếp tục tăng trưởng với tốc độ khá và ổn định; cơ cấu kinh tế công nghiệp, nông nghiệp bước đầu đã có chuyển dịch tích cực, thủy sản phát triển khá, sản xuất công nghiệp và các hoạt động dịch vụ tăng khá; các nguồn lực trong nước được chú trọng phát huy, việc huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển sôi động hơn và đạt được những kết quả khá tốt; thu ngân sách vượt kế hoạch, bảo đảm kịp thời các khoản chi, góp phần cơ bản ổn định nền tài chính quốc gia; một số lĩnh vực văn hóa xã hội có chuyển biến tích cực, nhất là xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm; quốc phòng, an ninh được củng cố; trật tự an toàn xã hội cơ bản được duy trì; các hoạt động đối ngoại được đẩy mạnh, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho phát triển đất nước và làm tăng uy tín và vị thế của nước ta trên trường quốc tế. Tuy còn một số chỉ tiêu chưa đạt mức kế hoạch đề ra, nhưng trong bối cảnh khó khăn rất lớn ở cả trong nước và ngoài nước, những kết quả phát triển kinh tế - xã hội đạt được trong năm 2001, trong đó tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mức cao hơn năm 2000 là *rất tích cực và đáng khích lệ.*

Nhìn tổng quát bức tranh kinh tế - xã hội năm 2001 chúng ta có thể thấy rõ những cố gắng to lớn của nhân dân, của các cấp, các ngành, những tiến bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội; rút ra những kinh nghiệm bổ ích cho các năm sau.

Kinh nghiệm chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2001, và trước những biến động của tình hình kinh tế thế giới càng làm cho chúng ta thêm tin tưởng và khẳng định mạnh mẽ sự đúng đắn của đường lối kinh tế - xã hội đã được Đại hội lần thứ IX của Đảng quyết định. Chúng ta ngày càng thấy rõ: sự ổn định chính trị - xã hội, an ninh quốc gia luôn luôn là cơ sở để phát triển kinh tế và đổi mới thành công. Xác định mối quan hệ giữa độc lập tự chủ về kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế, Nghị quyết Đại hội đã khẳng định "độc lập tự chủ về kinh tế tạo cơ sở cho hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả. Hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả tạo điều kiện cần thiết để xây dựng kinh tế độc lập tự chủ", xác định "nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng, gắn kết với nhau thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước". Tập trung sức phát triển kinh tế, xây dựng đồng bộ nền tảng cho một nước công nghiệp hiện đại, bảo đảm nền kinh tế đủ sức đứng vững và ứng phó được với các tình huống phức tạp, trong điều kiện thực hiện có hiệu quả các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Những tư tưởng đó đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn năm 2001, là những tư tưởng cơ bản cần quán triệt trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2002 và các năm sau. Việc nghiêm chỉnh thực hiện Luật doanh nghiệp, chỉ đạo tháo gỡ những vướng mắc cho doanh nghiệp, có chính sách kịp thời khuyến khích

xuất khẩu, tăng cường phân công, phân cấp hợp lý cho địa phương trong thời gian qua đã đem lại những kết quả rõ rệt, chứng tỏ rằng: nếu nắm vững quan điểm, chủ trương của Đảng, bám sát và đáp ứng yêu cầu của cơ sở, nhanh nhạy và chủ động xử lý các vướng mắc thì chúng ta có thể phát huy mạnh mẽ hơn nữa nguồn nội lực để phát triển đất nước và vững vàng trong mọi tình thế.

- Chúng ta vui mừng về những kết quả đạt được, nhưng như nhiều đồng chí đã phân tích tình hình, nhấn mạnh không được chủ quan, thỏa mãn. Kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2001 cần căn cứ vào kết luận của Bộ Chính trị tại Hội nghị Trung ương lần thứ hai và Nghị quyết của Quốc hội kỳ họp thứ 9. Do đó, bên cạnh việc khẳng định những thành tựu đã đạt được cần nghiêm khắc chỉ ra những mặt còn tồn tại, yếu kém. Tình hình chính trị - xã hội đất nước cơ bản ổn định nhưng vẫn tiềm ẩn những vấn đề phức tạp, nếu xử lý không đúng đắn, khôn khéo có thể gây mất ổn định trong từng khu vực. Tuy mức tăng trưởng kinh tế đạt khá nhưng chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao, biểu hiện ở hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư còn thấp, chi phí gián tiếp còn rất cao; việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm và còn để xảy ra tự phát; nhiều vùng nông thôn, nhất là vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng bị thiên tai còn gặp nhiều khó khăn; về mặt văn hóa, xã hội, tuy có một số tiến bộ, nhưng văn hóa đồi trụy tiếp tục phát triển, tệ nạn xã hội có những biểu hiện mới rất nghiêm trọng, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và lập lại trật tự kỷ cương xã hội chưa có chuyển biến đáng kể. Mỗi đồng chí được Đảng phân công phụ trách các ngành và các địa phương cần thấy đầy đủ trách

nhiệm của mình trước những tồn tại đó để nghiêm khắc kiểm điểm, kiên quyết khắc phục trong quá trình điều hành thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước.

Đối với chúng ta, cần phát triển nhanh nhịp độ tăng trưởng để đến năm 2010 GDP ít nhất gấp đôi năm 2000, đưa đất nước thoát ra khỏi tình trạng nghèo và kém phát triển. Nhưng phải *luôn luôn coi trọng chất lượng của tăng trưởng để phát triển bền vững*. Chất lượng tăng trưởng phải được biểu hiện ở hiệu quả sản xuất, sức cạnh tranh của sản phẩm, của doanh nghiệp và cả nền kinh tế; sự ổn định nền kinh tế vĩ mô, sự lành mạnh và bền vững của nền tài chính quốc gia và tài chính doanh nghiệp nhà nước; ở việc giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc; thúc đẩy phát triển các vùng kinh tế động lực, đồng thời quan tâm hơn nữa các vùng có khó khăn, giảm các tệ nạn xã hội. *"Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường"* là quan điểm phát triển hướng tới chất lượng kinh tế - xã hội đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. Tư tưởng cơ bản đó cần được quán triệt trong việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2002 và các năm sau.

Đối với tình hình thế giới, Nghị quyết Đại hội lần thứ IX đã nhận định: "Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra gay gắt", "Trong một vài thập kỷ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới. Nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ, khủng bố

còn xảy ra ở nhiều nơi với tính chất phức tạp ngày càng tăng". Sự biến động của tình hình thế giới trong hai tháng qua chứng tỏ nhận định đó là hoàn toàn đúng. Trước những biến động mới, cần theo dõi tình hình chặt chẽ, nắm vững các quan điểm, định hướng của Đảng, nêu cao ý thức tự lực tự cường, phát huy sức mạnh nội lực to lớn của toàn dân tộc, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, nắm vững thời cơ, phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, chủ động xử lý linh hoạt, khôn khéo, kịp thời, đúng đắn những vấn đề mới đặt ra là những việc phải quán triệt trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch năm 2002 và các năm sau, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, kết hợp chặt chẽ kinh tế với văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng.

Thưa các đồng chí,

Trong Di chúc của Bác Hồ, Người dặn lại *"Trước hết nói về Đảng"*. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã khẳng định: "Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng". Chính vì lẽ đó, trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta xác định "kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt".

Nghị quyết Đại hội IX của Đảng nêu rõ: "Trong những năm tới, toàn Đảng tiếp tục thực hiện các Nghị quyết về xây dựng Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII". Tại Hội nghị này, Bộ Chính trị đã trình Trung ương Đề án "Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII,

đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí" để thực hiện Nghị quyết Đại hội.

Các đồng chí Trung ương đã thảo luận rất sôi nổi nội dung quan trọng này. Bản giải trình tiếp thụ của Bộ Chính trị đã được Trung ương thảo luận và quyết định. Tôi chỉ phân tích thêm một số vấn đề:

1. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII được phát động vào dịp Kỷ niệm lần thứ 109 Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiến hành tập trung trong 2 năm. Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII trình Đại hội lần thứ IX là bản báo cáo tổng kết 2 năm thực hiện Cuộc vận động trình Đại hội theo quy chế tổ chức đại hội đảng các cấp. Đề án của Bộ Chính trị trình Trung ương lần này chủ yếu bổ sung một số diễn biến từ sau Đại hội tới nay, phân tích sâu thêm các nguyên nhân vì sao Cuộc vận động chưa đạt yêu cầu, chủ yếu là nguyên nhân chủ quan dẫn tới những khuyết điểm, thiếu sót về lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, dành phần quan trọng để kiến nghị Trung ương xem xét, quyết định một số chủ trương, biện pháp thiết thực, cụ thể nhằm đẩy mạnh Cuộc vận động.

Công tác xây dựng Đảng có nhiều mặt, Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) tập trung vào ba nội dung về nhận thức, tư tưởng chính trị, về phẩm chất, đạo đức cách mạng và về vấn đề tổ chức thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; cả ba mặt đó đều rất quan trọng trong xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Rút kinh nghiệm 2 năm tiến hành Cuộc vận động, muốn đạt hiệu quả cao phải kiên trì thực hiện toàn diện ba nội dung, nhưng trong từng thời gian cần tập trung sức thực hiện những nhiệm vụ bức xúc. Thực hiện Nghị quyết Đại hội, tại Hội nghị Trung ương lần này chúng ta tập trung bàn vấn đề đẩy mạnh chống tham nhũng, lãng phí, vì đây là vấn đề bức xúc nhất của xã hội, đang làm cản trở việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, gây bất bình và làm giảm lòng tin trong nhân dân, "là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta" như Đại hội đã nhận định. Chính vì vậy, Nghị quyết Đại hội IX đã chỉ rõ phải: "Tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị ở các cấp, các ngành, từ Trung ương tới cơ sở. Gắn chống tham nhũng với chống lãng phí, quan liêu, buôn lậu, đặc biệt chống các hành vi lợi dụng chức quyền để làm giàu bất chính". Do đó, trong tình hình trước mắt, tập trung sức chống tham nhũng, lãng phí là thực hiện tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Các nội dung khác của Cuộc vận động đều rất quan trọng sẽ được tập trung thảo luận và quyết định tại Hội nghị Trung ương lần thứ năm. Nội dung nhận thức, tư tưởng chính trị, chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng sẽ gắn với việc thảo luận và quyết định về "công tác tư tưởng; lý luận trong tình hình mới"; nội dung tổ chức, thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ sẽ gắn với thảo luận và quyết định về "nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở".

2. Chống tham nhũng, lãng phí là một cuộc đấu tranh lâu dài, quyết liệt, là vấn đề rất hệ trọng liên quan đến chế độ

xã hội và sinh mệnh của Đảng. Chính vì lẽ đó, Nghị quyết Đại hội lần thứ IX đã dành hẳn một mục để đề cập, bao gồm một hệ thống các biện pháp từ giáo dục nhận thức, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy chế, quy định đến việc xây dựng một hệ thống giám sát, trước hết của nhân dân đối với cán bộ, công chức; bảo vệ và khen thưởng những người kiên quyết đấu tranh; xử lý nghiêm những người sai phạm, xử lý trách nhiệm những người đứng đầu các địa phương, đơn vị để xảy ra tham nhũng, gây hậu quả nghiêm trọng; giải quyết thỏa đáng thu nhập của cán bộ, công chức đi đôi với chống đặc quyền, đặc lợi. Đó là những biện pháp đồng bộ mà Ban Chấp hành Trung ương có trách nhiệm cụ thể hóa, triển khai việc tổ chức thực hiện nghiêm túc.

Cùng với việc thực hiện các giải pháp đồng bộ, Trung ương đã nhất trí đề ra những giải pháp cụ thể, trước mắt để ngăn chặn, đẩy lùi một bước tệ tham nhũng, lãng phí, gắn chống tham nhũng, lãng phí với việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò tham gia có hiệu quả của Mặt trận, các đoàn thể và nhân dân. Đó là giải quyết, xử lý những vụ nổi cộm, bức xúc; những vụ việc đã rõ cần xử lý nghiêm minh, kiên quyết những người mắc lỗi, phạm tội bất kể họ là ai, không ai được có các hành vi can thiệp vào quá trình điều tra, xét xử các vụ án nhằm bao che, để lọt người, lọt tội; tiến hành kê khai nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh của cán bộ, công chức; cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện chủ trương này. Đối với những người được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, hoặc được giới thiệu bầu cử vào các chức danh lãnh đạo các cấp phải được báo cáo minh bạch về vấn đề này nhằm làm rõ ràng các tài sản của cán bộ, công chức, tạo điều kiện

để các tổ chức và nhân dân giám sát, góp phần ngăn ngừa tham nhũng, tiêu cực; trừ những trường hợp thực hiện chính sách theo quy định, nghiêm cấm tình trạng lấy tiền nhà nước và tập thể để biếu cho cá nhân; thực hiện quy định về tiết kiệm, chống phô trương, lãng phí; chấp hành đầy đủ, nghiêm túc quy định những điều đảng viên không được làm; kiên quyết xử lý trách nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý để xảy ra các vụ tham nhũng trong cơ quan, địa phương, đơn vị; bảo vệ người tích cực đấu tranh chống tham nhũng; đưa việc tự phê bình và phê bình vào nền nếp thường xuyên trong sinh hoạt đảng. Rà soát, bổ sung các quy định pháp luật về chống tham nhũng, lãng phí và kiên quyết chỉ đạo thực hiện.

Phương hướng, nội dung và các giải pháp chống tham nhũng, lãng phí đã được Ban Chấp hành Trung ương nhất trí cao, được thực hiện nghiêm túc, chắc chắn có thể ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng tham nhũng, lãng phí.

Thưa các đồng chí,

Đất nước đang đứng trước thời cơ lớn đồng thời phải đối mặt với thách thức lớn. Kiên định mục tiêu lý tưởng, giữ vững nguyên tắc, đồng thời nhạy bén, năng động, sáng tạo, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công nắm vững thời cơ, vượt qua thử thách luôn luôn là bản lĩnh của những người lãnh đạo, quản lý, trước hết là của Ban Chấp hành Trung ương để tiếp tục giữ vững ổn định chính trị - xã hội, đưa đất nước tiếp tục tiến lên, thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

Nói đi đôi với làm là phẩm chất của người đảng viên, là một điểm nổi bật trong phong cách lãnh đạo của Chủ tịch

Hồ Chí Minh, đã được ghi trong Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương mà Hội nghị Trung ương lần thứ ba vừa thông qua. Muốn "nói và làm" có kết quả, mỗi người lãnh đạo và quản lý, trước hết là các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương, thành viên Chính phủ và Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các đồng chí lãnh đạo các ngành, các đoàn thể, các địa phương phải nêu gương: nêu gương về tinh thần hết lòng vì nhân dân, vì đất nước, nêu gương về cuộc sống cá nhân và gia đình trong sạch, mẫu mực, cũng như nêu gương thực hiện nghiêm chỉnh, có hiệu quả cao các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước ở địa phương, đơn vị mình. Trước mắt, trong dịp tết dương lịch và cổ truyền sắp tới, kiên quyết không dùng tiền của Nhà nước và của tập thể biếu xén, quà cáp cá nhân, xử lý kỷ luật những người vi phạm; sớm có quy định nhằm giảm đến mức thấp nhất việc hội họp, tổ chức các ngày kỷ niệm thành lập, đón nhận các phần thưởng, danh hiệu, gây lãng phí tiền của của Nhà nước và gây bất bình trong nhân dân; tiếp tục đổi mới phong cách làm việc, luôn luôn gắn bó với cơ sở, với nhân dân, tổ chức các chuyến đi làm việc gọn gàng, thiết thực, không gây phiền hà cho địa phương, cơ sở và lãng phí của công.

Trong những ngày Trung ương họp, cơn bão số 8 rất mạnh đa tran vao gay thiệt hại lớn cho một số tỉnh miền Trung và Tây Nguyên, nhất là các tỉnh Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi. Trong quá trình diễn biến cơn bão ngoài biển Đông, Bộ Chính trị và Thủ tướng Chính phủ đã thường xuyên chỉ đạo các địa phương, đơn vị sẵn sàng phòng chống. Ngay khi bão sắp vào đất liền, Bộ Chính trị đã báo cáo với Ban Chấp hành Trung ương cử các đồng chí trong Ban phòng

chống lụt bão và một số đồng chí đại biểu dự Hội nghị vào ngay vùng bị bão lụt để chỉ đạo tại chỗ việc phòng chống lụt bão. Tại diễn đàn này, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, tôi xin gửi lời thăm hỏi thân thiết và sự cảm thông sâu sắc tới đồng bào vùng bị bão và đồng bào bị lũ lụt ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long; đánh giá cao tinh thần đoàn kết đùm bọc lẫn nhau của toàn thể đồng bào để vượt qua những khó khăn hoạn nạn; biểu dương các cấp ủy đảng, chính quyền và đoàn thể các địa phương đã quan tâm chăm lo cho đồng bào khi gặp khó khăn; khen ngợi tinh thần trách nhiệm cao, dũng cảm, tận tụy phục vụ nhân dân của cán bộ các cấp, chiến sĩ quân đội nhân dân, công an nhân dân đã cùng với đồng bào vượt qua bão lũ. Chân thành cảm ơn Chính phủ, lãnh đạo các nước, các tổ chức và bè bạn quốc tế đã gửi điện thăm hỏi và giúp đỡ vật chất cho đồng bào vùng bị thiên tai. Cần tiếp tục theo dõi tình hình mưa lớn thường xảy ra sau cơn bão để có phương án phòng chống. Các cơ quan có trách nhiệm ở Trung ương cần có kế hoạch và hành động kịp thời giúp địa phương khắc phục hậu quả bão lũ, ổn định đời sống và sản xuất của đồng bào. Tổ chức cứu trợ kịp thời những gia đình bị nạn. Nhưng cần chỉ đạo chặt chẽ, không gây phiền hà cho địa phương, bảo đảm hàng cứu trợ đến tận tay đồng bào bị nạn, tuyệt đối không để xảy ra các tiêu cực.

Thưa các đồng chí,

Với nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, với tinh thần trách nhiệm cao của mỗi đồng chí Ủy viên Trung ương, của các đồng chí lãnh đạo các địa phương, các ngành, các đoàn thể, chúng ta tin tưởng rằng đất nước sẽ đạt được

những thành tựu mới trong việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2002, 5 năm (2001 - 2005), tiếp tục thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn liền với cải cách hành chính nhà nước, đẩy lùi một bước tình trạng tham nhũng, lãng phí, tệ nạn xã hội.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương. Chúc các đồng chí sức khỏe và hạnh phúc.

Xin cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 33-TB/TW, ngày 7 tháng 11 năm 2001

Về dự án Luật tổ chức Quốc hội (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội; Luật tổ chức Chính phủ (sửa đổi) và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2002

Tại phiên họp ngày 3-11-2001, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo và ý kiến của các ngành về dự án Luật tổ chức Quốc hội (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội; Luật tổ chức Chính phủ (sửa đổi) và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2002, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

I- VỀ DỰ ÁN LUẬT TỔ CHỨC QUỐC HỘI (SỬA ĐỔI)

Cơ bản đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về việc sửa đổi Luật tổ chức Quốc hội nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội theo đúng chủ trương,

nghị quyết của Đảng và bảo đảm cho luật phù hợp với nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992, cụ thể là:

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi theo nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 84 và Điều 91 của Hiến pháp năm 1992.

2. Việc bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ các chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn phải được quy định chặt chẽ trên cơ sở bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng về công tác cán bộ và trách nhiệm giám sát của Quốc hội.

- Đồng ý giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định việc trình Quốc hội bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn theo đề nghị của Hội đồng Dân tộc hoặc Ủy ban của Quốc hội hoặc đại biểu Quốc hội đề nghị. Riêng tỷ lệ tối thiểu đại biểu Quốc hội đề nghị so với tổng số đại biểu Quốc hội, do Quốc hội thảo luận quyết định tỷ lệ thích hợp bảo đảm tính đúng đắn và chặt chẽ.

- Cần nghiên cứu bổ sung thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ trong việc đề nghị Quốc hội bỏ phiếu tín nhiệm.

- Trong trường hợp có quá nửa tổng số đại biểu Quốc hội không tín nhiệm thì cơ quan, cá nhân hữu quan có trách nhiệm trình Quốc hội miễn, bãi nhiệm hoặc phê chuẩn việc miễn nhiệm, cách chức người không được Quốc hội tín nhiệm. Cần nghiên cứu để bổ sung thêm hình thức tự nguyện rút khỏi chức vụ (từ chức hoặc cho thôi giữ chức).

3. Về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội:

Đồng ý sửa đổi Điều 22 và Điều 30 theo hướng mở rộng nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội trong việc giám sát việc ban hành nghị quyết, nghị định của Chính phủ, quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; tham gia thẩm tra dự toán ngân sách, phân bổ ngân sách, quyết toán ngân sách, giám sát việc thực hiện ngân sách thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Cần làm rõ trách nhiệm của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội trong việc nghiên cứu để giúp Ủy ban Thường vụ làm tốt nhiệm vụ giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh.

4. Về tổ chức các Ủy ban của Quốc hội, đồng ý chia Ủy ban Pháp luật thành hai ủy ban: Ủy ban Pháp luật và Ủy ban Tư pháp (cân nhắc thêm tên gọi của Ủy ban Tư pháp); chia Ủy ban Kinh tế và Ngân sách thành hai ủy ban: Ủy ban Kinh tế và Ủy ban Tài chính và Ngân sách. Chưa thành lập thêm Ủy ban Dân nguyện.

Không nên quy định trong luật về nhiệm vụ, quyền hạn và thành phần thường trực Hội đồng Dân tộc, thường trực các Ủy ban của Quốc hội

5. Về đại biểu Quốc hội.

Cần tăng số đại biểu chuyên trách, nhưng chủ yếu bố trí hoạt động tại các cơ quan của Quốc hội; chưa nên quy định các đoàn đại biểu Quốc hội đều có đại biểu hoạt động chuyên trách.

6. Về đoàn đại biểu Quốc hội, chưa nên đặt vấn đề sửa đổi, bổ sung, giữ nguyên quy định của luật hiện hành.

II- VỀ DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội, cụ thể là:

- Tăng tổng số đại biểu Quốc hội "lên không quá năm trăm người".

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội, về dự kiến và điều chỉnh cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu Quốc hội, về danh sách cử tri tại các Điều 3, 9, 23, 30, 31, 32, 33, 37, 38, 41, 43 cho phù hợp.

- Không nên quy định cụ thể trong luật số lượng đại biểu là phụ nữ trong Quốc hội. Vấn đề này nên quy định trong các văn bản hướng dẫn.

- Về giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến bầu cử cần quy định rõ: không xem xét giải quyết đối với những đơn tố cáo nặc danh; sau khi cuộc bầu cử kết thúc, hội đồng bầu cử chuyển toàn bộ hồ sơ về khiếu nại, tố cáo đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội để chuyển giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa mới tiếp tục xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

- Số người trong danh sách ứng cử ở mỗi đơn vị bầu cử nên giữ nguyên quy định của luật hiện hành là: "phải nhiều hơn số đại biểu được bầu ở đơn vị bầu cử đó".

- Có thể tăng thời hạn chậm nhất công bố ngày bầu cử đại biểu Quốc hội lên 110 ngày trước ngày bầu cử.

III- VỀ DỰ ÁN LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH PHỦ

1. Việc sửa đổi Luật tổ chức Chính phủ phải đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của cải cách hành chính; tạo cơ sở cho việc sắp xếp tổ chức lại các bộ, các cơ quan thuộc Chính phủ cho phù hợp yêu cầu quản lý nhà nước trong giai đoạn hiện nay, tránh sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

2. Việc sửa đổi quy định về quyền hạn và nhiệm vụ của cơ quan thuộc Chính phủ và vấn đề hướng dẫn hoạt động của hội đồng nhân dân, thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị đối với việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992.

3. Đồng ý bổ sung thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước quyết định việc tạm đình chỉ công tác đối với Phó Thủ tướng, bộ trưởng, các thành viên khác của Chính phủ.

4. Việc xác định lại địa vị pháp lý của Văn phòng Chính phủ cần phải được xem xét trong phương án tổng thể về sắp xếp, tổ chức lại các bộ, các cơ quan thuộc Chính phủ. Vấn đề này cần khẩn trương làm đúng quy trình và báo cáo Bộ Chính trị trước khi trình Quốc hội dự Luật tổ chức Chính phủ.

5. Về trách nhiệm trình dự án luật, pháp lệnh của Chính phủ.

Giữ như quy định hiện hành, nhưng cần phải nghiên cứu để đổi mới quy trình xây dựng luật, pháp lệnh theo hướng tăng cường trách nhiệm của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội đối với công tác xây dựng luật và pháp lệnh.

IV- VỀ CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT, PHÁP LỆNH NĂM 2002

- Cần quán triệt và ưu tiên thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX và một số vấn đề của Hiến pháp mới được sửa đổi, bổ sung. Trên cơ sở đó, xác định rõ phương hướng cơ bản chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội trong 5 năm tới và từ đó xác định chương trình xây dựng năm 2002.

- Trong thời gian tới phải chú ý ưu tiên xây dựng Luật đất đai, Luật tố tụng dân sự, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và chuẩn bị tốt các phương án sửa đổi, bổ sung một số văn bản pháp luật có liên quan đến việc triển khai thi hành Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ.

V- Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc chỉnh lý, hoàn thiện các dự án để trình Quốc hội xem xét, quyết định tại Kỳ họp thứ 10 (tháng 11-2001).

Trong quá trình Quốc hội thảo luận nếu có vấn đề cần thiết thì báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến trước khi trình Quốc hội thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 13-QĐ/TW, ngày 10 tháng 11 năm 2001

Về việc thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Xét yêu cầu công tác và khả năng cán bộ;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương thay cho Quyết định thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương số 06-QĐ/TW, ngày 30-10-1996. Hội đồng trực thuộc Bộ Chính trị.

Điều 2. Hội đồng Lý luận Trung ương có những nhiệm vụ sau đây:

- Hội đồng Lý luận Trung ương là cơ quan tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề lý luận chính trị làm cơ sở cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng, về những chương trình, đề tài cấp Nhà nước về lý luận chính trị cơ bản, phục vụ trực tiếp cho công tác lãnh đạo của Đảng.

- Thẩm định những vấn đề mà các ngành, các cấp trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng.

- Nghiên cứu, đề xuất những luận cứ về lý luận đấu tranh bác bỏ những quan điểm sai trái với đường lối, quan điểm của Đảng.

- Giữ mối quan hệ với các cơ quan nghiên cứu lý luận của các đảng cộng sản và đảng cầm quyền trên thế giới.

Điều 3. Thường trực Hội đồng do Bộ Chính trị quyết định theo nhiệm kỳ Đại hội toàn quốc của Đảng. Thành viên và quy chế làm việc của Hội đồng do Thường trực Hội đồng phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương chuẩn bị, trình Ban Bí thư xem xét, quyết định. Hội đồng có một Ban Thư ký, trong đó có một số thư ký chuyên trách giúp việc. Thành viên của Ban Thư ký do Thường trực Hội đồng quyết định.

Điều 4. Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ Đại hội IX gồm:

- Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng;

- Đồng chí Đỗ Hoài Nam, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Giám đốc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Phó Chủ tịch Hội đồng;

- Đồng chí Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Hội đồng;

- Đồng chí Đặng Xuân Kỳ, Phó Chủ tịch Hội đồng chuyên trách;

- Đồng chí Hồng Hà, Tổng Thư ký.

Điều 5. Hội đồng Lý luận Trung ương có địa điểm làm việc, có con dấu và kinh phí hoạt động, được cung cấp thông tin cần thiết phục vụ cho công tác tư vấn.

Điều 6. Giao cho Hội đồng Lý luận Trung ương phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức triển khai và nghiệm thu các chương trình và đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước về lý luận chính trị do Hội đồng trình Bộ Chính trị. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương bảo đảm về tài chính cho hoạt động của Hội đồng.

Điều 7. Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 14-QĐ/TW, ngày 16 tháng 11 năm 2001
Về thi hành Điều lệ Đảng*

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Được Ban Chấp hành Trung ương ủy nhiệm tại Điều 3, điểm 11 Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (số 06-QĐ/TW, ngày 22-8-2001);

Bộ Chính trị quy định cụ thể thi hành Điều lệ Đảng (Đại hội IX thông qua) với các nội dung sau đây:

1. Điều 3: Về quyền của đảng viên

1.1- Điều 3 (điểm 1): Quyền được thông tin của đảng viên.

Định kỳ hằng tháng, các cấp ủy đảng thông tin cho đảng viên về tình hình và nhiệm vụ của đơn vị; các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, thời sự trong nước và thế giới, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của đảng viên, góp phần nâng cao nhận thức và tạo điều kiện cho đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, theo hướng dẫn của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.

---

* Đầu đề do chúng tôi đặt (*B.T*).

1.2- Điều 3 (điểm 2): Quyền của đảng viên trong việc ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng: thực hiện theo Quy chế bầu cử trong Đảng (ban hành kèm theo Quyết định số 77-QĐ/TW, ngày 22-6-2000 của Bộ Chính trị khóa VIII).

1.3- Điều 3 (điểm 3): Quyền của đảng viên trong việc phê bình, chất vấn tổ chức đảng và đảng viên; báo cáo, kiến nghị cơ quan có trách nhiệm:

- Đảng viên được phê bình, chất vấn, báo cáo, kiến nghị trực tiếp hoặc bằng văn bản trong phạm vi tổ chức của Đảng về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp, những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức đảng hoặc chức trách nhiệm vụ, phẩm chất đạo đức của đảng viên đó. Khi nhận được ý kiến phê bình, chất vấn, báo cáo, kiến nghị, tổ chức đảng và đảng viên có trách nhiệm phải trả lời, chậm nhất 1 tháng (đối với tổ chức cơ sở đảng và đảng viên); 2 tháng (đối với cấp huyện, tỉnh và tương đương) và 3 tháng (đối với cấp Trung ương); những trường hợp phức tạp cần phải kéo dài hơn thời gian quy định trên, phải thông báo cho tổ chức đảng và đảng viên biết lý do.

2. Điều 4 và Điều 5: Thẩm quyền quyết định kết nạp đảng viên và xét công nhận đảng viên chính thức

- Đảng ủy cơ sở được ủy quyền kết nạp đảng viên: do tập thể đảng ủy cơ sở xem xét, quyết định.

- Huyện ủy (và tương đương): được ủy quyền cho ban thường vụ xem xét, quyết định.

- Tỉnh ủy (và tương đương): được ủy quyền cho tập thể thường trực cấp ủy và các đồng chí ủy viên thường vụ là trưởng các ban Đảng cùng cấp xem xét, quyết định.

- Đảng ủy Quân sự Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương có quy định riêng.

3. Điều 4 (điểm 3): Vấn đề lịch sử chính trị của người vào Đảng: thực hiện theo Quy định số 75-QĐ/TW, ngày 25-4-2000 của Bộ Chính trị khóa VIII.

4. Điều 4: Về kết nạp lại người vào Đảng

4.1- Người được xét kết nạp lại phải có đủ các điều kiện sau:

- Có đủ tiêu chuẩn và điều kiện của người vào Đảng quy định tại Điều 1, Điều lệ Đảng.

- Qua một thời gian, ít nhất là 12 tháng kể từ khi bị ra khỏi Đảng trước đó; người bị án hình sự phải sau 24 tháng kể từ khi được công nhận quyền công dân nếu làm đơn xin kết nạp lại vào Đảng, tổ chức đảng và cấp ủy có thẩm quyền (huyện ủy và tương đương) xem xét, quyết định sau khi được ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy (hoặc tương đương) đồng ý.

- Thực hiện đúng các thủ tục nêu ở các điểm 1, 2, 3 Điều 4, Điều lệ Đảng.

4.2- Đối tượng không xem xét kết nạp lại:

Không xem xét kết nạp lại những người trước đây ra khỏi Đảng vì lý do: vi phạm lịch sử chính trị theo Quy định số 75-QĐ/TW, ngày 25-4-2000 của Bộ Chính trị khóa VIII; tự bỏ sinh hoạt đảng, làm đơn xin ra Đảng (trừ trường hợp vì lý do gia đình đặc biệt khó khăn); tham nhũng.

4.3- Chỉ kết nạp lại một lần.

4.4- Những đảng viên được kết nạp lại không phải trải qua thời gian dự bị.

4.5- Điều 5 (điểm 4): Tuổi đảng của đảng viên được kết nạp lại: được tính từ ngày đảng viên đó được công nhận là đảng viên chính thức lần đầu, trừ thời gian không tham gia sinh hoạt đảng (trường hợp đặc biệt Ban Bí thư xem xét, quyết định).

Đối với những đảng viên được kết nạp lại trong các thời kỳ trước đây (từ khi có Quy định số 29-QĐ/TW, ngày 2-6-1997 của Bộ Chính trị khóa VIII trở về trước) thì tính lại tuổi đảng cho đảng viên đó kể từ ngày được công nhận là đảng viên chính thức lần đầu, trừ thời gian không tham gia sinh hoạt đảng và thời gian dự bị của lần kết nạp lại.

5. Điều 4 (điểm 4): Kết nạp đảng viên trong một số trường hợp đặc biệt

Bộ Chính trị có quy định riêng.

6. Điều 5: Về công nhận đảng viên chính thức và tính tuổi đảng của đảng viên

6.1- Điều 5 (điểm 2): Thời điểm công nhận đảng viên chính thức:

- Chi bộ phải kịp thời xét công nhận chính thức cho đảng viên khi hết 12 tháng dự bị, nếu không đủ điều kiện thì đề nghị lên cấp ủy có thẩm quyền quyết định xóa tên.

- Đảng viên dự bị đủ điều kiện được công nhận là đảng viên chính thức, dù chi bộ họp chậm, cấp ủy có thẩm quyền chuẩn y chậm, vẫn được công nhận đảng viên chính thức đúng thời điểm hết 12 tháng dự bị.

- Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới đã nhiều lần biểu quyết đề nghị nhưng không đủ hai phần ba số đảng viên

chính thức hoặc cấp ủy viên tán thành để công nhận đảng viên chính thức hoặc xóa tên trong danh sách đảng viên thì báo cáo cấp ủy cấp trên trực tiếp và cấp ủy có thẩm quyền xem xét, quyết định.

6.2- Tính tuổi đảng của đảng viên:

- Tuổi đảng của đảng viên được tính từ ngày ghi trong quyết định công nhận đảng viên chính thức, trừ thời gian không tham gia sinh hoạt đảng.

Thời gian không tham gia sinh hoạt đảng là: thời gian bị khai trừ (kể cả khai trừ có thời hạn theo quy định của Điều lệ Đảng khóa II), thời gian bị xóa tên, thời gian mất liên lạc với tổ chức đảng và thời gian gián đoạn do chuyển sinh hoạt đảng.

- Thời gian dự bị của đảng viên phải thực hiện theo quy định của Điều lệ Đảng trong từng thời kỳ đại hội của Đảng. Đối với những đảng viên kết nạp trước tháng 1-1945 và những đảng viên đã qua chỉnh Đảng, chỉnh huấn trong các cuộc vận động bảo vệ Đảng mà thời gian dự bị được rút ngắn, hay kéo dài, hoặc ngày kết nạp vào Đảng được chi bộ công nhận làm ngày chính thức, được cấp ủy có thẩm quyền chuẩn y thì được giữ nguyên để tính tuổi Đảng.

7. Về đảng tịch của đảng viên

7.1- Việc thẩm tra, kết luận vấn đề đảng tịch của đảng viên, việc công nhận là đảng viên, khôi phục quyền đảng viên, xóa tên đảng viên hoặc cho nối lại sinh hoạt đảng của đảng viên do ban thường vụ tỉnh ủy, huyện ủy (và tương đương) quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ. Trường hợp đặc biệt do Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định.

7.2- Đảng viên có vấn đề về đảng tịch được thực hiện theo quy định:

- Không đặt ra việc xem xét lại đối với những đảng viên có vấn đề về đảng tịch đã được cấp ủy có thẩm quyền xem xét, kết luận trước đây mà không phát hiện thêm vấn đề gì mới.

- Chỉ xem xét, khôi phục quyền đảng viên đối với những người bị đưa ra khỏi Đảng đã được cấp có thẩm quyền thẩm tra, xác minh, kết luận là bị oan và từ khi bị đưa ra khỏi Đảng đến nay không có vi phạm.

- Tuổi đảng của đảng viên được khôi phục quyền đảng viên và nối lại sinh hoạt đảng có thời gian không tham gia sinh hoạt đảng không quá một năm (12 tháng) thì được tính tuổi đảng liên tục.

7.3- Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn cụ thể về đảng tịch của đảng viên.

8. Điều 6: Phát thẻ và quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng

8.1- Phát thẻ và quản lý thẻ đảng viên:

Thẻ đảng viên được phát cho đảng viên chính thức tại tổ chức cơ sở đảng, do cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ra quyết định.

Đảng viên được nhận thẻ đảng viên phải thực hiện đúng những quy định về sử dụng và bảo quản thẻ đảng viên, khi mất hoặc làm hỏng thẻ đảng viên phải báo cáo ngay với cấp ủy để xét việc cấp lại hoặc đổi thẻ đảng viên; khi bị ra khỏi Đảng phải nộp lại thẻ đảng viên cho chi bộ, đảng ủy cơ sở.

Cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng xét, ra quyết định phát thẻ đảng viên và quản lý sổ phát thẻ đảng viên.

Các tỉnh ủy, thành ủy và cấp ủy trực thuộc Trung ương chỉ đạo và kiểm tra việc phát thẻ đảng viên.

8.2- Quản lý hồ sơ đảng viên:

Cấp ủy cơ sở quản lý hồ sơ đảng viên và danh sách đảng viên. Cấp ủy cơ sở nào không có điều kiện quản lý và bảo quản hồ sơ đảng viên thì cấp ủy cấp trên trực tiếp quản lý.

Cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng quản lý phiếu đảng viên và danh sách đảng viên của đảng bộ, chi bộ cơ sở trực thuộc.

Hằng năm các cấp ủy chỉ đạo, kiểm tra việc bổ sung lý lịch đảng viên và quản lý hồ sơ đảng viên.

Hồ sơ đảng viên là tài liệu mật của Đảng, không được tẩy xóa, tổ chức đảng phải quản lý chặt chẽ theo chế độ bảo mật.

8.3- Chuyển sinh hoạt đảng:

a) Chuyển sinh hoạt đảng chính thức:

- Đảng viên được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển công tác sang một đơn vị mới, được nghỉ hưu, nghỉ mất sức, phục viên, hoặc thay đổi nơi ở mới lâu dài thì phải làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng chính thức.

- Đảng viên chuyển sinh hoạt đảng chính thức ra ngoài đảng bộ huyện, tỉnh (và tương đương) thì cấp ủy huyện (và tương đương) có đảng viên đi làm thủ tục giới thiệu chuyển sinh hoạt đảng. Đảng viên của đảng bộ, chi bộ cơ sở trực thuộc tỉnh ủy (và tương đương) khi chuyển sinh hoạt đảng chính thức thì ban tổ chức tỉnh ủy (và tương đương) làm thủ tục giới thiệu chuyển sinh hoạt đảng.

Trong vòng 1 tháng kể từ ngày giới thiệu đi, đảng viên phải xuất trình giấy giới thiệu sinh hoạt đảng với đảng ủy cơ sở, chi ủy nơi chuyển đến để được sinh hoạt đảng.

- Khi chuyển sinh hoạt đảng chính thức cho đảng viên, cấp ủy nơi đảng viên đang sinh hoạt và công tác làm đầy đủ thủ tục, niêm phong hồ sơ, giao cho đảng viên trực tiếp mang theo để báo cáo với tổ chức đảng làm thủ tục giới thiệu và tiếp nhận sinh hoạt đảng theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

b) Chuyển sinh hoạt đảng tạm thời:

- Đảng viên khi có thay đổi nơi ở và nơi công tác trong thời gian từ 3 tháng đến dưới 1 năm (đảng viên được cử đi học ở các trường trong nước từ 3 tháng đến 2 năm), sau đó lại trở về đơn vị cũ, phải làm thủ tục giới thiệu sinh hoạt đảng tạm thời từ đảng bộ, chi bộ nơi đảng viên sinh hoạt đảng chính thức đến đảng bộ, chi bộ nơi công tác, học tập hoặc nơi cư trú mới.

- Đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời có nhiệm vụ và các quyền như sau:

+ Ở nơi sinh hoạt chính thức thì thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 2 và các quyền ghi tại Điều 3 của Điều lệ Đảng, ở đảng bộ nơi sinh hoạt tạm thời thì trừ quyền biểu quyết, ứng cử và bầu cử.

+ Nếu cần kéo dài thời hạn sinh hoạt đảng tạm thời, đảng viên phải báo cáo với cấp ủy đảng nơi đảng viên đang sinh hoạt tạm thời để xin gia hạn đồng thời báo cáo với tổ chức đảng nơi sinh hoạt chính thức.

- Đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời không tính vào đảng số của đảng bộ nơi sinh hoạt tạm thời mà tính đảng số ở đảng

bộ nơi sinh hoạt chính thức; đảng phí đóng ở chi bộ nơi sinh hoạt đảng tạm thời.

- Nếu có từ 3 đảng viên chính thức trở lên chuyển đến sinh hoạt đảng tạm thời để học theo lớp, theo khóa ở trường, hoặc đến công tác biệt phái trong một đơn vị thành viên trực thuộc đơn vị cơ sở thì đảng ủy nơi tiếp nhận đảng viên có thể ra quyết định thành lập chi bộ sinh hoạt tạm thời và chỉ định chi ủy, bí thư của chi bộ đó.

c) Việc quản lý, chuyển sinh hoạt đảng và tổ chức sinh hoạt đảng cho những đảng viên đi ra ngoài nước: thực hiện theo Quy định số 17-QĐ/TW, ngày 10-12-1996 của Bộ Chính trị khóa VIII và quy định thêm:

- Đảng viên dự bị sinh hoạt đơn lẻ ở ngoài nước, khi hết thời hạn dự bị phải làm bản tự kiểm điểm trong thời gian sinh hoạt đơn lẻ đó; cấp ủy trực tiếp quản lý đảng viên ở ngoài nước căn cứ vào nhận xét, đánh giá của cấp ủy nơi đi và kiểm điểm của đảng viên trong thời gian dự bị theo nhiệm vụ đã được giao để xét công nhận đảng viên chính thức.

- Những địa bàn ở ngoài nước có hoàn cảnh đặc biệt không đủ 3 đảng viên chính thức để lập chi bộ thì có thể được thành lập chi bộ sinh hoạt dự bị (gồm 3 đảng viên trở lên kể cả đảng viên chính thức và dự bị), cấp ủy cấp trên chỉ định bí thư chi bộ.

- Chức năng, nhiệm vụ của các loại hình chi bộ và nhiệm vụ đảng viên ở ngoài nước giao Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn.

d) Chuyển giao, chia tách hay sáp nhập một chi bộ, đảng bộ: sau khi cấp có thẩm quyền quyết định chuyển giao, chia tách hay sáp nhập một chi bộ, đảng bộ từ đảng bộ này sang

đảng bộ khác trong hoặc ngoài đảng bộ tỉnh (và tương đương), thì cấp ủy cấp trên trực tiếp nơi có chi bộ, đảng bộ chuyển đi làm thủ tục chuyển giao tổ chức và chuyển sinh hoạt đảng tập thể cho đảng viên.

đ) Chuyển giao tổ chức và chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên ở tổ chức đảng bị giải tán, giải thể:

Sau khi cấp ủy có thẩm quyền quyết định kỷ luật giải tán hoặc giải thể một chi bộ, đảng bộ thì cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức đảng đó thu hồi hồ sơ, con dấu và làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên.

e) Trách nhiệm giới thiệu sinh hoạt đảng:

Việc giới thiệu sinh hoạt đảng cho tổ chức đảng và đảng viên là trách nhiệm của các cấp ủy đảng.

- Các tỉnh ủy, thành ủy và tương đương, Ban Cán sự Đảng Ngoài nước được ủy nhiệm cho Ban Tổ chức của cấp mình; các cấp ủy cấp trên của tổ chức cơ sở đảng thuộc Đảng ủy Quân sự Trung ương được ủy nhiệm cho cơ quan chính trị cùng cấp; Đảng ủy Công an Trung ương ủy nhiệm cho Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

- Ban Tổ chức Trung ương giúp Trung ương hướng dẫn, kiểm tra việc giới thiệu sinh hoạt đảng trong toàn Đảng và giới thiệu đảng viên và tổ chức đảng chuyển sinh hoạt đảng trong những trường hợp đặc biệt.

9. Điều 8: Việc giải quyết khiếu nại về xóa tên đảng viên

Trong vòng một tháng kể từ ngày nhận quyết định xóa tên, đảng viên có quyền khiếu nại với cấp ủy cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương.

Cơ quan tổ chức của cấp ủy có trách nhiệm nghiên cứu giúp cấp ủy giải quyết khiếu nại. Thời gian giải quyết khiếu nại: chậm nhất ba tháng đối với cấp tỉnh, huyện và tương đương, sáu tháng đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được khiếu nại.

Không giải quyết những trường hợp khiếu nại sau đây: quá thời hạn một tháng kể từ ngày đảng viên nhận được quyết định xóa tên; đã được cấp có thẩm quyền cao nhất xem xét, kết luận; cá nhân hoặc tập thể khiếu nại hộ; khiếu nại khi chưa có quyết định xóa tên của cấp ủy đảng có thẩm quyền.

Việc giải quyết khiếu nại xóa tên đối với đảng viên ở ngoài nước có quy định riêng.

10. Điều 9: Về một số quy định thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ

10.1- Về quy chế làm việc của cấp ủy và tổ chức đảng:

Căn cứ vào Điều lệ Đảng và quy chế làm việc của cấp ủy cấp trên, các cấp ủy đảng, đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng, cơ quan của Đảng xây dựng quy chế làm việc. Quy chế làm việc của tổ chức đảng phải báo cáo với tổ chức đảng cấp trên và thông báo cho tổ chức đảng cấp dưới. Các cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện chế độ kiểm tra cấp ủy việc thực hiện quy chế làm việc của tổ chức đảng cấp dưới và giám sát cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên.

10.2- Điều 9 (điểm 3): Về chế độ tự phê bình và phê bình:

a) Hằng năm gắn với tổng kết công tác, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy đảng, Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn, cấp ủy viên các cấp và đảng viên phải tự phê bình và phê bình tập thể và cá nhân, có kế hoạch

và chương trình hành động phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm.

b) Cuối nhiệm kỳ đại hội phải tiến hành tự phê bình và phê bình gắn với kiểm điểm đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết đại hội.

- Báo cáo kiểm điểm của cấp ủy phải lấy ý kiến đóng góp của cấp ủy cấp dưới trực tiếp, của đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng và của lãnh đạo ban, ngành, đoàn thể cùng cấp, phải có ý kiến của cấp ủy cấp trên trực tiếp.

- Báo cáo của đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng và lãnh đạo ban, ngành, đoàn thể phải lấy ý kiến đóng góp của cơ quan chuyên môn, của đảng ủy cơ quan và của cấp ủy cùng cấp.

- Cấp ủy cấp trên gợi ý cho cá nhân và tập thể cấp ủy cơ quan đảng, tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp những nội dung cần làm rõ:

Đối với cá nhân cấp ủy viên, đi sâu kiểm điểm về trách nhiệm chính trị và mức độ phấn đấu hoàn thành công việc được giao và những vấn đề khác có liên quan đến trách nhiệm cá nhân, về giữ gìn phẩm chất cá nhân (tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ).

Đối với tập thể cấp ủy, kiểm điểm việc chấp hành nghị quyết, chủ trương của cấp trên; việc đề ra và kết quả tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương của cấp mình; về xây dựng và thực hiện quy chế làm việc; về xây dựng nội bộ đoàn kết; về quản lý tài chính ngân sách, quản lý đất đai...

Thường trực cấp ủy cấp trên có trách nhiệm tổng hợp, phân tích, chọn lọc các vấn đề để đưa xuống các tổ chức đảng, cấp ủy cấp dưới gợi ý cho tập thể và cá nhân tự phê bình và phê bình.

- Tổ chức lấy ý kiến quần chúng đóng góp tham gia, bao gồm: ban chấp hành các đoàn thể chính trị xã hội, Mặt trận Tổ quốc, hội đồng nhân dân cùng cấp, đại diện cán bộ lão thành cách mạng nhằm phát huy vai trò giám sát của nhân dân góp ý kiến xây dựng Đảng.

10.3- Điều 9 (điểm 5): Quy định "Nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Đảng chỉ có giá trị thi hành khi có hơn một nửa số thành viên trong cơ quan đó tán thành".

Số thành viên của đại hội đại biểu là tổng số đại biểu chính thức được triệu tập có đủ tư cách dự đại hội.

Số thành viên của đại hội đảng viên là tổng số đảng viên chính thức trong đảng bộ, chi bộ, trừ số đảng viên đã được giới thiệu sinh hoạt tạm thời ở đảng bộ khác và đảng viên đã được miễn công tác và sinh hoạt đảng không có mặt ở đại hội (nếu đảng viên đó có mặt ở đại hội và tham gia bầu cử thì vẫn tính), số đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, bị khởi tố, truy tố, tạm giam.

Số thành viên của ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra là tổng số cấp ủy viên đương nhiệm của ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ cấp ủy, ủy viên ủy ban kiểm tra đương nhiệm.

Trường hợp kết nạp đảng viên, công nhận đảng viên chính thức, xóa tên đảng viên, khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng nhất trí đề nghị và cấp ủy cấp trên có thẩm quyền quyết định với sự nhất trí của trên một nửa số thành viên.

Trường hợp giải tán tổ chức đảng phải được ít nhất hai phần ba thành viên cấp ủy cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp ủy

cấp trên cách một cấp quyết định với sự đồng ý của trên một nửa số thành viên.

11. Điều 10 (điểm 1): Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước

Hệ thống tổ chức của đảng được tổ chức theo đơn vị hành chính lãnh thổ cấp xã, phường, thị trấn; cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; cấp tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương và cấp Trung ương. Đây là hệ thống tổ chức cơ bản của Đảng có chức năng lãnh đạo toàn diện ở mỗi cấp và của toàn Đảng.

12. Điều 10 (điểm 2); Điều 21 (điểm 3, 4, 5): Lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng; lập cơ cấu tổ chức ở các cơ sở đảng có đặc điểm khác nhau; lập hoặc giải thể đảng bộ, chi bộ trực thuộc; việc giao quyền cấp trên cơ sở cho đảng ủy cơ sở

12.1- Điều 10 (điểm 2): Việc lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng.

a) Tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng là tổ chức đảng không phải là cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh. Các tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng nói trên do cấp ủy cấp trên trực tiếp của các tổ chức này (cụ thể là tỉnh ủy, thành ủy, cấp ủy trực thuộc Trung ương và Trung ương) quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ nhằm giúp cấp ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đối với hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng ở những đơn vị đó. Các tổ chức cơ sở đảng lớn, có vị

trí quan trọng có thể đặt trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy và cấp ủy trực thuộc Trung ương.

b) Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập đảng bộ khối cơ quan dân chính đảng; ở một số tỉnh, thành phố có nhiều doanh nghiệp nhà nước có thể lập thêm đảng bộ khối doanh nghiệp. Tỉnh, thành phố có yêu cầu lập đảng bộ khối khác với quy định trên đây phải được Bộ Chính trị đồng ý, sau đó tỉnh ủy, thành ủy quyết định. Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh có quy định riêng.

c) Ở Trung ương: Lập các đảng bộ khối cơ quan Trung ương trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương.

Đảng bộ khối các cơ quan Trung ương được tổ chức theo các đơn vị cùng ngành hoặc các ngành có quan hệ với nhau về nhiệm vụ chính trị được giao. Đảng ủy khối là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ giữa hai kỳ đại hội của đảng bộ, có cơ quan chuyên trách và cán bộ chuyên trách giúp việc.

d) Bộ Chính trị quyết định lập các đảng bộ trực thuộc Trung ương, căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ của các đảng ủy trực thuộc Trung ương. Ban Tổ chức Trung ương giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý về hoạt động, tổ chức và biên chế cơ quan tham mưu giúp việc của các đảng ủy trực thuộc Trung ương.

12.2- Điều 21 (điểm 5): Việc lập cơ cấu tổ chức ở các cơ sở đảng có đặc điểm khác nhau.

a) Ở những đơn vị cơ sở chưa đủ 30 đảng viên nhưng có yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phù hợp với tình hình, đặc điểm của các đơn vị đó (là đơn vị có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội ở các cơ quan Trung ương,

trường đại học, doanh nghiệp lớn, xã, phường có số dân đông...) thì cấp ủy từ cấp huyện và tương đương trở lên có thể xem xét quyết định cho lập đảng bộ cơ sở.

b) Ở một số khoa của trường đại học, một số phân xưởng, xí nghiệp trực thuộc của doanh nghiệp; một số thôn, xóm, ấp, bản, cụm dân cư ở xã, phường... có hơn 30 đảng viên, do tình hình thực tế và yêu cầu chỉ đạo không thể tách ra nhiều chi bộ, nếu được cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đồng ý, thì đảng ủy cơ sở ra quyết định thành lập chi bộ trực thuộc. Chi bộ có từ 30 đảng viên trở lên chia thành nhiều tổ đảng. Tổ đảng có nhiệm vụ quản lý, giáo dục, hướng dẫn và giúp đỡ đảng viên sản xuất, công tác và học tập, lãnh đạo quần chúng thực hiện nghị quyết của Đảng và pháp luật Nhà nước, hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị; tuyên truyền vận động quần chúng vào Đảng. Tổ đảng sinh hoạt ít nhất mỗi tháng một lần.

c) Ở một số tổ chức cơ sở đảng có đông đảng viên có thể được lập đảng bộ bộ phận. Đảng ủy bộ phận trực thuộc đảng ủy cơ sở và là cấp trên của các chi bộ, có nhiệm vụ đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của đảng ủy cơ sở ở các chi bộ, thẩm định nghị quyết của chi bộ về kết nạp đảng viên, về thi hành kỷ luật, khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên để đề đạt ý kiến với đảng ủy cơ sở. Nhiệm kỳ của đảng ủy bộ phận như nhiệm kỳ của đảng ủy cơ sở.

12.3- Điều 13 (điểm 5): Việc lập đảng bộ, chi bộ.

Khi có yêu cầu và có đủ điều kiện như quy định tại Điều 21, Điều 24 Điều lệ Đảng thì cấp ủy cấp trên trực tiếp của đảng bộ, chi bộ quyết định việc lập đảng bộ, chi bộ, chỉ định cấp ủy, chi ủy lâm thời, chỉ đạo việc chuẩn bị tiến hành đại hội

bầu đảng ủy, chi ủy chính thức theo quy định tại điểm 5, Điều 13 Điều lệ Đảng và báo cáo cấp ủy cấp trên.

12.4- Điều 10 (điểm 3): Việc giải thể đảng bộ, chi bộ.

Chỉ giải thể một đảng bộ, chi bộ khi đảng bộ, chi bộ đó đã làm xong nhiệm vụ hoặc không còn phù hợp về mặt tổ chức.

Cấp ủy nào có thẩm quyền quyết định thành lập thì cấp ủy đó có thẩm quyền ra quyết định giải thể đảng bộ,.chi bộ trực thuộc và báo cáo cấp ủy cấp trên trực tiếp.

12.5- Điều kiện để đảng ủy cơ sở được giao quyền cấp trên cơ sở:

Chỉ giao quyền cấp trên cơ sở cho đảng ủy cơ sở ở cơ quan, doanh nghiệp, trường học, đơn vị sự nghiệp (mà cấp trên trực tiếp là tỉnh ủy, thành ủy và cấp ủy trực thuộc Trung ương) khi có đủ các điều kiện sau đây: có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh; có nhiều đơn vị thành viên là tổ chức cơ sở trong cùng một đơn vị chính quyền hoặc cơ quan quản lý; có số lượng khoảng từ 400 đảng viên trở lên.

Sau khi thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương, tỉnh ủy, thành ủy và cấp ủy trực thuộc Trung ương quyết định việc giao quyền cấp trên cơ sở cho đảng ủy cơ sở. Nhiệm kỳ đại hội của các đảng bộ này là 5 năm một lần.

13. Điều 11 (điểm 2): Quy định số lượng đại biểu và phân bổ đại biểu đi dự đại hội đại biểu đảng bộ các cấp

13.1- Số lượng đại biểu Đại hội toàn quốc của Đảng do Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

13.2- Số lượng đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ các cấp do cấp ủy cấp triệu tập đại hội quyết định theo chỉ thị

của Bộ Chính trị trước khi tiến hành đại hội. Cấp ủy triệu tập đại hội phân bổ số lượng đại biểu cho các đảng bộ trực thuộc căn cứ vào số lượng đảng viên, số lượng đảng bộ trực thuộc, vị trí quan trọng của từng đảng bộ.

13.3- Đại biểu dự đại hội đại biểu các cấp gồm các ủy viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội đang sinh hoạt tại đảng bộ, các đại biểu do đại hội đại biểu đảng bộ, chi bộ trực thuộc bầu và đại biểu được chỉ định theo quy định tại điểm 4, Điều 11 của Điều lệ Đảng.

13.4- Khi bầu đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên, danh sách bầu cử bao gồm cả danh sách bầu đại biểu chính thức và đại biểu dự khuyết; bầu đại biểu chính thức trước, bầu đại biểu dự khuyết sau. Trường hợp bầu đại biểu chính thức đã lấy đủ số lượng mà vẫn còn một số đại biểu được số phiếu trên một nửa so với tổng số đại biểu hoặc tổng số đảng viên được triệu tập thì đại biểu dự khuyết lấy trong số các đồng chí đó theo số phiếu bầu từ cao đến thấp. Nếu vẫn chưa đủ số lượng đại biểu dự khuyết theo quy định, có bầu nữa hay không là do đại hội quyết định.

Danh sách bầu cử lần sau có thể được bổ sung đại biểu ngoài danh sách bầu cử lần thứ nhất, do đại hội quyết định.

13.5- Việc chuyển đại biểu dự khuyết thành đại biểu chính thức do ban thường vụ cấp ủy cấp triệu tập đại hội (ở Trung ương là Bộ Chính trị) quyết định. Việc chuyển tư cách đại biểu này phải được ban thẩm tra tư cách đại biểu đại hội xem xét và báo cáo đại hội thông qua. Đại biểu dự khuyết được chuyển thành đại biểu chính thức ở mỗi đảng bộ theo thứ tự số phiếu bầu ở đại hội đại biểu đảng bộ đó. Trường hợp bằng phiếu nhau thì lấy người có tuổi đảng cao hơn.

Sau khi trúng cử, đại biểu chính thức chuyển công tác và sinh hoạt đảng đến đơn vị mới, nhưng tổ chức đảng ở đơn vị mới đó vẫn trực thuộc cấp ủy cấp triệu tập đại hội thì đại biểu đó vẫn được triệu tập đến dự đại hội; nếu đại biểu đó đã chuyển đến đơn vị mới mà tổ chức đảng ở đơn vị mới đó không trực thuộc cấp ủy cấp triệu tập đại hội thì tổ chức đảng ở đơn vị đó được chuyển đại biểu dự khuyết thành chính thức để thay thế. Trường hợp không có đại biểu dự khuyết để thay thế thì được bầu bổ sung, nếu không có đại biểu dự khuyết thay thế thì không tính vào tổng số đại biểu được triệu tập.

Trường hợp đặc biệt, ở đảng bộ đã bầu xong đại biểu lại có quyết định tách đảng bộ đó thành một số đảng bộ mới, thì cấp ủy triệu tập đại hội có thể quyết định bầu bổ sung một số đại biểu cho các đảng bộ mới đó phù hợp với quy định tại điểm 2, Điều 11 của Điều lệ Đảng về phân bổ đại biểu cho các đảng bộ trực thuộc.

Trường hợp một đảng bộ, chi bộ đã tổ chức đại hội bầu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên, nhưng do yêu cầu chia tách, đảng bộ, chi bộ đó được đưa về đảng bộ mới. Nếu đảng bộ mới chưa tiến hành đại hội, cấp ủy triệu tập đại hội có trách nhiệm triệu tập số đại biểu của đảng bộ, chi bộ mới chuyển về và tính vào tổng số đại biểu được triệu tập của đại hội.

14. Điều 11 (điểm 4): Chỉ định đại biểu tham dự đại hội đại biểu đảng bộ các cấp

Việc chỉ định đại biểu chỉ thực hiện đối với tổ chức đảng ở các đơn vị hoạt động trong điều kiện đặc biệt.

Các tổ chức đảng hoạt động trong trường hợp đặc biệt là tổ chức đảng hoạt động ở ngoài nước, hoặc hoạt động phân tán, đang làm nhiệm vụ chiến đấu, hoặc không thể mở đại hội được.

Cấp ủy triệu tập đại hội được chỉ định một số đại biểu ở các đảng bộ, chi bộ đó phù hợp với tính chất, đặc điểm, số lượng đảng viên ở các đơn vị đó.

15. Điều 11, Điều 12: Các tổ chức điều hành và giúp việc đại hội

15.1- Điều 11 (điểm 7); Điều 12 (điểm 3): Đoàn chủ tịch đại hội.

a) Đoàn chủ tịch đại hội là cơ quan điều hành công việc của đại hội, làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

b) Đoàn chủ tịch đại hội có nhiệm vụ:

- Điều hành công việc của đại hội theo chương trình, quy chế làm việc đã được đại hội biểu quyết thông qua; phân công thành viên điều hành các phiên họp của đại hội; chuẩn bị nội dung để đại hội thảo luận, biểu quyết; lãnh đạo, điều hành các hoạt động của đại hội.

- Điều hành việc bầu cử (theo quy chế bầu cử trong Đảng ban hành theo Quyết định 77-QĐ/TW, ngày 22-6-2000 của Bộ Chính trị khóa VIII).

15.2- Điều 11 (điểm 5): Ban thẩm tra tư cách đại biểu của đại hội.

a) Ban thẩm tra tư cách đại biểu của đại hội do cấp ủy triệu tập đại hội đề nghị, gồm những đại biểu của đại hội am hiểu về công tác tổ chức, cán bộ và công tác kiểm tra. Ở đại hội

đảng viên không bầu ban thẩm tra tư cách đại biểu. Cấp ủy triệu tập đại hội báo cáo với đại hội tình hình đảng viên tham dự đại hội.

b) Nhiệm vụ của ban thẩm tra tư cách đại biểu:

- Xem xét báo cáo của cấp ủy về việc chấp hành nguyên tắc, thủ tục, tình hình và kết quả bầu cử đại biểu; những vấn đề có liên quan đến tư cách đại biểu.

- Xem xét kết luận các thư tố cáo, khiếu nại về tư cách đại biểu do cấp ủy các cấp giải quyết; báo cáo với đoàn chủ tịch để trình đại hội xem xét, quyết định: những trường hợp không được công nhận tư cách đại biểu, những trường hợp có đơn xin rút khỏi danh sách đại biểu và việc chuyển đại biểu dự khuyết lên chính thức đã được triệu tập.

- Báo cáo với đại hội kết quả thẩm tra tư cách đại biểu để đại hội xem xét, biểu quyết công nhận.

15.3- Điều 11 (điểm 7): Đoàn thư ký đại hội.

a) Đoàn thư ký đại hội là những đại biểu chính thức (đối với đại hội đại biểu) hoặc đảng viên chính thức (đối với đại hội đảng viên). Trưởng đoàn thư ký chịu trách nhiệm trước đoàn chủ tịch về nhiệm vụ của đoàn thư ký, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên.

b) Nhiệm vụ của đoàn thư ký:

- Ghi biên bản tổng hợp ý kiến thảo luận, dự thảo các văn bản kết luận, nghị quyết của đại hội.

- Quản lý và phát hành tài liệu, ấn phẩm của đại hội theo sự chỉ đạo của đoàn chủ tịch. Thu nhận, bảo quản và gửi đến cấp ủy khóa mới đầy đủ hồ sơ, tài liệu, ấn phẩm của đại hội.

15.4- Điều 12 (điểm 3): Ban kiểm phiếu.

a) Ban kiểm phiếu gồm đại biểu chính thức (đối với đại

hội đại biểu) đảng viên chính thức (đối với đại hội đảng viên) trong đại hội không có tên trong danh sách bầu cử.

b) Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn cách thức bỏ phiếu, phát phiếu, thu phiếu, kiểm phiếu bầu.

- Xem xét và kết luận các phiếu không hợp lệ và những ý kiến khiếu nại về việc bầu cử (nếu có).

- Lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử, kết quả trúng cử; niêm phong phiếu bầu và chuyển cho đoàn chủ tịch đại hội. Đoàn chủ tịch đại hội bàn giao cho cấp ủy khóa mới lưu trữ theo quy định (qua ban tổ chức của cấp ủy).

Nếu kiểm phiếu bằng máy vi tính, ban kiểm phiếu được sử dụng một số nhân viên kỹ thuật không phải là đại biểu đại hội.

Ngoài ban kiểm phiếu và những kỹ thuật viên đánh máy được đại hội sử dụng làm nhiệm vụ kiểm phiếu, không ai được đến nơi ban kiểm phiếu đang làm việc.

15.5- Bộ Chính trị giao Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn cụ thể quy trình, thủ tục tiến hành Đại hội.

16. Về việc bầu cử trong Đảng: Thực hiện theo Quy chế bầu cử trong Đảng (ban hành kèm theo Quyết định số 77-QĐ/TW, ngày 22-6-2000 của Bộ Chính trị khóa VIII).

17. Điều 12 (điểm 2), Điều 20 (điểm 2): Số lượng cấp ủy viên, số lượng ủy viên ban thường vụ và số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra của cấp ủy các cấp

Việc quy định số lượng cấp ủy viên, ủy viên thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra của cấp ủy mỗi cấp căn cứ vào

nhiệm vụ chính trị, vị trí, đặc điểm của mỗi cấp, vào số lượng đơn vị trực thuộc và số lượng đảng viên của mỗi đảng bộ.

Trước mỗi kỳ đại hội đảng bộ các cấp, căn cứ vào nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị ban hành chỉ thị, Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn cụ thể về việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp, có quy định về số lượng (tối đa, tối thiểu) cấp ủy viên, ủy viên thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra của cấp ủy mỗi cấp. Từ đó, cấp ủy từng cấp tiến hành công tác chuẩn bị nhân sự khóa mới trình đại hội đảng bộ cấp mình xem xét, quyết định số lượng cấp ủy viên trước khi tiến hành công tác bầu cử. Sau khi được bầu, cấp ủy khóa mới thảo luận và quyết định số lượng ủy viên thường vụ và số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra cấp mình trước khi tiến hành bầu cử các chức vụ đó theo quy định hiện hành.

18. Điều 13 (điểm 1): Cấp ủy khóa mới được điều hành công việc ngay sau khi được bầu

Sau khi cấp ủy khóa mới bầu xong, cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra điều hành ngay công việc của cấp ủy khóa mới, đồng chí bí thư cấp ủy được ký các văn bản với chức danh bí thư và nhận bàn giao từ cấp ủy khóa trước trong vòng 15 ngày. Sau khi có quyết định chuẩn y của cấp có thẩm quyền, các đồng chí có chức danh phó bí thư, ủy viên thường vụ, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra mới được ký chức danh trong các văn bản của đảng bộ.

19. Điều 13 (điểm 1): Việc chuẩn y kết quả bầu cử cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra và ủy ban kiểm tra của cấp ủy các cấp

Cấp ủy khóa mới phải báo cáo lên cấp ủy cấp trên trực tiếp: các biên bản bầu cử ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm và phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra; danh sách trích ngang, sơ yếu lý lịch của từng thành viên theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

Sau khi nhận được báo cáo kết quả bầu cử của cấp dưới, chậm nhất không quá 15 ngày, cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y danh sách ban chấp hành, các chức danh bầu cử của cấp dưới (bí thư, phó bí thư, ủy viên thường vụ, chủ nhiệm và phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra và ủy ban kiểm tra).

Sau đại hội nếu phát hiện thấy có sự vi phạm về tiêu chuẩn, nguyên tắc, thủ tục bầu cử thì cấp ủy cấp trên có quyền bác bỏ kết quả bầu cử của đại hội hoặc của cấp dưới, chỉ đạo tiến hành bầu lại; hoặc nếu thấy có một hoặc một số chức danh đã được bầu nhưng không bảo đảm nguyên tắc hoặc tiêu chuẩn quy định thì cấp ủy cấp trên có quyền không công nhận một hoặc một số chức danh đó.

20. Điều 13 (điểm 2): Việc bổ sung cấp ủy viên thiếu do cấp ủy đề nghị, cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định

Khi cần bổ sung cấp ủy viên thiếu, tập thể cấp ủy thảo luận, thống nhất đề nghị cấp ủy cấp trên về số lượng, nhân sự cụ thể để cấp ủy cấp trên xem xét, quyết định. Trường hợp đặc biệt, nếu xét thấy cần, cấp ủy cấp trên có thể xem xét quyết định bổ sung số cấp ủy viên thiếu.

Việc bổ sung cấp ủy viên, ủy viên thường vụ, bí thư, phó bí thư là đảng viên trong đảng bộ, chi bộ, nói chung thực hiện theo quy trình: chỉ định vào ban chấp hành đảng bộ, ban chấp hành đảng bộ bầu vào các chức danh cần thiết.

Cấp ủy cấp trên trực tiếp có thể chỉ định đích danh đảng viên là cấp ủy viên cấp trên vào chức danh bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp dưới.

Khi cần thiết cấp ủy cấp trên có quyền điều động đảng viên từ đảng bộ khác chỉ định tham gia cấp ủy và giữ các chức vụ ủy viên thường vụ, phó bí thư, bí thư cấp ủy, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra.

21. Điều 13 (điểm 2): Việc chỉ định tăng thêm cấp ủy viên khi cần thiết

Khi thật cần thiết, cấp ủy cấp dưới thảo luận thống nhất đề nghị cấp ủy cấp trên chỉ định tăng thêm một số cấp ủy viên cấp dưới. Số lượng chỉ định tăng thêm đối với cấp quận, huyện và tương đương trở lên khoảng 10% số cấp ủy viên do đại hội đã bầu. Các trường hợp cụ thể khác giao Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn.

22. Điều 13 (điểm 3): Việc điều động cấp ủy viên

Trường hợp đặc biệt khi phải điều động quá một phần ba số cấp ủy viên do đại hội đã bầu, phải được cấp ủy cấp trên cách một cấp đồng ý.

23. Điều 13 (điểm 4): Việc thôi sinh hoạt đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng

Khi có quyết định nghỉ công tác để nghỉ hưu hoặc chuyển

sang công tác khác mà vị trí công tác mới không thuộc cơ cấu đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng thì đồng chí ủy viên đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng thôi tham gia sinh hoạt đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng.

24. Điều 14 (điểm 1): Lập các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy

24.1- Các đảng bộ trực thuộc Trung ương:

a) Cấp ủy tỉnh, huyện và tương đương được lập các cơ quan tham mưu giúp việc của cấp mình, cụ thể có các cơ quan như sau:

Ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: văn phòng, ban tổ chức, cơ quan ủy ban kiểm tra, ban tuyên giáo, ban dân vận, trường chính trị và báo của đảng bộ tỉnh, thành phố.

Ở cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh: văn phòng, ban tổ chức, cơ quan ủy ban kiểm tra, ban tuyên giáo, ban dân vận, trung tâm bồi dưỡng chính trị.

Đảng bộ khối trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy được lập cơ quan tham mưu giúp việc: văn phòng, ban tổ chức, ban tuyên giáo, cơ quan ủy ban kiểm tra.

b) Các đảng bộ khối trực thuộc Trung ương được lập cơ quan tham mưu giúp việc: văn phòng, ban tổ chức, ban tuyên giáo, cơ quan ủy ban kiểm tra.

c) Nơi có yêu cầu lập cơ quan tham mưu giúp việc khác với quy định trên phải báo cáo Bộ Chính trị đồng ý mới được lập.

Tổ chức bộ máy và biên chế của các cơ quan tham mưu, giúp việc nêu trên giao Ban Tổ chức Trung ương quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, định kỳ báo cáo Ban Bí thư. Các ban và

cơ quan Đảng ở Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn hoạt động của các cơ quan tham mưu giúp việc của cấp ủy địa phương.

d) Cơ quan tham mưu giúp việc của các cấp ủy trong các đảng bộ quân đội là cơ quan chính trị và trong đảng bộ công an là cơ quan xây dựng lực lượng.

24.2- Việc thành lập và giải thể các cơ quan tham mưu giúp việc của Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương quyết định. Ban Tổ chức Trung ương giúp Ban Chấp hành Trung ương quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của các cơ quan tham mưu giúp việc của Trung ương.

24.3- Tổ chức, bộ máy và biên chế của cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị xã hội (Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam): ở cấp Trung ương giao Ban Tổ chức Trung ương quản lý; ở cấp tỉnh, cấp huyện giao ban tổ chức tỉnh, thành ủy quản lý; định kỳ báo cáo Ban Bí thư (qua Ban Tổ chức Trung ương).

25. Điều 18 (điểm 3), Điều 22 (điểm 3): Về đại hội bất thường ở các cấp

Khi có trên một nửa số ủy viên ban chấp hành đảng bộ đồng ý bằng phiếu kín, hoặc có trên một nửa số tổ chức đảng trực thuộc nhất trí và được ban thường vụ cấp ủy cấp trên đồng ý mới triệu tập đại hội bất thường; đối với đảng bộ trực thuộc Trung ương phải được Bộ Chính trị đồng ý.

Điều kiện để tổ chức đại hội bất thường là có thay đổi lớn về chủ trương, nhiệm vụ so với nghị quyết đại hội đề ra, hoặc

thay đổi lớn về nhân sự chủ chốt của cấp ủy, hoặc do nội bộ mất đoàn kết hoặc hầu hết cấp ủy viên bị xử lý kỷ luật.

26. Điều 23 (điểm 5): Đảng ủy cơ sở được ủy quyền quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên

Các đảng bộ cơ sở ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp có trên 100 đảng viên và được công nhận đạt tiêu chuẩn đảng bộ trong sạch, vững mạnh có thể được cấp ủy cấp trên trực tiếp xem xét, ra quyết định ủy quyền cho đảng ủy cơ sở quyền quyết định kết nạp đảng viên và thi hành kỷ luật khai trừ đảng viên.

Sau khi ủy quyền, cấp ủy cấp trên trực tiếp phải thường xuyên kiểm tra, nếu thấy đảng ủy cơ sở được ủy quyền không làm tốt nhiệm vụ theo quy định thì thu hồi quyết định đã ủy quyền.

27. Điều 27 (điểm 2): Đảng ủy quân khu

Đảng ủy quân khu gồm các đồng chí công tác trong đảng bộ quân khu do đại hội cùng cấp bầu và các đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy trên địa bàn quân khu được Ban Bí thư chỉ định tham gia.

Đảng ủy quân khu có nhiệm vụ lãnh đạo mọi mặt các đơn vị thuộc quyền; chỉ đạo, hướng dẫn cấp ủy địa phương xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, công tác quân sự địa phương, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, chấp hành chính sách hậu phương quân đội; phối hợp với cấp ủy địa phương thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trong quân khu.

Các cấp ủy địa phương có trách nhiệm lãnh đạo thực hiện

nghị quyết của đảng ủy quân khu về nhiệm vụ quân sự - quốc phòng trong địa phương mình.

28. Điều 27 (điểm 3): Cơ quan chính trị cấp trên phối hợp với cấp ủy địa phương chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương

Cơ quan chính trị cấp nào đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng ở cấp đó, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng cùng cấp và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên.

Cơ quan chính trị quân khu phối hợp với tỉnh ủy, thành ủy; cơ quan chính trị thuộc bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố phối hợp với huyện ủy, quận ủy; cơ quan chính trị thuộc ban chỉ huy quân sự huyện, quận phối hợp với đảng ủy (chi ủy) xã, phường, thị trấn để chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương.

29. Điều 27 (điểm 4): Chỉ định đồng chí bí thư cấp ủy và một số đồng chí ngoài đảng bộ quân sự địa phương tham gia đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là tỉnh, huyện)

Sau mỗi kỳ đại hội đảng bộ địa phương (tỉnh, huyện), khi cấp ủy địa phương khóa mới đã kiện toàn và được cấp trên chuẩn y, các đồng chí cấp ủy viên là bí thư cấp ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân được ban thường vụ cấp ủy địa phương (tỉnh, huyện) chỉ định tham gia đảng ủy quân sự cùng cấp.

Đồng chí bí thư cấp ủy địa phương trực tiếp làm bí thư đảng ủy quân sự cùng cấp.

Các đồng chí được cấp ủy địa phương chỉ định tham gia đảng ủy quân sự thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của cấp ủy viên (trừ quyền ứng cử). Chế độ sinh hoạt thực hiện theo quy chế làm việc của đảng ủy quân sự.

Ở các tỉnh, thành phố có bộ đội biên phòng thì tổ chức đảng bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của tỉnh ủy, thành ủy, đồng thời chấp hành nghị quyết của đảng ủy bộ đội biên phòng cấp trên.

Cấp ủy địa phương phân công đồng chí ủy viên thường vụ tham gia sinh hoạt với đảng ủy bộ đội biên phòng.

30. Điều 28 (điểm 1, điểm 4): Quan hệ Đảng ủy Công an Trung ương với tỉnh ủy, thành ủy và cơ quan xây dựng lực lượng Công an nhân dân

30.1- Điều 28 (điểm 1): Quan hệ Đảng ủy Công an Trung ương với tỉnh ủy, thành ủy.

Bộ Chính trị ủy nhiệm cho Đảng ủy Công an Trung ương khi cần thiết triệu tập các đồng chí bí thư tỉnh, thành ủy để truyền đạt những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

30.2- Điều 28 (điểm 4): Về cơ quan xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

Cơ quan xây dựng lực lượng công an mỗi cấp đảm nhiệm công tác đảng, công tác chính trị, công tác quần chúng trong đảng bộ công an cấp mình và tham mưu giúp đảng ủy công an cùng cấp trong việc phối hợp với cấp ủy địa phương cấp

dưới lãnh đạo công tác đảng, công tác chính trị và công tác quần chúng trong lực lượng công an địa phương cấp dưới.

31. Điều 29 (điểm 1): Nhiệm vụ tham mưu của các đảng ủy công an đối với cấp ủy địa phương cùng cấp

Tổ chức đảng trong công an nhân dân không có hệ thống dọc từ Trung ương đến các đơn vị cơ sở của công an nhân dân địa phương.

Cấp ủy đảng công an địa phương cấp nào có nhiệm vụ tham mưu giúp cấp ủy địa phương cấp đó lãnh đạo các ngành, các cấp ở địa phương thực hiện nghị quyết của đảng ủy công an cấp trên về giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; lãnh đạo xây dựng lực lượng công an nhân dân ở địa phương.

32. Điều 29 (điểm 2): Việc chỉ định đồng chí cấp ủy địa phương tham gia đảng ủy công an cùng cấp

Các tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy, quận ủy, thị ủy chỉ định đồng chí phó bí thư thường trực hoặc ủy viên thường vụ thường trực tham gia ban thường vụ đảng ủy công an cùng cấp.

Đồng chí phó bí thư thường trực hoặc ủy viên thường vụ thường trực cấp ủy địa phương tham gia thường vụ công an thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của cấp ủy viên (trừ quyền ứng cử). Chế độ sinh hoạt thực hiện theo quy chế làm việc của cấp ủy công an cùng cấp.

33. Điều 30: Công tác kiểm tra của Đảng

Các tổ chức đảng vừa phải tiến hành công tác kiểm tra, vừa chịu sự kiểm tra của Đảng là: chi bộ, đảng ủy bộ phận,

đảng ủy cơ sở, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp; ủy ban kiểm tra, các ban đảng, văn phòng cấp ủy; Ban Cán sự Đảng, đảng đoàn.

Cấp ủy, trước hết là ban thường vụ cấp ủy xây dựng và chỉ đạo các tổ chức đảng cấp dưới xây dựng phương hướng nhiệm vụ kiểm tra trong từng thời gian; chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; nghe báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo quy chế làm việc; giải quyết những kiến nghị của các tổ chức đảng cấp dưới về công tác kiểm tra; lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức và hoạt động của ủy ban kiểm tra; xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kiểm tra. Có chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cấp trên và cấp mình; kiểm tra việc ra các quyết định và tổ chức thực hiện các quyết định của cấp ủy cấp mình và cấp dưới.

Các ban của cấp ủy có trách nhiệm kiểm tra và giúp cấp ủy kiểm tra việc thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng thuộc lĩnh vực công tác do ban mình phụ trách; kiểm tra những nội dung theo nhiệm vụ cấp ủy giao. Các ban sử dụng bộ máy của mình để kiểm tra hoặc phối hợp với ủy ban kiểm tra và các ban khác của cấp ủy (theo sự chỉ đạo của cấp ủy) để tiến hành công tác kiểm tra.

Đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế làm việc của mình để xác định nội dung, đối tượng kiểm tra cho phù hợp, bảo đảm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng được chấp hành nghiêm chỉnh.

Các tổ chức đảng ở cơ sở kiểm tra nhằm bảo đảm Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật Nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh ở cơ sở mình. Chi bộ kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, trước hết là nghị quyết của chi bộ và việc thực hiện nhiệm vụ do chi bộ phân công, thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

34. Điều 31: Tổ chức ủy ban kiểm tra

34.1- Ủy ban kiểm tra các cấp được lập từ đảng ủy cơ sở trở lên, do cấp ủy cùng cấp bầu, gồm một số đồng chí trong cấp ủy và một số đồng chí ngoài cấp ủy.

34.2- Số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện theo Quy chế bầu cử trong Đảng (ban hành kèm theo Quyết định số 77-QĐ/TW, ngày 22-6-2000 của Bộ Chính trị (khóa VIII)) và hướng dẫn của Ban Bí thư.

35. Điều 32 (điểm 4): Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên

35.1- Cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

35.2- Đảng viên phải nêu cao tinh thần dân chủ trong tự phê bình và phê bình; khi báo cáo với Đảng, Nhà nước những việc làm sai trái của tập thể và cá nhân, phải phản ánh đúng sự thật, ghi rõ họ, tên, địa chỉ, chịu trách nhiệm về thư tố cáo của mình và chỉ gửi đến tổ chức đảng và cá nhân có thẩm quyền giải quyết; phải thực hiện đúng quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm.

35.3- Tổ chức đảng phải bảo đảm quyền dân chủ của

đảng viên và quần chúng trong việc giám sát, tố cáo, phản ánh về những tổ chức đảng và đảng viên vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật Nhà nước; giữ bí mật cho người tố cáo; giải quyết dứt điểm và kịp thời các vụ việc bị tố cáo, chậm nhất là 3 tháng đối với cấp tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương trở xuống, 6 tháng đối với cấp Trung ương; trường hợp hết thời hạn mà chưa giải quyết xong thì thông báo cho người tố cáo biết. Nghiêm cấm và kiên quyết xử lý những tổ chức và cá nhân truy tìm, trả thù, trù dập người tố cáo; không để người bị tố cáo chủ trì giải quyết tố cáo liên quan đến bản thân, không để người tố cáo chủ trì giải quyết nội dung do mình tố cáo.

35.4- Trường hợp tố cáo có liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp cần phối hợp giải quyết, thì cấp ủy chỉ đạo ủy ban kiểm tra phối hợp với các tổ chức đảng có liên quan giải quyết. Những trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét, kết luận và thông báo thì người tố cáo phải chấp hành. Người tố cáo vu khống thì tùy theo mức độ, tính chất để xem xét xử lý kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước.

35.5- Không xem xét, giải quyết những đơn, thư tố cáo giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ, những tố cáo có tên nhưng không có nội dung cụ thể, không có căn cứ thẩm tra, xác minh; những tố cáo đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét, kết luận mà người tố cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để làm rõ sự việc; những thư tố cáo không phải là bản do người tố cáo trực tiếp ký tên.

35.6- Tổ chức đảng và đảng viên bị tố cáo, khi được kiểm tra phải báo cáo trung thực, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời với tổ chức

đảng có thẩm quyền; được đưa ra những bằng chứng xác thực để chứng minh nội dung tố cáo không đúng.

Trong thời gian tổ chức đảng có thẩm quyền đang kiểm tra và chưa kết luận thì các quyền của đảng viên, của tổ chức đảng phải được bảo đảm.

36. Điều 34: Khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên

36.1- Hình thức khen thưởng trong Đảng:

- Đối với tổ chức đảng: biểu dương, tặng giấy khen, bằng khen, tặng cờ, tặng thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu vinh dự khác của Đảng và Nhà nước.

- Đối với đảng viên: biểu dương, tặng giấy khen, bằng khen, Huy hiệu Đảng 40 năm, 50 năm, 60 năm, 70 năm tuổi Đảng, tặng thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu vinh dự khác của Đảng và Nhà nước.

36.2- Thẩm quyền khen thưởng:

- Chi bộ: biểu dương tổ đảng và đảng viên trong chi bộ.

- Đảng ủy bộ phận: biểu dương tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ.

- Đảng ủy cơ sở: quyết định công nhận chi bộ trong sạch vững mạnh, biểu dương tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ.

- Huyện ủy (và tương đương): quyết định công nhận tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, tặng giấy khen cho tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ.

- Tỉnh ủy (và tương đương): quyết định tặng bằng khen, tặng cờ cho tổ chức đảng, tặng Huy hiệu Đảng 40, 50, 60, 70 năm tuổi Đảng, bằng khen cho đảng viên trong đảng bộ.

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định các hình thức khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên; xem xét, quyết định và giao cho Nhà nước ra quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu cao quý khác cho tổ chức đảng và đảng viên.

36.3- Tiêu chuẩn, đối tượng và thủ tục khen thưởng:

a) Tiêu chuẩn, đối tượng tặng huy hiệu Đảng:

Những đảng viên hoạt động cách mạng lâu năm, giữ gìn tốt tư cách đảng viên, có đủ 40 năm, 50 năm, 60 năm, 70 năm tuổi Đảng trở lên được tặng Huy hiệu Đảng. Đối với đảng viên đã từ trần, thời gian tham gia sinh hoạt đảng có đủ tuổi đảng nêu trên cũng được truy tặng Huy hiệu Đảng. Tại thời điểm xét tặng Huy hiệu Đảng, đảng viên bị kỷ luật về Đảng từ hình thức cảnh cáo trở lên thì chưa được xét tặng; sau sáu tháng (đối với kỷ luật cảnh cáo), 1 năm (đối với kỷ luật cách chức) nếu sửa chữa tốt khuyết điểm sẽ được xét tặng huy hiệu Đảng. Đảng viên bị bệnh nặng có thể được xét tặng huy hiệu Đảng sớm, nhưng thời gian xét tặng sớm không được quá một năm so với thời gian quy định.

b) Việc tặng giấy khen, bằng khen, tặng cờ (đối với tổ chức đảng), tặng giấy khen, bằng khen (đối với đảng viên) và thủ tục xét tặng Huy hiệu Đảng, các hình thức khen thưởng khác ở trong Đảng thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

36.4- Giá trị tặng phẩm kèm theo các hình thức khen thưởng của Đảng:

- Tặng phẩm kèm theo các hình thức khen thưởng huân chương, huy chương và các danh hiệu cao quý khác, thực hiện theo quy định chung của Nhà nước.

- Tặng phẩm kèm theo đối với đảng viên được tặng huy hiệu Đảng và các hình thức khen thưởng khác trong Đảng được quy định thống nhất và nguồn kinh phí được trích từ quỹ khen thưởng chung của các địa phương và ngành hoặc một phần từ tài chính Đảng theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương.

37. Điều 35, Điều 36: Thi hành kỷ luật trong Đảng

37.1- Đảng viên vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật đều phải thi hành kỷ luật nghiêm minh; vi phạm đến mức khai trừ thì phải khai trừ, không áp dụng hình thức xóa tên; cấp ủy viên vi phạm đến mức cách chức thì phải cách chức, không để thôi giữ chức; đảng viên dự bị vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì áp dụng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo, không đủ tư cách thì xóa tên trong danh sách đảng viên.

37.2- Đảng viên bị cách chức vụ về Đảng thì cấp ủy quản lý đảng viên đó phải kịp thời chỉ đạo xem xét, xử lý chức vụ về chính quyền, đoàn thể (nếu có) theo quy định của cơ quan Nhà nước và điều lệ của đoàn thể.

37.3- Chi bộ (gồm chi bộ cơ sở, chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở hoặc chi bộ trong đảng bộ bộ phận), đảng ủy cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đối với đảng viên. Đối với cấp ủy viên các cấp từ ủy viên đảng ủy cơ sở cho đến ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý sinh hoạt tại chi bộ nếu vi phạm phải áp dụng hình thức kỷ luật từ khiển trách trở lên thì chi bộ đề nghị lên cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

37.4- Đảng viên tham gia nhiều cấp ủy, vi phạm đến

mức phải cách chức cấp ủy viên cao nhất hoặc khai trừ thì do ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp của cấp ủy cao nhất mà đảng viên đó là thành viên quyết định; nếu phải cách chức cấp ủy viên cấp dưới thì do ban thường vụ cấp ủy quản lý đảng viên đó quyết định; đảng viên giữ nhiều chức vụ, vi phạm kỷ luật phải cách chức một, nhiều, hay tất cả các chức vụ hoặc khai trừ, thì cấp ủy quản lý đảng viên đó quyết định.

Trong một cấp ủy có ban thường vụ, nếu một đồng chí chỉ bị cách chức bí thư hoặc phó bí thư thì vẫn còn là ủy viên thường vụ; nếu cách chức ủy viên thường vụ thì vẫn còn là cấp ủy viên; khi bị cách chức cấp ủy viên thì đương nhiên không còn chức bí thư, phó bí thư, ủy viên thường vụ.

37.5- Đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời nếu vi phạm kỷ luật, cấp ủy nơi đảng viên sinh hoạt tạm thời có trách nhiệm xem xét xử lý tới mức cảnh cáo. Nội dung xử lý kỷ luật như quy định tại điểm 37.3 nêu trên và thông báo với cấp ủy nơi sinh hoạt chính thức biết. Trường hợp phải xử lý kỷ luật ở mức cao hơn, cấp ủy nơi đảng viên sinh hoạt tạm thời phải thông báo mức độ khuyết điểm để cấp ủy nơi quản lý chính thức của đảng viên đó xử lý; đồng thời báo cáo với cấp ủy cấp trên của tổ chức cơ sở đảng nơi quản lý đảng viên đó biết và chỉ đạo việc xử lý theo đúng quy định của Điều lệ Đảng.

37.6- Ủy viên ủy ban kiểm tra không phải là cấp ủy viên thì việc thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo tiến hành như đối với cán bộ do cấp ủy cùng cấp quản lý; trường hợp cách chức, khai trừ thì do cấp ủy cùng cấp quyết định.

37.7- Việc biểu quyết quyết định kỷ luật hoặc đề nghị kỷ luật phải bằng phiếu kín. Trường hợp biểu quyết không có

hình thức kỷ luật nào đủ số phiếu cần thiết như quy định tại điểm 10.3 thì phải báo cáo đầy đủ kết quả bỏ phiếu các hình thức kỷ luật lên cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

38. Điều 39 (điểm 7): Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật trong Đảng

38.1- Cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ giải quyết khiếu nại kỷ luật trong Đảng. Trường hợp do ban thường vụ và ủy ban kiểm tra giải quyết thì sau khi giải quyết phải báo cáo với cấp ủy.

38.2- Khi giải quyết khiếu nại kỷ luật trong Đảng, đảng ủy cơ sở, ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên có thẩm quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật do tổ chức đảng cấp dưới quyết định. Trường hợp cần thay đổi hình thức kỷ luật cao hơn, vượt quá thẩm quyền phải báo cáo lên cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều 36, Chương VIII, Điều lệ Đảng.

Ban thường vụ, ủy ban kiểm tra của đảng ủy cơ sở và đảng ủy bộ phận có trách nhiệm xem xét khiếu nại kỷ luật của đảng viên do chi bộ quyết định nhưng không có quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật mà phải đề nghị đảng ủy cơ sở xem xét, quyết định.

38.3- Tổ chức đảng cấp trên chỉ giải quyết những khiếu nại kỷ luật do tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp quyết định kỷ luật hoặc đã giải quyết khiếu nại. Tổ chức đảng cấp trên khi nhận được những khiếu nại vượt cấp thì chuyển cho tổ chức đảng cấp dưới có thẩm quyền giải quyết.

Tổ chức đảng khi nhận được khiếu nại kỷ luật đảng không thuộc thẩm quyền giải quyết thì chuyển cho các tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết, đồng thời báo cho người khiếu nại biết. Cơ quan chức năng sau khi giải quyết phải thông báo kết quả cho người khiếu nại biết.

38.4- Ủy ban Kiểm tra Trung ương có trách nhiệm xem xét, đề xuất ý kiến giải quyết và chuẩn bị hồ sơ các vụ khiếu nại kỷ luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

38.5- Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật tiến hành tuần tự từ ủy ban kiểm tra hoặc cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức đảng đã quyết định thi hành kỷ luật. Sau khi được giải quyết, nếu đảng viên hoặc tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật không đồng ý, có khiếu nại tiếp thì cấp trên nữa mới giải quyết, lần lượt cho đến Ban Chấp hành Trung ương. Những trường hợp khiếu nại cần trình Ban Chấp hành Trung ương giải quyết do Bộ Chính trị quyết định. Những trường hợp Ban Chấp hành Trung ương xử lý kỷ luật, nếu có khiếu nại thì do Ban Chấp hành Trung ương xem xét, giải quyết.

38.6- Khi nhận được khiếu nại kỷ luật, cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra phải thông báo cho tổ chức đảng hoặc người khiếu nại biết. Kể từ ngày nhận được khiếu nại, chậm nhất ba tháng đối với cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tương đương trở xuống, sáu tháng đối với cấp Trung ương, cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra phải xem xét giải quyết, trả lời cho tổ chức đảng và người khiếu nại biết.

Nghiêm cấm các hành vi cản trở, dìm bỏ không xem xét, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

38.7- Không giải quyết những trường hợp khiếu nại sau đây: quá thời hạn một tháng kể từ ngày tổ chức đảng, đảng viên nhận được quyết định kỷ luật; đã được cấp có thẩm quyền cao nhất xem xét, kết luận mà không có chứng cứ mới; bị tòa án quyết định hình phạt từ cải tạo không giam giữ trở lên chưa được cơ quan pháp luật có thẩm quyền hủy bỏ bản án; cá nhân, tập thể và tổ chức đảng khiếu nại hộ cho tổ chức và người bị thi hành kỷ luật; khiếu nại khi chưa có quyết định kỷ luật của tổ chức đảng có thẩm quyền.

Trường hợp người bị thi hành kỷ luật có khiếu nại chưa được giải quyết mà đã qua đời thì tổ chức đảng vẫn phải xem xét giải quyết.

39. Điều 40 (điểm 4): Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng

39.1- Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng nhằm ngăn chặn hành động gây trở ngại cho việc xem xét, kết luận của tổ chức đảng có thẩm quyền hoặc có hành động cụ thể làm cho vi phạm trở nên nghiêm trọng hơn. Do đó, chỉ áp dụng trong các trường hợp sau:

- Đảng viên (kể cả cấp ủy viên) bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền quyết định truy tố, tạm giam; hoặc có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành động cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của cấp ủy và công tác kiểm tra của Đảng thì đình chỉ sinh hoạt đảng.

- Cấp ủy viên có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành động có thể gây trở ngại cho công tác kiểm

tra của Đảng hoặc bị khởi tố trở lên thì đình chỉ sinh hoạt cấp ủy.

- Tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành động cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của tổ chức đảng, cho công tác lãnh đạo và kiểm tra của Đảng thì đình chỉ hoạt động.

39.2- Thời hạn đình chỉ sinh hoạt.

- Thời hạn đình chỉ sinh hoạt đảng đối với đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy đối với cấp ủy viên có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng là ba tháng; trường hợp cần thiết phải gia hạn thì thời hạn đình chỉ kể cả gia hạn nhiều nhất không quá sáu tháng. Thời hạn đình chỉ hoạt động đối với tổ chức đảng nhiều nhất không quá ba tháng.

- Thời hạn đình chỉ sinh hoạt đảng đối với đảng viên, cấp ủy viên bị truy tố, tạm giam; thời hạn đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên được tính theo thời hạn khởi tố, truy tố, thời hạn tạm giam (kể cả gia hạn nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đảng viên là thủ trưởng và tổ chức đảng của các cơ quan pháp luật có thẩm quyền quyết định khởi tố, truy tố, tạm giam đối với công dân là đảng viên phải kịp thời thông báo bằng văn bản các quyết định nói trên đến cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra của cấp ủy quản lý đảng viên đó. Tổ chức đảng quản lý đảng viên bị tạm giam, truy tố cần chủ động quan hệ với tổ chức đảng và đảng viên là thủ trưởng cơ quan pháp luật (cơ quan điều tra, cơ quan kiểm sát, cơ quan xét xử), nắm chắc thời hạn bị tạm giam của đảng viên, không để bị kéo dài so với quy định của pháp luật.

39.3- Thẩm quyền đình chỉ sinh hoạt.

Tổ chức đảng nào có thẩm quyền khai trừ đảng viên, cách chức cấp ủy viên, giải tán tổ chức đảng thì tổ chức đảng đó có thẩm quyền đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng.

- Đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên do chi bộ và đảng ủy cơ sở đề nghị, ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng hoặc đảng ủy cơ sở được ủy quyền quyết định. Đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý, chi bộ và đảng ủy cơ sở đề nghị, cấp ủy quản lý cán bộ đó quyết định.

- Đình chỉ sinh hoạt đảng hoặc đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên do chi bộ hoặc cấp ủy cùng cấp đề nghị, cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định. Nếu đảng viên tham gia nhiều cấp ủy thì cấp ủy phát hiện đảng viên có dấu hiệu vi phạm đề nghị, cấp ủy có thẩm quyền cách chức cấp ủy viên, khai trừ đảng viên đó quyết định.

- Đình chỉ hoạt động của một tổ chức đảng do cấp ủy cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp ủy cấp trên cách một cấp quyết định. Đình chỉ hoạt động của một cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương do Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư quyết định và báo cáo với Ban Chấp hành Trung ương. Riêng đối với cấp ủy các cấp bị đình chỉ hoạt động, sau khi có quyết định đình chỉ, cấp ủy cấp trên trực tiếp chỉ định một cấp ủy lâm thời để tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của cấp ủy đã bị đình chỉ hoạt động. Nếu cấp ủy bị đình chỉ được quyết định trở lại hoạt động hoặc bị kỷ luật giải tán và đã lập lại tổ chức đảng, thì cấp ủy lâm thời đương nhiên giải thể.

- Khi có đủ căn cứ phải đình chỉ mà tổ chức đảng cấp dưới không đề nghị đình chỉ hoặc không đình chỉ và trong trường hợp cần thiết thì tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên hoặc đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng. Quyết định đó được thông báo cho đảng viên, cấp ủy viên bị đình chỉ sinh hoạt, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động và các tổ chức đảng có liên quan để chấp hành.

39.4- Trường hợp đặc biệt, đối với những vụ việc đang trong quá trình điều tra hoặc kiểm tra, nhận thấy cán bộ có dấu hiệu liên quan đến trách nhiệm cá nhân hoặc có những dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng, nếu để đương chức có trở ngại cho việc xem xét, kết luận thì tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định đình chỉ chức vụ mà cán bộ đó đang đảm nhiệm. Nếu cần đình chỉ chức vụ ở cơ quan nhà nước hoặc tổ chức chính trị - xã hội thì sau khi quyết định, tổ chức đảng có thẩm quyền giao cho ban cán sự đảng, đảng đoàn hoặc cấp ủy nơi có cán bộ đó chỉ đạo đình chỉ chức vụ theo thẩm quyền và theo nguyên tắc, thủ tục quy định của Nhà nước, của tổ chức đó. Trường hợp không thuộc thẩm quyền quyết định đình chỉ thì kiến nghị với tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Sau khi kết thúc điều tra, kiểm tra, nếu cán bộ đó vi phạm pháp luật thì xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời phải xem xét, thi hành kỷ luật đảng; nếu không vi phạm hoặc vi phạm không đến mức cách chức thì khôi phục lại chức vụ đã đình chỉ hoặc bố trí làm công tác khác.

39.5- Trong thời gian đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, cấp ủy viên bị đình chỉ sinh hoạt cấp ủy, tổ chức đảng

bị đình chỉ hoạt động, cán bộ bị đình chỉ chức vụ phải chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của tổ chức đảng có thẩm quyền (tường trình sự việc, tự kiểm điểm sai lầm, thực hiện các việc được giao...); được đề đạt ý kiến của mình với tổ chức đảng có thẩm quyền; nhưng không được lấy danh nghĩa tổ chức đảng hoặc danh nghĩa cấp ủy viên, danh nghĩa chức vụ đã bị đình chỉ để điều hành công việc.

39.6- Tổ chức đảng có thẩm quyền phải nhanh chóng xem xét, kết luận rõ nội dung vi phạm của đảng viên, cấp ủy viên bị đình chỉ sinh hoạt, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động, cán bộ bị đình chỉ chức vụ để quyết định đảng viên, cấp ủy viên trở lại sinh hoạt, tổ chức đảng trở lại hoạt động, cán bộ trở lại chức vụ cũ hoặc bố trí làm việc khác và xem xét, xử lý kỷ luật bằng hình thức thích hợp cả về Đảng, về chính quyền, về các đoàn thể chính trị - xã hội. Trường hợp không thuộc thẩm quyền của mình thì phải chỉ đạo hoặc kiến nghị với các tổ chức đảng có thẩm quyền để xem xét, quyết định.

39.7- Khi đảng viên hết thời hạn bị tạm giam (kể cả gia hạn, nếu có), không còn bị cơ quan pháp luật truy tố, thì đảng viên là thủ trưởng và tổ chức đảng các cơ quan pháp luật (cơ quan điều tra, cơ quan kiểm sát, cơ quan xét xử) có trách nhiệm thông báo kịp thời bằng văn bản đến cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra của cấp ủy quản lý đảng viên đó để xem xét việc quyết định cho đảng viên trở lại sinh hoạt và xem xét, xử lý kỷ luật đảng theo mức độ vi phạm.

39.8- Trường hợp hết thời hạn tạm giam hoặc không bị tạm giam nhưng vẫn bị truy tố, xét xử thì tổ chức đảng chưa quyết định cho đảng viên trở lại sinh hoạt đảng. Khi đảng viên bị khởi tố, truy tố hoặc bị tạm giam, nếu tổ chức đảng có

thẩm quyền kết luận rõ đảng viên đó có vi phạm đến mức phải xử lý thì phải chủ động xem xét, xử lý kỷ luật đảng, không nhất thiết phải chờ kết luận hoặc tuyên phạt của tòa án có thẩm quyền. Sau khi có bản án hoặc quyết định của tòa án, tổ chức đảng có thẩm quyền thi hành kỷ luật xem xét tăng nặng hoặc giảm nhẹ hình thức kỷ luật đảng đối với đảng viên vi phạm.

40. Điều 42 (điểm 1): Việc lập đảng đoàn trong cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội

40.1- Ở cấp trung ương: lập Đảng đoàn Quốc hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội (Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam).

Đối với các tổ chức hội quần chúng: lập đảng đoàn ở các liên hiệp hội: Liên hiệp hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam...; một số hội chính trị - xã hội và tổ chức có quy mô lớn, có vị trí quan trọng được lập đảng đoàn do Bộ Chính trị quyết định.

40.2- Ở cấp tỉnh, thành: lập đảng đoàn hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh (Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Liên đoàn lao động tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Hội Nông dân tỉnh).

41. Điều 43 (điểm 1): Việc lập ban cán sự đảng trong cơ quan hành pháp, tư pháp

Ở cấp Trung ương lập Ban Cán sự Đảng Chính phủ, ban

cán sự đảng bộ, ngành quản lý nhà nước, các cơ quan tư pháp, một số doanh nghiệp hạng đặc biệt.

Ở cấp tỉnh lập ban cán sự đảng ủy ban nhân dân và ban cán sự đảng cơ quan tư pháp tỉnh.

Về tổ chức và nhân sự đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh, thành phố do ban tổ chức tỉnh ủy, thành ủy trình ban thường vụ tỉnh, thành ủy quyết định. Ở Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương trình Bộ Chính trị quyết định.

Ngoài các quy định trên đây, nơi nào cần lập đảng đoàn, ban cán sự đảng, giao Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu trình Bộ Chính trị quyết định.

42. Điều 42, Điều 43: Nhiệm vụ và quyền hạn của đảng đoàn, ban cán sự đảng

- Đảng đoàn, ban cán sự đảng lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra việc quán triệt việc thực hiện Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng; về phương hướng, nhiệm vụ chính trị và về tổ chức, cán bộ của ngành, đơn vị; quyết định những vấn đề về tổ chức cán bộ theo phân công phân cấp quản lý cán bộ; phối hợp với các cấp ủy đảng để xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh; chịu trách nhiệm trước cấp ủy cùng cấp về các đề xuất và quyết định của mình.

- Đảng đoàn, ban cán sự đảng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số. Khi các thành viên có ý kiến khác nhau, nếu thảo luận không thống nhất thì xin ý kiến chỉ đạo: ở Trung ương báo cáo Ban Bí thư; ở tỉnh, thành phố báo cáo ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy.

- Đảng đoàn, ban cán sự đảng họp định kỳ 3 tháng 1 lần, họp bất thường khi cần. Các kỳ họp phải ghi biên bản, kết luận và ra nghị quyết để lưu hành, thực hiện trong nội bộ. Đồng chí bí thư chủ trì công việc chung, chủ tọa các phiên họp, trực tiếp báo cáo hoặc ký các văn bản báo cáo cấp ủy cùng cấp. Hằng năm đảng đoàn, ban cán sự đảng báo cáo cấp ủy cùng cấp (ở Trung ương báo cáo với Ban Bí thư; ở tỉnh, thành phố báo cáo ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy) về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác tổ chức, cán bộ của bộ, ngành, đoàn thể mình.

- Đảng đoàn, ban cán sự đảng sử dụng bộ máy giúp việc gồm một số cán bộ, đảng viên trong cơ quan (văn phòng, tổ chức cán bộ, thực hiện chế độ kiêm chức) để giúp việc. Nếu xét thấy cần có thể sử dụng cán bộ chuyên trách do tập thể đảng đoàn, ban cán sự đảng quyết định.

43. Điều 42, Điều 43: Việc thực hiện chức năng lãnh đạo của Đảng ở những nơi không lập đảng đoàn, ban cán sự đảng

Nơi không lập đảng đoàn hoặc ban cán sự đảng: để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan nhà nước và đoàn thể cấp đó, cấp ủy cùng cấp lãnh đạo thông qua vai trò, trách nhiệm của cấp ủy viên và đảng viên là cán bộ phụ trách các cơ quan, đoàn thể đó phát huy vai trò của đảng ủy, chi ủy cơ quan trong các cơ quan, đơn vị đó theo chức năng, nhiệm vụ đã được quy định.

Khi tập thể lãnh đạo cơ quan, đoàn thể thảo luận, quyết

định về chủ trương, nhiệm vụ và công tác cán bộ của ngành, đoàn thể và cơ quan thì đảng viên là thủ trưởng cơ quan và lãnh đạo đoàn thể đó mời đại diện của đảng ủy, chi ủy cơ quan tham gia. Khi cấp ủy họp bàn về việc thực hiện nghị quyết của Đảng thì đảng ủy, chi ủy mời thủ trưởng tham dự (nếu thủ trưởng không trong cấp ủy hoặc không phải là đảng viên).

44. Điều 44: Cấp ủy đảng lãnh đạo tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cùng cấp

Cấp ủy cùng cấp phân công cấp ủy viên theo dõi, kiểm tra hoạt động của tổ chức đoàn. Định kỳ hằng năm, tập thể ban thường vụ cấp ủy nghe tình hình hoạt động của tổ chức đoàn để có ý kiến chỉ đạo hoạt động của tổ chức đoàn cùng cấp.

45. Điều 46: Đảng phí, nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng

45.1- Đảng phí: đảng viên đóng đảng phí trên cơ sở tiền lương, tiền công, khoản thu nhập coi như tiền lương, tiền công, sinh hoạt phí và các khoản phụ cấp theo tiền lương, tiền công, sinh hoạt phí... theo quy định của Bộ Chính trị.

45.2- Nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng.

- Kinh phí hoạt động của tổ chức đảng các cấp sử dụng đảng phí, tài chính của Đảng theo quy định của Bộ Chính trị, hướng dẫn của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Bộ Tài chính.

- Cấp ủy các cấp lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động tài

chính và quản lý tài sản của Đảng ở các tổ chức đảng cấp dưới; chịu trách nhiệm trước cấp ủy cấp trên và các tổ chức đảng cấp dưới về các hoạt động và quản lý tài chính, tài sản ở cấp mình.

- Cấp ủy các cấp có thể lập các hình thức tổ chức phù hợp (phòng, bộ phận...) hoặc cử cán bộ giúp cấp ủy thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính và tài sản của Đảng ở cấp mình theo sự hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương. Các tổ chức đó có trách nhiệm giúp cấp ủy hướng dẫn, kiểm tra cấp ủy và cơ quan tài chính, quản trị của tổ chức đảng cấp dưới về nghiệp vụ tài chính, quản lý và sử dụng tài sản của Đảng, định kỳ báo cáo với cấp ủy mình xem xét về kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính và tài sản được giao.

- Ủy ban kiểm tra của cấp ủy các cấp có trách nhiệm kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp.

46. Ngoài các quy định trên đây, Bộ Chính trị, Ban Bí thư sẽ có quy định riêng về một số vấn đề khác.

47. Bộ Chính trị giao Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và một số cơ quan đảng có liên quan nghiên cứu để hướng dẫn những vấn đề thuộc về phương pháp, quy trình, thủ tục và nghiệp vụ để cụ thể hóa những quy định của Điều lệ Đảng, phù hợp với tình hình và yêu cầu thực tiễn của công tác xây dựng Đảng hiện nay.

*

* *

Quy định này được ban hành trong hệ thống Đảng tới các chi bộ, có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Các tổ chức đảng và đảng viên có trách nhiệm thi hành. Các quy định trước đây trái với nội dung Quy định này đều bãi bỏ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 07-NQ/TW, ngày 27 tháng 11 năm 2001
Về hội nhập kinh tế quốc tế

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỦ TRƯƠNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã xác định nhiệm vụ *"Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động tham gia các tổ chức quốc tế và khu vực, củng cố và nâng cao vị thế nước ta trên trường quốc tế"*. Ngày 18-11-1996, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết về kinh tế đối ngoại nhằm chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ quan trọng này. Đại hội lần thứ IX của Đảng đã khẳng định chủ trương *"Phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững"*.

1. Thực hiện đường lối, chủ trương trên đây của Đảng, những năm qua nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại:

- Đã đẩy mạnh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế: mở rộng mạnh mẽ quan hệ kinh tế song phương và đa phương; phát triển quan hệ đầu tư với gần 70 nước và lãnh thổ; bình thường hóa quan hệ với các tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB); gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) và Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA); tham gia sáng lập Diễn đàn Á - Âu (ASEM); gia nhập Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC); trở thành quan sát viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và đang tiến hành đàm phán để gia nhập tổ chức này. Nước ta cũng đã ký Hiệp định khung về hợp tác kinh tế với Liên minh châu Âu (EU) và Hiệp định Thương mại song phương với Hoa Kỳ theo chuẩn mực của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Để tăng cường việc chỉ đạo công tác hội nhập kinh tế quốc tế, Chính phủ đã thành lập Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế và Ủy ban đã có những đóng góp tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế.

Thực hiện đường lối đổi mới, chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, nước ta đã mở rộng được quan hệ đối ngoại, vượt qua được những khó khăn về thị trường do những biến động ở Liên Xô cũ và Đông Âu gây ra; phá được thế bị bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch, tạo dựng được môi trường quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao vị thế nước ta trên chính trường và thương trường thế giới, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của cuộc

khủng hoảng tài chính - kinh tế ở khu vực vào cuối những năm 90 của thế kỷ XX.

- Thu hút được một số lượng đáng kể vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và viện trợ phát triển chính thức (ODA), tiếp thu được nhiều thành tựu mới về khoa học, công nghệ và kỹ năng quản lý.

- Từng bước đưa hoạt động của các doanh nghiệp và nền kinh tế vào môi trường cạnh tranh, góp phần tạo lập tư duy kinh tế mới, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Bước đầu xây dựng được một đội ngũ cán bộ làm công tác kinh tế đối ngoại và quản lý kinh doanh thích nghi dần với điều kiện mới, tạo tiền đề để tiếp tục quá trình hội nhập kinh tế quốc tế trong những năm tiếp theo.

Với những kết quả đó, chúng ta đã từng bước thực hiện được chủ trương kết hợp phát huy nội lực với ngoại lực, hình thành sức mạnh tổng hợp đưa đến những thành tựu kinh tế - xã hội quan trọng trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ an ninh quốc gia và bản sắc văn hóa dân tộc.

2. Tuy nhiên, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế vừa qua cũng bộc lộ nhiều mặt yếu kém:

Chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế đã được khẳng định rõ trong nhiều nghị quyết của Đảng và trên thực tế đã được thực hiện từng bước, nhưng nhận thức về nội dung, bước đi, lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế chưa đạt được sự nhất trí cao và nhất quán, một bộ phận cán bộ chưa thấy hết và chủ động tranh thủ những cơ hội mở ra, hoặc chưa nhận thức đầy đủ những thách thức sẽ nảy sinh, để từ đó có kế hoạch thúc đẩy nền kinh tế nước ta vươn lên chủ động hội nhập có hiệu

quả; cơ cấu kinh tế chậm được dịch chuyển để luôn phát huy được lợi thế so sánh của đất nước; không ít chủ trương, cơ chế, chính sách chậm được đổi mới cho phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

- Công tác hội nhập kinh tế quốc tế mới được triển khai chủ yếu ở các cơ quan trung ương và một số thành phố lớn, sự tham gia của các ngành, các cấp, của các doanh nghiệp còn yếu và chưa đồng bộ, vì vậy chưa tạo được sức mạnh tổng hợp cần thiết bảo đảm cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đạt hiệu quả cao.

- Chưa hình thành được một kế hoạch tổng thể và dài hạn về hội nhập kinh tế quốc tế, một lộ trình hợp lý thực hiện các cam kết quốc tế.

- Doanh nghiệp nước ta nói chung còn ít hiểu biết về thị trường thế giới và luật pháp quốc tế, năng lực quản lý còn yếu, trình độ công nghệ còn lạc hậu, hiệu quả sản xuất kinh doanh và khả năng cạnh tranh còn yếu kém, tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự bao cấp và bảo hộ của Nhà nước còn nặng.

- Môi trường kinh doanh ở nước ta tuy đã được cải thiện đáng kể song về nhiều mặt còn yếu kém: hệ thống luật pháp còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa đủ rõ ràng và nhất quán; kết cấu hạ tầng phát triển chậm; trong bộ máy hành chính còn nhiều biểu hiện của bệnh quan liêu và tệ tham nhũng, trình độ nghiệp vụ yếu kém, nguồn nhân lực chưa được đào tạo tốt.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác kinh tế đối ngoại còn thiếu và yếu; tổ chức chỉ đạo chưa sát và kịp thời; các cấp, các ngành chưa quan tâm chỉ đạo và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chuẩn bị tham gia hội nhập. Đây là nguyên nhân sâu

xa của những yếu kém, khuyết điểm trong hợp tác kinh tế với nước ngoài.

Phần thứ hai

NỘI DUNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

I- MỤC TIÊU CỦA HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế nhằm mở rộng thị trường, tranh thủ thêm vốn, công nghệ, kiến thức quản lý để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, trước mắt là thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ nêu ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội năm 2001 - 2010 và Kế hoạch 5 năm 2001 - 2005.

II- NHỮNG QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP

1. Quán triệt chủ trương được xác định tại Đại hội IX là: *"Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường"*[1].

2. Hội nhập kinh tế quốc tế là sự nghiệp của toàn dân;

---

1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.120 *(B.T)*.

trong quá trình hội nhập cần phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế của toàn xã hội, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

3. Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh và cạnh tranh, vừa có nhiều cơ hội, vừa không ít thách thức, do đó cần tỉnh táo, khôn khéo và linh hoạt trong việc xử lý tính hai mặt của hội nhập tùy theo đối tượng, vấn đề, trường hợp, thời điểm cụ thể; vừa phải đề phòng tư tưởng trì trệ, thụ động, vừa phải chống tư tưởng giản đơn, nôn nóng.

4. Nhận thức đầy đủ đặc điểm nền kinh tế nước ta, từ đó đề ra kế hoạch và lộ trình hợp lý, vừa phù hợp với trình độ phát triển của đất nước, vừa đáp ứng các quy định của các tổ chức kinh tế quốc tế mà nước ta tham gia; tranh thủ những ưu đãi dành cho các nước đang phát triển và các nước có nền kinh tế chuyển đổi từ kinh tế tập trung bao cấp sang kinh tế thị trường.

5. Kết hợp chặt chẽ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế với yêu cầu giữ vững an ninh, quốc phòng, thông qua hội nhập để tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia, nhằm củng cố chủ quyền và an ninh đất nước, cảnh giác với những mưu toan thông qua hội nhập để thực hiện ý đồ "diễn biến hòa bình" đối với nước ta.

III- MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

1. Tiến hành rộng rãi công tác tư tưởng, tuyên truyền, giải thích trong các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, trong các doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân để đạt được

nhận thức và hành động thống nhất và nhất quán về hội nhập kinh tế quốc tế, coi đó là nhu cầu vừa bức xúc, vừa cơ bản và lâu dài của nền kinh tế nước ta, nâng cao niềm tin vào khả năng và quyết tâm của nhân dân ta chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội IX, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 cũng như các quy định của các tổ chức kinh tế quốc tế mà nước ta tham gia, *xây dựng chiến lược tổng thể về hội nhập với một lộ trình cụ thể* để các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp khẩn trương sắp xếp lại và nâng cao hiệu quả sản xuất, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh, bảo đảm cho hội nhập có hiệu quả. Trong khi hình thành chiến lược hội nhập, cần đặc biệt quan tâm bảo đảm sự phát triển của các ngành dịch vụ như tài chính, ngân hàng, viễn thông... là những lĩnh vực quan trọng mà ta còn yếu kém.

3. *Chủ động và khẩn trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế,* đổi mới công nghệ và trình độ quản lý để nâng cao khả năng cạnh tranh, phát huy tối đa lợi thế so sánh của nước ta, ra sức phấn đấu không ngừng nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm và dịch vụ, bắt kịp sự thay đổi nhanh chóng trên thị trường thế giới, tạo ra những ngành, những sản phẩm mũi nhọn để hàng hóa và dịch vụ của ta chiếm lĩnh thị phần ngày càng lớn trong nước cũng như trên thế giới, đáp ứng nhu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tiến hành điều tra, phân loại, đánh giá khả năng cạnh tranh của từng sản phẩm, từng dịch vụ, từng doanh nghiệp, từng địa phương để có biện pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả và tăng cường khả năng cạnh tranh. Gắn quá trình thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa IX về tiếp

tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong quá trình hội nhập cần quan tâm tranh thủ những tiến bộ mới của khoa học, công nghệ; không nhập khẩu những công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

Đi đôi với việc nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm và dịch vụ, của các doanh nghiệp, cần ra sức cải thiện môi trường kinh doanh, khả năng cạnh tranh quốc gia thông qua việc khẩn trương đổi mới và xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật phù hợp với đường lối của Đảng, với thông lệ quốc tế, phát triển mạnh kết cấu hạ tầng; đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính nhằm xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch về phẩm chất, vững mạnh về chuyên môn.

4. Tích cực tạo lập đồng bộ *cơ chế quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;* thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại hình thị trường hàng hóa, dịch vụ, lao động, khoa học - công nghệ, vốn, bất động sản...; tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế, tiếp tục đổi mới các công cụ quản lý kinh tế của Nhà nước đối với nền kinh tế, đặc biệt chú trọng đổi mới và củng cố hệ thống tài chính, ngân hàng.

5. Có kế hoạch cụ thể đẩy mạnh công tác *đào tạo nguồn nhân lực* vững vàng về chính trị, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có đạo đức trong sáng, tinh thông nghiệp vụ và ngoại ngữ, có tác phong công nghiệp và tinh thần kỷ luật cao. Trong phát triển nguồn nhân lực theo những tiêu chuẩn chung nói trên, cần chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý và kinh doanh hiểu biết sâu về luật pháp quốc tế và nghiệp vụ chuyên môn, nắm bắt nhanh những chuyển biến trên thương trường quốc tế để ứng xử kịp thời,

nắm được kỹ năng thương thuyết và có trình độ ngoại ngữ tốt. Bên cạnh đó cần hết sức coi trọng việc đào tạo đội ngũ công nhân có trình độ tay nghề cao.

Cùng với việc đào tạo nhân lực cần có chính sách thu hút, bảo vệ và sử dụng nhân tài; bố trí, sử dụng cán bộ đúng với ngành nghề được đào tạo và với sở trường năng lực của từng người.

6. *Kết hợp chặt chẽ hoạt động chính trị đối ngoại với kinh tế đối ngoại.*

Cũng như trong lĩnh vực chính trị đối ngoại, trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế cần giữ vững đường lối độc lập tự chủ, thực hiện đa phương hóa, đa dạng hóa thị trường và đối tác, tham gia rộng rãi các tổ chức quốc tế. Các hoạt động đối ngoại song phương và đa phương cần hướng mạnh vào việc phục vụ đắc lực nhiệm vụ mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Tích cực tham gia đấu tranh vì một hệ thống quan hệ kinh tế quốc tế bình đẳng, công bằng, cùng có lợi, bảo đảm lợi ích của các nước đang phát triển và chậm phát triển.

Các cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài cần coi việc phục vụ công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế của đất nước là một nhiệm vụ hàng đầu.

7. *Gắn kết chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế với nhiệm vụ củng cố an ninh quốc phòng* ngay từ khâu hình thành kế hoạch, xây dựng lộ trình cũng như trong quá trình thực hiện, nhằm làm cho hội nhập không ảnh hưởng tiêu cực tới nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và an toàn xã hội; mặt khác, các cơ quan quốc phòng và an ninh cần có kế hoạch chủ động hỗ trợ tạo môi trường thuận lợi cho quá trình hội nhập.

8. *Tích cực tiến hành đàm phán để gia nhập Tổ chức*

Thương mại thế giới (WTO) theo các phương án và lộ trình hợp lý, phù hợp với hoàn cảnh của nước ta là một nước đang phát triển ở trình độ thấp và đang trong quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế. Gắn kết quá trình đàm phán với quá trình đổi mới mọi mặt hoạt động kinh tế ở trong nước.

9. *Kiện toàn Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế* đủ năng lực và thẩm quyền giúp Thủ tướng Chính phủ tổ chức, chỉ đạo các hoạt động về hội nhập kinh tế quốc tế. Ủy ban gồm hai bộ phận: một bộ phận chuyên trách, một bộ phận kiêm nhiệm bao gồm đại diện có thẩm quyền của các bộ, ban, ngành hữu quan.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng và Nghị quyết này của Bộ Chính trị, Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo đề ra Chương trình hành động cụ thể, từ khâu phổ biến quán triệt nghị quyết tới khâu hình thành Chiến lược và lộ trình hội nhập, chuyển dịch cơ cấu, sắp xếp lại sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế và khả năng cạnh tranh, tạo dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, đổi mới và từng bước hoàn chỉnh hệ thống các văn bản pháp quy, đào tạo nguồn nhân lực, tiến hành đàm phán quốc tế, củng cố và tăng cường Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế...

2. Trên cơ sở kiến nghị của Chính phủ, Đảng đoàn Quốc hội kiến nghị với Quốc hội xem xét đưa vào Chương trình xây dựng pháp luật để kịp thời sửa đổi, ban hành mới các văn bản pháp luật phù hợp với quá trình hội nhập.

3. Ban Cán sự Đảng Chính phủ phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương và các ban

có liên quan của Đảng, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyên truyền, giới thiệu rộng rãi nội dung hội nhập kinh tế quốc tế, đưa vào chương trình giảng dạy ở các trường Đảng, trường hành chính và các trường trung học, đại học nội dung quan trọng này.

4. Các tỉnh ủy, thành ủy và tổ chức đảng ở các cấp coi hội nhập kinh tế quốc tế là một nhiệm vụ quan trọng cần được thường xuyên quan tâm chỉ đạo, trước mắt kịp thời phổ biến rộng rãi Nghị quyết của Bộ Chính trị cũng như chương trình của Chính phủ; xuất phát từ tình hình cụ thể của địa phương và những nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết này, xây dựng chương trình hành động cụ thể về hội nhập kèm theo những biện pháp thiết thực hỗ trợ các doanh nghiệp khắc phục có hiệu quả những khó khăn, yếu kém trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

5. Là người trực tiếp tham gia và giữ vai trò quan trọng trong hội nhập kinh tế quốc tế, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế phải nắm vững mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng kế hoạch cụ thể để hội nhập có hiệu quả; chống tư tưởng ỷ lại, dựa vào sự bảo hộ của Nhà nước, ngại cạnh tranh; tích cực chủ động đổi mới công nghệ, cải tiến quản lý, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh để chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài nước. Các doanh nghiệp nhà nước cần vươn lên thể hiện vai trò chủ lực trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm tạo dựng môi trường kinh doanh thuận lợi nhất về pháp lý và thủ tục hành chính, về cơ chế, chính sách cho các doanh nghiệp, hướng dẫn

và hỗ trợ các doanh nghiệp trong quá trình hội nhập, kể cả trong hoạt động đầu tư, hợp doanh với các đối tác bên ngoài.

6. Ban Kinh tế Trung ương giúp Bộ Chính trị theo dõi và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

*
* *

Thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết tâm phấn đấu chủ động tạo bước chuyển biến mới về cơ cấu kinh tế, về cơ chế quản lý, về năng lực kinh doanh của doanh nghiệp, của mọi thành phần kinh tế, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ nhằm làm chủ thị trường nội địa, đứng vững trên thị trường quốc tế, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đường lối đổi mới và chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng ta là nhất quán theo tinh thần phát huy cao độ nội lực, khai thác tối đa các nguồn lực bên ngoài để tạo thế lực mới cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, đưa đất nước ta tiến nhanh, tiến mạnh và vững chắc trong thế kỷ XXI.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 34-TB/TW, ngày 28 tháng 11 năm 2001
Về Đề án công tác tư pháp

Tại phiên họp ngày 22-11-2001, sau khi nghe Tiểu ban chỉ đạo xây dựng Đề án về công tác tư pháp báo cáo và ý kiến của các ngành, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Về phạm vi của Đề án

Đây là Đề án nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, Trung ương 7 (khóa VIII) và Nghị quyết Đại hội IX. Do vậy phải căn cứ vào các nghị quyết của Đảng và Hiến pháp 1992 (đã được sửa đổi một số điều) để xác định phương hướng đổi mới công tác tư pháp trong thời gian tới; tập trung vào những vấn đề bức xúc có đủ cơ sở để thực hiện, nhằm tạo ra sự chuyển biến tích cực trong công tác tư pháp. Trên tinh thần đó, Bộ Chính trị đồng ý với đề xuất của Tiểu ban về việc xác định những lĩnh vực công tác tư pháp cần phải tập trung chỉ đạo, thực hiện trong thời gian tới (chủ yếu là giai đoạn 2001 - 2005) *là hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.* Trong đó, cần đề cập rõ hơn các vấn đề thuộc lĩnh vực dân sự, kinh tế, hành chính, lao động.

2. Về đánh giá tình hình

Cần khẳng định trong thời gian qua, tổ chức, bộ máy của các cơ quan tư pháp được củng cố, kiện toàn một bước; đại bộ phận cán bộ làm công tác tư pháp có phẩm chất chính trị vững vàng, có tinh thần trách nhiệm. Công tác tư pháp đã góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân; bảo vệ trật tự pháp luật, pháp chế xã hội chủ nghĩa; phục vụ tích cực cho công cuộc đổi mới.

Tuy nhiên, hoạt động của các cơ quan tư pháp còn nhiều thiếu sót, khuyết điểm, bộc lộ nhiều yếu kém, bất cập so với yêu cầu nhiệm vụ và sự mong đợi, đòi hỏi của nhân dân. Còn nhiều trường hợp bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội, vi phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và cơ quan tư pháp.

Nguyên nhân của thiếu sót, khuyết điểm nêu trên, ngoài những nguyên nhân khách quan, cần phải nhấn mạnh một số nguyên nhân chủ quan sau:

- Một bộ phận cán bộ trong các cơ quan tư pháp ý thức trách nhiệm, phẩm chất đạo đức sút kém, hạn chế, trình độ và năng lực nghiệp vụ chưa đáp ứng yêu cầu. Đây là vấn đề nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến kỷ cương, pháp luật, giảm hiệu lực của bộ máy nhà nước.

- Tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của các cơ quan tư pháp còn có một số bất hợp lý, chưa được đổi mới, kiện toàn cho phù hợp (phân định thẩm quyền giữa tòa án các cấp chưa phù hợp; tổ chức các cơ quan điều tra còn

phân tán; công tác thi hành án còn giao cho nhiều cơ quan thực hiện).

- Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của các cơ quan tư pháp còn thiếu thốn, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Thể chế pháp luật trong lĩnh vực tư pháp chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ và còn nhiều sơ hở (pháp luật về tố tụng tư pháp còn rất thiếu, chồng chéo, thủ tục rườm rà, công tác giải thích, hướng dẫn việc áp dụng pháp luật chưa được thực hiện thường xuyên).

- Việc triển khai tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về cải cách tư pháp chưa nghiêm túc. Lâu nay sự lãnh đạo của Đảng và sự quan tâm của Nhà nước đối với công tác tư pháp còn chưa đúng mức; Bộ Chính trị, Ban Bí thư chưa có cơ chế cụ thể để chỉ đạo các cơ quan tư pháp phối hợp tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước trong lĩnh vực tư pháp.

3. Công tác tư pháp cần quán triệt các quan điểm chỉ đạo sau đây

- Công tác tư pháp phải thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, góp phần giữ vững và phát huy bản chất của Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

- Công tác tư pháp phải ngăn ngừa có hiệu quả và xử lý kịp thời, nghiêm minh các tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội tham nhũng và các tội hình sự khác; bảo vệ trật tự, kỷ cương;

bảo đảm và tôn trọng quyền dân chủ, quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức và công dân; phục vụ đắc lực công cuộc đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội tham gia vào công tác tư pháp. Các cơ quan tư pháp phải dựa vào nhân dân để hoạt động, đồng thời phải là lực lượng nòng cốt, là chỗ dựa vững chắc của nhân dân trong đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật, tội phạm và giải quyết tranh chấp.

- Xây dựng các cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh và từng bước hiện đại, góp phần xây dựng, bảo vệ Đảng và Nhà nước.

4. Trong thời gian tới, công tác tư pháp tập trung làm tốt các nhiệm vụ trọng tâm sau

a) Nâng cao chất lượng hoạt động và đề cao trách nhiệm của các cơ quan và cán bộ tư pháp: xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy, cơ chế hoạt động của các cơ quan tư pháp; đề cao trách nhiệm cá nhân của các chức danh tư pháp; bảo đảm cho các hoạt động điều tra, bắt, giam giữ, truy tố, xét xử, thi hành án nghiêm minh, đúng pháp luật, dân chủ, khách quan, công bằng, không để bỏ lọt tội phạm, cũng không để oan, sai.

b) Tiếp tục cụ thể hóa và tổ chức thực hiện những chủ trương về cải cách tư pháp đã được đề ra trong Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII), Nghị quyết Trung ương 3, Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII) và Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX, cụ thể là:

+ Về cơ quan điều tra: khẩn trương tiến hành tổng kết việc thi hành Pháp lệnh điều tra, xây dựng đề án, cải cách cơ bản hệ thống cơ quan điều tra. Trước mắt, tổ chức sắp xếp, củng cố lại các cơ quan điều tra theo hướng: thống nhất chỉ huy các cơ quan điều tra thuộc Bộ Công an, kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động điều tra và trinh sát; nghiên cứu sáp nhập các cơ quan điều tra thuộc công an địa phương; các cơ quan điều tra trong quân đội chỉ tập trung điều tra những tội phạm xảy ra trong quân đội và do quân nhân thực hiện; ở ngành kiểm sát chỉ tổ chức cơ quan điều tra tại Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để điều tra một số loại tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà người phạm tội thuộc các cơ quan tư pháp.

+ Tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị trong viện kiểm sát các cấp để thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp.

+ Khẩn trương chuẩn bị tốt điều kiện để thực hiện việc tăng thẩm quyền xét xử cho tòa án cấp huyện; nghiên cứu đổi mới tổ chức của Tòa án.

c) Tăng cường đầu tư cho các cơ quan tư pháp

+ Tăng đầu tư về cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện làm việc, từng bước hiện đại hóa các cơ quan tư pháp; đồng thời có chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp phù hợp với tính chất đặc thù về công việc của cán bộ tư pháp.

+ Phấn đấu đến năm 2005 xây dựng đủ trụ sở của các cơ quan tư pháp cấp huyện; xây dựng, sửa chữa nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam theo đúng quy định.

d) Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư pháp

Đảng lãnh đạo các cơ quan tư pháp chặt chẽ về chính trị,

tổ chức và cán bộ, bảo đảm hoạt động tư pháp thực hiện đúng quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Cần tiếp tục hoàn thiện nội dung, phương thức lãnh đạo, khắc phục tình trạng cấp ủy buông lỏng lãnh đạo hoặc can thiệp quá sâu vào các hoạt động chuyên môn của các cơ quan tư pháp. Các cấp ủy đảng cần chăm lo công tác quy hoạch, đào tạo, tuyển chọn, bố trí cán bộ trong các cơ quan tư pháp, phân công đồng chí bí thư hoặc phó bí thư trực tiếp chỉ đạo công tác nội chính.

5. Tổ chức thực hiện

- Đồng ý thành lập Ban chỉ đạo cải cách tư pháp để giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư triển khai các nhiệm vụ nêu trên và các nội dung khác về cải cách tư pháp. Ban chỉ đạo cải cách tư pháp do đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước làm Trưởng ban, các thành viên gồm đại diện của Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Tòa án Nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng bộ Tư pháp, Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Nội chính Trung ương.

- Căn cứ vào kết luận của Bộ Chính trị, Tiểu ban hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết của Bộ Chính trị về nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới để trình Bộ Chính trị ban hành.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 04-CT/TW, ngày 6 tháng 12 năm 2001

Về việc tổng kết công tác tổ chức và cán bộ theo Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII), Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII)

Đại hội IX của Đảng đã đánh giá tình hình và quyết định những nhiệm vụ lớn về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị cần tập trung thực hiện trong thời gian tới.

Chương trình công tác của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã xác định Hội nghị Trung ương 6 họp vào giữa năm 2002 sẽ bàn chuyên đề về công tác tổ chức cán bộ. Để chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương 6, Ban Bí thư quyết định tiến hành tổng kết công tác tổ chức và cán bộ theo ba Nghị quyết Trung ương nói trên. Đây là việc làm thiết thực triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng và hệ thống chính trị theo Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, có ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Tổng kết phải đạt được các yêu cầu và nội dung sau đây:

1. Yêu cầu tổng kết

Đánh giá đúng kết quả công tác tổ chức bộ máy và cán bộ trong cả hệ thống chính trị theo ba Nghị quyết Trung ương, thông qua kiểm điểm những việc đã làm, chưa làm, việc có kết quả, việc chưa có kết quả. Đánh giá đúng hiệu quả chung.

Chỉ rõ nguyên nhân của việc làm được, nhất là những việc chưa làm được; phân tích sâu những nguyên nhân chủ quan, trách nhiệm của tập thể và cá nhân; phương hướng khắc phục.

Đề ra những việc cụ thể về tổ chức và cán bộ để thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, nhất là những nhiệm vụ trọng tâm có tính đột phá, những việc phải làm ngay trong năm 2002. Đề xuất các biện pháp tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Thông qua tổng kết, mỗi cấp, mỗi ngành từ Trung ương đến cơ sở xác định và kiến nghị cụ thể những việc cần làm và cách thực hiện những việc đó, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, đảm bảo Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, gắn bó mật thiết với nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; đổi mới công tác cán bộ, chọn lựa, đào tạo và bố trí, sử dụng đúng đắn, kịp thời được nhiều cán bộ có đức, có tài, khắc phục sự thoái hóa, trì trệ trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, xây dựng được đội ngũ cán bộ đủ sức đáp ứng được yêu cầu của giai đoạn mới.

2. Nội dung tổng kết

Tập trung vào hai nội dung: tổ chức bộ máy và công tác cán bộ của cả hệ thống chính trị. Về tổ chức bộ máy, đi sâu tổng kết việc đổi mới tổ chức và hoạt động của từng bộ phận, cơ quan; chất lượng chính trị của tổ chức bộ máy, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Về công tác cán bộ, đi sâu tổng kết các khâu: đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, luân chuyển, sử dụng và chế độ, chính sách cán bộ.

Với nội dung nói trên cũng cần chú trọng trước hết những vấn đề trọng tâm, bức xúc cần tập trung giải quyết nhằm tạo được sự chuyển biến có tính đột phá.

3. Phạm vi và đối tượng tổng kết

Việc tổng kết tiến hành đối với các cấp trong cả hệ thống chính trị, bao gồm tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội.

a) Ở cấp Trung ương:

- Các ban tham mưu, các đơn vị sự nghiệp của Đảng.
- Các cơ quan Nhà nước: Quốc hội, Chính phủ, tòa án Nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao; các bộ, ngành.
- Các đoàn thể chính trị - xã hội.
- Các đảng ủy khối.

b) Ở các địa phương:

Tổ chức tổng kết ở các cấp, lấy cấp tỉnh và cấp cơ sở làm địa bàn trọng điểm.

Các cấp ủy địa phương tổ chức và chỉ đạo tổng kết chung đối với cả hệ thống chính trị thuộc phạm vi lãnh đạo.

Việc tổng kết ở cấp cơ sở gắn với việc chuẩn bị Nghị quyết Trung ương về xây dựng và chỉnh đốn hệ thống chính trị ở cơ sở.

4. Phương châm tổng kết

Cần quán triệt sâu sắc tinh thần Nghị quyết Đại hội IX, nhìn thẳng vào sự thật, tôn trọng thực tiễn, phát huy dân chủ, mạnh dạn đề xuất chủ trương, giải pháp. Tổng kết phải thiết thực, cụ thể, tránh chung chung, hình thức, làm qua loa, chiếu lệ.

5. Phương thức tổng kết

Cấp trên vừa chuẩn bị tổng kết, vừa chỉ đạo cấp dưới tổng kết, không chờ cấp dưới tổng kết xong mới triển khai tổng kết ở cấp mình.

Coi trọng việc khai thác tổng hợp các báo cáo sơ kết, các cuộc điều tra, nghiên cứu chuyên đề, nhất là báo cáo sơ kết về xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở trong dịp chuẩn bị Hội nghị Trung ương 5; tập hợp ý kiến từ cơ sở, của cơ quan nghiên cứu chuyên sâu, của nhân dân. Có biện pháp tiếp thu ý kiến của những cán bộ có nhiều kiến thức và kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng, các đồng chí lãnh đạo trên lĩnh vực này đang làm việc và đã nghỉ hưu.

Cần tổ chức khảo sát, hội thảo chuyên sâu, tập trung những vấn đề trọng điểm, trên một số địa bàn có tính điển hình. Không làm tràn lan.

Trong quá trình chỉ đạo tổng kết chung, các cấp ủy trực thuộc Trung ương chọn một số đơn vị trực thuộc cấp mình và một số đơn vị cơ sở đủ đại diện cho các loại hình đơn vị đi sâu

chỉ đạo tổng kết và tổng hợp nhanh trước kết quả tổng kết để phục vụ kịp thời việc xây dựng đề án trình Hội nghị Trung ương 6.

6. Tiến độ tổng kết

- Cấp cơ sở và cấp huyện, cơ bản tổng kết xong trước cấp tỉnh.

- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, cơ bản tổng kết xong trong tháng 3-2002.

- Các cơ quan Trung ương, xong trong tháng 3-2002.

- Các đơn vị, địa phương còn lại sẽ tiếp tục tổng kết, xong trong giữa tháng 4-2002.

- Báo cáo tổng kết chung, xong trong tháng 4-2002.

7. Phân công tổ chức thực hiện

- Ở Trung ương, Ban Bí thư chỉ định Tiểu ban chỉ đạo tổng kết do đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tổ chức Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh làm Trưởng Tiểu ban, giúp Ban Bí thư trực tiếp chỉ đạo công tác tổng kết. Các ban Đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm chỉ đạo tổng kết trong lĩnh vực, ngành và đơn vị mình phụ trách.

- Ở địa phương, các tỉnh ủy, thành ủy lập Tổ chỉ đạo tổng kết do đồng chí bí thư hoặc phó bí thư phụ trách giúp ban thường vụ tỉnh, thành ủy trực tiếp chỉ đạo tổng kết, chỉ đạo ban thường vụ cấp ủy các cấp và cấp ủy cơ sở (nơi không lập ban thường vụ đảng ủy cơ sở) xây dựng kế hoạch tổng kết và chỉ đạo việc tổng kết.

Các cấp ủy và tổ chức đảng có trách nhiệm chủ động tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này, kịp thời thỉnh thị những vướng mắc, báo cáo kết quả tổng kết về Ban Bí thư, thông qua Tiểu ban chỉ đạo tổng kết (Ban Tổ chức Trung ương là cơ quan thường trực).

Chỉ thị này phổ biến đến cấp ủy cơ sở.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ

Số 06-KL/TW, ngày 24 tháng 12 năm 2001

Về báo cáo tổng kết kinh tế hợp tác và hợp tác xã 1996 - 2000 và phương hướng, nhiệm vụ thời kỳ 2001 - 2010

Trong hai ngày 18 và 19-12-2001, sau khi nghe báo cáo tổng kết kinh tế hợp tác và hợp tác xã 1996 - 2000, phương hướng, nhiệm vụ thời kỳ 2001 - 2010 (chủ yếu là nhiệm vụ 5 năm tới), Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã thảo luận và kết luận:

- Đây là vấn đề lớn, hết sức quan trọng đã được khẳng định trong nhiều nghị quyết của Đảng, đã có luật, các nghị định của Chính phủ. Việc chuẩn bị đưa ra Hội nghị Trung ương bàn và ra nghị quyết về vấn đề này là để thực hiện nghị quyết Đại hội IX và đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn đất nước hiện nay.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư về cơ bản nhất trí với báo cáo tổng kết, báo cáo đã được chuẩn bị công phu, có nhiều tư liệu phong phú, phản ánh đúng nhiều mặt tình hình kinh tế hợp tác và hợp tác xã trong thời gian vừa qua, đề xuất được nhiều quan điểm và giải pháp cần thiết để tiếp tục củng cố phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã trong thời gian tới.

- Đồng thời, Bộ Chính trị, Ban Bí thư yêu cầu báo cáo tổng kết cần nhấn mạnh, làm rõ hơn, sửa đổi, bổ sung thêm về những vấn đề sau:

+ Cần khẳng định, làm rõ hơn vai trò quan trọng của kinh tế tập thể dưới nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt, các hợp tác xã dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể, liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, không giới hạn quy mô, lĩnh vực và địa bàn. Làm rõ tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế tập thể trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Khi phân tích về vai trò, vị trí của kinh tế tập thể, cần phải đặt trong điều kiện nền kinh tế nhiều thành phần, làm rõ mối quan hệ của kinh tế tập thể với các thành phần kinh tế khác. Trong nông nghiệp, cần chú ý làm rõ vai trò của tổ hợp tác và hợp tác xã đối với các xã viên (hộ, trang trại, doanh nghiệp nhỏ và vừa), với các doanh nghiệp nhà nước, nhất là các xí nghiệp công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản.

Cần phải làm rõ đặc điểm mới của hợp tác xã hiện nay khác với hợp tác xã kiểu cũ (dựa trên sở hữu tập thể tất cả các tư liệu sản xuất chủ yếu, quản lý sản xuất và phân phối tập trung).

+ Về nguyên nhân của tình trạng yếu kém của khu vực kinh tế hợp tác và hợp tác xã những năm vừa qua cần phân tích rõ nguyên nhân chủ quan. Chúng ta có sự lúng túng, chưa thống nhất về nhận thức trong đổi mới, củng cố, phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã trong điều kiện cơ chế

kinh tế mới; có nhiều vấn đề còn phải tìm tòi, tổng kết thực tiễn để làm rõ hướng đi... nhưng cũng có nguyên nhân quan trọng là sự "mặc cảm" về mô hình hợp tác xã trước đây, dẫn đến sự định kiến, nhận thức không rõ và thiếu niềm tin vào vị trí rất quan trọng của kinh tế hợp tác và hợp tác xã trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực tế có sự coi nhẹ, buông lỏng chỉ đạo của các ngành Trung ương và không ít cấp ủy địa phương đối với kinh tế hợp tác và hợp tác xã.

+ Về quan điểm chỉ đạo phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã, cần tiếp thu ý kiến của các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư phát biểu, có thể rút gọn, hợp nhất một số quan điểm. Trong đó chú ý các vấn đề như: phải cụ thể hóa quan điểm của Đại hội IX "Kinh tế tập thể phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt" và "Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân"; quán triệt quan điểm của Lênin về phát triển kinh tế tập thể như dân chủ, tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, từ thấp đến cao, có sự hỗ trợ giúp đỡ của Nhà nước; khẳng định tính tất yếu khách quan và vai trò quan trọng của kinh tế tập thể; xác định tổ hợp tác và hợp tác xã là các tổ chức kinh tế, nhưng đồng thời có sự hỗ trợ, giúp đỡ nhau về mặt xã hội, có tính chất xã hội...

+ Trong việc xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế tập thể thời gian tới phải quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội IX là:

Về mục tiêu và nhiệm vụ, không đưa vào mục tiêu 10 năm (2001 - 2010) chỉ tiêu về tỷ lệ tăng trưởng và mục tiêu

đưa kinh tế hợp tác và hợp tác xã thoát khỏi vị trí nhỏ bé; cần chú ý phát triển rộng rãi và đa dạng trong các ngành, lĩnh vực, trên các địa bàn.

Khi đề cập đến phương hướng phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã trong những năm tới, cần bước đầu tổng kết thực tiễn nêu lên một số mô hình của tổ hợp tác và hợp tác xã trong các ngành, lĩnh vực khác nhau.

Việc chuyển đổi hợp tác xã cũ theo Luật hợp tác xã phải đạt hiệu quả thiết thực. Phát triển các hợp tác xã kinh doanh tổng hợp.

Trong nông nghiệp, trên cơ sở phát huy vai trò của kinh tế hộ tự chủ của xã viên, phát triển đa dạng các hình thức hợp tác và hợp tác xã làm dịch vụ cung ứng vật tư, các yếu tố sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cho xã viên, từng bước mở mang ngành nghề, kinh doanh tổng hợp.

Mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết giữa hợp tác xã với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nhất là với doanh nghiệp nhà nước để gắn kết sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, thông qua đó chuyển giao kỹ thuật, công nghệ, định hướng và hỗ trợ cho sự phát triển của các tổ hợp tác, hợp tác xã.

Nhà nước hỗ trợ, giúp đỡ các hợp tác xã trong việc giải quyết công nợ, phát triển vốn của tập thể, giúp các hợp tác xã trong việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý, trong việc ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất, tìm kiếm mở rộng thị trường, xây dựng các quỹ hỗ trợ, phát triển sản xuất...

+ Về tổ chức chỉ đạo thực hiện: không lập ban chỉ đạo, mà giao cho Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo thực hiện.

Song vai trò trách nhiệm quản lý của các bộ, các ngành và địa phương là rất quan trọng, phải có tổ chức theo dõi chỉ đạo thực hiện.

Chính phủ phân công một đồng chí Phó Thủ tướng trực tiếp phụ trách lĩnh vực này. Làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, vai trò và trách nhiệm của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đối với kinh tế tập thể.

Về phía các ban đảng, giao cho Ban Kinh tế Trung ương theo dõi việc thực hiện và định kỳ sơ kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Căn cứ những kết luận trên đây của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Ban chỉ đạo tổng kết kinh tế hợp tác và hợp tác xã hoàn chỉnh lại báo cáo tổng kết và tờ trình của Bộ Chính trị, gửi xin ý kiến Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Thường trực Ban Bí thư trước khi trình Trung ương tại Hội nghị Trung ương 5 sắp tới.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 35-TB/TW, ngày 25 tháng 12 năm 2001

Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới

Tại phiên họp ngày 5-12-2001, sau khi nghe Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh Việt Nam và một số cơ quan liên quan báo cáo kết quả hoạt động 12 năm của Hội Cựu chiến binh Việt Nam từ ngày thành lập đến nay và đề nghị Bộ Chính trị có Nghị quyết về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới", Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Sau 12 năm xây dựng và trưởng thành, Hội Cựu chiến binh Việt Nam đã có những đóng góp tích cực, có hiệu quả vào các chương trình kinh tế - xã hội, các cuộc vận động chính trị ở địa phương, nhất là cơ sở; động viên cán bộ, hội viên không ngừng nâng cao cảnh giác, kịp thời phát hiện, kiên quyết đấu tranh với những quan điểm sai trái; tích cực tham gia bảo vệ chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ; giúp nhau

phát triển kinh tế gia đình, xóa đói giảm nghèo, đẩy mạnh các hoạt động tình nghĩa...

Hội đã đóng góp nhiều ý kiến xây dựng Đảng, Nhà nước; tham gia với các bộ, ngành liên quan về việc bổ sung, sửa đổi cơ chế, chính sách đối với cựu chiến binh, người có công với cách mạng; tích cực đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, các tệ nạn xã hội; tham gia bước đầu có kết quả công tác đối ngoại nhân dân. Hội từng bước đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hướng mạnh về cơ sở, bám sát thực tiễn. Tổ chức và lực lượng hội viên có bước phát triển nhanh, tuyệt đại đa số hội viên đã giữ vững và phát huy phẩm chất của "Bộ đội Cụ Hồ". Vai trò, vị trí, uy tín của tổ chức Hội trong hệ thống Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, trong xã hội được đề cao và ngày càng phát huy tốt.

Tuy nhiên, hoạt động của Hội ở một số nơi chưa đáp ứng được yêu cầu mới, chưa thu hút được đông đảo hội viên hơn nữa vào tổ chức Hội. Phong trào hoạt động của Hội chưa thật đồng đều giữa các vùng, các miền, các địa phương, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; chưa đi sâu vào từng đối tượng cụ thể các thế hệ của cựu chiến binh.

Một số ít cựu chiến binh thiếu tu dưỡng, rèn luyện, không giữ vững và phát huy truyền thống, phẩm chất của "Bộ đội Cụ Hồ". Sự lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy đảng, sự quan tâm tạo điều kiện cần thiết của chính quyền đối với tổ chức và hoạt động của Hội Cựu chiến binh chưa được đầy đủ, thường xuyên.

2. Đồng ý ra Nghị quyết về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới".

- Nghị quyết cần nhấn mạnh quan điểm của Đảng đối với công tác cựu chiến binh và quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX: "Đối với cựu chiến binh, phát huy bản chất, truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ", tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa; giúp nhau cải thiện đời sống; góp phần giáo dục truyền thống và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ".

- Hội cần làm tốt một số nhiệm vụ chủ yếu dưới đây:

+ Tham mưu cho cấp ủy đảng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác của Hội Cựu chiến binh và làm nòng cốt tập hợp, đoàn kết, tổ chức cựu chiến binh thực hiện những nội dung lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng.

+ Chủ động đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và hình thức tập hợp, sinh hoạt của Hội; coi trọng sinh hoạt tư tưởng văn hóa, phát huy dân chủ, gắn bó tình đồng đội; đi sâu vào từng đối tượng, từng thế hệ, từng lứa tuổi cựu chiến binh, có nội dung, phương thức hoạt động phù hợp với các vùng, các địa bàn khác nhau, lấy cơ sở làm địa bàn hoạt động chính. Cần đề phòng và khắc phục tư tưởng bảo thủ, công thần trong một số ít đồng chí cựu chiến binh.

+ Bồi dưỡng cựu chiến binh nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức lối sống, trình độ hiểu biết về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kiến thức về kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật... Kiên quyết đấu tranh chống những quan điểm, tư tưởng sai trái với đường lối, nghị quyết của Đảng, tham gia bảo vệ Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa.

+ Động viên cựu chiến binh tích cực học tập, phát huy tiềm năng, kinh nghiệm của mình cùng các tầng lớp nhân dân

tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa, công tác quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh; tích cực đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng và các tệ nạn xã hội.

+ Có biện pháp giúp đỡ thiết thực, cụ thể cựu chiến binh phát triển kinh tế gia đình, xóa đói, giảm nghèo, đẩy mạnh các hoạt động tình nghĩa trong cựu chiến binh.

+ Động viên hội viên phát huy bản chất, truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ" và bằng sự gương mẫu của mình góp phần tích cực vào việc giáo dục truyền thống, chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ.

- Đối với các cấp ủy đảng, chính quyền:

+ Thường xuyên chỉ đạo, phổ biến kịp thời những chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước cho cựu chiến binh; lãnh đạo công tác vận động cựu chiến binh tích cực thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước; tạo mọi điều kiện thuận lợi để các cấp hội góp ý kiến xây dựng các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

+ Chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể nhân dân xây dựng mối quan hệ liên tịch phối hợp hoạt động của Hội Cựu chiến binh trong các nhiệm vụ liên quan để thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước.

+ Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo về chính trị, tư tưởng, tổ chức và định hướng hoạt động của các cấp hội cựu chiến binh, nhất là cấp cơ sở. Các cấp chính quyền, các ngành liên quan xây dựng và thực hiện tốt cơ chế, chính sách về tổ chức

bộ máy, biên chế, ngân sách, cơ sở vật chất cần thiết cho hoạt động của Hội theo quy định của Nhà nước, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Hội.

+ Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Cán sự Đảng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, Ban Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và các ban Đảng có liên quan giúp Bộ Chính trị theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này. Ban Dân vận Trung ương chủ trì phối hợp với Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh Việt Nam tổng hợp tình hình hằng năm báo cáo kết quả với Bộ Chính trị.

3. Về những kiến nghị của Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh:

a) Đồng ý mở rộng đối tượng kết nạp hội viên vào Hội là hạ sĩ quan, chiến sĩ người dân tộc thiểu số đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, đặc biệt chú ý anh em ở vùng sâu, vùng xa; những quân nhân được Bộ Quốc phòng đào tạo thành sĩ quan dự bị trước khi ra quân; những quân nhân ưu tú làm nhiệm vụ ở tuyến đầu biên giới, hải đảo và những quân nhân trong quá trình tại ngũ mà hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được Bộ Quốc phòng và Nhà nước khen thưởng; cần chú ý việc đào tạo nguồn cán bộ cho cơ sở.

b) Chấp thuận về nguyên tắc các đồng chí cựu chiến binh đã nghỉ hưu nay tiếp tục tham gia công tác hội từ cấp huyện trở lên thì được hưởng quyền lợi như cán bộ các đoàn thể khác. Giao Ban Tổ chức Trung ương phối hợp cùng Ban Tổ chức Cán bộ Chính phủ và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất cụ thể về chính sách.

c) Đồng ý về nguyên tắc có hình thức khen thưởng Hội Cựu chiến binh Việt Nam nhân Đại hội toàn quốc lần thứ III

của Hội. Hội cần làm các thủ tục cần thiết theo đúng quy trình, báo cáo các cơ quan liên quan xem xét, quyết định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 01-TT/TW, ngày 25 tháng 12 năm 2001

Về việc tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị 22-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về công tác báo chí xuất bản

Trong 4 năm qua, Chỉ thị 22-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về "Tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, quản lý công tác báo chí, xuất bản" đã được các cấp, các ngành, các cơ quan báo chí, xuất bản tích cực triển khai thực hiện và đạt được những kết quả bước đầu quan trọng.

Hoạt động báo chí, xuất bản và công tác quản lý báo chí, xuất bản đã có những tiến bộ khá toàn diện, tạo điều kiện để báo chí, xuất bản thực hiện tốt vai trò là công cụ sắc bén của Đảng và Nhà nước ta trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, cổ vũ và động viên các tầng lớp nhân dân đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, hăng hái lao động sáng tạo, phấn đấu thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Tuy nhiên, trước yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập khu vực và

quốc tế theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX của Đảng thì hoạt động báo chí, xuất bản và công tác chỉ đạo, quản lý còn bộc lộ nhiều bất cập và yếu kém, nhất là khuynh hướng "thương mại hóa" và tình trạng xa rời tôn chỉ, mục đích vẫn chậm được khắc phục. Một số cơ quan chủ quản chưa thường xuyên coi trọng công tác chỉ đạo, quản lý các hoạt động báo chí, xuất bản. Nhiều vấn đề mới, vừa cơ bản, vừa cấp bách đang đặt ra qua thực tiễn hoạt động báo chí, xuất bản cần được nghiên cứu và tổng kết để báo chí, xuất bản làm tốt hơn nữa chức năng cao quý là xây dựng và bồi dưỡng nhân cách con người Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cần làm cho cấp ủy và chính quyền các cấp, các cơ quan chủ quản và từng cơ quan báo chí, xuất bản nhận thức rõ Chỉ thị 22-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về cơ bản vẫn giữ nguyên giá trị định hướng và chỉ đạo các hoạt động báo chí, xuất bản trong những năm tới; đồng thời cần thấu suốt những quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết Đại hội IX của Đảng: "Phát triển đi đôi với quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng. Báo chí, xuất bản... làm tốt chức năng tuyên truyền thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; phát hiện những nhân tố mới, cái hay, cái đẹp trong xã hội, giới thiệu gương người tốt việc tốt, những điển hình tiên tiến, phê phán các hiện tượng tiêu cực, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, đấu tranh với những quan điểm sai trái; coi trọng nâng cao tính chân thật, tính giáo dục và tính chiến đấu của thông tin...; khắc phục khuynh hướng "thương mại hóa" trong hoạt động báo chí, xuất bản. Nâng cao bản lĩnh chính trị, tư tưởng, ý thức trách nhiệm, trình độ

văn hóa và nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức của đội ngũ báo chí, xuất bản"[1].

Từ kết quả tổng kết 4 năm thực hiện Chỉ thị 22-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII), Ban Bí thư Trung ương Đảng yêu cầu các ngành, các cấp, các cơ quan báo chí, xuất bản tiếp tục triển khai thực hiện với chất lượng và hiệu quả cao theo các phương hướng sau đây:

- Tiếp tục thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và nguyên tắc của hoạt động báo chí, xuất bản đã nêu trong Chỉ thị 22-CT/TW trên cơ sở quán triệt sâu sắc hơn các quan điểm trong Nghị quyết Đại hội IX của Đảng nói chung, các quan điểm chỉ đạo về báo chí, xuất bản nói riêng. Các cơ quan báo chí, xuất bản, kể cả cơ quan chỉ đạo, quản lý và đào tạo cần tổ chức cho cán bộ, đảng viên, phóng viên, biên tập viên và nhân viên nghiên cứu, học tập nắm vững các quan điểm cơ bản về hoạt động báo chí, xuất bản; trên cơ sở đó xây dựng chương trình hành động thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX.

- Có kế hoạch và biện pháp cụ thể để phát huy thành tựu, đồng thời sớm khắc phục các khuyết điểm yếu kém, góp phần ngăn chặn và đẩy lùi các biểu hiện "thương mại hóa", nâng cao chất lượng toàn diện của sách, báo đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Có chính sách đầu tư thích đáng phát triển mạng lưới sách báo, thông tin dành cho địa bàn nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số với nội dung, hình thức, ngôn ngữ thích hợp, có chính sách, biện pháp tăng cường chất lượng công tác báo chí, xuất bản phục vụ nhiệm vụ tuyên truyền, đấu tranh, đối ngoại. Các cơ

---

1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Sđd,* tr.116 *(B.T).*

quan chủ quản thực hiện nghiêm túc quyền hạn và trách nhiệm đã ghi trong Luật báo chí, Luật xuất bản. Các cơ sở đào tạo phấn đấu nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm báo chí, xuất bản, kỹ thuật, in, phát thanh, truyền hình, kinh doanh, phát hành. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương sớm xây dựng quy định về quyền hạn, trách nhiệm của các tổ chức đảng từ trung ương xuống địa phương trong việc lãnh đạo báo chí, xuất bản. Bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì phối hợp các cơ quan hữu quan xây dựng chiến lược thông tin quốc gia, sửa đổi và bổ sung Luật xuất bản, sớm đề nghị Chính phủ nghiên cứu bổ sung, sửa đổi các chính sách lương và phụ cấp, chế độ nâng ngạch bậc; chính sách tài trợ, thuế, phí phát hành, nhuận bút, cơ chế quy hoạch, quản lý phát thanh, truyền hình, v.v.. Hội Nhà báo, Hội Xuất bản cần phát huy vai trò của tổ chức Hội chính trị, xã hội, nghề nghiệp tích cực động viên, tổ chức hội viên thực hiện nhiệm vụ chính trị, đồng thời tăng cường hơn nữa việc chăm lo, bảo vệ quyền lợi hội viên.

- Các cấp ủy đảng, các đồng chí phụ trách cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân, các cơ quan báo chí, xuất bản có trách nhiệm tổ chức quán triệt và thực hiện Thông tri này.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Cán sự Đảng bộ Văn hóa - Thông tin chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc thực hiện Thông tri này và báo cáo kịp thời kết quả về Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ
Số 16-QĐ/TW, ngày 27 tháng 12 năm 2001
Về việc thành lập Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại

- Căn cứ vào Chỉ thị 11-CT/TW, ngày 13-6-1992 của Ban Bí thư (khoá VII) và Thông báo số 188-TB/TW, ngày 29-12-1998 của Thường vụ Bộ Chính trị (khoá VIII) về công tác thông tin đối ngoại;

- Theo đề nghị của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Văn hóa - Thông tin,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Lập Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại nhằm giúp Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thủ tướng Chính phủ theo dõi tình hình, đề xuất chủ trương và chỉ đạo, phối hợp công tác thông tin đối ngoại.

Điều 2. Thành phần Ban Chỉ đạo gồm:

- Đồng chí Bí thư Trung ương Đảng phụ trách đối ngoại là Trưởng Ban Chỉ đạo.

- Đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách khối văn hóa - thông tin và một đồng chí lãnh đạo Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương là các Phó Trưởng Ban chỉ đạo.

- Các ủy viên gồm: đại diện lãnh đạo Ban Đối ngoại Trung ương, Văn phòng Chính phủ, Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa - Thông tin và Bộ Công an.

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo.

Điều 3. Cơ chế hoạt động.

Ban Chỉ đạo là cơ quan phối hợp công tác, hoạt động theo "Quy chế phối hợp chỉ đạo hoạt động thông tin đối ngoại" ban hành kèm theo Quyết định này.

Hằng năm Ban Chỉ đạo lập kế hoạch kinh phí để phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương có trách nhiệm đảm bảo.

Điều 4. Đồng chí Bí thư Trung ương Đảng phụ trách đối ngoại và các đồng chí, các cơ quan nêu ở Điều 2 nói trên, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ
PHỐI HỢP CHỈ ĐẠO HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16-QĐ/TW, ngày 27 tháng 12 năm 2001 của Ban Bí thư)

Điều 1.

Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại là cơ quan phối hợp, giúp Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thủ tướng Chính phủ theo dõi tình hình, điều hành, chỉ đạo, phối hợp công tác thông tin đối ngoại. Ban chỉ đạo định kỳ và thường xuyên đánh giá tình hình, đề xuất chủ trương về công tác thông tin đối ngoại, trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Trên cơ sở các quyết định đó, Ban Chỉ đạo việc thực hiện dưới dạng các văn bản với tư cách pháp nhân của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, của Bộ Văn hóa - Thông tin hoặc nếu cần thì của Thủ tướng Chính phủ.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo. Ban Chỉ đạo cử Nhóm làm việc gồm đại diện cấp vụ của các cơ quan tham gia Ban Chỉ đạo.

Điều 2.

Hằng năm, Ban Chỉ đạo đánh giá tình hình tuyên truyền đối ngoại năm qua, dự báo tình hình, đề xuất phương hướng, chủ trương cho năm tiếp theo, báo cáo Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến chỉ đạo.

Sáu tháng một lần, Ban Chỉ đạo rà soát lại tình hình để bổ sung, điều chỉnh chủ trương cho sát hợp với diễn biến của tình hình thực tế.

Tùy yêu cầu của tình hình, Ban Chỉ đạo tổ chức các cuộc trao đổi ý kiến để đánh giá tình hình và đề xuất chủ trương về một chuyên đề nhất định.

Hằng tháng, Nhóm đại diện kiểm điểm tình hình tháng, đề xuất biện pháp tuyên truyền đối ngoại tháng sau trong khuôn khổ chủ trương chung Ban Chỉ đạo đã thông qua.

Hằng tuần, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin tổ chức giao ban với lãnh đạo các cơ quan truyền thông đại chúng về công tác thông tin - tuyên truyền, trong đó có công tác tuyên truyền đối ngoại.

Trước các cuộc giao ban hằng tháng, hằng tuần, khi thấy cần, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương xin ý kiến đồng chí Trưởng Ban Chỉ đạo về chủ trương tuyên truyền đối ngoại trên những vấn đề cụ thể.

Điều 3.

Các cơ quan tham gia Ban Chỉ đạo thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Bộ Chính trị (đối với các ban Đảng) và nghị định của Chính phủ (đối với các bộ). Trong phạm vi Ban Chỉ đạo phân công, phân nhiệm như sau:

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp tình hình, đề xuất phương hướng, chủ trương chung về thông tin đối ngoại; chủ trì tổ chức sinh hoạt của Ban Chỉ đạo;

- Bộ Văn hóa - Thông tin chịu trách nhiệm quản lý nhà nước, kể cả việc trực tiếp hoặc tham gia soạn thảo các văn bản

pháp quy của Nhà nước liên quan tới thông tin đối ngoại, hoạt động báo chí đối ngoại (bao gồm cả mạng intemet); thực hiện sự hợp tác quốc tế về văn hóa, thông tin theo chức năng, nhiệm vụ của mình; xây dựng kế hoạch, chương trình chung về thông tin đối ngoại trong từng thời kỳ cũng như dự toán chi phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, xuất bản sách báo, đào tạo cán bộ phục vụ cho công tác thông tin đối ngoại;

- Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp diễn biến của cuộc đấu tranh dư luận trên thế giới cũng như âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch chống phá nước ta, đề xuất chủ trương, biện pháp ứng phó, đấu tranh; xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn ngoài nước; quản lý hoạt động của phóng viên nước ngoài tại Việt Nam; thực hiện chức năng phát ngôn chính thức của Nhà nước trên các vấn đề dư luận nước ngoài quan tâm;

Bộ Công an cùng Bộ Ngoại giao theo dõi âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch chống phá nước ta; đề xuất chủ trương, biện pháp ứng phó, đấu tranh; tham mưu phương cách thông tin - tuyên truyền đối ngoại về các vấn đề có liên quan tới an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; đề xuất các biện pháp bảo đảm an ninh thông tin trên địa bàn trong nước và ngoài nước.

Theo chức năng, nhiệm vụ của mình, các cơ quan tham gia Ban Chỉ đạo có trách nhiệm đóng góp vào hoạt động chung của Ban Chỉ đạo, kể cả các cuộc giao ban hằng năm, hằng tháng, hằng tuần.

Điều 4.

Khi nảy sinh các vấn đề đột xuất, nhạy cảm cần được xử lý kịp thời và sự phối hợp liên ngành về thông tin đối ngoại thì cơ chế xử lý như sau:

- Đối với các sự kiện diễn ra trên thế giới mà nước ta cần biểu tỏ thái độ thì Bộ Ngoại giao có trách nhiệm đề xuất chủ trương, xin ý kiến chỉ đạo của đồng chí Trưởng Ban Chỉ đạo nếu cảm thấy vấn đề vượt quá quyền hạn của mình.

- Đối với các sự kiện nhạy cảm có liên quan tới an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội xảy ra trên nước ta, Bộ Công an chủ động thông báo và gợi ý chủ trương thông tin đối ngoại cho Bộ Ngoại giao; Bộ Ngoại giao có trách nhiệm báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo để xin chủ trương. Nếu thấy cần, Trưởng Ban Chỉ đạo trao đổi với các đồng chí phó ban chỉ đạo hoặc xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 5.

Ban Chỉ đạo quy định cơ chế phối hợp thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

Ban Tuyên giáo và Sở Văn hóa - Thông tin phối hợp tham mưu cho cấp ủy đảng và chính quyền tổ chức các hoạt động thông tin đối ngoại ở địa phương, trên các vấn đề nhạy cảm báo cáo kịp thời, xin ý kiến chỉ đạo của Ban Chỉ đạo ở Trung ương (qua Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương).

Sở Văn hóa - Thông tin chủ trì thực hiện các hoạt động thông tin đối ngoại với sự tham gia của các cơ quan, chính quyền, đoàn thể, doanh nghiệp... trên địa bàn mình.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 38-TB/TW, ngày 28 tháng 12 năm 2001

Về chế độ đối với quân nhân, công nhân quốc phòng có thời gian tham gia kháng chiến chống Pháp trước ngày 20-7-1954 đã phục viên (giải ngũ, thôi việc) từ ngày 31-12-1960 về trước

Tại phiên họp ngày 5-12-2001, sau khi nghe Đảng ủy Quân sự Trung ương báo cáo "Chế độ đối với quân nhân, công nhân quốc phòng có thời gian tham gia kháng chiến chống Pháp trước ngày 20-7-1954 đã phục viên (giải ngũ, thôi việc) từ ngày 31-12-1960 về trước" và ý kiến các bộ, ngành liên quan, Bộ Chính trị kết luận:

1. Đồng ý giải quyết chế độ cho đối tượng là "Quân nhân, công nhân viên quốc phòng tham gia kháng chiến chống Pháp trước ngày 20-7-1954 đã phục viên (giải ngũ, thôi việc) từ ngày 31-12-1960 trở về trước, không thuộc diện được hưởng lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động hằng tháng hoặc hưởng chế độ bệnh binh theo Nghị định số 500/NĐ-LĐ, ngày 12-11-1958 của liên bộ Quốc phòng - Nội vụ và Nghị định số 523/TTg, ngày 6-11-1958 của Thủ tướng Chính phủ", như đề nghị của Đảng ủy Quân sự Trung ương tại Tờ trình số 271/TTr-ĐUQSTW, ngày 21-11-2001.

2. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Quốc phòng chủ trì phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam hướng dẫn, tổ chức thực hiện cụ thể theo cơ chế: Bộ Quốc phòng trực tiếp thực hiện việc chi trả cho đối tượng bằng nguồn ngân sách Nhà nước và quyết toán với Bộ Tài chính.

Đây là chính sách lớn có ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc của Đảng và Nhà nước, đòi hỏi việc thực hiện phải công bằng, minh bạch, công khai, đúng đối tượng, không để xảy ra tiêu cực và không để kẻ xấu lợi dụng.

3. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Quốc phòng phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Tài chính và Hội Cựu Chiến binh Việt Nam nghiên cứu và đề xuất chế độ, chính sách tổng thể đối với các đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước. Khi chuẩn bị xong báo cáo Ban Cán sự Đảng Chính phủ trình Bộ Chính trị xem xét quyết định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

PHAN DIỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHỤ LỤC

TUYÊN BỐ CHUNG
VIỆT NAM - LIÊN BANG NGA

Nhận lời mời của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Trần Đức Lương, Tổng thống Liên bang Nga V.V. Putin đã thăm chính thức nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ ngày 28-2 đến ngày 2-3-2001.

Hai vị nguyên thủ đã xem xét toàn diện các mối quan hệ Việt - Nga và hài lòng nhận thấy rằng tính chất của các mối quan hệ đó hoàn toàn phù hợp với những lợi ích cơ bản của nhân dân hai nước. Trong hơn 50 năm qua kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao, quan hệ hữu nghị và hợp tác Việt - Nga đã góp phần tích cực vào sự phát triển và phồn vinh của hai nước, vì hòa bình, ổn định và hợp tác ở khu vực và trên thế giới. Việt Nam và Liên bang Nga (dưới đây gọi tắt là hai bên) khẳng định quyết tâm tiếp tục củng cố và phát triển hơn nữa quan hệ hữu nghị truyền thống và sự hợp tác nhiều mặt trong thế kỷ XXI trên cơ sở quan hệ đối tác chiến lược đã được thiết lập giữa hai nước.

1. Hai bên cho rằng Hiệp ước về các cơ sở quan hệ hữu nghị giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga ký ngày 16-6-1994, Tuyên bố chung Việt - Nga ký ngày 25-8-1998 và các văn kiện song phương khác đã ký giữa

Việt Nam và Liên bang Nga, là cơ sở vững chắc để phát triển mạnh mẽ quan hệ hợp tác nhiều mặt giữa hai nước trên cơ sở các nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia, độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào các công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

2. Hai bên sẽ tiếp tục duy trì tiếp xúc thường xuyên ở các cấp, kể cả ở cấp cao nhất, nhằm trao đổi ý kiến về các vấn đề quan trọng của quan hệ song phương cũng như tình hình khu vực và quốc tế.

3. Hai bên sẽ tăng cường quan hệ giữa các cơ quan chính quyền hai nước, mở rộng sự hợp tác và giao lưu giữa các tổ chức chính trị - xã hội, bao gồm cả hoạt động của các Hội hữu nghị Việt - Nga và Nga - Việt.

4. Hai bên coi việc phát triển quan hệ kinh tế - thương mại, khoa học kỹ thuật và đầu tư trên cơ sở phát huy toàn diện tiềm năng của hai nước và kinh nghiệm hợp tác được tích lũy trong mấy chục năm qua là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong việc thúc đẩy quan hệ Việt - Nga.

5. Hai bên cho rằng kết quả hợp tác nhiều năm qua giữa hai nước trong lĩnh vực dầu khí là cơ sở vững chắc để tiếp tục phát triển hơn nữa quan hệ kinh tế hai bên cùng có lợi. Hiệu quả cao của xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro về thăm dò và khai thác dầu khí tại thềm lục địa phía nam Việt Nam là cơ sở để hai nước tiếp tục mở rộng quy mô hợp tác trong lĩnh vực này thông qua mở rộng vùng hoạt động của xí nghiệp liên doanh, tiến hành khai thác những mỏ dầu khí mới ở Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chính phủ hai nước sẽ ưu tiên triển khai các dự án mới trong lĩnh vực

này, trước hết quan tâm thích đáng việc xây dựng và sớm đưa vào vận hành nhà máy lọc dầu đầu tiên của Việt Nam ở Dung Quất.

6. Hai bên quyết tâm thúc đẩy sự hợp tác trong các lĩnh vực năng lượng điện, dầu khí, hóa chất, cơ khí, luyện kim, điện tử, nông nghiệp, thông tin, khoa học và kỹ thuật, văn hóa, giáo dục, đào tạo và những lĩnh vực hợp tác khác có nhiều triển vọng.

7. Hai bên cho rằng để mở rộng quan hệ thương mại, hai nước cần tìm ra các biện pháp đa dạng để đẩy mạnh trao đổi hàng, tăng kim ngạch buôn bán lên mức độ mới phù hợp với tiềm năng vốn có. Cần tăng cường sự hỗ trợ của Nhà nước đối với các doanh nghiệp, thúc đẩy sự hợp tác về kinh tế, khoa học kỹ thuật và văn hóa giữa các tỉnh của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các chủ thể của Liên bang Nga với vai trò chỉ đạo của các cơ quan chính trị đối ngoại trên cơ sở Hiệp định giữa hai Chính phủ ký ngày 11-9-2000.

8. Hai bên sẽ tăng cường hợp tác về trang bị quốc phòng phù hợp với yêu cầu an ninh của Việt Nam và Liên bang Nga và không nhằm chống lại nước thứ ba.

9. Hai bên nhất trí cho rằng cần tiếp tục hoàn thiện hoạt động của Ủy ban liên Chính phủ về hợp tác kinh tế - thương mại và khoa học kỹ thuật Việt - Nga, coi đó là một nhân tố quan trọng thúc đẩy toàn bộ các quan hệ hợp tác giữa hai nước trong giai đoạn mới.

10. Việt Nam và Liên bang Nga ủng hộ mạnh mẽ việc củng cố và tăng cường các xu hướng tích cực của tình hình thế giới, chủ trương góp phần xây dựng thế giới công bằng và

bình đẳng giữa các quốc gia vì sự nghiệp hòa bình ổn định và phát triển của nhân loại, kiên quyết chống lại mọi hình thức áp đặt hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia có chủ quyền, lên án ý đồ đưa khái niệm "can thiệp nhân đạo" và "chủ quyền hạn chế" vào thực tiễn quan hệ quốc tế nhằm biện minh cho các hành động quân sự của một nước hay nhóm nước, vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

11. Hai bên khẳng định tuân thủ mục đích và các nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc, các quyết định của Hội đồng Bảo an trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ các nước, sẽ phối hợp trên tinh thần xây dựng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Liên hợp quốc trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu và phát triển hợp tác giữa tất cả các quốc gia trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, khoa học - kỹ thuật, môi trường, nhân đạo và các lĩnh vực khác phù hợp với các quyết định của Hội nghị thượng đỉnh thiên niên kỷ và Tuyên bố thiên niên kỷ của Liên hợp quốc.

Hai bên ghi nhận tính chất hai mặt của quá trình toàn cầu hóa kinh tế thế giới. Cùng với những cơ hội mới để phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng giao lưu, quá trình toàn cầu hóa tạo ra những thách thức mới, nhất là đối với các quốc gia chậm phát triển. Hai bên khẳng định sẽ tăng cường phối hợp góp phần giảm thiểu những hậu quả tiêu cực của quá trình này. Hai bên coi trọng việc hội nhập vào hệ thống quan hệ kinh tế thế giới, trước hết tham gia vào Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và thiết lập một trật tự kinh tế quốc tế mới bình đẳng, công bằng.

12. Hai bên chủ trương tiếp tục góp phần củng cố hòa bình và ổn định ở khu vực và trên thế giới, duy trì và hoàn chỉnh hệ thống Điều ước quốc tế hiện hành trong lĩnh vực kiểm soát vũ khí và giải trừ quân bị, bảo đảm an ninh cho nhân loại.

Việt Nam ủng hộ các nỗ lực của Liên bang Nga nhằm duy trì và củng cố Hiệp ước giữa Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết và Hợp chúng quốc Hoa Kỳ về hạn chế các hệ thống phòng thủ chống tên lửa ký ngày 26-5-1972, coi đó là cơ sở để tiếp tục cắt giảm vũ khí tiến công chiến lược.

Việt Nam hoan nghênh sáng kiến nêu trong Tuyên bố ngày 13-11-2000 của Tổng thống Liên bang Nga về chương trình chủ động củng cố sự ổn định chiến lược và giải trừ vũ khí hạt nhân.

Hai bên quyết tâm hợp tác trên cơ sở song phương cũng như đa phương nhằm chống lại chủ nghĩa khủng bố quốc tế, chủ nghĩa ly khai, chủ nghĩa tôn giáo cực đoan và tội phạm xuyên quốc gia hiện là nguy cơ nghiêm trọng đối với an ninh của các quốc gia có chủ quyền, đối với hòa bình và ổn định trên thế giới.

Hai bên khẳng định tầm quan trọng của vấn đề an toàn thông tin quốc tế, như đã nêu trong Nghị quyết 55/28 của Đại hội đồng Liên hợp quốc được thông qua ngày 20-11-2000.

13. Hai bên tin tưởng cần hợp tác chặt chẽ hơn nhằm bảo vệ môi trường toàn cầu, giữ gìn và khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên vì lợi ích của các thế hệ ngày nay và mai sau.

14. Hai bên hết sức coi trọng vấn đề bảo đảm an ninh và

củng cố lòng tin ở châu Á - Thái Bình Dương. Hai bên cho rằng việc triển khai các hệ thống phòng thủ chống tên lửa chiến trường (TMD) khép kín ở châu Á - Thái Bình Dương có thể tác động tiêu cực đến an ninh và ổn định của khu vực và gây ra một cuộc chạy đua vũ trang mới.

Hai bên nhấn mạnh tầm quan trọng và ủng hộ việc tiếp tục tham khảo ý kiến giữa Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) và năm cường quốc hạt nhân thông qua các kênh sẵn có để các nước này sớm tham gia ký Nghị định thư Hiệp ước về khu vực Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ), giúp hình thành khu vực không có vũ khí hạt nhân ở Đông Nam Á, củng cố cơ chế của Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân ký ở Giơnevơ ngày 1-7-1968 và tiến tới một thế giới phi hạt nhân.

Hai bên đánh giá cao vai trò của các diễn đàn khu vực như Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC); ASEAN, Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Diễn đàn Thượng Hải trong việc tạo bầu không khí thuận lợi cho sự hợp tác nhiều bên và cùng có lợi ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Nga coi trọng quan hệ với ASEAN và quyết tâm phát triển quan hệ hợp tác toàn diện với ASEAN trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi, góp phần củng cố hòa bình, ổn định ở khu vực Đông Nam Á. Nga ủng hộ việc giải quyết các bất đồng và tranh chấp ở khu vực này bằng biện pháp hòa bình.

Nga hoàn toàn ủng hộ và sẵn sàng tham gia các dự án hợp tác trong khuôn khổ "Chương trình hành động Hà Nội" được thông qua tại Hội nghị cấp cao ASEAN 6 tại Hà Nội

tháng 12-1998, nhất là các dự án trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ, giao thông vận tải, năng lượng và khai thác dầu.

Tính tới vị thế Âu - Á của Liên bang Nga, Việt Nam ủng hộ nguyện vọng của Nga tham gia vào hoạt động của Diễn đàn Á - Âu (ASEM) và sẽ thúc đẩy việc Nga gia nhập Tổ chức ASEM.

15. Hai bên hoan nghênh kết quả của cuộc gặp thượng đỉnh liên Triều tháng 6-2000 và những bước phát triển mới của tiến trình hòa giải giữa hai miền Triều Tiên. Việt Nam và Nga ủng hộ nguyện vọng hòa bình thống nhất của nhân dân trên bán đảo Triều Tiên, ủng hộ mọi cố gắng mang tính xây dựng nhằm duy trì hòa bình ổn định ở bán đảo Triều Tiên, giải quyết các vấn đề bán đảo Triều Tiên một cách hòa bình, thông qua đối thoại.

16. Hai bên kiên trì ủng hộ các nỗ lực nhằm đạt được nền hòa bình toàn diện, bền vững và công bằng ở Trung Đông trên cơ sở các Nghị quyết 242 ngày 22-11-1967 và Nghị quyết 338 ngày 22-10-1973 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, những nguyên tắc của Hội nghị Madrít, kể cả công thức "đổi đất lấy hòa bình".

17. Hai bên nhất trí cho rằng kết quả tốt đẹp của chuyến thăm Việt Nam đầu tiên của Tổng thống Liên bang Nga có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần đưa quan hệ Việt - Nga vào một giai đoạn phát triển mới trong thế kỷ XXI, đáp ứng nguyện vọng và lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

Tổng thống Liên bang Nga V.V. Putin mời Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Trần Đức Lương

thăm chính thức Liên bang Nga vào thời gian thích hợp. Chủ tịch Trần Đức Lương đã cảm ơn và nhận lời mời. Thời gian của chuyến thăm sẽ được thỏa thuận theo đường ngoại giao.

Báo *Nhân dân*, số 16666,
ngày 2-3-2001.

TUYÊN BỐ CHUNG
VIỆT NAM - HÀN QUỐC

1. Nhận lời mời của Tổng thống Đại Hàn Dân Quốc Kim Tê Chung, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Trần Đức Lương và Phu nhân đã sang thăm chính thức Hàn Quốc từ ngày 22 đến ngày 25-8-2001.

Trong chuyến thăm, hai vị nguyên thủ đã tiến hành hội đàm, thông báo cho nhau về những diễn biến gần đây ở mỗi nước, trao đổi ý kiến về phương hướng phát triển hơn nữa quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa hai nước trong thế kỷ XXI và về những vấn đề quốc tế và khu vực mà hai bên cùng quan tâm.

2. Hai vị nguyên thủ hài lòng nhận thấy rằng, mối quan hệ song phương đã có những bước phát triển to lớn trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa trên cơ sở tình hữu nghị và tin cậy sẵn có giữa nhân dân hai nước kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1992.

Xuất phát từ nhận thức về những cơ hội và thách thức của thế kỷ XXI và nhằm phát triển hơn nữa mối quan hệ hợp tác sẵn có, hai vị nguyên thủ nhất trí cùng nhau xây dựng quan hệ "đối tác toàn diện trong thế kỷ XXI" giữa hai nước trên cơ sở những nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

Hai vị nguyên thủ cho rằng, quan hệ đối tác đó không chỉ phù hợp lợi ích của nhân dân hai nước mà còn góp phần quan trọng vào hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới.

3. Nhằm mục đích tăng cường hơn nữa quan hệ song phương và xây dựng quan hệ "đối tác toàn diện trong thế kỷ XXI", hai vị nguyên thủ nhất trí mở rộng trao đổi giữa các quan chức Chính phủ và các nhà lãnh đạo chính trị giữa hai nước. Hai bên nhất trí nỗ lực gia tăng quy mô thương mại và đầu tư và tăng cường hợp tác trên các lĩnh vực kỹ thuật công nghiệp, tài nguyên, công nghệ thông tin, năng lượng hạt nhân, xây dựng và hàng không thông qua trao đổi ý kiến giữa lãnh đạo cấp cao. Hai vị nguyên thủ nhất trí sẽ tiến hành các cuộc gặp giữa Bộ trưởng Ngoại giao hai nước hằng năm luân phiên tại Hà Nội và Xơun nhằm kiểm điểm và thúc đẩy tình hình thực hiện quan hệ "đối tác toàn diện".

4. Hai vị nguyên thủ cho rằng, sự giao lưu giữa nhân dân hai nước trên nhiều lĩnh vực đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường quan hệ giữa hai nước và nhất trí hợp tác chặt chẽ nhằm thúc đẩy hơn nữa quan hệ giao lưu đó. Hai vị nguyên thủ khẳng định lại việc giao lưu trên các lĩnh vực văn hóa và nghệ thuật đã tạo ra nền tảng vững chắc cho việc đẩy mạnh quan hệ song phương thông qua việc tăng cường sự hiểu biết và tương đồng văn hóa giữa hai nước. Hai vị nguyên thủ nhất trí mở rộng hơn nữa giao lưu và hợp tác trên các lĩnh vực đa dạng như văn hóa, giáo dục, nghệ thuật, báo chí, học thuật, thể thao và du lịch. Hai vị nguyên thủ cũng nhất trí tăng cường giao lưu thanh niên, những người lãnh đạo tương lai của hai nước. Hai bên đồng ý hợp

tác chặt chẽ trong việc tổ chức các hoạt động kỷ niệm 10 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước vào năm 2002.

5. Hai vị nguyên thủ nhất trí sẽ tăng cường hợp tác song phương trong khuôn khổ ASEAN+3, APEC, ASEM và Liên hợp quốc. Hai bên ghi nhận rằng, việc Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và tăng cường hội nhập vào nền kinh tế thế giới sẽ đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế bền vững và thịnh vượng của Việt Nam và khu vực. Hai bên nhất trí sẽ hợp tác chặt chẽ theo hướng trên.

6. Tổng thống Kim Tê Chung nhiệt liệt chúc mừng Chủ tịch Trần Đức Lương về những thành tựu to lớn mà nhân dân Việt Nam giành được trong công cuộc đổi mới và hy vọng rằng, Việt Nam sẽ tiếp tục thành công trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong những thập niên đầu thế kỷ XXI. Phía Hàn Quốc đánh giá cao chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế của Việt Nam và cho rằng, chính sách đối ngoại rộng mở này đã đóng góp tích cực vào hòa bình và ổn định ở khu vực.

Chủ tịch nước Trần Đức Lương đánh giá cao những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội mà nhân dân Hàn Quốc đã giành được trong hơn nửa thế kỷ qua và thành tích phục hồi kinh tế nhanh chóng sau cuộc khủng hoảng tài chính gần đây dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Kim Tê Chung.

Chủ tịch nước Trần Đức Lương bày tỏ ủng hộ việc giải quyết các vấn đề còn tồn tại trên bán đảo Triều Tiên một cách hòa bình, thông qua đối thoại. Chủ tịch cũng cho rằng, cuộc gặp thượng đỉnh liên Triều lịch sử tháng 6-2000 và

những biện pháp gần đây đã tạo nền tảng vững chắc cho hòa bình trên bán đảo Triều Tiên và hợp tác, hòa giải giữa hai miền Triều Tiên. Hai vị nguyên thủ nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tổ chức cuộc gặp cấp cao liên Triều lần thứ hai nhằm thiết lập nền hòa bình lâu dài trên bán đảo Triều Tiên.

7. Hai vị nguyên thủ tin tưởng rằng, kết quả cuộc gặp cấp cao lần này đánh dấu một mốc mới quan trọng trong quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc, góp phần tăng cường và phát triển hơn nữa mối quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa hai nước. Chủ tịch nước Trần Đức Lương chân thành cảm ơn Tổng thống Kim Tê Chung, Chính phủ và nhân dân Hàn Quốc đã dành cho Chủ tịch và Đoàn sự đón tiếp nồng nhiệt.

Báo *Nhân dân*, số 16840,
ngày 24-8-2001.

TUYÊN BỐ CHUNG
VIỆT NAM - INĐÔNÊXIA

1. Nhận lời mời của Tổng thống Cộng hòa Inđônêxia Mêgaoati Xucácnôputơri, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Trần Đức Lương đã thăm chính thức Inđônêxia từ ngày 10 đến ngày 12-11-2001.

2. Tổng thống Mêgaoati Xucácnôputơri nhiệt liệt hoan nghênh Chủ tịch nước Trần Đức Lương đến thăm Inđônêxia, nhấn mạnh ý nghĩa quan trọng của chuyến thăm đối với việc củng cố và tăng cường hơn nữa tình đoàn kết và sự hợp tác sẵn có giữa hai nước trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và cùng có lợi.

3. Chủ tịch nước Trần Đức Lương và Tổng thống Mêgaoati Xucácnôputơri đã tiến hành hội đàm trong bầu không khí hữu nghị, hiểu biết và tin cậy lẫn nhau. Hai vị nguyên thủ hài lòng nhận thấy rằng trong những năm gần đây, quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác nhiều mặt giữa Việt Nam và Inđônêxia tiếp tục phát triển trên tất cả các lĩnh vực chính trị, đối ngoại, kinh tế và văn hóa.

4. Tổng thống Mêgaoati bày tỏ sự khâm phục trước những thành tựu quan trọng mà nhân dân Việt Nam, dưới

sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đạt được trong công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao vai trò của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới. Tổng thống Mêgaoati Xucácnôputơri chúc Việt Nam tiếp tục đạt được nhiều thành tựu to lớn hơn nữa trong công cuộc xây dựng đất nước thành quốc gia vững mạnh, người dân được sống trong một xã hội công bằng, dân chủ, tiến bộ và thịnh vượng, đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020, góp phần đáng kể vào hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

5. Chủ tịch nước Trần Đức Lương bày tỏ đánh giá cao những nỗ lực của Chính phủ và nhân dân Inđônêxia trong việc duy trì ổn định chính trị, toàn vẹn lãnh thổ và thống nhất quốc gia, phát triển đất nước và tăng cường đoàn kết hợp tác trong ASEAN, ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới. Chủ tịch nước Trần Đức Lương khẳng định Việt Nam tiếp tục ủng hộ những nỗ lực nói trên của Inđônêxia.

6. Chủ tịch nước Trần Đức Lương và Tổng thống Mêgaoati Xucácnôputơri hài lòng ghi nhận những kết quả của cuộc họp lần thứ ba Ủy ban hỗn hợp về Hợp tác Kinh tế, Khoa học và Kỹ thuật giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Inđônêxia tổ chức tại Giacácta từ ngày 1 đến ngày 3-11. Hai bên tin tưởng rằng những kết quả này sẽ góp phần tăng cường quan hệ hợp tác kinh tế và thương mại song phương. Hai bên hoan nghênh việc ký Nghị định thư sửa đổi Hiệp định hợp tác Kinh tế, Khoa học và Kỹ thuật ký năm 1990. Hai bên đặt mức phấn đấu đạt chỉ tiêu

kim ngạch xuất, nhập khẩu hai chiều mỗi năm là một tỉ USD trong thời gian tới.

Theo tinh thần đó, hai bên khẳng định lại cam kết về việc tiến hành những biện pháp nhằm tăng cường việc mua bán gạo theo tinh thần các Biên bản ghi nhớ (MOU) ký ngày 6-7 và ngày 29-8-2001. Hai bên nhất trí xem xét tăng cường hàng đổi hàng và thành lập cơ chế thanh toán đổi hàng giữa hai nước. Hai bên nhất trí khuyến khích đầu tư và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hai bên đẩy mạnh đầu tư vào những ngành nghề ưu tiên, chú ý những ngành tạo hàng xuất khẩu từ nông sản. Hai vị nguyên thủ khuyến nghị các bộ trưởng và các quan chức cao cấp tích cực thực hiện những thỏa thuận đạt được tại cuộc họp.

7. Hai bên nhất trí xem xét tiến hành đàm phán về Hiệp định miễn thị thực cho những người mang hộ chiếu phổ thông giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Inđônêxia nhằm tạo thuận lợi cho việc đi lại và trao đổi cũng như việc tăng cường quan hệ hữu nghị và hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân hai nước.

8. Hai bên đồng ý tiếp tục đàm phán về việc nối lại đường bay trực tiếp giữa hai nước, đặc biệt giữa Giacácta và Thành phố Hồ Chí Minh, với mục đích thúc đẩy sự hợp tác song phương về kinh tế, thương mại và du lịch.

9. Hai bên nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phân định thềm lục địa giữa hai nước và ghi nhận những tiến bộ đáng kể đạt được tại các kỳ họp cấp kỹ thuật gần đây, qua đó tạo đà cho việc tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác và hữu nghị giữa hai nước. Hai bên nhất trí sẽ sớm giải quyết xong vấn đề này.

10. Chủ tịch nước Trần Đức Lương và Tổng thống Mêgaoati Xucácnôputơri đã trao đổi ý kiến về nhiều vấn đề khu vực và quốc tế mà hai bên cùng quan tâm. Hai vị nguyên thủ nhất trí về sự cần thiết phải tăng cường hợp tác giữa Việt Nam và Inđônêxia trong khuôn khổ ASEAN cũng như trong các diễn đàn khu vực nhằm củng cố an ninh và thịnh vượng trong vùng. Hai bên hoan nghênh những kết quả quan trọng của Hội nghị cấp cao APEC tại Thượng Hải (20, 21-10) và Hội nghị cấp cao ASEAN tại Brunây (5, 6-11). Hai bên nhận thức rằng, việc Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và tăng cường hội nhập nền kinh tế khu vực và thế giới sẽ đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế bền vững và thịnh vượng của Việt Nam cũng như của khu vực. Trên tinh thần đó, Inđônêxia khẳng định ủng hộ Việt Nam sớm gia nhập WTO.

11. Hai bên khẳng định lại sự nhất trí đối với các Tuyên bố của các nhà lãnh đạo ASEAN và APEC về chống khủng bố tại Hội nghị cấp cao ASEAN ở Brunây và Hội nghị cấp cao APEC ở Thượng Hải. Hai vị nguyên thủ cho rằng trong bối cảnh quốc tế đang diễn ra phức tạp sau vụ tiến công ở Mỹ ngày 11-9 càng cần nhấn mạnh ý nghĩa của sự hợp tác trong ASEAN, khu vực và quốc tế trong việc chống tội phạm xuyên quốc gia, bao gồm cả khủng bố quốc tế, buôn lậu vũ khí, rửa tiền, cướp biển, buôn lậu ma túy và nhập cư bất hợp pháp.

12. Trong chuyến thăm, Chủ tịch nước Trần Đức Lương cũng có cuộc gặp Giáo sư A-miên Rai, Chủ tịch Hội đồng Hiệp thương nhân dân Inđônêxia (MPR); đặt vòng hoa tại Đài tưởng niệm các Anh hùng liệt sĩ, thăm khu chế xuất ở ngoại ô

Giacácta, gặp các doanh nghiệp Inđônêxia và tham dự buổi chiêu đãi chào mừng do Phòng Thương mại Inđônêxia tổ chức.

13. Hai bên nhất trí rằng các kết quả tốt đẹp đạt được trong chuyến thăm chính thức Inđônêxia lần này của Chủ tịch nước Trần Đức Lương sẽ tăng cường hơn nữa quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác giữa Việt Nam và Inđônêxia. Hai vị nguyên thủ bày tỏ tin tưởng hai bên sẽ tiến hành trao đổi nhiều hơn nữa các chuyến thăm cấp Bộ trưởng và quan chức cấp cao cũng như ở các cấp khác.

14. Chủ tịch nước Trần Đức Lương chân thành cảm ơn Tổng thống Mêgaoati Xucácnôputơri, Chính phủ và nhân dân Inđônêxia đã dành cho Chủ tịch và Đoàn đại biểu Việt Nam sự đón tiếp nồng nhiệt trong chuyến thăm Inđônêxia. Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã trân trọng mời Tổng thống Mêgaoati Xucácnôputơri và Phu quân thăm chính thức nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tổng thống Mêgaoati Xucácnôputơri đã vui vẻ nhận lời mời. Thời gian cụ thể của chuyến thăm sẽ được thu xếp qua đường ngoại giao.

Báo *Nhân dân*, số 16920,
ngày 13-11-2001.

TUYÊN BỐ CHUNG
VIỆT NAM - BRUNÂY ĐARÚTXALAM

1. Nhận lời mời của Quốc vương Hátxana Bônkia Mudađin Oadaula, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã đi thăm chính thức Brunây từ ngày 12 đến ngày 14-11. Đây là chuyến thăm đầu tiên của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tới Brunây Đarútxalam, đặt một mốc quan trọng trong việc phát triển quan hệ song phương và sự hợp tác nhiều mặt phù hợp nguyện vọng và lợi ích của cả hai nước về hòa bình, hợp tác và phát triển ở khu vực.

2. Quốc vương Hátxana Bônkia Mudađin Oadaula nồng nhiệt chúc mừng những thành tựu mà nhân dân Việt Nam đã giành được trong công cuộc đổi mới và tin tưởng rằng Việt Nam sẽ giành được những thắng lợi to lớn hơn nữa trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI. Chủ tịch nước Trần Đức Lương đánh giá cao những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội mà Chính phủ Brunây đã giành được và tin tưởng rằng Chính phủ Brunây sẽ đạt được những thành tựu to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong thế kỷ mới.

3. Hai bên hoan nghênh việc ký Bản ghi nhớ về việc thành lập Ủy ban hỗn hợp về hợp tác song phương giữa

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Brunây Đarútxalam. Ủy ban hỗn hợp sẽ mở ra các cuộc đối thoại và tham khảo ý kiến nhằm tăng cường hợp tác giữa hai nước trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

4. Hai bên nhất trí tiếp tục củng cố và phát triển quan hệ song phương vì lợi ích của nhân dân hai nước. Trên tinh thần này, hai bên nhất trí duy trì các cuộc tiếp xúc cấp cao và trao đổi đoàn của các cơ quan Chính phủ của hai nước ở nhiều cấp khác nhau. Hai bên nhất trí tiếp tục mở rộng việc trao đổi và hợp tác về giáo dục, thương mại và đầu tư, du lịch và vận tải hàng hải.

5. Hai bên nhất trí cho rằng quan hệ hợp tác kinh tế và thương mại là một bộ phận quan trọng trong quan hệ song phương giữa hai nước. Hai chính phủ sẽ tiếp tục thúc đẩy và tạo điều kiện cho thương mại và đầu tư và sẽ khuyến khích các khu vực tư nhân tăng cường hợp tác với mục tiêu cụ thể là thúc đẩy đầu tư và lập các liên doanh giữa hai nước.

6. Hai bên hoan nghênh việc ký kết Hiệp định Thương mại, Hiệp định Hàng hải và Bản ghi nhớ về hợp tác du lịch giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Brunây Đarútxalam.

7. Hai bên đã trao đổi ý kiến về các vấn đề quốc tế và khu vực cùng quan tâm. Hai bên nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hợp tác trong khuôn khổ ASEAN nhằm củng cố đoàn kết và hợp tác của Hiệp hội, tăng cường vai trò và vị trí của Hiệp hội và tạo điều kiện để ASEAN vượt qua những thách thức hiện nay ở khu vực. Hai bên nhất trí tăng cường hợp tác trong các tổ chức và diễn đàn khác như ASEAN+3, APEC, ASEM và Liên hợp quốc.

8. Hai bên ghi nhận Hội nghị cấp cao ASEAN do Brunây Đarútxalam vừa đăng cai thành công đã thỏa thuận tăng cường liên kết khu vực và nâng cao sức cạnh tranh của ASEAN nhằm đối phó những thách thức đặt ra cho ASEAN. Hai bên thỏa thuận phối hợp thúc đẩy hợp tác khu vực ở Đông Nam Á trên tinh thần bình đẳng và đối tác.

9. Hai bên ghi nhận rằng việc Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và tích cực hội nhập nền kinh tế thế giới sẽ đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế bền vững và thịnh vượng của Việt Nam cũng như của khu vực. Trên tinh thần đó, Brunây ủng hộ Việt Nam sớm gia nhập WTO.

Báo *Nhân dân*, số 16922,
ngày 15-11-2001.

TUYÊN BỐ CHUNG
VIỆT NAM - CAMPUCHIA

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia là hai nước láng giềng có quan hệ hữu nghị lâu đời. Kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 24-6-1967 đến nay, quan hệ hợp tác hữu nghị Việt Nam - Campuchia đã được củng cố, phát triển và mở rộng trên nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục và các lĩnh vực khác.

Mối quan hệ song phương này được phát triển mạnh mẽ hơn trên cơ sở các nguyên tắc được ghi nhận trong các Thông cáo chung giữa hai nước năm 1992 và 1995. Đặc biệt, trong chuyến thăm Campuchia tháng 6 năm 1999 của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, Ngài Lê Khả Phiêu, hai bên đã định hướng cho quan hệ hai nước trong thế kỷ XXI là "Hợp tác láng giềng tốt đẹp, đoàn kết hữu nghị truyền thống, ổn định lâu dài".

Nhằm thực hiện tốt hơn nữa định hướng nói trên và đưa quan hệ hai nước bước sang một giai đoạn phát triển mới trong thế kỷ XXI, hai bên nhất trí khuôn khổ hợp tác song phương giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia bao gồm các nội dung sau:

1. Hai bên tiếp tục phát triển quan hệ trên cơ sở các nguyên tắc được ghi nhận trong Hiến chương Liên hợp quốc và các nguyên tắc khác được thừa nhận rộng rãi của luật pháp quốc tế. Năm nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình và các nguyên tắc ghi trong Hiệp ước thân thiện và hợp tác Đông Nam Á, nhất là nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau. Hai bên tiếp tục khẳng định tôn trọng các nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, giải quyết một cách hòa bình mọi tranh chấp, không cho phép bất cứ lực lượng chính trị hoặc quân sự nào dùng lãnh thổ của mình để chống lại nước kia.

2. Hai bên thỏa thuận duy trì các cuộc gặp gỡ cấp cao thường xuyên giữa các đại diện của hai Quốc hội, Chính phủ, cơ quan Nhà nước, quân đội ở các cấp khác nhau, tiếp tục thúc đẩy các mối quan hệ chính thức cũng như quan hệ quần chúng giữa hai nước.

3. Hai bên cam kết tăng cường hợp tác và tham khảo giữa lãnh đạo hai Bộ Ngoại giao Việt Nam và Campuchia nhằm trao đổi ý kiến về những vấn đề song phương, khu vực và quốc tế mà hai bên cùng quan tâm. Hai bên cũng nhất trí cùng nhau phối hợp chặt chẽ trong các chương trình phát triển như Tiểu vùng Mê Kông, các vùng nghèo dọc hành lang Đông - Tây (WEC) và "Tam giác phát triển".

4. Hai bên thỏa thuận tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực an ninh và quân sự, bao gồm việc trao đổi đoàn và chia sẻ kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật, thông tin và đào tạo. Hai bên cam kết cùng nhau hợp tác chống khủng bố và ngăn chặn các hoạt động khủng bố chống mỗi nước. Hai bên

khẳng định hợp tác trong việc thực hiện Hiệp định giữa hai nước về tìm kiếm, cất bốc và hồi hương hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện Việt Nam hy sinh qua các thời kỳ chiến tranh ở Campuchia. Hai bên sẽ hợp tác chặt chẽ trong các hoạt động phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, buôn bán ma túy, buôn người và những hoạt động tội phạm khác.

5. Hai bên khẳng định tầm quan trọng của quan hệ kinh tế, thương mại song phương và cam kết áp dụng các biện pháp nhằm tạo ra những cơ chế ổn định, lâu dài để thúc đẩy hơn nữa thương mại và đầu tư giữa hai nước; tăng cường hợp tác trong lĩnh vực hải quan; mở rộng hợp tác trong các vấn đề tài chính tiền tệ và trong các khuôn khổ khác như AFTA và WTO... Vì mục đích đó, hai bên nhất trí củng cố hơn nữa những cơ chế hợp tác sẵn có giữa hai nước, đặc biệt là cơ chế Ủy ban hỗn hợp Việt Nam - Campuchia về hợp tác kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật.

6. Hai bên thỏa thuận tăng cường hơn nữa hợp tác trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, năng lượng và khí tượng - thủy văn; trao đổi kinh nghiệm và chuyên gia trong các lĩnh vực quản lý tài nguyên rừng và bảo vệ các loại động thực vật quý hiếm và môi trường sinh thái, đặc biệt là ở những khu vực dọc theo biên giới chung trên đất liền và trên biển.

7. Hai bên nhất trí tăng cường hợp tác để nâng cấp các tuyến đường bộ và phát triển các tuyến đường sắt giữa hai nước. Hai bên nhất trí mở rộng hơn nữa hợp tác về hàng không dân dụng và khuyến khích các ngành du lịch hai nước khai thác tối đa khuôn khổ hợp tác du lịch đa phương hiện có.

8. Hai bên thỏa thuận mở rộng hợp tác y tế công cộng, trao đổi kinh nghiệm và giúp đỡ lẫn nhau một cách có hiệu quả trong việc phòng chống dịch bệnh ở khu vực biên giới giữa hai nước.

9. Hai bên nhất trí mở rộng hơn nữa hợp tác trong các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, trao đổi lưu học sinh ở các bậc đại học, sau đại học và khuyến khích giao lưu văn hóa, nghệ thuật và thể thao giữa hai nước.

10. Hai bên tiếp tục dành cho kiều dân của nhau những điều kiện thuận lợi để họ sinh sống bình thường và ổn định ở mỗi nước như các ngoại kiều khác.

11. Hai bên nhất trí khuyến khích các tỉnh giáp biên giới giữa hai nước tăng cường hơn nữa hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong tất cả các lĩnh vực cùng quan tâm.

12. Hai bên khẳng định quyết tâm giải quyết càng sớm càng tốt vấn đề biên giới trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết lẫn nhau và láng giềng tốt, nhằm xây dựng một đường biên giới hòa bình, ổn định và hữu nghị lâu dài giữa hai nước.

Báo *Nhân dân*, số 16934,
ngày 27-11-2001.

TUYÊN BỐ CHUNG
VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

1. Nhận lời mời của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa Giang Trạch Dân, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh đã thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa từ ngày 30-11 đến ngày 4-12-2001.

Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã hội đàm với Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Giang Trạch Dân; lần lượt hội kiến với Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Ủy viên Trưởng Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Lý Bằng; Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Thủ tướng Quốc vụ viện nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Chu Dung Cơ; Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Hội nghị Hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc Lý Thụy Hoàn; Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Phó Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Hồ Cẩm Đào.

Hai bên đã thông báo cho nhau tình hình mỗi Đảng, mỗi nước; trao đổi ý kiến sâu rộng về các vấn đề khu vực và quốc tế cùng quan tâm. Các cuộc hội đàm, hội kiến đã diễn ra trong bầu không khí thân thiết và hữu nghị.

Hai bên cho rằng, chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh đã thành công tốt đẹp, chuyến thăm này là một sự kiện trọng đại trong quan hệ hai Đảng, hai nước vào đầu thế kỷ mới, góp phần quan trọng vào việc tăng cường và làm sâu sắc thêm quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai nước Việt Nam - Trung Quốc trong thế kỷ XXI, và sẽ có ảnh hưởng tích cực và sâu sắc đối với hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển của khu vực và thế giới.

2. Phía Việt Nam đánh giá cao những thành tựu lịch sử mà Đảng Cộng sản và nhân dân Trung Quốc đã đạt được trong 80 năm qua, và tin chắc rằng Đảng Cộng sản và nhân dân Trung Quốc nhất định giành được nhiều thành tựu mới to lớn hơn nữa trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc. Phía Trung Quốc đánh giá cao những thành tựu lịch sử mà Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam đã đạt được trong hơn 70 năm qua, và tin chắc rằng Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam nhất định giành được những thành tựu mới to lớn hơn nữa trong công cuộc xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Hai bên quyết tâm, xuất phát từ thực tế của mỗi nước, tiếp tục tìm tòi và giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trọng đại trong việc xây dựng Đảng và Nhà nước, thúc đẩy kinh tế phát triển và xã hội tiến bộ.

3. Hai bên hài lòng chỉ rõ, kể từ khi bình thường hóa quan hệ hai nước, sự giao lưu và hợp tác trên các lĩnh vực giữa Việt Nam và Trung Quốc ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu. Hai bên đã ra các Thông cáo chung năm 1991, 1992, 1994, 1995 và các Tuyên bố chung năm 1999 và 2000, lần lượt ký Hiệp ước biên giới trên đất liền, Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ. Hai Đảng, hai nước đã trao đổi rộng rãi và sâu sắc về những kinh nghiệm đổi mới, cải cách mở cửa, xây dựng Đảng và quản lý Nhà nước, lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sự hợp tác kinh tế và thương mại giữa hai nước đã nâng lên một tầm cao mới. Hai Đảng, Chính phủ và nhân dân hai nước vui mừng trước sự phát triển tốt đẹp và quan trọng của quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện Việt Nam - Trung Quốc.

4. Hai bên cho rằng, tình hữu nghị Việt - Trung là tài sản chung quý báu của hai Đảng, hai nước và nhân dân hai nước; không ngừng tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai nước Việt Nam - Trung Quốc trong thế kỷ mới không những phù hợp với lợi ích căn bản của hai Đảng, hai nước và nhân dân hai nước, mà còn có lợi cho hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển trong khu vực và trên thế giới. Hai bên quyết tâm kiên trì phương châm chỉ đạo 16 chữ "Láng giềng, hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai", quán triệt và thực hiện một cách toàn diện mục tiêu và nhiệm vụ đã được nêu rõ trong bản Tuyên bố chung về hợp tác toàn diện trong thế kỷ mới giữa hai nước, không ngừng nâng tầm cao và chất lượng của quan hệ hữu nghị và hợp tác truyền thống Việt - Trung, làm cho

hai nước và nhân dân hai nước Việt Nam - Trung Quốc đời đời hữu nghị.

5. Nhằm tăng cường và phát triển hơn nữa quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai nước Việt Nam - Trung Quốc trong thế kỷ mới, hai bên nhất trí tiếp tục duy trì truyền thống tốt đẹp giao lưu cấp cao giữa hai Đảng, hai nước; thúc đẩy sự giao lưu và hợp tác, nâng cao hiệu quả hợp tác giữa các ban ngành Đảng, Chính quyền, Quốc hội, các đoàn thể nhân dân và các địa phương, trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục... giữa hai nước; tăng cường việc trao đổi kinh nghiệm về xây dựng Đảng, quản lý Nhà nước giữa hai bên; tham khảo lẫn nhau về kinh nghiệm đổi mới, cải cách mở cửa và xây dựng Đảng; tăng cường sự giao lưu hữu nghị với hình thức đa dạng và nội dung phong phú giữa thanh, thiếu niên hai nước, làm cho mối tình hữu nghị truyền thống đã được các bậc tiền bối cách mạng hai nước dày công vun đắp cũng như sự nghiệp hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa hai nước truyền tiếp cho các thế hệ mai sau.

6. Hai bên xác định trong thế kỷ mới cần tiếp tục tăng cường và mở rộng hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học - kỹ thuật và các lĩnh vực khác giữa hai nước theo phương châm bình đẳng, cùng có lợi, chú trọng hiệu quả, bổ sung ưu thế cho nhau, hình thức đa dạng, cùng nhau phát triển; tích cực khuyến khích và ủng hộ các doanh nghiệp hai bên khai thác thêm thị trường hàng hóa của hai nước, tăng cường đầu tư và hợp tác, mở rộng quy mô hợp tác kinh tế và kỹ thuật, thực hiện các dự án hợp tác đem lại hiệu quả kinh tế và xã hội thiết thực.

Nhân dịp này, hai bên đã ký Hiệp định khung giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về việc Trung Quốc cung cấp cho Việt Nam khoản tín dụng ưu đãi và Hiệp định hợp tác kinh tế kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; và nhất trí sẽ tích cực thúc đẩy các doanh nghiệp hợp tác lâu dài trên dự án bôxít nhôm Đắk Nông.

Việt Nam nhiệt liệt chúc mừng Trung Quốc trở thành thành viên Tổ chức Thương mại thế giới. Trung Quốc tích cực ủng hộ Việt Nam sớm gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới.

7. Hai bên nhất trí cho rằng, việc hai nước ký Hiệp định biên giới trên đất liền, Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ là sự kiện có ý nghĩa trọng đại, góp phần tích cực vào việc thúc đẩy phát triển hơn nữa quan hệ láng giềng hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa hai nước và sự ổn định của khu vực.

Hai bên đồng ý tuân theo nhận thức chung của các nhà lãnh đạo hai nước, nhanh chóng hoàn thành các công việc đàm phán tiếp theo có liên quan đến Hiệp định hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ, để Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ cùng với Hiệp định hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ sớm có hiệu lực, tích cực thúc đẩy và tăng nhanh tiến trình công tác phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền, xây dựng biên giới hai nước thành biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định lâu dài.

Hai bên đồng ý tiếp tục duy trì cơ chế đàm phán hiện có về vấn đề trên biển, kiên trì thông qua đàm phán hòa bình để tìm ra một giải pháp cơ bản, lâu dài mà hai bên đều có

thể chấp nhận được. Trước khi vấn đề được giải quyết, với tinh thần dễ trước khó sau, hai bên tích cực tìm kiếm khả năng và biện pháp triển khai hợp tác trên biển trong các lĩnh vực như: bảo vệ môi trường biển, khí tượng thủy văn, phòng chống thiên tai. Đồng thời, hai bên đều không tiến hành các hành động làm phức tạp thêm hoặc mở rộng tranh chấp, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực đối với những bất đồng nảy sinh, cần bàn bạc kịp thời và giải quyết thỏa đáng với thái độ bình tĩnh, xây dựng không để bất đồng ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của quan hệ hai nước.

8. Phía Việt Nam khẳng định Việt Nam công nhận Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là chính phủ hợp pháp duy nhất đại diện cho toàn Trung Quốc. Đài Loan là một bộ phận lãnh thổ không thể chia cắt của Trung Quốc. Việt Nam chỉ giao lưu về kinh tế, thương mại phi chính phủ với Đài Loan, không phát triển quan hệ chính phủ với Đài Loan. Phía Trung Quốc tỏ sự hiểu biết và hoan nghênh lập trường trên đây của phía Việt Nam. Phía Trung Quốc khẳng định vấn đề Đài Loan hoàn toàn là vấn đề thuộc công việc nội bộ của Trung Quốc và kiên quyết phản đối các nước đã lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc có quan hệ chính phủ dưới bất cứ hình thức nào, hoặc có bất cứ sự đi lại nào mang tính chính phủ với Đài Loan.

9. Hai bên hài lòng với những nhận thức chung rộng rãi về các vấn đề khu vực và quốc tế mà hai bên cùng quan tâm. Hai bên cho rằng hòa bình, hợp tác, phát triển và tiến bộ xã hội đã trở thành trào lưu của thời đại hiện nay. Hai nước và nhân dân hai nước Việt Nam - Trung Quốc tha thiết mong

muốn thế giới hòa bình bền vững, cuộc sống yên ổn lâu dài; tha thiết mong muốn xây dựng một trật tự quốc tế mới công bằng và hợp lý, thúc đẩy các nước cùng phồn vinh và phát triển. Hai bên phản đối chủ nghĩa bá quyền và chính trị cường quyền trong công việc quốc tế; phản đối chủ nghĩa khủng bố dưới mọi hình thức. Hai bên chủ trương tôn trọng lịch sử văn hóa, chế độ xã hội, mô hình phát triển của các nước và các nền văn minh trên thế giới.

Hai bên đánh giá cao vai trò tích cực của tổ chức ASEAN trong việc giữ gìn và thúc đẩy sự ổn định và phát triển của khu vực, khẳng định lại sẽ tiếp tục góp sức tăng cường quan hệ đối tác láng giềng tin cậy giữa Trung Quốc và các nước ASEAN, nỗ lực và đóng góp tích cực vào sự ổn định và phồn vinh lâu dài của châu Á, đặc biệt là khu vực Đông Á.

10. Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh chân thành cảm ơn sự đón tiếp trọng thể, nồng nhiệt và hữu nghị của Đảng Cộng sản, Chính phủ và nhân dân Trung Quốc. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh mời Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Giang Trạch Dân thăm hữu nghị chính thức Việt Nam vào thời gian thuận tiện trong năm tới. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Giang Trạch Dân đã cảm ơn và vui vẻ nhận lời.

Báo *Nhân dân*, số 16940,
ngày 3-12-2001.

PHÁT BIỂU
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHAN VĂN KHẢI TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ CÔNG AN TRUNG ƯƠNG LẦN THỨ III

Ngày 4 tháng 1 năm 2001

Thưa các đồng chí,

Thay mặt Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi thân ái chào mừng các đồng chí tham dự Đại hội đại biểu lần thứ III Đảng bộ Công an Trung ương.

Năm năm qua, trong hoàn cảnh đầy thử thách, phải đối mặt với cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế trong khu vực, lại bị thiên tai liên tiếp gây thiệt hại nặng nề ở nhiều vùng, đất nước ta vẫn đứng vững và tiếp tục có bước phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao vị thế trong quan hệ quốc tế. Năm 2000 đã chặn được đà giảm sút nhịp độ tăng trưởng kinh tế, có bước khởi sắc trên các lĩnh vực hoạt động, thực hiện vượt mức hầu hết các mục tiêu đề ra trong Nghị quyết của Quốc hội về nhiệm vụ năm 2000, tạo đà cho bước tiến mạnh mẽ hơn khi bước vào thế kỷ XXI.

Những thành tựu và tiến bộ đáng phấn khởi đó chứng minh sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đã phát huy được bản lĩnh và ý chí phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân thành sức mạnh tổng hợp đưa đất nước vượt qua khó khăn, sóng gió, không ngừng tiến lên. Trong những nhân tố chủ yếu đưa tới những thành tựu đó, trước hết phải kể đến sự ổn định chính trị - xã hội được giữ vững, bảo đảm môi trường và điều kiện thuận lợi cho nhân dân làm ăn sinh sống và tạo nên lợi thế của nước ta trong quan hệ hợp tác quốc tế. Lực lượng Công an nhân dân đã có phần đóng góp nổi bật trong việc tạo ra những nhân tố đó.

Thông thường khi kinh tế khó khăn kéo dài thì chính trị - xã hội khó giữ được ổn định, như tình hình đã và đang diễn ra ở một số nước. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, với trách nhiệm là lực lượng xung kích, Công an nhân dân đã phát huy được vai trò nòng cốt, động viên và tổ chức sự tham gia tích cực của toàn dân trên mặt trận bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Đặc biệt, trong năm 2000, vào dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc, các thế lực thù địch và bọn phản động ở ngoài nước đưa người về móc nối để tiến hành phá hoại, khủng bố, gây rối nhằm làm mất ổn định chính trị - xã hội, nhưng lực lượng Công an nhân dân cùng với tai mắt của dân đã kịp thời phát hiện các âm mưu và kế hoạch đen tối, chủ động đấu tranh làm thất bại toàn bộ ý đồ và hành động của chúng, giữ vững an ninh và ổn định chính trị.

Trên mặt trận giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, mặc dù tình hình kinh tế và đời sống có nhiều khó khăn, số người không có việc làm rất lớn, nhưng được sự giúp đỡ của các cấp, các ngành,

được nhân dân ủng hộ và bằng các nghiệp vụ sắc bén, lực lượng Công an nhân dân đã góp phần quan trọng ngăn chặn sự gia tăng tội phạm, triệt phá nhiều băng, ổ, nhóm tội phạm nguy hiểm, bảo đảm cuộc sống yên bình của dân. Trong cuộc đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội, đặc biệt là tệ nạn ma túy, lực lượng công an cũng đã có nhiều cố gắng, phá nhiều vụ án ma túy lớn, được nhân dân hoan nghênh.

Những thành tích và tiến bộ của lực lượng Công an nhân dân chứng tỏ Đảng ủy Công an Trung ương trong nhiệm kỳ vừa qua đã lãnh đạo các tổ chức Đảng và toàn thể đảng viên trong Đảng bộ chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời đề ra và tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, biện pháp công tác phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong Đảng bộ Công an gắn liền với tư tưởng chủ đạo do Đảng ủy Công an đề ra "hướng về cơ sở, tăng cường cho lực lượng trực tiếp chiến đấu" đã góp phần nâng cao chất lượng của tổ chức Đảng, trách nhiệm đảng viên và năng lực, phẩm chất, lối sống của cán bộ chiến sĩ công an. Đó là nhân tố quyết định sức mạnh chiến đấu của lực lượng Công an nhân dân trong thời gian qua.

Thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước, tôi nhiệt liệt biểu dương những cố gắng và những chiến công to lớn của toàn lực lượng Công an nhân dân cùng với những tiến bộ của Đảng bộ và Đảng ủy Công an Trung ương trong nhiệm kỳ vừa qua.

Tuy nhiên, trong lực lượng Công an nhân dân cũng như trong tổ chức và hoạt động của Đảng bộ Công an Trung ương còn có những mặt yếu kém, không đi kịp yêu cầu của nhiệm vụ, chưa đáp ứng được đầy đủ sự tin cậy của Đảng, Nhà nước và sự mong đợi của nhân dân. Tại Đại hội này, các đồng chí

cần đánh giá đúng và phân tích sâu sắc những mặt tốt và những mặt yếu kém để có chủ trương, biện pháp đúng đắn cho thời gian tới. Tôi xin nêu một số vấn đề để các đồng chí quan tâm thảo luận:

Một là, vừa qua các đồng chí đã chỉ đạo cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội một cách tích cực, quyết liệt, có hiệu quả; tuy chưa đạt đầy đủ kết quả mong muốn, song về cơ bản, đó là mặt tốt cần phát huy. Tuy nhiên, về chức năng một cơ quan tham mưu cho Đảng và Nhà nước trên lĩnh vực bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, cần nâng cao tầm chiến lược để đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới. Trong nhiều vấn đề lớn chúng ta phải đối mặt như: chống diễn biến hòa bình, chống địch phá hoại về tư tưởng chính trị trong nội bộ Đảng và bộ máy Nhà nước, lợi dụng dân chủ, nhân quyền, vấn đề tôn giáo, dân tộc để gây rối..., các đồng chí cần chủ động hơn nữa trong công tác đấu tranh. Trung ương rất cần và mong đợi ý kiến đề xuất của các đồng chí nhiều hơn nữa. Nếu chúng ta chỉ lo đối phó trước mắt, chỉ giải quyết các công việc đang xảy ra mà không chú ý đến những vấn đề cơ bản, lâu dài thì khó tránh khỏi bị động, lúng túng. Các đồng chí cần có kế hoạch đi vào nghiên cứu, làm rõ quan điểm và đề xuất giải pháp về những vấn đề cơ bản có tầm chiến lược như: vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế và giữ vững độc lập tự chủ cùng với con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, vấn đề thực hiện dân chủ, công khai và bảo đảm an ninh tư tưởng, văn hóa, bảo vệ bí mật quốc gia, vấn đề an ninh biên giới, vấn đề dân tộc, tôn giáo, ngăn ngừa sự tích tụ những "điểm nóng" trong xã hội... Cần phải tổ chức nghiên cứu một cách tập trung, có trọng tâm, trọng điểm,

tránh dàn trải, nhiều đầu mối mà kém hiệu quả. Tôi biết Bộ Công an đã lập cơ quan nghiên cứu chiến lược, đó là việc làm đúng và cấp thiết. Bên cạnh sự quan tâm chỉ đạo và đầu tư cho công việc này, Bộ cần đề xuất cơ chế phối hợp các cơ quan có liên quan để nâng cao năng lực thu thập, phân tích thông tin từ nhiều nguồn, khắc phục tình trạng thông tin đã thiếu lại phân tán, làm yếu năng lực dự báo, dễ lâm vào bị động khi tình hình diễn biến khác thường.

Hai là, phải thấm nhuần sâu sắc lời dạy của Bác Hồ: "Công an của ta là công an nhân dân, vì dân mà phục vụ và dựa vào nhân dân mà làm việc". Trong lực lượng công an, không thiếu những tấm gương sáng ngời ý thức phục vụ nhân dân, dũng cảm, ngoan cường bảo vệ dân, được dân tin, dân mến. Song bên cạnh đó, phải thẳng thắn thừa nhận rằng vẫn còn không ít những biểu hiện không lành mạnh, đang gây nhức nhối, bất bình trong xã hội, như tình trạng bắt oan, bắt sai, gây phiền hà, sách nhiễu, ăn hối lộ, cá biệt có một số cán bộ công an còn tiếp tay cho tội phạm, hoặc phạm tội. Các đồng chí làm 100 việc tốt, nhưng chỉ vài vụ lạm dụng chức quyền, gây thiệt hại cho dân sẽ bị dân oán trách, giảm lòng tin. Hơn thế nữa, khi tiêu cực xâm nhập vào các cơ quan bảo vệ pháp luật, nhất là lực lượng công an, thì sẽ mở đường cho tội phạm tăng nhanh. Vì vậy, tuy những người hư hỏng chỉ là một bộ phận nhỏ trong lực lượng Công an nhân dân, song chúng ta không thể xem thường mà phải kiên quyết khắc phục bằng các giải pháp đồng bộ.

Đi đôi với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, không ngừng nâng cao phẩm chất và lối sống của cán bộ, chiến sĩ công an, phải đề cao kỷ luật hành chính, tăng cường

kiểm tra, phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh những trường hợp sai phạm. Lực lượng vũ trang phải "quân lệnh như sơn" song tôi thấy việc chấp hành kỷ luật trong lực lượng công an chưa thật nghiêm, các đồng chí xem lại có phải thế không?

Công tác cán bộ là một khâu quyết định trong việc xây dựng lực lượng công an trong sạch, vững mạnh. Hiện nay, đội ngũ cán bộ công an nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy chưa thật ngang tầm với nhiệm vụ. Tình hình này đòi hỏi phải nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đồng thời phải thường xuyên kiểm tra, đánh giá đúng cán bộ, xử lý nghiêm những người sai phạm, sắp xếp những người yếu kém, phát hiện, bồi dưỡng và đề bạt những cán bộ có năng lực và phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống lành mạnh. Mặt khác, cần chăm lo cải thiện điều kiện sinh hoạt và làm việc cho cán bộ, chiến sĩ, từng bước đổi mới thiết bị, phương tiện công tác theo hướng hiện đại hóa, ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật vào công tác nghiệp vụ. Trong điều kiện đất nước còn nhiều khó khăn, ngân sách rất eo hẹp, Chính phủ cố gắng dành kinh phí để đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng công an trong tình hình mới, đồng thời đòi hỏi các đồng chí phải tính toán chặt chẽ, hợp lý và quản lý, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả, kiên quyết chống lãng phí, tham ô.

Ba là, các đồng chí phải hết sức chăm lo xây dựng Đảng bộ, đặc biệt chú ý xây dựng Đảng bộ, chi bộ công an ở đơn vị cơ sở, coi xây dựng Đảng là khâu then chốt trong toàn bộ công tác xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại. Các đồng chí đã tiến hành kiểm điểm, thực hiện Nghị quyết Trung ương 6

(lần 2) theo kế hoạch, song việc đó không chỉ làm một lần là xong. Cần tiếp tục làm đến nơi, đến chốn, kiểm điểm sâu sắc, thẳng thắn, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong ngành công an. Trong nội bộ Đảng phải vừa tăng cường kỷ cương, vừa mở rộng dân chủ, nhất là dân chủ trực tiếp. Đảng bộ, chi bộ không trong sạch, vững mạnh thì toàn lực lượng không thể mạnh được. Hơn đâu hết, Đảng bộ Công an Trung ương phải đạt tỷ lệ rất cao về số tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh và số cán bộ, đảng viên gương mẫu, được đánh giá đúng thực chất, không xuê xoa, hời hợt.

Tại Đại hội này, việc đánh giá, phân tích tình hình và bàn chủ trương, biện pháp đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng bộ gắn với việc xây dựng lực lượng Công an nhân dân phải được đặt thành một trọng tâm thảo luận. Tinh thần xây dựng Đảng còn phải được thể hiện trong việc lựa chọn bầu vào Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng ta những đồng chí thực sự tiêu biểu cho trí tuệ và phẩm chất của Đảng bộ Công an Trung ương.

Thưa các đồng chí,

Trong thời gian tới, tình hình thế giới, khu vực vừa có xu thế hòa bình, hợp tác cùng phát triển, vừa chứa đựng những yếu tố bất trắc, gây ra diễn biến rất phức tạp. Chiến tranh quy mô lớn ít có khả năng xảy ra, nhưng xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, can thiệp lật đổ, khủng bố sẽ còn diễn ra ở nhiều nơi. Âm mưu của các thế lực thù địch đối với nước ta ngày càng hiểm độc: diễn biến hòa bình về tư tưởng, chính trị, kinh tế, văn hóa;

móc nối xây dựng lực lượng phản động trong nước; lợi dụng những "điểm nóng" và những vấn đề phức tạp về tôn giáo, dân tộc để gây rối. Vì vậy, chúng ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác, chủ động ứng phó, làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của lực lượng thù địch.

Trong những năm qua, sự nghiệp đổi mới và phát triển của đất nước ta đã giành được những thành tựu to lớn, rất đáng tự hào. Song chúng ta cũng phải thấy rõ những mặt yếu cùng với những diễn biến không thuận đang cản trở thậm chí đe dọa sự ổn định và phát triển kinh tế, xã hội ở nước ta, nổi lên là: nền kinh tế còn kém hiệu quả và sức cạnh tranh, thua kém về trình độ phát triển so với nhiều nước chung quanh trong khi bối cảnh kinh tế khu vực và thế giới cùng với tiến trình hội nhập quốc tế đang tăng thêm thách thức đối với sức vươn lên trong cạnh tranh và hợp tác của nền kinh tế nước ta; hệ thống tài chính - tiền tệ còn yếu kém cùng với những tác động bất lợi từ bên ngoài gây nhiều khó khăn cho việc ổn định kinh tế vĩ mô; số lao động thất nghiệp và thiếu việc làm còn đông; đạo đức xã hội có những mặt xuống cấp, các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội tiếp diễn nghiêm trọng. Trong những nhân tố đe dọa sự ổn định chính trị, kinh tế và xã hội, đáng quan ngại nhất là tình trạng một số cán bộ, đảng viên tham nhũng, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân gây bất bình trong xã hội, dẫn tới những vụ khiếu kiện đông người, tích tụ thành những "điểm nóng", ảnh hưởng tới an ninh, trật tự ở một số địa phương.

Mặc dù tình hình trước mắt có nhiều khó khăn, thách thức lớn, song thế và lực của nước ta ngày nay đã mạnh hơn trước; chúng ta còn nhiều tiềm năng và lợi thế có thể phát huy,

trong đó quan trọng nhất là tiềm lực dồi dào cả về vật chất, trí tuệ và tinh thần của nhân dân cùng với truyền thống phấn đấu kiên cường và quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải đoàn kết phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân, vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, tạo cơ sở để nước ta tiếp tục phát triển nhanh và bền vững, về cơ bản trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020, dần dần đuổi kịp các nước trong khu vực.

Để đẩy mạnh công cuộc đổi mới và phát triển đất nước, một điều kiện không thể thiếu là phải giữ vững được an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Đó là nhiệm vụ nặng nề mà lực lượng công an phải phối hợp tốt với Quân đội nhân dân, với các ngành có liên quan và dựa vào nhân dân để bảo đảm trong bất kỳ tình huống nào cũng giành thế chủ động tấn công, làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh quốc gia, loại trừ các nhân tố và điều kiện gây mất ổn định chính trị - xã hội, không để xảy ra đột biến, bất ngờ; nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước về trật tự, trị an, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và của nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

Đại hội Đảng bộ Công an Trung ương lần này, với tinh thần nghiêm túc, thẳng thắn đánh giá, phân tích thực trạng của lực lượng Công an nhân dân và của Đảng bộ để từ đó có chủ trương, biện pháp hữu hiệu phát huy ưu điểm, sửa chữa

khuyết điểm, khắc phục yếu kém, sẽ tạo đà cho một bước phát triển mới của ngành công an, thực hiện tốt vai trò nòng cốt, xung kích trong sự nghiệp bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, xứng đáng là lực lượng vũ trang trọng yếu của Đảng và Nhà nước, đáp ứng được sự tin cậy và lòng mong đợi của nhân dân.

Nhân dịp bước sang năm mới, mở đầu thế kỷ XXI và thiên niên kỷ mới, tôi xin gửi tới các đồng chí và qua các đồng chí tới toàn thể lực lượng Công an nhân dân lời chúc mừng và thăm hỏi thân thiết của Trung ương Đảng và Chính phủ.

Chúc các đồng chí mạnh khỏe,

Chúc Đại hội thành công.

Xin cảm ơn các đồng chí.

Báo *Nhân dân*, số 16613,
ngày 5-1-2001.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU
CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VII ĐẢNG NHÂN DÂN CÁCH MẠNG LÀO

Ngày 12 tháng 3 năm 2001

Thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,
Thưa các vị khách quốc tế,
Thưa các đồng chí và các bạn,

Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam rất vui mừng được tham dự Đại hội lần thứ VII Đảng Nhân dân Cách mạng Lào. Tôi xin chuyển đến Đại hội, đến Đảng Nhân dân Cách mạng Lào quang vinh và nhân dân các bộ tộc Lào anh hùng, lời chào mừng nồng nhiệt và những tình cảm anh em thắm thiết nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam.

Năm năm qua, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội VI, nhân dân các bộ tộc Lào đã vượt qua nhiều khó khăn thử thách, đạt nhiều thành tựu quan trọng và cơ bản trong sự nghiệp đổi mới: kinh tế tăng trưởng liên tục, chính trị ổn định, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, quan hệ quốc tế ngày càng được mở rộng, uy tín và vị thế của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế.

Đại hội lần thứ VII Đảng Nhân dân Cách mạng Lào tiến hành vào năm đầu thế kỷ XXI là một sự kiện có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong đời sống chính trị của đất nước Lào. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa VI của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào do đồng chí Khămtày Xiphăndon, Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào trình bày, là một văn kiện tổng kết thực tiễn phong phú và đúc rút kinh nghiệm quý báu của cách mạng Lào.

Trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với điều kiện thực tế của Lào. Báo cáo chính trị đã đề ra đường lối đúng đắn nhằm đưa sự nghiệp cách mạng Lào tiếp tục vững bước tiến lên trong những thập kỷ đầu thế kỷ mới; đồng thời nêu rõ mục tiêu phương hướng nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm trước mắt.

Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam nhiệt liệt chào mừng những thành tựu to lớn của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và của nhân dân các bộ tộc Lào anh em, coi đó là nguồn cổ vũ, sự ủng hộ quý báu đối với sự nghiệp của chính mình và tin tưởng chắc chắn rằng Đại hội lần thứ VII Đảng Nhân dân Cách mạng Lào sẽ tạo ra bước phát triển mới to lớn trong sự nghiệp đổi mới; tiếp tục xây dựng, củng cố và phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tạo các tiền đề vững chắc từng bước đưa đất nước Lào đi lên chủ nghĩa xã hội.

Nhân dịp này, chúng tôi xin chân thành cảm ơn và đánh giá cao sự ủng hộ chí tình và giúp đỡ to lớn, vô cùng quý báu mà Đảng và nhân dân Lào dành cho cách mạng Việt Nam từ trước tới nay, cũng như chủ trương của Đại hội tiếp tục không ngừng tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai Đảng và nhân dân hai

nước chúng ta, tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả sự hợp tác đó trong giai đoạn mới.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Mặc dù còn nhiều khó khăn, công cuộc đổi mới 15 năm qua ở Việt Nam đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng, tạo đà vững chắc cho việc phát triển đất nước trong những thập kỷ tới.

Sắp tới đây, Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, nhằm tổng kết kinh nghiệm 15 năm đổi mới, 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; tiếp tục cụ thể hóa, bổ sung và hoàn thiện đường lối, chính sách; xác định phương hướng, nhiệm vụ trong những năm đầu thế kỷ XXI: Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Chúng tôi thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế theo phương châm Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Chúng tôi coi trọng và ra sức phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước láng giềng; mở rộng quan hệ, từng bước nâng cao hiệu quả và chất lượng của sự hợp tác với các nước trong tổ chức ASEAN, cùng xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình, không có vũ khí hạt nhân, ổn định, hợp tác cùng phát triển; tiếp tục củng cố và mở rộng

quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, các nước độc lập dân tộc, các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Trung Đông và Mỹ Latinh, các nước trong phong trào Không liên kết; ủng hộ lẫn nhau cùng phát triển, phối hợp bảo vệ lợi ích chính đáng của nhau; thúc đẩy quan hệ đa dạng với các nước phát triển và các tổ chức quốc tế, tích cực hoạt động ở các diễn đàn đa phương. Đảng Cộng sản Việt Nam củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết và hợp tác với các đảng cộng sản và công nhân, với các đảng cánh tả, các phong trào giải phóng và độc lập dân tộc, với các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới, đồng thời cũng sẵn sàng có quan hệ với các chính đảng khác trên nguyên tắc bình đẳng vì mục tiêu hòa bình, độc lập, hợp tác và phát triển.

Chúng tôi chủ trương chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả của hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, giữ vững an ninh quốc gia, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái.

Chúng tôi tham gia và ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới nhằm loại trừ các loại vũ khí và phương tiện chiến tranh giết người hàng loạt, bảo vệ hòa bình, chống nguy cơ chiến tranh và chạy đua vũ trang, chống chính sách cường quyền, can thiệp, bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự lựa chọn con đường phát triển của mỗi dân tộc trên thế giới, góp phần xây dựng một trật tự kinh tế - chính trị quốc tế dân chủ, công bằng, hợp lý và ổn định.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Việt Nam vô cùng tự hào có người bạn chiến đấu kiên cường, người đồng chí

thủy chung, người anh em thân thiết là Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và nhân dân các bộ tộc Lào anh hùng.

Tình hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chủ tịch Cayxỏn Phômvihản cùng nhiều thế hệ cách mạng của hai Đảng, hai nước chúng ta dày công vun đắp, được tôi luyện trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài của hai dân tộc, đã trở thành mối quan hệ quốc tế mẫu mực, thủy chung, trong sáng; là tài sản vô giá của nhân dân hai nước chúng ta. Chúng tôi nguyện làm hết sức mình để bảo vệ và không ngừng phát triển mối quan hệ truyền thống tốt đẹp đó trong thời kỳ mới, nhằm đạt hiệu quả thiết thực vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình, ổn định và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

Với tình cảm đồng chí, anh em thân thiết, chúng tôi tin tưởng sâu sắc rằng Nghị quyết Đại hội lần thứ VII Đảng Nhân dân Cách mạng Lào sẽ soi đường chỉ lối cho nhân dân các bộ tộc Lào vững bước tiến lên, giành nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa trong công cuộc đổi mới, xây dựng thành công một nước Lào hòa bình, độc lập, dân chủ, thống nhất và phồn vinh.

Kính chúc Đại hội VII Đảng Nhân dân Cách mạng Lào thành công rực rỡ.

Đảng Nhân dân Cách mạng Lào quang vinh, người tổ chức và lãnh đạo mọi thắng lợi của cách mạng Lào muôn năm!

Tình hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Việt Nam - Lào đời đời bền vững!

Xin cảm ơn các đồng chí và các bạn.

Báo *Nhân dân*, số 16677,
ngày 13-3-2001.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ NÔNG ĐỨC MẠNH
TẠI LỄ KHAI GIẢNG NĂM HỌC MỚI 2001 - 2002
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Ngày 17 tháng 9 năm 2001

Thưa các đồng chí đại biểu, các thầy giáo, cô giáo,
Các em học sinh, sinh viên thân mến,

Nhân dịp khai giảng năm học mới, thay mặt các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, tôi thân ái gửi tới các giáo sư, các nhà khoa học, các thầy giáo, cô giáo, các cán bộ, nhân viên, các em học sinh, sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội lời chúc mừng nồng nhiệt nhất. Tôi cũng thân ái gửi tới các thầy giáo, cô giáo, các cán bộ, nhân viên trong ngành giáo dục và đào tạo cùng đội ngũ đông đảo học sinh, sinh viên cả nước lời chúc sức khỏe và thành đạt nhân dịp bắt đầu năm học mới 2001 - 2002, năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đưa dân tộc ta vững bước tiến vào thế kỷ XXI.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Nhân loại đã bước vào thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới với những biến đổi to lớn, ghi đậm những dấu ấn cực kỳ sâu sắc. Sự phát triển mạnh mẽ của thế giới trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là về khoa học và công nghệ, đã tạo ra thời cơ mới, đồng thời cũng đặt ra cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta những thử thách to lớn. Trên cơ sở giữ vững mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, trong những thập niên đầu của thế kỷ mới, mục tiêu của Đảng ta đã xác định là phải tăng GDP (tổng sản phẩm quốc nội) của đất nước lên gấp đôi sau mỗi thập niên, phấn đấu đến năm 2010 đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển, đến năm 2020 đưa nước ta căn bản trở thành một nước công nghiệp. Đây là mục tiêu chiến lược và là thử thách có ý nghĩa sống còn đối với sự phát triển của dân tộc ta trong thời kỳ mới. Ngày nay, cuộc đấu tranh cho sự bình đẳng giữa các dân tộc không chỉ là bình đẳng về chính trị, mà còn phải bình đẳng cả về kinh tế, văn hóa và về cơ hội phát triển. Kinh tế không đủ mạnh, không làm chủ được công nghệ hiện đại, không vươn tới để chiếm lĩnh được những đỉnh cao của khoa học - kỹ thuật, không chấn hưng được đất nước thì không thể nói đến bình đẳng thực sự. Dân tộc ta đã trải qua mấy nghìn năm đấu tranh kiên cường để dựng nước và giữ nước, từ một dân tộc nô lệ và đói nghèo, Việt Nam đã trở thành một dân tộc đứng vào hàng ngũ các dân tộc tiên phong đấu tranh vì tự do và độc lập. Đó cũng chính là sức mạnh truyền thống to lớn để hôm nay chúng ta tiếp tục vững bước trong cuộc đấu tranh chống nghèo nàn và lạc hậu,

nhằm xây dựng một nước Việt Nam công nghiệp hóa, hiện đại hóa, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh cùng sánh bước với các dân tộc phát triển trên thế giới trong thế kỷ mới. Tuy nhiên, sự phát triển với tốc độ cao trong xu thế toàn cầu hóa về kinh tế của thế giới ngày nay, một mặt tạo ra cho các quốc gia thời cơ lớn để phát triển, mặt khác đặt ra những thách thức rất lớn phải vượt qua để giữ vững độc lập tự chủ trong quá trình cạnh tranh gay gắt về kinh tế, đồng thời cũng làm nảy sinh những tiêu cực mới do chủ nghĩa thực dụng, làm xói mòn truyền thống đạo đức và bản sắc văn hóa dân tộc. Hơn lúc nào hết, phát huy truyền thống quý báu của dân tộc, bảo tồn bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc trong cuộc đấu tranh xây dựng xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa, ngày càng hiện đại và văn minh, luôn là nhiệm vụ hàng đầu của sự nghiệp cách mạng nước ta.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Mục tiêu chiến lược và yêu cầu bức xúc trên đây đã xác định vai trò then chốt của khoa học - công nghệ và vị trí quốc sách hàng đầu của công tác giáo dục và đào tạo, trong đó có vai trò đặc biệt quan trọng của giáo dục đại học. Các trường đại học vừa là các trung tâm nghiên cứu khoa học công nghệ lớn, vừa là nơi đào tạo chủ yếu nguồn nhân lực trí tuệ cho đất nước. Do đó, trong công cuộc đổi mới nền giáo dục nước nhà, phải dành cho hệ thống giáo dục đại học sự quan tâm và đầu tư thích đáng, để hệ thống giáo dục đại học luôn phát triển tương xứng với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và phát triển ngang tầm với hệ thống đại học trong khu vực và trên thế giới. Mặt khác, bản thân hệ

thống giáo dục đại học, mà trực tiếp là các trường đại học phải không ngừng tự đổi mới để phát triển, đặc biệt là nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng thực sự của văn bằng, chứng chỉ. Không ngừng chăm sóc, bồi dưỡng các thầy giáo, cô giáo và nâng cao chất lượng các giáo trình là những yếu tố có ý nghĩa quyết định để nâng cao chất lượng dạy và học, đào tạo được một đội ngũ trí thức trẻ có lòng yêu nước nồng nàn, có trình độ trí tuệ cao, có ý chí chấn hưng đất nước, có đạo đức trong sáng, hết lòng phục vụ nhân dân, có thể lực cường tráng..., đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp phát triển đất nước. Cần chăm lo, khuyến khích những tài năng trẻ ngay từ trong nhà trường, giúp đỡ những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn trong đời sống, để cho mọi thanh niên có ý chí và năng khiếu ở mọi vùng của đất nước thuộc các dân tộc đều có thể thành đạt trên con đường đạt tới học vấn bậc cao.

Trong thời đại ngày nay, tri thức phải trở thành một lực lượng sản xuất trực tiếp, đáp ứng kịp thời và nhạy bén những yêu cầu bức xúc và đa dạng của cuộc sống. Các trường đại học cần gắn bó chặt chẽ hơn nữa với thực tế sản xuất và đời sống và cần nhận thức được sức sống của mình từ chính trong thực tế sản xuất của đất nước và đời sống của đồng bào, thực hiện phương châm "Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với đời sống xã hội". Làm sao để các trường đại học cùng đội ngũ các nhà trí thức khoa học - công nghệ ngày càng gắn bó với đồng nghiệp, với công nhân, nông dân, góp phần lớn hơn và hiệu quả thiết thực hơn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, coi trọng các vùng trọng điểm kinh tế, đồng thời quan

tâm nhiều hơn nữa các vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo và những vùng còn nhiều khó khăn. Theo tinh thần đó, bên cạnh các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học phục vụ thực tiễn rất phong phú của các cán bộ giảng dạy đại học, tôi hoan nghênh Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các trường đại học, cao đẳng trong cả nước đã phát động và triển khai phong trào sinh viên tình nguyện. Đây là việc làm tốt không chỉ đối với các địa phương mà còn có ý nghĩa giáo dục thiết thực đối với thế hệ trẻ hôm nay khi được sống trong thực tế sinh động của đất nước mình, của nhân dân mình. Tuy nhiên, phong trào này cần phải đổi mới hơn nữa, thiết thực hơn nữa, để không chỉ là những cuộc động viên có tính hình thức mà phải đem lại hiệu quả cụ thể, không phải chỉ có một bộ phận sinh viên tham gia mà tất cả mọi sinh viên đều là những chiến sĩ tình nguyện. Mỗi trường đại học, cao đẳng có thể đăng ký kết nghĩa với một tỉnh, một huyện, một xã, nhất là các địa phương vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số để đưa phong trào thanh niên tình nguyện trở thành một phong trào xã hội sâu rộng, thường xuyên và là một hoạt động giáo dục bổ ích cho học sinh, sinh viên cả nước.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Đại học Quốc gia là một mô hình đại học mới. Sau 8 năm xây dựng và phát triển của các đại học quốc gia, trong đó có Đại học Quốc gia Hà Nội đã khẳng định chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta trong đổi mới hệ thống giáo dục đại học. Tôi nhiệt liệt biểu dương Đảng bộ và tập thể cán bộ, học sinh, sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội về những thành tích

mà các đồng chí đã đạt được trong thời gian qua. Sự khẳng định chủ trương đúng đắn đó chỉ có thể thể hiện trong thực tế chất lượng giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Phát huy truyền thống vẻ vang gần nửa thế kỷ xây dựng và phát triển của các trường đại học thành viên, với nghị lực và những kinh nghiệm quý báu trong những năm đầu xây dựng và phát triển, tôi tin rằng Đảng bộ, cán bộ và sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội cũng như Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình trong giai đoạn phát triển mới theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa mà Đại hội IX của Đảng đã đề ra, xây dựng thành công các trung tâm đào tạo đại học và nghiên cứu khoa học chất lượng cao, ngang tầm với các đại học có uy tín trong khu vực và quốc tế, xứng đáng với niềm tin và lòng mong muốn của Đảng, Chính phủ và nhân dân.

Các em học sinh, sinh viên thân mến,

Đảng và nhân dân ta rất tự hào về thế hệ trẻ Việt Nam, trong đó có tuổi trẻ học đường của thời kỳ đổi mới. Phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc anh hùng, thế hệ trẻ Việt Nam hôm nay đang gánh vác trọng trách lớn lao cùng dân tộc vững bước tiến vào thế kỷ mới - thế kỷ của trí tuệ, của khoa học và công nghệ, của kinh tế tri thức. Kiên trì học tập, mạnh dạn suy nghĩ, sáng tạo và ra sức rèn luyện, phát huy tinh thần tự học, tự hoàn thiện tri thức và nhân cách với hoài bão lớn vươn tới những đỉnh cao của khoa học công nghệ, có phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam, với bản lĩnh vững vàng, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu hòa bình, giàu lòng vị tha và nhân ái, có lối sống trong sạch, giản dị,

văn minh lịch sự, có đủ sức khỏe để có thể đảm đương sứ mệnh phát triển đất nước và hội nhập bình đẳng với bạn bè trên thế giới trong thời kỳ mới. Đó là những gì mà Đảng và nhân dân ta luôn kỳ vọng ở thế hệ trẻ, trong đó có tuổi trẻ học đường hôm nay. Hãy phấn đấu để luôn xứng đáng với lời dạy và lòng mong ước của Bác Hồ kính yêu: "Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em".

Tôi cũng rất mong các cô giáo, thầy giáo thi đua dạy tốt, nêu gương sáng về mọi mặt cho các em học sinh, sinh viên.

Nhân dịp khai giảng năm học mới, tôi xin gửi đến các giáo sư, các nhà khoa học, các thầy giáo, cô giáo, các cán bộ, nhân viên, các em học sinh, sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội lời chúc sức khỏe và thành đạt. Chúc Đại học Quốc gia Hà Nội tiếp tục phát triển lớn mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình, phấn đấu trở thành lá cờ đầu và tiêu biểu của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam trong thế kỷ mới.

Xin trân trọng cảm ơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

MỤC LỤC

Trang

- *Lời giới thiệu tập 60* V
- Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu khai mạc Hội nghị lần thứ 11 (lần 1) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, ngày 6 tháng 1 năm 2001 1
- Bản trình bày của Bộ Chính trị, số 211/TLHN, ngày 15 tháng 1 năm 2001 về ý kiến thảo luận của Trung ương đối với dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội IX 5
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 (lần 1) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, số 16-NQ/TW, ngày 16 tháng 1 năm 2001 về việc giao cho Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa các văn kiện chuẩn bị trình Đại hội IX và chuẩn bị Tờ trình về phương hướng nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa IX 19
- Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu bế mạc Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, ngày 16 tháng 1 năm 2001 21
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 62-CT/TW, ngày 12 tháng 2 năm 2001 tăng cường công tác giáo dục quốc phòng toàn dân trước tình hình mới 28

- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 63-CT/TW, ngày 28 tháng 2 năm 2001 về đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn 32
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 358-TB/TW, ngày 7 tháng 3 năm 2001 về những vấn đề cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 44
- Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu khai mạc Hội nghị lần thứ 11 (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, ngày 13 tháng 3 năm 2001 47
- Bản trình bày của Bộ Chính trị, số 219/TLHN, ngày 12 tháng 3 năm 2001 về việc tiếp thu ý kiến góp ý vào Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội IX của Đảng (trình Hội nghị Trung ương 11, lần 2) 51
- Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu bế mạc Hội nghị lần thứ 11 (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, ngày 24 tháng 3 năm 2001 78
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 65-CT/TW, ngày 2 tháng 4 năm 2001 về lãnh đạo đại hội phụ nữ các cấp tiến tới Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ IX 83
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 363-TB/TW, ngày 2 tháng 4 năm 2001 về dự án Luật di sản văn hóa 87
- Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu khai mạc Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, ngày 7 tháng 4 năm 2001 89
- Bản trình bày của Bộ Chính trị, số 245/TLHN, ngày 5 tháng 4 năm 2001 về việc tiếp tục hoàn chỉnh dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 và

Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 sau Hội nghị Trung ương 11 (lần 2) trình Hội nghị Trung ương lần thứ 12 (khóa VIII) 91

- Bản trình bày của Bộ Chính trị, số 249/TLHN, ngày 5 tháng 4 năm 2001 về việc tiếp tục hoàn chỉnh dự thảo Báo cáo chính trị sau Hội nghị Trung ương 11 (lần 2) (trình Hội nghị Trung ương 12 khóa VIII) 99
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, số 18-NQ/TW, ngày 10 tháng 4 năm 2001 về thông qua dự thảo các văn kiện trình Đại hội IX; thông qua chương trình, quy chế, số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa IX; giao cho Bộ Chính trị chỉ đạo Tiểu ban tổ chức phục vụ Đại hội và các cơ quan chức năng tiếp tục chuẩn bị chu đáo để Đại hội IX thành công tốt đẹp 105
- Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu bế mạc Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, ngày 10 tháng 4 năm 2001 108
- Báo cáo của Bộ Chính trị, số 262/TLHN, ngày 9 tháng 4 năm 2001 về việc tiếp thu ý kiến của Trung ương tại Hội nghị Trung ương 12 khóa VIII để chỉnh lý các dự thảo văn kiện trình Đại hội IX của Đảng 110
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 66-CT/TW, ngày 10 tháng 4 năm 2001 về lãnh đạo Đại hội Cựu chiến binh các cấp nhiệm kỳ III 113
- Diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam (do đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, trình bày sáng ngày 19 tháng 4 năm 2001) 116

- Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về các văn kiện tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng do đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu trình bày, ngày 19 tháng 4 năm 2001) 121
- Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, tháng 4 năm 2001) 160
- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 (Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, tháng 4 năm 2001) 229
- Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 (Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, tháng 4 năm 2001) 287
- Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng (Báo cáo tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, tháng 4 năm 2001) 379
- Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2001) 411
- Danh sách Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX 442

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam 453
- Diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam (Do đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX trình bày ngày 22 tháng 4 năm 2001) 455
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 01-CT/TW, ngày 29 tháng 5 năm 2001 về việc phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng 462
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị số 01-TB/TW, ngày 8 tháng 5 năm 2001 về việc thành lập Ủy ban Dự thảo, sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 468
- Thông báo của Ban Bí thư, số 02-TB/TW, ngày 10 tháng 5 năm 2001 kết quả Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX và kết luận của Bộ Chính trị về nhân sự 470
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 03-TB/TW, ngày 15 tháng 5 năm 2001 về tổ chức các lớp nghiên cứu đường lối, quan điểm của Đại hội IX đối với cán bộ lãnh đạo chủ chốt các ngành, các cấp 474
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 05-TB/TW, ngày 19 tháng 5 năm 2001 về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự 479
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 06-TB/TW, ngày 19 tháng 5 năm 2001 về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai 482
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 07-TB/TW, ngày 19 tháng 5 năm 2001 về dự án Luật hải quan 485

- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 08-TB/TW, ngày 19 tháng 5 năm 2001 về dự án Luật phòng cháy và chữa cháy và dự án Luật giao thông đường bộ 487
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 02-CT/TW, ngày 6 tháng 6 năm 2001 về lãnh đạo Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp tiến tới Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VIII 489
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 03-CT/TW, ngày 7 tháng 6 năm 2001 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII 492
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 09-TB/TW, ngày 7 tháng 6 năm 2001 về dự án Thủy điện Sơn La 497
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 11-TB/TW, ngày 9 tháng 6 năm 2001 về việc tham gia Đại hội Liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới lần thứ 15 502
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, ngày 9 tháng 6 năm 2001 505
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, số 02-NQ/TW, ngày 10 tháng 6 năm 2001 507
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, ngày 10 tháng 6 năm 2001 508
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 12-TB/TW, ngày 13 tháng 6 năm 2001 về Đại hội II Hội Người cao tuổi Việt Nam 515
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 14-TB/TW, ngày 27 tháng 7 năm 2001 về Đại hội VII Hội Chữ thập đỏ Việt Nam 518

- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 15-TB/TW, ngày 30 tháng 7 năm 2001 về Đề án "Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển doanh nghiệp nhà nước" 521
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 17-TB/TW, ngày 8 tháng 8 năm 2001 về quá trình đầu tư Dự án Sân vận động trung tâm 531
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 19-TB/TW, ngày 10 tháng 8 năm 2001 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 534
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, ngày 13 tháng 8 năm 2001 542
- Bản trình bày của Bộ Chính trị, số 21/TLHN, ngày 20 tháng 8 năm 2001 về việc tiếp thu ý kiến của Trung ương vào dự thảo Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương 548
- Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa IX, số 06-QĐ/TW, ngày 22 tháng 8 năm 2001 559
- Quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, số 07-QĐ/TW, ngày 22 tháng 8 năm 2001 về Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa IX 584
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, số 05-NQ/TW, ngày 24 tháng 9 năm 2001 về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước 599
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, ngày 22 tháng 8 năm 2001 622

- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, số 20-TB/TW, ngày 18 tháng 8 năm 2001 về đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) 636
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 21-TB/TW, ngày 5 tháng 9 năm 2001 về kế hoạch tổng kết nhiệm kỳ Quốc hội khóa X; việc rút ngắn nhiệm kỳ Quốc hội khóa X và nhiệm kỳ hội đồng nhân dân; việc chuẩn bị Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa X 640
- Quyết định của Ban Bí thư, số 10-QĐ/TW, ngày 25 tháng 9 năm 2001 về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII của Điều lệ Đảng (kèm hướng dẫn) 642
- Thông báo ý kiến của Ban Bí thư, số 27-TB/TW, ngày 5 tháng 10 năm 2001 về Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ IX (nhiệm kỳ 2002 - 2007) 705
- Thông báo ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, số 30-TB/TW, ngày 19 tháng 10 năm 2001 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 709
- Thông báo ý kiến kết luận của Bộ Chính trị, số 31-TB/TW, ngày 23 tháng 10 năm 2001 về dự thảo Báo cáo 2 năm thực hiện Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và một số giải pháp đẩy mạnh cuộc vận động, ngăn chặn và đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí 716
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, số 32-TB/TW, ngày 30 tháng 10 năm 2001 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2002 và Kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 721
- Kết luận của Bộ Chính trị, số 01-KL/TW, ngày 5 tháng 11 năm 2001 về Đề án phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001 - 2010 730

- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khai mạc Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, ngày 5 tháng 11 năm 2001 739
- Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, số 31/TLHN, ngày 26 tháng 10 năm 2001 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí 744
- Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, số 02-KL/TW, ngày 19 tháng 11 năm 2001 việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 766
- Kết luận của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, số 03-KL/TW, ngày 19 tháng 11 năm 2001 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2002, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 775
- Kết luận của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, số 04-KL/TW, ngày 19 tháng 11 năm 2001 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí 779
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh bế mạc Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, ngày 13 tháng 11 năm 2001 792
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 33-TB/TW, ngày 7 tháng 11 năm 2001 về dự án Luật tổ chức Quốc hội (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội; Luật tổ chức Chính phủ (sửa đổi) và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2002 808

- Quyết định của Bộ Chính trị, số 13-QĐ/TW, ngày 10 tháng 11 năm 2001 về việc thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương 814
- Quy định của Bộ Chính trị, số 14-QĐ/TW, ngày 16 tháng 11 năm 2001 về thi hành Điều lệ Đảng 817
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 07-NQ/TW, ngày 27 tháng 11 năm 2001 về hội nhập kinh tế quốc tế 868
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 34-TB/TW, ngày 28 tháng 11 năm 2001 về Đề án công tác tư pháp 880
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 04-CT/TW, ngày 6 tháng 12 năm 2001 về việc tổng kết công tác tổ chức và cán bộ theo Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII), Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII) 886
- Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, số 06-KL/TW, ngày 24 tháng 12 năm 2001 về báo cáo tổng kết kinh tế hợp tác và hợp tác xã 1996 - 2000 và phương hướng, nhiệm vụ thời kỳ 2001 - 2010 892
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 35-TB/TW, ngày 25 tháng 12 năm 2001 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới 897
- Thông tri của Ban Bí thư, số 01-TT/TW, ngày 25 tháng 12 năm 2001 về việc tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị 22-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về công tác báo chí xuất bản 903
- Quyết định của Ban Bí thư, số 16-QĐ/TW, ngày 27 tháng 12 năm 2001 về việc thành lập Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại 907

- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 38-TB/TW, ngày 28 tháng 12 năm 2001 về chế độ đối với quân nhân, công nhân quốc phòng có thời gian tham gia kháng chiến chống Pháp trước ngày 20-7-1954 đã phục viên (giải ngũ, thôi việc) từ ngày 31-12-1960 về trước 913

PHỤ LỤC 915

- Tuyên bố chung Việt Nam - Liên bang Nga 917
- Tuyên bố chung Việt Nam - Hàn Quốc 925
- Tuyên bố chung Việt Nam - Inđônêxia 929
- Tuyên bố chung Việt Nam - Brunây Đarútxalam 934
- Tuyên bố chung Việt Nam - Campuchia 937
- Tuyên bố chung Việt Nam - Trung Quốc 941
- Phát biểu của Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Công an Trung ương lần thứ III, ngày 4 tháng 1 năm 2001 948
- Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, ngày 12 tháng 3 năm 2001 958
- Phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tại lễ khai giảng năm học mới 2001 - 2002 Đại học Quốc gia Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2001 963

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. HOÀNG PHONG HÀ
Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. VŨ TRỌNG LÂM

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ THINH
NGUYỄN THỊ HƯƠNG
ThS. NGUYỄN THỊ THU TRANG
Trình bày bìa: ThS. PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính: LÂM THỊ HƯƠNG
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: NGUYỄN HƯƠNG - THU TRANG

Mã số: 3KV(060)"2001"
CTQG - 2016

In 3.033 cuốn khổ 15x22 cm, tại Công ty In Tiến Bộ,
175 Nguyễn Thái Học, Hà Nội.
Số đăng ký xuất bản: 574-2016/CXBIPH/17-06/CTQG.
Quyết định xuất bản: Số 328/QĐ/NXBCTQG, ngày 05 tháng 5 năm 2016
Mã số ISBN: 978-604-57-2343-2
In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2016.